Tuyển Tập

NHỚ HUẾ

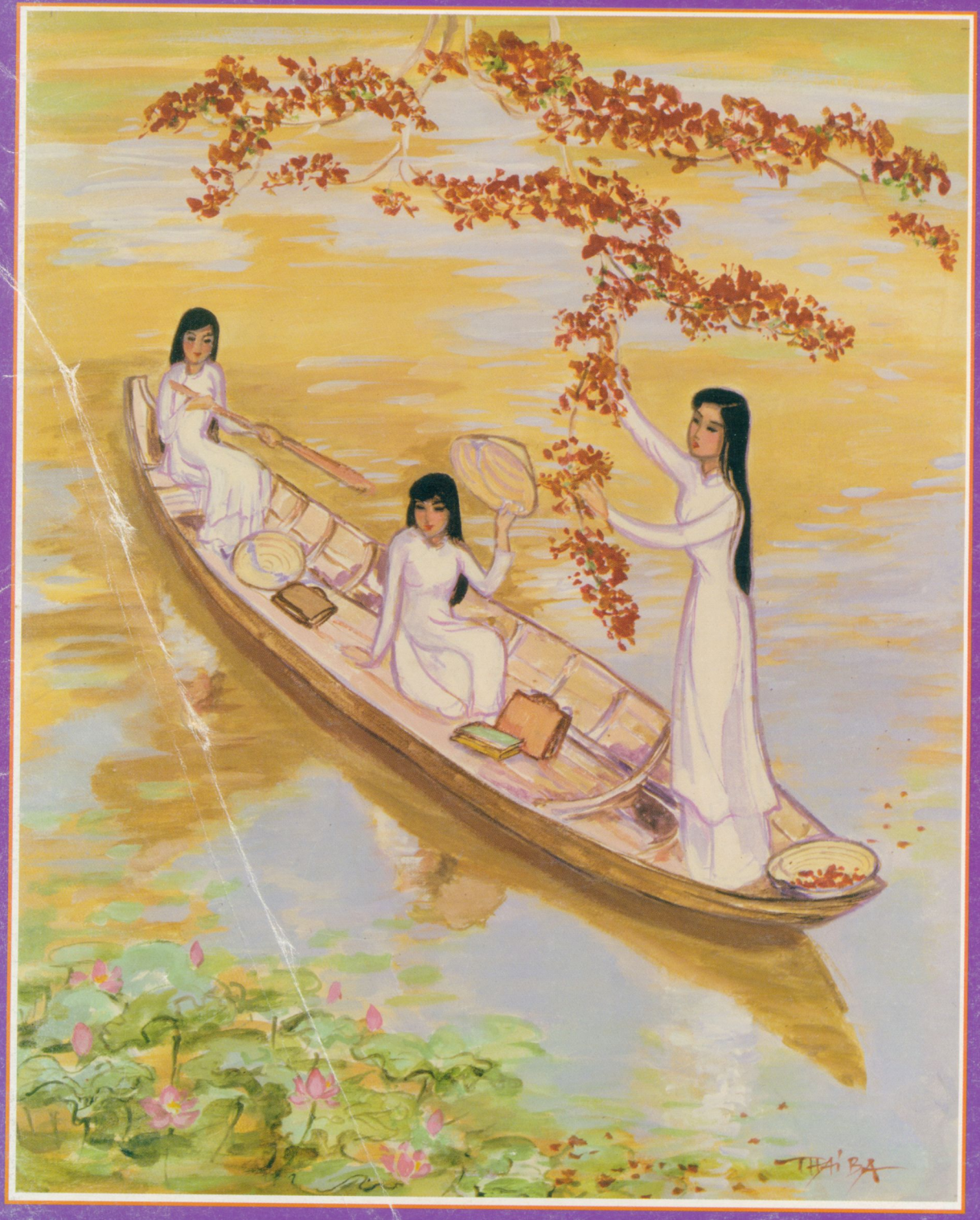

SỐ 6 ★ 1994 - 1995

COSMETICARE
PLASTIC SURGERY SPECIALISTS

VIỆN GIẢI PHẪU THẨM MỸ UY TÍN VÀ LỚN NHẤT

CHUYÊN SỬA NHỮNG GÌ VỀ SẮC ĐẸP CHO PHÁI NỮ VÀ PHÁI NAM

Do một nhóm Bác sĩ Chuyên khoa Thẩm mỹ phụ trách
dưới sự điều khiển của Bác sĩ:

MICHAEL W. NICCOLE

- *Member American Society of Plastic and Reconstructive Surgeons, Inc.*
- *Board Certified and Qualified Plastic Surgeons (Bác sĩ Chuyên khoa của khoa Giải phẫu Thẩm mỹ)*

- ★ *Mắt hai mí, cắt thịt dư mí mắt dưới.*
- ★ *Mũi cao, thon đẹp, cánh mũi, môi, cằm.*
- ★ *Làm ngực căng, tròn mềm mại, đẹp tự nhiên bằng chất nước biển.*
- ★ *Căng da mặt, mài da mặt, làm mờ sẹo, rỗ*
- ★ *Hút mỡ bụng, mỡ đùi, căng da bụng*
- ★ *Chỉnh hông và mông tròn trịa.*

- ▼ Có Video để Quý vị trông thấy diễn tiến cuộc giải phẫu thẩm mỹ.
- ▼ Hoàn toàn không đau vì dùng kỹ thuật thuốc mê.
- ▼ Bảo đảm an toàn vì có chuyên viên về tim và gây mê theo dõi sức khỏe của Quý vị.

Xin Gọi: ***PHƯƠNG HIỀN***

3500 S. Bristol sT. #200 • Santa Ana, CA 92704

(714) 850-1533 or 476-8538

NGOÀI TIỂU BANG CALIFORNIA, TOLL FREE 1-800-954-6243 - CÓ CHỖ DÀNH CHO QUÝ KHÁCH PHƯƠNG XA

TUYỂN TẬP NHỚ HUẾ

Nhóm Chủ Trương:

Ban Tổ Chức
Ngày Nhớ Huế
Miền Nam California

Chủ Biên:

Võ Văn Tùng

Ban Biên Tập:

Nguyễn Văn Y • Nguyễn Ngọc Thanh • Nguyễn Văn Hưng • Tôn Thất Tùng • Hoàng Giao • Nguyễn Khoa Thiều • Hồ Văn Phú • Nguyễn Đình Mô • Thái Bá • Thái Doãn Ngà • Hoàng Thi Thao

Kỹ Thuật:

Phan Đắc Khôi

Hình bìa và Trang Trí:

Thái Bá

Thư từ, bài vở, ngân phiếu ủng hộ, xin vui lòng gởi về:

Tuyển Tập Nhớ Huế
9559 Bolsa Ave., Suite D
Westminster, CA 92683
Phone: (714) 531-5754
Fax: (714) 895-9044

Những bài vở đăng trong ***Tuyển Tập Nhớ Huế*** *không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ Trương và do người viết hoàn toàn chịu trách nhiệm. Trích dịch xin nêu rõ xuất xứ.*

Tâm sự với Huế

Tuyển Tập Nhớ Huế lại được hân hạnh đến tay đồng hương qua số 6 nhân Ngày Nhớ Huế 1994 tại miền Nam Cali. Cùng góp mặt trên văn đàn với gần một chủ đích có Tiếng Sông Hương ở Dallas, Lá Thư Phượng Vỹ ở Houston, Giai Phẩm Nhớ Huế ở Washington D.C. Tập San Phượng Vỹ Toronto, Đặc San Quốc Học Đồng Khánh ở San Jose, tất cả đều đăng những biên khảo công phu, những tùy bút độc đáo, những kỷ niệm rất dễ thương dành cho Huế.

Niềm nhớ thương rào rạt ấy bây giờ không còn khắc khoải trong tâm tư chúng ta như những năm đầu sống tha hương vì sự liên lạc giữa lục địa Mỹ với Quê Mẹ không còn bế tắc nữa. Đã có nhiều người về thăm Huế. Nhiều Video quay phong cảnh Huế được gởi qua nườm nượp như gọi mời.

Ai có về Huế trở lại cũng phải công nhận Cố Đô vẫn đẹp như xưa. Sông Hương, Núi Ngự, Chùa Thiên Mụ, Cầu Tràng Tiền, Bến Thương Bạc... cảnh cũ vẫn còn đó, oai phong và hùng vỹ, nhưng có mấy ai tìm lại được bầu không khí của Huế cách đây hai thập niên.

Người về buồn nhất là cảm thấy mình lạc lõng, bơ vơ, giống tâm trạng của một người xa lạ sống trên chính quê hương của mình. Cho nên người cùng cảnh ngộ vẫn cần có nơi để tâm sự, để kể cho nhau nghe những kỷ niệm, những chuyện vui buồn ngày xưa..., ở Cố Đô.

Đó là lý do của sự tồn tại các Tập San viết về Huế, liên hệ đến Huế, trong đó có Tuyển Tập Nhớ Huế. Thời gian tồn tại được bao lâu nữa còn tùy ở cảm hứng của người viết, sự đón nhận của người đọc và nhất là ngân khoản đủ để chi phí cho việc ấn loát và phát hành.

Tuyển Tập Nhớ Huế số 6 này ra mắt bạn đọc được, chắc chắn là nhờ sự đóng góp quý báu của các học giả, các nhà văn, các tác giả thân hữu khắp nơi cùng các nhà hảo tâm đã giúp phương tiện để thực hiện.

Thay mặt Nhóm Chủ Trương và Ban Biên Tập, xin chân thành cảm tạ.

Westminster, tháng 8/94

• *Võ Văn Tùng*

Với sự góp mặt của:

Bản Anh • Vĩnh Bội • Bồng Phạm Văn Thoại • Thái Bá • Huỳnh Hữu Cửu • Nam Cát • Nhã Ca • Minh Vũ Hồ Văn Châm • Lê Thị Kim Cương • Trúc Chi • Hà Huyền Chi • Võ Văn Đạt • Trần Đoàn • Hoàng Đức • An Nguyễn Kiều Mỹ Duyên • Hoàng Giao • Bùi Bích Hà • Bạch Thu Hà • Tôn Nữ Hoài Hương • Nguyễn Văn Hưng • Hà Thúc Như Hỷ • Phượng Hàm • Phan Tôn Nữ Hà • Vân Hòa • Nguyên Hà • Thế Hoàng • Võ Đình Hữu • Tôn Thất Hứa • Phan Mộng Hoàn • Nguyễn Thị Hiệp • Thái Văn Kiểm • Hồ Trọng Khôi • Đồng Sĩ Khiêm • Đoàn Khoách • Trần Trọng Khoái • Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh • Tâm Lạc T.T.D • Lê Văn Lân • Dương Công Liêm • Hoàng Liên • Nguyễn Khoa Diệu Lê • Duy Lam • Lê Phước Lộc • Thái Kim Lan • Thiên Thanh Như Lý • Nguyễn Văn Minh • Mai Kim Ngọc • Trịnh Lâm Ngân • Nguyễn Ngọc Nhâm • Hồ Văn Phú • Nguyễn Huy Phước • Nguyên Pháp • Hoàng Phong • Nguyễn Diệu Phương • Trần Quang • Lê Khắc Ngọc Quỳnh • Bùi Văn Sớm • Võ Văn Tùng • Nguyễn Ngọc Thùy Trang • Trần Dạ Từ • Chi Điền Hoàng Duy Từ • Nguyễn Phúc Vĩnh Tung • Dạ Triều • Hương Thủy Hoàng Trọng Thược • Tôn Thất Tùng • Thanh Toàn • Kiêm Thêm • Nguyễn Hữu Thứ • Nguyễn Ngọc Kiều Trang • Nguyễn Ngọc Quỳnh Trang • Võ Long Tê • Hoàng Trúc Tiên • Nguyễn Phúc Bửu Tập • Nguyễn Khoa Thiều • Đinh Việt Thủy • Lê Quang Tiềm • Tôn Thất Tuệ • Nhất Tuấn • Nguyễn Ngọc Thanh • Minh Đức Hoài Trinh • Thiên Tứ • Hoài Việt • Nguyễn Văn Y

Tuyển Tập Nhớ Huế số 6

Ấn phẩm Đặc Biệt kỷ niệm

Đệ Thập Nhất Chu Niên

Ngày Nhớ Huế 28 - 8 - 1994

tại miền Nam Cali.

Nội Dung

- Tâm sự với Huế - *Võ Văn Tùng* . . . 1
- Những mùa Xuân của Thi Ông Ưng Bình Thúc Gia - *Thái Văn Kiểm* . . . 5
- Huế - *Mai Kim Ngọc* . . . 15
- Thắng cảnh Tư Dung - *Đoàn Khoách* . . . 21
- Sanh điếu - *Hoàng Trọng Thược* . . . 27
- Lên chùa - *Trúc Chi* . . . 31
- Thi cử thuở xưa ở đất Thần Kinh Huế - *Lê Văn Lân* . . . 35
- Một bài hát cũ - *Nhã Ca* . . . 46
- Làng tôi kẻ Đột - *Nguyễn Thị Hiệp* . . . 55
- Đôi ý kiến của một người Huế về nền túc cầu ở Bắc Mỹ - *Nguyễn Hữu Thứ* . . . 58
- Mộng Du Thi Xã và Báo Phụ Nữ Tân Tiến xuất bản ở Huế - *Võ Long Tê* . . . 68
- Sưu tầm về chùa Báo Quốc - *Nguyễn Phúc Bửu Tập* . . . 73
- Nhật ký viết từ Huế: Những dặm đường quê hương - *Phan Mộng Hoàn* . . . 78
- Hương thời gian - *Nam Cát* . . . 86
- Tiếng chuông Thiên Mụ - *Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh* . . . 90
- Những ngày vàng son của đội bóng Trường Quốc Học 55-58 - *Trần Đoàn* . . . 94
- Bác tôi nhà thơ Nguyễn-Khoa Vy tự Thảo-Am - *Nguyễn Khoa Thiều* . . . 99
- Lê Quý Đôn với Thuận Hóa - *Tôn Thất Tùng* . . . 104
- Trở về - *Võ Văn Tùng* . . . 107
- Lấy chồng Huế - *Nguyên Hà* . . . 115
- Huế ngày mai - *Hoàng Giao* . . . 122
- Vài dữ kiện về Nguyễn Văn Tường - *Tôn Thất Hứa* . . . 126
- Thư viết cho con gái lúc dọn nhà - *Bùi Bích Hà* . . . 145
- Chuyện ngày xưa - *Bản Anh* . . . 148
- Giai thoại văn chương: Ngày về - *Chi Điền Hoàng Duy Từ* . . . 151
- Vì đâu nên nỗi - *Dương Công Liêm* . . . 153
- Thất thủ Kinh Đô - *Nguyễn Khoa Diệu Lê* . . . 156
- Viết cho Huế - *Nguyễn Ngọc Nhâm* . . . 159
- Cánh hồng bay bổng... - *Thái Kim Lan* . . . 166
- Đường phượng bay - *Hoàng Phong* . . . 169
- Ngày xưa yêu dấu - *Võ Đình Hữu* . . . 173
- Những đứa con của Huế - *Võ Ngũ Bình Phương* . . . 175
- Trường Bà Tuần - *Lê Văn Lân* . . . 178
- Bộ mặt Huế 1994... - *Trần Quang* . . . 185
- Con bướm trắng - *Nguyễn Diệu Phương* . . . 187

Thơ:

- Huế đầy - *Hà Huyền Chi* . . . 18
- Phú Xuân thành hoài cảm - *Trúc Chi* . . . 30
- Tình hoài hương - *Thanh Toàn* . . . 34
- Như Huế, như em ta đã ngó được - *Kiêm Thêm* . . . 45
- Mẹ Huế - *Nguyên Hà* . . . 54
- Huế - *Nguyễn Văn Y* . . . 57
- Nếu bây giờ anh nhớ em - *Bồng* . . . 72
- Huế buồn - *Thiên Tứ* . . . 83
- Nhớ Vỹ Dạ - *Phùng Mai* . . . 98
- Ngự trị - *Trần Dạ Từ* . . . 106
- Đời một thành phố - *Ngô Đình Chương* . . . 112
- Huế - *Mai Kim Ngọc* . . . 125
- Thương nhớ trường Quốc Học Huế - *Lê Quang Tiềm* . . . 144
- Chiều Thuận An - *Hương Thủy* . . . 147
- Tuổi nào hư hao - *Phan Mộng Hoàn* . . . 168

LỜI CẢM TẠ ÂN NHÂN

NGÀY NHỚ HUẾ VÀ TUYỂN TẬP NHỚ HUẾ.

Ban Tổ Chức Ngày Nhớ Huế
tại miền Nam California
xin chân thành cảm tạ quý vị
ân nhân đã góp công, của
để giúp chúng tôi thực hiện
Tuyển Tập Nhớ Huế số 6, 1994
và tổ chức Ngày Nhớ Huế 1994
được thành công tốt đẹp.

Ban Tổ Chức Ngày Nhớ Huế
Miền Nam California

★ Ô. Thái Bá
★ ÔB. Hoàng Trọng Bách
★ Ô. Lê Bá Chư
★ Ô.B Trần Dật
★ Ô.B Võ Đình Đắc
★ Ô Võ Văn Đạt
★ Ô.B Bùi Đồng
★ Ô.B Hoàng Giao
★ Ô.B Nguyễn Văn Hưng
★ Ô.B Trần Tiển Khanh
★ Ô.B Trang Kiên
★ Ô.B Dương Công Liêm
★ Ô.B Hoàng Tuấn Lộc
★ Ô.B Nguyễn Đình Mô
★ Ô.B Thái Doãn Ngà
★ Ô.B Hồ Văn Phú
★ Ô.B Nguyễn Ngọc Thanh
★ Ô.B Hoàng Thi Thao
★ Ô.B Nguyễn Khoa Thiều
★ Ô.B Nguyễn Tấn Thọ
★ Ô.B Hoàng Ngọc Trác
★ Ô.B Trần Tuệ
★ Ô.B Tôn Thất Tùng
★ Ô.B Võ Văn Tùng
★ Ô.B Nguyễn Văn Y

Những Mùa Xuân của Thi Ông Ưng Bình Thúc Giạ

Hương Giang
Thái Văn Kiểm

Giữa mùa Hạ Nhâm Thân 1992, tôi hân hạnh nhận được Thi tập *THƠ CA* của *Ưng Bình Thúc Giạ Thị* (Tuyển), ấn hành bởi nhà Xuất Bản Thuận Hóa, mà nữ sĩ Tôn Nữ Hỷ Khương, ái nữ của Cụ, đã có nhã ý gởi tặng với mấy giòng ưu ái, nhắn nhủ *"nhớ mãi Quê Hương mình, qua câu hò điệu hát còn vang vọng mãi trên giòng nước trong xanh của Con Sông Hương đầy thơ mộng, núi Ngự Bình nên thơ"*.

Sách dày 510 trang, bìa trước in hình ảnh của một cô gái Huế yêu kiều, đang gảy đàn tỳ bà nơi phượng các, còn bìa sau có in chân dung của Thi Ông, do Phan Chi bút họa. Thi Tập gồm có 5 phần:

1. Lời Giới thiệu.
2. Thơ chữ Việt.
3. Thơ chữ Hán.
4. Ca Huế.
5. Ca Trù.
6. Hò.
7. Tuồng.

Tất cả đều do Nữ sĩ Hỷ Khương dày công sưu tập, sắp xếp có thứ tự rõ ràng và trông coi công việc ấn loát, với tấm lòng hiếu thảo hiếm có và niềm ngưỡng mộ chân thành của những nhà hảo tâm thiện ý trong Nước và ngoài Nước.

Xuyên qua Lời Giới Thiệu của *Vương Hồng* (viết nhằm tháng 11 năm 1991), chúng ta được biết những nét chính yếu về Thân thế và Sự nghiệp của Thi Ông Ưng Bình Thúc Giạ:

Ưng Bình Thúc Giạ quê phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, sinh ngày 9 tháng 3 năm 1877, mất ngày 4 tháng 4 năm 1961. Ông là cháu nội Tuy Lý Vương Miên Trinh, một nhà thơ danh tiếng với *Vỹ Dạ Hợp Tập*.

Chúng ta nên tìm hiểu ý nghĩa hai chữ *Vỹ Dạ, thôn Vỹ* mà từ xưa tới nay đã có nhiều văn nhân thi sĩ ca ngợi, trong đó có nhà thơ Hàn Mặc Tử, tác giả bài thơ bất hủ *"Đây Thôn Vĩ"* mở đầu với mấy câu:

Sao anh không về thăm thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Thuở thanh bình tôi đã về Vỹ Dạ nhiều lần, để viếng thăm các Cụ Ưng Bình Thúc Giạ và Thảo Am Nguyễn Khoa Vi. Các Cụ đã ân cần giải thích cho tôi là kẻ hậu sinh hai chữ Vỹ Dạ, mà đáng lẽ phải viết là *Vi Dã*, theo chữ Hán, có nghĩa là *Cánh Đồng Lau Sậy*: *Vi, vi lô* là lau sậy; *Dã, Dạ* (theo giọng Huế) là cánh đồng, đồng quê. Còn một chữ nữa là *Địch* cũng có nghĩa là lau sậy, lau lách, như ta thấy trong bài *Trường Ca Tì Bà Hành* của Bạch Cư Dị:

Tầm dương giang đầu dạ tống khách
Phong diệp địch hoa thu sắt sắt.

mà Phan Huy Vịnh xưa kia đã dịch ra thơ như sau:

Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách,
Quạnh hơi thu, lau lách đìu hiu.

Thế là chúng ta đã hiểu thấu nguyên nghĩa của địa danh *Vĩ Dạ*, quê quán của nhà thơ danh tiếng, đồng thời cũng là nguồn cảm hứng và nơi hành hương của nhiều văn nhân thi sĩ. Còn ba chữ *"Thúc Giạ Thị"* có nghĩa là dòng họ (thị) nơi hoang vu (hoang dã) của chú (thúc), vốn là đàn em Tùng Thiện Vương.

Thân sinh của nhà thơ Ưng Bình là Cụ Tiểu Thảo Hường Thiết, Hiệp tá Đại Học Sĩ, con của Tuy Lý Vương. Thân mẫu là bà Nguyễn Thị Huệ, thông thạo chữ Hán, có cảm tác nhiều thơ Nôm. Cụ Ưng Bình đỗ Cử Nhơn Hán học năm 1909, tốt nghiệp Trường Quốc Học Huế, giỏi tiếng Pháp, đã đỗ đầu kỳ thi Ký Lục năm 1904. Ông ra làm quan trên ba mươi năm, lúc về hưu trí Cụ được Vua ban hàm Thượng Thư, Hiệp Tá Đại Học Sĩ.

Về hưu được ít lâu, Cụ được triệu ra giữ chức Viện Trưởng Viện Dân Biểu Trung Kỳ, niên khóa 1939 - 1940. Cụ cũng đã đảm nhiệm chức vụ Hội Trưởng Hội Truyền Bá Quốc Ngữ Trung Kỳ từ 1940 đến 1945.

Theo ký giả Vương Hồng thì "tuy làm quan suốt cả đời người, Cụ Ưng Bình không màng danh lợi, ghét nịnh hót, luồn cúi và:

Ghét cụm bèo trôi che bóng nước,
Giận chòm mây nổi khuất vành trăng."

Phẩm hàm, chức tước của Triều Đình và Nhà Nước Bảo Hộ ban cho, Cụ tỏ thái độ xem thường đến mức châm biếm. Thêm một chức tước đối với Cụ, giống như *"Hàng ghế dịch lên năm bảy tấc"*, thăng một ngạch trật quan trường, chỉ là *"Thẻ bài thêm lớn một vài ly"*.

Sự nghiệp Thơ Ca của Cụ, do bà Hỷ Khương kiểm điểm, bằng Việt Ngữ trên 1000 bài, còn thơ chữ Hán có *"Lộc Minh Thi Tập"* gồm 227 bài, hát bộ có vở Tuồng *Lộ Địch* dựa theo cốt truyện *Le Cid* của Pierre Corneille, nhưng đoạn sau thì hoàn toàn thay đổi, đã được trình diễn nhiều lần trong hai năm 1937 và 1938.

Ngoài ra, Cụ còn sáng tác vở tuồng *Tào Lao*, lấy cốt truyện cổ, có tính cách trào lộng. Những Thơ ca và Tuồng đã xuất bản trước kia, gồm có: *Tình Thúc Giạ (1942), Đời Thúc Giạ (1961), Bán Buồn Mua Vui (1954), Tuồng Lộ Địch* (xuất bản lần đầu năm 1936, tái bản năm 1959), mà chúng tôi còn giữ được một ấn bản 1936, Imprimerie Tiếng Dân (của Cụ Huỳnh Thúc Kháng) 123 rue Đông Ba, Huế, với lời đề tặng Pháp Ngữ như sau:

"À Monsieur Paul DOUDET, Directeur des Archives et des Bibliothèques de l'Indochine" Homages de l'auteur: 31.3.42, Ký tên: *Ưng Bình*, Đóng dấu chữ triện *"Thúc Giạ Thị Bình"*.

Mở đầu quyển *Tuồng Lộ Địch* có bài Tựa của Giáo Sư Ưng Quả, Tốt nghiệp Thủ Khoa Trường Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội ngày xưa, ân cần giới thiệu tác giả Pierre Corneille và dịch giả Ưng Bình, đồng thời lược thuật cốt truyện Lôi Xích (Le Cid) với những thay đổi cần thiết của dịch giả. Giáo Sư Ưng Quả, cũng như GS Từ Ngọc Nguyễn Lân, cùng với GS Bửu Cân, tác giả Hán Việt Thành Ngữ (1933) là những bậc Thầy của tôi, đã cho tôi nhiều ánh sáng trong thời niên thiếu, nơi Trường Quốc Học. Và hơn mười năm sau khi Cụ mất, ái nữ Hỷ Khương đã góp nhặt một số ca hò để in thành *"Tiếng Hát Sông Hương"* (1972), với ít nhiều tính cách thời sự.

Và mở đầu Thi Tập *Thơ Ca* của Cụ Ưng Bình, chúng ta rất cảm xúc đọc bài thơ *Khóc Cha* của Nữ Sĩ Tôn Nữ Hỷ Khương, mà chúng tôi xin chép đoạn tiêu biểu như sau:

Khóc Cha

.....
Cha với con như bóng với hình,
Vui già tóc bạc, trẻ mày xanh.
Mến đời Lý Đỗ, say ngâm vịnh,
Ưa thú thanh nhàn, cảnh đẹp xinh.
Mà nay cha vội bỏ đi đâu?

Nỡ để mình con dạ héo sầu.
Một bóng, một mình, con lủi thủi
Ra vào ngơ ngẩn suốt canh thâu!
Hôn cha, giã biệt, lệ tuôn trào.
Càng nghĩ, càng thêm nỗi ngán ngao!
Có có, không không, không lại có,
Cuộc đời như một giấc chiêm bao!

(Tôn Nữ Hỷ Khương)

Sinh tiền, Thơ Ca của Cụ đã cảm tác với mùa Xuân, ngày Xuân, hội hè, đình đám thì nhiều lắm, thật ra kể không hết, có bài đã ghi trong sách, có bài còn nằm trong ký ức của các bô lão, và cũng có nhiều bài đã đương nhiên nhập vào ký ức quần chúng (mémoire collective) như là của chung của thiên hạ, kho tàng của nhân dân, đúng với thành ngữ "Văn thành công khí".

Theo truyền thống gia phong, mỗi độ Xuân về Tết đến, Cụ Thúc Giạ đều khai bút đề thơ, yết tại nhà và gởi tặng Thi Hữu khắp nơi, từ Nam chí Bắc, với những lời cầu chúc cổ điển:

Minh niên khai bút, bút khai hoa,
Vạn sự giai thành, phúc lộc đa:
Đa tử, đa tôn, đa phú quí,
Đắc tài, đắc lộc, đắc vinh hoa.

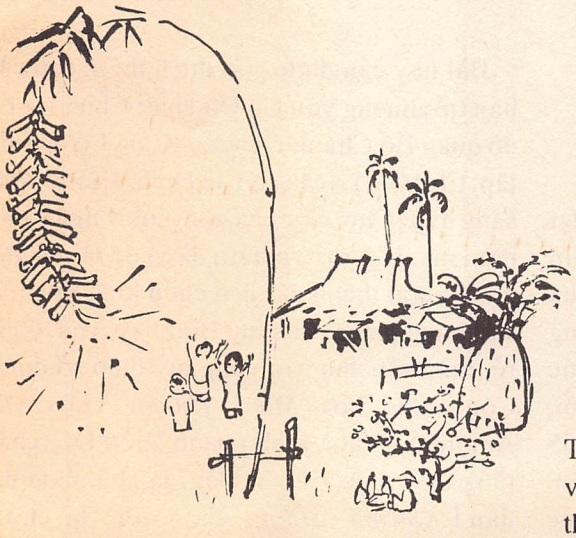

Ban ngày thì đốt hương trầm, khấn vái tổ tiên, tiếp nhận những lời chúc tụng của con cháu và gia nhân, quá Ngọ thì mở rộng môn quan để đón tiếp thân hữu gần xa, nâng cốc mừng xuân, thi ca xướng họa, mạn đàm đông tây kim cổ.

Đêm tới thì các Cụ rủ nhau đi dạo sông Hương, sông Bồ, qua ngã Ba Sình, với vài ba tiểu đồng xách lồng đèn, theo thói người xưa ưa *"cổ nhân bỉnh chúc"* ("carpe diem" của người La Mã), nhìn trời nước mông lung mà ngâm vịnh, như được diễn tả trong bài thơ:

Đêm Xuân cùng bạn dạo thuyền
Chơi Trăng sông Bồ

Con thuyền vững lái gió không bê,
Ra giữa dòng khơi mái cạy xê.
Trộ sáo sông sâu chài bủa cá,
Tiếng tiêu đồng ruộng trẻ chăn dê.
Gương in bóng nước đôi vành nguyệt,
Liễu triệu ngành xuân mấy dặm đê.
Cụm lách ngửa nghiêng bầu Lý Bạch,
La Phù một giấc cũng đà ê.

(Thúc Giạ, 1920)

Tám năm sau, 1928, nhìn Cây Nêu Ngày Tết Mậu Thìn, Cụ Thúc Giạ đã cảm tác bài thơ sau đây:

Cây Nêu Ngày Tết.

Cây nêu ngoài ngõ ngó vu vơ,
Kẻ chán tin xuân kẻ đợi chờ.
Cái én đưa thoi dồn tuổi mới,
Con tằm kéo chỉ vẹn lòng xưa.
Hỏi bao nhiêu Tết từng qua lại?
Thưa: bốn nghìn năm có lẻ thừa.
Chửa biết mai sau còn mấy nữa,
Tỉnh, say, cười khóc với hơn thua.

Đầu năm 1929, nhân Cụ làm Án Sát Hà Tĩnh, Cụ đã hành hương làng Tiên Điền, viếng mộ thi bá Nguyễn Du (1765 - 1820), thắp nén hương chiêu hồn thi bá số một của nước Việt, đồng thời kính dâng bài thơ sau đây:

Kính điếu mộ Cụ Nguyễn Du.

Áo xiêm triều Nguyễn lúc khai ky,
Chạnh nỗi Lê vong đã thế thì!
Sóng vỗ sông Lam mòi Ngụ Tử,
Mây giăng ngàn Hống Hạc Đình Uy.
Bể dâu một cuộc đời không mấy
Hương lửa ba sanh bạn thiếu gì.
Hồn Cụ có thiêng e cũng biết,
Văn chương quốc ngữ chuyện đời ni.

Bài trên này có nhiều điển tích mà chúng ta nên tìm hiểu: mòi Ngụ Tử là ngọn sóng biểu trưng hồn Ngũ Tử Tư, một danh tướng thời xưa bên Tàu. Ngàn Hống là Hồng Sơn 99 ngọn Hồng Lĩnh, mộ Nguyễn Du táng tại làng Tiên Điền, phía bắc chân núi Hồng Sơn, giáp bờ sông Lam về phía nam. Còn Hạc Đình Uy là theo điển Đình Lệnh Uy hóa hạc về đậu trên trụ biểu, mà chiêm ngưỡng thành quách xây dựng từ xưa.

Đến năm 1931 thì Cụ Ưng Bình được bổ nhiệm Tuần Vũ tỉnh Phú Yên; để ghi nhớ ngày vào đây, Cụ cảm tác một bài thơ nhan đề: **Tiết Trùng Dương ở Phú Yên**, tức là Trùng Cửu (mồng chín tháng chín), mà chúng tôi xin chép lại toàn bài:

Năm ngoái trùng dương đỉnh núi Hồng,
Năm nay lại đỉnh Núi Cù Mông.
Nhành ngô đã muộn khi thay lá
Cụm lách bưa vừa tiết trổ bông.
Gảy khúc Nam Ai thêm chạnh nhớ,
Ngâm câu Đường Đệ những ngùi trông.
Non xưa cảnh cũ nhìn quen lạ,
Ai khách mà ai lại chủ ông?

Với bài thơ này, Cụ Thúc Giạ đã nhắc lại một biến cố lịch sử xa xưa nửa thế kỷ: Năm Nhâm Thân (1872), Công tử Tuy Lý bị vua Tự Đức buộc đi an trí ở Phú Yên, sau những âm mưu biến loạn tại Huế bị dập tắt. Lúc bấy giờ, cậu bé Ưng Bình mới lên 7 tuổi, phải theo ông nội vào đây. Nay chừ, đã 55 tuổi, lại trở về trấn nhậm Tuần Vũ Phú Yên, thành ra cảm thấy bùi ngùi trong tấc dạ! Lúc nhàn hạ, Cụ dạo chơi bờ sông Cầu, nhìn bèo trôi nước chảy mà:

Cảm thương danh lợi cả hai thằng,
Kẻ chống người chèo bộ xí xăng.
Ghét cụm bèo trôi che bóng nước,
Giận chòm mây nổi khuất vành trăng!

Gần Tết năm Giáp Tuất (1934), Cụ Ưng Bình về hưu nơi Giang Hương Vỹ Dạ, lúc bấy giờ Cụ mới được 57 tuổi, là vì Cụ có ngỏ ý với Triều đình: Cụ muốn về hưu sớm, để vui thú điền viên và cầm kỳ thi họa. Tết năm ấy, Cụ hoan hỷ ăn Tết nơi quê nhà với bầu đoàn thê tử, canh mục ngư tiều, cho hợp với sở nguyện của Cụ, từ nay phong trần nhẹ gánh:

Khoa danh có sẵn, quan quyền có,
Của cải không gì, ruộng đất không.

Và đây là bài:

Tết năm Giáp Tuất

Tết mấy năm xưa ở tỉnh đường,
Ngày rày ăn Tết ở Gia Hương.
Ba La lễ Phật chùa quan Bố,
Gia Lạc chen người chợ Đức Vương.
Mùi áo Bông Bay chưng lắm vẻ,
Nước hoa Viễn Đệ có mười thương.
Chuyện đời mới mãi theo năm mới,
Nhưng cũng trong vòng sắc với hương.

(Thúc Giạ, 1934)

Bài này cần được giải thích thêm cho các bạn trẻ thương yêu Cố Đô Huế: Chùa Ba La do quan Bố Chánh Nguyễn Khoa Luận kiến lập. Chợ Gia Lạc là chợ do Định Viễn Vương sáng lập. Chợ này chỉ đông một ngày đầu năm mà thôi, mà vui lắm, là vì đó là nơi gặp gỡ của trai thanh gái lịch chốn kinh kỳ, mặc sức trang phục với hàng Bombay Ấn Độ giá rẻ, màu sắc như cầu vồng tùy theo sở thích. Còn nước hoa *Mười Thương* (Les Dix Amours) do nhà kinh doanh Viễn Đệ (cháu tằng tôn Định Viễn Vương) là chủ nhơn thứ dầu *Khuynh Diệp*, chế với lá tràm (Melaleuca leucadendron L.) mà các cô thời đó ưa thích cả hai thứ, thì còn lo nỗi gì?

Đầu năm sau, 1935, Cụ Thúc Giạ cũng mừng Xuân với bài thơ Đường luật như thường lệ:

Hoa đào cợt gió liễu giăng tơ,
Gặp chúa xuân đâu dám hững hờ.
Thăm viếng nhau không người ở bạc,
Ăn chơi cũng lắm chuyện tình cờ.
Giật mình đứa trẻ châm phong pháo,
Vách mảy thầy nho mở túi thơ.
Vận cũ chúc mừng năm mới tới
Ngâm nga nhớ lại cảnh giao thừa

(Thúc Giạ, 1935)

Tiếp đến là năm Bính Tý (1936), Cụ ngẫu hứng "mầng" một bài, lời thơ trong suốt, ý tứ thâm trầm, tâm tình nhạy cảm, xem chừng như Cụ còn trẻ trung yêu đời lắm:

Mỗi năm thoi én mỗi đưa dồn,
Rạng bóng thiều quang vẻ nước non
Giồi phấn văn minh em rủ chị,
Ra trường khiêu vũ bố thua con!
Tro tàn chữ Hán nhen còn được,
Rượu lạt nhà Nho uống cũng ngon.
Ngay thảo khuyên nhau chừng nấy chuyện,
Dám đâu tóc bạc đổi lòng son.

(Thúc Giạ, 1936)

Tháng 11 năm ấy, Cụ Thúc Giạ đi "Ô Tô" ra xem Hội Chợ Hà Nội, bạn đồng du là vợ chồng ông Đỗ Phong, bà Đốc Sử, với cô Phùng Xuân. Đúng trưa thì dừng xe nơi phà Quảng Khê (Sông Gianh, tức Linh Giang, cũng gọi là sông Ranh, làm ranh giới hồi xưa cho Đàng Ngoài (Bắc Hà) và Đằng Trong (Nam Hà), để ăn cơm trưa. Cụ nhớ ngày trước, có làm Án Sát Quảng Bình, thường ra Sông Gianh đưa đón các thượng khách, nhiều khi phong ba dồn dập, đò lật như chơi. Nay về hưu, Cụ được đi du ngoạn thong thả, tự do, nên cảm thấy thích thú hơn trước, không còn bận bịu lợi danh, sân si hoa mắt. Cụ có để lại bài thơ:

Tiết trọng Đông dạo chơi Hà Nội

Hỏi tiết bưa vừa tiết trọng đông,
Ở nơi Long Quận rét như đồng.
Theo đoàn trẻ dạo đi chơi với,
Thử sức già coi có mạnh không?
Làm khách cũng chung phiên Hội Chợ,
Hơn ai là thấy cảnh vườn bông.
Chả lo chi lạnh choàng thêm áo,
Sẵn quán Đông Hưng quán rượu nồng,

(Thúc Giạ, 1936)

Đây là Chợ Phiên Hà Nội thứ 13. Còn Vườn Bông ghi trên đây là Vườn hoa của kỹ sư Nông Chánh tại làng Ngọc Hà, gần Hà Nội. Vườn này ở phía Nghi Tàm (Hồ Tây) trồng đủ thứ hoa, đua nở quanh năm, trong vườn có đường đi qua lại ngay thẳng. Cụ nói: *"Không thấy một cánh hoa rụng, một cái lá rụng trên bồn hoa, hoặc ở lối đi, chúng tôi tình cờ được vào xem, thật là một cuộc du lãm có nhân phước đặc biệt!"*

Còn quán Đông Hưng là phạn điếm trứ danh Hà Thành, chuyên làm các thứ bánh trong dịp Tết và Trung Thu, ngày nay vẫn còn thịnh hành.

Từ Hà Nội trở về Huế, Cụ phải trông coi việc tập luyện đào kép sắp diễn tuồng *Lộ Địch*, phỏng theo tuồng Pháp *Le Cid* của Pierre Corneille. Ngày mồng 4 tháng giêng Đinh Sửu, nhằm ngày chủ nhật 14 Fevrier 1937, liền sau 3 ngày Tết, Tuồng Lộ Địch đã được Cụ Thúc Giạ phiên chuyển sang Việt Ngữ với nhiều thay đổi, để cho phù hợp với luân lý Á Đông, đã long trọng khai diễn tại

rạp Bà Tuần, ở Ngã Giữa, tức là đường Đông Ba, Huế. Rạp này của Bà Đặng Ngọc Oánh, chồng bà đã từng làm quan to nơi Phủ Thống Sứ Bắc Kỳ, về sau được chuyển sang ngành Hành Chánh cao cấp ngoài Bắc (Tuần Vũ), lúc hưu trí thì về Huế rồi mất. Bà vợ mở rạp Đồng Xuân Lâu quen gọi là Rạp Bà Tuần.

Tuồng Lộ Địch đã được Cụ Thúc Giạ thay đổi đoạn cuối, nơi phần nói về viễn tượng Nhà Vua khuyên Chi Mạnh nên để cho thời gian băng bó vết thương lòng, rồi sẽ lấy chồng là Lộ Địch, vừa là người yêu, vừa là kẻ thù đã giết cha mình để phục hận cho cha đã bị hạ nhục bởi cha của Chi Mạnh. Về đoạn này, Cụ Thúc Giạ đã có sáng kiến đặc biệt Á Đông, buộc nường Chi Mạnh phải xuống tóc đi tu nơi chốn Thiền môn, cố gắng tiêu sầu giải muộn với kinh kệ nâu sồng, thoát khỏi bờ mê, trở về bến giác...

Cụ Thúc Giạ đã nhẹ nhàng ghi lại một công tác văn hóa đặc biệt đã từng đánh dấu với hòn bạch thạch, cuộc gặp gỡ giữa Đông và Tây, qua Tuồng Lộ Địch, với diễn viên người Việt, với ca nhạc Việt, và nhất là cuộc mở màn (lever de rideau) theo kiểu Đông Phương: có vai kép chánh bịt khăn đen và áo rộng xanh ra đứng giữa sân khấu, đọc chúc lời Giáo đầu như sau:

"Phong hòa vũ thuận, hải yến hà thanh, non sông rạng vẻ thái bình, cây cỏ khoe màu thạnh trị, nhà nhà phu phỉ, chốn chốn ăn chơi, trước vũ đài trông lắm trò vui, trên văn án tìm thêm vẻ lạ, dũ màn Đông Á, xem truyện Tây Âu, nét phong tao, mỉa chuyện hồng lâu, tranh thanh tú cũng phường bạch bích, trai tài là Lộ Địch, gái sắc gọi Chi Manh, xi xăng xe múi tơ mành, bỗng chốc hừng cơn lửa đỏ, gương đại hiếu soi cùng kim cổ, gươm vô tình thẹn với non sông, cắn răng bẻ một chữ đồng, mở mắt chia hai hàng lụy, nỗi oán ân, câu phi thị, cơn biến huyễn, sự hy kỳ, tỉnh say, cười, khóc mấy khi, nam, khách, niêu nồi đủ chuyện, xem qua vừa một quyển, kể lại đặng đôi hồi, xin khách quan lặng lặng mà coi, tuồng hát gọi là Đông Lộ Địch".

Đông Lộ Địch là phiên âm phương danh của Don Rodrigue, vai chánh trong tuồng, còn Chi Manh là hương danh của đào thương Chimène. Cả hai vai đều do đàn bà, con gái sắm: vai Lộ Địch do "ấu phụ" Phương Lan, 25 tuổi, đóng, còn vai Chi Manh do cô Hữu Hạnh, 18 tuổi sắm, khiến chúng ta thời nay nhớ tới Hát Bộ (Nô) của Nhật Bản và phần nào của Trung Hoa, phần nhiều ngược lại, nghĩa là đàn ông đóng vai đàn bà. Và đồng thời, chúng ta cũng nhớ tới Tuồng cổ Phụng Nghi Đình, trong đó có màn Lã Bố hí Điêu Thuyền, cả hai vai được trình diễn bởi cô Phùng Há và cô Bích Thuận, hoặc ngược lại, đều xuất sắc cả.

Việc trình diễn Tuồng Lộ Địch đã được Cụ Thúc Giạ ghi lại trong bài thơ sau đây:

Khai diễn tuồng Lộ Địch.

Rạp hát Vương tôn đã khoát màn,
Đã ra sân khấu giữa Tràng An.
Hiếu tình ngắm rõ gương bi kịch,
Thanh sắc mừng thêm vẻ lạc quan.
Giá ngọc treo cho đào Hữu Hạnh,
Nhà vàng dựng để kép Phương Lan.
Ham vui điệu cũ câu tuồng mới,
Tri kỷ xin chào bạn khán quan

(Thúc Giạ, 1937)

Lần lữa tháng ngày, chẳng mấy chốc mà đã tới năm Mẹo (1939). Cụ Thúc Giạ khai xuân với bằng hữu qua một cuộc *"Xuân du phương thảo địa"* nơi Hồ Tịnh Tâm trong Kinh thành Huế, mà Cụ còn ghi lại trong bài thơ:

Cảnh Hồ Tịnh Tâm

Tháng giêng năm Mẹo bữa mồng hai,
Vô Tịnh Tâm chơi buổi tốt trời.
Mừng tuổi tiếng oanh reo trước gió
Tin xuân cái én liệng ngoài khơi.
Mày xanh liễu lại giăng tơ mới,
Môi thắm sen chưa trổ nụ cười.
Vòi vọi thần tiên đâu chẳng thấy,
Lòng theo mặt nước cũng vơi vơi

(Thúc Giạ, 1939)

Giữa năm 1939, nhà thơ Quách Tấn gởi tặng Cụ Thúc Giạ cuốn *"Một Tấm Lòng"*, Cụ cũng ghi lại tấm lòng vàng của nhà thơ miền Nam Trung:

Cảm tạ nhà thơ Quách Tấn

Một quyển Ly Tao một tấm lòng,
Lẫy lừng ngọn bút Quách thi ông.
Bầu trời mở rộng kho trăng gió,
Mặt đất chưng đầy cảnh núi sông.
Ngọc thốt vàng reo xen lẫn tiếng,
Sa thêu gấm dệt rõ ràng bông.
Thanh bình điệu cũ ưa người mới,
Bạn tác mình đây tê cũng đông.

(Thúc Giạ, 1939)

Đến năm Canh Thìn (1940) cuộc Thế chiến đã lan tràn khắp nơi trên địa cầu. Cụ Thúc Giạ, nhằm ngày Tết, cũng gắng nâng cốc rượu gượng mừng Xuân, nhưng cũng thốt đôi lời than thở trước thời cuộc biến loạn đảo điên, chưa biết đưa nhân loại đi về đâu. Và đây là bài thơ nửa vui nửa buồn của Cụ:

Tết Canh Thìn 1940

Chưa rồi Đông Á đã Tây Âu,
Cuộc chiến tranh lan cả địa cầu.
Ông Tạo vần xây chi rứa mãi,
Chúa Xuân qua lại cũng đà lâu.
Đóa hoa Thượng Uyển mừng mưa móc,
Chén rượu Sa Trường khóc bể dâu.
Tình gọi anh em chung bốn biển:
Thái Bình hai chữ chúc cho nhau.

(Thúc Giạ, 1940)

Vào tiết Thanh Minh năm ấy, Cụ Thúc Giạ đã tiếp và tặng Cụ Mộng Nham Lê Nhữ Lam (Tiến Sĩ Nho học, Đông Cung Giáo Đạo của Thái Tử Vĩnh Thụy như Tây du học, trong 10 năm, 1922 - 1932, Cụ mới về nước) bài thơ sau đây:

Gởi Mộng Nham Lê Nhữ Lâm

Sự nghiệp thầy Nho rứa cũng hay,
Dạy vua, vua nhớ mãi ơn Thầy.
Cắp tay mấy quyển văn Tiền Hán
Hộ giá mười năm cõi Thái Tây.
Lưu giản túi thi tình tự đó,
Tương tư chén rượu tiễn đưa này.
Tiện đây cho hỏi khi làm Sứ
Thêm chuyện năm châu chép mỏng dày?

(Thúc Giạ, 1940)

Cụ Lê Nhữ Lâm quê quán làng Vân Trình, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên, giáp giới với tỉnh Quảng Trị, có con sông Ô Lâu chảy qua, cạnh làng Chí Long của Cụ Nguyễn Tri Phương. Cha tôi kể rằng: Cụ Lê Nhữ Lâm, lúc ở bên Pháp để "dạy vua" thường hay nói với Thái Tử Vĩnh Thụy rằng tên Thầy là *Lê Dữ Lắm* (nói theo giọng Huế), nhằm khuyên đệ tử nên coi chừng mà chăm lo học hành!

Đến năm Nhâm Ngọ (1942), Tết đến mà chiến tranh thế giới vẫn còn tiếp diễn, khiến Cụ thán Xuân với thi cuộc nhiễu nhương:

Nhâm Ngọ năm ni cũng rứa à!
Cũng bầu thế giới rộn kinh qua,
Mỹ Anh đang phá vòng vây Nhật,
Phổ Ý chưa rồi mặt trận Nga.
Mừng tuổi chinh phu trên chiến địa,
Thương xuân thiếu phụ ở quê nhà.
No say lẫn dưới trời Nam Việt,
Lặng lặng chờ nghe tiếng khải ca.

(Thúc Giạ, 1942)

Đến năm Quí Mùi (1943), Cụ Thúc Giạ khai xuân bằng một cuộc dạo phố mà Cụ có ghi nhiều chi tiết trong bài:

Dạo Phố Ngày Xuân

Rảo đường Gia Hội đến Pôn Be (1)
Tức cảnh câu thi lại ngứa nghề.
Chú Chệt mừng xuân không đốt pháo,
Anh Mường dạo phố cũng ngồi xe!
Nhiều cô Đất mới bôi son cũ,
Đôi chỗ Hàng dinh giữ mực quê
Ngưỡng mặt nhìn xem câu quảng cáo,
Năm nay chữ tốt lấn năm tê.

(Thúc Giạ, 1943)

Lần lữa đã tới năm Ất Dậu 1945, là năm mốc xảy ra lắm chuyện, can qua Nhật Pháp bùng nổ giữa đêm 25 qua ngày 26 tháng giêng, tức là đêm 9 rạng 10 tháng 3 Dương Lịch, khiến cho nước ta lâm vào vòng chiến, thay ngôi đổi chủ một cách bất ngờ! Và đây là bài thơ lược thuật vừa chính xác, vừa trào lộng:

Nhật Pháp Chiến tranh

Tháng giêng năm Dậu tối hăm lăm,
Súng đạn mô đây tiếng nổ rầm.
Đốp đốp lượt ba rồi lượt bảy,
Đùng đùng canh một đến canh năm.
Ngỡ đêm trừ tịch nhưng không phải,
Gọi tiết Nguyên Tiêu cũng chẳng nhằm.
Tảng sáng vừa nghe tin chiến trận,
Ngậm ngùi chi xiết nỗi kinh tâm!

(Thúc Giạ, 1945)

Sau cuộc đảo chính Nhật, đến tiết Thu thì nghe tin vua Bảo Đại thoái vị trên Lầu Ngọ Môn (25/8/1945), rời Cố Đô Huế ra thẳng Thăng Long nhận chức Tối Cao Cố Vấn của Chính Phủ Cách Mạng. Cụ bùi ngùi cảm tác bài thơ bày tỏ nỗi niềm riêng tư của mình trước thời cuộc:

Vua Bảo Đại thoái vị

Nỏ tiếc không thương cái bệ rồng,
Ngự xe cờ phất đến Thăng Long.
Trải qua non nước nhìn quanh rạng.
Ngoảnh lại lâu đài bỏ trống không.
Gió tạc cánh thu chim ngái tổ,
Trăng soi cửa cấm nhện dăng mùng.
Có ai vô Nội cho mình hỏi:
Thần Tử còn lưa lại mấy ông?

(Thúc Giạ, 1945)

Đầu năm Bính Tuất 1946, nhằm ngày Tết, Cụ Thúc Giạ dạo chơi thành Nội, nhìn cảnh cũ đìu hiu, nhớ người xưa, nay mất dạng, mà cảm thấy xúc động, ray rứt trong lòng, bèn ghi lại đôi chút tâm tình trong bài thơ:

Ngày Tết năm Bính Tuất

Ngày Tết năm nay chẳng ngự Triều,,
Ngó vô trong Nội cảnh buồn thiu.
Ngựa ra cửa khuyết chưa mòn dấu,
Én liệng sân chầu đã đóng rêu.
Rầm rọt kiếm cung oai tướng sĩ,
Ủ ê son phấn bạn đồng liêu.
Biết ai nhắn hỏi vài câu chuyện,
Trước Ngọ Môn lâu buổi xế chiều.

(Thúc Giạ, 1946)

Cuối năm 1946, Cụ Thúc Giạ phải đột ngột lên đường chạy giặc Việt Minh đột kích quân đội Pháp, đôi bên nổ súng dữ dội, già trẻ lũ lượt sang sông, tìm đường về quê để tránh bom đạn, khiến Cụ vừa chạy, vừa *"nực cười cho lão tánh phiêu phiêu"*:

Đi lánh nạn

Nực cười cho lão tánh phiêu phiêu,
Đợi nước lên trôn mới nhảy liều.
Mang gói giã từ thôn Vỹ Dạ,
Sang sông ở trọ xóm Giang triều.
Trăng lồng, gió lọt, đêm thê thảm,
Rèm mát, phên xưa, cảnh quạnh hiu.
Nhưng rứa không lo mà khỏi sợ,
Hơn nơi nệm gấm lẫn màn thêu.

(Thúc Giạ, 1946)

Đầu năm Canh Dần 1950, Cụ Thúc Giạ lại được mời cầm chầu Hát Bội nơi rạp Đồng Xuân Lâu (Bà Tuần), nhìn lại đào xưa, kép

cũ, tuổng tích thâm trầm, càng thêm thấm thía so với trò đời đầy vơi đen bạc:

Coi hát rạp Đồng Xuân

Rạp hát Đồng Xuân tiếng thuở nay,
Hoa thêu gấm dệt cảnh phô bày.
Kép đào vai cũ không ai lạ,
Trung nịnh tuồng xưa lắm vở hay.
Cứu Tiết Đinh San cho khỏi nạn,
Cậy Trình Thiên Tuế phải ra tay.
Tẻ vui cười khóc trên sân khấu,
Lặng lặng ngồi xem lớp đổi thay.

(Thúc Giạ, 1950)

Trong đời Cụ Thúc Giạ có điều hy hữu, khác lạ hơn người là đương khi còn sống mà Cụ biểu con cháu và thân hữu làm lễ sinh táng, xem như đã chết, với phúng điếu, ca hát đủ thứ, để Cụ được chứng kiến ra sao, kẻo tới lúc chết rồi thì đâu còn hay biết gì nữa, lúc đó dù có làm linh đình, to lớn bao nhiêu thì cũng bằng thừa, lại thêm tốn kém mà "đương nhân" không hơi hưởng chi được cả! Thế là năm 1951 vào tiết Hạ, Cụ đứng ra tổ chức *Đám tang giả* của Cụ, gọi là *Sanh điếu*, rồi Cụ góp nhặt tất cả thơ văn phúng điếu, cất kỹ làm lưu niệm. Hồi đó, chúng tôi đang đảm trách ngành Thông Tin, Báo Chí miền Trung, đã được hân hạnh Cụ gọi về chơi Thôn Vỹ để dự lễ tiễn đưa Cụ về Trời! Quang cảnh như mộng ảo, hư hư thực thực, đúng chữ siêu thực (surréaliste), cả đời tôi chưa bao giờ trông thấy một quang cảnh tương tợ như vậy!

Sự việc kỳ lạ này được Cụ ghi lại trong bài thơ cảm tác vào đầu năm sau, Nhâm Thìn 1952:

Khai bút năm Nhâm Thìn

Bảy lăm sanh điếu chuyện hy kỳ,
Bảy sáu nay mầng những chuyện chi?
Say tỉnh với đời ba cốc rượu,
Dở hay theo bạn mấy vần thi.
Sẵn tay gậy trúc vui thì múa,
Nhẹ bước đường hoa khỏe cứ đi.
Gặp khách nhà Nho nơi cửa Phật
Khuyên mình hãy phát nguyện qui y.

(Thúc Giạ, 1952)

Tiếp đến năm Quí Tỵ 1953, Cụ Thúc Giạ tiếp được thơ và Thi của bà Tương Phố Đỗ Thị Đàm (1898 - 1973) từ ngoài Bắc gởi vào thăm. Cụ ân cần phúc thơ cảm tạ và họa lại bài thi của Bà, với lời lẽ bình dị và ý tứ cao sang:

Đáp họa vần Thi của Nữ Sĩ Tương Phố gởi thăm

Bướm Trang sinh bỗng đậu rồi bay,
Giấc mộng xưa còn phưởng phất đây.
Gió thổi ngọn tùng, cây đứng vững,
Mưa chan cội liễu, vóc chưa gầy.
Da mồi tóc bạc tuy thay đổi,
Dạ sắt gan vàng khó chuyển lay.
Kính đáp vần thi xuân Quí Tỵ,
Nương theo cánh nhạn gởi tờ mây.

(Thúc Giạ, 1953)

Cuối năm ấy thì Cụ Thúc Giạ **cáo từ chức Hiệp Lý Phủ Tôn Nhơn**, như được ghi trong bài thơ sau đây:

Vai tuồng Hiệp Lý Phủ Tôn Nhân
Phụng sự Quân Vương lễ Thánh Thần.
Kính cẩn không sai ngày tế tự,
Chầu hầu phải rạng nét y cân.
Những lời tấu đối tuy quen miệng,
Nhưng lối xu bồi chửa thạo chân.
Tai nặng mắt quàng e dễ vấp
Lui về Nội lách dưỡng thiên chân

(Thúc Giạ, 1953)

Thấm thoát mà đã đến năm Mậu Tuất 1958, lúc này Cụ đã được 82 tuổi thọ:

"Phước của Trời cho, lộc của trời,
Lần lên tuổi thọ tám mươi hai"

Cuối năm ấy Cụ ngẫu hứng làm một bài thơ với tựa đề khá dài, vốn là một câu ca dao hai vế, có tính cách châm biếm:

Tham giàu đã thấy giàu chưa?
Vừa ăn vừa khóc như mưa tháng mười.

Kén nhà thiên hộ để làm dâu,
Không ngờ gia nương việc lút đầu.
Vàng trít cổ tay cam lỡ dại
Cơm chan nước mắt chịu ôm sầu.
Khóa chìa mụ nhạc năng kêu hỏi,
Chăn gối ông chồng ít gặp nhau.
Mới biết chị em mình xuất giá,
Lựa nơi thanh nhã sướng hơn giàu!

(Thúc Giạ, 1958)

Qua tháng 3 năm 1959 (Kỷ Hợi), Cụ Thúc Giạ đã gởi tặng Bà Thái Mộng Tuyết (Thất Tiểu Muội) ở Gia Định một bài thơ Đường luật ca ngợi Nữ Sĩ tài hoa của xứ Đồng Nai:

Tặng Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội

Nữ lưu thanh giá bậc phi thường,
Quê ở Hà Tiên Mộng Tuyết Nương.
Sửa bút mài nghiên bao tuế nguyệt?
Phun châu nhả ngọc lắm từ chương.
Tinh hoa vẫn chuộng văn tiền Hán,
Tao nhã ham vui luật thạnh Đường.
Du lịch sao chưa tìm thắng cảnh?
Kìa mây đỉnh Ngự nước sông Hương.

(Thúc Giạ, 3/1959)

Và đây là bài thơ cuối cùng mà Thi ông Thúc Giạ đã cảm tác vào mùa Thu 1960 (Canh Tý), như là một lời tiên tri sắp sửa đi về Tây Phương Thiên Trúc, và đồng thời cũng là lời nhắn nhủ, bức thông điệp cho phường hậu thế nên sinh sống đạm bạc hiền lương, tương thân bác ái, giữ vững tinh thần và đạo lý:

Tiếng Chuông Lòng

Tiếng chuông lòng dội buổi tan sương,
Đỉnh lễ qui y trước Phật đường
Soi tỏ tâm linh nhờ đuốc tuệ,
Rước tan tục lụy sẵn cành dương.
Giữ niềm bác ái không sai chậy,
Thời bệnh sân si khỏi vấn vương.
Tôi cũng như ai phường đạo hữu,
Mong vào cửa Phật đến Tây Phương.

(Thúc Giạ, đầu Thu 1960)

Và từ đó Thi Ông chống gậy trúc, dạo bước vườn hoa, tiên phong đạo cốt, trà thánh cờ tiên, thanh thản tìm về cõi Phật đúng ngày 4 tháng 4 năm 1961, hưởng thọ 85 tuổi.

Paris, Chiêu Anh Các, Nguyên Đán 1994

• *Hương Giang Thái Văn Kiểm*

Chú thích:

(1) Paul Bert (1833 - 1886) là một nhà bác học, kiêm chính trị gia, đã làm Tổng Trưởng Giáo Dục và Toàn Quyền Đông Dương.

HUẾ

Mai Kim Ngọc

Tôi về thăm Huế sau ba thập niên xa cách. Thật vậy, tôi rời Huế trước 75 cả gần mười năm. Tốt nghiệp trung học, tôi vào Sài Gòn học tiếp đại học và không bao giờ trở lại cố đô, cho đến năm nay.

Tôi đã ngần ngại đắn đo nhiều trước chuyến đi. Văn chương cũng như chuyện thực ngoài đời dều căn dặn tôi là đừng bao giờ trở lại những cảnh cũ mà mình quý mến. Từ truyện 'Quê Cũ' nổi danh của Lỗ Tấn cho tới câu chuyện tầm phào với một du khách người Do Thái gặp giữa hai chuyến bay tại một phi trường Đông Âu mấy năm trước, tất cả đều nhắc nhở cho tôi kinh nghiệm khôn ngoan ấy.

Ông bạn Do Thái tôi vừa nhắc tới sinh tại Ba Lan, lưu lạc sang Mỹ từ nhỏ vì nạn Đức Quốc Xã. Ông trở về Prague công tác cho một ngân hàng lớn của New York, luôn tiện ghé thăm quê. Có chút gì đanh thép nơi ông, có lẽ nghề nghiệp ông thường ngày đòi hỏi cứng rắn lạnh lùng. Vậy mà khi nhắc đến ghetto cũ, ông bất thần thay đổi sắc diện. Buông thả cho những xúc động dồn nén sau chuyến thăm quê, ông bộc lộ nỗi lòng với bạn đường mới quen.

Ông kể nhà cũ của ông, một tòa biệt thự khang trang cha ông xây hồi gia đình làm ăn trù phú, bây giờ đã bị ngăn thành nhiều hộ nhỏ chia cho cán bộ ở... Phòng ốc suy sụp tồi tệ không ai buồn sửa chữa. Cây táo chính tay ông trồng không còn vết tích, chắc đã cỗi hay bị chặt làm củi một mùa đông thiếu sưởi những năm cùng quẫn của xã hội chủ nghĩa Ba Lan.

Họ lạnh nhạt khi ông trở về. Thật ra họ còn có vẻ sẵn sàng gây gổ vì sợ ông đòi lại nhà... Hàng xóm láng giềng cũ chẳng còn ai ngoại trừ một ông già độc nhất theo cộng sản từ nhỏ, bây giờ dấm dẳn như người bất đắc chí... Bà vợ tuy có ấm áp hơn ông chồng, nhưng sự niềm nở săn đón chẳng qua là để nhập đề cho việc rủ rê kiều bào mang tiền về nước đầu tư... Họ cũng cho ông hay cô bạn gái hàng xóm của ông đã bị Đức bắt đi cùng với bố mẹ, và cả gia đình ấy đã chết thiêu trong trại tập trung... Mắt đỏ hoe, ông tâm sự, "Tôi đoán anh là người Việt lưu vong... Đúng phải không? Vậy thì nghe tôi đi, đừng bao giờ trở lại cố quốc nhé. Buồn lắm..."

Đó là chuyện ngoài đời. Còn chuyện nhà văn Lỗ Tấn lặn lội hai ngàn dặm đường đất về làng mà không tìm lại được quê cũ, gặp lại Nhuận Thổ mà cũng không tìm lại được bạn thân thủa thiếu thời, sách vở đã nói nhiều và câu chuyện đã thành một điển tích văn học quốc tế khỏi cần nhắc lại ở đây.

*

Tầu đến Huế vào buổi trưa.

Nhìn qua cửa sổ, tôi chỉ thấy sân ga tầm thường, đã xoàng xĩnh lại vô trật tự. Tất nhiên là nó không to lớn ngăn nắp và tiện nghi như những ga tại những thủ đô quốc tế như Paris hay Washington, mà cũng không duyên dáng như những ga nhỏ trên một triền núi tuyết phủ, hay một vùng thôn dã mộc mạc... Tệ hơn nữa, nó không giống gì cái ga Huế trong trí nhớ của tôi, cái ga Huế của rạo rực sắp được về với gia đình vào dịp Tết hay Hè, hay của nôn nóng gặp bạn cũ những mùa nhập học.

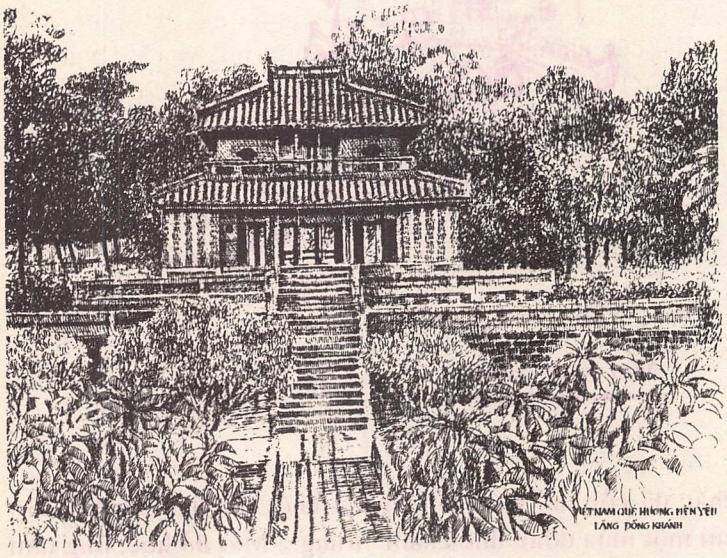

Cảnh cũ đã vậy, chuyện người cũ cũng không khả quan gì hơn. Tôi nghe lại được giọng Huế ngày xưa các bạn tôi vẫn nói, nhận diện lại được những gói kẹo mè xửng Huế, những chùm nem Huế, những chai xa-xị Huế, trong mấy quầy giải khát. Thậm chí những bao thuốc lá Huế với nhãn hiệu 'Cố Đô' - chưa sản xuất hồi tôi rời Huế - cũng không làm tôi xa lạ... Nhưng rõ ràng là những người Huế ở sân ga này không nhận tôi là cố nhân. Những cái nhìn tò mò của họ, lộ liễu hay kín đáo, nhắc nhở cho tôi là mình là Việt kiều, là những cái gì xa lạ... Tôi đoán phần nào được suy nghĩ của họ, và thái độ họ dành cho tôi tất đã bị chi phối bởi những thành kiến hay kinh nghiệm tốt xấu cũ với những Việt kiều trở về trước tôi...

Vậy mà tôi có cả một kho tàng những chuyện cố nhân cố sự cần phải chia sẻ, một trời tâm sự đang chờ khơi lại trong dịp thăm viếng cố đô... Biết bao kỷ niệm của cả một thời trung học... Những tháng mưa đi học phải lội nước qua Đập Đá để tới trường... Những thứ bẩy chủ nhật lấy ca-nô sang bến Đông Ba để uống tách cà phê Phấn hay xem xuất xi-nê sáng ở rạp Tân Tân... Những đêm sao trên sông Hương, những tối không trăng mang đèn bấm đi bắt ve trên mấy gốc sung Vỹ Dạ... Chuyện đạp xe lên Kim Long thăm bạn, không phải vì mối tình học trò, mà vì nhà bạn có vườn thơm và thế nào bà mẹ bạn cũng bẻ thơm gọt cho ăn... Chuyện kèm 'trẻ' tại gia... Chuyện này chuyện nọ nôn nức trong lòng, ai biết, mà kể với ai giữa cái ga Huế này...

*

Trước khi đi, một bạn tôi ở Cali đã lo giới thiệu chu đáo với người nhà ở Huế để hướng dẫn trong chuyến thăm cố đô. Nhưng vì sơ xuất của chính bản thân cũng như của bưu điện, tôi lạc lõng giữa ga Huế, ngơ ngác mệt mỏi trong cái nóng nung người của cố đô tiết trời tháng sáu. Chẳng mấy chốc, tôi trở thành đối tượng cho giới phe phẩy bắt đầu sấn tới đề nghị những dịch vụ, từ chính thức cho đến bán chính thức, lương thiện hay xem xém lươn khươn. Những phiền toái như vậy thông thường cho mọi bến ga bến tầu trên thế giới, nhưng dưới nhiệt độ gay gắt của trưa hè nhiệt đới, đối chiếu với sự chờ mong ít nhiều lãng mạn của người trở về, sự việc có khả năng tạo ra bực dọc đáng kể...

Sau cùng, người hướng dẫn tới, giải thoát cho tôi khỏi những khó khăn nhất thời của chuyến thăm quê. Từ đó trở đi mọi chuyện suông sẻ. Trong chốc lát, tôi có phòng trọ chu đáo, có xe đi, có tài xế, có một chương trình tham quan đầy ý nghĩa, phản ảnh kiến thức thâm sâu cũng như sự hiếu khách tế nhị của bạn.

Trên đường về khách sạn, tôi nhắc đến những chuyện chung chung về Huế, về những món ăn Huế như tré như bánh bèo Tây Thượng như bánh canh Nam Phổ, hay những lăng tẩm cung điện cùng những địa danh tôi còn nhớ lõm bõm qua một vài câu hò phổ thông của Huế... Tôi không ngờ anh bạn hướng dẫn đã kín đáo ghi nhận những chi tiết ấy để bổ xung chương trình. Và rất tế nhị, những địa danh và những món ăn tôi vô tình kể ra lần lượt xuất hiện trong mấy ngày thăm Huế của tôi. Tôi rất cảm động, chỉ mong bao giờ anh có dịp sang Mỹ, tôi sẽ hết lòng đáp lễ bằng một chương trình tham quan chu đáo như vậy.

*

Về lăng tẩm, tôi thích nhất lăng Tự Đức, ông vua cuối cùng của một nước Việt Nam chưa mất chủ quyền, một ông vua siêng năng hiếu học có thiện chí nhưng sinh chẳng gặp thời, một mình gánh chịu những khó khăn dồn lại từ những đời trước, về ngoại giao cũng như đối nội... Có người mong ước giá mà vua Tự Đức khôn ngoan như chúng ta bây giờ về chính trị thế giới, về cách đối xử với giáo dân hay với người Pháp, hay giá vua đã làm những chuyện canh tân như Minh Trị Thiên Hoàng của Nhật đã làm, thì vận mệnh đất nước đã đi theo một chiều hướng khác.

Nhưng đấy là những chuyện 'nếu thế này' hay 'nếu thế nọ' của lịch sử. Riêng ở đây, tôi chỉ muốn nói đến những cảm nghĩ về Khiêm Lăng... Và ngay cả trong phạm vi nhỏ hẹp của Khiêm Lăng, tôi cũng không muốn mà cũng không có kiến thức để khai triển sự thưởng ngoạn theo những đề tài trường quy của môn kiến trúc hay khảo cổ.

Tôi chỉ thấy cái đẹp thanh tú nho nhã của nhà vua, và cái chất thơ thoát ra từ mỗi nét chạm nhỏ cho đến cái không khí chung bao quát cả Khiêm Lăng. So sánh với đền đài của những văn minh khác như Hy Lạp hay La Mã, Khiêm Lăng rõ ràng đã khai triển cái đẹp theo một đường hướng khác. Ở đây cột kèo mảnh dẻ trang nhã như tháp bút, mấy con rồng uốn khúc trên mái nhà mềm mại như sương khói đang phủ mặt hồ sen. Không, đây không phải là Athenes hay Rome với những cây cột cẩm thạch vĩ đại sừng sững dựng đứng lên nền trời, hay những mái nhà nặng nề vuông vức, thách thức thiên nhiên bằng những đường nét cứng rắn không khoan nhượng như những định luật kỷ hà học của Euclide hay Thaler...

Ngắm cảnh Khiêm Lăng, tôi cảm thấy như tìm lại được những nét thâm sâu trong đáy tâm hồn Việt Nam của mình, không phải những nét chai sạn từ đời sống thực tiễn hàng ngày, mà những nét êm đềm nhất của những giây phút êm đềm nhất của một người Việt Nam. Nhưng nếu ai hỏi những cái thanh thoát ấy ở đâu mà cảm thấy, thì tôi không minh định được. Phải chăng là mùi hoa đại trồng dọc những lối đi, hay hương sen đang nở trong những ao hồ nhan nhản trong khuôn viên lăng... Hay là cái mịn màng nhung gấm của rêu xanh viền theo những phiến đá vuông vức lát sân hay bám từng mảng trên những bức tường cổ kính... Hay là nắng chiều phản chiếu trên men ngói những mái nhà uốn cong mềm mại...

Tôi thận trọng nghe anh bạn đọc trên bia đá những lời thành khẩn và nhún nhường của chính nhà vua khi bình về triều đại mình. So với các chính khách sau này đã dùng những bút hiệu bí mật để tự suy tôn, những lời nhà vua tự kiểm thảo quả là hài hòa với tên Khiêm Lăng ngài đã chọn cho nơi an nghỉ cuối cùng...

*

Tôi đang ngắm mặt nước ao sen phẳng lặng như gương khi anh bạn tình cờ nhắc lại bài thơ tuyệt tác đức vua đã làm để khóc Bằng phi. Từ thủa đi học tôi đã mê bài thơ ấy, nhất là hai câu năm và sáu:

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi

Trong yên tĩnh của Khiêm Lăng, tôi lắng nghe nét tình tứ lãng mạn rất gần gũi mà bài thơ mang lại cho niềm thương tiếc cao sang vương giả. Và tôi cũng nghe, mênh mang như hương sen ướp nhẹ trong gió chiều, nét cao sang

vương giả bài thơ như đang mang lại cho những mối hận tình dân giả tầm thường của văn học nhân gian nói chung. Mỗi tấm gương tróc thủy còn sót lại Khiêm Lăng bỗng như có thần, tựa hồ như một ma lực huyền ảo bắt ta phải nhìn vào gương, mơ hồ chờ đợi dung nhan liêu trai của một trang quốc sắc thiên hương yểu mệnh. Và tôi nghĩ đến tất cả những tấm gương của tất cả những người đàn ông bất hạnh trên thế giới đang thương tiếc khôn nguôi những ân tình mất mát trong cái vô thường của thân phận con người.

*

Tôi ít có cảm tình với lăng Khải Định. Khuyết điểm của lăng, như nhiều người đã nhận xét, nằm trong sự Tây hóa kỳ dị và vụng về của nhà vua. Nghe nói lăng Đồng Khánh xây cất dưới triều Khải Định cũng bị ảnh hưởng đáng tiếc bởi khiếu thẩm mỹ kỳ quặc này...

Tuy nhiên lăng Khải Định cũng có một sự việc làm tôi ghi nhớ, là căn nhà gỗ ọp ẹp sau lăng, nơi trú ngụ của một bà phi già. Tôi đã được gặp bà phi.

Bà cụ lưng còng, tuổi tác đã cao mà vóc dáng xem ra vẫn còn xốc vác vất vả lắm. Lúc tôi gặp, phi đang ngồi xổm, chân đất, lúi húi giặt quần áo trên phiến đá xanh kê gần vại nước. Phi được trả lương, nghe nói tương đương với vài Mỹ kim một tháng, với nhiệm vụ chăm lo hương đèn cho vua. Mỗi buổi sáng, phi pha trà mới và tê trầu tươi dâng lên bàn thờ quân vương, đều đặn như vậy đã hơn nửa thế kỷ. Trong cảnh kinh tế eo hẹp của đất nước, sinh hoạt của phi cũng túng thiếu lắm, và chút quà du khách tặng cũng kể như một cải thiện quan trọng cho ngân sách khiêm nhượng của phi. Lại nghe nói đức vua suy nhược nam tính từ nhỏ, và khi vua còn cũng như sau khi vua băng hà, phi đã sống chay tịnh như một nữ tu.

HUẾ ĐẦY

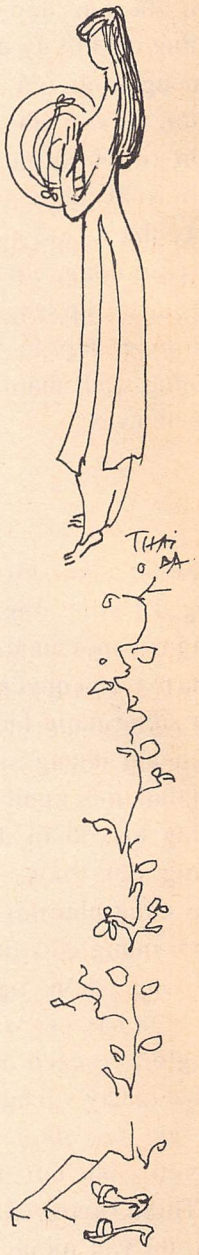

Với Huế, muôn đời, tôi khách lạ
Lòng tôi thành quách phủ rong rêu
Mưa đông thấy được trong ngày hạ
Núi thấp, sông gầy dáng quạnh hiu

Gái Huế cưới duyên sau nón Huế
Trái tim bọc vải quấn trăm vòng
Đã như biển động, còn e lệ,
Tình nấp đằng sau những chấn song

Bỏ Huế mà đi không tiếc nuối
Đồng Nai rạo rực sóng đôi bờ
Cửu Long thấm thiết phù sa gọi
Bát ngát bình nguyên những giọng hò.

Mất nước mới nghe sầu chất ngất
Trăm con sông nhớ xoáy vào thơ
Mười năm đổ rượu vào u uất
Đất trời nhiều lúc cũng bơ vơ

Giọng Huế bỗng nghe từ chợ Mỹ
Mà chiêng mà trống dậy hồn quê
Hương cau, mái trúc xanh Thôn Vĩ
Áo mới xênh xang giữa hội hè

Tôi bước bên nàng không dám thở
Không gian đầy Huế, núi cùng sông
Tóc ai thả gió, hồn tôi mở
Dấu kín trong tim những nụ hồng

• *Hà Huyền Chi*

Nhìn phi, tôi nghĩ đến một kiếp người thiệt thòi, một cuộc đời lãng phí, một mất mát đáng thương cho cuộc sống, dù cuộc sống riêng của một người đàn bà ít may mắn. Tôi thoáng thắc mắc phi là tiểu thư con vị quan nào, ngày bé quen ai biết ai trước khi được hay bị- mang vào cung cấm... Tôi ngắm phi, cố gắng hình dung một trang quốc sắc, đã có hồi trẻ trung vui tươi, đã có hồi mơ ước một đời sống lứa đôi bình thường hạnh phúc... Nhưng vô hiệu... Trước mặt tôi chỉ là sự nghiệt ngã của một số phận bất hạnh và tấm lòng chung thủy mà tôi sẽ không bao giờ hiểu nổi...

*

Sau lăng tẩm là hoàng thành với các đền đài dinh thự đang hay sắp được trùng tu nhờ sự trợ giúp của Liên Hiệp Quốc. Tôi leo lên kỳ đài, ngắm nhìn cột cờ cao, bất giác nghĩ tới những người lính trẻ đã chết, đêm kinh thành thất thủ ngày xưa hay trận đánh Mậu Thân gần đây, và những lá cờ khác nhau đã bay ở đấy, kể cả lá cờ tam tài của Pháp...

Tôi không nhớ hết tên hay sự tích của mỗi dinh thự, chỉ nhớ con đường Trung lộ lát đá phiến xanh trồng hoa đại, với hai bên là những hồ sen đang trổ bông thơm ngát. Rồi đến cấm thành, với những khu khác nhau, ngày xưa dành cho những nhân vật khác nhau của hoàng gia. Tôi ngạc nhiên ghi nhận nước sống không lấy gì làm xa hoa của hoàng gia nước ta thủa ấy. So với cung điện của Pháp tại Paris, của Trung Hoa tại Bắc Kinh, thậm chí của những nước nhỏ hơn như Áo hay Hung bên Âu châu, các vua chúa ta xem ra sống một cách thanh đạm lắm.

Cảm giác mạnh nhất khi thăm cung điện Huế là sự cô đơn của hoàng gia ngày xưa trong cấm thành. Tôi tưởng tượng cuộc sống thiếu sinh khí của những công chúa những hoàng tử sau những tường cao hào sâu hay những cánh cửa lim nặng nề. Lại còn những phi tần tháng ngày chôn vùi tuổi xuân, có khi một đời chưa thấy mặt rồng. Nơi vườn thượng uyển hình như chim ít hót và ánh mặt trời cũng ít sáng. Và tôi nghĩ tới những nhân vật của Cung Oán Ngâm Khúc, hay những vị vua bị bức tử không phải hiếm hoi trong lịch sử triều Nguyễn... Số kiếp của những người sinh ra trong hoàng tộc không hẳn là không nặng nề.

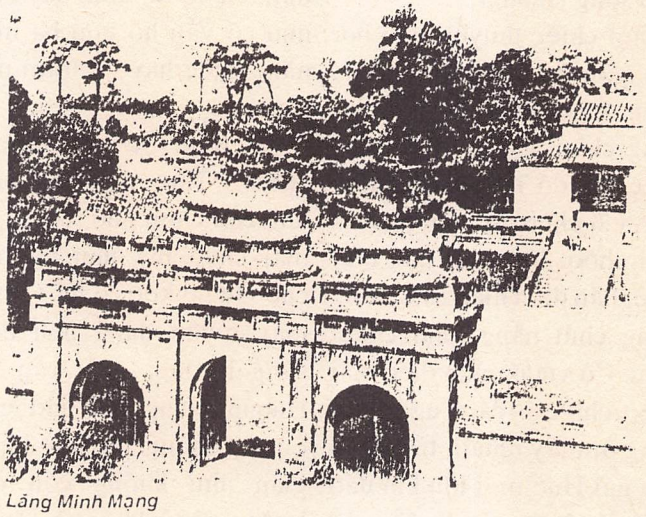

Lăng Minh Mạng

*

Cuộc thăm viếng kết thúc bằng chùa Linh Mụ. Nơi đây, tôi đã bắt được linh hồn của cố đô mà tôi đã không tìm lại được nguyên vẹn trong những đền đài cung điện vừa thăm viếng xong.

Kỳ lạ nhất là linh hồn ấy tôi không tìm được trong sân chùa, trong lầu chuông với chiếc chuông vĩ đại mà hồi trọ học ở Bến Ngự, mỗi khi thức giấc thật sớm để học bài tôi vẫn được nghe, hay cả trong những tượng Phật bầy nơi chính điện... Quả thật, hôm ấy cửa Thiền tạm mất cái không khí trầm tư lắng đọng thường lệ vì một biến cố lịch sử. Một khoảng sân chùa còn xám đen vì một Phật tử vừa mới tự thiêu mấy hôm trước, và khẩn trương còn in rõ trên nét mặt sư sãi trong chùa.

Tôi tìm lại được cái chất Huế khi ra khỏi chùa ngồi nghỉ tại tam cấp trước của tam quan. Trước mặt tôi là sông Hương. Lúc ấy chiều đã xuống, và những rặng tre bên kia cánh đồng Nguyệt Biều đã bắt đầu lẫn vào bóng hoàng hôn. Những ngọn đồi gần xậm lại thành màu quan san, còn mấy rặng núi xa đã mất đường nét và nhuộm

màu tím than như sẵn sàng đón chờ đêm tới. Trên trời lác đác vài vì sao mọc sớm, và đôi ba chiếc thuyền trên sông đã lên đèn. Tôi lẩn thẩn nghĩ không biết họ về đâu, chở gì, như ngày xưa tôi vẫn lẩn thẩn nghĩ mỗi khi có dịp ngắm những con đò qua lại trên sông Hương.

Một chiếc thuyền nhỏ bơi qua gần bờ làm tôi chú ý. Trên thuyền một cô gái nhỏ đang chèo. Cô còn trẻ lắm, chắc chỉ độ mười sáu mười bảy. Cô chèo đứng bằng một mái chèo, lối chèo đặc biệt Huế, bán diện hiện ra rõ ràng trong chút nắng quái chiều hôm. Cô vươn mình theo mái chèo, chiếc áo cánh ngắn kéo căng ôm lấy người, tấm thân con gái Huế mới lớn kín đáo khiêm nhường mà đầy nữ tính... Và cô cất tiếng hò.

"Thuyền về Đại Lược
Nốt ngược Kim Luông
Nơi đây chỗ rẽ cõi lòng...
Gặp nhau còn biết trên sông bến nào..."

Quá khứ như hiện về, và tôi tưởng lại xứ Huế ngày xửa ngày xưa, hơn ba thập niên trước, giữa những hôm học thi, có lần tôi đã được nghe một người con gái Huế hò như vậy... Và trong huyền ảo của giây phút, tôi khám phá ra người con gái ấy cũng là cô gái bây giờ... Cô là ý là hồn của Huế, của chất Huế hiện thân thành người... Cô vĩnh viễn mười sáu mười bẩy tuổi, và cô hò hôm nay cũng như cô vẫn hò hơn ba mươi năm trước hay ba trăm năm trước...

Cô tiếp tục hò, tiếp tục chèo... Tấm thân bé bỏng như con chim nhỏ, cô đè lên mái chèo mà như thể mái chèo tự nó kéo cô theo, mềm mại duyên dáng như dòng sông Hương... Tôi vẫn biết Hương giang bao giờ cũng êm ả, nhưng tối nay không gian như không còn định hướng, và tôi không biết sông chẩy từ Đại Lược về Kim Luông hay từ Kim Luông về Đại Lược... Thuyền cô xa dần nhỏ dần, phút chốc chỉ còn đôi nét chấm phá trên mặt sông phẳng lặng. Trong bóng đêm vừa đổ xuống, ngọn đèn mũi thuyền cô lấp lánh như một vì sao...

Bỗng chốc tôi khám phá ra câu trả lời cho mối thắc mắc mơ hồ bấy lâu... Nhờ cô, tôi đã biết những con đò trên sông Hương chở gì... Dễ lắm... Chúng chở những vì sao mượn từ trời sao xứ Huế, và quan trọng hơn nữa chúng chở giọng hò của người con gái Huế.

Mười năm nữa, năm mươi năm nữa, một trăm năm năm nữa, hay mãi mãi, khi bà phi già trên lăng Khải Định đã chết từ lâu, khi thành quách cung điện Huế chỉ còn là những cổ vật không công dụng thực tiễn, khi kỳ đài sẽ được thay thế bằng một kỳ đài khác, khi ga Huế trở thành một nhà ga hiện đại với những chuyến tầu siêu tốc, khi những sôi động kinh tế hay chính trị hiện tại chỉ còn là những trang sử...

Mười năm nữa, năm mươi năm nữa, một trăm năm nữa, hay mãi mãi về sau, giá dù người Huế có quên ăn nem Huế, quên kẹo mè xửng, quên bánh canh Nam Phổ... và những lưu dân nhớ Huế phải về Huế sưu tập tất cả những tấm gương cổ để đập ra mà tìm lại những ảo ảnh ấy, thì tôi vẫn đoan chắc rằng linh hồn của Huế vẫn còn trong hình bóng một cô gái nhỏ trên sông Hương, tối tối chở một vì sao mượn từ trời sao xứ Huế, và chở tiếng hò của cô...

Về đâu ư? Đại Lược hay Kim Luông? Hay về một bến tiềm thức sâu xa của những người đã sống ở Huế, hay đúng hơn những người vì một duyên nợ kiếp nào đã nhiễm chất Huế vào hồn...

• *Mai Kim Ngọc*

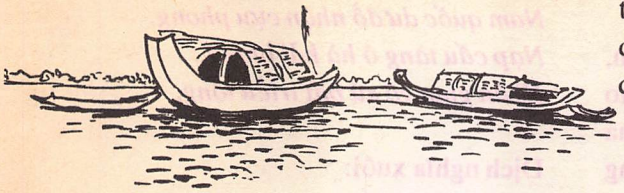

Thắng cảnh TƯ DUNG

Đoàn Khoách

Người ta biết Huế là một cố đô của Việt Nam. Người ta biết Huế có nhiều thắng cảnh thiên nhiên quyến rũ. Người ta còn biết con người Huế thường kín đáo mà thâm trầm. Tuy nhiên cũng biết thêm rằng, cảnh Huế và người Huế luôn luôn có tương quan mật thiết với nhau tạo nên một bản sắc đặc biệt trong lịch sử văn hóa địa phương cũng như trong lịch sử văn hóa dân tộc. Hầu như là người Huế thì ít nhiều chi:

Ở mô cũng nhớ Huế mình
Nhớ sông Hương gió mát, nhớ non Bình trăng treo.

Phải, *sông Hương gió mát* là một cảnh trí khách quan êm đềm gợi cảm, nhưng *sông Hương* cũng tùy hoàn cảnh mà hoặc:... *dợn sóng khuynh thành,*

Đêm khuya một chiếc thuyền tình ngửa nghiêng!

hoặc chứng kiến cái cảnh:... *nhất giang lưỡng quốc, tứ nguyệt tam vương...*

để rồi có lúc:... *ai thương ai cảm, ai nhớ ai trông,*

... muốn đưa câu mái đẩy, sợ chạnh lòng nước non!

Và, *non Bình trăng treo* cũng là một cảnh thiên nhiên vô cùng vắng lặng, bình thản và diễm ảo, nhưng *non Bình* hoặc cũng từng chứng kiến cái cảnh:

... Ngự lĩnh kê thang, Hà Trung mạch phạn

(Cơm nếp Hà Trung, cháo gà núi Ngự)

của một ông vua muốn có thực quyền nên bị thực dân bắt đày biệt xứ,

hoặc cũng có lúc từng bị chê bai là:

... trước tròn sau méo... một dạ hai lòng...

Tuy nhiên qua trường kỳ lịch sử, cảnh và người xứ Huế luôn luôn quyện lấy nhau, soi rọi cho nhau, thắm thía cùng nhau trong nghĩa tình non nước:

Khi trông lên núi Ngự,
Khi ngó xuống sông Hương,
Đố ai ai biết em thương xứ nào?

Để rồi:

... Thuyền anh lên thác xuống ghềnh,
Nước non là nghĩa là tình em ơi!

Có hiểu như thế mới thấy tại sao thiên nhiên Huế lại dễ dàng quyến rũ những khách tài tử phong lưu, những người có chí khí, có tài năng chọc trời khuấy nước.

Cửa biển Tư Dung là một trong những thắng cảnh đặc biệt của xứ Huế. Tư Dung, nay là Tư Hiền, là một trong hai cửa biển của tỉnh Thừa Thiên, về hướng đông bắc huyện Phú Lộc, cách kinh thành Huế về phía nam chừng ba mươi cây số. Theo sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* của Quốc Sử Quán Huế thì *"cửa rộng 8 trượng, khi nước lên sâu 3 thước, khi nước ròng sâu 2 thước, nước cạn thuyền lớn đi không được. Xưa có đặt Thủ Sở, có binh túc trực tuần phòng ngoài biển, phía tây cửa biển có hành cung Túy Vân Sơn. Xưa kia, cửa nguyên ở chỗ gần núi, cách phía nam cửa bây giờ chừng 5 dặm. tương truyền, vài trăm*

năm trước đây, cửa cũ rất sâu rộng, ghe thuyền rất thuận tiện vào ra (1).

Nay nhìn vào bản đồ tỉnh Thừa Thiên, người ta cũng hiểu và thấy được phần nào hình thể biến chuyển của cửa biển này qua lịch sử. Phía đông là biển cả; phía tây thông với đầm phá Cầu Hai rộng lớn, mà đầm này thông thẳng từ đầm Hà Trung đến đầm Thanh Lam chạy dài lên hướng bắc đến tận Phá Tam Giang thuộc Huyện Hương Điền. Phía bắc là dãy Qui Sơn trên có chùa Thánh Duyên được chúa Hiền xây dựng từ năm 1648 nổi tiếng là một thắng cảnh lịch sử (2); phía nam là ngọn Cái Sơn hiểm trở, tiếp vòng với dãy Trường Sơn trùng điệp có núi Bạch Mã nổi tiếng là nơi nghỉ mát thanh lịch ở chốn cố đô..

Theo sách xưa thì cửa biển này xưa thuộc về nước Chiêm Thành, đời Lý gọi là Ô Long. Đến đời Trần, vua Nhân Tông gả công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm là Chế Mân, đưa công chúa tới đây, nên đổi tên thành Tư Dung 思容 (3). Tư là nghĩ đến, tưởng nhớ đến, dung là nét mặt, dung nhan, ý nghĩa cũng gần như chữ tư dung 姿容 là vẻ mặt, là dáng dấp của người đàn bà đẹp. Dùng hai chữ Tư Dung để đặt tên cho cửa biển này, ý hẳn người Việt lúc bấy giờ một đàng muốn ghi lại cuộc hôn nhân giữa vua Chiêm và công chúa Việt, nhưng đàng khác cũng nhằm tưởng nhớ công ơn khách má hồng đã biết hy sinh hạnh phúc cá nhân cho việc mở mang bờ cõi. Tư Dung không những chỉ là tên cửa biển, mà còn là tên một huyện - huyện Tư Dung trong phần đất bao gồm cửa biển này nữa (4). Trong các cửa bể thì cửa này núi non cao ngất, gió cả sóng to. Đế vương các đời như Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Trần Anh Tông, Trần Duệ Tông đều có đem quân qua đấy (5).

Vào năm 1471, vua Lê Thánh Tông ngự giá chinh Chiêm, khi nghỉ chân tại cửa bể này có làm bài thơ *"Tư Dung Hải Môn Lữ Thứ"* (6) rất được đời sau truyền tụng:

Lâu thuyền kích cổ đáo Ô Long,
Bách nhị quan hà thử yếu xung.
Liệt chướng huyền nhai thanh xúc xúc,
Kê thiên phách lãng bích trùng trùng.
Tiên triều sự nghiệp truyền di tích
Nam quốc dư đồ nhận cựu phong.
Nạp cấu tàng ô hà hải lượng,
Nhân gian vô xứ bất triều tông.

Dịch nghĩa xuôi:

Nghỉ lại ở cửa bể Tư Dung.

Thuyền lầu nổi trống lướt tới Ô Long,
Cửa bể này là nơi hiểm yếu, hai người địch nổi trăm người.
Vách núi dựng đứng nhấp nhô, màu xanh ngăn ngắt,
Sóng vỗ ngất trời cuồn cuộn, sắc biếc trùng trùng.
Sự nghiệp tiên triều còn lưu lại dấu cũ,
Dư đồ nước Việt vẫn nhận ra cõi bờ xưa.
Lượng sông bể bao la chứa cả những thứ ô tạp,
Khắp sông ngòi ở thế gian đều đổ ra bể cả.

Dịch ra thơ của Nguyễn Ngọc San và Bùi Văn Nguyên: (7)

Thuyền lầu khua trống đến Ô Long,
Bách nhị quan hà chốn yếu xung.
Giáp bãi núi cao xanh ngắt ngắt,
Tiếp trời sóng vỗ biếc trùng trùng.
Triều xưa sự nghiệp còn di tích,
Nước Việt dư đồ nhận cựu phong.
Lượng bể chẳng từ gì cáu bẩn,
Sông ngòi đâu cũng hướng về Đông.

Và cũng do tên gọi mà đến đời Mạc, tên cửa Tư Dung lại phải đổi thành Tư Khách 思客 vì chữ Dung 容 có âm trùng với tên vua đầu tiên của nhà Mạc: Mạc Đăng Dung 莫登庸 tuy chữ Dung này 庸 viết không giông với chữ Dung trên 容 Qua đời Lê, cửa đó mới đổi tên lại là Tư Dung như cũ. Cửa này lại còn có tên là cửa Ông, hoặc cửa Biện (8).

Đất nước Việt Nam dưới thời vua Lê Thánh Tông đã mở rộng thêm, tây đến Trấn Ninh, nam đến đèo Cù Mông. Rồi các nước Xiêm, Lào, Chiêm Thành, Chân Lạp đều đến triều cống, và nước Tàu ở phía bắc cũng phải kính nể (9). Tuy nhiên chừng hơn năm

mươi năm sau đó, đất nước lại lâm vào cảnh qua phân, hết Mạc với Lê, lại đến Nguyễn với Trịnh. Cửa bể Tư Dung thời này ở vào phần đất của chúa Nguyễn, thời gian tuy có thay đổi nhưng thực tế vẫn là cửa ải, là "bách nhị quan hà" của phần đất miền Nam.

Vào đầu thế kỷ XVII, Đào Duy Từ một nho sĩ ở Thanh Hóa bất mãn với chế độ thi cử Bắc Hà, đã vào Nam tìm đường tiến thân. Họ Đào được tiến cử cho Chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên), được Chúa trọng dụng, phong chức Nội Tán, tước Lộc Khê Hầu. Tài kiêm văn võ, giúp Chúa Nguyễn trong việc cự địch với Chúa Trịnh, ông chủ trương và thực hiện việc đắp lũy Trường Dục và lũy Nhật Lệ ở Quảng Bình. Ông còn để lại sách binh pháp *Hổ Trướng Khu Cơ* bằng chữ Hán. Về thơ Nôm, ông còn để lại hai bài, một *"Ngọa Long Cương Vãn"*, trong đó tác giả tự ví mình với Gia Cát Lượng khi còn ở Ngọa Long Cương và một nữa *"Tư Dung Vãn"*, ca ngợi thắng cảnh cửa bể Tư Dung, một cảnh trí thiên nhiên vừa tươi đẹp vừa hùng vĩ (10) *"Tư Dung Vãn"* khá dài, gồm 332 câu lục bát, lại còn chen lẫn hai bài thơ thất ngôn bát cú, ba đoạn ca và hai đoạn ngâm làm theo lối ca từ phóng khoáng. *"Tư Dung Vãn"* cùng *"Ngọa Long Cương Vãn"* của Đào Duy Từ là những tác phẩm Nôm đầu thế kỷ XVII có giá trị đặc biệt trong nền văn học cổ điển Việt Nam. Đó là những áng thơ Nôm đầu tiên theo thể lục bát trong văn chương Nam Hà, kế tục truyền thống một số thi ca Nôm đời Trần, đời Lê như *Thiền Tông Bản Hạnh, Trinh Thử, Trê Cóc*... và mở đầu cho những Truyện Nôm như *Truyện Song Tinh, Truyện Nhị Độ Mai, Truyện Phan Trần*... rồi những tác phẩm Nôm lớn khác như *Truyện Hoa Tiên, Truyện Kiều, Truyện Lục Vân Tiên*... ở thế kỷ XVIII, XIX.

Nội dung *Tư Dung Vãn* có thể tạm phân tích thành 5 phần:

1. Ca ngợi cảnh phồn thịnh xứ Đàng Trong do công đức của các Chúa Nguyễn.

2. Tư Dung là một thắng cảnh thiên nhiên tươi đẹp, là nơi du ngoạn dành cho khách thanh cao, là nơi tưởng chừng như có dấu vết của những trang anh hùng, bậc thượng trí, đấng đại nhân, tay tài hoa nghệ sĩ, là nơi diễn ra một cảnh thái bình thịnh trị.

3. Khen ngợi cảnh chùa ở đất Tư Dung, đời sống thanh cao nơi cửa Phật và được đàm đạo với bậc cao tăng trụ trì ở đấy.

4. Kể lại cuộc du ngoạn giữa cảnh thiên nhiên ở đất Tư Dung và những cuộc đàm đạo với bốn nhân vật điển hình ngư, tiều, canh, mục tiêu biểu cho thái độ nhàn tản tự do của một ẩn sĩ trong lúc còn đợi thời cơ.

5. Kẻ sĩ khi chưa gặp thời nên sống theo lối "xuất thế" để giữ mình trong sạch và tránh phiền lụy, nhưng không khi nào được quên "hoài bão lấp biển vá trời".

Sau đây chúng tôi xin trích một đoạn gồm 20 câu ở phần đầu của tác phẩm (từ câu 5 đến câu 24) ca ngợi cảnh thiên nhiên tươi đẹp của Tư Dung, và một đoạn cuối gồm 26 câu ở phần cuối của tác phẩm (từ câu 307 đến câu 332) cho thấy kẻ sĩ nên biết sống theo lẽ "xuất xử, hành tàng" của ý thức hệ tích cực Nho Gia:

Đoạn Đầu:

5.... Khéo ưa thay cảnh Tư Dung,
Cửa thâu bốn bể, nước thông trăm ngòi.
Trên thời tinh tú phân ngôi,
Đêm treo thỏ bạc, ngày soi ác vàng.
Dưới thời sơn thủy khác thường,
10. Động Đình ấy nước, Thái Hàng kìa non.
Cuộc thiên hiểm nữa Kiếm Môn,
Chốn tranh vương bá, dòng tuôn công hầu.
Vần xoay hùm núp rồng chầu,
Quanh dòng nước biếc, giỡn màu trên xanh.
15. Đoái dòng thương hải rộng thênh,
Bâng khuâng sẽ nhớ đức lành tiên quân.
Đường, Ngu lấy đức trị dân,
Súng trời buông lửa, sóng thần nép oai.
Đặt an nệm chiếu trong ngoài,
20. Cánh chim hồng nhạn phới bay vui vầy.
Sực nhìn đáy nước in mây,
Trăng kia rọi sóng, sóng này giỡn trăng.
Đuốc hồng thấp thoáng trông chừng,
24. Đưa thoi nhật nguyệt, chơi vừng Đẩu Ngưu...

Đoạn Cuối:

... Kìa ai lụm cụm Bàn khê,
Tám trăm chỉ đỏ, cuộn về một dây.
Kìa ai thơ thẩn non tây,
Nương không cười gió, ước vì theo tiên.
Kìa ai mến cảnh hồ thiên,
Chí nguyền viên hạc, kết nguyền gió trăng.
Kìa ai dạo chốn sơn trang,
Ghê nơi cảnh lạ, thú càng vui xuê.
Kìa ai tay hái cỏ vi,
Chim kêu ngỡ tiếng Bá Di nên mừng.
Kìa ai cầm chén gọi trăng,
Xưa nay rằng cũng mấy vừng tỏ soi.
Kìa ai đạp tuyết tìm mai,
Lục bào kim đái nở chồi gấm xuân.
Kìa ai xa lánh cõi trần.
Ba căn hải ốc, mấy lần tang thương?
Kìa ai mến cảnh Tiêu Tương,
Lênh đênh một lá, dọc ngang năm hồ.
Kìa ai thích chí ngao du,
Nhà... ngạch hở, bạch câu nước dồn.
Thảnh thơi khách hứng nước non,
Thông reo thế địch, suối tuôn tạm đờn.
Thiên thai người khéo lang đang,
Dạ lăm cắp núi, chí toan vá trời.
Rộng thênh đường thế mặc ai,
Ngụ trong bốn thú, gác ngoài một thơ (11).

Nói đến thi ca có liên hệ đến thắng cảnh Tư Dung, tưởng cũng nên nhắc thêm bài *"Hải Môn Ca"* bằng chữ Nôm của một tác giả khuyết danh thời các Chúa Nguyễn. Đây là một tài liệu hiếm quý bằng thơ lục bát nói về địa lý Việt Nam. Bài ca này có chép trong sách *Thông Quốc Duyên Cách Hải Chữ* của Viện Khảo Cổ Sài Gòn trước đây (12).

Mặt khác, khi nói đến Thuận Hóa, người ta hay nhắc đến câu ca dao có tính cách lịch sử sau đây:

Thương em anh cũng muốn vô,
Sợ truông nhà Hồ sợ phá Tam Giang.
Phá Tam Giang ngày rày đã cạn,
Truông nhà Hồ Nội tán cấm nghiêm.

Nhưng hình như ít ai để ý đến câu ca dao khác cũng liên hệ đến thế hiểm nguy của sông nước ở miền nam Xứ Huế:

Chẳng thà đi Đồng Nai,
Không thà đi phá Cầu Hai tháng mười!

Té ra, phá Cầu Hai cũng là nơi hiểm nguy không kém cho ghe thuyền qua lại! Và đất Đồng Nai? Tưởng cũng nên biết trong ý thức người dân miền Trung vài ba thế kỷ trước đây thì Đồng Nai chưa phải là miền đất trù phú như ngày nay, mà là một vùng hoang vu đầy nguy hiểm, nhiều đầm lầy, đầy thú dữ, cọp beo, cá sấu, rắn rít... và cũng là nơi mà:

... trên trời muỗi kêu như diều ó,
dưới nước đỉa lội tợ bánh canh!

Mà thật, sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* cũng có ghi câu ca: *"Hải Nhi hữu thần lãng. Lãng lũ phúc nhân châu"* (đầm Hải Nhi có sóng thần, Sóng năng úp ghe thuyền), mà đầm Hải Nhi tức là đầm Hà Trung, tiếp với phá Cầu Hai ăn thông với cửa Tư Dung hiểm yếu (13).

Đầu năm Gia Long, cửa lần lần cạn hẹp. Năm 1811 có lụt lớn, cửa bị lở, dời ra bờ phía bắc, rồi lại lấp cạn. Đến năm 1823, lạch nước không dung lọt được thuyền lớn đi qua, người ta lại ngăn dòng nước để lội. Sau đó nhiều lần đào mở, nhưng gần đây lại cũng bị bồi lấp như cũ. Năm 1844 có lụt lớn, cửa bị lở rồi lại bồi... (14).

Nghĩ đến chuyện "lở, bồi này", vua Minh Mạng trong tập thơ ký sự về cửa biển Tư Dung, có lược chú: "... dòng sông mở ra hay lấp lại là do tự thiên công, khó trông cậy được ở sức người; huống chi nguyên ủy của cửa biển này có quan hệ đến nước nhà, không phải như các cửa biển khác. Ngược dòng thời gian mà nhận xét, bản triều năm Giáp Ngọ (1774), vận nước gặp bước gian nan, binh Trịnh đến xâm phạm, thì vua Duệ Tông bản triều (Nguyễn Phúc Thuần) do cảng ấy đi vào Nam. Hoàng Khảo ta là Thế Tổ Cao Hoàng Đế (Nguyễn Phúc Ánh) khi ấy mới mười ba tuổi cũng đồng thời đi hộ tùng theo chuyến ấy. Qua năm Tân Dậu (1801), đại binh khắc phục Thần Kinh, cũng theo cửa này đi vào, mà lúc ấy trẫm đây mới mười một tuổi cũng đồng theo hộ giá. Vậy thì, cơ đắc thất, trước sau phảng phất giống

nhau như có định số. Nay vô cố mà cửa ấy khô cạn, có lẽ là ý trời mặc hộ cho bản triều, muốn củng cố cơ nghiệp muôn đời, mà không muốn để người ngoài dòm ngó vào, nên mới khiến cho cạn hẹp như thế'' (15).

Mãi đến năm Thiệu Trị nguyên niên (1841), cửa Tư Dung mới đổi tên thành cửa Tư Hiền 思賢(16). Tên gọi Tư Hiền phải chăng để chứng tỏ nơi đây không còn là nơi đầy hiểm nguy có sóng to gió lớn, cũng như cơ nghiệp nhà Nguyễn đang được ý trời giúp cho muôn thuở bền vững. Có điều, lòng người và lẽ trời, không phải lúc nào lẽ trời cũng thuận theo lòng người hay trái lại! Lịch sử phải chăng là một bài toán mà ẩn số rất mơ hồ và phức tạp nhưng cũng đầy oái oăm và lý thú?

Nhớ Huế? Thì xin một khoảnh khắc để nhớ đến những phần đất và những con người trong quá khứ đã làm nên xứ Huế. Lịch sử là một dòng chuyển biến luân lưu, có thăng trầm có vinh nhục, nhưng đất nước quê hương phải chăng vẫn luôn nguyên vẹn trong tâm thức của mỗi một con dân xứ Huế chúng ta? Những đặc sản từng vùng như *"dừa Mỹ Am, cam Mỹ Á, cá Diêm Trường, nhà vườn Mỹ Lợi"*, hoặc *"dừa Mỹ Á, cá Đông Am cam Mỹ Lợi", hay "mía Mỹ Lợi, quít Hương Cần, dâu rừng Truồi, sen hồ Tịnh"* v.v.. có còn làm cho chúng ta nhớ lại thời nào mình còn ở Huế hay đi ngang qua Huế chăng? Rồi mai mốt chi đây nếu có dịp trở về thăm Huế và nếu muốn xem cảnh chùa núi Túy Vân ở miệt cửa bể Tư Dung, chúng ta sẽ có dịp dừng chân ở Đá Bạc, xuống đò Tư Hiền để băng qua phá Cầu Hai ngoạn cảnh. Non nước hôm nay có thể không còn gì cheo leo nguy hiểm như thời trước nữa, nhưng thiết tưởng chúng ta cũng nên dè dặt nhớ lời căn dặn tình tứ sau đây của một thôn nữ đâu đó quanh vùng:

Đò Tư Hiền băng qua sông đại hải,
Đường có gập ghềnh xin chịu khó đi băng.
Khổ cho chàng ơi!
Chàng đi mô mà trời túi không trăng,
Em sợ quàng cây vấp đá rồi lại trách em
răng không dặn dò!

Chú Thích:

1. Cao Xuân Dục, *Đại Nam Nhất Thống Chí*, Quốc Sử Quán Huế ấn hành năm 1910, Thừa Thiên Phủ, Tập Thượng, bản dịch của Tu Trai, Nha Văn Hóa Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản, Sài Gòn, 1961, trang 99 - 100.

2. Chùa Thánh Duyên ở núi Túy Vân do Chúa Nguyễn Phúc Tần dựng năm 1648. Chùa đã được vua Minh Mạng cho trùng tu năm 1862 rồi 1837 và đổi tên là Túy Hoa rồi Túy Ba. Đến năm 1841, vua Thiệu Trị lại tiếp tục trùng tu, đổi tên chùa là Túy Vân và liệt vào hàng thắng cảnh của đất Thần Kinh qua bài thơ đề ''Vân Sơn thắng tích'' khắc vào bia đá dựng bên chùa. Các sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* của Cao Xuân Dục (trang 52), *Cố Đô Huế* của Thái Văn Kiểm (trang 118) và *Việt Nam Danh Lam Cổ Tự* của Võ Văn Tường (trang 400 - 401) đều có trích dịch bài thơ này.

(3) Viện Nghiên Cứu Hán Nôm, *Thơ Văn Lê Thánh Tông*, Nxb, Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1986, trang 194 - 195. Xem phần ''nguyên chú'' bài *"Tư Dung Hải Môn Lữ Thứ"* trong tập *Minh Lương Cẩm Tú* của Lê Thánh Tông.

(4) Cao Xuân Dục, sách đã dẫn, trang 25.

(5) Xem chú thích số (3) trên.

(6) Viện Nghiên Cứu Hán Nôm Sđd,tr 194. Đây là một trong số 13 bài thơ của Lê Thánh Tông làm về mười ba cửa bể mà nhà vua đã có dịp nghỉ lại trong lúc đem quân đi đánh Chiêm Thành năm 1471. Những bài thơ này cùng mấy bài thơ họa lại của các quan, được ghi chép thành tập *Minh Lương Cẩm Tú*, hiện được cất giữ tại Thư Viện Viện Nguyên Cứu Hán Nôm ở Hà Nội. Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* của Cao Xuân Dục cũng có ghi bài thơ này của Lê Thánh Tôn. Tuy nhiên, sách *Cố Đô Huế* của Thái Văn Kiểm, trang 218 lại thấy ghi bài thơ trên là của chúa Ngãi Nguyễn Phúc Trăn, tưởng e có sự nhầm lẫn chăng?

(7) Viện Văn Học, *Hợp Tuyển Thơ Văn Việt Nam*, Tập II, Nxb Văn Hóa, Hà Nội, 1962, trang 334-335.

(8) Xem chú thích số (1) trên.

(9) Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb Khoa Học, Hà Nội, 1964,

trang 173 - 186: "Sự mở mang lãnh thổ vào Nam qua các đời Lý, Trần, Hồ, Lê".

Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, Quyển I, Trung Tâm Học Liệu xb, Sài Gòn, 1971, trang 262- 264: Lê Thánh Tông, Đánh Chiêm Thành... Giao thiệp với Tàu.

Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, *Lịch Sử Việt Nam*, Tập I, Nxb.KHXH, Hà Nội, 1971, trang 273- 274: "Địa vị của nước Đại Việt và quan hệ bang giao với các nước".

(10) Để thêm tài liệu về mấy bài văn và thơ của Đào Duy Từ, xin xem:

- Phạm Văn Diêu, *Văn Học Việt Nam*, Tân Việt, Sài Gòn, 1960, trang 616 - 618.
- Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*, Tập II, Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn, 1963, trang 203 - 212.
- Phạm Việt Tuyền, *Văn Học Miền Nam thời Nam Bắc phân tranh*, Khai Trí, Sài Gòn, 1965, trang 57 - 80
- Nguyễn Văn Sâm *Văn Học Nam Hà*, Lửa Thiêng, Sài Gòn 1973, trang 121 - 135.

(11) Trích *"Tư Dung Văn"*, theo bản sao lục của Ngô Lê Tố. *Hợp Tuyển Thơ Văn Việt Nam*, Tập II, trang 599 - 610 và Tài Liệu in ronéo của Trường Đại Học Sư Phạm Huế, 1970, trang 44 - 56. Ở các nguyên bản trên đây, câu số 326 đều thiếu chữ thứ 2.

(12) *"Hải Môn Ca"* bằng chữ Nôm, Bửu Cầm phiên chú, *Văn Hóa Nguyệt San*, Tập XIII, Quyển 9, tháng 9 - 1964, trang 1149 - 1155.

(13) Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí*, trang 66 - 67 có ghi: "...Người xưa có câu ca thuộc cửa biển Tư Hiền "Hải nhi hữu thần lãng, Lãng lũ phúc nhân châu" (Đầm Hải nhi có sóng thần, Sóng hay úp ghe thuyền). Thuở vua Thái Tông hoàng đế bản triều (1648 - 1686) có ngự đến đấy hiện trông thấy con sóng yêu quái nhận chìm ghe thuyền của người ta. Vua cả giận, khiến bắn hai phát đại bác, trong đám sóng ấy có hai con sóng phun máu đỏ biển, còn một con sóng khác chạy tránh ra xa ngoài biển lớn. Từ đó về sau ghe thuyền qua lại khỏi bị nạn nữa. Đến nay người ta còn ca tụng..."

(14), (15), (16) Xem chú thích số (1) trên.

San Diego, V - 1994

• *Đoàn Khoách.*

Cáo Lỗi:

Tuyển Tập Nhớ Huế số 5, trong bài "Nhất Huế" trang 63 đến 70 có những lỗi sau:

- Trang 63, cột 1, dòng 30: không có (xin đọc) không phải không có.
- Trang 63, cột 1, dòng 31: nét chữ (xin đọc) nét như chữ.
- Trang 64, cột 2, dòng 36: xứ (xin đọc) sứ.
- Trang 65, cột 1, dòng 35: ki (xin đọc) khi.
- Trang 67, cột 2, dòng 14: thường (xin đọc) thượng.
- Trang 67, cột 2, dòng 21: liên (xin đọc) liềm.
- Trang 67, cột 2, dòng 26: vô...nghệ (xin đọc) khởi...kinh
- Trang 67, cột 2, dòng 33: Tịch (xin đọc) Tịnh.
- Trang 68, cột 1, dòng 21-36

và cột 2, dòng 16-31: (xin đọc) chen lẫn nhau cột 1 dòng 21 rồi tiếp cột 2 dòng 16, cho đến cột 1 dòng 36 rồi cột 2 dòng 31.

- Trang 68, cột 2, dòng 1-15

và dòng 32-44 + trang 69 cột 1, dòng 1-2: cũng xin đọc chen lẫn nhau cột 2 dòng 1, tiếp cột 2 dòng 32, cho đến cột 2 dòng 15 rồi trang 69 cột 1 dòng 2.

- Trang 69, cột 1, dòng 4: mà (xin đọc) đà.
- Trang 70, cột 2, dòng 23: Jhon (xin đọc) John.

Chúng tôi xin thành thật cáo lỗi cùng tác giả và độc giả.

TTNH.

Sanh Điệu

Hoàng Trọng Thược

Thường thường người ta làm văn tế là để tế người chết, chứ không ai làm văn tế để tế người còn sống. Thế mà tại cố đô Huế, vào mùa xuân năm Tân Mão 1951, khi cụ Ưng Bình Thúc Giạ, thượng thơ hưu trí, được 75 tuổi, các bạn làng thơ đã bày ra lễ điếu sống tiên sinh, trước là để cho bạn bè con cháu đến mừng thọ và sau là cho các thi bá có dịp trổ tài Lý Đỗ. Đó là một trò chơi tao nhã, có pha một phần nào tính chất hài hước, bày cho chúng ta thấy một khía cạnh độc đáo của tinh thần trào phúng trong thi ca xứ Huế.

Cụ Ưng Bình Thúc Giạ là một thi ông nức tiếng của làng Nho nước nhà, đã được các bạn làng thơ bầu làm chủ súy *"Hương Bình Thi Xã"* trong một thời gian khá lâu cho đến ngày Cụ mất (4. 4. 1961). Cụ là con Cụ Hiệp Tá Tiểu Thảo Hồng Thiết, cháu nội đức ông Tuy Lý Vương (một đại thi hào Việt Nam, tác giả bộ "Vỹ Dạ Hợp Tập")

Về lễ sanh điếu nói trên, cụ Phù Giang Phan Thế Roanh, trong bài *"Tiểu sử của Cụ Ưng Bình"*, xuất bản năm 1961, đã ghi lại những chi tiết khá lý thú như sau:

"Nhân trong một cuộc hội ngâm (của Thi Xã Hương Bình), có mấy vị đã nhắc tới những bài điếu văn tuyệt tác, Tiên Sinh (Cụ Thúc Giạ) nhận thấy rằng các bạn già nên được phúng ngay từ khi còn sống mới thưởng thức được văn hay. Thế là chỉ dăm ngày sau, Tiên Sinh bắt đầu nhận được những bài thi văn sanh điếu của các thi hữu xa gần, và của nhiều người mà Tiên Sinh chưa từng quen biết. Rồi một hôm, cách đó hơn ba tuần, bạn bè các nơi tấp nập đến viếng Tiên Sinh. Lúc bấy giờ, tại hưu đình Lộc Minh (nơi hưu dưỡng của Tiên Sinh thường dùng làm chỗ hội ngâm của Thi Xã), la liệt đối trướng treo kín mấy bức tường, ngổn ngang giấy tờ bày trên mặt án, xanh đỏ chen nhau, nào văn tế, nào câu đối, nào thơ, nào ca trù, nào ca Huế, nào hò mái nhì, lời vui hơn Tết. Tận đàng xa, đã nhìn thấy trương đăng kết thái, lại vẳng nghe thấy tiếng rộ cười, xen lẫn với tiếng ngâm đọc du dương, tiếng đàn ca thanh thót."

"Bài văn tế và câu đối sau đây là của Cụ Nguyễn Khoa Vy, do ông dược sĩ Nguyễn Văn Lộc quỳ đọc mừng Tiên Sinh trong dịp lễ sanh điếu:

"Ai ơi!
Nhân dục vô nhai,
Thiên cơ mặc liệu.
Vẫn biết sống già mệt xác, trăm người cũng muốn sống dai.
Tuy rằng chết trẻ khỏe ma, mấy kẻ mà ưng chết yểu.
Kính duy Tiên Sinh;
Mến cảnh điền viên,
Nặng tình lăng miếu,
Niên xỉ tuy cao,
Tinh thần chẳng yếu
Làm thi ca đầy đủ tính tình,
Đặt tuồng văn đành rành âm điệu.
Trước xuất sĩ vô tòa Bảo Hộ, đậu cử nhơn qua chức Nam Triều.
Sau hồi hưu thay mặt nhân dân, làm Viện Trưởng nên tài Đại Biểu.
Hay dè dặt lời ăn tiếng nói, vẫn không ngọng bởi xôi chùa,
Cứ thẳng ngay nước bước đường đi, nào có oam như tre miễu.
Ba bốn tỉnh làm quan thanh bạch, vàng thoi bạc nén không dư,
Mấy mươi năm vui thú giang hồ, gió mát trăng thanh chẳng thiếu.
Có ngôi mạng phụ, đã lo âu giữ mối cầm giường,
Thêm vị tiểu tính, lại săn sóc quạt màn sửa chiếu.
Trai lớn khôn Bửu Tường, Bửu Bá, cũng tài ba sẵn tánh thông minh.
Gái ngây thơ Hỷ Thọ, Hỷ Khương, đủ công hạnh có bề yểu điệu.
Tiểu Thảo đình cảnh cũ, thêm tươi màu ngọc diệp kim chi.
Tuy Lý Phủ gương xưa, thường tỏ vẻ thần trung tử hiếu.
Quan triều trọng vọng, đã là ông chức tước cao cao,
Sơm thủy nhàn du, lại có vẻ thần tiên tiểu tiểu.
Hôm nay:
Gặp tiết xuân quang,
Lễ bày sanh điếu.
Rượu trà có sẵn đầy ve,
Trướng liễn treo lên đủ kiểu.
Kẻ câu thi, người câu đối, văn chương khác thể gấm thêu,
Kìa sắc đỏ, nọ sắc xanh, phên vách nhuốm màu vóc nhiễu.
Bạn bè lui tới, nghe ngâm nga nào có nghe than,
Con cháu vô ra, thấy vui vẻ mà không thấy mếu.
Bàn bàn tiệc tiệc, ngạt ngào hương rượu cúc trà sen,
Hát hát ca ca, tươi tốt sắc má đào mày liễu.
Khi sống thử làm khi chết, Cụ ưng chơi mà họ chẳng dám chơi,
Chuyện buồn đem diễn chuyện vui, mình tưởng giễu mà ai cho là giễu.
Ba vạn sáu ngàn ngày có mấy, dẫu hèn dẫu quý, đò âm dương một chuyến phải qua.
Một trăm hai chục tuổi là ai, nào dại nào khôn, lẽ Tạo Hóa mười phần đã hiểu.
Gặp gỡ nay đà đủ mặt, chén kim bôi rượu thọ chúc mừng,
Dở hay chi cũng tiếng mình, bài văn tế món quà xin biếu
Phục duy phủ giám."

CÂU ĐỐI:

"Cô Huệ, Cô Na, đương học vở kép đào, họ quyết yêu cầu Thầy ở lại.
Ông Lý, ông Đỗ, dẫu ngứa nghề ngâm vịnh, ai cho nghênh tiếp Cụ về chơi".

Một thi sĩ Vô danh đã có bài thơ viếng như sau:

Tuổi bảy mươi lăm, Phật ở đời,
Vui khi còn sống điếu mà chơi
Con dâng lễ cúng, hầu ban chuyện,
Bạn viết văn ai, đến chọc cười.
Xót mắt bụi trần, chưa nỡ nhắm,
Nóng lòng việc nước, để chờ coi.
Hoàng gia nguyên lão còn không mấy,
Dưới đất văn chương nỏ thiếu người.

Cụ Tống-Nguyên Nguyễn Hữu Hậu cũng có bài ca trù viếng như sau:

"Phù sinh nhược mộng,
Ai sống đây mà điếu sống ai đây?
Phải chăng người tri kỷ xưa nay,

Là thi bá tiếng Thầy Thúc Giạ Thị
Tao đàn sẵn nếp nhà Tuy Lý,
Hoạn lộ dường chan bước Thượng Thơ.
Vẻ người trang nhã dễ ưa,
Khi chén rượu lúc câu thơ tính tình đủ.
Văn thái phong lưu nhân bất hủ,
Với Hương Bình còn lắm thú thanh cao,
Gió trăng ngày tháng tiêu dao.

Tiên Sinh có tạ lại các bạn làng thơ bằng bài ca trù sau đây:

Xuân phong vô dạng.
Mình còn đây mà liễn điếu bạn đi đây:
Xanh xanh đỏ đỏ chưng đầy,
Hàng Nhựt có, hàng Âu Tây cũng có.
Ngâm luật ngôn ngôn giai cẩm tú,
Ca trù tự tự lẫn châu ky,
Những câu ca câu đối lại siêu kỳ,
Thiệt chết cũng e khi mừng sống lại.
Huống thử bạch đầu xuân tự tại,
Bẩy mươi lăm xuân hãy còn xuân.
Ngỏ lời tạ đấng văn nhân.

*

TIỆC CỬU TUẦN THƯỢNG THỌ

Một ngày vào khoảng năm 1964, Cụ Thảo Am Nguyễn Khoa Vy (sinh năm 1881 tại làng An Cựu Huế), mở tiệc ăn mừng thượng thọ 90 tuổi tuy vào lúc đó, cụ chỉ 83 tuổi thôi. Vì Cụ có chân trong "Hương Bình Thi Xã", nên các bạn bè Thi Xã đến dự tiệc rất đông. Ai nấy đều có một bài thi để mừng Cụ. Riêng thi hữu Vân Am Nguyễn Bá Nhiệm thì làm một bài ca trù khá hài hước như sau:

MƯỜU

Tuổi trời mới tám mươi ba,
Còn nhiều nợ lắm, sao đà thác cho:
Nợ Xã Tắc (1), nợ giang hồ
Nợ cô bán rượu, nợ o lái đò.

NÓI

Cửu tuần thượng thọ,
Trước bảy lăm, gọi có tiệc tùng chơi
Vẫn còn đang vui sống dẻo dai,
Nợ trần tục, trót vay ai - âu phải trả.
Mô Phật! Cũng ưng thành chánh quả,
Yêu đời, còn muốn ngắm danh hoa.
Trâu tuy tra, sừng vẫn chưa tra,
Nâng chén thọ lân la cùng tuổi trẻ.
Phú quý, công danh là bánh vẽ,
Cứ vui lên cho trẻ lại cái thân già,
Trăm năm còn có bao xa

Vân Am.

Chú thích:

(1) Cụ Thảo Am Nguyễn Khoa Vy có một người nhân tình ở trên Xã Tắc trong Thành Nội Huế.

• *Hương Thủy*
Hoàng Trọng Thược.

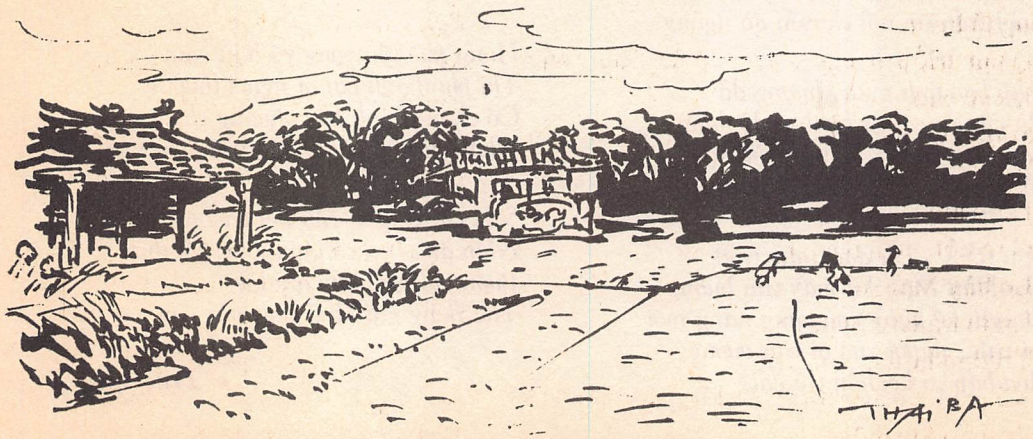

PHÚ XUÂN THÀNH HOÀI CẢM

Bao lần Hương phế
Công hầu đế bá là ai
Giòng Hương đỉnh Ngự
Xanh xanh sông núi còn dài

Mây côi vòng cỗ lũy
Nhạn lẻ vút kỳ đài
Hương Bình phong cảnh cũ
Tân chủ mấy lần thay

Nào ai ai tỉnh ai say
Được thua thua được vẫn xoay thế cờ
Nắng mưa núi nọ còn trơ
Đìu hiu lau lách lững lờ giòng kia

Lơ thơ mấy lá đi về
Một câu mái đẩy trăm bề cảm thương
Chinh chiến thiêu tàn cây đỉnh Ngự
Phong ba nhồi đục nước giòng Hương

Thành lở bồi hồi niềm cảm cựu
Sen tàn ngao ngán nỗi tang thương
Kỳ đài cờ đổi bao nhiêu lá
Ngũ Phụng lầu trơ nét đế vương

Vàng phai son nhạt thôi thôi vậy
Lăng tẩm rêu phong dáng vẫn Rồng
Một thời Chiêm quốc hai triều Nguyễn
Công hầu đế bá chuyện thành không.

Núi Ngự không cây người trước khóc
Sông Hương nhuốm máu lớp mình thương
Một lần tiêu thổ tàn cung điện
Bia miệng nghìn năm rủa lũ cuồng.

Ai thiêu? ai phá? ai làm sĩ?
Riêng Huế thầm đau giữa đấu trường
Tràng Tiền đứt đoạn cầu ba nhịp
Hai bờ duyên nối chuyến đò ngang

E ấp bao tình mùa phượng đỏ
Mà cũng ngậm ngùi bao dở dang
Cồn xinh bến cũ đâu người cũ
Lỗi hẹn đò xưa không thấy sang.

Đâu rồi Vỹ Dạ đài trang trước
Thơ Hàn Mặc Tử mấy vần buông
Chuyện kể hàng cau cùng nắng mới
Lá trúc... người xưa ôi vấn vương
Hoa bắp có lay hồn trẻ dại

Gọi dùm cái tuổi chớm yêu đương
Đông Ba Gia Hội thuyền chi chút
Bát cạy lừng vang cả khúc sông

Qùa ngon đủ vị bày xinh xắn
Chén đĩa con con sắc trộn hương
Một chiếc tròng con chè đủ thứ
Đêm hè ngọt miệng khách thừa lương.

Nước non nghìn dặm câu ly biệt
Đời sau nhỏ lệ khóc công nương
Tàu chạy kéo neo từ buổi ấy
Ai người ngùi cảm thân phế vương

Non nước chạnh lòng thương thiếu đế
Há đem thành bại luận anh hùng
Chèo văn lơ lớ kêu ma dậy
Tưởng hồn Chiêm Quốc múa trong sương

Đêm tàn bến Ngự tân hòa cổ
Thần tình điêu luyện giọng Minh Trang
Chan chứa bao tình phong cảnh Huế
Êm đềm nét nhạc Nguyễn Văn Thương

Cố đô thi xã bao vần điệu
Dìu dặt còn vương trên giòng Hương
Kính Chỉ, Thảo Am, Thúc Giạ Thị
Khóc cười dâu bể mấy triều vương

Tùng, Tuy hai phủ dù hoang phế
Thơ giá còn treo thất thịnh Đường.
Tao nhân mặc khách đâu đâu tá
Nào đâu hào kiệt đâu anh hùng

Hương phế tồn vong vô hạn cảm
Thị phi thành bại ai người thương
Có chăng Linh Mụ chuông chiều sớm
Nhắc chuyện vô thường trên bến sương

Sớm chiều Linh Mụ hồi chuông
Nhịp đưa kim cổ lớp tuồng đổi thay
Buồn vui trời đất còn dài
Tấc riêng giữ Huế chút này còn lưu

• ***Trúc Chi***

Lên Chùa

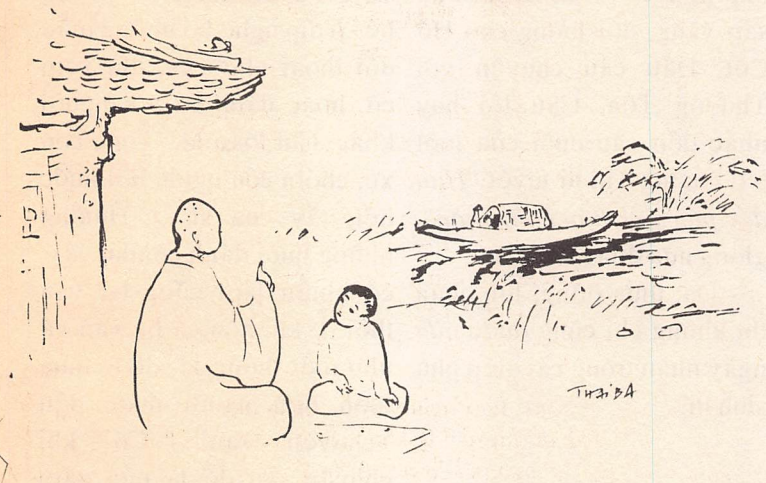

Trúc Chi

Gia đình tôi bắt đầu lui tới Chùa từ đời bà nội tôi. Mỗi khi có việc đến cửa Phật, trong nhà thường dùng mấy tiếng "lên chùa, lên mời thầy, đem lên cúng trên chùa". Thành thử đối với anh em tôi, "lên chùa" tức là lên chùa đó, chứ không phải một ngôi chùa nào khác. Tôi nghĩ trong nhiều gia đình hay đi lại chốn sơn môn, có lẽ cũng có một lối nói như vậy, tùy theo vị trí của nhà họ đối với ngôi chùa mà họ thường lui tới: ra, vô hoặc xuống chùa.

*

Sở dĩ trong nhà tôi dùng hai tiếng "lên chùa" là vì chùa nằm phía núi, bên một thung lũng nhỏ mà thoáng, cạnh một con đường đất quanh co chạy từ đường nhựa dẫn lên đàn Nam Giao. Chắc con đường nhựa cũng có tên của nó, nhưng người Huế ít dùng, mà chỉ gọi nó là dốc Nam Giao. Đi bộ mà trèo đến lưng chừng dốc thì đã mệt rồi, nhưng lúc bắt đầu vào con đường đất để vào chùa là thấy khỏe ngay vì đường thoai thoải đổ xuống thung lũng. Đường núi, nên có lúc cỏ dại lan tận giữa lối đi. Nhiều khi sau mùa mưa, nước xoáy trôi đất, để lại những ổ gà sâu hàng tấc mà không ai lấp. Hai bên đường, lụp xụp dăm mái tranh nghèo nàn, cũ kỹ. Những hôm rời chùa vào lúc trời chiều trút những cơn mưa dầm lạnh buốt, ánh đèn dầu phụng vàng vọt hắt ra từ những mái nhà tranh đó trông buồn thiu. Qua khỏi dãy nhà tranh đó là tới chùa. Đặc điểm của chùa là không có cổng. Tôi cũng không biết tại sao. Thay vì qua cổng để vào chùa thì ở đây phải đi qua một cái giếng sâu thẳm. Ngày nhỏ, tôi vẫn tựa mình vào bờ giếng, liếc xuống đáy mà không dám nhìn lâu, sợ ngợp. Cũng không biết giếng sâu bao nhiêu thước. Nhưng chỉ nhìn ở đầu chiếc gầu thiếc, có sợi giây thừng cuộn tròn thành một đống cao đến nửa ống quyển tôi lúc bấy giờ, tôi cũng biết là giếng sâu lắm.

*

Anh em tôi gọi Thượng Tọa Trụ Trì là "ôông". Cái âm này, tôi nhớ là không hề thấy trong Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp đồng ấu. Chỉ nhớ rằng có âm "oong", như khi nói chuông kêu boong boong. Thành thử tôi cũng dựa theo âm "oong" mà viết "ôông". Phải nói dài dòng về chữ "ôông" là vì thỉnh thoảng đọc trên một số sách báo thấy nói đến "các ôn trên chùa". Vẫn biết chữ "ôn" mà đọc theo giọng Huế thì nghe như "ôông", nhưng nhìn hơi chướng mắt. Vì liên tưởng của tôi cứ nghĩ đến "ôn dịch hoặc ác ôn". Âm "ôông" nguyên là âm "ông" mà đọc trại ra như vậy. Ở một vài tỉnh miền Trung, có nơi gọi ông bà nội ngoại là "ôông mệ". Mấy tiếng dễ thương như vậy mà đem bỏ chữ "G" trong chữ "ông" để nó trở thành chữ "ôn". Thật tình tôi thấy hơi gai mắt! Tôi cũng theo người lớn trong

nhà mà gọi các vị trong chùa là Thầy, Chú, Điệu vân vân chứ thật tình hồi nhỏ tôi không có một ý niệm nào về đẳng cấp của các vị trong chùa.

*

Cảm giác quen thuộc mỗi lần vào chùa là mát và thoáng. Đành rằng trèo hết con dốc dài để đến chùa mà được ngồi ngay xuống tam cấp xi măng sạch bóc để nghỉ chân là đã mát rồi. Nhưng cái mát ở đây có vẻ như được thêm phần dịu dàng nhờ vào những đợt gió núi lào rào thổi qua bờ tre, vườn chuối. Cái mát ở đây tỏa ra từ phản ngựa, bàn ghế, án thờ sạch sẽ không một mảy bụi. Thoáng, là vì chùa rộng mà đồ đạc bày biện sơ sài. Trừ những cột gỗ sườn nhà ám hương khói nâu đen trên Chánh Điện, còn thì chỗ nào cũng sáng sủa. Trưa hè, ngồi trên tam cấp trước Chánh Điện, lơ đễnh nhai mấy trái ổi sẻ chát ngắt trộm ở chậu kiểng ngoài sân chùa, hít mùi hương trầm đã bớt ngạt ngào sau giờ cúng Ngọ, tôi vẫn thường ngủ thiếp đi giữa một vài tiếng gà núi vọng về từ bên kia thung lũng xa lắc.

Thượng Tọa Trụ Trì và Cậu tôi - tôi gọi cha tôi là Cậu - vốn là một đôi bạn vong niên. Cậu tôi làm việc ở các tỉnh xa, nhưng mỗi lần có dịp về Huế, kể như lần nào cũng có "lên thăm ôông". Và mỗi chuyến lên núi như vậy thì tôi là chú tiểu đồng của Cậu tôi - một khách Đàn Việt còn vướng trần duyên, nhưng không bao giờ quên gửi tấm lòng thành kính đối với Phật, cũng như cái thắm thiết mà bằng bạc của tình bằng hữu, vào một chai mật ong nguyên chất, dăm bánh sáp vàng, đôi lượng cao Hổ Cốt. Đầu câu chuyện với Thượng Tọa, Cậu tôi hay nhắc đến câu cuối của một bài Đường Thi tứ tuyệt *"Hựu đắc phù sinh bán nhật nhàn"*, giọng nửa đùa nửa thật:

- Dạ, thưa ôông, lên chùa thì không chi cũng được nửa ngày nhàn trong cái kiếp phù sinh ni.

Thượng Tọa mỉm cười hiền lành, gọi Điệu pha trà. Khi chùa rảnh việc, lại bày bàn cờ tướng ra nữa. Tôi đứng xem, học nước. Mà cái lối chuyện trò trong những buổi đấu trí như vậy cũng tao nhã lắm. Cứ cái việc nhường nhau đi nước đầu cũng mất một hai phút. Không nghe "ăn" quân nào, cũng không thấy "chém" con nào cả. Chiếu tướng chỉ hô nhẹ, bắt con nào cũng báo cho đối phương biết. Đặc biệt là không hoàn, không hựu một nước nào cả.

- Dạ xin chiếu.

- Dạ xin ôông con tốt biên.

- Dạ, con xe tui đương bắt con pháo tuần hà của ôông.

Đại để lối nói chuyện như vậy. Về sau này, tôi không hề có dịp nghe lại những mẩu đối thoại như vậy, khi xem cờ, hoặc đánh cờ với người khác. Chỉ toàn là "Thọc con xe, chém con ngựa, hỏi nước hết, tẩy con sĩ"... Thường những buổi đánh cờ như vậy, có nhiều lắm cũng ba ván thôi. Ít khi hòa cả ba ván và như một thông lệ, được thua luôn hẹn người được đến "chuyến sau". Có khi chuyến sau đó là nửa năm trời, chín mười tháng.

*

Xong mấy ván cờ, Thượng Tọa và Cậu tôi xoay sang nói chuyện Phật sự trong tỉnh, trong nước. Hồi đó, Đức Quốc xã đang thắng thế trên mặt trận Âu Châu, nên đôi khi câu chuyện cũng có đề cập đến tình hình chiến sự. Trong chùa có treo một bức địa đồ thế giới mà địa danh viết toàn chữ Hán. Tôi đứng xem Thượng Tọa và Cậu tôi vừa chuyện trò vừa chỉ chỏ vào bức địa đồ, học được mấy chữ là lạ như Bỉ Lợi Thì, Nhật Nhĩ Man, Nam Tư Lạp Phu. Mỗi lần bàn đến chuyện nước Pháp thất trận, tự nhiên không ai bảo ai, hai người cùng hạ giọng, rồi tôi nghe Cậu tôi cất tiếng cười sảng khoái trong khi Thượng Tọa bỏm bẻm nhai trầu gật gù cười hóm hỉnh. Những âm thanh, động tác đó, lặng đi đã lâu lắm rồi, ngót năm mươi

năm rồi chứ có ít, vậy mà bây giờ tôi còn lắng nghe được giọng cười của Cậu tôi, hình dung được cái dáng khom khom của Thượng Tọa, tôi còn thấy luôn được cái thằng tôi đứng nghe chuyện người lớn mà mắt thỉnh thoảng lơ đễnh liếc nhìn bộ râu quai nón của ngài Đạt Ma trong một bức chân dung treo trên vách.

Hồi Thượng Tọa viên tịch, Cậu tôi thương tiếc lắm, lên ở lại luôn trên chùa để lo việc tống táng. Cậu tôi buồn rầu nói với đệ tử trưởng của Thượng Tọa:

- Tui cũng tính sau ni về hưu rồi lên ở với ôông mà học Đạo. Trời không để ôông sống thêm ít lâu nữa.

Cảm cái tình bạn hữu giữa Thượng Tọa và Cậu tôi, cụ Hồ Văn Đàm vốn là một nhà nho đã lớn tuổi, và cũng là chỗ thâm giao với gia đình tôi, đã đi một câu đối mà chữ nghĩa thật là trác luyện:

"Lòng hào kiệt, lượng từ bi, mắt xanh biết giữa cõi trần, mấy độ Khê hùm cười hả hả (1).
Nghĩa trượng phu, tâm Cực Lạc, sen trắng nở trên hồ báu, từ đây non Thứu sống như như" (2).

Cạnh bộ tràng kỷ dùng làm bàn trà, bàn cờ tướng, có một tủ kính dài chứa rất nhiều sách và kinh chữ Hán. Hồi đó, tôi chưa biết chữ Hán nên không biết kinh gì, nhưng sách Quốc Ngữ trong đó tôi nhớ có mấy tập Viên Âm, Đuốc Tuệ và một quyển nhan đề là Lịch Sử Phật Tổ mà tôi rất thích. Chuyện đời Đức Thích Ca tôi đã biết sơ qua rồi, nhưng điều làm tôi mê quyển sách đó là những tranh vẽ. Cũng vì những bức tranh đó mà tôi có một lối hiểu riêng của tôi, một lối hiểu mà khi về nhà kể cho các anh chị tôi, bị chê là "u mê". Chẳng hạn người đánh xe cho Đức Phật khi Ngài bỏ hoàng cung tại thành Ca Tỳ La Vệ để tìm Đạo, tên là Xa Nặc. Tôi nghĩ rằng Xa là Xe, Xa Nặc thì đánh xe là phải. Còn ông Kiều Trần Như, chắc tên phải như vậy là vì ông khoác một tấm vải trên người, còn vai để trần. Thái Tử Tất Đạt Đa mà đi tu chắc chắn là phải thành Phật, vì tất phải đạt. Ai đi đâu mà biết rằng đó là âm Hán Việt của tiếng Phạn!

Trong số các vị trong chùa, tôi được gần gũi nhất với một thầy mà cho đến nay tôi không biết tên gì, hay pháp danh gì. Thầy hiền, dáng người gầy nhưng khỏe mạnh. Tôi nhớ hình như mọi việc trong chùa đều do thầy cáng đáng cả. Sửa một bậc xi măng đã sứt, gắn miệng chum tương đã rạn, chẻ củi, xếp giấy vàng giấy bạc, viết sớ... mỗi mỗi đều một tay thầy cả. Hôm nào được ở lại chùa hai ba hôm, tôi theo thầy sát nút, bởi thầy vui tính hay nói chuyện với trẻ con. Buổi sáng ngủ no mắt rồi, chạy ra sân múc gáo nước rửa mặt là đã nghe tiếng thầy gọi: "Mau lên, vô ăn cháo!". Tôi ăn ngon lành hai chén cháo với muối thơm bùi, mặn mà, không cần biết trong chùa đã ăn hay chưa. Mãi sau này lớn lên, biết nhìn rộng một chút để vượt ra khỏi cái thế giới của tuổi vô tư, tôi mới biết rằng chùa không có ăn sáng, nhưng thầy dậy thật sớm đặc biệt để nấu cháo cho tôi theo lời dặn của ôông.

Phải nhìn cái cách thầy sử dụng con rựa mới thấm được hết ý nghĩa câu ngạn ngữ của Tây Phương "nhu cầu là mẹ đẻ ra mọi phát minh". Một buổi trưa, tôi đang thơ thẩn ngoài sân chùa, chợt nghe thầy gọi theo thầy xuống vườn chặt tre. Hỏi chặt tre để làm gì. Thầy đáp là làm đũa. Vậy là với một cái rựa đó, thầy đã đốn, chặt, tiện, chẻ, vót, chuốt... chẳng bao lâu mà đã xong đến chừng chục đôi đũa đều nhau, không một chiếc nào dài hơn chiếc nào, mà kỳ thú nhất là đường kính của mỗi chiếc đũa đều bằng nhau nhờ vào một lối đo rất thông minh: ở cán rựa, không biết tự bao giờ, thầy đã đục hai ba cái lỗ lớn nhỏ khác nhau. Làm đũa lớn thì chuồi vào lỗ lớn, đũa nhỏ thì luồn vào lỗ nhỏ, chật một chút là thầy lại vót bớt, và cứ thế mà đo đường kính, không sai đi một ly.

*

Một hôm khác, thầy trải giấy ra bàn, lấy viên đá trắng trơn tru chặn đầu trang giấy, hí hoáy viết. Tôi biết thầy đang viết sớ nên cũng không dám quấy rầy. Nhưng nhìn thầy viết một lúc, không kiên nhẫn được nữa, tôi vọt miệng hỏi:

- Mấy chữ ni là chữ chi thầy.

Thầy ngừng bút, nhẹ đẩy tay tôi ra:

- Ấy, mực chưa khô, đừng có đụng nó nhem hết. Đó là mấy chữ Từ Quang Tự, tên chùa mình đó. Con biết chùa mình tên là chùa Từ Quang chớ?

- Dạ biết. Còn Từ Quang là chi thầy?

Thầy cúi đầu, nhoẻn miệng cười, nhìn tôi qua đôi kính cũ kỹ mà gọng kính gãy đã được nối bằng một nan tre thật nhỏ. Rồi thầy nheo mắt, như cố tìm cho ra một lối cắt nghĩa dễ hiểu cho hợp với cái tuổi của tôi lúc bấy giờ:

- Từ là hiền lành, như chữ Từ Bi mà con đã thấy trong quyển Nghi Thức Tụng Niệm đó, Quang là sáng, là ánh sáng. Từ Quang là ánh sáng mát mẻ của hào quang Đức Phật, ánh sáng dịu dàng của Đạo Phật.

Dĩ nhiên tôi hiểu được ánh sáng của hào quang, nhưng ánh sáng của Đạo thì, thú thật, hồi đó, tôi không hiểu nổi. Nhưng cũng không tò mò hỏi thêm. Mãi về sau này, lớn lên, cuộc đời nó đẩy mình vào những lối đi đầy những đùa bỡn hắc búa của chữ nghĩa, rồi có dịp đọc thêm được một vài quyển sách diễn đạt tư tưởng Đạo Phật, thỉnh thoảng dừng lại ở một vài đoạn khó hiểu, tôi mới sực nhớ ra rằng câu nói giản dị của thầy là sâu sắc. Hàng trăm nghìn danh từ mà các học giả trong và ngoài nước đã nặn óc ra để diễn dịch giáo lý nhà Phật, chính xác thật đó, minh bạch thật đó, nhưng riêng đối với tôi, chúng không có cái tác dụng sâu xa của mấy tiếng: ánh sáng dịu dàng của Đạo.

Mà kể cũng dễ hiểu. Tôi xem Kinh và Luận để mong trau dồi kiến thức về Đạo. Còn chính Đạo đã đi vào lòng tôi qua một lối đi khác đã lâu rồi. Lối đi đó chập chờn ẩn hiện qua bờ giếng sâu, qua chén cháo trong chùa, qua nhân duyên của gia đình tôi đối với cửa Phật, qua hương ngọc lan thoang thoảng giữa trưa hè, qua những hình ảnh vụt hiện về mà không cần phải vận dụng một cố gắng nào để đào chúng ra từ một quá khứ đã xa lắc xa lơ. Lối đi đó hình như đã đưa lại được cho tôi một vài phút yên tĩnh trong cái nháo nhào của làn sóng trùng trùng duyên khởi này.

Thành thử, đôi khi chỉ cần nhắc đến hai chữ "lên chùa" là lòng tôi lâng lâng. Tôi có rất nhiều lý do để nghĩ rằng tôi không phải là một Phật tử thuần thành. Nhưng có cái lạ là mỗi khi nghĩ như vậy thì hình như lại muốn... lên chùa.

• *Trúc Chi*

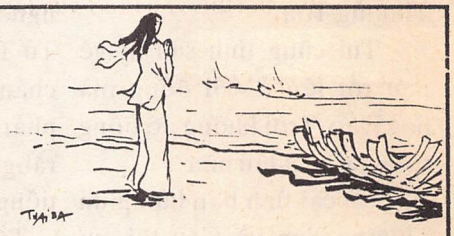

Tình Hoài Hương

Bao giờ về lại quê hương
Để hơ ấm lại niềm thương bao ngày
Người đi lạnh gió heo may
Muốn về nắm lại bàn tay ân tình.

Đường xa rảo bước một mình
Chập chờn sống lại bóng hình quê xưa
Người đi nhớ tiếng gà trưa
Mơ về kỷ niệm chiều mưa quê nhà.

Ai nghiêng vành nón ngọc ngà
Cho ta áo trắng đậm đà hương quê
Người đi thương nhớ muốn về
Che căn lều cỏ cận kề bến quê

Cali 6/93

• *Thanh Toàn*

THI CỬ THUỞ XƯA Ở ĐẤT THẦN KINH HUẾ

Lê Văn Lân

(Thân tặng Anh Chị BS Võ Văn Tùng)

Một câu ca dao nhất quyết phải phát sinh từ Huế vào thuở xưa là:

Học trò trong Quảng ra thi,
Thấy O gái Huế chân đi không rời

Trong câu này ngẫm nghĩ ra có ít nhất ba điều đặc biệt về phương diện lịch sử. Đó là:

O gái Huế, học trò trong Quảng, chuyện đi thi. Chuyện đi thi ở Huế là chủ đề của bài này, nhưng cho phép tôi nói sơ về O gái Huế và học trò trong Quảng trước để làm duyên.

O gái Huế thì hồi mô mà chẳng mỹ miều, nhất là ăn nói "dỏ dẹ", "dễ thương bắt chết" từ thuở xưa cho đến thuở ni khiến không cứ "học trò trong Quảng" mà những trò từ ở các "xứ khác" gặp thì đâm ra lưu luyến, không thể rời chân. Thành ra người ta có thể thay đổi câu ca dao trên như ri:

Học trò xứ khác đến thi
Thấy O gái Huế chân đi không rời.

Xứ khác có thể là "xứ Bắc" nói chung cho đám sĩ tử ở Bắc Hà (như Hà Nội, Nam Định, các xứ Nghệ Tĩnh v.v..) hoặc có thể là "Gia Định" miền Nam đi ra... Có cần định nghĩa rõ *"O gái Huế"* là mấy "O" đã sinh trưởng ở Huế mà cha mẹ ông bà đã từng ăn cơm uống nước Huế từng ít nhất là hai ba đời trở lên. Sở dĩ phải nói như vậy, vì tôi thấy nhiều O gái Huế đẹp dễ sợ... thuộc vài đại gia đình vọng tộc ở Huế nhưng gốc gác ở các xứ khác đến từ nhiều đời... (như giòng Nguyễn Khoa, Cao Xuân, Thân Trọng...)

Nước non cơm gạo và phong cảnh xứ Huế có cái công hiệu huyền bí gì khiến nước da và dung dáng ăn nói của các O Huế đổi khác? Ta hãy nghe anh khóa xứ Bắc *"Á Nam Trần Tuấn Khải"* ngẩn ngơ ra sao:

Đoái trông phong cảnh dễ say mơ
Tha thướt bóng hồng dạ ngẩn ngơ
Sớm dạo non Bình thông quyện gió,
Nghe chuông Thiên Mụ động lòng thơ.

Và cái phong cách tay cầm nón che nghiêng nghiêng và cái điệu nhìn mơ mộng của mấy O nữ sinh Huế qua cầu Trường Tiền chẳng phải đợi chừ mới có, mà đã có từ cái thuở năm xửa năm xưa lận khiến *"chàng trai Hà Tiên Nam Kỳ"* Đông Hồ ghi nhận trong thơ (Trong Đôi Mắt Huế - 1939):

Dòng nước sông Hương chảy lặng lờ
Ngàn thông núi Ngự đứng như mơ
Gió cầu vương áo nàng tôn nữ
Quai lỏng nghiêng vành chiếc nón thơ.

Mơ mộng giai nhân buông mắt nhìn
Lâu đài cung điện bóng xa in
Trên nền rực rỡ vinh quang cũ
Cờ biển nghìn xưa bóng khải triền

Khuôn khổ của giấy nhỏ hẹp không cho tôi nhắc đến rất nhiều thơ văn của những Nam Trân, Bích Lan, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương... nhắc đến mấy O Huế ra rằng!

Chữ nói đến "học trò trong Quảng" ra thi... Vào một năm nào đó vua Thành Thái phải khen nức nở về một lúc năm sĩ tử gốc Quảng đậu cao qua câu nói: *"Ngũ Phụng tề phi"* (năm chim phụng cùng bay) gồm các cụ: Phạm Liệu, Phạm Tuấn, Phạm Quang, Dương Hiển Tiến, Ngô Lý! Người đương thời cũng tặng danh hiệu "Tứ Hùng" cho bốn vị liên tiếp đậu thủ khoa các khoa Hương thí năm Dậu (1897), năm Tý (1900) năm Mão (1903) như các cụ Phạm Liệu, Huỳnh Thúc Kháng, Võ Hoành, Nguyễn Đình Hiếu v.v..

Nói cho công bằng thì sĩ tử Bắc Hà (gồm luôn cả Nghệ Tĩnh) hay trong Nam cũng có lắm bậc xuất sắc, đậu tiến sĩ, nhưng cái sự kiện *"thấy O gái Huế chân đi không rời"* mà những chàng trai học trò xứ Quảng chắc là phải thường xuyên xảy ra với xác suất cao hơn các dân xứ khác?... Ví dụ như con số các sĩ tử ngoài Bắc phải lặn lội một quãng đường dài ngót 800 cây số... leo đèo lội suối để vô Huế ít hơn dân từ xứ Quảng đi ra bằng đường đất ngắn hơn hay tiện đường ghe buồm thuận gió? Hay là mấy ông cử nhân tú tài xứ Bắc vô Huế thi.. đã sẵn có những gái xế, bà cử bà tú chờ ở quê nhà... Chẳng nói đâu xa, vào cái thời tui học Quốc Học Huế, có ít nhất vài ông thầy xứ Quảng dạy tui có vợ Huế hay có mối tình với Huế sâu đậm (như các thày họ Phan, họ Lê v.v..)

Đất Thần Kinh Huế trở thành một trung tâm văn hóa bậc nhất của Việt Nam kể từ khi Vua Gia Long chọn đất Phú Xuân làm Kinh Đô sau khi thống nhất sơn hà.

Sau khi đậu cử nhân và tú tài ở các trường thi Hương địa phương, sĩ tử tất nhiên phải đến Huế để thi Hội và thi Đình...

Mấy O gái Huế mỹ miều thì thời này hậu sinh chúng ta vẫn còn gặp vì chừng mô đất Huế còn tồn tại thì mấy "O" vẫn còn đẹp... chứ nói đến những trường thi thuở xưa ở Huế thì tuyệt nhiên khó mà kiếm lại những di tích đó. Thôi đành dở tài liệu xưa ra coi để tìm hiểu vậy. Trong cuốn *"Cố đô Huế: Lịch sử, Cổ tích, Thắng cảnh"* (19) học giả tiến sĩ Thái Văn Kiểm (mà tôi gọi bằng danh từ bình dân là "Ông Nghè Thái") đã ghi khá cô đọng bằng vài giòng sau:

TRƯỜNG THI 试場

Nguyên Trường thi (nơi thi Hương, thi Hội) thiết lập tại nơi này, gần cửa Chính Bắc, thuộc địa phận làng Tây Linh bây giờ (xưa là địa phận phường Ninh Bắc 寧北坊) Đến năm Tự Đức thứ 27 (1874) dời lên làng An Ninh 安寧社 phía trên chùa Thiên Mụ 天姥寺 Năm Kiến Phúc nguyên niên (1884) dời ra làng La Chữ 羅淸社 cách Huế chừng 6 cây số về phía Bắc, gần chân núi. Năm Thành Thái thứ 6 (1894) lại dời về trong Kinh thành (số 90) cũng tại địa phận phường Tây Lộc bây giờ, nhưng gần cửa Chính Tây (xưa là địa phận phường Tây Nghị 西義坊..)

Khoa thi cuối cùng là khoa Mậu Ngọ (1918).

Để cụ thể hóa cái nhìn hơn về quá khứ, có lẽ một cái bản đồ xứ Huế với những dấu đánh mốc sẽ giúp ta biết các trường thi thuở xưa nằm ở những địa điểm nào (Coi bản đồ).

Qua một cuộc điện đàm viễn liên với Thầy Thẩm Phán Nguyễn Hữu Thứ (Mississauga, Canada) nguyên một thời làm Hiệu Trưởng của Quốc Học Huế và là một người có trí nhớ của loài voi (mémoire d'éléphant), Thầy cho biết không còn dấu tích nhà cửa gì trên những địa điểm trường thi cũ. Nếu có chăng là những bãi đất trống trải... Ví thử ít ra, trên những địa điểm này mà có một cái cột đá, ghi khắc một cái bia thì người đời sau đi ngang còn có dịp nhắc nhở một thời lều chõng của những người xưa!

Do đó, tôi nghĩ một cách duy nhất để đi ngược giòng thời gian tìm về cổ tích của

những trường thi xưa là tìm đọc những tài liệu của những chứng nhân...

Khoa thi Hương đầu tiên triều Nguyễn được tổ chức vào năm 1807, tức là năm Gia Long thứ 6. Từ 1807 đến 1825, cứ sáu năm có một khóa thi Hương. Nhưng từ 1825 trở về sau, thì lại cứ ba năm một lần vào các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu. Thời gian trước 1825 thì thi đậu thi Hương gọi là Sinh Đồ và Cống Sinh. Hai danh từ cử nhân và tú tài mới bắt đầu từ 1827 tức Minh Mạng thứ 8. Ngoài các khóa thi Hương thường lệ ở các năm trên, triều Nguyễn lại tổ chức các kỳ ân khoa khi có việc khánh hỉ (như lễ đăng quang, lễ thọ của vua hay các bà Thái Hậu, lễ đản sinh Thái Tử). Nước Việt Nam thời Nguyễn có mấy trường thi sau: Hà Nội (trường thi Thăng Long), Sơn Nam (sau là trường thi Nam Định, Nghệ An, Thanh Hóa, Bình Định, Gia Định... Riêng trường Thừa Thiên thì mới đầu là Trường thi Quảng Đức hay Trực Lệ).

Các sĩ tử muốn dự kỳ thi Hương phải học tứ thư là các sách Luận Ngữ, Trung Dung, Đại Học, Mạnh Tử, phải học ngũ kinh là Kinh Thi. Kinh Thư, Kinh Dịch, Kinh Lễ, Kinh Xuân Thu, phải đọc các sách của các bậc đại nho Trung Hoa và Việt Nam bình luận về đạo Nho, phải thuộc Bắc Sử tức sử Trung Hoa, Nam Sử tức sử Việt Nam, phải học địa lý Việt Nam, Trung Hoa và các nước phiên thuộc Việt Nam, phải đọc thơ phú chữ Hán của các thi hào nổi danh Trung Hoa và Việt Nam, phải đọc bộ Luật Gia Long và các sách giải thích luật lệ, phải đọc các sách nói về các điển chương chế độ Việt Nam. Các sĩ tử phải học làm thơ phú, văn sách, kinh nghĩa, chế, biểu, luận là các thể văn phải làm trong kỳ thi. Các sĩ tử phải có một nền học vấn tổng quát rộng rãi, phải biết quan sát thời cuộc vì trong bài luận và bài văn sách, ngoài các câu hỏi về các việc đời xưa, còn có các câu hỏi về các vấn đề đương thời.

Thời Pháp thuộc, kể từ năm 1909 trở về sau, trong các kỳ thi Hương, ngoài các bài Hán văn còn có các bài làm bằng quốc ngữ như luận, toán, khoa học thường thức, địa lý, còn có bài dịch Pháp văn ra quốc ngữ và quốc ngữ ra Pháp văn.

(Đặng Hữu Thụ - Làng Hành Thiện 1991)

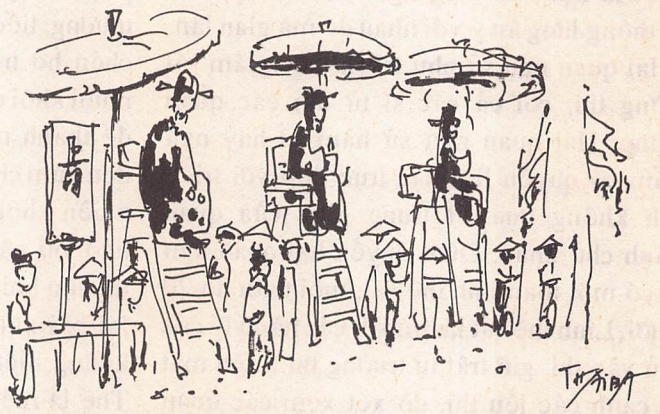

Các khoa thi Hương thường bắt đầu từ tháng 10 âm lịch và kéo dài một tháng, có khi hơn một tháng. Sĩ tử có đậu kỳ nhất, mới được thi kỳ nhì, có đậu kỳ nhì mới thi kỳ ba, có đậu kỳ ba mới được thi kỳ tư... Tùy theo mỗi triều vua, các kỳ thi có thể thay đổi, đại khái kỳ đệ nhất thi Kinh Nghĩa; kỳ đệ nhị thi Chiếu, Biểu, Chế, kỳ đệ tam thi Thơ Phú; kỳ đệ tứ thi Văn Sách (theo lệ từ 1807 đến 1831 chẳng hạn)... Về cách phê điểm thì các bài thi được các quan trường phê Ưu (rất tốt), Bình (tốt), Thứ (trung bình), Liệt (kém). Đó là từ năm 1807 đến 1906, còn kể từ 1909 trở về sau thì theo lối Tây Phương điểm được phê từ 0 đến 20... Các quan chấm bài còn chia ra quan nội trường và quan ngoại trường.

Quan nội trường gồm các quan sơ khảo (chấm bài phê điểm bằng son ta), các quan phúc khảo (chấm bằng mực xanh), các quan giám khảo (chấm bằng son mầu hồng). Các quan nội trường chấm xong bài rồi ký tên rồi đưa lên cho các quan ngoại trường chấm tức là các quan phó chủ khảo và chánh chủ khảo.

Ngoài các quan chấm thi, lại có các quan đề tuyển phân chia các sĩ tử phải thi trong

"vi" nào bằng cách trộn đều các thẻ đã ghi tên từng sĩ tử rồi chia đều thành bốn hay tám phần, mỗi phần gồm các sĩ tử phải thi trong một vi. Hai ông đề tuyển cũng phụ trách việc rọc phách, khắp phách, canh giữ các quyển thi, trao các quyển cho các quan trường chấm. Việc kiểm soát rất là nghiêm vì còn có hai ông quan ngự sử coi trùm hết. Thiệt là nội bất xuất, ngoại bất nhập, khó mà thông lưng ăn ý với nhau để mà gian lận.

Hai quan ngự sử phụ trách việc giám sát trường thi, coi cả các sĩ tử lẫn các quan trường. Hai quan ngự sử hàm tứ hay ngũ phẩm có quyền liên lạc trực tiếp với triều đình không qua sự trung gian của quan chánh chủ khảo. Dưới quyền hai quan ngự sử, có một toán lính thể sát, mỗi toán độ 20 người. Lính thể sát khám xét các hành lý các sĩ tử vào thi, giữ trật tự trường thi. Lính mật sát canh các lều thi, dò xét xem các quan trường có liên lạc với người ngoài không, dò xét xem các sĩ tử có ra khỏi lều mình chạy sang lều sĩ tử khác để hỏi bài hay không. Nếu thấy có điều gì khả nghi, nếu thấy có vụ phạm lỗi, lính mật sát báo ngay cho hai quan ngự sử.

Vào các ngày các sĩ tử làm bài thi thì hai quan ngự sử mỗi vị ngồi ở một chòi cao trong trường thi để canh chừng các sĩ tử. Vào các ngày các quan trường chấm thi thì một quan ngự sử ngồi ở giám viện nơi các quan nội trường chấm bài, không cho các quan nội trường hỏi han dặn dò nhau về việc chấm bài, một quan ngự sử ngồi ở thí viện nơi các quan ngoại trường chấm thi để canh chừng các vị này dặn dò nhau để gửi gấm các thí sinh muốn cho đậu.

Suốt khóa thi, các quan trường ở mỗi người một phòng riêng trong trường thi, mỗi vị có một đầy tớ trai đem theo để nấu ăn và hầu hạ. Các thực phẩm như gạo, thịt, cá, rau... và củi, nước, dầu thắp đèn được các lính mật sát lãnh ở cổng trường thi do quan đầu tỉnh tiếp tế và đem phân phối cho từng phòng một. Hai quan ngự sử không cho các quan trường và đầy tớ theo hầu ra cổng trường thi lãnh các thứ nói trên, sợ có liên lạc với người ngoài. Các quan trường không được thăm nhau trong khóa thi.

(Đặng Hữu Thụ - Làng Hành Thiện)

Tôi có nghe cụ Nghè Tuấn (ông nội của anh bạn Nguyễn Sĩ Cẩm) ở dốc cầu Đông Ba nói về một chuyện sửa văn bài gian lận như sau: Hình như vào năm nào đó, ông Cao Bá Quát ở Huế làm quan sơ khảo, thấy một bài văn tuyệt hay nhưng vì thí sinh sơ ý viết phạm húy chỉ thiếu một chấm thôi. Vì thương tiếc cho nhân tài, ông bèn lấy đít chén hơ trên ngọn đèn dầu phọng để lấy muội khói đèn rồi cạo ra mà pha với mực son để thành mực đen, cốt để chấm một điểm đen dùm cho thí sinh... Câu chuyện này lẽ tất nhiên không ai biết nên thí sinh đã đỗ. Ai ngờ vài năm sau, vui miệng nói chuyện về thi văn khi trà dư tửu hậu, ông Quát có nhắc lại bài văn tuyệt hay này dù là hoàn toàn không biết tên người thí sinh tốt số này... Thế là một cuộc điều tra tỉ mỉ lại trong các văn bài đã chấm để tìm lại... cái dấu mực son pha muội đèn... để rồi truất chức cái ông thí sinh "duyên đã may, cớ sao lại rủi" lúc bấy giờ đã được bổ ra làm quan...

Kinh Đô Huế ngày xưa còn là nơi để thi Hội và thi Đình. Thi Hội là kỳ thi cao hơn thi Hương. Điều kiện để thi Hội là phải có bằng cử nhân hay tú tài loại đặc biệt. Tú tài đặc biệt là gì? Ta hãy xem ông Đặng Hữu Thụ đã viết trong cuốn *"Làng Hành Thiện và các nhà Nho Hành Thiện triều Nguyễn"* như sau:

Triều đình cho phép dự thi các vị tú tài loại đặc biệt là ấm sinh tú tài thượng hạng, tôn sinh tú tài thượng hạng, học sinh tú tài thượng hạng và tú tài tứ thập đủ điều kiện. Ấm sinh tú tài là con các vị đường quan vừa có bằng ấm sinh vừa có bằng tú tài; tôn sinh tú tài là các vị tú tài thuộc dòng họ nhà vua, học sinh tú tài là học trò con nhà thường dân có bằng tú tài được theo học Trường Quốc Tử Giám ở Huế sau một kỳ thi nhập học khó khăn. Ba loại tú tài trên phải đã học xong hai năm ở Trường Quốc Tử Giám, đã đậu kỳ thi mãn khóa của trường này, có như vậy mới được gọi là tú tài thượng hạng.

Có một số ít người có bằng tú tài tuổi từ 40 trở lên, gọi là *"Tú tài tứ thập"*, cũng được dự

thi. Tú tài tứ thập là những người tú tài từ 40 tuổi trở lên đang làm quan huấn đạo, giáo thụ được dự thi. Các tú tài khác từ 40 tuổi trở lên nổi tiếng học giỏi cũng được các quan tỉnh, sau khi khảo sát năng lực học vấn, đề nghị với triều đình cho phép thi Hội. Các quan tỉnh chỉ được phép đề nghị mỗi tỉnh một tú tài tứ thập dự thi mà thôi.

Các người có bằng cử nhân hay thuộc loại tú tài thượng hạng, tú tài tứ thập nói trên được dự kỳ thi Hội đều được gọi là cống sĩ.

Còn thi Đình không phải là một khoa thi riêng biệt mà là một kỳ cuối cùng của khoa thi tiến sĩ được tổ chức trong điện nhà vua. Khoa tiến sĩ gồm cả thi Hội lẫn thi Đình. Ông Đặng Hữu Thụ đã tra cứu kỹ hơn về điểm này:

Người đỗ đầu kỳ thi Hội gọi là Hội nguyên, người đỗ đầu kỳ thi Đình được gọi là Đình nguyên. Người đỗ đầu cả ba kỳ thi Hương, thi Hội, thi Đình được gọi là Tam nguyên như trường hợp cụ Tam nguyên Yên Đổ. Người nào đỗ đầu hai kỳ thi Hội, thi Đình được gọi là Hội Đình Song nguyên. Người đỗ đầu cả hai kỳ thi Hương, thi Đình được gọi là Hương Đình Song nguyên.

Đậu kỳ thi Hội và kỳ thi Đình là đậu Đại khoa. Các người đậu đại khoa được phân chia ra từng hạng như sau: Tiến sĩ đệ nhất giáp, Tiến sĩ đệ nhị giáp, Tiến sĩ đệ tam giáp. Những người đậu ở bảng phụ, tức là những người không đủ điểm để đậu tiến sĩ, được gọi là phó bảng.

Những người đậu Tiến sĩ đệ nhất giáp, tùy theo thứ bậc đậu cao thấp, được gọi là Tiến sĩ đệ nhất giáp đệ nhất danh tức *Trạng nguyên*, Tiến sĩ đệ nhất giáp đệ nhị danh tức *Bảng nhãn*, Tiến sĩ đệ nhất giáp đệ tam danh tức *Thám hoa*.

Những người đậu Tiến sĩ đệ nhị giáp còn được gọi là *Hoàng giáp*.

Những người đậu Tiến sĩ đệ tam giáp thường được gọi là những *ông Nghè*.

Triều Nguyễn không lấy người đậu trạng nguyên cũng như không phong cho vợ chánh vua là hoàng hậu, không ban tước vương cho những người ngoài họ vua, không cử người giữ chức tể tướng tức thủ tướng, theo di ý của vua Gia Long như sau:

Bất cử trạng nguyên,
Bất phong hoàng hậu,
Bất lập vương tước,
Bất thiết tể tướng.

Ta cũng nên biết đến đời Vua Bảo Đại năm 1934, mới bỏ tục *"bất phong hoàng hậu"* khi nhà vua kết duyên với cô Nguyễn thị Lan (Henriette Nguyễn Hữu Hào) mà phong cho bà là Nam Phương Hoàng Hậu. Và vào năm 1945, Vua Bảo Đại lại bỏ tục *"bất thiết tể tướng"* qua sự tấn phong cụ Trần Trọng Kim làm Thủ Tướng Nội Các.

Theo ông Đặng Hữu Thụ ghi lại, trường thi gồm nhiều dãy nhà ngói, các công sở cử hai người ngồi trong một phòng thi. Trường thi Hội cũng được dùng làm trường thi Hương Thừa Thiên. Còn thi Đình được tổ chức ở Điện Cần Chánh trong Nội (Hoàng Thành). Người vào thi Đình có nhiều phân số thì lấy đậu tiến sĩ, ít phân số thì đậu phó bảng. Giữa tiến sĩ và phó bảng có rất nhiều khác biệt về vinh dự như chỉ có các vị tiến sĩ thì tên được khắc vô bia đá dựng trước Văn Miếu Huế và nhiều vinh dự khác như: được vua ban cho mũ, áo, hia hốt, cành kim trâm để cài giải mũ, được che hai lọng xanh, được dự yến ở Điện Cần Chánh, được ngồi trên ngựa thăm khu Ngự Viên hay thành phố; lúc vinh qui về làng được dùng võng cáng do dân phu khiêng... Còn các vị phó bảng thì không được có mấy vinh dự trên.... Nhưng kể từ năm 1901, nhờ lời tâu của cụ Cao Xuân Dục chánh chủ khảo khoa thi Hội năm ấy, các vị phó bảng từ đây trở về sau cũng có được những vinh dự gần như các vị tiến sĩ.

Điện Cần Chánh - nơi thi Đình - nằm trong Tử Cấm Thành sau điện Thái Hòa. Tại sân điện Cần Chánh có hai Vạc đồng lớn do một người thợ đúc lai Bồ Đào Nha tên là Jean de la Croix. Hai bên sân điện có hai nhà Tả Vu và Hữu Vu, là nơi các quan chờ buổi sớm trước khi vua ngự triều. Gian điện chính thiết Ngự tọa tức là long sàng chứ không phải là ngai như ở điện Thái Hòa.

Thi Đình còn gọi là điện thí - chỉ có một ngày - những vị cống sĩ tức là những ông cử nhân đã thi qua bốn kỳ thi Hội mà đậu trúng cách hay phó trúng cách đều được vào thi ở điện nhà vua để ngài kiểm soát lại tài học. Các cống sĩ phải làm một bài văn sách gồm hai phần: phần cổ văn nghị luận và chuyện đời xưa, phần kim văn bàn luận về việc triều đình hiện tại... Các cống sĩ được cấp bút giấy, mực và thức ăn trà uống trong ngày điện thí. Sáu giờ sáng các ông được quan tham tri Bộ Lễ hướng dẫn vô Nội bằng cửa Ngọ Môn vô điện Cần Chánh và bái lạy nhà vua khi nhà vua ngự ra thăm lúc bắt đầu ra đầu đề văn sách. Bài văn sách được làm từ 7 giờ sáng đến 7 giờ tối. Mỗi cống sĩ được ngồi bên cạnh cái bàn thấp (gọi là yên), và cái tráp để kê tay khi viết.. 9 giờ sáng thì ngừng tay để uống trà, ăn trầu... Đến 11 giờ thì lính ngự vệ lại bưng trái cây, sản phẩm của Thừa Thiên và Quảng Trị để đãi các ông ăn... 12 giờ rưỡi, ăn một bữa cơm do nhà vua thết đãi. 3 giờ chiều thì lại ngừng tay ăn trầu, uống trà, ăn trái cây như buổi sáng. Đến 7 giờ tối, thì các văn bài được thu góp, rồi được một ông quan chữ đẹp sao chép được ba vị quan dò lại và ký tên. Các bài này được một vị quan xem lại dở hay ra sao, gọi là duyệt quyển. Rồi một vị quan khác đọc cho nhà vua nghe gọi là độc quyển để nhà vua chấm. Thi Đình là một vinh dự ân tứ của nhà vua nên sau khi dọn trà, trái cây, cơm nước thì các cống sĩ phải đứng dậy hướng về phía nội điện khấu đầu 5 lượt và miệng nói: *"Mong ơn Thánh thượng ban trà và trầu... kẻ hạ thần xin bái lãnh"*. Một điểm rất đặc biệt là sau khi các cống sĩ được ăn bữa cơm ngon của nhà vua thì tự tay rửa đĩa chén, liễn, chóe, đũa vào chậu nước nóng do lính ngự vệ bưng đặt cạnh chiếu.

Tất cả đĩa chén, liễn, chóe, khay, đũa, dao, muỗng, ấm trà đều được các cống sĩ bỏ vào tráp sơn đen chạm rồng vàng để mang về quê theo tục lệ đã có từ xưa, tất cả các thứ vua ban trong ngày thi Đình đều thuộc quyền sở hữu của cống sĩ. Mâm đồng chạm trổ vì không bỏ vào tráp được nên khi thi xong các cống sĩ cũng xách tay mang về.

Và những món vật quí giá trên sẽ được bầy trên một cái kiệu đặc biệt khi các ông nghè "ân tứ vinh qui" trở về quê làng được đón rước trọng thể. Kiệu này mang sắc vua ban và những đồ vua ban trong ngày thi Đình như ấm chén cổ, bát, đĩa, chóe, liễn là đồ sứ Giang Tây, Nhật Bản, đũa ngà, dao cán bạc, khay khảm xà cừ, khay sơn son thiếp vàng, tráp sơn đen chậm rồng vàng, mâm đồng nhỏ có chạm trổ. Hai bên kiệu có hai dân phu vác lọng vàng che kiệu. Kế đó là phường bát âm hòa những bản nhạc vui.

(Đặng Hữu Thụ)

Chúng ta là những kẻ hậu sinh bây giờ đi qua những địa điểm lịch sử như cửa Ngọ Môn và Phú Văn Lâu thường dửng dưng không cảm xúc, nhưng nếu chúng ta đọc lại tài liệu cũ thì thấy chính các nơi này đã từng chứng kiến những giây phút cực kỳ sung sướng của những ông Nghè.

Vào một ngày cuối tháng ba âm lịch, lúc 7 giờ sáng thì *Lễ Truyền lô* được cử hành ở cửa Ngọ Môn... Ba hồi chiêng trống, mỗi hồi chín tiếng vang lên... Quan Tham tri Bộ Lễ mặc áo mão cân đai đọc sắc của nhà vua chấm đậu những tiến sĩ, phó bảng v..v.. Khi đọc đến tên một người đậu thì lính ngự vệ đứng cạnh Quan Tham tri lại phóng loa nói lớn lên quê quán, tuổi tác, thứ hạng người đậu, do đó gọi là *"Truyền lô"*.

Khi truyền lô xong, bảng vẽ rồng vàng ghi tên các tiến sĩ được treo ở Phú Văn Lâu (bảng vàng còn gọi là *Giáp bảng*). Còn các vị phó bảng được ghi vô bảng đỏ gọi là *Ất bảng* treo cạnh bảng vàng. Sau lễ truyền lô, các tân khoa tiến sĩ được hướng dẫn vô điện Cần Chánh bái tạ nhà vua và ăn cỗ yến tại hữu vu của điện này. Ngoài các thứ sơn hào hải vị như yến sào, bào ngư, vi cá v.v.. cỗ yến còn có các dĩa giò chả, nem Huế, các dĩa bánh ngọt, mè xửng, và trái cây thổ sản ở vùng Quảng Trị, Thừa Thiên... Rồi các tân khoa tiến sĩ mặc triều phục, đội mũ cánh chuồn, cưỡi ngựa có lọng xanh che được hướng dẫn đi thăm hoa ở vườn Ngự Uyển. Vườn Ngự Uyển này không phải là khu đường Ngự Viên bên cầu Đông Ba có ngôi Từ Đường của vua Khải Định sau này. Vườn

Thượng Uyển này nguyên có tên là Thư Uyển Xuân Quang nằm phía bắc Hoàng Thành (thuộc địa phận phường Huệ An), Vua ban yến cho các tân khoa tiến sĩ tại đây rồi cho thăm hoa (thám hoa).

Những tài liệu viết ở trên về thi cử ở Huế đều lấy từ sách vở. Nhưng tôi có may mắn đặc biệt thu thập được một "tài liệu sống", nghĩa là do một người thực sự đã sống qua thời kỳ này và dùng trí nhớ tả lại kỹ càng. Do đó mặc dù bây giờ địa điểm trường thi không còn vết tích nhà cửa gì cả, nhưng những kẻ hậu sinh đọc lại sự mô tả cũng thu thập nhiều điều xác thực và lý thú. Người này là cụ Võ Văn Triêm mới vừa mất tại Irvine, California tháng 12 năm 1991 thọ 85 tuổi. Cụ Triêm là thân sinh của anh bạn thân cùng lớp tôi, B.S Võ Văn Tùng, chủ biên của tờ Tập san Nhớ Huế. Cụ có để lại cuốn *"Đời Tôi"* tức là một cuốn hồi ký về cuộc đời mà cụ mô tả qua nhiều giai đoạn: Thời thơ ấu, Thời Hán Học, Thời Tây Học, cho đến lúc ra ở Hải Ngoại.

Cụ Triêm đã học chữ Nho với một ông Đồ Nghệ, đang chuẩn bị đi thi kỳ hương thí cuối cùng ở Việt Nam vào năm Mậu Ngọ (1918). Với một giọng văn giản dị, dí dỏm, cụ Triêm kể lại nhiều giai thoại ngộ nghĩnh về chuyện thi cử. Những điều chi tiết về cách tổ chức thi cử cũng như quang cảnh trường thi phường Tây Lộc được cụ Triêm tả lại rất linh động, lý thú và chính xác từng chi tiết:

"Cũng nên kể lại cách thi về Hán Học cuối cùng mà tôi được mắt thấy tai nghe để cho con cháu biết thủa trước thi cử ra sao.

Thường năm ở các huyện, phủ mở kỳ thi Khóa Sinh Hán Học. Thi đậu được gọi là ông *Khóa*, được miễn 6 ngày công ích và 4 ngày tư ích (6 ngày lao động chân tay ở tỉnh, 4 ngày lao động ở tổng, xã).

Ở cấp tỉnh mở kỳ thi cho toàn tỉnh. Thi đậu thì được gọi là ông Học, đậu đầu gọi là ông Đầu xứ. Các ông này có đủ tư cách đi thi cử nhơn, tú tài.

Ở Hà Nội, Nam Định, Nghệ An, Huế, Bình Định và Gia Định mở kỳ thi tú tài, cử nhơn cho tỉnh mình và các tỉnh lân cận.

Ở Kinh Đô Huế còn mở ba năm một lần khoa thi cho các cử nhơn thi lấy bằng Tấn Sĩ, Phó Bảng và trước đời vua Gia Long, đậu đầu các Tấn Sĩ được cấp bậc Trạng Nguyên. Cuộc thi này gọi là thi Đình, thi tại trong Đại Nội Huế (cung điện của nhà Vua).....

Ở Huế trường thi tú tài cử nhơn ở tại trong thành nội, vùng Tây Lộc bây giờ, choán khoảng 20 mẫu đất trống xung quanh có thành bao bọc, chỉ có một cửa ra vào. Ở chính giữa có 5, 7 ngôi nhà ngói làm chỗ làm việc, ăn và ở của ban Giám khảo (chấm thi và ban Đô Sát kiểm soát).

Mỗi kỳ thi, số thí sinh trên 5, 7 ngàn người, không giới hạn tuổi. Có nhiều thí sinh 15, 16 tuổi và cũng có thí sinh trên 60 tuổi. Sau 4 trường chọn lọc, số thí sinh được chấm đậu cử nhơn mỗi kỳ không quá 50 người.

Trường thi thì không có nhà cửa, bàn ghế cho thí sinh ngồi thi như bây giờ. Ngoài các nhà nói trên thì toàn là đất trống, rộng mênh mông, chia ra từng ô, gọi là vi. Mỗi vi dành cho 5, 6 chục thí sinh. Trong bản danh sách thí sinh, có ghi rõ thí sinh phải đem theo *Yên Trại* mà dùng. *Yên* là một cái bàn nhỏ mặt bàn xuôi xuôi, để viết bài. *Trại* là một mái lều nhỏ để che mưa nắng. Thường thường thí sinh đem theo một cái yên và 4 cái đùi bằng tre hoặc bằng gỗ làm sườn, lợp bằng vải hoặc bằng gót để che mưa, nắng, một chiếc chiếu nhỏ trải trên đất mà ngồi, đồ ăn trưa và

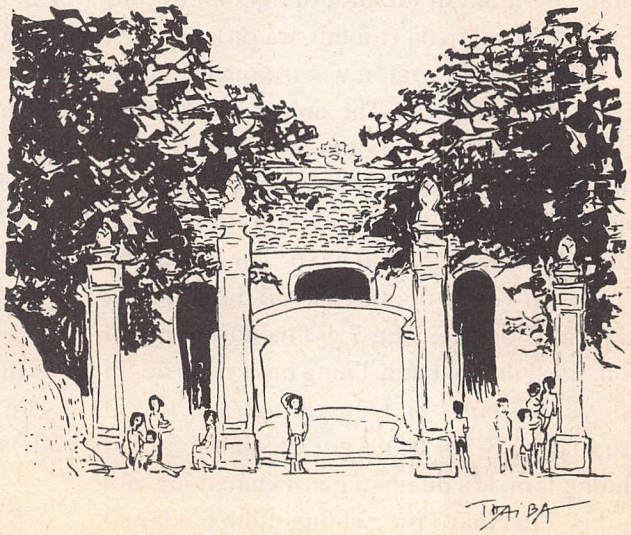

nước để uống và mài mực để viết. Còn con các quan và con nhà giàu thì làm sẵn trại trên một vạt tre có 4 bánh đẩy. Trước ngày thi có niêm yết nội qui của trường thi, phần nhiều cấm dùng những chữ tên vua như vua Gia Long tên là Ánh thì cấm dùng chữ Ánh trong các câu văn và nên dùng chữ gì thay thế. Bài làm có hay, giỏi đến đâu đi nữa, mà sơ ý dùng một chữ bị cấm thì bị đánh hỏng liền.

Trong suốt thời gian có khóa thi vào khoảng một tháng cho 4 trường thi, vùng xung quanh trường thi nhiều quán xá mọc lên để bán hàng ăn uống, hoặc cho các thí sinh ở các tỉnh đến thuê ăn ở trọ, trên sông con ở cống Thủy Quan thì có nhiều đò cho thuê. Trường thi treo đèn treo cờ, thiên hạ lui tới rất đông vui.

Đến ngày thi vào khoảng 4 giờ sáng đèn đuốc sáng rực bầu trời trường thi. Ba hồi trống nổi lên, báo hiệu giờ xướng danh vào trường đã đến. Từ Đình trung các quan Giám Khảo và Đô sát ăn mặc theo chức phẩm đi ra đến trước cửa trường, có lọng che và lính hầu. Lễ xướng danh bắt đầu trong im lặng. Một quan Giám Khảo dùng ống loa hô to:

"BÁO OÁN GIẢ TIÊN NHẬP, BÁO ÂN GIẢ THỨ NHẬP, SĨ TỬ THỨ THỨ NHẬP", rồi gọi tên từng thí sinh một nhập trường. Tại sao quan Giám Khảo lại mời hồn ma báo oán vào trước, rồi đến hồn ma báo ân vào rồi mới đến thí sinh. Đó là một phương pháp dựa theo mê tín của nhân dân mà dạy nhân dân nên tránh việc làm xấu, làm việc tốt để con cháu của mình đi thi khỏi bị ma oán trả thù và được ma giúp đỡ (trả thù, trả ơn)...

Thí sinh được gọi tên vào trường trên lưng mang theo yên trại. Thí sinh qua một trạm kiểm soát không cho đem theo sách vở, thí sinh nhận một xấp giấy gọi là quyển để làm bài, quyển giấy do thí sinh nộp trước và có đóng dấu của ban giám khảo. Thí sinh thuộc vi nào thì vào vi đó, tìm chỗ để dựng trại và sắp đặt chỗ ngồi. Đến 7 giờ ba hồi trống nổi lên, thí sinh đến Đình Trung biên chép đề thi rồi về chỗ làm bài. Đến giờ ngọ tức 12 giờ trưa lại có 3 hồi trống gọi thí sinh đem bài đương làm đến để quan giám khảo đóng dấu gọi là dấu Nhật Trung chứng minh bài làm ở tại trường thi, không phải là bài làm ở ngoài đem vào. Đến 5 giờ chiều thì có 3 hồi trống kêu thí sinh nộp bài. Tiếng trống kéo dài thúc dục thí sinh cho đến khoảng nửa giờ sau chấm dứt nộp bài. Thí sinh nào không nộp kịp bài thì chịu ngoại hạn. Tất cả các bài (quyển) nộp đúng hạn đều bỏ vào một cái rương niêm khăn lại để ngày sau các Giáo Khảo đem ra chấm.

Mỗi khóa thi là một dịp các quan lớn như các cụ Thượng hoặc các đại phú gia có nhiều tiền của chọn rể, gả con gái cho các ông cử tân khoa.

Cụ Võ Văn Triêm có kể về chuyện có người trù cho ông thầy của mình đi thi rớt bằng cách cho ông ăn "thịt mèo?". Còn ở ngoài Bắc, các sĩ tử đi thi thì cữ ăn tôm. Lý do là chữ *"Liệt"* điểm kém nhất để đánh hỏng có hình con tôm.

(Chữ Liệt gồm hai chữ Thiểu 少 ..... và Lực 力 ..... ghép lại) Các văn bài được phê nhiều chữ khác như Thứ (次), Bình (平), Ưu (優) thì có hy vọng đậu. Sau này, các học trò đi thi được ở nhà cho ăn "đậu" (hay đỗ) với ước mong sẽ đậu (đỗ). Nghĩ lại cũng vui vui...

Nói chuyện về thi văn tất nhiên phải nói qua về thi võ cho đầy đủ, nhưng tôi không dám đi vô chi tiết vì sợ bài quá dài...

Dưới triều Nguyễn, khoa thi Hương về văn đầu tiên là năm Gia Long thứ 6 tức 1807. Còn khoa thi Hương về võ đầu tiên phải đợi đến năm Minh Mạng thứ 17 tức là 1836 - tức là 29 năm sau - mới được tổ chức ở Thừa Thiên. Nhưng không được tổ chức định kỳ, mới đầu trong 9 năm (1836 - 1845), các khoa võ Hương thí chỉ mở khi triều đình cần tuyển dụng người để bổ sung quân lực. Phải đợi đến 1845 đời vua Thiệu Trị mới có lệ 3 năm mở một kỳ võ Hương thí (vô các năm Tý, Mẹo, Ngọ, Dậu) thường thường là tổ chức ngay sau khi các kỳ văn Hương thí vừa xong. Khoa võ Hương thí cuối cùng là năm 1879.

Thi võ Hương thí gồm ba kỳ, ai đậu cả ba kỳ thì thi phúc hạch: ai được toàn điểm ưu thì đậu võ cử nhân, còn ai kém thì đậu võ tú tài.

- Kỳ nhất thi xách tạ.

- Kỳ hai: thi múa côn, thi múa và ném sang.
- Kỳ ba thi bắn súng.

Sau kỳ phúc hạch, các thí sinh có thể tình nguyện thi võ kinh và sử dụng vài thứ binh khí khác. Tùy điểm số của hai kỳ trên, mà các võ cử nhân hay võ tú tài được xếp hạng cao thấp. Về các quan trường chấm thi thì quan võ chấm về võ nghệ, quan văn chấm về võ kinh.

Sau khi đậu võ Hương thí thì các võ Cử nhân có thể đi thi võ Hội thí và võ Đình thí. Thi võ Hội thí cũng gồm ba hạng như võ Hương thí, như xách tạ, múa côn, múa sang, bắn súng, nhưng thi nặng ký hơn và tiêu chuẩn trúng đích cao hơn...

Thi võ Hội thí ở trường Thừa Thiên... Ai trúng cách võ Hội thí tức là học đủ thập bát ban võ nghệ và đặc biệt đọc binh thư, binh pháp thì có thể xin vô Đình thí. Kỳ võ Đình thí thì thi ở sân điện Thái Hòa. Thí sinh phải đi đủ bài về 18 thứ binh khí. Xong mỗi bài về một thứ binh khí thì phải đấu với 5 người lính ngự lâm, phải thắng 3 người này mới tiếp tục thi các môn binh khí...

Thi Đình về võ tuyển chọn các võ Tiến sĩ hay gọi là các Tạo sĩ. Việc truyền lô, yết bảng và phát cờ biển vinh qui cũng được tổ chức ở Cửa Ngọ Môn và Phú Văn Lâu. Các võ Tạo sĩ và võ Phó bảng được bái yết nhà vua ở Điện Thái Hòa và đãi yến ở bộ Binh.

Như tôi đã trình bầy ở trên, cuốn hồi ký "Đời Tôi" của cụ Võ Văn Triêm là một tài liệu quí giá giúp kẻ hậu sinh hiểu biết lắm chuyện đời xưa... Một điểm lý thú là thân phụ của cụ Võ Văn Triêm là một vị Võ quan cao cấp của Triều Đình: Đó là cụ Trung Quân Đô Thống Võ Văn Bân. Bởi thế trong hồi ký "Đời Tôi" của cụ Triêm có nhiều đoạn viết "rất sống" về những chuyện thi võ ở giai đoạn của triều Nguyễn.

Kỳ thi võ Hương thí mà cụ Võ Văn Bân tham dự có thể là kỳ thi võ Hương thí cuối cùng của Việt Nam ở Thừa Thiên năm 1878... Xin mời các bạn đọc lời kể của cụ Trung Quân Võ Văn Bân được chép lại trong cuốn Hồi ký trên:

Vào đời vua Tự Đức nước Việt Nam là một nước độc lập, có các trường thi văn và thi võ. Trường thi văn ở trong thành nội Huế vùng Tây Lộc, trường thi võ ở dưới chân đồi chùa Thiên Mụ trên một khoảng đất rộng 20 mẫu của làng An Ninh Hạ, làng của cụ Trung Quân Võ Văn Bân. Trong nước con trai phải đi quân dịch (đi làm nghĩa vụ tại các trại lính). Gia đình nào 3 con trai thì một người phải đi lính. Lúc cụ Trung Quân lớn lên đến 18 tuổi là cụ phải tùng quân, cụ có đủ sức lực nên được vào đoàn lính chuyên nghiệp đánh giặc, gọi là đoàn Hổ Oai, các trai không đủ sức thì vào các đoàn lính thợ nề, thợ mộc, thợ rèn, làm ruộng và làm rừng. Vào đoàn Hổ Oai cụ được Đề Đốc Trần Duy Soạn chỉ huy. Đoàn này huấn luyện thành võ sĩ, được đi thi để lấy bằng cử nhơn võ. Thi võ cũng như thi văn có 4 trường, trường nhứt thi về 36 thảo võ, trường nhì thi sức khỏe gọi là thi tạ, núm xách một quả tạ nặng 50 kilos đi 100 thước, trường ba thi nhẩy qua hào với mác lào đâm người rơm ở bên kia hào, trường tư thi bắn súng 5 phát phải trúng cả 5.

Cụ Trung Quân đã kể lại hai mẩu giai thoại đặc biệt về hai kỳ thi võ trước đời cụ:

* "*... Chánh chủ khảo trường thi là quan văn, phó chủ khảo là quan võ. Một thí sinh vào được trường ba, nhảy qua ao, đâm trật tim của hình người bằng rơm, xoay người đá bay hình rơm. Chánh chủ khảo đánh hỏng và buộc tội vô phép nữa. Phó chủ khảo cãi lại và cho thí sinh đậu vì là lanh trí, đâm trật thì đá bay hình rơm giết chết được kẻ thù. Quan chánh chủ khảo suy nghĩ rồi chấp nhận cho thí sinh này đậu trường ba.*

* *Trong khoa thi Võ năm trước, quan Chánh chủ khảo ác tâm lột hết vải bao quai xách các quả tạ. Không có vải bao, quai xách có khía cạnh lởm chởm chích vào tay, đau, thí sinh không thể nào xách được quả tạ. Tất cả thí sinh xin bọc lại quai xách. Quan Chánh chủ khảo không cho. Thí sinh không thi được bỏ trường kéo nhau chạy về Đại nội của nhà vua trình bày sự việc. Vua Tự Đức ra lệnh đổi liền Chánh chủ khảo, cho bao lại quai xách như cũ, đồng thời cũng ra lệnh bỏ tù ngay thí sinh cầm đầu cuộc nổi loạn này.*"

Và một mẩu chuyện liên quan trực tiếp đến đời cụ là:

"Đêm trước ngày vào thi cụ nằm ngủ tại cửa tam quan vào trường. Cụ mất cái khăn bịt đầu, mượn cái khăn của người bà con và được nghe nói mất khăn thì được mũ, chuyến thi này chắc cụ đậu cử nhơn võ.

Đến khi nước Việt Nam bị nước Pháp đô hộ, trường thi võ được bãi bỏ, trả lại cho làng An Ninh Hạ 20 mẫu, đất này được làng dùng làm ruộng gọi là ruộng trường thi."

Địa điểm của khu ruộng trường thi thì dò trên bản đồ làng An Ninh Hạ vẫn còn nhưng người đời sau vẫn thắc mắc không ai có thể đoán được chính xác những cái ranh mốc của ngày xưa... Thắc mắc đó đã được thỏa mãn khi tôi tìm thấy trong hồi ký của Cụ Võ Văn Triêm một chi tiết cực kỳ cảm động chứng tỏ cái lòng quyến luyến của Cụ Võ Văn Bân: Đó là khi chết được chôn thây ở trước cửa trường thi... Xin quí bạn đọc:

"Về tuổi già cụ bảo rằng cụ xuất thân đi thi võ nằm ở cửa trường thi võ, nay cụ muốn chọn địa điểm này để làm sanh phần cho cụ, chôn cụ tại đây sau khi cụ qua đời. Toàn dân làng An Ninh Hạ biết cụ muốn như vậy đồng lòng để cho cụ xử dụng hai sào đất để làm nghĩa địa. Cụ và cậu con (Cụ Triêm) phải tìm kiếm gần một tháng mới tìm được địa điểm của cửa tam quan trường thi nay đã trở thành ruộng."

Và cái lăng của cụ Trung Quân Võ Văn Bân đã chính thức trở thành một cái mốc lịch sử cho người đời sau tìm chính xác cái điểm cửa nhập trường của Trường thi của Việt Nam ở làng An Ninh Hạ. Sau này lăng của Cụ đã được chính phủ liệt vào danh sách các di tích lịch sử của Huế. Riêng cá nhân tôi, tôi ước ao rồi một ngày nào đó, tôi lại được đến chiêm bái lăng của cụ Trung Quân để rồi để trí tưởng tượng của tôi bay vượt ngược giòng về quá khứ để thấy diễn ra trước mắt khung cảnh *"nhập trường thi"* của cuối thế kỷ 19 ra sao!...

• ***Lê Văn Lân***

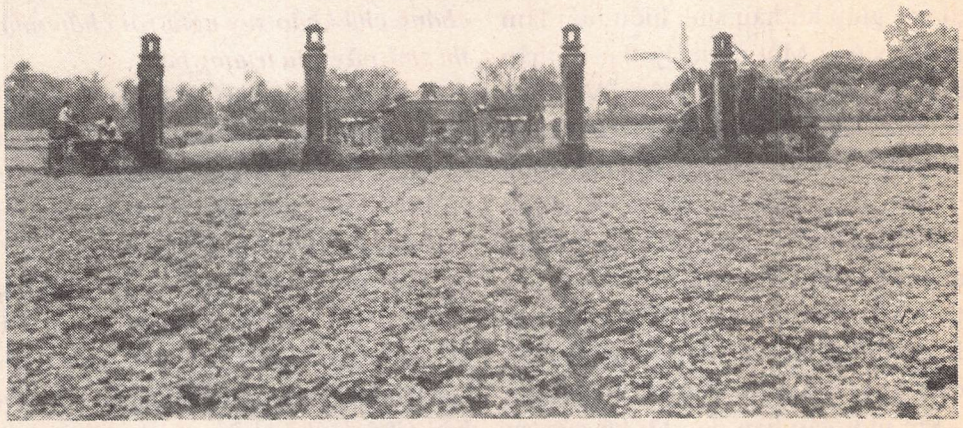

Lăng Cụ Võ Văn Bân (ngay tại cổng Trường thi tại làng An Ninh Hạ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên)

Như Huế, Như Em Ta Đã Ngó Được

Khi những cơn giông bão đi qua đời ta
trận mưa đã xóa đi dấu vết chàng
những sai lầm trở thành ác mộng
là nỗi nhớ thương ngập tràn

Phải rồi, tình yêu là lưỡi gươm
đi hủy hoại trái tim chàng
ôi nỗi đớn đau nào hơn thế nữa
anh đã vì em thổ huyết hôm qua

Anh đã vì em chết cũng đành
như Huế, như em ta đã ngó được
như con sông xưa có lúc sum họp
nắng đầy tay và gió đầy hồn

Đôi ta bắt đầu ở tuổi sáu mươi
ngồi lại đếm những ngày đã sống
đốt một que diêm soi vùng ký ức
cũng nồng nàn như mới hôm qua

Hãy quên những sợi tóc bạc
đừng nghĩ gì mai ta chia tay
một chút sông Hương trong đôi mắt đó
ta mang theo cất giữ trong đời

Cánh đồng xưa đã gọi chàng trở lại
nhìn thấy gì cảnh tượng hôm nay
dấu tích của ngày đi qua đó
một phần của con chim mới chết hôm qua

Ta đã sống tột cùng sự sống
những khốn cùng và những hiển vinh
những âu tư và những hy vọng
nỗi niềm riêng ẩn dấu trong đời

Xem như ta vì em mà có một ngày
phần oan trái xin chàng nhận lấy
khi những bông phượng bắt đầu nở rộ
là hai ta chia tay

Chiếc ghế sẽ trống vắng
có ai biết dấu chân đã qua đây
bụi sẽ phủ xuống theo ngày tháng
từ đó không ai thấy vết tích chàng

• ***Kiêm Thêm***
1994

Tặng Diệu Lê

MỘT BÀI HÁT CŨ

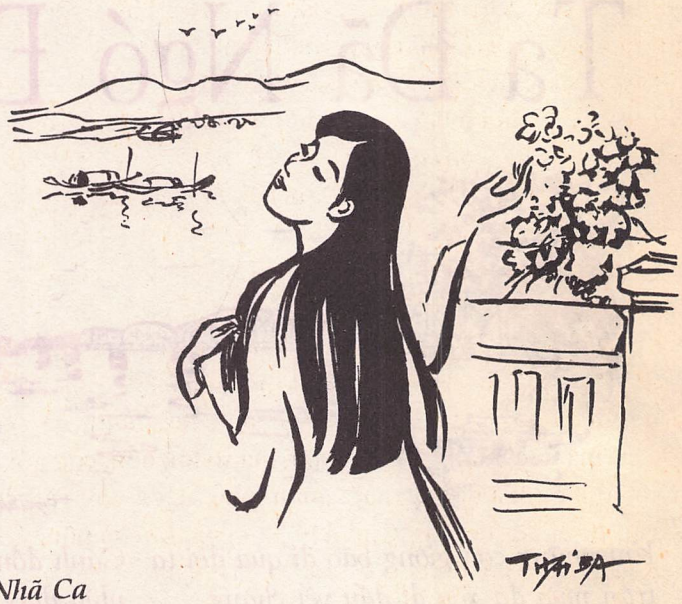

Nhã Ca

Từ quán phở Hòa đi ra, hai mẹ con đứng ở trụ đèn đỏ để chờ băng qua đường, đứa con gái giữ chặt tay mẹ:

"Mẹ đừng bước xuống lề đường. Xe nó tông, mình bị thương mà họ còn kiện ra tòa đòi bồi thường đủ thứ nữa..."

Chị Bông cau mày. Chuyện gì mà khó tin quá

"Đụng người bị thương là đi tù chớ ở đó mà đòi bồi thường. Luật lệ ở đâu vậy?"

"Luật ở đây nè má. Xời ơi, xứ Mỹ nó mênh mông, người đông hơn kiến, không luật lệ khó khăn một ngày là loạn. Nữa, má, sao cái chân má cứ muốn bước xuống lề hoài vậy?"

Lại quên nữa. Nãy giờ chờ đến năm phút là ít. Cái đèn cứ đỏ hoài mà giòng xe nối đuôi nhau như giòng nước chảy biết lúc nào ngưng. Sốt cả ruột. Thêm bên cạnh đứa con gái cứ nhắc nhở, lên lớp. Chị Bông nổi quạu.

"Biết vậy tao không ra đường làm gì cho khổ".

"Ở nhà má cũng kêu khổ vậy!"

Đó, con bé này ác vậy thì thôi. Nó cứ thọc lưỡi lê sắc bén vào vết thương lòng của chị. Sáng nay nhìn đôi mắt sưng húp và đầu tóc không chải, nó càu nhàu:

"Má buồn, má héo queo rồi chết thiệt thân má. Tội gì mà làm vậy?"

"Tao biết làm gì hơn, ổng..."

"Má đừng nhắc ổng có được kkhông. Ổng có đời riêng của ổng rồi, má làm gì được. Thôi má thay quần áo con đưa má đi ăn sáng. Phở nghe. Má đừng có chê. Cái gì cũng ở Việt Nam ngon. Ngon cái gì mà ngon, thói quen thôi... chất lượng sao bằng bên này...

"Nhưng má thấy nó thiếu thiếu cái gì... cái đậm đậm..."

"Nữa, lại bệnh "tình quê". Cứ vậy đến bao giờ má mới quen đời sống bên đây? Khổ thôi".

Nhiều khi chị thấy con bé cũng có lý. Chị mới sang tới Hoa Kỳ chưa đầy ba tháng. Mới ba tháng làm sao chị hết choáng váng được với nhát búa bổ đôi trái tim của chị từ mấy ngày đầu tới California này... Nhưng thôi, chị lại cau mày nữa...

"Má, qua đường... nhanh lên..."

Chờ hụt hơi, đèn xanh mới và bật, con gái đã kéo chị tất tưởi chạy. Mới ngang giữa đường thì bàn tay chỉ đường đã chớp chớp làm chị hết hồn, thiếu điều văng cả giày ra. Đôi giày đi một lúc là bó chặt hai cái chân, đau buốt. Sao cái gì cũng làm chị bực mình hết. Lúc ở bển, đi đôi guốc khỏe re. Mặc cái áo cái quần có cũ, rách càng tỏ ra là người lương thiện, nâng cao phẩm giá con người. Sang đây, nó nghịch hết trơn.

Hai mẹ con đã bằng được qua bên kia đường an toàn. Gớm, nó hồi hộp, trái tim đập liên hồi. Thấy đó, vừa bước lên lề đường, cái giòng xe đã tràn sang, chạy băng băng. Chị Bông còn cầm chặt tay con gái.

"Ở đây chết sớm vì bịnh đau tim".

Chị nói. Cô con gái cái mặt lạnh căm, không buồn trả lời. Trong bụng cô nghĩ khác. Cứ đọc trên báo chí thì biết, ngoài mấy cáo phó, phân ưu chết vì tai nạn, ông cụ, bà cụ nào cũng tám chín mươi tuổi. Cụ nào còn khỏe, con cháu tổ chức kỷ niệm hôn lễ vàng, hôn lễ bạc tưng bừng, các cụ còn đưa nhau ra sàn nhảy đầm hết bản này tới bản khác không hề biết mệt. Chỉ có mẹ cô mới qua, thấy trời đất thảm sầu là vì ông già đã bước thêm bước nữa...

Qua tới bên kia đường, hai mẹ con đi thong thả lại. Chị Bông mới thở lại điều hòa được. Con đường Bolsa này giống y mấy con đường chính ở Sài Gòn, lúc nào người ta đi lại cũng đông đúc, mà toàn là người Việt Nam không. Mấy người Mỹ như đi lạc vô khu này. Hồi nãy, chị Bông còn ngạc nhiên nhìn đến lõ con mắt ra ngoài, khi thấy một người Mỹ đeo cái bảng các tông trước ngực với mấy chữ ngòng ngoèo xin tiền. Con gái của chị bỏ cả nắm tiền lẻ vào cái mũ rách của ông ta, không thèm nhìn lui nữa. Sao chuyện gì cũng tréo cẳng ngỗng hết vậy nè. Ở Sài Gòn, lạc vào một người ngoại quốc coi, dù là Liên Xô thôi, cũng từng đàn trẻ con bu theo sau, kêu "mô nây mô nây" điếc con ráy, hướng chi là một người Mỹ thì là ông nội người ta rồi. Chị Bông chẳng còn biết ất giáp gì hết. Muốn ngoái lại nhìn coi người Mỹ này mặt mũi có gì khác lạ với mấy người Mỹ oai phong mà ai cũng nhìn với con mắt thèm thuồng muốn làm quen ở Sài Gòn không, đứa con gái đã kéo tay, chạy theo nó muốn không kịp.

"Má có muốn uống nước không? Mình vô đây".

"Về nhà uống. Ly nước làm một hơi cạn queo mà gần hai đô. Hai đô là cả mấy chục nghìn bên mình, tiêu hoài không hết..."

"Thôi má ơi, con thèm ly đậu đỏ bánh lọt. Nãy trong quán phở nói uống cà phê sữa, má sợ tốn tiền, còn nói là quán phở ngon thì cà phê không ngon. Má đã uống bao giờ chưa mà chê... Đi, má."

Cái khu Phước Lộc Thọ

này chị đã vô coi một hai lần rồi. Ôi chao, dí mũi vô mấy tủ kính bán vàng bán ngọc mà coi nó đã làm sao. Chiếc vòng ngọc nào cũng xanh bích, đẹp hết chỗ chê. Nhìn giá tiền ghi thì quỵ đầu gối luôn. Mấy chục nghìn đô la. Sang tới Mỹ rồi, chị mới biết cả đời chị, dành ngàn đô la chưa chắc đã nổi. Chiếc vòng ngọc thôi ngắm chơi cho đã con mắt. Thiệt ra, chị chẳng còn mê vàng mê ngọc gì. Thứ quý giá nhứt là tình nghĩa vợ chồng... vậy mà khi sang tới đây mới biết. Ảnh nói thiệt một cách lạnh lùng:

"Tui bảo lãnh cho bà sang đây có mẹ có con. Còn tui đã lỡ có gia đình khác. Mấy năm nay người ta chịu thiệt thòi, không làm giá thú vì để tui đón bà qua cho trọn tình trọn nghĩa... "

Còn biết sao hơn nữa. Đứa con gái đã thành Mỹ luôn rồi.

"Con há. Không có ý kiến gì hết. Con lớn rồi, ở với ai cũng không thành vấn đề..."

Chị khóc lóc, con gái lắc đầu:

"*Mom* sao kỳ quá. Ba thương người khác thì thôi, cần gì mà khóc lóc. Ở xứ Mỹ này, chuyện ly dị thường quá mà..."

"Nhưng má không phải là người Mỹ..."

"Ha, mà là người Việt Nam, nhưng má có ở Việt Nam đâu. Đây là xã hội Mỹ, mọi người sống ở đây phải theo lề lối của xã hội đó, vậy thôi".

Con nhỏ lạnh lùng, nói thẳng nhức nhức tim quá. Nhưng dần dà chị hiểu đó là sự thật, dù cay, dù đắng. Ngậm tăm. Buồn thúi ruột. Teo tóp.

"Má ngồi xuống đây đi. Má uống gì? Con thì coca ướp lạnh".

"Một ly rau má nữa". Chị nói.

Đứa con gái thở ra, dài thật dài:

"Nữa, lại bệnh "tình quê". Má thiệt..."

Nó lắc lắc đầu. Lúc này chị mới nhìn quanh một tí. Toàn người Việt Nam và hình như không ai sầu héo như chị.

Chị cũng không uống nổi ly rau má, bởi vì, trong lúc chị vừa đưa ly lên, chưa kịp nhấp môi thì chị nhìn thấy một người đàn ông đi đến. Có một người đàn bà khác bên cạnh. Đứa con gái nhún vai:

"Mom nhìn coi ai. Kìa "ông" chào mom kìa..."

Người đàn ông chậm bước lại. Chị có nhìn thấy cái gật đầu chào của ông và nụ cười của người đàn bà. Rồi người đàn bà tươi vui:

"Chị đi sắm đồ à? Này cháu, ở Mê (Robinsons. May) đang "xeo" (sale) năm mươi phần trăm, cháu đưa mẹ vào đó sắm đi..."

Chị gượng cười. Nhưng khi họ đi rồi thì cái cần cổ của chị gãy gập xuống. Không biết có phải vì chị khuấy ly nước mạnh quá mà một giọt rau má rơi ra hay giọt lệ từ mắt chị đổ xuống bàn. "Anh ấy". Không, đã là người ta, đã là của ai rồi, vô cùng xa lạ. Họ có khoác tay nhau đi không? Cái hình ảnh ấy, của chị xưa kia, trên những con đường đầy hoa phượng ở Huế. Và lúc họ đi dạo, đi xe đạp dưới những tàng cây, tiếng ve kêu ầm ĩ trổi khúc nhạc hè bất tận. Và hình ảnh ấy, đã in trong đại nội, trong lăng tẩm, đi vào cổ xưa...

"Kìa... "mom"..."

"Về, đi con".

Giọng chị thổn thức. Chị muốn được khóc vùi một mình.

Khu vườn được chăm bón, tươm tất lại. Chị trồng được vồng rau dấp cá, vài cụm rau thơm. Dàn mồng tơi nhỏ nhưng xanh mướt. Hôm mấy giây trái mồng tơi chín, vò nát trái mồng tơi trong tay, ngón tay chị dính lan mầu tím làm chị nhớ lại những trang thư tuổi học trò. Những trang thư của nhiều người gửi "tán" một người đẹp. Thủa nhỏ chị có đẹp không? Không biết. Nhưng những tấm ảnh cũ chị còn giữ một mớ thì mắt sáng, môi tươi, dáng gầy, eo nhỏ, áo trắng, nón lá đúng kiểu gái Huế. "Người ta manger photo mà". Chị cười, ánh mắt kiêu ngạo. Anh khen khi chị cười, con mắt có đuôi, rất lẳng. Bây giờ thì khác rồi, chị ít dám nhìn kỹ mình trong gương. Sự khổ đau và nước mắt đã xóa hết vẻ trẻ trung, tươi tắn và cả làn da mịn màng trên khuôn mặt chị.

Chị biết làm gì cho hết ngày giờ. Đứa con gái lúc đầu cũng hết lòng với chị. Nhưng nó không thể để mất việc làm. Khi những ngày nghỉ phép đã hết, con bé càng bận rộn. Cuộc sống của tuổi trẻ bây giờ là điện thoại, nhạc, bạn bè thâu đêm suốt sáng. Hai phòng riêng trong một ngôi nhà đã là hai thế giới riêng biệt. Một ngày không gặp nhau là chuyện đã thường. Sáng chị đọc miếng giấy ghim trên tấm bảng nhỏ: "Mom, con không ăn cơm. Mom đừng đợi". Đứa con gái đã chán những món ăn Việt Nam mà chị đã chú tâm nấu nướng. "Mom phải tập ăn dồ ăn Mỹ, nấu nướng lích kích mà nhà cửa lúc nào cũng hôi rình". Đứa con gái trách. Nhưng làm sao chị không ăn con cá kho, không luộc mớ rau, không nấu nồi bún bò Huế? Chị nấu và ăn một mình. Đứa con gái đã bứt ra khỏi bữa cơm gia đình. Dành dụm, chị mua được một máy nghe nhạc. Lúc này chị đã biết đường đi xe buýt. Chị ra khu Phước Lộc Thọ, tìm mua những băng nhạc cũ. Khổ nỗi, càng nghe, càng nhớ quê hương da diết. Nhưng chị không bao giờ tự trách mình đã ra đi. Dù sao cái thế giới bên ngoài cũng bao la. Điều chị thoát được là sự hồi hộp từng giây từng phút trong cuộc sống. Ở chợ trời, chị lo sợ bị bắt. Cứ nhìn thấy màu áo vàng của công an là tim muốn nhảy thót ra khỏi lồng ngực... Đổi lấy sự quạnh hiu, cô độc đến chết người, chị được nhìn thấy sự trưởng thành của con gái. Công việc của con, đời sống vững vàng, và tương lai cũng trong tầm tay thôi... Bạn trai Mỹ, có thể đám cưới, nay mai, cũng có thể đến bao giờ... Khi không thì như dao chém, khi quyết định thì ào ào như giông bão. Làm thế nào được, con chị đã nhập vào đời sống Mỹ.

Hôm nay, trên tấm bảng nhỏ có tờ giấy ghi: "Chiều nay mom đừng nấu nướng hôi nhà. Con đi ăn chiều với bạn, sẽ mua thức ăn về cho mom". Không nấu nướng, ngày sẽ dài kinh khủng. Sau khi tưới cây, chăm bón mảnh vườn rau, chị thay áo ra đường đón xe buýt. Tới phố Bolsa, không hiểu sao chị lại đi vào một khu chợ Việt Nam. Hôm nay không phải là ngày cuối tuần, nên điểm hẹn của các bà không được đông. Chị đi một vòng chợ, ngắm nghía, cuối cùng chị dừng lại ở dãy hàng rau quả.

Trước mặt chị, những củ khoai lang Mễ to tròn, da căng bóng. Chị cầm lên rồi lại đặt xuống. Chị đã mua, đem về luộc, nướng đủ kiểu nhưng sao nó vẫn không có cái mùi vị đậm đậm như ở quê nhà...

"Bông... Phải... Hồng Bông không?"

Một cái đập tay trên vai. Chị quay lại. Một khuôn mặt lạ hoắc, hay đã chìm lỉm trong ký ức rồi. Sững sờ ngó nhau, rồi người đàn bà cười. Nụ cười nhắc chị nhớ ra.

"Ê, Tiểu Quý.. đúng rồi, cười là không sai chút mô hết".

"Mụ cô tam đợi mi... dám quên tau".

Hai người đàn bà, hai người bạn cũ gặp lại nhau bất ngờ ở xứ người, quên tuổi tác. Bá vai nhau, mừng rỡ ríu rít. Mấy củ khoai lang không đâu lãnh nạn, rơi lăn lông lốc xuống nền chợ.

"Quỷ, mi vẫn như rứa... Chi? Há, răng không nhận ra, mi có cái tên kỳ cục mần răng không nhớ... Đã Hồng còn Bông, ngược đời mà..."

Chị cười buồn. Hồng Bông, bông hồng gì thì giờ cũng tan tác.

"Qua khi mô rứa?"

"Bốn tháng..."

"Hèn chi chưa rửa được nước da xạm đen của nắng Sài Gòn. Tau nì, gần mười năm. Mập quá phải không mi? Ông dôn tao chọc tau là con mụ Liếc... Tau mô có mập như rứa mà hắn chọc hoài bắt nổi cục..."

Chị cười. Trông Tiểu Quý không "mụ Liếc" cũng là "mụ Béo" đến nơi. Họ đưa nhau ra một quán Huế. Tiểu Quý lái xe vèo vèo, thắng, dọt, như tay đua...

"Ở đây không biết lái xe như què, không nói tiếng Mỹ như câm. Bà đã ghi tên đi học chưa? Đi học Anh văn, đi học lái xe, rồi học nhảy đầm... Mấy ông bà bên ni vui lắm, đi cày cỡ nào thì cuối tuần cũng phải kéo nhau đi nhảy..."

Chị nói cái quê mùa của chị ra. Bà bạn lắc đầu:

"Thì lúc đầu đứa mô không quê. Còn hơn là Sịa nữa. Rồi cái gì cũng biết, chớ không thì lên trên rú mà ở à. Nì, ăn chi thì kêu. Quán ni quen, mấy chị em mới qua là mở quán liền. Ăn bún ở đây không thua bún bò mụ Rớt nghe. Nhưng mấy người đẹp quán "Hẹn Hò" này lại không thích so sánh như vậy. Mi thấy không, chưng toàn hoa lan không, bữa ni mà tìm hoa lan đỏ con mắt chứ không phải chơi... Nì, ăn bánh bèo hí? Bánh bèo thì chèo cho khéo, tui không tiền mụ kéo tui lôi... Rồi ăn bánh ít nhụy tôm.. hi hi, bánh ít nhụy tôm, hai tay lột lá, cái mềm... hả ra ... Nhớ Huế chi lạ mi ơi..." Tiểu Quý thiệt vô tư. Miệng nói nhớ Huế mà

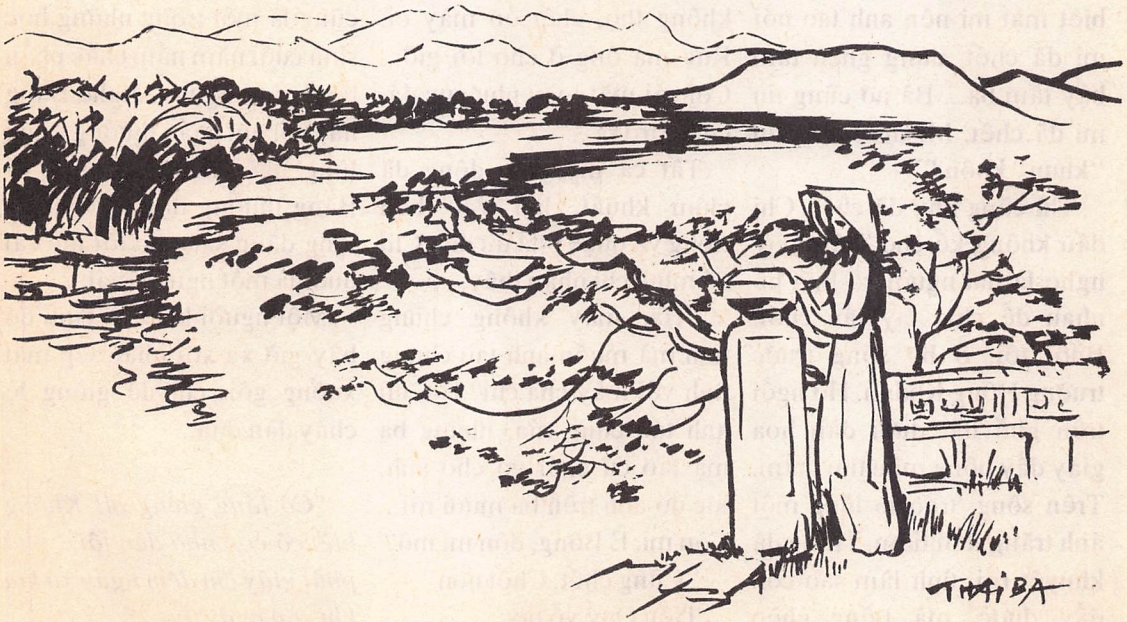

giọng cười ra rả. Lại ngắt, véo:

"Nì, có nhớ Bằng không? Anh Bằng tau..."

Chị gật đầu. Trong số thư tình mực tím thời con gái có một người tên Bằng. Nếu không bị "cú đờ phút" với Đạm thì quả cầu gieo trúng đầu Bằng chứ ai vô đó nữa. Cũng đã có nhiều kỷ niệm. Chị nhớ lá thư cuối cùng để vĩnh biệt, cũng màu mực tím, âu yếm, thương yêu và lo toan "người tình" lấy hắn ta sẽ khổ. Ai ngờ lá thư đó đã tiên tri.

"Anh Bằng vẫn còn nhắc tới mày hoài. Ý cha, trong bóp còn giữ cái hình của mày nhỏ xíu..."

Anh ta ra sao, gia đình? Vợ con? Chị thắc mắc mà không dám hỏi. Tiểu Quý nói một hồi rồi cũng "bật mí" hết:

"Anh Bằng tội lắm mi ơi. Mi là mối tình đầu của anh nên chi anh thờ trên đầu. Bà chị dâu tao ghen sống ghen chết với tấm hình của mi mà anh tao cứ lì ra. Bà chị dâu tau người trong Nam, không biết mặt mi nên anh tao nói mi đã chết, đừng ghen tầm bậy tầm bạ... Bà nớ cũng tin mi đã chết. Mi thấy anh tau "khun" khôn?"

Thì cũng như đã chết. Chị dấu không kể cho Tiểu Quý nghe là hai người có hẹn hò nhau để chia tay lần cuối. Buổi tối, ở bờ sông trước trường Đồng Khánh. Họ ngồi trên ghế đá, dưới dàn hoa giấy đầy bông màu tím thẫm. Trên sông, treo lo lửng một ánh trăng lưỡi liềm. Trăng đã khuyết rồi, tình làm sao còn đầy được, mà tiếng chèo khuấy nước còn muốn dập vỡ ánh trăng soi. Chị đã chọn cái vẻ bên ngoài một con người mà chê một con người có tâm tính đôn hậu. Chỉ vì sợ bạn bè chê lấy một anh chồng "cù lần". Hai người chỉ mới dám cầm bàn tay nhau, nhưng đó là hai bàn tay của thời thơ dại.

"Nếu em đã yêu, đã chọn thì anh không có ý kiến gì nữa hết. Chúc em hạnh phúc".

Gió từ mặt sông Hương thổi ngược lên làm chị cảm thấy lạnh, kéo hai vạt áo len kín trước ngực...

"Anh đừng trách em..."

"Em không hề phụ anh, sao lại trách em. Cầu mong em được mãi mãi yên vui. Anh sẽ đi thật xa, nhưng em nhớ là lúc nào anh cũng nhớ em... nhớ em như nhớ Huế".

Bằng đi xa thật. Mất hút, cho tới giờ, Tiểu Quý vừa mới nhắc lại.

"Anh tau cũng không có hạnh phúc. Bà chị dâu tao không thọ, chết ẻo mày ơi. Rứa mà ông ở cho tới giờ... Coi cái mặt mày như cục đá, cứ trơ trơ ra..."

Tất cả mọi xúc động đã chìm khuất, lặn vào bên trong và quậy phá dữ dội. Chỉ có mình chị nhận thấy.

"Ha, mày không chung tình mà muốn anh tao chung tình với mày cha chi? Ừa, thì anh tao cũng rứa, nhưng ba mạ tao cứ cưới vợ cho anh, lúc đó anh trên ba mươi rồi... Còn mi. Ê Bông, dôn mi mô?

"Cũng chết. Chết non".

Tiểu Quý vỗ tay:

"Rứa là anh... chị đều rảnh hết. Bữa mô tao làm mai "ráp" rổ rá lại cho..."

Chị không hỏi thêm một câu về Bằng, trừ những điều Tiểu Quý tự nói ra. Rồi họ nhắc nhở tới kỷ niệm ngày xanh. Bè bạn lưu lạc, đứa ở nước này, đứa nước nọ sau cuộc đổi đời. Lúc chia tay, Tiểu Quý ghi số điện thoại của chị, và hẹn:

"Ngày nhớ Huế năm ni, tau nhứt định lôi mi đi. Nhớ nghe, bữa đó tau tới rước..."

Chị ra về. Đã qua buổi trưa. Nắng vẫn gay gắt bên ngoài nhưng chị nằm trong phòng lạnh. Chị mở máy nghe một bài nhạc cũ và bỗng dưng nhớ Bằng. Bài hát "Cô láng giềng" đang phát ra trong máy từ một giọng nam. Chị có cảm tưởng như tiếng hát thủa xa xưa của Bằng bây giờ được lập lại, già dặn hơn, chín chắn và nồng nàn hơn. Ngày xưa, Bằng vẫn hay hát bản "cô láng giềng" trong những dịp tan trường, bạn bè hội họp hay lễ phát phần thưởng. Chị cũng là một trong những học sinh cuối năm nắm chắc phần thưởng trong tay. Nghe Bằng hát, rồi ôm phần thưởng trong lòng, ngồi xích lô về nhà, và Bằng thường đạp xe dạp hộ tống dằng sau cho tới lúc cái đuôi là một người khác...

Một người khác. Người đó bây giờ xa xôi nhất. Úp mặt xuống gối, chị để giòng lệ chảy dàn dụa...

"Cô láng giềng ơi! Không biết cô còn nhớ đến tôi... nhớ phút giây êm đềm ngày xứ kia khi còn ngây thơ..."

Chị đưa tay tắt máy. Tiếng hát chết tức tưởi. Nhà hàng xóm dậy lên một điệu nhạc soul, ồn ào, cuồng loạn.

Như lời hứa. Điện thoại reo trước một ngày để Tiểu Quý hỏi đường, và đúng giờ tới đón bạn vào ngày Nhớ Huế.

"Nì, vô đó tha hồ o ăn. Bánh bèo, bánh nậm, bún bò, bánh canh, nghĩa là Huế mình có món ăn chi thì bữa ni bày trong đó bán.

Chị cảm thấy có được một ngày vui vẻ từ khi đặt chân lên đất Mỹ. Người Huế, tiếng Huế vang dậy cả một hội trường. Bạn bè như chỉ chờ dịp này để gặp nhau. Quên hết màu thời gian trên đầu tóc bạc, tóc muối tiêu, tóc nhuộm, các bà các ông gặp nhau, trong mắt, linh hồn thời trẻ trung sáng ngời, như ở một góc lớp học, một góc sân trường xưa, chuyện nổ như bắp rang. Chị cũng gặp một vài bạn cũ, bạn mình, bạn chồng. Cám ơn! Không ai nỡ chạm vào vết thương lòng của chị.

Chị gặp lại người chồng cũ. Cái gật đầu và nụ cười của chị vẫn thiếu tự tin. Người đàn bà đeo cứng bên cạnh, dĩ nhiên là còn trẻ hơn chị, xuân sắc hơn chị, vẫn cười vui:

"Chị cũng tới đây à? Chị đã ăn gì chưa? Bánh canh ngon hết chỗ chê, chị vô trong kia kìa, gian hàng bánh canh Nam Phổ".

Người vợ mới lồng trong tay chồng, vẻ một người được yêu thương chìu chuộng. Họ quay đi và lẫn vào trong đám đông. Tiểu Quý đập vai chị.

"Nhìn chi nữa mà nhìn..."

Ừ, mà làm sao chị cứ nhìn cảnh hạnh phúc đó? Chị đã đánh mất. Nào lỗi đâu ở chị! Đứa con gái, mặt mẹ mà tình cha. Nó cũng có cái quay mình quyết liệt như cha nó. Chị có nghiêm khắc buộc tội không? Làm sao được, chính nó đã đúc kết từ máu huyết, thịt da chị.

"Nì, đừng có ngu. Người ta đã có cuộc đời người ta, mi có đời mi, tội chi mà buồn. Vô đây, tau đãi ăn bánh bột lọc. Hay mi thích ăn chi?"

Chị còn thiết gì việc ăn uống nữa. Nhưng chìu bạn, chị cũng đi qua các gian hàng. Toàn là những bàn tay mệnh phụ, búp măng đài các, đóng vai mụ Rớt múc bún bò rất nhuyễn, vai chị bán bánh canh Nam Phổ vụp cái vá rất rành. Đóng vai chị bán cơm hến mà áo dài xanh, mặt hoa da phấn. Tiểu Quý nói: "Rứa đó, mấy mệ nhảy đầm cũng nhuyễn, lái xe như tay đua, mà khi nội trợ, mấy ông ăn vô thì "ngậm" mà nghe..."

Họ vô hội trường, may mắn lắm mới có được hai cái ghế ngồi gần nhau, còn đắc địa nhìn rõ sân khấu. Sau một vài màn văn nghệ, thình lình Bằng xuất hiện. Tiểu Quý bấm tay chị:

"Có nhận ra ai không?"

Chị nhận ra ngay từ phút đầu anh ấy từ phía cánh gà bên trái đi ra. Dáng người vạm vỡ và còn rắn chắc. Tóc muối tiêu, quần áo vẫn lối diện ngấm ngầm. Vừa rồi người ta giới thiệu anh tên gì vậy? Anh Bằng. Nhưng chị không thể nghĩ ra, Anh Bằng, chính là Bằng, người bạn hàng xóm ngày thơ dại. Tự nhiên chị cuống quíu, quay sang bạn:

"Mi lừa tau".

"Ê, lừa chi? Mi nói lạ khôn! Tau giữ lời hứa, chưa hề nói với anh là có gặp mi nghe chưa.. Tau thề..."

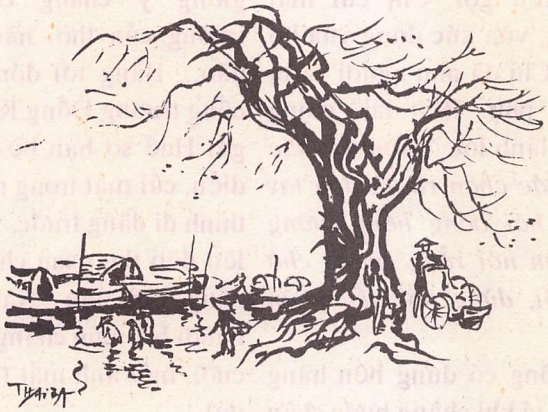

Vẫn lối nói chuyện như ngày xưa mỗi khi chị bắt bạn hứa giữ kín một điều gì. Chị ngồi ngay người lại, yên tâm là anh không hề biết chị đang ngồi phía dưới.

"Thưa quý vị... Năm nào cũng rứa, tôi nôn nao chờ đợi ngày "Nhớ Huế" để được gặp gỡ bạn bè, nghe tiếng Huế, ăn lại những món mà cứ nghĩ là "mạ nấu mới ngon", nhưng không ngờ, đến đây món nào cũng ngon, vì món ăn ngon đã đành mà còn gói

đầy những kỷ niệm một thời xa xưa, nên tôi hát cho tôi và tặng quý vị bài hát mà trong đó có một đôi mắt tôi mang theo suốt đời... Bài "cô láng giềng". Xin tha lỗi cho tôi, năm kìa, năm kìa nữa, kìa nữa, năm kia, rồi năm nay cũng "cô láng giềng"...

"Cô láng giềng" ơi lên, ơi lên đi...

"Ai là cô láng giềng, thành thật khai báo..."

Đợi tiếng la ó, tiếng vỗ tay, tiếng huýt gió ngưng bớt, Bằng mới cất giọng hát. Vẫn giọng hát trầm ấm, nhưng đã điêu luyện hơn, và ngọt ngào, yêu mến hơn mỗi khi lên giọng "Cô láng giềng ơi!!", như tấm lòng, như tâm hồn kêu gọi. Chị cúi mặt xuống, vừa xúc động vừa hổ thẹn. Chị đã phụ người và bị người phụ. Bên tai, giọng Bằng lảnh lót: *"Năm xưa, khi tôi bước chân ra đi, đưa tay buồn hái bông hồng tường vi... em nói rằng em sẽ chờ đợi tôi, đừng nói đến phân ly..."*

Không có đứng bên hàng tường vi khi chàng bước chân ra đi. Nhưng một buổi tối, cô bé nhận một cành hoa bưởi của cậu bé, bên hàng chè tàu và hai đứa trẻ cùng cầm tay nhua. Cô bé cười khúc khích:

"Em thích lớn thiệt mau, em thích lắm..."

"Lớn mần chi rứa? Tại răng thích lớn..."

"Em thích lớn em lấy chồng. Đám cưới vui lắm, đẹp lắm anh nờ..."

Rồi cô bé lay tay cậu bé:

"Anh cũng mau lớn nghe. Em làm cô dâu, anh làm chú rể, vui lắm..."

"Nghéo tay nghe".

"Ừ nghéo".

Trên sân khấu, Bằng cũng như vừa ngưng tiếng hát một vài giây để nghe lại tiếng cười thơ dại. Môi anh cũng kéo một nụ cười, nhưng thiểu não, đau thương làm sao. Hay chị tưởng tượng vậy?

"Cô láng giềng ơi! Không biết cô còn nhớ đến tôi?... Cô láng giềng ơi! Nay cánh hoa bên thềm đã úa rồi!..."

Chị bật khóc. Người gập xuống như một cành hoa úa tàn.

Rồi chị đứng dậy ra khỏi hội trường, ngực còn đau nhói. Nắng đã xế chiều. Người tiếp tục đến đông, kẻ tiếc nuối phải về sớm. Sao giống y chang cảnh tan trường của thời nào... Thời nào... Bằng tới đón chị tận cổng trường Đồng Khánh, cô gái Huế sợ bạn bè biết chế diễu, cúi mặt trong nón, lặng thinh đi đằng trước, và chàng lẽo đẽo theo sau cho tới tận cổng chè tàu. Nàng quay người lại, nhìn chàng. Một nụ cười, một ánh mắt thầm biết ơn!

Bước chân chị hụt hẫng. Chị đi xa dần ra phía bãi đậu xe. Chị mong Tiểu Quý ra tìm chị, chị sẽ yêu cầu bạn đưa về nhà. Chắc là Tiểu Quý tới. Tiếng bước chân sau lưng. Và đúng giọng Tiểu Quý:

"Ê, đứng mần chi ở dây như con thất tình rứa. Quay lại coi cái mặt chút nì..."

Chị quay lại.

"Hồng Bông..."

Bằng cùng đứng với Tiểu Quý. Chàng bước tới một bước ngắn rồi dừng lại. Khoảng cách vẫn còn xa lắm. Chị cúi đầu chào, đưa mắt nhìn bạn oán trách.

"Ê, tau vẫn giữ lời hứa. Tao "nghéo" rồi. Nhưng bữa nay, anh Bằng chộ mi, nhận ra mi, năn nỉ tau mà. Coi, chi lạ rứa, bạn bè cũ gặp nhau không mừng cái mặt còn sưng như cái mâm?"

Nhờ Tiểu Quý, không khí bỡ ngỡ sượng sùng tiêu tán khá nhanh. Lời lẽ tự nhiên dần.

"Vâng, em mới sang có mấy tháng, còn quê òm..."

Nụ cười của Bằng kéo lùi lại ngày tháng. Vẫn còn giọng nói y hệt xưa. Chàng nhớ: "dị òm, quê òm, xấu òm..." Chị đọc được ý nghĩ của Bằng, đọc từ đôi mắt chìm xa trong dĩ vãng.

Tiểu Quý đã mau mắn thu xếp một buổi đi ăn cơm chiều. Rồi sau đó, nhờ Bằng đưa chị về.

Lúc chỉ còn hai người, chị mới run. Lạ quá, già cái đầu, tóc muối tiêu mà tình cảm sao cứ còn non nớt như cô gái ngày xưa. Không, cô Hồng Bông ngày xưa đáo để hơn nhiều. Còn chị Hồng Bông bây giờ, yếu đuối, đơn độc và tàn héo.

"Hồng Bông".

Chị nghe nhiều lần tiếng gọi âu yếm, đau đớn. Nhưng tiếng nói không thoát từ miệng, mà từ những nhịp đập của trái tim, làm trái tim của chị đã chai mòn, dần tỉnh lại hồng thắm.

"Hồng Bông".

Từ trái tim nức nở, đã thốt ra bằng lời. Chị cúi đầu:

"Dạ".

"Anh không thể tưởng được từ ngày ấy em sống ra sao..."

Cắn môi muốn rớm máu, rồi chị mới nói được:

"Em đâu có sao thưa anh..."

"Còn chồng em..."

"Xin anh đừng nhắc. Chồng em đã chết rồi".

"Còn em, em..."

Chị vội vàng như sợ chẳng bao giờ còn nói được:

"Em? Em cũng đã chết".

Không nói gì nữa cho tới lúc chàng mở cửa xe. Chị tránh nhìn vào đôi mắt chàng.

"Số điện thoại của anh. Anh mong rằng, em sẽ nghĩ lại. Và lúc đó, gọi điện thoại cho anh. Dù em ở đâu, ra sao, anh cũng đến".

Chị nhận tờ giấy ghi mấy con số.

"Em phải chăm sóc sức khỏe của em hơn. Hồng Bông, em không thể sống một mình ở xứ người này..."

"Cám ơn anh..."

"Hãy coi anh như một người bạn, Hồng Bông..."

Chị gật đầu. Lúc Bằng lên xe, ngồi vào tay lái, nàng giật mình nhận ra không còn bao lâu nữa, chàng sẽ già nua. Bằng quay mặt ra cửa xe nhìn nàng một lần nữa. Nàng vẫy tay. Nàng cũng không hiểu cái vẫy tay ý nghĩa gì, nhưng xe chạy rồi mà nàng vẫn còn vẫy mãi. Hẹn hò hay là vĩnh biệt?

Chị quay lưng, vào nhà. Cô con gái đang ngồi ở sa-lon với một người bạn trai Mỹ. Những hộp thức ăn bày bừa bãi. Không giới thiệu mẹ. Không chào. Tivi, âm thanh, nhạc mở lớn hết cỡ. Nhưng chị không giận, gần như chị đã quen với lối sống xứ người. Đâu còn bao lâu nữa. Nay cánh hoa bên thềm đã úa!

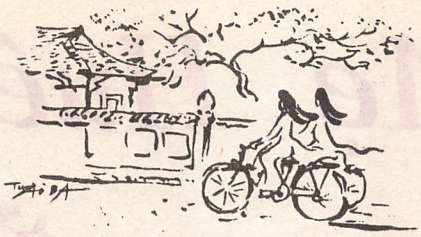

*

Đã nhiều lần, sáng sớm sau một đêm ngủ chị tính gọi Bằng. Buổi chiều nghe đi nghe lại bài hát "Cô láng giềng", chị tính gọi Bằng. Ban đêm, trằn trọc, thao thức, lại lấy ra tờ giấy ghi mấy con số. Quay cho nó reng, chưa đợi đầu giây bên kia nhấc máy, chị đã cúp. Chị hốt hoảng, ray rứt. Mắt sâu hoắm và người gầy rạc đi. Không thể được đâu. Chị đâu còn gì để cho Bằng ngoài kỷ niệm đã có. Chị sợ kỷ niệm sẽ tan vỡ luôn.

Trong tình trạng căng thẳng đó, chị đâm ra giận Bằng. Rõ ràng là con người vô tình. Anh ấy có thể hỏi số điện thoại của chị ở Tiểu Quý, nếu anh muốn. Tại sao bắt chị phải gọi trước, có phải muốn bắt chị là người xuống nước trước không? Chị tự ái. Đến tuần lễ thứ hai thì chị gọi Tiểu Quý. Người nhà trả lời Tiểu Quý đã đi Âu Châu gần hai tuần nay. Có thể về đầu tuần tới. Chị đợi.

Đầu tuần, chị nhận được thư bạn cùng tấm ảnh ngày xưa của mình.

"Tau vừa đi Âu Châu về với hy vọng là "ván đã đóng thuyền". Buồn quá, anh Bằng chơi không đẹp, đã bỏ đi, không bao giờ thèm hát bài "cô láng giềng" nữa. Người nhà tìm được tấm ảnh nhỏ trong ví, đã cất giữ đưa cho tau. Tau biết anh Bằng muốn đem theo tấm ảnh của mi mà không kịp dặn... Tau chờ mi gọi điện thoại..."

Thật hà tiện chữ. Tiểu Quý không hé cho biết lý do Bằng chết. Tấm ảnh đã ố vàng, một vài chỗ lỗ đỗ vì nước ảnh đã mất. Con bé trong ảnh cười hoài. Nó cười mà chị khóc. Lần này người bị "tình phụ" bước chân ra đi, không bao giờ trở về nữa. Chị cũng không gọi điện thoại cho Tiểu Quý.

Đêm, chị lần ra khu vườn nhỏ, bên dàn mồng tơi. Chị thắp hương và đốt tấm ảnh cũ. Chị ngắt những trái mồng tơi vò nát để những ngón tay nhuộm màu mực tím xưa. "Anh Bằng, anh nói dù em ra sao, bất cứ ở đâu, anh cũng sẽ đến. Anh nói láo với em... Anh nói láo..." Chị khóc lặng lẽ. Trăng lưỡi liềm móc trên nền trời đêm, nhưng không phải vầng trăng xưa nữa.

• *NHÃ CA*

Mẹ Huế

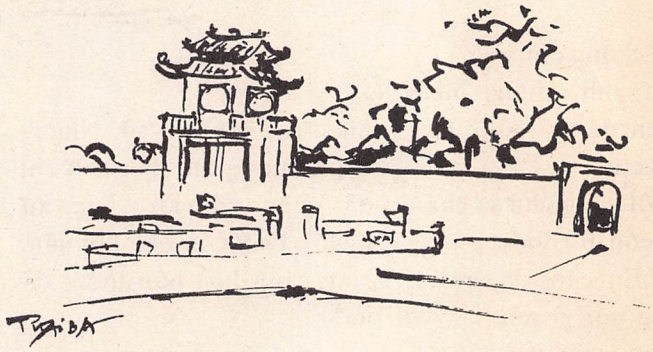

Mẹ Huế ơi! Hôm nay con về đây với Mẹ
Về với vườn cau bụi chuối với hàng dừa
Về với nhau gạo đỏ muối dưa
Tuy thanh đạm nhưng thừa sức sống

Con về đây sau những ngày mong ngóng
Những tháng dài năm rỗng trái tim khô
Con chỉ mong Mẹ quả cảm đợi chờ
Về với Mẹ cho thỏa tình thương nhớ

Mẹ Huế ơi! Mẹ có còn dáng đẹp và thơ
Nét cổ kính với lâu đài lăng tẩm
Mẹ có còn chiếc cầu vắt giòng sông lặng
Sáng trưa chiều tà áo tím vờn bay
Mẹ có còn câu hò mái đẩy
O lái đò xinh chiếc thuyền cát ấp đầy
Tiếng chèo khuya vỗ sóng dưới trời mây
Còn trăng đẹp vơi đầy hàng phượng thắm

Mẹ ơi Mẹ con còn nhớ lắm
Ngày ra đi Mẹ tức tưởi dặn dò
Con hãy gắng băng rừng vượt núi
Chấp gian nguy tìm đến bến tự do

Mẹ ơi Mẹ! Mẹ nay đã rõ
Mười con đi năm con bỏ lại lót đường
Nói sao thấu hết thảm thương
Xác lấp ven rừng xương dần bụng cá
Ngày rồi ngày mưa đông nắng hạ
Trại này đảo nọ đói cực cam go
Nuốt đắng cay nhớ Mẹ dặn dò
Mong ngày nào đó được về với Mẹ.

Mẹ ơi Mẹ! Hôm nay con về đây với Mẹ
Về với quê hương nóng lạnh hai mùa
Về với gió nồm đổ lửa hè trưa
Về với mưa dầm bùn lầy lụt lội
Con về đây buồn vui sớm tối
Bên Mẹ già cần cỗi hắt hiu
Chén canh thang thuốc nâng niu
Mong Mẹ bớt tâm sầu xác nhọc

Ngày về đây con sẽ mang điều sở học
Sau những năm dài tủi cực tha hương
Con sẽ xây đê dẫn thủy đắp đường
Xây nhà thương dựng trường cho con em học
Con sẽ trồng cây bao đồi núi trọc
Cá con nuôi đùa dưới hố bom sâu
Con sẽ trồng dâu
Nuôi heo nuôi bò
Nuôi gà nuôi vịt
Đồng lúa vàng đuổi sóng tít ngàn khơi
Cho nhà cao san sát tận chân trời
Cho Mẹ Huế được vui đời an lạc.

Làng xóm hôm nay tưng bừng múa hát
Từng đoàn người rộn rịp khúc hoàn ca
Đất Mẹ bình an trong gió thuận mưa hòa
Con của Mẹ vui vầy trong ngàn hoa đua nở.

• *Nguyên Hà.*

LÀNG TÔI KẺ ĐỘT

Thân gởi Ông Minh Vũ H.V.C. người tôi có đề cập trong bài này.

Nguyễn Thị Hiệp

Đột nát ngoài cươi mô rồi, mạ ơi! Giọng Thừa Thiên pha Nghệ Tĩnh làm cho những người Nghệ chính gốc nhận ngay là đồng hương. Đó là giọng đặc trưng của người làng Kẻ Đột hay Đột đột, tổ tiên gốc Nghệ Tĩnh. Làng chuyên môn làm nghề *"kẻ"* xưa nay và ngay sau 1945. Tên chữ là làng Phước Tích, thuộc huyện Phong Điền, cách xa thành phố Huế 40 cây số về phía Bắc.

Theo quốc lộ 1 từ Huế về hướng Bắc, gần đến cầu Quảng Trị cũng là tên gọi của tỉnh kế cận, rẽ về tay mặt đến chợ Mỹ Chánh. Mỹ Chánh thuộc Quảng Trị, Phước Tích thuộc Thừa Thiên, cách nhau bằng con sông Ô Lâu, hai làng gắn bó mặn mà, dân hai làng thường kết nghĩa thông gia. Sản phẩm của làng Phường Tích (dân địa phương thường gọi trại ra) hay làng Kẻ Đột bày bán ngay tại chợ Mỹ Chánh.

Làng Phước Tích như một bán đảo, sông Ô Lâu uốn vòng rồi chảy ra Phá Tam Giang, một con sông với tình sử mà Ông Thái Văn Kiểm đã có nói tới trong Tuyển Tập Nhớ Huế năm 1991. Làng Phước Tích không có ruộng, có vườn, nguồn lợi duy nhất là làm "kẻ".

Vốn là đất khẩn hoang, xưa gọi là "Cồn Dương", của những xuất đội theo Chúa Nguyễn vào Nam, khai canh lập làng suốt một vùng rộng lớn, xuống tận Kế Môn, Làng Rào. Phước Tích đã từng có Vị Ngự y họ Lê đời Vua Tự Đức, vì có công trạng được ban thưởng ngôi nhà 7 gian hai chái, cột lớn bằng hai người ôm. Có Vị Lãnh Binh tam phẩm họ Hồ. Sau năm 1945 có cả Thiếu Tướng (cũng bằng võ Tam phẩm) và Bộ Trưởng (Văn nhất phẩm), người họ Hồ.

Nghề "kẻ" xuất hiện ngay từ ngày khai khẩn, lưu đời con cháu từ thế hệ này qua thế hệ khác, được coi là nghề gia truyền, ngày một cải tiến tinh vi hơn. Làm thành "kẻ" phải qua 3 giai đoạn chính: làm đất, xên chuốt và sau cùng là nung lò. Gia đình kể như một đơn vị, nhà nào không đủ bàn xên thì đi làm công cho nhà khác. Riêng lò nung thì chung cho toàn làng.

Đất phải là đất sét dẻo, lấy tận vùng có đất sét cách làng chừng 2 ngày đò. Muốn làm thành kẻ, việc làm đất hay gọi là bắt đất là một yếu tố quan trọng, đàn ông, con trai nhận phần trách nhiệm. Đất mới lấy từ xa về, đất thô, dùng đôi chân nhào với nước cho đến khi thật nhuyễn, dùng tay nắn bắt thành những con đất lớn nhỏ, dài ngắn tùy theo loại dụng cụ định "chuốt" ra. Nghề làm đất đôi khi cũng gặp tai nạn. Nhân đây tôi xin kể một trường hợp: khoảng năm 1942, một công nhân làm đất bị cơn bịnh nặng, đến khi miệng đã cứng lại không đổ cháo vào

được mới chở vào Huế gặp bác sĩ Phước, ông này đành chịu thua. Người nhà hoảng hồn chở vào Phan Thiết vì có người anh đang làm y tá ở đó. Khi vào đến nơi thì bệnh nhân đã cong lưng lại rồi. Hai thầy trò (trong bệnh viện chỉ có một y sĩ và một y tá) chơi đòn quyết tử, pha cồn loãng 10% chuyền thẳng vào mạch máu và đã cứu sống được bệnh nhân. Thì ra đó là sài "Uốn Ván" với cách trị liệu thời xưa.

"Xên" hay "chuốt", cần đôi tay dẻo dai, mềm mại do vợ hay con gái đảm trách. Bàn "xên" là một dụng cụ thô sơ, mặt bàn tròn đường kính chừng 1 mét hay 2 mét tùy theo kiểu, dưới và chính giữa có gắn ống hình trụ, đặt trên một cái cột bằng gỗ cố định để cho bàn tròn xoay được.

Thợ xên, chỉ đứng, 2 tay vừa bắt dắt (với những con dắt đã làm sẵn như nói trên), tay phải vừa đẩy bàn xên cho chạy theo chiều kim đồng hồ. Khi kẻ đã làm thành hình, thợ "chuốt" dùng sợi dây cắt dưới đáy sản phẩm sát mặt bàn xên để tách rời sản phẩm ra khỏi bàn xên. Bán thành phẩm này gọi là kẻ phơ.

Chuốt là động tác nghệ thuật hơn. Thợ chuốt ngồi đối diện thợ xên, dùng đôi tay khéo léo, tay trong tay ngoài khoanh đất, lúc đầu dùng một thanh tre hoặc gỗ gọi là cái "chuốt", nắn cho khoanh dất liền lạc, cao thấp tùy theo sản phẩm muốn làm. Sau đó khi đất đã mềm dẻo thêm, mỏng ra, 2 tay nắn dần cho thành hình dạng sản phẩm (1). Sáng tạo của từng người đã cải tiến nghệ thuật xên, chuốt làm cho sản phẩm ngày càng tốt đẹp hơn. Phong tục cổ truyền chỉ truyền nghề cho con gái và dâu. Con gái không gả đi xa nên dân làng bà con thân thích với nhau tròng tréo tới hai, ba thế hệ.

Kẻ vừa mới chuốt xong, còn ướt, phải phơi khô trong năm, bảy ngày. Kẻ phơ còn được trau chuốt thêm lần nữa. Người làm kẻ phơ lại là đàn ông, dùng cái khoanh bằng sắt gọn trong lòng bàn tay cạnh sắt bén, cạo phần ngoài làm cho nhẵn nhụi, mịn màng để tăng phần mỹ thuật. Lu, dột, không cần phải nhẵn lắm. Om nồi cần làm kỹ hơn, phần đáy phải tròn và mỏng, miệng tròn để có thể đậy vung được.

Đại khái sản phẩm làng Phước Tích có nhiều loại:

Lu: dùng đựng nước hay đựng gạo. *Đột:* giống như lu nhưng nhỏ hơn, công dụng như lu. *Hũ:* giống lu, đột nhưng nhỏ hơn nữa dùng đựng gia vị, muối mắm. *Nồi* có nắp đậy gọi là *vung*, nồi nấu cơm. *Om* nhỏ hơn nồi chỉ nấu được một lon gạo gọi là *"om một"*. Om một làng Phước Tích nổi tiếng nấu vừa cho một người ăn. Om một nấu gạo "De" An Cựu rất ngon cơm. Mùa nước lũ, dân chài bắt được cá lúi bụng dầy trứng, kho rim trong trách, ăn với cơm nấu om một, không cao lương mỹ vị nào bằng. *Trách* và *trã* (hay trạ), miệng rộng hơn nồi, có vung hay không có vung, nấu canh, kho cá hay chiên xào. Gạch, ngói thì có tiếng là tốt xưa nay. Gạch Phước Tích có đóng góp để xây Thành Nội Huế.

Giai đoạn cuối cùng để hoàn tất sản phẩm là nung. Lò nung gồm có nhiều kiểu, loại nhỏ nung một ngàn kẻ trở xuống. Loại trung nung hai ngàn kẻ. Loại lớn nung trên ba ngàn kẻ. Lò nung hình phễu, mặt dưới bằng phẳng theo mặt đất, miệng nhỏ để giữ nhiệt. Bụng lò lớn và phình ra dần, sau có ống hơi thoát ra gọi là đạo. Tùy theo kiểu có 1, 2 hay 3 đạo. Kẻ chất đầy trong lò, om, nồi trách chất trước rồi đến lu, dột sau cùng là gạch ngói.

Củi đun lò dân làng cũng tự đi lấy từ truông hay rừng về. Củi đun lò để nguyên thân cây, cắt dài chừng 2 mét, chất thành khối vuông rỗng, 2 cây ngang rồi 2 cây dọc chồng lên, cứ như thế lên cao chừng 6, 7 mét. Chất củi cũng một nghệ thuật, chất cao như vậy mà không đổ, mặc dầu có người trèo lên để lột bai (2). Những chồng củi này chất gần lò, chờ thật khô mới dùng.

Củi đun từ miệng lò, cho nóng từ từ để kẻ phơ ăn chịu với sức nóng. Sau đó đun nhiều củi hơn, đẩy dần củi đang cháy vào hành lang dành sẵn cho kẻ chín đều. Đun liên tiếp như vậy từ ba đến bảy ngày. Trong thời gian đun lò, trai gái xóm ngoài xóm trong hội họp, phục dịch. Những câu hò hay ca dao trao đổi, thăm dò ý tứ lẫn nhau:

- Khoai to vồn tốt cổ, (3)
- Độ ba lá vừa un,

- Gà mất mẹ lâu khun
- Gái mượn chồng thậm khổ,
- Trai mượn vợ cũng thậm khổ,
- Trời sinh giếng, trời sinh mo,
- Trời sinh o, trời sinh tui,
- O một mình không có đặng.
- Tui một mình cũng không có đặng.
- Gió ngoài biển dồn vô,
- Mây trên trời cuốn lại,
- O với tui cùng cuốn lại.

Khi thăm thấy kẻ đã chín đều, bịt miệng lò và bịt đạo lại, để thêm 7 ngày nữa cho lửa tắt hết.

Đến đây sản phẩm đã hoàn tất.

Sản phẩm "kẻ đột" của làng Phước Tích, phẩm chất nổi tiếng cho đến năm 1945. Sau đó, vì chiến tranh gặp nhiều cảnh ngộ chính trị, kinh tế, có nhiều cạnh tranh của những đồ dùng tương tự bằng kim loại, dân làng còn giữ nghề nhưng năng xuất ít đi, phẩm chất không còn được như lúc xưa nữa.

Chắc rằng nghề kẻ lâu đời, dân làng Phước Tích đã tranh đấu để sinh tồn trong nhiều thế hệ, hẳn còn giữ được tổ nghiệp như xưa.

• ***Nguyễn Thị Hiệp.***

Ghi Chú:

(1) Trong phim "Ghost" có một màn xên chuốt, riêng cái bàn xên chạy bằng động cơ.

(2) Bai là vỏ cây.

(3) Tiếng miền Trung: Cổ là củ. Un là vun xới. Khun là khôn. Mượn là muộn. Mo là bẹ của lá cau, dùng làm gàu lấy nước dưới giếng lên. O là cô (chỉ người con gái đối diện). Tiếng Huế O cũng có nghĩa là Cô, em gái của cha. Tui là tôi. Đặng là được. ■

Huế

(Để nhớ thương về Huế)

Đường về xứ Huế xa xôi,
Hương Giang nước chảy êm xuôi một giòng.
Văn Lâu ai đứng chờ mong?
Cột cờ triều Nguyễn vẫn còn trơ trơ.
Câu hò chiếc nón bài thơ,
Nhớ chiều Bến Ngự, nhớ trưa Tràng Tiền.
Nhớ đêm Hường Đạo phố đèn,
Nhịp cầu Bạch Hổ, nhớ triền Nam Giao.
Hồi chuông Thiên Mụ chiêm bao,
Nhớ vua ngự điện trên lầu Ngọ môn.
Ai về nhớ Hến bên cồn
Bát cơm Âm phủ oan hồn ai ăn.
Con đò đập đá thung thăng
Chén chè Thương Bạc đêm trăng mùa hè.
Tam Tòa ra rả tiếng ve,
Áo lam Vĩ Dạ, tóc thề Trà Am
Nhớ ngày Phật Đản Từ Đàm
Nhớ đêm Giáng thế Phú Cam lạnh lùng
Đường lên xe ngựa Kim Luông
Nhà ga xe lửa vui buồn có ta.
Bến đò Thừa Phủ trông xa,
Thanh minh tảo mộ ngã ba Bánh Bèo
Nhớ anh Khải Định ăn nhiều
Nhớ cô Đồng Khánh áo chiều thướt tha.
Nhớ mùi mè xửng Đông Ba,
Nhớ lăng Tự Đức, bóng tà Thuận An.
Lọn nem An Cựu quê nàng,
Nhớ khuôn bánh đúc, cốm làng Bao Vinh
Hẹn hò hí viện Morin
Yêu thương ai ví nỗi tình vạn niên?
Nhớ hồ Tĩnh Tâm gương sen,
Hương còn phảng phất bóng đèn trong sương.

• ***Nguyễn Văn Y***

Đôi Ý Kiến Của Một Người Huế Về Nền Túc Cầu Ở Bắc Mỹ

Nguyễn Hữu Thứ

Việt Nam không phải là một nước lớn, trên 300.000 km2. Việt Nam cũng có một tiềm lực kinh tế khả quan: 3.000 km bờ biển, không có sa mạc, có bình nguyên, cao nguyên với rừng nhiệt đới. Nhưng Việt Nam không giàu, không phát triển về mọi mặt, vì lúc kỹ nghệ bắt đầu có những bước tiến nhảy vọt, thì ngoại bang đến xâm chiếm - Thế mà từ đầu thế kỷ nay, Việt Nam đã có phong trào bóng tròn.

Cuối thập niên 1920, tôi vào học ở Huế, thấy ngay một sân túc cầu lớn ở ngay phố chính của Huế, gần chợ Đông Ba, đường Paul Bert, sau này đổi là Đại Lộ Trần Hưng Đạo. Đó là sân của Hội Thần Kinh Thể Dục, thường được gọi tắt là SEPSH (tắt của những chữ Société d'Education Physique et de Sports Huế) Gần bên sân túc cầu có sân quần vợt nên khu vực ấy được xem như một trung tâm thanh niên dành cho giải trí lành mạnh.

Huế đã có một đội túc cầu mà đôi cầu thủ nay còn sống ở Hoa Kỳ như Cụ Hoàng Trọng Thược ở Nam Cali, Cụ Phạm Hoàng ở Fairfax, Virginia.

Năm 1936, ở Huế xây xong một sân vận động lớn, có lòng chảo để đua xe đạp, độc nhất cho đến nay ở Việt Nam. Năm ấy giải túc cầu Đông Dương được tổ chức ở sân đó cũng như trong những năm sau, cho đến lúc có thay đổi chính trị năm 1945.

Trong một thành phố không lớn, ước độ 200.000 dân, khán giả đã có dịp thưởng thức tài nghệ của nhiều cầu thủ điển hình:

Tốt, người Nam, dồi bóng và sút quá đẹp, có thể đem so sánh với Stanley Matthews, Bobby Charlton, hai trung phong chuyền, đưa, sút bóng như có ảo thuật. S Matthews chơi bay bướm quá đến nỗi khán giả gọi chàng ta là "Ma Trơi" (feu vollet).

Tương, Lợi Anh trong vai hậu vệ "dập" (arrière fixe) như những cột trụ đồng, cản trở mọi cầu thủ đối phương xâm cấm địa. Tương - Nguyễn Hữu - là con của Bà Chúa Tảm và bào huynh của Nguyễn Hữu Hồ, thủ môn xuất sắc và đẹp trai của Huế. Lợi Anh trầm lặng, hiền từ nhưng đá rất hay.

Gà, Lợi Em, những trung ứng (demi centre) tuyệt vời, Gà thường đi với Đông - Điếm; Lợi Em đi với Gioan, Robert (tả ứng, hữu ứng) trong đội hình WM, gây tin tưởng...

Đó là những hình ảnh đẹp về túc cầu các thập niên 30, 40, 50 trước ở Huế, làm cho tôi xa quê hương mà vẫn nghĩ đến với đầy cảm tình.

Qua Bắc Mỹ, khó tìm thấy những báo như Thao Trường, Đuốc Thiêng... trong đó các trận bóng tròn đó đây trong, ngoài nước được tường thuật, bình luận lúc các trận đấu

chưa được trực tiếp truyền hình. Trong những trang báo ở đây nói về thể thao, túc cầu được dành cho chỗ khiêm tốn, nhiều lắm có kết quả các trận đấu hạn chế, không có tường thuật, bình luận. Về truyền hình, có chương trình "Soccer Saturday" hai giờ rưỡi ở đài TSN, có tuần chương trình này bị hủy dành cho tin tức "quan trọng" hơn như chung kết một giải dã cầu!

❑ Túc Cầu huấn luyện thân thể một cách hấp dẫn.

Tuổi nào có thể chơi túc cầu? Bất cứ, vì thiếu nhi, thiếu niên, tráng niên, lão tướng đều có thể tổ chức thành đội, trận đấu nào cũng hấp dẫn đối với người chơi vì ai chơi mà chẳng muốn đá lọt lưới đối phương. Đã ham mê thì quên mệt, chạy mãi cũng cố gắng. Lúc chạy lên, xuống, lui tới theo bóng, sút, túc cầu là vận động cả thân thể, tức tập thể dục mà vui vẻ trong mình. Nếu tập thể dục một mình, thì chỉ trong 15 phút nửa giờ, đá một trận phải vận động trong một giờ hay hơn nữa. Một trận đấu chính thức gồm có hai hiệp, mỗi hiệp 45 phút. Nếu trận đấu cần có kết quả quyết định ai thắng, ai bại - thì có lúc phải đá hai hiệp phụ, mỗi hiệp 15 phút, tức 2 giờ tất cả. Nếu kết quả vẫn hòa, thì sao? Luật lệ liên đoàn túc cầu thế giới - FIFA (tắt của Fédération Internationale de Football Association hay Federation of International Football Association) giải quyết bằng phạt đền (Penalty). Trước đây trận đấu phải tiếp tục cho đến lúc có thắng bại nên có trận kéo dài không phải 2 giờ mà 3 giờ 30 phút như trận chung kết giữa Santos (Ba Tây) và Penarol (Điểu Hà) Copa Libertadorès, tổ chức ngày 3. 8. 1962. Sau trận đấu, nhiều cầu thủ phải được cáng đi, có người phải thở Oxy.

Thời cuối thập niên 1950, đội AJS của Saigon gặp một đội Pérou, xin đấu 40 phút một hiệp và thắng 3-2. Qua trận sau, cách đấy một vài ngày, đội Pérou đề nghị theo thì giờ quốc tế, 45 phút và thắng lại 5-2, chỉ trong 15 phút sau, đội khách làm chủ sân bóng vì cầu thủ Việt Nam hết sức.

Cho nên có hai việc đã xẩy ra. Thứ nhất là Huấn Luyện Thể Dục bắt buộc. Lúc đá bóng tròn cho vui, thắng bại ít quan trọng. Trong một giải quốc tế ngày nay, nó có nghĩa là được thua bạc triệu Mỹ Kim, cho nên, cầu thủ phải đủ sức đá năm bảy trận liên tục, hai trận cách nhau vài ba ngày mà thôi, dự trù có trận 2 giờ. Đấu một trận theo chiến thuật Tổng Lực - mà đội Ajax (Hòa Lan) của Johan Cruyff áp dụng đầu thập niên 70 đòi hỏi ở các cầu thủ một sức lực phi thường.

Thứ hai là ... "Về Hưu Non". Trước đây các đội bóng tròn áp dụng chiến thuật WM trong đó cầu thủ ở vị trí nào có vai trò riêng, không ồ ạt như trong chiến thuật tổng lực, nên Stanley Mathews (sinh ngày 1. 2. 1915) lúc được 50, trong trận đấu giữa Liên Xô và Hung vào 4. 1965, Mathews ra sân từ giã khán giả. Mathews đã được Nữ Hoàng Elizabeth II quí tộc hóa. Nhưng sau này với chiến thuật Tổng Lực, Michel Platini (có tên trong Tự Điển Larousse) sinh năm 1955, ngôi sao sáng của Pháp đoạt giải Âu Châu 1984, của Juventus thời nào, rút lui lúc chỉ 32 tuổi để làm huấn luyện viên, tuyển trạch viên...

Tóm lại, chơi túc cầu là tập thể dục, muốn có thêm thành tích tốt hơn, lại phải tập thể dục thêm nữa.

❑ Túc Cầu huấn luyện Đạo Đức, Kỹ Thuật.

Ở đời ai cũng công nhận bóng tròn là môn giải trí lành mạnh. Khán giả dự xem một

trận cầu là mất nhiều giờ về xem, bình luận, mạn đàm, khỏi đi đánh bạc, uống rượu hay ... "Quậy". Cầu thủ trong lúc chơi bóng, cũng mất thì giờ như vậy, nhưng trước đó, phải nghỉ và sau trận đá lại càng phải nghỉ hơn nữa. Cầu thủ nào cũng phải dưỡng sức để đủ điều kiện thể lực mà chơi trong 1 giờ rưỡi hay hai giờ. Cầu thủ các đội cao, nhất là hạng nhà nghề lại càng phải lo giữ gìn sức khỏe và quyền lợi của cầu thủ cao lắm: lợi nhuận hàng năm có thể lên quá số triệu Mỹ Kim. Trường hợp của Diego Maradona có nhiều ý nghĩa, đáng đưa ra làm thí dụ:

Năm 1958, trong giải Túc Cầu Thế Giới thứ 6, tổ chức ở Thụy Điển, tên Pélé (tức Edson Arantes do Nascimento) nổi bật trong đội tuyển Brazil. Trung phong chưa đến 18 tuổi (sinh ngày 23. 10. 1940) xử dụng quả cầu như một ảo thuật gia. Vào đầu thập kỷ 70, Cầu Vương Pélé thôi chơi cho hội tuyển. Báo chí nói đến người kế vị, Diego Maradona, người Buenos Aires, Argentina. Maradona khác Pélé về thân thể và đạo đức = thấp hơn, nguồn gốc xoàng. Nhưng đá bóng rất hay, đem so với Pélé không thẹn. Đầu thập niên 80 Maradona ký hợp đồng đá cho CLB Barcelona lấy mấy triệu Mỹ Kim. Nhưng câu lạc bộ đó có lẽ không khoái Maradona, cho ngồi phòng hờ nhiều lần, rồi nhường cho CLB Napoli của Ý với giá 14 triệu. Từ đó cho đến 1993, mỗi năm Maradona lãnh 7 triệu vì uy tín lên cao sau khi làm Argentina vô địch thế giới năm 1986 và làm cho CLB Napoli đoạt nhiều giải... Hàng tuần trong trận đấu có Maradona, 60.000 vé của Thao trường Napoli đều bán hết. Song cầu thủ đó dùng ma túy, mê gái, không những ngủ với các nữ ái mộ mà con đi với gái giang hồ. Cuối cùng Maradona bị cơ quan tư pháp FIFA trừng trị, CLB Napoli không dùng nữa. CLB Newell của Argentina ký hợp đồng để Maradona đá 3 năm, mới chưa đầy 6 tháng, CLB đã hủy hợp đồng. Báo chí nói rằng Maradona trong gần 6 tháng đó chỉ đá trong 540 phút (chưa đến 10 giờ). Tuy Liên Đoàn Túc cầu Argentina còn mời Maradona dự vòng chung kết giải 1994 tại Hoa Kỳ, cựu Cầu Vương Pélé, theo báo chí ra ngày 15. 4. 1994, khuyến cáo Maradona đừng tham dự giải 1994 vì không chuẩn bị về tâm thần và tâm lý (I don't think he's mentally and psychologically prepared for the World Cup). Pélé cho rằng Maradona không chơi hay như trước, ông lấy làm tiếc vì dẫu sao Maradona là một đại cầu thủ.

Cầu thủ không những cần có đạo đức mà cần được huấn luyện về kỹ thuật. Trước đây, có lẽ cầu thủ thấy người ta chơi sao mình chơi vậy và vào cuộc, học dần dần để tiến thân. Vả lại, theo đội hình 1-2-3-5, trách nhiệm của cầu thủ hạn chế, chỉ hậu vệ "dập", trung ứng, trung phong có trách nhiệm tương đối nặng hơn. Với chiến thuật Tổng Lực, đội hình thay đổi tùy theo đối phương: 1-4-4-2; 1-3-3-4; 1-4-2-4... cầu thủ phải đá được ở bất cứ vị trí nào, cho nên phải học đá, lừa, cướp bóng... Nói thì đơn giản mà làm thì khó, cần có huấn luyện viên.

Các huấn luyện viên các đội quốc gia được trả lương cao, phần nhiều là cầu thủ giỏi trước đây như F. Beckenbauer, J. Cruyff, M. Platini...

❑ Túc Cầu, môn giải trí nhất trong đời.

Chúng tôi dùng chữ "nhất" đây là về tánh cách bình dân, quảng đại quần chúng, lành mạnh, hấp dẫn, xét cho kỹ, không có gì là quá đáng hết.

Người ham túc cầu chỉ muốn thấy quả bóng vì không phải có cơ hội chơi luôn. Đó là giải trí tốt. Các cầu thủ nhà nghề lại cần dượt ở độ thế nào mà lúc ra trận còn ham mê đeo bóng chứ không phải chơi bóng vì bổn phận.

Với khán giả, có thể có hai tâm lý khác nhau: Về giải trí, muốn thấy cái hay, cái đẹp của bóng tròn hay vì phe cánh. Hạng trên là đa số.

Viết đến đây, tôi nhớ đến hai trận đấu giữa Đội khách Wiener Sport Klub và Đội Cảnh Sát Huế rồi Hội Tuyển Huế tăng cường ít cầu thủ Saigon (Tư, Đức, Quới) tổ chức vào đầu tháng hai 1956, 23, 24 tết Bính Dần. Sân vận động Tự Do là thao trường độc nhất ở Việt Nam cho đến nay có lòng chảo đua xe đạp. Các khán đài không nhiều chỗ, song khán giả có thể chịu khó đứng ngồi bất cứ ở

đâu (kể luôn cả trên lòng chảo). Thường khán giả vào khoảng vài chục ngàn. Hai hôm đó, có trên 30.000 khán giả mỗi trận, trong đó có trên 10.000 người từ Đà Nẵng (cách Huế trên 100 km) ra. Đội của thủ đô Áo thời đó được xếp cao trong giải vô địch quốc gia. Đội Cảnh Sát Huế đang lúc sung sức nên hai trận đấu ngang ngửa, làm cầu trường luôn luôn sôi động. Chỉ vài trận đấu có cầu thủ ngoại quốc mà hai trận đấu đã hiến khán giả những phút giải trí rẻ tiền, lành mạnh và rất hấp dẫn.

Đó là một vài trận cầu giao hữu ở một thành phố nhỏ của một nước không lớn, mà nó cũng làm vui nhiều người, nói gì đến những trận đấu quan trọng hơn.

Các Giải Túc Cầu Lớn, niềm vui vô biên của người hâm mộ.

Người Anh cho rằng cái nôi túc cầu là nước họ; khó lòng trưng ra bằng chứng; họ cho biết là có bản tuyên cáo của Vua Edouard II (1284 - 1327) năm 1314 cấm chơi bóng tròn trong Thủ Đô Luân Đôn. Qua thế kỷ 19 thì có bằng chứng; Câu lạc bộ xưa nhất là Sheffield Fe được thành lập ngày 24. 10. 1857. Đến ngày 26. 10. 1862, Liên Đoàn Bóng Tròn (họ dùng chữ Foot Ball Association in England, gọi gọn là FA thường dùng bây giờ) ra đời, cũng xem như xưa nhất. Sau đó, các Liên Đoàn quốc gia, Liên Đoàn Túc cầu Thế giới (FIFA, tắt của Fédération Internationale de Foot ball Association) ra đời ngày 21. 5. 1904. Liên đoàn Thế giới tổ chức những trận quốc tế, lôi cuốn các liên đoàn địa phương tổ chức các trận liên hệ, tạo nên những trận tạo niềm vui tuyệt vời cho cầu thủ, cho khán giả.

▼ I. GIẢI TÚC CẦU THẾ GIỚI

Ngày 18. 11. 1927, ông Jules Rimet, người Pháp, Chủ Tịch Liên Đoàn Túc Cầu Thế Giới loan báo việc tổ chức giải Bóng tròn Thế Giới lấy tên là **"World Cup"**. Từ đó đến nay, Liên Đoàn đã tổ chức 14 giải, có hai lần đúng kỳ mà không tổ chức được vì lý do chiến tranh 1942, 1946.

○ **Giải Thứ Nhất** được tổ chức tại **Uruguay**, Nam Mỹ năm **1930**. Giải bắt đầu từ 13. 7. trong trận chung kết tổ chức ngày 30. 7. 1930 tại Thủ Đô Montévidéo, trước 90.000 khán giả đội chủ nhà thắng đội Argentina 4 - 2 sau khi bị dẫn trong hiệp đầu 1/2. Tinh thần "Sô Vanh" đã làm náo động thao trường trong cảnh như hỗn loạn, nhưng không có gì đáng tiếc xảy ra.

○ **Giải Thứ Hai** được tổ chức tại **Ý** năm **1934**. Trong trận chung kết ngày 10. 6. 34, trước mặt Benito Mussolini, Đội tuyển Ý thắng Đội tuyển Tiệp Khắc 2/1, đoạt giải; vua phá lưới là cầu thủ Ý Sciavio.

○ **Giải Thứ Ba** được tổ chức tại **Pháp** năm **1938**. Trong trận chung kết ngày 19. 6 ở Thao Trường Combes, Paris, Ý thắng Hung 4/2 khán giả quá thưa thớt, vì không khí Âu Châu căng thẳng do Hitler, Mussolini gây nên.

○ **Giải Thứ Tư** được tổ chức tại **Ba Tây** năm **1950**. Trận chung kết ngày 16. 7. 1950 ở vận động trường mới Maracana, Thủ Đô Rio de Janeiro, với 199.589 khán giả đã làm điên đầu dân địa phương vì Đội tuyển Uruguay bé tí đã thắng Đội tuyển Brazil khổng lồ 2/1.

○ **Giải Thứ Năm** được tổ chức tại **Thụy Sĩ** năm **1954**. Thời đó Đội tuyển Hung chơi hay, đẹp vì có nhiều cầu thủ giỏi trong đó có Puska, Kocsis. Trong trận chung kết ngày 4. 7. 54 tại Thủ Đô Berne, Đội tuyển Tây Đức đã thắng Đội tuyển Hung 3/2. Vua phá lưới là Kocsis với 11 bàn.

○ **Giải Thứ Sáu** được tổ chức tại **Thụy Điển** năm **1958**. Trong giải này, Đội tuyển Brazil có nhiều điểm đáng chú ý. Có nhiều cầu thủ tên là lạ: Pélé (tên thật Edson Arantes do Nascimento), Vava (tên thật Eduard Izito Nets), Didi, Jairzinho... Pélé chưa được 18 tuổi, các cầu thủ chơi bay bướm, nên nổi tiếng là nhảy vũ điệu Samba trên sân. Just Fontaine, trung phong của Pháp được Raymond Kopa (đã cùng đá với J. Fontaine, cho Đội Reims, nhưng thời 1958 đá cho Real Madrid) đưa bóng hay nên đã đá lọt 13 bàn trong 6 trận, trở thành vua phá lưới, có lẽ kỷ lục khó bị vượt qua. Trong trận chung kết ngày 29. 6.

1958 tại Thủ Đô Stockhom, Đội tuyển Brazil thắng Đội chủ nhà 5/2 một cách tuyệt vời; người Thụy Điển cũng công nhận là trận đấu quá đẹp.

○ **Giải Thứ Bảy** được tổ chức năm **1962** tại **Chile**. Trong Đội tuyển Anh, Bobby Charlton đã có cơ hội thi thố tài năng, nhưng Anh vào tứ kết thì bị Ba Tây hạ. Pélé có mặt, không dự vì chàng bị thương. Garrincha thay thế đá cũng bay bướm, tài nghệ như Pélé. Trong trận chung kết ngày 17. 7. 62 tại Santiago, Đội tuyển Ba Tây thắng Đội tuyển Tiệp 3 - 1, đoạt giải Túc cầu Thế giới lần thứ hai cũng như Ý, Uruguay trong những giải đã qua.

○ **Giải Thứ Tám** được tổ chức tại Vương Quốc **Anh** năm **1966**. Đây là giải có lắm chuyện lý thú.

Lần này có nhiều đội mạnh: Ngoài Brazil, Anh, có Argentina, Uruguay, Pháp, Tây Đức, Liên Xô, Ý, Bồ... và một ẩn số lớn, Bắc Hàn. Đội tuyển nước này thắng Đội tuyển Ý - 2 lần vô địch - và lúc đấu với Bồ, trong hiệp đầu, dẫn 3-0 khỏe khoắn - Eusebio, gốc Mozambique, khóc, nhưng cuối cùng, Bồ thắng lại 5-3. Eusebio trở thành vua phá lưới với 8 lần.

Trận chung kết diễn ra ngày 30. 7. 1966 tại sân Wembley, Luân Đôn giữa Đội tuyển hai nước Anh và Tây Đức - trong Đội Anh có 2 cầu thủ xuất sắc đã nổi tiếng. Bobby Moore và Bobby Charlton. Đá trên sân nhà, hai cầu thủ đó đá như các ảo thuật gia. Đội Tây Đức đã có F. Beckenbauer, đá cũng quá hay cho nên xong hai hiệp chính, hai đội huề, đá hai hiệp phụ, Đội Anh thắng 4-2, khán giả xem trận đấu không phải trong một giờ rưỡi mà hai giờ, cầu thủ hòa nhã, biểu diễn đẹp. Tuy Anh là quê hương của "Hooligan" túc cầu, mà không có gì đáng tiếc xảy ra.

Sau trận đấu, ngoài các phần thưởng thông lệ, bầu của Đội tuyển Anh là Alf Ramsey được Nữ Hoàng Elizabeth quí tộc hóa. Viện Bảo tàng sáp Trudeau đã đúc sáp các cầu thủ của Đội chiến thắng, trưng bầy gần hết các nhân vật của Hoàng Gia, của chính giới Anh, thế giới.

○ **Giải Thứ Chín** tổ chức năm **1970** tại **Mễ Tây Cơ**. Trong trận chung kết ngày 21. 6. 1970 tại Aztec Stadium, Thủ Đô Mexico City, Đội tuyển Ba Tây thắng Đội tuyển Ý 4/1 đoạt giải vô địch túc cầu lần thứ ba và giữ luôn Cúp Jules Romet đó, Bobby Moore, F. Beckenbauer, Jairzinho vẫn là những ngôi sao sáng của các trận đấu.

○ **Giải Thứ Mười** được tổ chức năm **1974** ở **Tây Đức**. Tại trận chung kết ngày 7. 7. 1974, Tây Đức hạ Hòa Lan 2/1 sau khi bị quả phạt đền ngay từ phút thứ nhất của trận đấu. F. Beckenbauer, G. Mueller, Johan Cruyff... đá quá hay. Vua phá lưới là Lato của Ba Lan, 7 bàn.

○ **Giải Thứ Mười Một** được tổ chức tại **Argentina** năm **1978**. Trong trận chung kết tổ chức ngày 25. 6. 1978 tại Buenos Aires, Đội chủ nhà hạ Đội Hòa Lan 3/1 đoạt giải. Mario Kempès được xem là ngôi sao sáng của giải. Y là vua phá lưới với 6 bàn mà thôi. Johan Cruyff vắng mặt.

○ **Giải Thứ Mười Hai** được tổ chức tại **Tây Ban Nha** năm **1982**.

Trong trận chung kết ngày 11. 7. 1982 tại Thủ Đô Madrid, Đội tuyển Ý hạ Đội tuyển Tây Đức 3/1, đoạt giải Jules Rimet lần thứ ba và giữ luôn chiếc cúp vàng theo điều lệ.

Paolo Rossi của Ý đá quá hay và trở thành vua phá lưới với 6 bàn.

❍ **Giải Thứ Mười Ba** được tổ chức tại **Mễ Tây Cơ** năm **1986**. Trong giải này, xuất hiện nhiều ngôi sao mới Diego Maradona của Argentina, Gary Lineker của Anh... Maradona đã được nói đến nhiều trước đó, tuy nhiên có gì là lạ: y lanh quá, dùng tay đánh bóng vào lưới của Anh để loại nước này chỉ với bàn đạt được nhờ "tay của Thượng Đế" (từ của chính cầu thủ). Dẫu sao, trong trận chung kết ngày 29. 6. 1986 Argentina hạ Tây Đức 3/2 đoạt giải J. Rimet lần thứ hai. Lineker là vua phá lưới với 6 bàn.

❍ **Giải Thứ Mười Bốn** được tổ chức tại **Ý** năm **1990**. Trong giải này, cũng có một chuyện mới là Đội tuyển Cameroon gây ngạc nhiên như Đội Bắc Hàn thời 1966: Đội Cameroon thắng Đội Argentina của Maradona 1-0 trong vòng loại. Trong trận chung kết ngày 8. 7. 1990 tại La Mã, trước 73.603 khán giả, Đội Argentina đã tỏ ra khôn ngoan: Đối thủ là Đức quá mạnh, (nhiều cầu thủ năm 1994 sẽ có mặt ở Hoa Kỳ) nên Argentina chơi thế thủ kỹ đến nỗi, trong giai đoạn chót, chơi 9 người, tỷ số ở phút 84 vẫn 0 - 0. Lúc đó, ở trung tuyến Lothar Matthaus đưa lên cho Rudi Voeller, Voeller lừa bóng bị cầu thủ Argentina Robert Seusini làm té, nên Đức được hưởng quả phạt đền, Adreas Brehme đã đá lọt lưới; bàn duy nhất đó đã giúp Đức đoạt giải cao quí lần thứ ba, giữ vĩnh viễn chiếc cúp vàng y. Thế là FIFA đã mất ba cúp, trao cho Ba Tây, Ý, Đức. Hai nước đã đoạt giải hai lần là Uruguay, Argentina.

Ngoài giải túc cầu Thế giới nhà nghề, có hai giải Thế giới tài tử:

- *Giải Túc cầu Thế Vận* có từ đầu thế kỷ, ít được lưu ý vì ít hấp dẫn, chứ điều lệ tranh cũng như giải nhà nghề.

- *Giải Túc Cầu Thiếu Niên* cũng bốn năm một lần.

❑ Túc Cầu gây tình thân hữu, tạo công việc cho xã hội.

Trên đây, chúng tôi đã nói rằng túc cầu là môn giải trí hấp dẫn, nhờ đó mà giảm sự phạm pháp. Đó là một vai trò xã hội. Cũng ở trong phạm vi này, túc cầu có mấy công tác đẹp hơn: Gây tình thân hữu.

Cách đây mấy năm, Việt Nam XHCN và Hoa Kỳ đối nghịch. Thế mà có một tu sĩ đem một đội bóng học sinh Việt Nam qua đấu ở Hoa Kỳ. Thành tích kỹ thuật chắc chẳng ra gì, khán giả thưa thớt, song hành vi có ý nghĩa chính trị: gây tình thân giữa học sinh.

Cách đây không bao lâu, bọn Tân Phát Xít (Skin Head) bạo hành mưu sát ngoại kiều ở Đức, các vận động viên bóng tròn Berti Vogt, Lothar Matthaus, Rudi Voeller, Andreas Brehme... bao quanh các cầu thủ nước ngoài đang đá cho Đức... đi diễn hành và cùng la lớn "Đây là những bạn quý của chúng ta, xin để yên các bạn ấy"... Đó cũng là công tác xã hội đẹp, quí.

Túc cầu còn tạo công ăn việc làm cho rất nhiều người trong xã hội. Để có một ý niệm, xin nói đến giải 1994 ở Hoa Kỳ:

24 Đội tuyển, mỗi đội 30 thành viên, tiêu về khách sạn, ăn uống, phục vụ trong một tháng là 500.000 Mỹ Kim mỗi đội. Các trận đấu diễn ra ở 9 thành phố, có 52 trận, có trên 3.000.000 khán giả mua vé.. Số tiền trên nói chung lên hàng tỷ Mỹ Kim.

❑ Những phần thưởng danh dự của Túc Cầu.

Mục đích - và có lẽ là nguyện vọng cao quý - của cầu thủ là đá lọt lưới. Việc đó không dễ, có lúc sau 1 giờ 30 phút hay 2 giờ, tỷ số vẫn là 0-0. Cao nhân tất hữu cao nhân trị: J. Cruyff dùng tổng lực, đối phương sẽ tăng thế thủ. Trận chung kết giải Túc cầu Thế giới tổ chức ngày 8. 7. 1990 tại La Mã là một thí dụ thuyết phục: Đức quá mạnh về thế công, Á Căn Đình với Maradona dồn về thế thủ, chặt đến nỗi có lúc còn 9 người, đội tuyển Nam Mỹ vẫn không để lọt lưới. Cho nhờ quả phạt đền ở phút 84 mà Đức thắng mà thôi.

Cho nên, ai đá lọt lưới đều được thưởng, dầu để gỡ danh dự thôi.

Xin đưa vài thí dụ gần đây về phần thưởng.

Saudi Arabia chỉ có túc cầu từ 1950, nhờ sự hâm mộ của hoàng gia. Vua Fahd bỏ 500 triệu Mỹ Kim để xây một thao trường ở Thủ đô Riyadh với sân cỏ săn sóc luôn luôn tươi ở một xứ không bao giờ

có mưa. Trong giải 1994, lúc đá vòng loại Đội tuyển Saudi Arabia không thua trận nào, mỗi cầu thủ được thưởng 100.000 USD và một chiếc Mercedes (trị giá độ 50.000 USD).

Cầu thủ Riyadh thắng được thưởng; cầu thủ Sa Đéc (Quê hương của bà Năm cải lương) thắng cũng được thưởng:

Giàu, cơm ăn ba bữa,
Nghèo, đỏ lửa ba lần

Giữa thập niên 90, Đội tuyển Đồng Tháp (Sa Đéc, Cao Lãnh...) vô địch bóng đá hạng A1, cao nhất của Việt Nam, tất cả nông dân tỉnh tặng tối thiểu mỗi gia đình một dạ lúa, đủ để cho đội khao cả chục lần, không có gì ngoài cao lương mỹ vị, lẩu lươn, thịt bò viên, bò tám món... thôi, song dùng hàng chục thùng lon Heineken... là vui rồi.

Lợi nhuận, tiền chuyển đội, các loại tiền thưởng rất lớn. Song còn những bảng danh dự tăng vừa uy tín vừa tài chánh. Vài thí dụ:

- **A. Cầu thủ xuất sắc nhất qua các thời đại:**

- 1. Pélé, Ba Tây
- 2. F. Beckenbauer, Đức
- 3. J. Cruyff, Hòa Lan
- 4. D. Maradona, Á Căn Đình
- 6. M. Platini, Pháp
- 6. Garrincha, Ba Tây
- 7. B. Charlton, Anh
- 8. B. Moore, Anh
- 9. L. Matthaus, Đức
- 10. G. Mueller, Đức
- 11. Puskas, Hung
- 12. Eusebio, Bồ
- 13. D. Santos, Ba Tây
- 14. R. Rivelino, Ba Tây
- 15. P. Rossi, Ý
- 16. M. Kampès, Á Căn Đình
- 17. Didi, Ba Tây
- 18. Paul Breitner, Đức
- 19. D Passarella, Á Căn Đình.
- 20. Jairzinho, Ba Tây

- **B. Cầu thủ xuất sắc nhất hiện nay.**

- 1. Roberto Baggio, Ý
- 2. Romario, Ba Tây
- 3. Dennis Bergkamp, Hòa Lan
- 4. Peter Sneichel, Đan Mạch
- 5. Hristo Stoichkov, Bảo Gia Lợi
- 6. Faustino Asprilla, Colombia
- 7. Bebeto, Ba Tây
- 8. Ronald Koleman, Hòa Lan
- 9. Antony Yeboah, Ghana
- 10. Rai, Ba Tây
- 11. Alan Boksic, Croatia
- 12. Paolo Futre, Bồ
- 13. Thomas Haessler, Đức
- 14. Franco Baresi, Ý
- 15. Eric Cantona, Pháp

Hai cuộc thăm dò dân ý trên đều do FIFA thực hiện. Tờ France foot ball có tổ chức cuộc thăm dò ý kiến về Âu Châu và cho biết cầu thủ xuất sắc nhất Châu Âu 1993 vẫn là Roberto Baggio.

Cuốn Guinness Records 1993 cho biết CLB Juventus phải trả cho CLB Florentina (đều ở Ý) 16 tỷ Lire (độ 7,7 triệu Bảng Anh) để mua R, Baggio, con số kỷ lục. Baggio, sinh ngày 18. 2. 1967 rất đẹp trai về mặt và hình nên báo chí cho biết được phái nữ ái mộ như đồng hương Rudolph Valentino thời nào; có người quả quyết là ái mộ hơn.

*

▼ II. GIẢI TÚC CẦU THẾ GIỚI 94 TẠI HOA KỲ

Nói đến túc cầu, phải dành một chỗ đặc biệt cho giải thứ 15 mới được tổ chức tại *Hoa Kỳ*, từ *17.6* đến *17.7.94*; cả thế giới cũng đã làm vậy. Trong 31 ngày, khán giả Việt Nam ở quê nhà đã mất ngủ, mất ăn để theo dõi 52 trận đấu. Quả thật giải có nhiều nét thật độc đáo của nó.

- **1. Hoa Kỳ vận động để được phép tổ chức World Cup USA'94.**

Bóng đá (football) có từ lâu, ở nhiều nước, phát triển theo kiểu riêng. Ở Bắc Mỹ, nó lấy tên "American Football" rồi "Football". Tây phương để phân biệt túc cầu với bóng đá Mỹ, dùng "Football Association". Người Bắc Mỹ giản dị hóa gọi là "Association" rồi "Asso" và cuối cùng *"Soccer"* tên "Lạ

hoắc". Môn đó, Bắc Mỹ yếu lắm.

Cho đến nay, Hoa Kỳ có vào vòng chung kết 3 lần, hai lần có đá vòng loại, *1950, 1990* và một lần, được miễn. Năm 1983, Hoa Kỳ xin phép FIFA cho tổ chức giải 1990, nhưng bị bác, vì FIFA cho là số khán giả còn ít quá. Song, lúc *Los Angeles* đứng ra tổ chức *Thế Vận Hội 1984*, thống kê cho biết là có trên *1.300.000* người đã dự xem các trận Túc cầu Thế Vận (tài tử nên ít hấp dẫn hơn các trận nhà nghề); cho nên FIFA cho Hoa Kỳ tổ chức giải lần thứ 15 năm 1994. Đã được phép tổ chức, Hoa Kỳ phải làm cái gì cho ra vẻ... Mỹ; và quả như vậy.

- *New Jersey*, Thao trường Giants ở East Rutherford, 76.891 chỗ, 7 trận đấu.

- *Orlando*, Thao trường Citrus Bowl, 70.188 chỗ, 5 trận đấu.

- *Pasadena*, Thao trường Rose Bowl, 102.088 chỗ, 8 trận đấu.

Châu Phi "xài xể" đội sau này thắng Đức và đứng thứ tư giải như thế nào với một tỷ số đầy ý nghĩa: *3-0*.

Trong 8 trận ở Pasadena, đa số có trên 90.000 khán giả. Các thao trường được trang bị bằng các phương tiện tân kỳ, trong đó có:

Roberto Baggio của đội Ý đang làm bàn trái đầu tiên trong trận đấu với đội Bulgaria.

- **2. Sân bãi**

9 thành phố được chỉ định để tổ chức các trận đấu, dựa vào thuận tiện của thao trường, của khán giả. Nhiều sân là vận động trường Đại Học, theo thứ tự a,b,c, 9 thành phố là:

- *Boston*, Thao trường Fox Boro, 61.000 chỗ, 6 trận đấu.

- *Chicago*, Thao trường Soldier, 66.814 chỗ, 5 trận đấu.

- *Dallas*, Thao trường Cotton Bowl, 67.500 chỗ, 6 trận đấu.

- *Detroit*, Thao trường Silverdome ở Pontiac, 80.000 chỗ, 4 trận đấu.

- *San Francisco*, Thao trường Stanford ở Palo Alto, 86.019 chỗ, 6 trận.

- *Washington D.C*, Thao trường R.F.K, 56.500 chỗ, 4 trận.

Trận đấu có nhiều khán giả là **94.114** người, trận chung kết ở sân Rose Bowl, giữa hai đội tuyển Brazil - Ý.

Trận ít khán giả nhất là *44.132* người, (thua trận trên gần 50.000 người) ngày 21.6.94, tranh vòng loại ở Dallas giữa hai đội tuyển *Nigeria* và *Bulgaria*. Đó là một trong những trận hay nhất ở vòng loại I; khán giả chứng kiến đội Nigeria, vô địch

- *Bãi đá nhân tạo* mà các cầu thủ, sau các trận đấu, đã lấy làm thích thú.

- *Những chỗ* sang trọng (Luxury boxes) dành cho những hạng người đặc biệt = cầu thủ và dìu dắt; báo chí, quan sát viên... Mỗi sân có từ một đến hai ngàn chỗ như vậy.

- **3. Phương tiện truyền thông.**

Các phương tiện kỹ thuật truyền thông tinh vi đã có những vai trò quan trọng. Những phương tiện này cho thấy trọng tài thổi đúng, sai, thiếu sót hay không bằng cách chiếu lại bất cứ lúc nào

cần thiết. Khó mà có *"bàn tay của Chúa"* thời 1986.

- Hiến khán giả những hình ảnh, lời lẽ tuyệt mỹ.

- Quảng cáo cho mọi thứ, làm lợi cho Ban Tổ Chức giải này và các giải sau.

- **4. Tinh thần Sô Vanh và an ninh trật tự.**

Những người ái quốc, phe phái cực đoan được liệt vào thuyết gọi là *"Chauvinisme"* (tiếng Anh: Chauvinism).

Hai chữ "Sô Vanh" là do có anh chàng lính Pháp tên là Nicolas Chauvin xem Hoàng Đế Napoléon I như một siêu thần tượng, lúc vua đó thua trận Waterloo, Chauvin thề trả thù, không đội trời chung với Anh. Do đó có chữ "Chauvinisme", chỉ óc quốc gia, óc địa phương, óc phe cánh cực đoan đến mù quáng.

Không chỗ nào ồn ào về tinh thần Sô Vanh bằng ở trong túc cầu. Bắc Mỹ là hai *Hiệp Chủng Quốc* cho nên đội nào cũng có "phe ta" ở Hoa Kỳ ở Canada cả. Có thể trong một trận độ 6 - 7 vạn khán giả, có thể có đến một vạn hay hơn nữa về "phe ta" la hét, đánh trống ồn ào, làm vận động trường sôi nổi hơn... Nhưng cũng may là không có vụ nào tương đương với những gì đã xảy ra với bọn *"hooligans"* Anh.

Chỉ có một vụ Sô Vanh đáng buồn là việc mưu sát cầu thủ *Colombia* là *Andres Escobar* ngày 2.7.94 tại Mendellin, Columbia. Nguyên Colombia là một đội mạnh của Valderrama, Asprilla; đá thắng trong những trận tập huấn trước giải ít tuần. Thế mà trong *Toán A*, Colombia đứng thứ tư vì thua Hoa Kỳ 1 - 2, trong 2 bàn, có 1 "own goal" (phản phúc) do Andres Escobar nằm, chân đụng bóng, bóng vào khung thành nhà. Nếu không có bàn ấy, Colombia sẽ được 4 điểm, Hoa Kỳ chỉ còn 2 và đứng chót. Các người mưu sát Andres Escobar là vì tinh thần Sô Vanh mù quáng, để lại một kỷ niệm quá đau thương về giải túc cầu 94.

- **5. Đôi nét về các trận đấu.**

Giải có 24 đội tuyển tham dự, đấu 52 trận trong 31 ngày, tường thuật tóm tắt cũng rất dài dòng. Chúng tôi chỉ có thể nói đến đôi nét thôi.

- **a. Chiến thuật.**

Trước 1945, đội *Arsenal* của Anh (nay là vô địch C2 của Âu Châu) đưa ra chiến thuật WM. Sau 70, đội *Ajax* của *Johan Cruyff* Hòa Lan đưa ra *"Total Soccer"* người Việt dịch là "Tổng lực". Nay thì... tùy! Nam Mỹ chú trọng đến thẩm mỹ nên nói đến Brazil là nói đến *"Vũ điệu Samba"*. Âu Châu chú trọng đến sức lực, kiến hiệu, điển hình là Đức. Nhưng "đi với ma mặc áo giấy" nên lúc đá với Thụy Điển, Nga, Cameroon trong toán B, đội Brazil không thể "nhảy Samba" luôn được, cũng phải "tổng lực". Tuy vậy, nhược điểm của cầu thủ Brazil là làm bàn theo kiểu Phan Văn Tốt: gần khung thành. Nếu đối phương phòng ngự kỹ. Brazil gặp trở ngại, cho nên Romario, Bebeto làm bàn ít và trận chung kết đã huề sau 2 giờ đấu.

- **b. Bàn ghi nhiều nhất.**

Cuốn *Guinness Records* ghi: trong vòng chung kết, số bàn cao nhất mà một cầu thủ ghi trong một trận là ba; đó là trường hợp của *Georffrey Charles Hurst*, cầu thủ trong đội tuyển Anh lúc đấu với đội tuyển Đức ngày 30.7.1966; trong trận chung kết đó, Anh thắng Đức 4/2.

Trong giải 1994 ở Hoa Kỳ, cầu thủ Nga Oleg Salenko trong trận vòng loại I ở sân Stanford đã thắng 5 trong 6 bàn lọt vào lưới Cameroon, bàn thứ 6 là của Dmitry Rachenko. Trong trận đấu với Thụy Điển ngày 24.6.94, Salenko lại đá lọt một bàn khác. Cho nên, chỉ trong 3 trận ở vòng loại I, Salenko đã trở thành vua phá lưới, ngang hàng với Hristo Stochkov, cầu thủ Bảo. Guinness Records phải chữa lại cho đúng.

- **c. Hiện tượng đội Nigeria.**

Đội Nigeria là vô địch Châu Phi. Trong lần ra quân đầu tiên, đội ấy đã gặp đội Bulgaria ngày 21.6, thắng 3 - 0 quá dễ dàng. Lối đá giống chiến thuật của đội Đức: mạnh, nhanh, kiến hiệu. Nên nhớ là đội Bulgaria đã loại đội Pháp ra khỏi vòng tứ kết (quả Đức thắng là một quả phạt đền), thì thấy rằng đội Nigéria đá hay. Vào bán kết

ngày 5.7 ở Foxboro (gần Boston) Nigeria thắng bàn đầu ở phút 27 và cho đến phút 88, đội Ý chuẩn bị thua. Nhưng huấn luyện viên Hòa Lan *Clemens Westerhof* có lẽ quên dạy phương pháp "phá" giờ một cách ma giáo nên Roberto Baggio gỡ huề để rồi trong hiệp phụ được hưởng một quả phạt đền, rồi dần dần vào đến vòng chung kết.

- **d. Brazil và Ý vào chung kết.**

Lúc cuộc rút thăm bắt đầu ở Las Vegas hôm 19. 12. 93, các bình luận gia cho rằng các đội hy vọng đoạt chức vô địch là Ba Tây, Hòa Lan, Đức, Ý... Lúc giải bắt đầu ngày 17. 6, báo chí cho rằng đội Hòa Lan mất 2 tiền đạo quan trọng: Van Basten (chấn thương), Rund Gullit (bất đồng ý kiến với ông bầu Dick Advocaat) yếu đi nhiều. Chỉ còn ba đội kia là ứng viên.

Nghĩ cũng có lý. Ba Tây là đội duy nhất lọt vòng chung kết trong 15 giải, chơi lúc nào cũng hay, nhất là lần này có nhiều cầu thủ được bầu là xuất sắc trong năm 1993: Rai (em của BS Socrates), Romario, Bebeto... Đức vẫn dùng nhiều cầu thủ của đội tuyển 1990, nay vẫn đá hay. Pélé rất phục lối chơi đồng đội của Đức: oai hùng, nhanh, hữu hiệu.

Ý có tất cả các cầu thủ giỏi, báo Ý tiếc rằng "lão tướng" Mancirir không có mặt nhưng huấn luyện viên Arrigo Sacehi có lý riêng của ông.

Vào cuộc, sự diễn tiến không phải thế. Đội Đức ở vòng loại I chỉ thắng đội Bolivia (không thắng trận nào) 1-0, thắng Nam Triều Tiên 3-2, huề Tây Ban Nha 1-1. Vào bán kết, Đức thắng Bỉ 3-2, song trọng tài Roethlisberger, người Thụy Sĩ đã bỏ qua một quả phạt đền mà lẽ ra đội Bỉ được hưởng. Vào tứ kết, đội Bảo đã đá trận hay nhất của họ, khác xa với trận đấu bị đội Nigeria đè bẹp 3-0. Hiệp đầu, không bàn nào. Vào hiệp 2, Đức được 1 bàn phạt đền ở phút 49 chứ không thắng thêm bàn nào. Bảo được 2 bàn đá đẹp, công của Stoichkov và Letchkov và cầu thủ Bảo biết "xài" thì giờ chứ không lơ là như cầu thủ Nigeria để thua một cách tức tối.

Ý rất khiêm tốn ở vòng I, thua Ái Nhĩ Lan 0-4, huề Mễ Tây Cơ 1-1, thắng Na Uy nhẹ nhàng 1-0. Ý đứng thứ 3 trong bảng, "đậu rớt" vào vòng bán kết. Vào vòng đó, đội Ý lại bị "hung thần" Nigeria dày vò và ai chứng kiến trận đấu ở thao trường, ở màn ảnh Tivi đều nghĩ rằng chuyến này, Ý... "tiêu dên" rồi. Nhưng không, "ông bà" phù hộ để Ý vào gặp Tây Ban Nha rồi Bảo... Từ tứ kết, Ý mới đá ra hồn. Thêm một Ý hào hứng: Ý và Ba Tây đều ba lần đoạt giải, bây giờ xem ai thắng, ai bại. Hai đội chơi thận trọng, không ai dám thử thời vận, đá ồ ạt xem sao. Cho nên, sau 4 hiệp, tỷ số vẫn 0-0. Đá phạt đền, mỗi bên 4 quả, Ý được 2 bàn, Ba Tây 3. Quả thứ 5, người hùng Roberto Baggio đá bóng lên trời. Thế là Ý thua rõ ràng là lỗi tại R. Baggio, cầu thủ đắt giá nhất thế giới. Chàng trai khóc. Anh nên đọc lại câu tục ngữ La tinh: *Erra re humanum est:* ai cũng có thể sai lầm.

94.114 khán giả ở sân, 2 tỉ cả thế giới xem trận này; hàng chục tỉ người đã theo dõi 52 trận đấu. "Bệnh" yếu của nền túc cầu Bắc Mỹ xem ra có thuốc rồi. Bệnh lâu ngày, việc trị liệu cũng còn thời gian.

Trong bài tương đối dài - song vẫn sơ lược - chúng tôi muốn chứng minh rằng túc cầu có vai trò quan trọng trong xã hội lại dễ tổ chức. Chúng tôi mong rằng việc tổ chức giải Túc cầu Thế giới lần thứ 15 này sẽ thúc đẩy việc phát triển môn thể thao ấy. Hy vọng ngày nào đó Bắc Mỹ có những giải bóng tròn dành cho các dân tộc thiểu số. Con cháu của những người đã ở Huế sẽ lập một đội tuyển dưới sự cố vấn của nhiều cựu cầu thủ Hội SEPSH như quí cụ Hoàng Trọng Thược (ở Nam Cali), Phạm Hoàng (ở Fairfax), sự nâng đỡ của những Mạnh Thường Quân như các bác sĩ Võ Văn Tùng (ở Santa Ana), Nguyễn Khoa Nam Anh (Houston), Trần Đoàn (Fairfax)... Thế nào các đội cũng sẽ phát triển theo đà của Bắc Mỹ về túc cầu.

Canada, Hè 1994

- *Nguyễn Hữu Thứ*

MỘNG DU THI XÃ VÀ BÁO PHỤ NỮ TÂN TIẾN XUẤT BẢN Ở HUẾ

Võ Long Tê

Nhiều người biết Huế thời trước có nhiều cơ quan ngôn luận có giá trị, chẳng hạn như tờ TIẾNG DÂN (1927 - 1940) của chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng, xuất bản mỗi tuần hai lần, nhưng ít ai biết Huế từng có tờ **PHỤ NỮ TÂN TIẾN** (1932 - 1934) giống như Sài Gòn, Hà Nội từng có các tờ PHỤ NỮ TÂN VĂN, PHỤ NỮ THỜI ĐÀM. Nhiều người biết chí sĩ Phan Bội Châu (1867 - 1940), sau khi bị giam lỏng tại Bến Ngự (Huế), đã chủ trương MỘNG DU THI XÃ, nhưng ít ai biết báo PHỤ NỮ TÂN TIẾN đã đăng thơ của chủ nhân - Phan chí sĩ tự xưng như vậy - thi xã này. Nhiều người biết chí sĩ Phan Bội Châu đã họa nguyên vận ba bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật của nhà thơ Hàn Mạc Tử (1912 - 1940) thuở còn ký bút danh *"P. T. (Qui Nhơn)"*, nhưng ít ai biết nhà thơ tuổi trẻ tài cao này họa nguyên vận hai bài thất ngôn bát cú Đường luật liên hoàn của Phan chí sĩ.

Sau đây chúng tôi xin cung cấp một số văn bản và thông tin thư tịch liên quan đến cuộc xướng họa giữa chí sĩ Phan Bội Châu và nhà thơ Hàn Mạc Tử trên báo PHỤ NỮ TÂN TIẾN.

❑ BÁN NGUYỆT SAN RỒI TUẦN BÁO PHỤ NỮ TÂN TIẾN.

Số báo đầu tiên phát hành ngày 29 tháng 7 năm 1932 với danh nghĩa là bán nguyệt san xuất bản vào các ngày 1 và 15 mỗi tháng, với ấn số là 2.200 bản. Báo quán đặt tại số 19 avenue (sic: thông lộ) Thiệu Trị, Huế. Đứng tên "Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút" là: **Mme** (sic) **Lê Thành Tưởng** và "Quản lý" là ông **Nguyễn Văn Tấn.**

Báo ra đến số 16, tức là đến ngày 15 tháng 3 năm 1933, có sự thay đổi trong ban chủ trương tờ báo: Đứng tên chủ nhiệm là **S.E** (Cụ Lớn) **Hồ Phú Viên**, Thượng Thơ trí sự Hiệp Tá Đại Học Sĩ.

Sau cùng đến số 24, tức là ngày 15 tháng 7 năm 1933 thì có sự cải tổ rộng lớn. Từ đây, báo sẽ xuất bản vào ngày thứ năm mỗi tuần và nguyên chủ nhiệm Hồ Phú Viên được giới thiệu trên báo với danh nghĩa là "Fondateur", tức sáng lập viên; từ đây mọi quyền hạn và trách nhiệm về tờ báo do ông **Phạm Bá Nguyên** đảm đương với danh nghĩa in trên báo là "Directeur - Gérant", tức Chủ Nhiệm kiêm Quản Lý, gọi tắt là Quản Nhiệm. Tòa soạn được đặt tại số 97 rue (sic: đường) Gia Long, Huế. Số cuối cùng của PHỤ NỮ TÂN TIẾN đề ngày 5 tháng 4 năm 1934..

Muốn giới thiệu một tờ báo cho đầy đủ, ngoài các bài đã in trong báo, cần biết thêm về thân thế và sự nghiệp của các vị trong ban chủ trương. Cho nên chúng tôi mong rằng bạn đọc bốn phương, nếu ai có tài liệu gì về bốn vị trong ban chủ trương báo PHỤ NỮ TÂN TIẾN nêu trên đây, xin vui lòng cung cấp cho chúng tôi. Hiện nay, riêng chúng tôi chỉ nghe danh cụ Hồ Phú Viên, là người Nam, làm việc tại miền Trung, được triều đình Huế trọng thưởng; cụ vốn thích nghề báo và hâm mộ thể thao, từng nâng đỡ Hội Thể Dục Thể Thao Huế nổi tiếng trước năm

1945, tức là Hội mang tên tắt là SEPSH (Societé d' Education Physique et de Sports de Huế). Chúng tôi cũng được biết ông Phạm Bá Nguyên là một ký giả kỳ cựu trong làng báo Việt Nam, vào khoảng thập niên 50 là chủ nhiệm tờ CÔNG LÝ xuất bản tại Huế.

❑ MỪNG PHỤ NỮ.

Tòa báo đã hân hạnh gởi tặng chí sĩ Phan Bội Châu số I PHỤ NỮ TÂN TIẾN xuất bản ngày 29 tháng 7 1932 như đã nêu trên. Chủ nhân MỘNG DU THI XÃ bèn gởi tặng tòa báo hai bài thất ngôn bát cú Đường luật liên hoàn, với lời tiểu dẫn, và ký tên hiệu là SÀO NAM.

Chúng tôi xin sao lục toàn văn in trên số 2 PHỤ NỮ TÂN TIẾN, ra ngày 15. 8. 1932, trang 6, như sau:

Bến Ngự, le 3 août (sic) 1932

Tôi vừa nhận được Quí Chủ Nhậm (sic) cho tôi đọc PHỤ NỮ TÂN TIẾN số thứ nhất, tôi cảm kích quá nhiều, nhưng vì tôi nay cùng lắm, chẳng biết lấy gì giả ơn, vậy nên kính trình vài bài thơ quê, xin Quí Chủ Nhậm với các chị em thưởng giám.

Thơ rằng:

I

Đồng thanh hô ứng Bắc, Nam, Trung,
Kim chỉ càn khôn vá núi sông
Rập cánh Oa hoàng rèn thảy đá,
Dàn tay Chức nữ dệt nên rồng.
Canh khuya dọi mắt, ba cây đuốc
Giấc mộng vang tai, một tiếng chung
Thẳng bước bước lên đường tấn hóa,
Ai rằng: nhi nữ chẳng anh hùng

II

Ai rằng: nhi nữ chẳng anh hùng,
Giệt (sic: dệt) gấm thêu mây, hãy gắng công
Giữa bể văn minh tuôn sóng bạc,
Trên đàn ngôn luận giựt hoa hồng.
Cho phường mặt trắng ghê son phấn
Trở lối trời xanh thử cánh lông.
Tiến mãi tiến hoài tân tiến mãi,
Mở hiên ra rước ánh vừng đông.

Phan Sào Nam
à (sic) Bến Ngự, Huế

Đường hướng sáng tác hai bài thơ này đã được tác giả ứng dụng trong BÀI THI LÀM MẪU công bố trong tuyên ngôn thành lập MỘNG DU THI XÃ đăng dưới nhan đề **Phan tiên sanh mở hàng dạy thi** trong tuần báo PHỤ NỮ TÂN VĂN, Sài Gòn, số 97 ra ngày 27. 8. 1931, trang 15. Tác giả cổ động lòng ái quốc, cổ súy tinh thần chống Pháp để giành độc lập cho tổ quốc. Thật vậy, trong BÀI THI LÀM MẪU, tác giả dùng thi ảnh để mô tả tình trạng Pháp thuộc của nước ta lúc bấy giờ là một cuộc nhân duyên ép uổng giữa hai dân tộc khác màu da, một bên "vàng khè", một bên "trắng toát":

Vàng khè trắng toát khác đôi bên,
Thây kệ ai chê, mặc kẻ khen.
Sông núi lỡ làng màu lịch sử,
Gió trăng chờn chợ mối nhân duyên.
Chăng lung lay đến lòng son sắt,
Há hổ ngươi vì miếng bạc đen.
Ba chén xong rồi ai ấy bạn?
Một pho kinh Phật, một cây đèn.

Có thể nói thơ khai trương MỘNG DU THI XÃ vang lên lời kêu gọi thống thiết của một chí sĩ nhiệt thành yêu nước, dầu gặp hoàn cảnh bất như ý *chẳng lung lay đến lòng son sắt*, khiến nhiều người thành tâm hưởng ứng.

❑ MỘT DUYÊN THƠ

Một sự tình cờ đáng lưu ý: Trong số báo PHỤ NỮ TÂN VĂN đăng bài khai trương MỘNG DU THI XÃ có đăng một bài thơ của Hàn Mạc Tử tương lai, bấy giờ ký bút danh *"P.T (Qui Nhơn)"*, bài *CHÙA HOANG* (xin đánh số I) bắt đầu bằng câu: *Mái sụp tường xiêu khách ngẩn ngơ*, để phân biệt với bài cùng nhan đề CHÙA HOANG (xin đánh số II, bắt đầu bằng câu: *Chùa không sư tụng cảnh buồn teo*, sẽ dẫn dưới đây). Nhà thơ trẻ tuổi của chúng ta bèn gởi cho chí sĩ họ Phan ba bài thơ Đường luật; CHÙA HOANG (II), GÁI Ở CHÙA và THỨC KHUYA, dưới

nhan đề chung THƠ GỞI CHO MỘNG DU THI XÃ đăng trên THỰC NGHIỆP DÂN BÁO (Hà Nội) số ra ngày 11. 10. 1931, với tiểu dẫn như sau: "Mấy bài thơ sau đây, xin cảm phiền ngài ấn hành vào báo THỰC NGHIỆP, để chuyển giao cho Mộng Du Thi Xã ở Huế, rất đội ơn"

Chủ nhân Mộng Du Thi Xã nồng nhiệt đón nhận sự hưởng ứng của Hàn Mạc Tử, họa nguyên vận cả ba bài, cho đăng THỰC NGHIỆP DÂN BÁO số ra ngày 21. 10. 1931, trang 2, với lời tiểu dẫn như sau:

Thưa tác giả P. T. tiên sinh,

Tác giả cho tôi được đọc ba bài thơ, tôi lấy làm hân hạnh cho Mộng Du Thi Xã lắm. Xem trong thơ, u oán cao tình, thâm tâm nhã điệu, đủ cả mấy phương diện. Tôi chỉ phàn nàn rằng: "Người xướng quá cao, tất nhiên người họa phải ít" nên tôi xin tục điêu ba bài, khỏi để tác giả buồn sự cô điệu độc đàn mà thôi.

Còn như nói rằng: Tôi là người nói thơ được với tác giả, thì tôi không dám.

Ôi! Hồn dao nghìn dặm, biết làm sao bắt tay nhau mà cười lớn một tiếng mới là thỏa hồn thơ đó.

Ba bài thơ như sau này: (....)

Một dịp khác chúng ta sẽ dẫn lục và bình luận ba bài thơ xướng họa vừa kể. Ở đây, trong phạm vi bài báo này, chúng tôi chỉ xin nhận xét rằng các báo, và kể cả người thân đối với Hàn Mạc Tử, trong nhiều trường hợp, không trích đăng đúng nguyên văn lời của chí sĩ Phan Bội Châu khen thơ Hàn Mạc Tử.

Báo TIN TỨC CHÚA NHỰT (Sài gòn) số 9 ra ngày 24. 11. 1940 trang 3 loan tin Hàn Mạc Tử qua đời, trích lời chí sĩ Phan Bội Châu như sau:

"Kính Thưa tác giả P.T tiên sinh,

Tác giả cho tôi đọc ba bài thơ, Tôi lấy làm hân hạnh cho "Mộng Du Thi Xã" lắm; xem trong tin oán cao tình, thanh tân nhã điệu, tôi chỉ phàn nàn rằng người xướng quá cao tất nhiên người họa phải ít, cho nên tôi chỉ tục điếu ba bài mà thôi, còn như nói rằng tôi nói thơ được với tác giả thì tôi không dám. Ôi hồn giao nghìn dặm biết làm sao bắt tay nhau mà cười lớn một tiếng lớn mới là thỏa hồn thơ đó".

Chúng tôi xin nói rõ là bài loan tin này, do Tòa Soạn TIN TỨC CHỦ NHỰT viết, và ký cách Tập thể là TIN TỨC. Trích thiếu và in quá sai!

Bạn thân của Hàn Mạc Tử là thi sĩ Quách Tấn, viết bài *"Hàn Mạc Tử với thơ Đường luật"* (in rõ Mạc, chứ không phải Mặc, với chữ Ă) đăng tuần báo NGƯỜI MỚI Sài Gòn số 6 ra ngày 30. 11. 1940, không dẫn lời chí sĩ Phan Bội Châu từ văn bản gốc, mà chỉ "nhớ mày mạy như thế này". Trích văn trong bài của Quách Tấn như sau:

"Từ về nước đến nay, tôi được xem thơ quốc âm cũng nhiều, song chưa gặp được bài nào hay đến thế... Ôi hồng nam nhạn bắc, ước ao có ngày gặp gỡ, để bắt tay nhau cười lên một tiếng lớn, ấy là thỏa hồn thơ đó".

Hai tác giả THI NHÂN VIỆT NAM 1932 - 1941 là Hoài Thanh và Hoài Chân dẫn đúng theo bài của Quách Tấn (Ấn bản đầu 1942, Huế, trang 205).

Năm 1967, Quách Tấn viết bài *ĐÔI NÉT VỀ HÀN MẠC TỬ* (lần này, Quách Tấn đổi ý, viết hiệu của bạn với chữ MẶC (có dấu vành trăng non trên chữ A), đăng tạp chí VĂN, Sài gòn số 73 - 74 ra ngày 07/01/1967, trang 45 - 159, về sau có in thành sách riêng). Lần này Quách Tấn viết:

"Mộng Du chủ nhân rất tán thưởng, liên họa vận, và đăng cả ba bài xướng cùng bài họa lên báo (không nhớ là báo nào) với những lời ca tụng. Đại ý nói rằng: "Từ về nước đến nay, được xem văn thơ quốc âm cũng nhiều, xong chưa gặp được bài nào hay đến thế. Hồng Nam, nhạn Bắc, ước ao có ngày gặp gỡ để bắt tay nhau cười to một tiếng, ấy là thỏa hồn thơ đó" (Bdd, trang 50).

Mục đích của chúng tôi là để độc giả trực tiếp tận nguồn lời của Phan chí sĩ đăng trên THỰC NGHIỆP DÂN BÁO, nên bất đắc dĩ phải đề cập đến trường hợp vô tình trích dẫn sai chính văn.

❑ HỌA NGUYÊN VẬN MỪNG PHỤ NỮ

Dịp đáp lễ tạ ơn một bậc trưởng thượng đã đến với tác giả "P.T tiên sinh" sau khi đọc thơ của cụ Sào Nam trên PHỤ NỮ TÂN TIẾN số 2. Bấy giờ nhà thơ vừa đổi bút danh, ký "Lệ Thanh", dưới bài VỢ CHỒNG ĐI THUYỀN đăng PHỤ NỮ TÂN VĂN số 164 ra ngày 18. 8. 1932 trang 18. Nhà thơ đã gởi đăng PHỤ NỮ TÂN TIẾN số 6 ra ngày 15. 10. 1932, trang 6, dưới tên ký *"Lệ Thanh (Qui Nhơn)"* hai bài họa nguyên vận thơ của cụ Sào Nam như sau:

I

Nhắn gởi quần xoa (biến âm của thoa) *bậc "nữ trung"*
Cùng nhau thuyền mới rước qua sông.
Chị bôn ba bước lên sâu khấu,
Em vội vàng theo đến cửa rồng.
Duyên nợ có chăng duyên nợ trước,
Nước non này vẫn nước non chung.
Hoa thêu gấm dệt tranh Hồng Lạc
Gióc chỉ mài kim chớ ngại ngùng.

II

Gióc chỉ mài kim chớ ngại ngùng,
Thêu thùa ráng sức ngại gì công.
Gieo mầm đạo đức rừng son phấn
Vãi giống văn minh cõi Lạc Hồng.
Vang tiếng anh hùng nghe tợ sấm,
Ném tình nhi nữ nhẹ tày lông.
Nước non ví có người tri kỷ
Hiệp lực đồng tâm tác (sic: tát) *bể đông.*

Lệ Thanh
Qui Nhơn

Chúng tôi tưởng nên nói đôi lời về các từ: *nữ trung* (câu 1), *chị bôn ba* (câu 3), *em* (câu 4). *"Nữ trung"* được viết trong vòng kép, ắt là có nghĩa đặc biệt. Có thể hiểu *nữ trung* là nữ nhân miền Trung, tức là nhân hóa tờ PHỤ NỮ TÂN TIẾN. Cũng có thể hiểu *nữ trung* như là thành ngữ "nữ trung Nghiêu Thuấn" rút ngắn, nói đến người đàn bà làm vua có tài có đức như vua Nghiêu vua Thuấn, với ý chúc mừng tờ PHỤ NỮ TÂN TIẾN sẽ chiếm ngôi bá chủ trong làng báo. Từ *chị* ám chỉ hai tờ báo mang danh phụ nữ đã xuất bản là PHỤ NỮ TÂN VĂN và PHỤ NỮ THỜI ĐÀM; từ *bôn ba* khiến nghĩ đến tác giả bài xướng từng hoạt động cách mạng ở hải ngoại. Từ *em* cũng có hai nghĩa, vừa là lời tác giả bài họa vận tự xưng, vừa ám chỉ tờ báo phụ nữ hậu sinh ở Huế.

*

Trên THỰC NGHIỆP DÂN BÁO số ra ngày 23. 8. 1931, chủ nhân MỘNG DU THI XÃ có tặng khách thơ đối liên như sau:

Duyên văn tự lai láng lai nước biếc non xanh,
Mối tinh thần có có không không trời cao bể rộng.

Tòa soạn PHỤ NỮ TÂN VĂN đã viết trong số 102 ra ngày 01. 10. 1932 rằng mục đích của MỘNG DU THI XÃ là **"muốn lấy văn tự làm chỗ thân giao với đồng bào"**.

Thơ xướng họa giữa Phan chí sĩ và Hàn Mạc Tử trên các tờ THỰC NGHIỆP DÂN BÁO và PHỤ NỮ TÂN TIẾN chứng tỏ rằng **duyên văn tự, mối thân giao** đã trở thành hiện thực, tạo nên những giai tác đáng lưu truyền.

Calgary, tháng 6 năm 1994

• ***Võ Long Tê***

THƯ TỊCH THAM KHẢO:

• Võ Long Tê: Chí sĩ Phan Bội Châu đọc thơ của thi sĩ Hàn Mạc Tử và linh mục Sảng Đình, đăng nguyệt san *Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp* (Sài gòn) số 8 - 9, tháng 1 - 2 năm 1970, trang 42 - 43 và số 10, tháng 3 năm 1970 trang 24 - 25, 32.

• Phạm Đán Bình: Gọi tên người, đăng tạp chí tam cá nguyệt *Tin Nhà* (Paris), số 3, Mùa Xuân 1991, trang 26 - 28.

THƠ BỒNG

Phạm Văn Tài

Nếu bây giờ anh nhớ em

Gởi về Huế
HÀ THANH ngậm NGÃY NHỚ HUẾ

Nếu bây giờ anh nhớ em
Hãy hóa làm vì sao lánh sáng
Để suốt đêm thanh yên lặng
Em say đắm nhìn sao-anh

*

Nếu bây giờ anh nhớ em
Em sẽ buộc tóc vào mây xanh
Để gió đưa mây-em về bên ấy
Bên có anh và tình yêu đắm say ngày dại
Em sẽ không đau không trống trải trong lòng

*

Nếu bây giờ anh nhớ em
Hãy biến thành tia mặt trời buổi sớm mai
Để mỗi bình minh sáng dại
Em được tắm nắng-anh hoài nồng ấm
Để mùa đông lạnh thấm
Em không rét mướt buồn cam

*

Nếu bây giờ anh nhớ em
Em sẽ tan thành hương đêm
Để gió đưa hương-em về bên ấy
Quấn quít anh cho tình yêu lớn dậy
Anh thêm yêu đời và em mãi mãi ngất ngây

Bồng

Sưu Tầm Về Chùa Báo Quốc

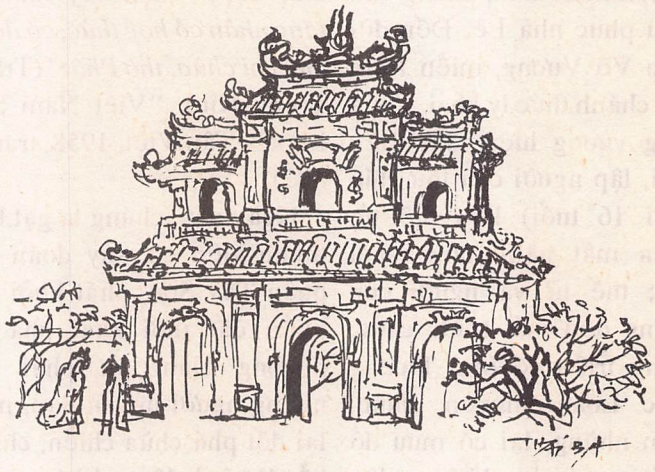

Nguyễn Phúc Bửu Tập

Trong vùng phụ cận phía Tây Kinh Thành Huế, cánh phải sông Hương, có một ngôi chùa rất đẹp, trước cuộc chiến tranh dành Độc Lập được giữ gìn rất trang trọng vì có nhiều du khách đến viếng, là chùa Báo Quốc. Chùa nằm sát biên thành phố, trên đường qua nhà Ga lớn lên đài Nam Giao, trên một ngọn đồi thấp, đồi Hàm Long. Vị trí địa dư của chùa thuộc làng Phú Xuân, huyện Hương Trà.

Trong thời kỳ Pháp thuộc có một viên đốc sự hành chánh tên là Jean Laborde sưu tầm sự tích của các ngôi chùa ở Huế, nhưng không tìm được nguồn gốc cặn kẽ của chùa Báo Quốc (Bulletin des Amis du Vieux Hue, 1914, trang 223). Tài liệu độc nhất ông dẫn ra tìm thấy trong *Đại Nam Nhất Thống Chí* (Quyển II, trang 43), đời vua Duy Tân, ghi tên ngôi chùa cổ là *Hàm Long* (có nghĩa là miệng rồng). Tài liệu ghi chép là chùa do một nhà sư tên là *Giác Phong* dựng lên, và nhà sư mất vào mùa Đông năm 1714. Do đó, ta phỏng đoán được ngôi chùa này đã được gần ba trăm năm. Sư Giác Phong đặt tên ngôi chùa là *Hàm Long Tự*.

Đọc lại lịch sử, ta nhớ là chúa Nguyễn Hoàng vào trấn đất Hoành Sơn đầu thế kỷ Mười Bảy, lúc ban đầu vẫn còn thần phục vua Lê ở miền Bắc, nên mỗi biến cố ghi trong sử sách đều ghi niên hiệu triều đại vua Lê. Sư Giác Phong mất vào năm thứ Mười đế hiệu Vĩnh Thạnh, tức đời vua Lê Dụ Tông, nhà Lê (1705 - 1720). Từ đó ta truy ra và phỏng định được năm cất chùa, cuối thế kỷ Mười Sáu, đầu thế kỷ Mười Bảy. Trong bổn tài liệu của BS A, Sallet và Cụ Nguyễn Đình Hòe *"Liệt kê Chùa và Những nơi Thờ tự ở Huế"* (Enumération des Pagodes et des Lieux de culte de Huế, Bulletin des Amis du Vieux Huế, 1914) chùa Hàm Long được chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát đổi tên thành chùa *Báo Quốc*, có sắc chỉ của vua Lê Vĩnh Thạnh.

Trong suốt thời gian các chúa Nguyễn đóng đô ở vùng Trị Thiên, chùa Hàm Long không được để ý tới, vì thành quách của nhà chúa nằm phía tả ngạn sông Hương. Đến giữa thế kỷ Mười Tám, chúa Nguyễn Võ Vương (tức Nguyễn Phúc Khoát, 1714 - 1765), là người mưu lược, tinh thông võ nghệ và văn học, lại có tính thích uống trà tàu. Có người bẻ tôi tâu lên là nước giếng chùa Hàm Long trong, ngọt và mát, nên chùa được lệnh giữ nước để tiến vào cung. Chúa đến thăm

chùa, và quyết định lập một cơ sở chùa mới, đặt tên là chùa *Báo Quốc*. Vào thời kỳ đó, không thấy một biến cố lịch sử nào có thể kích động nhà chúa đặt cho chùa một cái tên ái quốc như vậy. Ngày nay ta chỉ giải thích được là cái ý niệm trung quân ái quốc hướng vào cá nhân chúa, chùa "Báo Quốc" vì có cái giếng nước tốt cho chúa uống trà!

Như trên đã nói, họ Nguyễn hùng cứ miền Nam đã hơn trăm năm, nhưng vẫn triều phục nhà Lê. Đến đời chúa Võ Vương, miền Nam mới chánh thức ly khai. Chúa xưng vương hiệu, đặt triều nghi, lập người con thứ chín (mới 16 tuổi) làm thế tử. Chúa mất năm năm mươi tuổi; thế tử và người con trưởng đều mất trước chúa. Trong triều có ông Trương Phúc Loan chuyên chính, tham nhũng, lại có mưu đồ thoán nghịch, không lập người con thứ hai (là cha đẻ của vua Gia Long, sau được tôn là Hiếu Khương Hoàng Đế), mà lại lập một người con nhỏ tuổi lên ngôi là Định Vương. Đó là mồi lửa nhóm lên các cuộc biến động (Nhà Tây Sơn) kéo dài đến đầu thế kỷ Mười Chín. Quân Tây Sơn vào kinh thành Huế, đốt phá tất cả chùa chiền. Các sử gia triều đại thường nghiêm khắc phê bình việc tàn phá chùa chiền của quân Tây Sơn, cho đó là hành động cướp bóc, thổ phỉ. Nhưng chính cụ Trần Trọng Kim là một sử gia có khuynh hướng bảo thủ, cũng lại trình bầy một khía cạnh khác. Trong ba anh em nhà Nguyễn Tây Sơn, có vua Quang Trung Nguyễn Huệ là người nhiều mưu lược, biết nhìn xa thấy rộng, muốn thực hiện nhiều cải cách. Trong phạm vi tôn giáo, vua Quang Trung thấy đâu cũng có chùa chiền, "mà những người đi tu hành thì ngu dốt, không mấy người đạt được cái đạo cao sâu của Đức Phật, chỉ mượn tiếng thần thánh mà đánh lừa kẻ ngu dân" cho nên vua cho phá bỏ các chùa chiền không xứng đáng, lập một sở chùa lớn, đẹp, *"chọn lấy những tăng nhân có học thức, có đạo đức coi chùa, thờ Phật"* (Trần Trọng Kim, "Việt Nam Sử Lược", Tân Việt, 1958, trang 382).

Ngày nay, chúng ta gạt bỏ thành kiến cũ, suy đoán là quân Tây Sơn, phát khởi từ miền đất mới khai phá ở phương Nam, ắt phải là những người ngoan đạo, mà lại đốt phá chùa chiền, chắc hẳn là hành động phù hợp với lý do nói trên.

Một lý do khác do Nguyễn Thế Anh viện dẫn, trong bài sưu khảo "Buddhism and Vietnamese Society Throughout History" (South East Asia Research Review, London, March 1993, có bổn dịch Việt ngữ của Lê Thọ Giáo, "Phật Giáo và Xã Hội Việt Nam Qua Lịch Sử", tạp chí Phật Giáo Việt Nam, số 8. 93), là dưới thời Nam Bắc phân tranh, hai họ Bắc Trịnh và Nam Nguyễn đều rất mộ đạo Phật, nhưng cũng đều "nhận ra ảnh hưởng của các nhà sư trong vùng nông thôn, cho nên đã ban cho họ những bổng lộc để đổi lấy sự ủng hộ của họ". Dĩ nhiên là, trong trường hợp đó, khi có đổi thay triều đại, chùa chiền phải gánh trả món nợ ân sủng của các nhà sư.

Ta tạm gác điểm này, thảo luận trong một cơ hội khác, và trở lại chùa Báo Quốc. Khi đại quân của vua Quang Trung vào Thuận Hóa, các chùa chiền bi hủy hoại nhiều, chỉ riêng có chùa Báo Quốc còn được nguyên vẹn. Lý do là vị trí của chùa nằm trên gò cao, thuận lợi cho việc dừng quân; chùa lại nằm ven một khu gọi là Phường Đúc là nơi đúc tiền và đúc súng đạn từ trước. Ta nhớ lại lịch sử, một trăm năm trước, khoảng 1615, có người Bồ Đào Nha lai Pháp tên là Jean de la Croix đến sinh sống ở Huế, lấy vợ người bản xứ, mở lò đúc tiền và đúc súng cho chúa Nguyễn. Chùa Báo Quốc, vì lẽ này, trở thành nơi đóng binh và cơ sở quân cụ của binh Tây Sơn. Nhà Tây Sơn thất bại. Vua Gia Long thống nhất nước nhà năm 1802, kiến thiết lại kinh đô Huế. Chùa Báo Quốc bị liệt vào loại cơ sở đã hợp tác với "giặc Tây Sơn", cho nên nhà nước quên lãng không giúp đỡ. May cho nhà chùa là bà mẹ của vua, Hiếu Khương Hoàng Thái Hậu, là con gái làng Phú Xuân, lúc trẻ thường lui tới chùa, nên xin nhà vua sắc phong một vị trụ trì mới, tên là Đạo Ninh Phổ Trình thay thế ban Trụ Trì cũ đã hợp tác với Tây Sơn.

Năm 1808 vua Gia Long báo hiếu mẹ, đổi tên chùa là Thiên Thọ, và ra lệnh đại trùng tu chùa. Đại sảnh hoàn

toàn cất lại; các nhà trai cũng cất lại mới, giao tiếp với đại sảnh bằng hành lang. Cửa tam quan chùa xây lại rất tráng lệ. Tượng Phật được thỉnh từ bên Tàu sang; và nhà vua cho đúc chiếc chuông đồng lớn gọi là Đại Hồng Chung. Chuông chùa Báo Quốc cân 826 cân, cao 3 thước năm tấc, rộng 2 thước tám phân (độ chừng 550 kilo, 1m.40 cao, 1m.20 rộng - theo hệ thống mét). So với chuông Đại Hồng chùa Thiên Mụ (cân nặng 2052 kilo, cao 2 mét rưỡi), chuông chùa Báo Quốc tương đối nhỏ hơn, nhưng các nét khắc chạm rất công phu. Tại Việt Nam ta, phương tiện kiến trúc nghệ thuật rất hạn hẹp, và ta thường thấy cái khéo bù vào cái thiếu. Vì lẽ đó mà ngày xưa phố Hàng Đồng Hà Nội sản xuất được chuông và thanh la bán sang Tàu, sang Lào và Thái Lan. Kỹ thuật đúc chuông của ta rất đặc biệt, được mô tả trong *"kỷ yếu Viện Bảo Cổ Guimet"*. G. Dumontier là vị thanh tra giáo dục đầu tiên cầm đầu phái bộ nghiên cứu văn hóa và khoa học tại Đông Dương vào cuối thế kỷ Mười Chín, có để lại bổn mô tả kỹ thuật đúc chuông của thợ đồng Việt Nam *"nổi tiếng khắp vùng Viễn Đông"*. (Le Culte chez les Annamites, Paris, Leroux, 1891, trang 137). Có lẽ vì đó là người nước ta - đặc biệt là dân miền Trung sống giữa chùa chiền - hiểu thấm thía hơn cả người Tàu, câu thơ *"Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền"*. Vua Gia Long ở tại ngôi mười tám năm, xây cất lăng tẩm rất hùng vĩ ở phía Tây kinh thành Huế, đặt tên là Thiên Thọ. Vì lẽ đó, Vua Minh Mạng, kế vị, đi thăm chùa, đổi tên ngôi chùa trở lại tên cũ là Báo Quốc.

Cửa tam quan chùa Báo Quốc được dựng lên tráng lệ, khác với các ngôi chùa ở Thuận Hóa. Cửa được dựng lên năm 1808, và bảy mươi năm sau vào năm Quý Dậu 1873, cuối đời vua Tự Đức, được hoàn toàn xây cất lại.

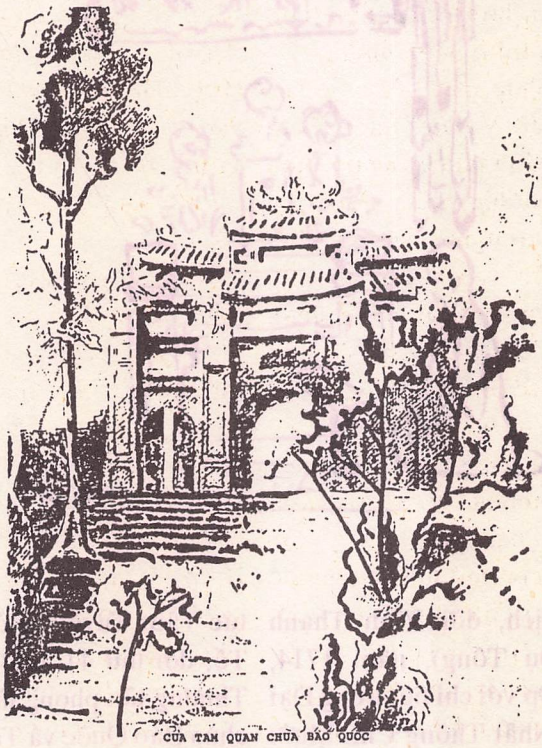

CỬA TAM QUAN CHÙA BÁO QUỐC

Minh họa của Michel Durier

Tài liệu khảo cổ của ông Jean Laborde (ddơt.) ghi rõ là nhà sưu khảo đến viếng chùa, đưa theo một người phụ tá rất thông chữ Nho, và một người bạn là họa sĩ Michel Durier. Ban nghiên cứu lập một bổn sơ đồ, ghi rõ các hàng chữ Phạn và chữ Nho khắc trên cửa tam quan. Nguyên liệu kiến trúc các đền chùa người nước ta phần nhiều là gỗ và vôi, không bền. Cửa tam quan này xây bằng vôi; các hàng chữ khắc vào vôi hoặc tô nổi bằng miếng sành cũng khó tồn tại qua năm tháng. Một hàng chữ viết dọc trên cổng ghi rõ: *"Tự Đức Quí Dậu niên, đại trùng tu"* (cửa chùa xây lại mới, năm Quí Dậu (1873) đời Vua Tự Đức). Vậy mà không tới năm mươi năm sau, lúc ông Jean Laborde đến sưu khảo, nhiều giòng chữ trên cổng đã sứt mẻ, không còn đọc được. Ngày nay hơn bảy mươi năm sau nữa, còn lại được gì trên cổng, nghĩ đến càng ngậm ngùi. Thập niên bốn mươi, những người học trò nhỏ như tôi còn đọc được trên cổng ba chữ lớn "Báo Quốc Tự" ở mặt trước, và "Thiên Thọ Tự" ở mặt sau (Thiên Thọ là một tên cũ của chùa, đã nói ở trên).

Jean Laborde có để lại một bổn sơ đồ mô tả các vị trí xây cất trong chùa. Qua cửa tam quan, bên cánh phải là một

bãi đất khá rộng làm chỗ cho 18 chiếc tháp là cổ mộ của các vị trụ trì hay đại tăng đời trước. Chiếc tháp cổ nhất đựng nhục thân của nhà sư đã tạo lập ra ngôi chùa, sư Giác Phong (không ghi tước vị), chỉ thấy khắc vào đá năm lập năm 14 đời Cảnh Hưng" (niên hiệu Lê Cảnh Hưng, năm 1753). Ta đọc thêm trên tháp 14: "Tạo lập tháng Hai năm Mậu Thân, tức là năm thứ hai đời vua Duy Tân do đệ tử của Hòa Thượng Phạm Minh, pháp danh Tuệ Văn,

viên tịch, đời Vĩnh Thạnh (Lê Dụ Tông), năm 1714, phù hợp với chi tiết trong Đại Nam Nhất Thống Chí. Mười tám chiếc tháp được Laborde đánh dấu và mô tả, hình dáng không đều, tương đối khá nhỏ, chiều cao đo được từ hai mét (tháp thấp nhất) đến năm mét (tháp cao nhất), hình vuông mỗi cạnh đo một mét, có bức tường cao độ một mét bao bọc. Trên mỗi tháp, bức tường phía Đông ghi khắc gốc nguồn của ngôi mộ. Ta thử đọc trên ngôi một số bảy: "Hòa Thượng Bùi Công, pháp danh Viên Giác. Tháp do đệ tử và tín đồ tạo tức Tâm Tuyền, giòng Lâm Tế, đời thứ 41, được Hoàng Thượng tấn phong làm trụ trì chùa Báo Quốc và Tăng cang chùa Diệu Đế" (một ngôi chùa khác trong thành phố Huế). Sau bốn tiểu sử, là một lời tán tụng: "Nơi đây phát sanh ánh sáng trí huệ; toàn thân Ngài tỏa sáng ánh đuốc trí huệ".

Đọc tên trên bia tháp, ta cũng cần lưu ý là tục lệ xưa kiêng cữ tên. Tháp số 15 đựng tro thầy Trí Hải. Bia khắc hai câu: trên đọc ra chữ Trí, dưới đọc ra chữ Hải, không viết một lượt. Nhiều khi lại còn kiêng đọc một chữ, tách làm hai, trái đọc một cách, phải đọc một cách, ghép lại thành tên!

Bây giờ ta trở lại trục chính của chùa, đi theo bổn chỉ dẫn của Jean Laborde và họa sĩ Michel Durier. Đường dẫn vào đại điện xây bằng mười lăm bậc đá đẽo, đưa ta đến một công trường hẹp bằng đất thó, trước làm nơi dừng chân cho kiệu và xe của vua quan đến lễ Phật, nay làm chỗ cho trẻ con đá bóng. Từ công trường đi lên, lại qua mười bậc đá đẽo, đưa đến cổng tam quan ta vừa nói ở trên.

Sau cổng tam quan là một bức tường gạch hứng chịu vào phía giữa một bức bình phong, và trên chóp bình phong tạc một tòa sen. Giữa bình phong khắc nổi chữ Thọ, hai bên tạc vào tường là hai chữ Phúc và Lộc, cả ba chữ đều tạc bằng miếng sành màu xanh.

Sau bình phong là đại sảnh. Hiên ngoài được bốn chiếc trụ lớn chống đỡ, trên mặt trụ khắc mười câu đối tán dương phong cảnh chùa và công đức Phật. Tài liệu Laborde ghi bằng Pháp ngữ bổn dịch mười câu đối, nhưng lại không chép bổn chữ Nho. Bổn dịch cũng không đầy đủ vì ngay vào hồi đó mà một số chữ trên câu đối cũng đã sứt mẻ không đọc được, cho nên ta hình dung công việc khảo cổ của người đến sau (đến bao giờ nhỉ) khó khăn tới mức nào.

Cách trang trí trong chính điện chùa Báo Quốc không khác cách sắp đặt trong các

ngôi đại tự ở miền Bắc và miền Trung. Qua bổn mô tả của Laborde/ Durier, ta gặp lại các nét chánh của tam giáo đồng nguyên, đặc điểm chung của chùa Việt Nam. Đã bao nhiêu đời, tôn giáo của chúng ta bị pha trộn và chấp nhận pha trộn. Tốt hay xấu, tương lai lâu dài mới đem lại được câu trả lời.

Laborde dùng kỹ thuật lập thể điểm (stereography) để mô tả một bức liễn của chúa Võ Vương tự tay viết, cho thợ trạm khắc, tô màu lục ở giữa, chung quanh sơn son thiếp vàng, treo giữa chánh điện. Người đọc tuy không thấy bằng mắt, cũng hình dung được vật thể xinh đẹp thế nào.

Phía bên phải đại sảnh là lầu chuông Đại Hồng Chung. Chuông đúc vào năm Gia Long thứ 7 (1808), ghi công đức của Hiếu Khương Hoàng Hậu (mẹ vua Gia Long). Các hình khắc tượng trưng trên chuông được Laborde và Murier mô tả và phác họa tỉ mỉ. Các nét điêu khắc trên trần, lương, liễn, đối, cửa, bàn... cũng được ghi chép lại. Các bệ thờ, và thứ tự sắp xếp các tượng Phật, Bồ Tát, La Hán... cũng được mô tả và giải thích với chi tiết.

Trong đại sảnh, dựa vào tường, tạc hình mười tám vị La Hán, mười vị Thập Vương, tượng bà Thiên Mẫu, tượng Quan Công và tượng bà Chuẩn Đế. Trước cuộc chiến tranh dành độc lập, bị tráo trở thành cách mệnh vô sản, người đi chùa còn thấy được một số phướn bằng nhiễu gấm màu sắc rất đẹp treo thẳng lên trần đại sảnh, ghi tên các Đức Phật. Khi có lễ tại chùa hoặc rước kiệu, hoặc tại tư gia, phướn được rước đi trên kiệu.

Mặt sau đại sảnh là bàn thờ Hiếu Khương Hoàng Hậu, người đã có nhiều công đức cho chùa, và bàn thờ của các vị tổ đã khai sáng hoặc trụ trì chùa. Cũng trên bàn thờ tổ, khách thập phương còn được nhìn thấy năm bảo vật để thờ tại chùa lớn: Một là cây gậy tích trượng, đầu gậy có 12 chiếc khuyên bằng sắt, tượng trưng cho 12 điều giới luật của tăng sĩ (khi vị trụ trì giảng kinh, tay phải cầm cây tích tượng, tay trái cầm bình bát bằng đất thó, dấu hiệu thanh bạch của người tu hành); hai là chiếc bài Như Ý bằng thiếc, thường được chắp vào cây tích tượng, tượng trưng cho uy lực của thầy trụ trì; ba là chiếc phủ phất làm bằng lông, ý niệm người tu hành đã phủi hết bụi trần; bốn là tràng hạt kim cang cho nhà sư trụ trì lần khi tụng kinh, không bận gợn chuyện đời; và năm là một chiếc hộp bằng gốm đựng bằng sắc của nhà chùa do vua ban, và cuốn tự phả của chùa ghi sự tích của các người tu hành trong chùa từ trước đến nay.

Sau đại sảnh là dẫy nhà tiếp khách, có hành lang dẫn đến trai phòng của phương trượng và các thầy cư ngụ trong chùa. Khách đến viếng chùa Báo Quốc thường được dẫn đến thăm cái giếng lớn của chùa. Dưới đáy giếng có một tảng đá, hình miệng con rồng, phun nước trong lành ra quanh năm, và bởi lẽ đó, nên có ngôi chùa. Thế kỷ thứ Hai Mươi đem đến văn minh vật chất, và một số tai họa, đứng hàng đầu là uế nhiễm môi sinh. Ngày Laborde và Murier lên viếng chùa, nước giếng đã đục ngầu vì dân làng đến lấy nước tắm gội.

Giữa hai cuộc thế chiến 1914-1918 & 1937-1945, phong trào chấn hưng đạo Phật phát khởi ở Trung Hoa, Nhật Bổn, và thổi đến Việt Nam. Chùa Báo Quốc cũng như các ngôi đại tự khác trong vùng kinh đô, tuy theo quy chế cũ thuộc chánh phủ của nhà vua quản trị, nhưng sức tài trợ của Nam triều mỗi ngày yếu kém, chùa sống với khách thập phương nhiều hơn. Trong khuôn khổ chấn hưng Đạo Phật, các khuôn hội tương trợ được thành lập, chủ trương các khóa học đào tạo tăng ni để cung ứng nhu cầu trong nước. Chùa Báo Quốc trở thành một trong những trung tâm lớn làm chỗ huấn luyện cán bộ tu sĩ. Những vị tu hành do chùa đào tạo, ngày nay, đang giữ các vai lãnh đạo trong hàng tăng già Phật Giáo. Ta mong ước có một vị sư đã từng sống tại chùa qua các khóa học tăng ni này, có cơ hội kể lại rõ hơn sự tích và cấu trúc cùng sanh hoạt giáo dục của ngôi chùa lớn trong những ngày phấn khởi thập niên ba, bốn mươi, cũng như những ngày đau thương thập niên năm sáu mươi, làm món quà vô giá cho những người hoài cổ.

- *Nguyễn Phúc Bửu Tập.*

Những dặm đường quê hương

Phan Mộng Hoàn

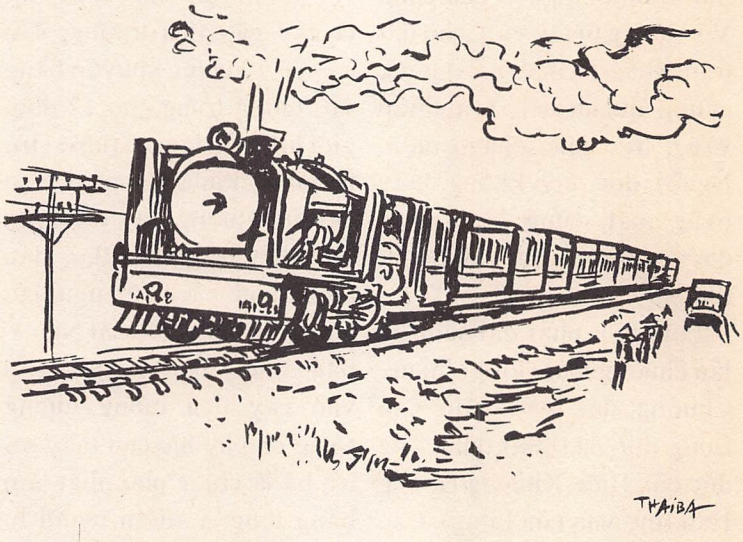

Cuối tháng 5/94. Tôi đa mang quá đỗi. Hai cái vali lớn hết chỗ để nhốt kín những nhớ thương trìu mến. Bạn bè, chồng con ai cũng có một cái chi gửi gắm về bên nhà. Và cứ rứa tôi quay về cố hương sau hơn 3 năm 6 tháng ở quê người.

Mồng 8 tháng 6/94. Mưa từng giọt bay, tàu xình xịch trườn đi. Cỏ cây ướt đẫm, man mát. Màu xanh bỗng dịu xuống khi cơn mưa tới. Tôi thấy thương quá túp lều tranh đứng trơ vơ giữa cánh đồng đất đỏ, mái dạ xám màu nắng mưa. Mảnh ruộng non mơn mởn mỉm cười, đất ướt mềm và mấy bông lau phất phơ trước gió. Không gian ngất ngây mây trắng và giải núi tím nhạt từ phía xa quét một nét mơ hồ trên nền trời buồn buồn.

Ga Sông Pha. Đọc lên nghe như một nốt nhạc thanh. Con tàu bươn bả đã chậm dần khi tới sân ga nhỏ. Tôi nhìn ra khoảnh vườn con thấy bầy gà chíu chít dành ăn. Một cậu bé đứng tần ngần bên hiên cửa dòm theo con tàu đi. Đôi mắt đen láy hiền như buổi sớm. Và mùa hạ chợt dễ thương như rứa khi mưa về.

Tàu đi giữa khu rừng lá. Màu xanh khít rịt với những thân cây gầy đứng chen chân nhau. Vòm lá đan kín che sầm cả bầu trời đang gay gắt nắng. Từng lúc tôi mỗi rời xa bỏ lại sau lưng chòm xóm yên phận. Mấy người đàn ông gân guốc tấm ngực trần, lơ đãng giữa ruộng xanh. Cảnh đời chịu đựng nơi góc đời buồn hiu. Quê hương gầy guộc vì hằng trăm mẫu đất chưa được vỡ hoang.

Ga Mường Mán. Tôi tò mò theo dõi qua khung cửa sổ, dưới kia nơi sân lát đá nham nhở, khách đi tàu bu quanh một gánh cháo gà. Con gà luộc khô khan nằm chỏng gọng trên mâm nhôm thỉnh thoảng được lôi xuống rưới lên mặt lớp nước lèo vàng ngậy những mỡ. O bán hàng lanh tay xé tơi mớ thịt trắng bệch bạc rải lên mặt tô cháo đục lờ, không quên rắc thêm chút vụn hành ngò che chưa kín mấy lát thịt gà hiếm hoi... Tự dưng tôi hết thèm ăn dù bụng đang đói cồn cào. Thau nước váng mỡ, vuông thớt nhỏ tanh tao. Cả giang sơn nuôi sống một đời người thu

gọn nơi gánh quà rong khiêm tốn. Còi tàu rúc một hồi mệt mỏi, tôi khẽ thở dài, buồn vô cớ từ giã sân ga quạnh hiu...

Khi tới ga Tháp Chàm tôi nghe vẳng tiếng loa phát thanh nhắc nhở khách phải hạ chấn song cửa sổ. Trẻ con ở ven đường sắt ưa ném đá thường gây tai nạn bể đầu sứt trán. Trong bóng hoàng hôn chập choạng dăm ngọn tháp xù xì, khắc khổ nhô lên giữa cảnh chiều u tịch.

Tàu đến ga Nha Trang lúc 9 giờ tối. Đèn điện thắp sáng choang hiện rõ cảnh bán buôn tấp nập. Một dãy cửa hàng treo la liệt đồ tạp hóa nhập từ Trung Quốc. Tôi thấy mấy chàng du lịch Ba Lô tóc vàng mắt biếc đang khua tay mà cả. Ngất ngưởng sau lưng họ là túi hành trang cao xấp xỉ người họ. Những du khách trẻ trung từ các miền đất nước xa lạ càng lúc càng có khuynh hướng đổ xô về quê hương tôi thời mở cửa. Với nền kinh tế thị trường, nhân dân nao nức kiếm ăn. Tôi chợt thấy buồn hơn là vui, có một vẻ chi đó không ổn khó tả lắm.

Rồi tôi thiếp đi trong điệu ru êm ả của tiếng máy nổ đều đều. Nôi tàu lắc lư nhè nhẹ. Tôi mơ màng tưởng nhớ tuổi thơ nào xa ngun ngút thuở mẹ hiền hời hợi đẩy đưa tôi giấc ngủ yên lành.

Mồng 9/6/94, dòm đồng hồ tôi thấy kim chỉ 3 giờ rưỡi. Trời còn nhá nhem giữa sáng và tối, đẩy ngày tới trong chuếnh choáng bước tàu đi lặng lẽ. Ga Diêu Trì thoáng sạch. Vẳng trong đêm sâu tiếng cô hướng dẫn vang lên rành rọt. Âm hưởng làn hơi Hà Nội sau 75 khiến lòng tôi chùng lại chút cảm tình vừa ngùn ngụt dâng lên. "Xin quý khách khẩn trương lên tàu vì trong chốc lát chuyến tàu Sài Gòn Thống Nhất sẽ chuyển bánh đến ga cuối cùng là ga Huế..." Khẩn trương - tranh thủ - bố trí, ở đây là những trạng từ luôn luôn kêu réo con người hăm hở lao tới hòng dành dựt một vị trí để tồn tại.

5 giờ thiếu 15, tôi choàng tỉnh cơn ngủ ngầy ngật. Dạ dày chợt co thắt làm mình nôn nao khó chịu. Tôi cố nhai mẩu bánh mì để trấn an bao tử dễ ghét của mình. Vậy là tàu đã đi hơn 8 tiếng.

Từ xa, cuối chân mây bầu trời lộng lẫy màu vàng cam. Mây lớp lớp sáng lòa, hớn hở đuổi theo dãy núi lam nhẹ. Hàng cây ven quốc lộ chạy giật lùi mang vẻ ngái ngủ; kéo chạy theo những trụ điện cao vêu vao, trên đỉnh có bầy chim trắng đứng chụm đầu ríu rít. Bầy chim ngửa cổ hót và những sợi dây triền miên nối liền ánh điện xuyên suốt theo mình con tàu đi...

Ga Quảng Ngãi lúc 8 giờ sáng. Tôi lướt qua trên chiếc cầu đen thậm thượt dài. Dưới xa là bãi cát vàng mênh mông. Dăm chiếc thuyền nan gắn những hờ trên sóng nước lăn tăn. Mấy đứa trẻ con mải mê ngụp lặn trong dòng nước xanh mát rười rượi bên cạnh chúng có con trâu già. Người và thú hồn nhiên vui sống. Ơi dòng sông quê hương đã khiến tôi xao xuyến nỗi luyến thương tràn đầy.

Trưa đứng bóng con tàu trôi chậm và dừng hẳn ở ga Đà Nẵng. Nỗi xúc động òa vỡ trong tôi, khi trước mắt là mươi cậu học trò bé bỏng ngày xưa chừ vụt hóa thành người lớn. Họ đến ga đón cô giáo trẻ là tôi nay đã luống tuổi chợt quay về thăm thành phố Cảng. Có lâu lắc chi, mới hơn 19 năm về trước đó là những chú bé nghịch tinh từng chọc ghẹo mình khi vừa bắt đầu học đòi nghề làm thầy. Hết sức vụng dại là tôi. Ngỡ ngàng bên bảng xanh rụt rè và nắn nót ghi lên dòng phấn trắng "Giao lại tuổi thơ" cho học trò lớp đệ ngũ. "Em 15 tuổi em tuổi hai mươi đừng để mất một cái gì mà không hưởng..." Một tuần lễ ở Đà Nẵng là thời gian ngắn ngủi đầy ắp những thăm hỏi trìu mến. Cái nóng nung nấu thịt da của xứ Quảng đã làm con người tôi tưởng chừng bị đốt cháy.

12 tháng 6. Những đốm phượng hồng rung rinh đưa tôi lên thăm Cổ Viện Chàm. Nét cổ tích đọng lại nơi vẻ ưu tư của tượng đá vô tri. Dáng vũ nữ uốn mềm cánh tay trần ủ ấp và môi cười lặng lẽ. Trưa hạ trắng, im lặng, tôi âm thầm len lỏi giữa u uất triều đại nào hoang phế. Ngày nào ngựa xe rộn rịp nay chỉ là vết mòn của tháng năm ghi dấu ấn mơ hồ lên mặt đá đen xám u buồn. Tôi thấy vui khi bỗng nghe tiếng một con chim hót lảnh lót bên ngoài khuôn cửa sổ, âm thanh sáng lóa, ngời theo đợt nắng long lanh đang kéo về.

Sắp từ giã Đà Nẵng. Buổi sớm rực lên vẻ sinh động của

một thành phố chuyển mình. Xe cộ mgười ngợm chỗ mô cũng đông đúc ồn ào. Tôi chóng mặt trước tất cả và đã giận dỗi như thử lúc gặp lại Sàigòn sau đúng 3 năm rưỡi xa cách. Thủ đô nước Việt Nam Cộng Hòa thanh lịch với những kiến trúc hài hòa của nền văn hóa tây phương. Vẫn còn đó những nẻo đường tráng nhựa đen bóng êm ả đổ về ngả nhà thờ Đức Bà. Tượng Đức Mẹ trắng toát như mỉm cười âu yếm với thế nhân phần lớn vẫn còn khó nhọc lo kiếm miếng ăn từng ngày. Tôi không thích nói tới cái lối giàu có nhanh như một cú sút Mundial 94 của một cầu thủ mang số 10 nào đó vào khung thành địch. Sài Gòn lối ấy tôi không ham. Bởi nó đã cố tình góp thêm nét xấu xí cho thành phố tôi hằng yêu mến. Của năm 20 tuổi thơ ngây làm quen với Hòn Ngọc Viễn Đông. Và gần đây với 11 năm ròng rã làm Mẹ Mốc chống chọi những con người thiếu trái tim. Sài Gòn hỗn độn quá quắt. Thành phố bị phanh thây xẻ thịt. Khi để đối phó với nạn tăng tốc khủng khiếp về dân số; đã phải "phóng đường" (1) mở thêm hàng trăm con lộ rối rắm để may ra tạo huyết mạch cho người dân Sài Gòn luân lưu. Có một lúc tôi đã điên cuồng muốn làm một Néron bạo tàn. Để giải thoát cơn bế tắc cùng cực ấy cho Sài Gòn, phải cần đến một mồi lửa thần tốc đốt sạch tất cả và làm lại từ đầu!

Đà Nẵng nhu mì hơn nhưng cũng trên đà hỗn loạn với lượng người xe di chuyển ít lúc ngơi. Rất nhiều nhà cao tầng dồn dập mọc lên làm cho thành phố biến dạng. Đặc điểm của quê hương hôm nay là nét thanh nhàn cố ý bày ra nơi những khuôn mặt tuổi trẻ đăm chiêu. Từ 6 giờ sáng đến giữa trưa, họ đã tư lự trước tách cà phê đen đặc như nỗi buồn khó khuây giải. Ở đâu tôi cũng ngột ngạt vì thở hít phải không khí quyện kín mùi Nicotin.

Khói thuốc, khói xe, rác rưởi bừa bãi... rồi người ngợm xa pháo quay cuồng hết thảy đã làm tôi ngậm ngùi xót xa thương hơn khi mô hết đất nước mình!

15 tháng 6. Khi chiếc "xe con" bò thấu đỉnh dèo tôi đã muốn khóc vì thiên nhiên xinh đẹp dàn trải mênh mông trước mắt mình. Hải Vân Quan cao ngất tưởng chạm tới trời xanh. Tôi mon men tìm lên thăm cổng thành xây bằng gạch đỏ giờ đen sạm vì năm tháng. Gió tha hồ rủ mây bay về qua khoảng trống không đong đầy một màu xanh trong trẻo. Chênh vênh trên những gộp đá tôi đắm nhìn vào cõi vô cùng. Thương hết sức mấy bông hoa tím nhạt ẩn hiện bên khe sâu. Xa xa dòng suối héo hắt bám trên vách đá dựng đứng. Những vệt dài mốc thếch vì nắng hạn vẽ chân rít lên mình đá u sầu. Đèo cao. Lũng sâu. Dưới kia là vết đường sắt vẫn chuyên chở những chuyến tàu xuyên Việt thanh bình đang lấp lánh dưới ánh nắng ban trưa rồi chìm khuất giữa cỏ cây một màu xanh mướt. Sóng nước từ xa khơi tung bọt trắng xóa dưới cơn nắng gắt. Biển trời hội tụ quanh tôi và vây phủ bằng một màu xanh ngất ngây.

Khi xe quành xuống khoảng "cùi chỏ" gắt gao chỗ ngày xưa mỗi lần qua đó tôi thường lo sợ vu vơ và hay lẩm nhẩm với linh hồn K. Tr, người bạn gái thân thiết những năm học ở ĐK-QH. K. Tr đã bỏ mình cùng lúc với chồng, một giáo sư trẻ đại học Huế, thuở Huế chạy loạn mùa hè Đỏ Lửa 72. Ảo tưởng nào vẽ nên dáng dấp ẻo lả của người thiếu phụ xinh đẹp đã chết oan khuất nên hằng nuối tiếc cõi đời tục lụy.

Bây giờ xe đổ đèo chỗ khúc quanh đẹp nhất. Bãi cát vàng óng ánh dưới kia, tháp chuông nhà thờ Lăng Cô đen thẫm và vươn cao thanh thoát nổi bật giữa một xóm chài hiền hòa. Rải rác vài chiếc ghe thả lưới ngoài khơi. Mảnh lưới hình như lấp lánh vì những con cá vảy bạc đang oằn oại quẫy mình... Xe tiếp tục băng mình hướng về Huế giữa buổi xế trưa chang chang nắng và ngọn gió Lào thổi rát mặt. Lúc ngang qua khu vườn xanh um bóng dừa xe tạm dừng bánh cho tôi có dịp thưởng thức hương vị ngọt thanh của ly nước dừa tươi. Hai cô chủ quán trẻ tóc uốn cao đỉnh đầu, gọn nhẹ trong bộ váy áo hoa giản dị. Tôi không thấy họ chướng mắt chút nào mặc dù tự thâm tâm tôi thầm tiếc rẻ hình ảnh những cô thiếu nữ ngày ấy mái tóc đen mun xõa mềm xuống bờ vai áo lụa tròn trĩnh. Theo cơn lốc của thời gian những cô gái nhỏ dịu

dàng cũng biến hình trẻ trung với thời đại.

Ôi chao! Nắng không trong veo như xưa mà trắng đục một màu xám buồn. Hôm nay bụi đường đã nhuộm nắng khác đi cho Huế nét chi ủ dột. Hình như ở đâu tôi cũng gặp những con người hốc hác đầy vẻ chịu đựng ngó buồn quá sức. Nhất là lúc xe đi hết con đường gập ghềnh những sỏi đá lỗ chỗ từ dốc cầu An Cựu. Lòng đã quặn thắt khi thấy trước mắt mình ngổn ngang từng đống gạch vữa cao có ngọn nơi lối lên cầu Trường Tiền. Và từ thân cầu mới nhìn chếch về hướng Đập Đá tôi xót xa thương vô cùng 6 vài cầu trắng bạc. Thuở mình còn xõa tóc đó là chiếc nhẫn quý sáng lấp lánh khi ngày tới nắng lên. Cây cầu xinh đẹp nằm vắt ngang dòng sông Hương xanh trong mỹ miều... Hình ảnh thơ mộng ấy nay biến mất chỉ trơ lại mấy nhịp cầu đỏ quạch, xám xịt với bộ xương sắt đâm chĩa trên nền trời đùng đục buồn đến thảm hại.

Duy mỗi con con đường Lê Lợi êm ái chìm trong bóng cây xanh phần nào dịu lại nỗi hẫn học khi mới đến Huế. Nhưng lúc đưa mắt lùng kiếm Văn Khoa tôi đã thất vọng não nề. Dãy lầu Morin thanh lịch ấy chừ là cư xá tập thể. Tường vôi loang lổ, mốc thếch, những sợi dây kẽm phơi phóng hàng tá áo quần tơi tả... Cả một khối nhớp nhúa và rầu rĩ như muốn thách thức với nét thanh nhã kiều mị chốn cố đô! Tim tôi đã nhói buốt khi nhìn trên cao nơi hành lang hẹp ngày xưa

tôi thường ra đó mơ mộng... Gió từ Hương Giang tạt về vuốt ve làn tóc mềm thuở ấy, chừ có chăng chỉ một khung cửa hẹp đen đủi và xô lệch mà thôi!

Đang là mùa hạ nên không thấy hàng xoan ven lối đi dẫn đến trường Đồng Khánh nở những chùm hoa tim tím dễ thương. Nhưng nếu có nhằm mùa mưa chắc chắn tôi sẽ không bao giờ còn gặp nữa con đường xưa của kỷ niệm với hoa xoan tím ngát. Bởi qua bao mùa mưa bão tàn khốc, thiên nhiên hung ác đã làm gãy gục hàng cây của tuổi hồng thiếu nữ mất rồi!

Đêm đầu tiên ở Huế sau những năm dài xa cách tôi đã xúc động. Quanh tôi dâng lên lời dế nỉ non. Bóng tối huyền hoặc dấu kín nỗi thê lương trong xó vườn mà cỏ cây và tiếng côn trùng ôm choàng lấy nhau khắng khít.

Đêm yên tĩnh nên tôi dễ dàng nghe rõ âm thanh của đất mẹ. Ngoài sân lâu lâu vẳng lên tiếng chó sủa rời rạc. Và gió thì xào xạc dưới kia hồ sen, nghe như có tiếng thở dài giữa những tàn lá tỏa rộng. Tôi mường tượng những nụ hồng đang chúm chím mỉm cười. Hương sen thoang thoảng đâu đây. Tôi hít thật sâu vào lồng ngực mùi thơm thanh khiết ấy. Hồi xế trưa những đóa sen hồng duyên dáng nghiêng đầu chào tôi, người khách du từ xa thật xa đến nửa vòng quả địa cầu trở về đây để thăm chốn cũ.

Tôi chao đảo hồn trí không phải vì say bụi nắng dặm dài mà vì màu xanh lục biếc của vòm cỏ cây quanh quất đã làm tôi choáng ngợp. Dưới bờ hồ đất lở sụt xuống, màu nâu nhạt sẽ đậm hơn vì lũy tre rợp bóng mát viền quanh khu vườn. Thân tre mềm oặt cao vút đong đưa những tàn lá xanh. Ngàn lá tre thuôn dài xênh xếch như mắt thiếu nữ Trung Hoa đang chúi xuống dịu dàng làm duyên. Tôi đã dạo một vòng để thăm hỏi tất cả. Mấy cây ổi lớn vụt lên cành nặng trĩu những trái tròn xinh căng mọng hứa hẹn âm thanh dòn tan khi cắn tới. Tôi đi cứ chực vấp ngã. Hai con Mực Vá quấn quít theo chân mình mãi. Gần bốn năm rồi

mà chúng vẫn còn quyến luyến người thân vừa đi xa về. Cây Sabôchê đầy những trái có màu cà phê lạt lồng cẩn thận trong túi nylông. Gần bên là mấy gốc vú sữa lá dày đậm nhạt khác nhau. Hàng rào chè tàu được cắt xén vuông vức ngăn cách với nhà láng giềng mà những dây tơ hồng vương vít hoài trên ấy không chịu rời xa. Vài mô đất nhấp nhô bụi sả thơm lừng, đám rau lang bò rạp mình gần đó.... Hết thảy đều xanh mởn mơ dù nắng hạ càng lúc càng như thiêu đốt xứ Huế nhỏ bé nghèo nàn này.

18 tháng 6. Tôi mệt nhoài sau mấy ngày liền tham lam công tác. Bạn bè ở thiệt xa bên ấy giao phó cho tôi thay họ đem chút tình mật ngọt đến những người thương yêu bên nhà. Đứa cháu gái mảnh mai chở tôi bằng chiếc Honda đi khắp nơi. Ở đâu tôi cũng trân trọng lắng nghe những nhắn nhủ trìu mến đáp lễ người thân ở nửa bên kia quả đất. Tôi không ngăn nổi sự xúc động trước những giọt nước mắt đã ứa ra khi nhận được món quà gói trọn tình cảm ấy. Đến hôm nay vẫn còn quá nhiều ruột thịt của chúng tôi nhọc nhằn với nếp đời an phận. Mấy mẹ con T.C sống hẩm hút trong khu vườn trồng đầy cây ăn trái nhưng có lẽ thu hoạch không bao lăm. Ngày xưa những cô Tôn Nữ xinh tươi ấy khi đại gia đình còn sum họp đã khúc khích cười sau đám cây lá xanh ngắn chắc là vui biết mấy... đâu có ngờ ngày mai đời họ tan tác. Nhìn vẻ khắc khổ in hằn lên những nếp nhăn ở cuối mắt và khóe môi mình như xót xa hơn hoàn cảnh của T.C. May mắn bạn tôi vẫn tồn tại nhờ tình thương đều đặn đổ về từ người chị dâu ở mãi bên trời Texas diệu vợi. KT đã tiện tặn tiêu pha, đã vui vẻ "cày" thêm ngày cuối tuần. Bạn KT dễ thương của tôi quyết chí nuôi bầy cháu ăn học tới cùng. Cô muốn thay thế người cha lũ trẻ tưởng chừng như đã biến mất trên cõi đời này!

Ngồi trên nền nhà lát xi măng mát rượi chúng tôi tâm sự mãi. Thêm ngụm nước chè tươi trong như hổ phách với hương vị gừng cay cay đã tức khắc hạ cơn khát cứ mỗi lúc một tăng cường độ. Tôi không muốn buông rời bàn tay bạn. Bàn tay nổi gân vì lao nhọc. Giã từ ngôi nhà thô thiển chìm khuất trong rẻo vườn đầy màu xanh tôi đã tự ghét mình. Hồi nãy tôi cứ luôn miệng kêu rên nóng nực. Mới non bốn năm ở xứ người chưa chi tôi đã kệch cỡm hóa nên giống kẻ xa lạ nơi chính quê hương mình!

Nắng táp gió nồm và đời sống im lìm tủi nhục sau hàng cây xanh ngắt... khoảnh đời khép kín ấy khiến cho trái tim tôi chìm xuống một nỗi rầu rĩ khôn nguôi.

19 tháng 6. Miệt vườn ngả lên Kim Long tôi một phen bị xóc dữ dội trên yên sau chiếc xe gắn máy. Hôm nay đứa cháu trai kêu tôi bằng cô thay phiên đèo mình tiếp tục nhiệm vụ. Hắn chạy xe thiệt vững. Hai bánh xe chồm lên hung hăng vượt quãng đường đất đầy đá nhọn hoắt. Cuối cùng rồi cũng tới nơi. Nhà của người bà con sui gia ở tận ngóc ngách nơi mảnh vườn nên thơ. Ông lão mới ngoài 60 mà đã móm xọm vì hết răng, rè rè giọng nói cho chiếc máy ghi âm nhỏ xíu của tôi uống những lời tâm sự. Ông già tỉ tê kể chuyện với em trai đang lập nghiệp ở San Diego. Dù đến tuổi về hưu nhưng ông vẫn ham chạy xe thồ. Hằng ngày phải cúi khom tấm thân gầy gò đạp mải miết từ Văn Thánh xuống thấu chợ Đông Ba để may ra kiếm tiền nuôi mấy đứa cháu nội. Bởi cha chúng đang mắc bệnh sạn thận không thể lao động nặng. Từ nửa năm nay anh bị nghỉ việc. Vì rứa mà gánh gia đình đành trút xuống vai người cha già tội nghiệp. Tôi lơ đãng ngồi nghe mẩu độc thoại da diết vừa đưa mắt ngắm mấy giò phong lan treo lủng lẳng nơi giàn mướp. Những cánh hoa trắng ngần cụp lại, khô héo vì thời tiết hạn hán. May thay vẫn còn những cành lá xanh xao rủ xuống yểu điệu...

Tôi nhìn ông lão xúng xính trong bộ đồ Pyjama kẻ sọc còn nguyên làn xếp phẳng phiu. Chắc hẳn ông diện "hắn" chiều nay để đón khách phương xa sẽ đem niềm vui tới cho gia đình. Sau đó cả nhà lăng xăng quay ra xếp hàng chụp một lô bóng kỷ niệm cho tôi mang về bên ấy. Một giây phút chạnh lòng khi cô dâu trẻ níu lấy tôi nhờ nhắn nhủ với ông chú xin thương các cháu. Đó là những "cháu ngoan bác Hồ"

học hành xuất sắc vượt chúng; đáng lẽ được lãnh phần học bổng dù rằng khiêm tốn từ trên ban xuống. Nhưng vì lý lịch lỡ có ông chú ở đế quốc Mỹ nên đành vuột mất.

Chiều xuống dần vài tia nắng èo uột rọi lên gộp đá gập ghềnh của hòn non bộ xinh xắn. Những cây tùng nhỏ xíu, ông Lã Vọng ngồi trầm tư câu cá, đàn cá đủ màu rực rỡ bơi lội tung tăng dưới làn nước trong leo lẻo của chiếc bể cạn bề thế. Tôi vui thú ngắm nhìn có lúc quên mất cảnh đời buồn khổ trước mắt.

Chúng tôi bịn rịn chia tay nhau trong nỗi ngậm ngùi. Mươi hôm nữa tôi lại quay về với nếp sống tiện nghi nơi một xứ sở thặng dư nhiều thứ. Rồi sẽ dần quên đi hình ảnh xác xơ nơi tít sâu miệt vườn Kim Long này!

20 tháng 6. Thêm một buổi ghé trở lên gần ngả về Linh Mụ. Tôi còn phải giao cho xong món quà khá đậm đà của Hội Thương Huế ở Bắc Cali và của mấy người bạn đàn chị gửi về cứu giúp một bệnh xá từ thiện. Cổng tu viện mở rộng ân cần đón tôi như đã từng đón hàng trăm bệnh nhân nghèo khổ từ các làng xã xa xôi hẻo lánh kéo về. Tôi ôm chầm lấy bạn, hai đứa reo hò ầm ĩ vui như lúc còn làm học trò trường Mai Khôi. Chừ bạn tôi là nữ tu bác sĩ đang trông coi cơ sở bác ái này. Mỗi tuần vào những ngày ba, năm, bảy các nữ tu Dòng Con Đức Mẹ Vô Nhiễm sẽ chẩn bệnh, phát thuốc hoàn toàn miễn phí. Bạn tôi đã kêu gọi được vài vị bác sĩ trẻ tuổi mới ra trường tới phụ giúp. Họ là những thiên thần bằng xương bằng thịt đã ra sức chữa lành những con bệnh khốn khó. Gần đây họ mới được phép hành nghề và đã âm thầm làm việc. Tất cả phương tiện thuốc men chỉ biết trông cậy vào Đấng Nhân Lành sẽ dẫn dắt những kẻ đầy lòng nhân ái đến với họ mà thôi!

Chúng tôi rủ nhau chụp chung một tấm hình ghi lại sinh hoạt có thực của viện tình thương. Có như rứa lầu sau "cái bang" tôi mới mong xin thêm tiền cho cô bạn masơ tiếp tục làm việc thiện. Hai đứa tạm từ giã nhau vì tôi còn hẹn trở lui ăn một bữa cơm thân mật mừng lễ bổn mạng Sơ Bề Trên. Đó là cô giáo Pháp văn dạy tôi năm học đệ tứ. Ngoài 60 tuổi

Huế buồn

Rêu mốc xanh um đượm nét sầu
Huế buồn im lặng đã từ lâu
Trông ra Thượng Tứ không người trực
Nhìn lại cung son vắng kẻ chầu

Nhớ cảnh Đế đô thời hưng thịnh
Thương dòng hoàng tộc chuỗi ngày châu
Vàng son một thuở tan mây khói
Cơ nghiệp ngàn xưa tựa bóng câu...

• ***Thiên Tứ***

người nữ tu ấy vẫn trẻ măng như ngày nào. Tôi bỗng cảm nhận hạnh phúc rằng tôi còn bé bỏng như lúc 15 tuổi làm học trò một trường tư thục Công giáo ở vùng Gia Hội.

21. tháng 6. Về đến Huế non tuần lễ mà tôi chưa thèm ghé thăm ngôi trường màu hồng của mình. Nhưng lần mô đi ngang qua đó tôi cũng mỏi cổ vì cứ ham ngoái đầu lui nhìn mãi hàng phượng tươi cười nở hoa đỏ thắm. Những lớp học thân yêu ngày xưa chừ im lìm khi hè tới. Cành phượng mềm mại lá xanh mướt sà xuống trước những khung cửa lớp của dãy lầu hai. Bây giờ mặt tiền của lầu đã bị sửa đổi. Với tôi thiệt là khó thương. Tôi bực tức không muốn dòm tới hắn. Từ lâu tôi đã biết trước qua loạt hình bạn bè gửi về bên ấy. Nỗi giận hờn chỉ chực dâng lên như thử mình vừa bị tước đoạt một cái chi quý báu nhất. Tên trường đổi thay đã làm tôi nhức nhối khó chịu, héo hon chút tình cảm vẫn dạt dào trong tim. Tôi gét lây luôn danh tánh hai vị nữ anh hùng dân tộc một cách phi lý. Chỉ vì họ đã trám lên danh hiệu Đồng Khánh dấu yêu của tôi!

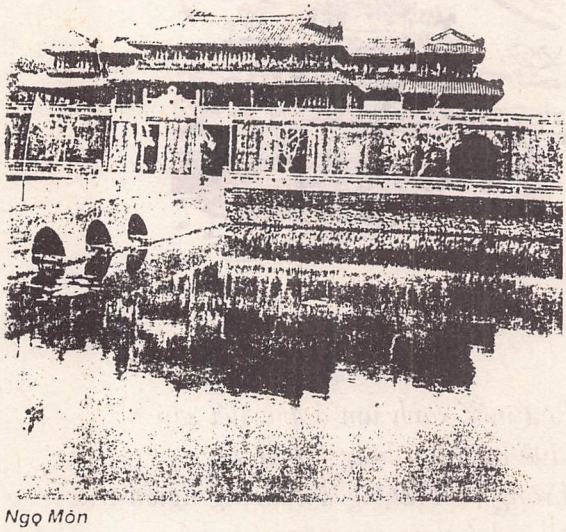

Ngọ Môn

Buổi tối ở Huế tôi không đi đâu, thường ngồi nhà tiếp chuyện mấy người bạn trẻ. Những chàng trai Huế hiền lành ít át. Cứ kêu tôi kể hoài về bạn họ chừ đang sống cách xa vời vợi. Khi nghe tôi trở lại quê hương các cô bạn nhỏ bên ấy đã gửi bao nhiêu là quà và những lá thư dày cộm gói ghém cả trời thương nhớ! Tôi lẩn thẩn nói chi mô những nét sinh hoạt thường ngày của đời sống sinh viên xứ người. Rứa mà người nghe cứ bắt tôi nói mãi, kể tỉ mỉ những lúc đổi giờ học chúng tôi phải chạy đua với cây kim đồng hồ để bắt kịp giáo sư cũng tất bật không kém chi mình... Giờ ăn chiều phải cố mà nuốt cho trôi lũ hamburger chán ngấy để còn đủ sức vào lớp tối nữa. Đời sống sinh viên không dám mơ mộng. Bạn họ phải luôn tỉnh táo. Di chuyển ào ào. 8 giờ "cày" xong ở hãng là bết bát lao xe tới trường ngốn thêm có khi 8 tiếng đồng hồ. Khi mô người cũng căng thẳng như sợi dây đàn!

Rồi tôi chăm chú lắng nghe tâm tình của kẻ ở lại quê nhà. Thì ra ở mô thế hệ trẻ đều phải nỗ lực học hành và làm việc kiếm sống. Để may ra tự dành lấy một tương lai sáng sủa cho bản thân. Ước mong đất nước hồi sinh cho những người trẻ thân thiết phải xa lìa nhau sớm có ngày hội ngộ.

Trưa 21 tháng 6. Chiều nay tôi tạm từ giã Huế tiếp tục cuộc hành trình ra Bắc. Tôi sẽ thăm Hà Nội mà nhóm Tự Lực Văn Đoàn hằng ca ngợi. Tôi lo không biết mình có đủ can đảm để nhìn thấy một dãy phố phường hoang tàn là di tích của rộn rịp mùa xưa. Tôi có tìm ra dáng dấp u nhã của cầu Thê Húc (2) cong cong dẫn lên đền Ngọc Sơn? Hồn Thiêng Đất nước có còn vẳng trên sông nước Hồ Gươm. Hàng liễu còn êm đềm rủ bóng và Văn Miếu vẫn uy nghi với bia đá ghi khắc danh tiến sĩ?

Mà thôi hãy ra đi thử tìm lại niềm tin yêu từ lâu đã rạn nứt. Tôi chỉ gượng vui khi sống lại phần nào kỷ niệm ngày cũ. Huế của tôi chừ bốc lửa vì nắng hạ trắng, cỏ cây vẫn tươi xanh nhưng hồn xưa đã héo gầy. Buổi sớm tinh sương sân nhà vướng bóng một ông lão mình hạc xác ve. Mình ông dăm chiêu kiếm sống. Nhìn vai áo bạc màu của người ăn xin già cỗi tôi đã ứa nước mắt khóc thương kiếp người cô đơn đến cùng cực trong tuổi chiều bóng xế...

Cuối tháng 6/94. Chưa đầy tuần lễ ở Hà Nội mà sao tôi thấy mình phí phạm thời gian đến thế. Rồi tôi vội vã quay trở lại Huế bằng chuyến tàu nhanh. Giã từ thủ đô của một nước Việt Nam Mới mãi xa lạ với mình. Mặc dù trái tim chai cứng và trí óc thiển cận còn đủ sáng suốt ghi nhận một điều: Đây là thành phố đẹp nhất nước! Với màu xanh tràn lan khắp nơi. Và mênh mông những mặt hồ lặng sóng. Dáng liễu mềm thướt tha đứng xõa tóc soi bóng ven hồ lối vào chùa Trấn Quốc... Sao tôi thấy dửng dưng trước tất cả những kiến trúc cổ kính của Thăng Long một thời vang bóng ấy. Tim thì nhức nhối vì hình ảnh Chùa Một Cột phải nép mình tội nghiệp nơi một góc Ba Đình đồ sộ. Mộ bia nào của kẻ chết từ lâu sao cứ tồn tại trêu ngươi?

Tôi rời bỏ Hà Nội không chút nuối tiếc. Chỉ thấy bàng hoàng khi nhớ lại nếp sống quay cuồng của lớp người trẻ. Họ ăn nói văng mạng và mê say kiếm càng nhiều đồng Đô-la càng tốt. Quanh thủ đô chưa tới mươi cây số hàng ngàn cao ốc ngất ngưởng mọc lên san sát. Kiểu cọ thiệt hiện đại nhiều lúc ngó bắt chướng mắt. Tôi có cảm tưởng thiên hạ đang hốt hoảng ra sức níu kéo lại khoảng thời gian gần 30 năm bị đánh cắp!

Tôi thở phào sung sướng khi tàu dừng lại thả mình xuống sân ga thoáng và sạch. Huế đây rồi, tôi ôm lấy không gian chan chứa mến thương, tưởng chừng đã xa cách hằng thế kỷ...

Cuối tháng 6. Trời tự nhiên mưa thêm những đợt gió từ miệt núi xa kéo về làm cỏ cây run rẩy và lòng tôi choáng ngợp một nỗi vui bất ngờ. Những sợi mưa đan mau như muốn xóa nhòa hết vẻ nghèo nàn của Huế. Tôi vội vàng ra phố dạo mưa như thuở nào còn xõa tóc. Con đường Trần Hưng Đạo không còn nhếch nhác nữa vì thiên hạ rủ nhau núp mưa hết trơn. Nhưng trong tôi sống lại mãnh liệt tuổi học trò ngày ấy... Những chiều thứ bảy con phố bỗng trở nên là điểm hẹn cho bao nhiêu người trẻ vừa đến tuổi mơ mộng. Những tà áo lụa óng ả hơn và nón bài thơ nghiêng nghiêng làm dáng. Mắt em dáng thuyền khiến lòng ai thêm chao đảo.

Mồng 2 tháng 7. Tôi "tranh thủ" thời gian. Muốn thăm viếng tất cả danh lam thắng cảnh chốn Cố Đô yêu quý. Vài hôm nữa thôi đã phải lên đường quay trở về tổ ấm của mình nơi Quê Người. Đang giữa mùa hè nhưng thời tiết choáng ngợp hơi thu. Có lẽ do ảnh hưởng cơn bão rớt từ vịnh Hạ Long kéo tới nên thinh không bát ngát mây trắng bay.

Bến đò Than buổi sớm vắng khách sang ngang. Tôi đã tìm qua thăm Điện Hòn Chén mãi hoài một màu xanh ngất ngây. Sóng nước Sông Hương miệt nguồn xao xuyến quá.

Và chiều hôm trước tôi đã lên Lăng Tự Đức. Ngồi đếm thời gian trôi chảy nơi gộp đá dẫn xuống khe suối nhỏ. Nhìn nắng chiều lên phơi phới và nhạc thông reo vi vu... tôi chợt ao ước hòa tan vào không gian. Hóa thân làm giọt nắng long lanh hay tiếng côn trùng ri rỉ lời ca ngợi chốn quê hương muôn đời xinh đẹp này.

Tôi quyến luyến không muốn rời chân vì hoàng hôn trên Đồi Vọng Cảnh huy hoàng quá đã chiếu dội dãy núi Kim Phụng lồng lộng xuống dòng Hương Giang mênh mông mà đằm thắm.

Ơi Huế dấu yêu, trước sau chi thì tôi cũng phải xa lìa Đất Mẹ. Nhưng trái tim tội nghiệp của tôi mãi mãi nhịp thổn thức vì Huế...

• *Phan Mộng Hoàn*
viết tại Huế trước ngày
11 tháng 7 năm 1994.

(1) Cào bới nhà để xẻ thành đường mới.

Hương Thời Gian

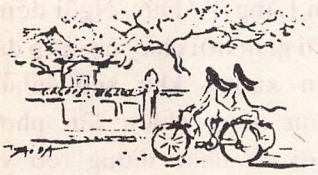

NAM CÁT

Tôi có ý định viết về xóm cũ, nơi tôi đã sống những ngày thơ ấu mà kỷ niệm cứ theo đuổi tôi hoài hoài, nhưng mỗi lần nghĩ tới, ngồi vào bàn đánh máy, tự nhiên ngại ngại thế nào, nên lại tự hứa thôi để hôm khác.

Rồi thì được đọc hai bài viết về xóm cũ của bạn Trần Đoàn viết về "Thôn Vỹ" và bạn Nguyên Hà viết về xóm "Gia Hội", làm tôi đã rụt rè càng rụt rè thêm.

Hai cây viết duyên dáng và thú vị hết sức.

Nhưng đã tự hứa thì cũng phải "gồng mình" lên, cha biết làm răng đây.

*

Xóm của tôi là xóm Trung Bộ, vì con đường chính tên là Trung Bộ. Nay tên đường đã đổi là Tô Hiến Thành, nhưng ở đây ai cũng chỉ biết và chỉ nhớ cái tên Trung Bộ.

Con đường ngắn chưa đầy một cây số, và có hai địa danh được nhắc nhở, nhà thờ công giáo Trung Bộ, và Mả Ông Trạng.

Xóm đạo này nghèo, chừng 50 gia đình sinh sống chung quanh. Nhà thờ được xây cất vào đầu thế kỷ, với tháp chuông cao 5 tầng lầu phủ đầy rêu phong.

Còn Mả Ông Trạng là nơi chôn cất những bào thai "sớm sẩy", với một mái thờ nho nhỏ, nằm sau lưng chùa Diệu Đế, kế bên chùa Diệu Hỷ. Khởi từ ngã ba đường Gia Hội, phía nam để đi lên hướng bắc, với tiệm xe đạp Rồng Vàng của ông Bửu B. và kết thúc với lò mè xửng Sông Hương nằm trước sân cỏ, sau lưng chùa Ông.

Đường Trung Bộ nho nhỏ, có cán đá, hai bên có hai con mương nước mưa. Có khúc cây cối hai bên đường to lớn sum suê, rất mát mẻ. Như bạn Nguyễn Hữu Thứ có nói rằng xóm Vỹ Dạ là đất phát khoa bảng và hoa khôi.

Bây giờ tôi xin đưa các bạn từ từ thăm xóm tôi.

Ngay sau tiệm Rồng Vàng có con đường hẻm dài trong đó có gia đình họ Phan đình mà các con trai đều đậu đạt cao (bác sĩ, kỹ sư...) và làm chức vụ lớn cỡ tổng giám đốc v..v..

Đối diện với con đường hẻm là văn phòng ông Lý Trưởng phường Phú Cát. Chỉ là một ông Lý thôi, mà oai phong lắm. Ông ta giữ chức này muôn năm, chẳng thấy ai thay thế cả.

Cạnh văn phòng ông Lý là tư thất của ông Phạm Văn N. Ông làm đến Chủ tịch Quốc Hội, kỳ Đệ nhất Cộng Hòa. Ông N. có hai cô con gái nết na, dễ thương.

Kế con đường hẻm có họ Phan đình là xóm Đạo, và tiếp theo là 10 căn phố trệt, mà trong đó có một người đẹp là chị Thu H. Dạo đó Huế có những hoa khôi sau đây, chị Tường V., chị Mẫu D., chị Bạch L., rồi chị Thu H. là những người nổi tiếng thật đẹp. Sau này chị Thu H. trở thành hiền thê của tay vợt Ngô V. T. Chị làm ăn rất giỏi, trở thành triệu phú.

Kế dãy phố này là ngôi nhà của Thầy Phán L. mà con trai trưởng là Kỹ sư Trần Như D. Trước mặt nhà này là biệt thự của anh Vĩnh P., con Cụ Bửu T. Tại biệt thự này đã có lúc có một người đẹp Đồng Khánh cư ngụ một thời gian ngắn, đó là chị Trâm A. và sau này là hiền thê của KS Ngô Đ. L. Kế biệt thự này là Phủ Cụ Bửu T. Hậu duệ của Cụ Bửu T. đậu đạt rất nhiều, bác sĩ, kỹ sư, có người làm đến Đại Sứ, Trung Tướng trong chính phủ miền Nam.

Trước mặt Phủ Cụ Bửu T. là Phủ Hoằng Hóa, Cụ Ưng B. Cụ Ưng B. cũng làm đến Thượng Thư, có đến 13 người con và hàng trăm cháu chắt.

Hậu duệ cũng đỗ đạt nhiều và con cái, cháu, chắt, đều thành đạt cao, từ bác sĩ, kỹ sư, luật sư, giáo sư, tỉnh trưởng, tổng giám đốc, sĩ quan cao cấp. Trong số 9 người con gái cũng có một hoa khôi là hiền thê của bác sĩ Nguyễn Duy H. và là mẹ của bác sĩ Nguyễn Duy C. Ngay trong Phủ Hoằng Hóa cũng có một ngôi chùa nho nhỏ, chùa Diệu Hỷ.

Trước mặt Phủ Hoằng Hóa là tư thất thầy Phán B. và trong số con cái thành đạt có người làm Đại Tá trong QLVNCH, anh Trần Như K.

Kế chùa Diệu Hỷ là Mả Ông Trạng. Tên Mả Ông Trạng cũng nhắc nhở người Huế như là tên Ngã Tư Âm Hồn, trong Thành Nội, hay cống Phát Lát gần đồn Mang Cá... Mả này chỉ rộng chừng 10 mét và 50 mét bề dài, nhưng không biết bao nhiêu là mộ nho nhỏ chôn chồng lên nhau, và đêm đêm hàng trăm nén hương được đốt lên trông rùng mình dễ sợ.

Kế Mả Ông Trạng là con đường hẻm nhỏ nối liền đường Trung Bộ với đường Ngự Viên, và trong con đường này có một gia đình nổi tiếng, họ Cao. Người con trai thứ hai và thứ tư là các anh Cao Văn C. và Cao Văn T. làm đến Phó Chủ Tịch Quốc Hội, và người con thứ ba làm đến Trung Tướng ngoài Bắc. Dạo sau này, chị em ta đã lập một xóm "Bình Khang" nổi tiếng tại đây làm cho lắm người sợ bị dị nghị không dám dùng con đường này để đi băng nữa.

Kế đường hẻm này là biệt thự của ông Tham Trần Như H. Biệt thự này đẹp nhất nhì của Huế, kiến trúc tân thời, sang trọng. Ông H. bị VC bắt hồi 45 và biệt tích từ đó.

Tiếp theo là nhà Cụ Thị H. D. P. Tường cao cổng kín, trong có nhà thờ họ Hồ và tư thất của gia đình Cụ Thị. Hậu duệ của gia đình này cũng thành đạt danh giá. Cụ Thị bà là chị của Kỹ sư Trần Như H. ở kế cận. Hai người con trai đầu của Cụ là Kỹ sư Hồ Đăng Đ. và kỹ sư Hồ Đăng T. đã sanh cho Huế hai người đẹp, đó là chị Diệu N. và Diệu H. Chị N. sau này là hiền thê của Bác sĩ Bửu H. và em trai của chị N. Kỹ sư Hồ Đăng L. cũng cưới về cho xóm tôi một hoa khôi Đồng Khánh khác, Dạ Th.

Sau đó là lò mè xửng Sông Hương của gia đình ông bà Ninh. Tại đây có làm mè xửng, kẹo cau, kẹo mè, kẹo đậu phụng v..v.. rất ngon. Mè xửng đã xuất cảng đi cùng cả nước và thế giới.

Trước lò mè xửng là sân cỏ rộng rãi mà bọn trẻ chúng tôi vẫn đến đó đá banh và đuổi bắt. Vì nằm sau chùa Ông cho nên nhiều người quen gọi nó là sân chùa Ông (vườn Bông).

Sân này hình tam giác, với ba đường bao quanh là đường Trung Bộ về phía đông, đường chùa Ông về phía Nam và đường Ô Hồ, về phía Đông Nam.

Trên đường Ô Hồ này có một con đường hẻm nhỏ, của gia đình bên ngoại của bạn nha sĩ Nguyễn Văn.

Kế đó là biệt thự của ông Cửu S. mà nhiều cô con gái rất xinh xắn dễ thương.

Đó, các bạn vừa nghe tôi kể cái xóm Trung Bộ của tôi. Nó chỉ có một khúc ngắn thôi, mà đã có đến 5 hoa khôi, và nhiều gia đình với con cái học hành thật giỏi, thành đạt thật nhiều.

Tôi nghĩ rằng tôi chưa kể đầy đủ như tôi nghĩ, cho nên xin các bạn cùng xóm chỉ bảo cho.

Tôi cũng không quên kể đến Chùa Diệu Đế, mà lưng chùa đã chiếm đến gần phần tư chiều dài của đường Trung Bộ.

Nhưng chùa cũng dự phần bốc thơm cho xóm tôi vì trước đó, chùa là Phủ của Ngài Từ

Dũ, sinh sống tại đó hơn ba mươi năm, cho đến khi Ngài viên tịch. Ngài là một nhân vật lịch sử sáng chói, của lịch sử nước ta.

Sau đây xin kể năm ba chuyện vui buồn của xóm tôi.

✧ Mái Nhà Thờ Mả Ông Trạng.

Tại đây, mỗi ngày có người đến cúng viếng, chôn cất, những ngày Rằm Mồng Một thì đông lắm. Chè xôi, bánh chuối rất nhiều. Thường thường họ đem lễ vật đến đó, rồi bỏ đó về luôn, không mấy ai chờ trực để lấy đem về cả. Có một ông Từ, chăm lo cho mái thờ này, và quét dọn rất sạch sẽ. Nhưng ông Từ này không lại mỗi ngày, cho nên bọn trẻ trong xóm này thường đến đánh cắp chè chuối ăn chơi hoài hoài. Từ phía sau am, chúng dùng ống đu đủ hút chè, và còn lấy ra được cả nải chuối nữa cơ.

Chẳng thấy ai kêu ca gì, trái lại chè chuối cứ thấy đem tới nhiều hơn, bọn trẻ tinh nghịch này chắc nghĩ rằng thập phương tưởng rằng có ông Trạng thiệt nào đấy chứng kiến kỹ, may ra giúp họ làm ăn khấm khá thêm lên chăng!!

✧ Cô Gái Câm Mắt Xanh.

Tôi chưa hề được biết tên cô này là gì, chỉ thấy hai chị em ở chung tại một căn phố nhỏ, bên hông chùa Diệu Đế, cạnh đường Trung Bộ. Cô này nhỏ nhắn xinh đẹp, và có đôi mắt xanh rất lạ lùng.

Rất nhiều chàng trai để ý tới, theo riết, nhưng chưa thấy ai dính. Có đứa đồn rằng, vì câm nên cô ta dữ lắm, lớ xớ cô ta đâm cho một phát hay là cắn cho một miếng, mà chết.

Dạo ấy tôi có người em họ, lớn hơn 4, 5 tuổi từ trên Lào xuống ở ăn học tên là Paul. Tay này bảnh trai và có hình thù rất đẹp, hấp dẫn. Tay Paul lại thích cô câm này, và thường thường hay qua múc nước tắm tại giếng nước trước nhà, thuộc nhà bạn K. Tắm ở đó, cũng vì cô câm thường ra lấy nước nơi giếng này.

Khi phong trào Việt Minh nổi lên, Paul phải trở về Lào, bỏ lại cô câm lủi thủi. Không biết hai người đã yêu nhau chưa, mà thấy cô này hay qua lại trước nhà tôi, có ý tìm kiếm nó?

Nhiều năm sau, Paul trở lại Huế thì cô câm đã dời chỗ ở đi nơi khác.

✧ Tay Võ Sĩ Quyền Anh Lê Văn Hựu.

Dạo đó gia đình anh Hựu ngụ tại sở nhà sau này bán lại cho gia đình bạn Trần Như D. Anh này đánh võ quyền Anh rất hay. Cùng thời với anh Hựu, tại Huế, còn có hai võ sĩ nổi tiếng nữa là Tự Do và Tôn Thất T. Tay Tôn Thất T. là giáo viên tại trường tiểu học Gia Hội, cũng gần nhà tôi. Đấu quyền Anh thì được bao nhiêu tiền đâu, nhưng được các cô, các bà hâm mộ.

Bẵng đi một thời gian, một hôm bà thân mẫu của anh Hựu khóc lóc kể lại rằng bà vừa mới đem xác của Hựu từ Kontum về chôn cất dưới huyện Phong Điền. Nghe đồn anh này vì thù oán bị Mọi thư cho một cục đá vào bọng đái và chết vì bị bí tiểu tiện.

✧ Tiếng Sáo Trên Không.

Những đêm trăng sáng, mà Huế thì trăng rất sáng, đọc sách được nữa cơ, bọn trai rủ nhau đi tới đi lui trên đường này, chuyện trò vui vẻ, náo loạn cả xóm. Chẳng bao giờ có chuyện ẩu đả, cãi cọ nhau. Đôi khi có đứa từ xa lại, biết chơi nhạc hay biết thổi sáo, là đêm ấy thật là vui nhộn. Mấy đứa có tiền chút ít, họp nhau lại, ăn chè, ăn cháo, vui đáo để. Thích thú nhất là "dụ" được tay sáo chịu trèo lên tuốt ngọn cây dừa (trước nhà tôi) để "ru" nhiều điệu sáo thần sầu. Tiếng sáo rên lên cả một bầu trời, làm cho thật xa cũng nghe thấy, thật thê lương, não nuột và quyến rũ.

Người nghệ sĩ này hiện nay là giáo sư toán tại Trung học Đồng Khánh bây giờ.

✧ Ngày vua Bảo Đại thoái vị.

Tối hôm đó, Ông Cụ (Ba tôi) đi chầu vua Bảo Đại về (với tư cách chủ tịch Nguyễn Phước tộc) trông vẻ buồn rầu tiều tụy. Các con và dâu rể, được gọi về nhà để nghe Ông Cụ nói chuyện. Trong nhà tôi ít khi thấy những phút khẩn trương như vậy.

Và đây là lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất mà tôi thấy Ông Cụ tôi tỏ vẻ cảm động trên mặt, và như muốn rưng rưng nước mắt. Rất chậm rãi, Ông Cụ nói:

"Ngày mai, Hoàng Đế sẽ tuyên bố thoái vị"

Chưa ai hiểu ra làm sao, và cũng chưa ai hỏi han gì, Ông Cụ tiếp:

"Còn rất nhiều chuyện quan trọng mà Ngài chưa nghĩ tới như là kho tàng quý giá của Triều Nguyễn chứa đựng trong nhiều kho, chung quanh điện Cần Chánh. Đây là châu báu, vàng ngọc, là những di tích lịch sử cần gìn giữ lại cho hậu thế. Ngoài ra tại thư viện Bảo Đại, cũng có hàng triệu văn kiện bằng Hán văn và bằng chữ Nôm cần được gìn giữ vì là tài liệu lịch sử rất quý báu, về văn học, về văn hóa dân tộc".

Ngài bảo: "Tình thế khẩn cấp, thì giờ đâu nữa mà chuẩn bị cho chu đáo. Miễn làm sao cho dân Huế đừng bị giết chóc, còn thì tất cả coi như mất".

Đúng y như Ông Cụ tôi đoán, ngay sau khi Ngài tuyên bố thoái vị, bọn VM đã sẵn sàng hàng trăm cam nhông vào Đại Nội, chở hết kho tàng về Hanoi. Vua Bảo Đại thì bị bọn chúng đưa ra giam lỏng ngoài ấy. Bà Nam Phương Hoàng Hậu và các con thì phải qua nương nhờ bên Nhà Giòng Chúa Cứu Thế, bên An Cựu. Đồ đạc, cho đến áo quần giày dép của Ngài cũng đều được chúng bưng dọn sạch sẽ, để lại điện Kiến Trung trống trơn.

Tất cả các bảo vật của hai nơi này đều bị "cướp" hoặc bị đánh mất, thiệt hại cho gia tài văn học, nghệ thuật của nước ta rất nhiều, chưa nói đến việc mất mát tiền của, là vàng bạc châu báu.

✧ **Gắn Bó.**

Nhờ gần gũi, nhờ thân thiết giao du, mà trai gái trong xóm đã đưa nhau lên xe hoa rất nhiều. Tôi đếm có đến 6 đám "lận".

Chị Thu H. và anh Ngô Văn T. Bạn Trần Như D. với chị Trương Thị B. Bạn Trần Như K. với Diệu N. Bạn Hồ Đình X. với chị Trương T. Ph. Bửu L. với Thu C. Tất cả đều mạnh giỏi hạnh phúc. Riêng chị B đã qua đời năm 91 tại Tây Ban Nha sau một cơn bệnh.

✧ **Thân Thương.**

Nhìn những đổ nát của Huế, sau Tết Mậu Thân, và về sau này nữa, rồi nhìn lại xóm Trung Bộ, còn an toàn mà mừng. Đó là cũng nhờ dân lối xóm thương mến lẫn nhau, bao bọc lẫn nhau. Họ không tố cáo nhau, không cướp bóc, không trả thù, không đốt phá. Gia đình này nghĩ đến, nhớ đến gia đình kia, thương nhau, mến nhau còn hơn là ruột thịt, và tôi nghĩ rằng chẳng có nơi nào trên trần gian này mà được như vậy cả.

*

Tôi xa Huế, đi học Saigon, từ năm 47, và chỉ thỉnh thoảng mỗi năm hay mỗi hai năm mới về thăm lại một lần, cho nên nhiều chuyện vui buồn tại xóm cũ của tôi, tôi không được chứng kiến, để viết dài thêm.

Mong rằng những bạn khác tiếp tục bài này để cùng nhau nhớ lại tổ ấm xa xưa của chúng mình, mà lòng nhớ thương chẳng bao giờ tàn lụi được.

Khi đọc, nếu các bạn xóm tôi thấy có điều thiếu sót, hay sai chậy xin chỉ bảo cho để sửa lại cho đúng. Xin cám ơn.

Mùa Thu 93,
Torrance, Ca Li.

• *Nam Cát NPBH.*

Tái Bút: Tôi mượn chữ tựa "Hương Thời Gian" của Đoàn Phú Tứ, mong độc giả cũng như tôi thấy lại quá khứ qua nỗi nhớ, lòng thương của một đứa con của Huế, đang xa Huế, và đang thương Huế rất nhiều.

•

Tiếng chuông Thiên Mụ

SƠN ĐIỀN
NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Mối tình của cô gái Huế đã bắt đầu bằng một sự lừa gạt và chấm dứt bằng một lời nói dối phũ phàng.

Chùa Thiên Mụ là đây, tiếng chuông Thiên Mụ vẫn như văng vẳng bên tai trong câu thơ bất hủ và giòng sông Hương êm đềm, thướt tha như mái tóc thề rủ trên vai người trinh nữ.

Dưới bóng cây dương liễu, bên giòng sông xanh, cô gái Huế ngả đầu vào vai chàng trai xứ Bắc, nhỏ nhẹ - ôi giọng nói dễ thương làm sao của các cô gái miền Trung:

- Người ta đồn đại về anh rất nhiều... Có người nói hẳn với em rằng anh đã có gia đình, anh đã có vợ con ở Hà Nội. Em thương anh vô cùng, em khổ lắm. Nếu... nếu có thể nào anh gạt em...

Chàng trai cúi đầu thở dài:

- Anh biết nói thế nào cho em tin bây giờ. Nếu có cách, anh sẽ đưa em về Hà Nội ngay gặp cha mẹ anh để em thấy chẳng những anh chưa có vợ mà còn chưa hề yêu ai... nghĩa là chưa có một mối tình nào thật sự quan trọng. Anh sẽ nói với cha mẹ, gia đình anh rằng đây là người con gái anh yêu và anh muốn xin phép cưới nàng làm vợ.

Cô gái má ửng hồng, đôi mắt như đã thấy nụ cười của tình yêu trọn vẹn:

- Em chắc người ta ghen ghét đó thôi... Anh có biết không, từ ngày anh cứ đến sở theo đuổi em, người ta đồn đại. Rồi đến lúc em đi dạo chơi với anh ở Phú Văn Lâu, ở cầu Tràng Tiền, cả Huế đều biết. Mấy đứa bạn học cũ của em đã mỉa mai: Mày sướng rồi hỉ, có thằng Bắc Kỳ yêu mày... Nhưng coi chừng đó mày...

Chàng trai lắc đầu chán nản:

- Xứ Huế của em thật lắm chuyện. Thành phố này nhỏ quá, làm gì ai cũng biết. Anh thật bực mình, chẳng lẽ mấy anh chàng độc thân phải đem theo một giấy chứng minh "Tôi chưa có vợ" hay sao. Giận thật.

Nàng cầm tay anh cười nhỏ nhẹ. Nàng quá hiền, thấy anh bực bội muốn an ủi anh, dù vẫn chưa tin hẳn anh.

Bỗng nhiên anh chợt nhớ ra một việc, anh kêu lên mừng rỡ:

- A, anh đã có bằng cớ để em tin anh rồi. Chúng ta hãy trở về thành phố đi em. Để về căn gác trọ của anh, anh sẽ cho em xem cái này.

Trên gác trọ của chàng trai xứ Bắc, với giọng nói đầy vẻ chân tình, cặp mắt dễ thương,

thiết tha quyến rũ, anh đã lục tìm hồi lâu mới thấy một tờ giấy trong số các bản thảo bừa bộn và reo lên:

- Em hãy đọc dùm anh văn thơ này... Đây rồi, chính đoạn này, em xem đi.

Văn thư chính thức vì trên đầu có in nhãn hiệu của cơ quan, cũng quen thuộc với sở làm của nàng. Đó là một lệnh công tác. Trên trang đánh máy trang trọng, cô gái đọc thấy mấy hàng như sau: "Trong số các phóng viên, Hội đồng cơ quan xét thấy chỉ có anh là người độc thân, không bị trói buộc bởi sợi giây gia đình vợ con phiền toái, nên đã quyết định phái anh thường trực ở Huế với tư cách phóng viên chiến trường để theo dõi cuộc hành quân Caiman của tướng Leblanc dọc theo hai bên bờ sông Thu Bồn của tỉnh Quảng Nam..."

Dưới có dấu son đỏ chót của vị Tổng Giám Đốc Thông Tấn Xã.

Cô gái Huế đã tin và thấy chân trời hạnh phúc mở rộng. Cô đã quá đắm mình trong mối tình đẹp như trăng rằm, và với con tim rộn ràng xúc động, cô đã để anh hôn lên môi cô trong sự đắm đuối của mối tình đầu.

Cuộc tình rất đẹp với cô nhưng cũng quá ngắn cho cả hai người. Chỉ ba tháng sau anh đã hốt hoảng cầm một bức điện tín đến nói với nàng:

- Anh bị gọi về Saigon, em ạ.

Nàng xem bức điện rơm rớm nước mắt:

- Người ta đã nói cho anh làm thường trực ở Huế mà. Chi lạ rứa? ... Anh bỏ em sao?

Chàng cầm tay nàng thề thốt:

- Không đời nào. Anh hứa với em anh chỉ đi một tháng thôi. Chắc cơ quan trung ương cần anh về làm công chuyện gì đặc biệt. Nhưng bất luận thế nào anh cũng xin thề...

Nàng vội đưa tay lên bịt mồm anh:

- Đừng... đừng. Em tin anh mà. Anh thề rồi lỡ ra...

Đất nước đang trong thời kỳ mà báo chí quốc tế sau này gọi là giai đoạn đầu của cuộc chiến tranhh Đông Dương. Đó là năm 1952, Việt Minh đang chuẩn bị đánh lớn với quân Pháp ở vùng Nasan, Tam Đảo tại miền Bắc Việt. Nàng sợ cho anh vì nàng thương anh và nàng như có linh tính anh sẽ không giữ được lời thề.

Anh đã không giữ được lời thề thật, vì vào Saigon, chỉ vài tháng sau anh đã bị Công an Pháp bắt. Người Pháp rút cuộc đã điều tra ra căn cước đích thực của anh: Anh đã là một đội trưởng trong Trung đoàn Thủ Đô năm 1946 và những người của đội anh đã cùng anh tàn sát cả một đồn binh Pháp. Anh đã bị xử tử hình khiếm diện và bị nhốt vào khám tử tội.

Nhưng thật ra, dù không bị Pháp bắt, anh cũng chẳng giữ được lời thề. Anh đã có quyết định từ lâu... chẳng bao giờ trở lại Huế nữa. Anh muốn ra đi trước khi quá muộn.

Không phải vì anh không yêu nàng. Trái lại vì quá thương nàng ngây thơ trong trắng, anh đã phải nói dối nàng để ra đi... cũng như anh đã lường gạt nàng ngay từ buổi ban đầu khi anh cho nàng xem bản văn thư công tác. Văn thư không giả, nhưng anh đã đánh máy thêm vào đó một đoạn mà anh muốn nàng đọc. Ôi những con bướm... những con bướm nhởn nhơ và vô tình đã gây đau thương sầu muộn, khiến những cánh hoa phải đẫm lệ rơi rơi...

Bông hoa nào bướm chẳng đậu cho vui... rồi lại bay đi. Bướm hồn nhiên tự nhủ: Vui thôi, chớ có gây tai hại gì đâu mà ngại. Bướm có biết đâu rằng dù chẳng hút nhụy, mỗi

vết chân bướm vô tình để lại, đã in dấu vết khó mờ phía trong trái tim thổn thức của biết bao nàng thục nữ.

Giòng đời vẫn chảy với biết bao tang thương biến đổi. Rồi đến ngày bướm đã xác xơ, cánh đã rách nát vì hoạn nạn, đau khổ, tai ương, chìm nổi, có lúc chết đã gần kề, thoát nạn cũng chỉ đường tơ kẽ tóc. Hơn 40 năm sau, bướm đã về già. Những đau khổ của cuộc bôn ba, những kẻ thù để lại biết bao vết hằn trên cả thể xác lẫn tâm hồn. Nhưng bướm đã có một cái nhìn khác trước rất nhiều về thân thế: Hãy để quá khứ qua đi... Và hãy tha thứ.

Đó là một nguyện cầu, bởi vì bướm biết mình đã gây biết bao tội lỗi.

To forgive is not to forget.
Pardonner n'est pas oublier

Khổ thay, với bất cứ ngôn ngữ nào trên cõi đời này, tha thứ không có nghĩa là quên.

Bướm biết rằng chính bướm đã không quên được thì con người dịu hiền của xứ Huế năm xưa cũng chẳng thể nào quên...

*

Tôi đến Dallas vào đúng đêm Giao Thừa của Tết Việt Nam. Tháng Hai Dương lịch năm đó là mùa đông lạnh dị thường của nước Mỹ. Có lẽ những trận lụt kinh hồn của giòng sông Mississippi và những trận bão lửa tàn phá nhiều vùng của California trước đây đã là những dấu hiệu tiên báo của một sự thay đổi đột ngột về thời tiết.

Tuyết phủ trắng xóa ban đêm trên các con đường của Dallas - Fortworth. Chúng tôi nhìn những ụ tuyết bên lề đường chạy dài và lòng vui vui cảm thấy sự ấm áp an toàn trên xe trước cảnh khắc nghiệt của thiên nhiên.

Tôi cười thoải mái nói đùa với các bạn:

- Đất Mỹ này lạnh hơn cô em Bắc kỳ nho nhỏ của tôi quá nhiều đó.

Phía băng sau một giọng nói Huế cất lên:

- Mùa đông miền Trung của tôi cũng lạnh chẳng kém gì miền Bắc của anh.

A... người xứ Huế. Tôi biết đó là anh bạn mới quen, được các bạn ở đây giới thiệu cho tôi đến ở nhờ nhà anh trong mấy ngày lưu lại Dallas vì nhà anh rộng.

Bất giác, tôi bâng quơ khẽ nói một câu - Ở Việt Nam trước đây tôi không bao giờ dám thốt ra khỏi mồm câu này, bây giờ có lẽ tâm lý tôi cho là đã đủ xa và đủ ... an toàn - Tôi nói:

- Ngày xưa tôi đã sống ở Huế một thời gian... Lâu rồi. Tôi quen gia đình Mệ... và mấy người con.

Trong số những người bạn Huế ngồi cùng xe, có người kêu lên một tiếng ngạc nhiên. Tôi vẫn theo đuổi những ý nghĩ riêng của mình:

- Cô con gái thứ hai của Mệ tên là Tuyết Nga.

Chúng tôi về đến căn nhà riêng của anh bạn người Huế. Dưới ánh đèn sáng rực của phòng khách, anh bạn người Huế nhìn tôi đăm đăm, rồi chậm rãi nói:

- Tôi chính là con trai của Mệ... Tôi có ba người chị. Tuyết Nga là chị thứ hai của tôi. Lúc đầu gặp anh, tôi đã thấy ngờ ngợ cảm như đã gặp rồi... Anh có phải là Tùng Khanh năm xưa không?

Tôi sững sờ... Trời ơi, làm sao tôi lại có thể quên mất cậu em của Tuyết Nga. Năm xưa, hơn 40 năm trước đây, cậu chỉ là một học sinh Trung Học hơn 10 tuổi, vẫn thường đem sách học đến hỏi tôi, khi... mỗi ngày tôi đến chơi nhà Mệ.

Những người bạn khác cảm thấy có chuyện lạ, ngơ ngác nhìn hai chúng tôi và im lặng. Người em trai của Tuyết Nga đứng lên vào phòng riêng, trở ra với một tấm hình gia đình đã bạc màu. Tay tôi run run chỉ từng khuôn mặt quen thuộc của hơn bốn mươi năm trước, tôi nghẹn ngào nói lên tên từng người.

Biết bao kỷ niệm đột nhiên sống lại, đau thương và tủi hổ, tôi cúi đầu khẽ nói:

- Vâng, chính tôi... Tôi là kẻ có tội.

Con đường Gia Hội gập ghềnh và bùn lầy của thời Pháp thuộc như hiện trước mắt tôi. Và căn nhà xây trên nền cao, căn nhà quá thân yêu đối với tôi...

Tôi khẽ nói không phải để bào chữa:

- Năm 1954, nhờ thời cuộc biến chuyển, tôi ra khỏi khám tử hình của Pháp và tôi trở lại với nhiệm sở cũ sau khi chính quyền thay đổi. Cũng năm đó, một người bạn làm cùng sở, cũng dân gốc Huế, một hôm lặng lẽ đặt trên bàn trước mặt tôi một tấm hồng thiệp: Tuyết Nga lấy chồng.

Tôi thở dài nhẹ nhõm: rút cuộc nàng đã tìm được hạnh phúc. Sau này tôi biết chồng nàng cũng làm cùng sở với nàng và lập gia đình xong, dã cùng nàng được chuyển vào Nam sau khi đất nước bị phân ly.

Biết bao giòng sông biết bao cuộc tình nho nhỏ, như bài ca của một anh chàng nhạc sĩ nọ. Nó đã trôi qua trong cuộc đời của một người để chỉ lưu lại chút kỷ niệm hoặc vui hoặc buồn, nhưng đôi khi cả một niềm ân hận triền miên.

Sáu năm sau khi đã lấy chồng, một ngày nọ bỗng Tuyết Nga đến tìm tôi trong văn phòng riêng của tôi trong cơ quan tôi điều khiển. Nàng hơi mập hơn trước, nét đẹp cao quý vẫn như xưa nhưng đượm một vẻ buồn buồn.

Nàng lấy khăn tay kín đáo lau một giọt lệ ngập ngừng trên khóe mắt.

Hai con rồi, nhưng chồng nàng - cũng dân xứ Bắc như tôi - sao quá nhẫn tâm, một ông chồng không chút thương yêu vợ, một người cha không chút trách nhiệm với con. Nàng vẫn phải đi làm để nuôi con, trong khi chồng bê tha cờ bạc rượu chè.

Anh bạn mới nhưng thật ra bây giờ biết là cố nhân, mỉm một nụ cười buồn thảm:

- Cho đến bây giờ cũng vậy. Mấy chục năm qua rồi, vợ chồng chị em và cả các cháu vẫn ở lại Việt Nam. Bà chị em vẫn chịu đựng, vẫn cố can đảm để sống vì lũ con, như mọi phụ nữ trung hậu, đảm đang từ ngàn xưa của đất nước Việt Nam, hy sinh và nhẫn nại trong lễ giáo và sống với nếp sống cao quý cổ truyền như cố đô của xứ Huế thân thương.

Tôi từ tạ ra về, không dám lưu lại như dự định trong căn nhà của người mà tôi đã coi như đứa em nhỏ năm xưa.

Thời gian đã xa, mấy chục năm tang thương biến đổi, không gian cũng xa, cả một đại dương ngăn cách. Nhưng niềm ân hận vẫn còn đâu đây trong trái tim cằn cỗi của tôi, giữa lúc mái tóc đã điểm sương.

Nàng đã tha thứ cho tôi chăng? Có thể. Nhưng tha thứ không có nghĩa là quên.

Tôi nghĩ đến Nhật Bản trên đường về. Tôi nghĩ đến những con thiên nga ủ rũ trong mùa đông lạnh giá.

Phải chăng nó đang luẩn quất đâu đây bên đống tuyết trắng của mùa đông Dallas này?

Dallas,
một ngày đầu năm 1994

• *Sơn Điền*
Nguyễn Viết Khánh

Những ngày vàng son của Đội banh Quốc Học 55-58

Trần Đoàn

Cách đây không lâu, từ khi nhận được hình ảnh đá bóng của thầy Nguyễn Hữu Thứ - nhà Mạnh Thường Quân của thể thao Huế - từ Canada gửi cho, cũng như của thầy Châu Trọng Ngô - con chim đầu đàn của đội bóng Quốc Học - từ Việt Nam gửi qua, lòng tôi như sống lại với gần 40 năm về trước, những ngày vàng son của đội bóng trường Quốc Học.

Thật thế, đó là những ngày vàng son của tuổi trẻ, của phong trào thể thao Huế dâng cao. Sau những năm chiến tranh, thanh bình tạm về trên quê hương, người dân Huế trở nên say sưa, yêu chuộng môn đá banh tròn còn hơn dân Mỹ mê banh bầu dục bây giờ. Chúng tôi lớn lên, không có Tivi, không có những thú vui giải trí nào hơn, nên lấy đường hẻm, đường kiệt, sân trường với trái banh bưởi, banh giấy, banh mủ bút bút, tụ họp xóm trên xóm dưới, sau giờ tan học để tranh tài hơn thua.

Làm sao quên được những lúc lén chun rào vào sân vận động Bảo Long để xem Mệ Tương, Tư Hiền, Vi tự Rớt tranh tài ngang ngửa với đội bóng Tây Xanh, Tây Đỏ (mặc áo xanh, áo đỏ).

Làm sao quên được những chiều chủ nhật trong quán cà phê Lạc Sơn, cùng các cầu thủ đàn anh, Lợi anh, Lợi em, Be, Gioan, Châu, Hạo của cảnh sát, cầu thủ già Phạm Hoàng, chăm chú bên chiếc radio, theo dõi ký giả Huyền Vũ trực tiếp truyền thanh các trận đấu của Hội Tuyển Saigon với Hồng Kông, Nam Dương v..v...

Cho đến năm 1955, khi phái bộ Văn Hóa Pháp rút về Đà Nẵng, trường Tây ở Huế bắt đầu đóng cửa, các cầu thủ hảo hạng của hai trường Thiên Hựu, Bình Linh đều được thầy Châu Trọng Ngô chiêu mộ. Vì vậy đội banh Trường Quốc Học tập trung được nhiều tuyển thủ tài giỏi nhất. Năm thầy Nguyễn Đình Hàm lên làm hiệu trưởng cũng là năm đội bóng trường Quốc Học chiếm ngôi vị cao nhất, vì thầy rất hâm mộ thể

thao. Chúng tôi đã dẫm nát các sân vận động Huế, từ sân cột cờ, sân xép, sân thành nội cho đến sân vận động Tự Do (tên cũ là sân vận động Bảo Long). Tôi ghi lại đây một vài kỷ niệm in dấu tuổi thanh xuân học trò, những ngày vang bóng một thời, một thời oanh liệt nay còn đâu của đội bóng Quốc Học. Trước hết tôi muốn quay lại một đoạn phim mà tôi cho là "trận bóng tròn nhớ đời" của đội bóng Vỹ Dạ, gồm nhiều cầu thủ của trường Quốc Học với đội không quân Đà Nẵng của cố đại tá Nguyễn Khoa Dánh năm 56.... Đội không quân khi thì áp dụng chiến thuật *"Phản lực cơ"*, nghĩa là ào ào tấn công chớp nhoáng, khi thì áp dụng chiến thuật *"L19"* nghĩa là lừa qua đảo lại như dò xét tìm kẽ hở của đối phương để ghi chiến công.

Hàng phòng vệ chúng tôi vững như đồng. Cảnh Cò ở giữa, có đôi chân dài từng rất xông xáo và tin cậy giống Tam Lang. Hai bên hậu vệ trấn thủ là hai anh em Hồng Hà. Hàng tiền đạo bên trái có Châu Đen, phụ trái là Minh Sún, tôi giữ vai trung phong, bên cánh phải có Kim và Thương Lùn.

Trái banh vẫn lên xuống đều đều trên sân cỏ, khi thì áp đảo khi thì thủ thế, khi thọc phải, thọc trái. Một đường banh rất ngoạn mục mà tôi nhớ mãi. Thương Lùn giựt banh do Nhượng tiếp ứng thọc xuống, kéo sát lằn vôi cuối biên, đá mạnh vào giữa. Tôi dùng cú sở trường "lật bàn đèn", bay ngược đá song phi vào khuôn thành của địch. Thủ môn không quân, tay dài như con vượn, phóng mình lên vừa kịp chạm đầu ngón tay, đẩy nhẹ trái banh qua sà ngang cứu nguy giữa tiếng vỗ tay vang dội cả cầu trường. Chúng tôi vất vả lắm mới thủ huề được hiệp đầu.

Vào hiệp hai, chúng tôi bắt đầu thấm mệt vì bị quần thảo tơi bời - Phòng tuyến địch rất khó chọc thủng vì đã được rào bởi hàng thép gai nhọn hoắt. Đôi khi vất vả lắm chúng tôi mới đưa banh lọt vào phi đạo nhưng rồi cũng bị đá bật lui ngay.

Đội phòng vệ chúng tôi chống trả những phi tuần oanh tạc mãi cũng toát mồ hôi. Trong một đường banh sơ hở, thủ môn Tích đành bó tay trước một cú sút bất ngờ - chúng tôi bị gác 0-1. Tự ái bị va chạm. Sau một hồi trao qua đảo lại, Châu Đen từ góc trái được banh kéo xuống, kéo xuống, trả lại banh cho Minh Sún. Minh Sún có lối chơi hai chân rất đẹp mắt và điêu luyện, tạt banh vào chỗ trống cho tôi để tôi có dịp gây chiến công gỡ danh dự - Tôi lách nhẹ qua ông hậu vệ khổng lồ, sàng qua phải, né qua trái, lừa banh sát thủ môn khoảng 5 thước và lấy đà sút đúng bàn tay của Thủ môn, anh chụp được, nhưng banh xoáy nên vuột ra - Tôi nhào tới làm một màn xáp lá cà, cận chiến với thủ môn quyết san bằng tỷ số. Thủ môn nằm dài quằn quại la ơi ới, mà vẫn ráng gượng tới với chặt trái banh ôm kỹ trong bụng. Thế là một màn hỗn độn xảy ra. Tất cả cầu thủ không quân đều báo động, la hét đuổi tôi để đánh trả thù. Tôi nhanh chân tránh được và cắm đầu cắm cổ chạy dài ra khỏi sân vận động, núp trong quán cơm âm phủ. Thấy vẫn còn chưa ổn vì còn nghe tiếng la, tiếng giầy đuổi theo, tôi lấy hơi chạy một mạch băng qua chợ Cống, về Đập Đá, qua làng Hô Lâu, về Vỹ Dạ và vô nhà an toàn. Mạ tôi thấy tôi không hiểu tại sao mà mặt mày tôi tái mét như thế.

Mấy ngày sau đó gặp lại nhau anh em mới hoàn hồn...

★ *Trận đấu với Hội Tuyển Đà Nẵng năm 1957 cũng là một kỷ niệm khó quên.*

Chúng tôi được chất đầy trên một chuyến xe đò, dưới sự điều khiển của thầy Châu Trọng Ngô, rời trường sáng thứ 7, vượt quốc lộ Một, đến Đà Nẵng, dưới bầu trời ảm đạm, mưa to gió lớn. Phố xá đều đóng cửa. Xe thông tin phát thanh kêu gọi đồng bào đề phòng trận bão số 1 sắp quét qua thành phố. Chen chúc trong các phòng khách sạn rẻ tiền, chúng tôi nhìn mưa gió bão bùng qua khung cửa sổ mà lòng lo âu phí phạm một chuyến đi. Thầy Ngô cũng lơ là không kiểm soát chặt chẽ, bắt chúng tôi phải đi nghỉ sớm để dưỡng sức như thường lệ. Chúng tôi theo chân các học sinh thổ địa xuống phố la cà đến hơn nửa khuya mới rón rén trở về. Nghe đâu còn có bạn xuống tận chợ Cồn tìm chị em ta. Đến 10 giờ sáng, bầu trời vẫn còn âm u, cơn mưa vẫn còn nặng hạt, gió vẫn còn rít lên

những tiếng rì rào khủng khiếp. Chúng tôi lại rủ nhau tìm quán cóc cà phê tán gẫu, không còn nghĩ đến chuyện thoa chân bóp cẳng chuẩn bị cho trận đấu ban chiều. Nhưng đến trưa thì cơn mưa tạnh dần, gió như ngưng thổi. Móng cầu vồng bảy mầu in hẳn trên nền trời xa. Ánh dương bỗng chiếu những tia nắng chói chang lóng lánh xuyên qua cành cây, mái ngói. Mây xám đã theo gió ra biển. Mặt trời chễm chệ đỉnh đầu. Thầy Ngô lo lắng đôn đốc tập họp cầu thủ. Lai rai cho đến 1 giờ chiều chúng tôi mới trở về khách sạn đầy đủ.

Ngoài đường xe thông tin lại phát thanh mời đồng bào đến tham dự trận đấu then chốt của vô địch học sinh Huế và đội tuyển Đà Nẵng chiều nay.

Đúng 3 giờ 30 chiều, xe chở chúng tôi đến sân vận động Chi Lăng của thành phố Đà Nẵng, cách chỗ trọ không xa. Chúng tôi hết sức ngạc nhiên nhìn thấy đông đảo khán giả đã vây chặt bốn bề. Sân cát rút nước khô ráo nhanh chóng. Bầu trời trong xanh. Mọi người đều hớn hở như chờ đợi một trận thư hùng kỳ phùng địch thủ sắp xẩy ra.

Đúng 4 giờ trọng tài dẫn hai đội cầu ra chào khán giả. Chúng tôi mặc áo mang tên Ngô Đình Diệm sau lưng, vừa đủ 11 chữ cái cho 11 cầu thủ. Năm đó trường Quốc Học mang tên Ngô Đình Diệm, theo hùa với chính quyền cai trị đương thời.

Trận đấu ngoạn mục, đồng tài, đồng sức, đầy nghệ thuật với kết quả 1-1, hình dung đúng trận cầu, đã đem lại cho khán giả Đà Nẵng một chiều chủ nhật thoải mái. Sau trận đấu, đoàn cầu chúng tôi được Ông Bà Hồ Quang Đội, một nhà thầu giầu có ở Đà Nẵng, có cô con gái rượu, và là chú của Châu Đen và Minh Sún, đãi một nồi bún Quảng thịnh soạn no nê.

Mặt trời đã lặn khi xe bắt đầu chuyển bánh trở về Huế. Đèo Hải Vân âm u mù mịt. Mưa phùn rỉ rả. Mây xám ôm quanh. sương mù sa xuống che đường đèo quằn quẹo. Tài xế cho xe chạy thật chậm, căng thẳng chú tâm nương theo vạch trắng đường đèo. Cả xe im lặng. Không khí lo âu hiện rõ trên từng nét mặt. Nhìn phía hậu, chúng tôi thấy xe Traction đen của thầy Hương chở thầy Hàm và các giáo sư khác - Xe hư một ngọn đèn. Lờ mờ trong sương nguy hiểm thấy rõ. Xe thầy cố bám sát xe chúng tôi để khỏi lọt xuống đèo. Về đến Huế thì cả thành phố đã yên giấc từ lâu. Hôm sau, vào

Đội Bóng Quốc Học tại Đà Nẵng 57.

Đoàn, Diệm, Giảng, Thầy Ngô, Chi, Châu, Thương, Hiệp, Tích, Minh, Nhượng

buổi chào cờ sáng thứ hai đầu tuần, thầy Hàm nâng cao chiếc cúp khen ngợi tinh thần tranh đấu của chúng tôi trước ngàn tiếng vỗ tay của học sinh trong trường. Mới vào lớp học giờ đầu, chưa kịp tỉnh ngủ, thầy Tôn Thất Tắc kêu tôi lên trả bài "Con Lắc Ka Te".

★ Trận cầu kể sau này có phần quan trọng hơn.

Chúng tôi được vinh dự mang màu cờ sắc áo vào Saigon tranh giải Vô địch Thể thao Học sinh Toàn Quốc 58. Sau khi thắng đội Phan Chu Trinh vô địch Đà Nẵng, và đội Nguyễn Hoàng vô địch Quảng Trị, chúng tôi được đại diện vào Saigon tranh giải toàn quốc. Đó là một giấc mơ của tất cả chúng tôi. Các học sinh Huế từ khi lớn lên chỉ biết con đường từ nhà đến trường. Mặc dù thời gian còn chưa đầy một tháng là thi tú tài II, nhưng vì quá mê đá banh, chúng tôi đã liều lĩnh bỏ một tuần vào Saigon tranh giải. Lần đầu tiên được ngồi trên máy bay Air Việt Nam, nhìn các cô chiêu đãi viên xinh xắn, ăn cái đùi gà tây, lòng chúng tôi cảm thấy phơi phới sung sướng vô cùng. Chúng tôi được đưa về tạm trú tại trường thể thao thể dục đường Nguyễn Trãi Chợ Lớn. Ngủ giường đôi đầy rệp. Nhà mái tôn. Quạt máy không đủ mát với cái nóng Saigon.

Hôm sau chúng tôi ra sân Tao Đàn, đụng trận với đội bóng Hậu Giang và loại đội này không mấy khó khăn. Nghỉ một ngày để lấy sức. Ngày 2 buổi được đi taxi lên đường Lê Thánh Tôn ăn cơm phần. Chúng tôi lợi dụng rảnh rỗi, bát phố Lê Lợi, bến tàu, nhìn cho biết văn minh của hòn ngọc Viễn Đông. Đi qua nhà hàng Thanh Thế, chúng tôi nhìn vừa ngơ ngẩn, vừa tò mò bị một số ma cô cho xem và dụ bán hình loã thể 36 kiểu. Tối đến, chúng tôi ra Chợ Lớn xem đèn, xem người. Tất cả đều làm chúng tôi chóa cả mắt vì to lớn và mới lạ. Ngày thứ ba chúng tôi vất vả lắm mới thắng được đội banh trường Võ Trường Toản trong tỷ số sít sao (3-2) để vào chung kết. Bị va chạm nhiều trong hai trận đấu vừa qua, lại thêm sức yếu trong mùa thi, chân tay rã rời, thân hình mỏi mệt, chúng tôi được các đấu thủ phòng hờ giúp đỡ thoa bó từng thớ thịt đau nhói. Không một viên thuốc để uống, không một khẩu phần bồi dưỡng thêm sức.

Vào chung kết, trước một rừng người ở Tao Đàn, chúng tôi cảm thấy lạc lõng vì không thấy một ủng hộ viên nào cho phe ta cả, chỉ thấy tiếng con trai con gái Saigon la hét hỗ trợ gà nhà đội bóng trường Gia Định. Chúng tôi được hãnh diện bắt tay ông Tổng Trưởng Giáo Dục, khích lệ từng cầu thủ hai đội trước khi giao đấu. Vì quá sức chịu đựng với một chiến trường nhiều trận chiến liên tiếp trong năm ngày, lại thêm trận địa không quen thuộc, chúng tôi đã bị đội bóng trường Trung Học Gia Định hạ với tỷ số đậm đà 4 - 1.

Ba tuần sau thi tú tài. Trước giờ đọc bảng vàng, thầy Ngô ngó xuống nhìn tôi cười khẽ, gật đầu ra hiệu cho biết tôi đã trúng tuyển. Năm sau vào Saigon đi học rồi có dịp ra sân cỏ khoác áo cho trường Y khoa và hội tuyển Sinh viên Saigon, tôi nghe nói có nhiều tuyển thủ của đội banh nhà nghề ngôi sao Gia Định đã làm thẻ học sinh giả để tranh giải Vô Địch Học Sinh năm ấy.

Đã 40 năm trôi qua, hình ảnh vẫn còn hiện rõ trong ký ức như mới ngày nào. Ngồi viết lại một vài kỷ niệm của tuổi học trò, của thời thanh xuân, rất nghịch ngợm, nhưng trong trắng, hồn nhiên và lành mạnh. Viết để nhắc lại thời vàng son của đội banh trường Quốc Học Huế, để nhớ lại những người bạn cũ, thầy xưa, kẻ còn người mất theo thời cuộc.

Không sao tránh khỏi bùi ngùi khi nhìn lại vận nước, để rồi làm kẻ lưu lạc tha hương.

Cuộc sống văn minh xứ người, sung sướng vật chất, lên xe xuống ngựa, nhà cửa rộng rãi, nhưng không chất kỷ niệm và tình người êm đềm như những ngày xưa thân ái, đá banh sân ruộng, tắm nước sông Hương, lội lụt đến trường, bẻ bắp bên cồn, học thi đèn đường, nữ sinh qua cầu, hàng phượng sân trường... của quê hương ta - Ước mong thanh bình thịnh vượng thật sự đến với quê hương.

• *Trần Đoàn*

Nhớ Vỹ Dạ

Tặng bà con ở Vỹ Dạ. Riêng tặng Trần Đoàn và Duy Thạnh người thích hương vị quê xưa và yêu thơ Hàn Mạc Tử.

Đọc thơ Huế nhớ về thôn Vỹ
Tuổi ấu thơ sống dậy rõ ràng
Nhớ thả đèn ngày lễ Vu Lan
Thả chim cá, phóng sanh vui lạ

Xuống nhà mát, đông như ngày hội
Các bác cô, rượu nhấp thơ ngâm
Chơi thả thơ tứ sắc tài bàn
Còn con cháu tung tăng bơi lội

Bơi từ bến này bơi sang bến khác
Bến nào là chẳng bến bà con
Lại còn khi rủ bạn qua Cồn
Ăn cơm hến hay là bẻ bắp

Vườn Vỹ Dạ hàng cau thẳng tắp
Nắng nhóm lên Mặc Tử hồn thơ
Sương khói mờ nhân ảnh bao giờ? (1)
Đừng lo sợ tình ai quá lạt

Gió mây không đi chung một lối
Nhưng cũng xin đón kịp trăng về
Suối ấm lòng mặc khách tái tê
Bèo trôi giạt hợp bầy thân mật (2)

Trăng thôn Vỹ, trăng vàng dịu ngọt
Lững lờ trôi trên nước sông thơm
Trăng hiền hòa, mang lại bình an
Trăng hồn nhiên, trăng không lợi lả.

Trăng ẩn cành mai màu nguyệt bạch
Bích đào trăng chiếu, nét đan thanh
Thiên Tuế soi trăng, nghiêm nghị quá
Trăng đùa tùng cúc, dỗn đêm thanh (3)

Rồi hàng năm mùa Đông lại đến
Mưa ngày đêm, suốt mấy tháng liền
Mưa tuôn xối xả nát thềm
Mưa cầm "tĩn đổ" thối mềm đất đai

Lại gió mạnh, cau lay nghiêng ngả
Tre rít kêu, mít khế gãy cành
Mãng cầu, xoài, ổi, điêu linh
Tội thân thù đủ, hy sinh phòng ngừa (4)

Rồi bão lụt, bốn bề nước lũ
Lòng sông Hương giận dữ đỏ ngầu
Nước nguồn cuồn cuộn chảy mau
Cuốn theo nhà cửa, bò trâu, cỉi rều

Nước dâng cao, sân vườn tràn ngập
Nước bạc dầm, chết ngủm vài cây
Đập Đá lút, nước tràn đầy
Muốn lên Đồng Khánh, phải hay qua đò

Đò phải chèo vòng theo con nước
Nước giữa giòng chảy xiết mạnh hơn
Đến khi nước rút bày đường
Mặt mày Đập Đá, lỗ hang, gập ghềnh.

Lụt cũng có đôi phần sinh thú
Lụt là khi cá lúi trông thơm (5)
Diếc, dầy, hồng sáp, ong hương
Ngạch nguồn là cá lụt thương mang về

Chim mỏ nhát, triết, cò, chim nghịch
Ấy sơn hào hải vị cố đô
Cá chình, lệch huyết thơm tho
Bước ra chợ mới mắm rò có ngay (6)

Khế xâm nấu thịt, gây hương vị
Lại dừa nứa, dừa kiệu, chuối cây
Chờ khi mưa lụt mới bày
Bắp cau trộn với mè xay đỡ ghiền.

Nhớ đủ thứ dính liền Vỹ Dạ
Thời vàng son đến thuở điêu tàn
Bác cô dời đổi vào Nam
Cổng trường vắng lặng nhà hoang không người

Thôn Vỹ bây giờ sao khác hẳn
Tuy Lý chỉ còn mảnh đất xưa
Nức nẻ rêu phong, Ba Cửa Phủ
Tả hữu nhà tan, mỏi đợi chờ

Mơ đến ngày về thăm thôn Vỹ
Chẳng biết còn ai nhớ khách xa
Chắc hẳn có người ngơ ngẩn hỏi:
Từ đâu khách đến viếng làng ta?

• ***Tôn Nữ Phùng Mai***

(1) Thơ H.M.T: Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà!

(2) Nói ngược Xuân Diệu

(3) Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ - nhớ Thu hứng của Đỗ Phủ không?

(4) Ở nhà thường đốn cây thù đủ để khỏi bị gió đánh gẫy hay lụt làm chết vì nước bạc.

(5) Nhớ cá lúi không?

(6) Thèm chưa?

(7) Làng mình mà họ hỏi ức không?
"Nhi đồng tương kiến bất tương thức
Tiếu vấn khách tùng hà xứ lai?"

Bác Tôi

Nhà Thơ Nguyễn-Khoa Vy tự Thảo-Am

Nguyễn Khoa Thiều

Cho đến nay tôi cũng không biết tôi đã gặp Bác Nguyễn Khoa Vy lần đầu tiên trong dịp nào. Chỉ nhớ rằng rất nhiều buổi sáng lúc ra đường để đi học từ Vĩ Dạ lên Khải Định tôi đã nhiều lần gặp Bác, tay cầm baton, áo lương đen, khăn đóng, lưng cong cong, thân người mảnh khảnh, bước nhanh đi lên hướng phố. Thật ra Bác tôi lên thăm người con gái và bầy cháu ngoại đang trú ngụ tại Chợ Cống ngay gần trường Huấn Luyện Sĩ Quan ở đầu Đập Đá. Mỗi lần gặp, tôi đều chào "thưa Bác" rồi hai Bác cháu tiếp tục bước đi theo nhịp độ của mình. Trong họ thường gọi Bác là ông Hường Vy vì ông được ban tước Hường Lô Tự Khanh sau thời gian dài trong hoạn lộ. Sau này lớn lên, thân phụ cho tôi biết Bác Hường Vy có tài làm thơ và hò Huế hay lắm, và bắt đầu từ đấy tôi kiếm đọc được nhiều bài thơ của Bác và có nhiều bài tôi đã thuộc lòng.

Người dân gốc Huế ai không thuộc nằm lòng hai câu đối tuyệt hảo sáng tác vào khoảng năm 1947:

Núi Ngự không cây cu ngủ đất,
Sông Hương vắng khách dĩ kêu trời.

Nhiều người đã không ngờ rằng tác giả hai câu ấy chính là Bác Hường Vy.

Cụ Nguyễn Khoa Vy sinh năm 1881 tại Xã Phú Thượng, Huyện Phú Vang, Tỉnh Thừa Thiên. Ông là con cháu của một gia đình có truyền thống Nho học, tuy nhiên nhờ thiên khiếu ông đã thông suốt Pháp ngữ, Hán ngữ và Quốc ngữ. Ông từng theo học trường Quốc Tử Giám và đã chứng tỏ thiên khiếu ứng khẩu thành thơ từ lúc nhỏ. Có hôm sau buổi học, vào năm 1895, trò Vy đã lẻn vào hồ Tịnh Tâm hái trộm hoa quả gặp lúc Vua Thành Thái và tùy tùng đang ngồi chơi ở đấy. Thị vệ bắt dẫn đến trước Vua và xin đánh đòn để phạt. Một vị quan theo hầu liền tâu:

- Cậu học sinh này là con cái gia đình Nguyễn Khoa thuộc loại nghịch nhất nhì ở Quốc Tử Giám và có khiếu làm thơ trêu chọc bạn bè và có khi cả thầy dạy nữa. Xin Hoàng Thượng bắt cậu ta làm một bài thơ rồi cho về. Cũng vừa lúc ấy trước hồ Tịnh Tâm có một cô gái giang hồ đang níu kéo một tên lính Tây dùng tiếng Pháp theo kiểu "bồi" la lối om xòm. Vua Thành Thái bảo:

- Cháu hãy làm một bài thơ vịnh cảnh đó.

Ngẫm nghĩ một lúc cậu học trò Nguyễn Khoa Vy đọc bốn câu thơ cũng dùng tiếng Pháp "bồi" làm cho mọi người cười ầm lên (Rất tiếc bài thơ này đã thất lạc). Vua Thành Thái thưởng nhà thơ tý hon một gói kẹo. Không bái tạ chẳng cám ơn trò Vy ôm gói kẹo quay lưng chạy. Lính hầu níu lại bắt tội vô lễ. Vua Thành Thái cười rồi nói:

- Không sao, không sao, cháu làm một bài thơ nữa rồi chạy đi đâu thì chạy. Chẳng phải nghĩ lâu, nhà thơ tý hon đọc:

Đang nghịch không ngờ lại gặp Vua,
Cong lưng mà chạy rớt càng cua,
Bây giờ lại được Vua ban thưởng
Cảm tạ dâu nào dám "bổ sua"

("bổ sua" là tiếng bồi của Bonjour).

Khiếu làm thơ và trí thông minh của Bác Vy đã được Bà Từ Minh, mẹ Vua Thành Thái mến phục và do đó đã chọn gả cháu gái của Bà làm vợ Bác.

Lớn lên Bác Vy làm công chức và trở về hưu trí năm 1936 tại quê nhà. Bác Vy với bút hiệu là Thảo Am đã may mắn cư ngụ cùng xóm với nhà văn Ưng Bình Thúc Giạ Thị. Hai cụ là bạn cũ từ lúc nhỏ và rất tương đắc trong lãnh vực thi phú. Hai cụ là sáng lập viên của Hương Bình Thi Xã và đảm nhận chức vụ Chánh và Phó Soái.

Tài nghệ của cụ Thảo Am bao gồm hầu hết mọi hình thái thơ phú hoặc câu hò, câu đối bình dân của xứ Huế.

Có nhiều câu thơ rất lãng mạn:

Chiều chiều ra dạo ngõ Đông Tây
Ngắm cảnh dầu không rượu cũng say.

Tả cảnh cây cổ thụ gần nhà:

Mừng đó ở đây, đây có bạn
Lòng đây mến đó, đó hay không?

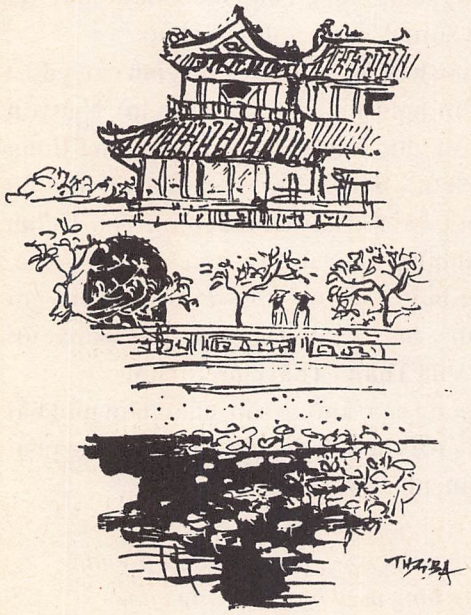

Đặc biệt Cụ Thảo Am làm thơ dùng thổ ngữ của Huế rất nhiều và lắm lúc phải là người "Huế chay" mới hiểu được.

Cảnh trời lụt

Đồng không nước rược tràng ngang mốc
Rú cũ mưa đừa sạch bách meo.
Ếch lếch sưng chưng ngồi chó hỏ,
Cò lo lạnh cánh đậu cheo leo.

Có bài hài hước, tiếu lâm, tương tự như thơ của Hồ Xuân Hương

Dặn Em:

Quần em lượt, áo em là
Trăm người trăm nhắm lúc đi ra.
Đêm nằm em phải thu cho kín
Lơ đễnh không chừng lũ chuột tha.

Đề cái quạt của gái giang hồ:

Mới nắm trăng ra (1) đã thấy duyên,
Hèn chi thiên hạ tốn đồng tiền.
Trong cơn nóng nực ai ai cũng
Thao thức không thời đố ngủ yên

(1) Mở ra.

*

Con muỗi kêu

Ai ơi chớ thấy nhỏ mà khinh
Châm chích vào ai cũng giật mình
Trướng rũ màn che vô cũng lọt
Năm canh to nhỏ biết bao tình.

Giai thoại kể lại rằng một ngày nọ Cụ Thảo Am lên Chùa. Khi nói đến chuyện văn thơ có nhiều đạo hữu yêu cầu Cụ vịnh một bài tức kiểng ở Chùa với bốn chữ Huyền, Sắc, Nặng, Hỏi ở đầu mỗi câu. Cụ Thảo Am đọc ngay bốn câu:

Huyền *diệu trông lên cửa đạo thuyền*
Sắc *không khôn rõ thấu căn nguyên.*

Nặng *nề nghiệp chướng e chưa hết*
Hỏi *mấy ai đà có thiện duyên.*

Khi ấy có một đạo hữu ngờ Cụ Thảo Am đã dùng một bài cũ đâu đó nên mới diễn mau như thế. Ông ta yêu cầu Cụ họa một bài khác với nguyên vận là bốn chữ A, B, C, Đ.

Cụ Thảo Am họa bài như sau:

A *di đà Phật muốn quy thiền*
B *bết lòng tham vẫn cứ nguyên.*
C *xích cho gần nơi cửa tịnh*
Đ *đầu nguyệt đứt mối trần duyên.*

Cụ có biệt tài chơi chữ như "nói lái" theo kiểu Huế.

Bài **Trách bạn Phụ tình**

Mau sai *lời nguyện ước* **mai sau**
Niết bỏ *nhau thà nỡ* **biết nhau**
Nắng đỗi *mưa thay nhiều* **nỗi đắng**
Chán chưa *tình tệ* **chứa chan** *sầu.*

Bài **Nhắc bạn**

Nhắc bạn *thêm thương tình* **nhạn bắc**
Trông đời *chỉ thấy cảnh* **trời đông.**
Đêm thâu *tiếng dế* **đâu thêm** *mãi*
Công khó *chờ nhau biết* **có không**?

Bài **Không chồng trong bông lông**

Trông khống *vô phòng thấy* **trống không**
Chứa chan dòng lệ **chán chưa** *chồng.*
Giòng châu *lai láng* **dầu chong** *đợi*
Bóng nhạn *lưng chừng* **bạn nhóng** *trông*
Tìm **ngó đã** *cùng nơi* **ngã đó**
Mơ **mòng bên** *cạnh gối* **mền bông**
Đêm thâu *mưa gió* **đâu thêm** *mãi*
Sông lướt *đi tìm phải* **sướt lông**

Cụ Thảo Am còn làm nhiều Bài thơ độc vận. Nhân dịp đến thăm một người bạn bị bệnh tình, Cụ tặng bài thơ sau:

Chạy chữa chai chân chẳng chịu chừa,
Chín chìu chua chát chán chê chưa?
Cha chài chú chóp chơi chung chạ
Chả chính chuyên chi chớ chực chờ.

Trong một dịp Tết, Cụ ra câu đối sau, cho đến nay chưa thấy đối lại:

Tết tới túng tiền tiêu
Tính toán toan tìm tay tử tế

Bài **Si tình mà trách tình**

Độc địa đừng đưa đổi đớn đau
Đây đà đoán đặng đủ đuôi đầu
Đa đoan đã đắng đời điên đảo
Đeo đuổi đành đi đến đến đâu.

Còn có những câu thơ có thể đọc xuôi hay đọc ngược:

Cảnh trong núi khi trời động
Đọc xuôi:

Mây xây gió động lá rừng cây
Động lá rừng cây nước giọt đầy.

Đọc ngược:

Đấy giọt nước cây rừng lá động
Cây rừng lá động gió xây mây.

- Bài **Thương ai**

Đọc xuôi:

Thương người có sắc có thêm hương
Sắc có thêm hương có kẻ thương

Đọc ngược:

Thương kẻ có hương thêm có sắc
Hương thêm có sắc có người thương.

Cụ Thảo Am làm nhiều bài hò Huế, một số lớn thất lạc một số được phổ biến trong dân gian và không còn biết ai là tác giả. Bài sau đây chắc chắn gợi bao nhiêu cảm sầu trong người dân Huế sống ly hương:

Bến bải xa xa canh gà gáy sáng,
Phương trời văng vẳng tiếng nhạn kêu sương

Thuyền em đậu bến sông Hương
Trông mặt trời cho mau rạng để người thương em về.

Hoặc bài sau:

Anh đã từng vô Nam ra Bắc
Thấy nhiều cảnh sắc cũng xinh.
Đi đâu mình cũng nhớ mình
Nhớ sông Hương gió mát, nhớ Non Bình trăng trong.

(Hò nhớ cảnh Huế)

Giai thoại ghi lại rằng: một hôm hai Cụ Thúc Giạ và Thảo Am lên chợ Đông Ba ăn cháo lòng thì gặp một cô đã lớn tuổi. Thấy lão phu cô liền níu áo lão phu mà khóc: "Yêng ơi yêng, lâu ngày không gặp yêng em nhớ và thương yêng quá". Thật ra thì lão phu cũng không nhớ cô ta là ai nhưng cũng mời cô ngồi ăn. Ăn xong cô lại khóc, lần này thì khóc ngon lành hơn khi nãy "Yêng ơi yêng, lúc này em túng tiền quá, yêng cho em xin vài chục". Hai lão phu móc túi mà không còn đồng nào, đành hẹn cô khi khác. Ra về từ chợ đến cầu Tràng Tiền, Cụ Thảo Am ngẫm được câu hò như sau:

Sáng mai anh gặp em, em nói thiếu tình yêu
Buổi chiều lại gặp em, em nói thiếu tiền tiêu
Ngày Xuân em hãy còn nhiều
Sáu ngàn ba vạn còn biết bao nhiêu là buổi mai buổi chiều nữa hở em.

Cụ Thảo Am còn có tài làm câu đối. Trong những buổi sinh hoạt Hương Bình Thi Xã thường có Cụ Tố, quê Nghệ An, đậu Cử Nhân, nên thường được gọi là Cụ Cử Tố. Cụ làm quan ở Huế nổi tiếng văn hay chữ tốt, và có ý coi thường một số nhà thơ trong Thi Xã. Nhiều người muốn thách thức Cụ nhưng chưa dám vì Cụ Tố cũng không phải là một tay vừa. Cụ Tố có một cây dù đã cũ mèm nhưng vẫn giữ gìn cẩn thận, đến đâu cũng cất vào nơi kín để tránh thất lạc. Một buổi đến nhà Cụ Thúc Giạ để bình thơ, Cụ Tố lúc ra về không tìm lại được cây dù của mình. Cụ Tố nói lớn "Ở đây chỉ có Anh Thảo Am đã già mà còn nghịch, Anh giấu cây dù của tôi ở đâu thì đem ra nếu không thì chết với tôi", Cụ Thảo Am cười "Anh mất dù tại nhà Bác Thúc Giạ thì cứ nhè Bác Thúc Giạ mà tra khảo, mắc mớ gì đến tôi. Nhưng mà thôi, anh là người tài cao học rộng bây giờ tôi ra một vế đối, anh đối được thì tôi xin tặng anh một cây dù mới".

Cụ Cử Tố bực mình: "Anh cứ ra, một câu hay mười câu tôi cũng đối ngay cho anh".

Thế là Cụ Thảo Am thong thả đọc: *"Cử Tố mất dù la cố tử"*.

Mọi người cười ầm lên. Cụ Cử Tố nói: "Tưởng anh nói chuyện văn chương chữ nghĩa thì tôi nói với anh, chứ anh chơi cái trò xảo vặt thì tôi chẳng thèm chơi".

Cụ Cử Tố đội mưa ra về và Cụ Thúc Giạ phải cho người mang dù chạy theo trả.

Với biệt tài ứng khẩu thành thơ có lẽ Cụ Thảo Am đã làm rất nhiều bài và một số đáng kể đã thất lạc vì những lý do sau:

- Nhà cửa Cụ Thảo Am gần chợ Nam Phổ đã bị quân Pháp xử dụng một phần làm đồn

trú trong khoảng thời gian những năm 1947 - 1948 và tất cả đồ đạc, sách vở đã bị quân Pháp đốt sạch. Những năm sau Cụ có lúc phải tạm trú tại nhà người bà con.

- Cụ Thảo Am không có một hậu duệ như Cô Hỷ Khương con gái Cụ Thúc Giạ luôn luôn ở gần cha để ghi chép và bình thơ. Con cái của Cụ Thảo Am phần lớn đều sống xa nhà: hai người con trai và một gái thì ra Bắc. Hai cô gái khác thì sống ở Saigon hoặc ở Pháp. Chỉ có một người gái út là sống với cha mẹ già ở quê nhà và Cô ấy cũng không có khiếu nhiều văn hóa.

- Rất nhiều dịp Cụ Thảo Am đã đem thơ vừa sáng tác ra bình cùng với các thành viên trong Thi Xã. Bình xong các vị đã không ghi chép lại và do đó bài thơ thất lạc luôn. Cụ nhiều lúc làm thơ để vui đùa với bạn bè đã làm khá nhiều nhưng làm đâu bỏ đó. Nhiều bài mang tính cách châm biếm gây ra nhiều cuộc bình luận, khen chê thách đố trong Thi Xã làm cho không khí vui vẻ, rộn ràng. Cụ Thúc Giạ đã tả:

Thảo Am từ thuở về hưu
Tính ưa vui vẻ chẳng cưu ưu phiền
Con người có tánh tự nhiên
Giàu sang chẳng lụy của tiền chẳng ham.

Được biết có một số tác phẩm của Cụ Thảo Am đã được xuất bản:

- Hồng Nhan Mộng (xuất bản năm 1924).
- Hò Mái Đẩy (xuất bản năm 1948)
- Hò Mái Đẩy (nhà xuất bản Liên Hoa Huế, 1957)
- Cuốn thơ Thảo Am do sở Văn Hóa Thông Tin Thừa Thiên (Huế) xuất bản năm 1991 do hai người con gái của Cụ Thảo Am soạn. Cuốn này chỉ trình bày một số ít bài thơ, câu hò của tác giả và rất tiếc không in lại tất cả 140 bài thơ do chính thân phụ đã thu thập được. Hai người con gái hình như bị gò bó bởi đường lối tuyên truyền của chính quyền địa phương nên đã đề cập đến lập trường chính trị thiên tả của Cụ Thảo Am. Cụ đã tỏ là một người lo lắng nhiều cho vận mệnh của Quốc Gia, mối lo lắng ấy đã bội phần sâu đậm vì đã thất tuần rồi bát tuần mà Cụ vẫn chưa được đoàn tụ với các người con theo Cộng sản. Cụ vẫn tin tưởng vào hình ảnh tốt đẹp của một xã hội Cộng sản và đã qua đời vào cuối năm 1968, hưởng thọ 86 tuổi. Cụ đã không có may mắn biết được sự thật về cuộc thảm sát đồng bào Huế trong dịp Tết Mậu Thân, các hành động tàn bạo do chủ nghĩa Cộng sản đã gây ra trên đất nước. Chắc chắn nếu còn sống, Cụ cũng tự than:

Tưởng tới tự do nôn cả ruột,
Trông hoài độc lập mỏi con ngươi.
Những điều nghe thấy thêm đau đớn
Khóc chẳng ai thương lại phải cười.

Bác tôi đã được an táng tại phần đất do chính Bác lựa chọn lúc sanh tiền, trong đất Nội táng, ở chân Núi Ngự Bình. Đặc biệt trên bia mộ có khắc hai câu đối đầy châm biếm:

Chẳng có danh thơm mà để lại
Làm chi xác thúi phải chôn đi.

*

Trên đây là một số bài thơ, câu hò tiêu biểu cho tài nghệ của Cụ Thảo Am. Rất tiếc lúc soạn bài này tôi đã không có đầy đủ tất cả các tác phẩm của Cụ hầu cống hiến độc giả một nhận xét bao quát hơn công trình văn hóa của Cụ. Các giai thoại đều được trích từ cuốn thơ Thảo Am (1991) do hai ái nữ của Cụ ghi lại.

Dầu sao Cụ Thảo Am, Cụ Ưng Bình Thúc Giạ cùng nhóm Hương Bình Thi Xã đã để lại nhiều bài thơ, câu hò biểu tượng cho một văn hóa đặc thù của đất Thần Kinh được phát sinh trong một giai đoạn rối ren của lịch sử Việt Nam

• *Nguyễn Khoa Thiều*
Xuân 1994.

LÊ QUÝ ĐÔN VỚI THUẬN HÓA

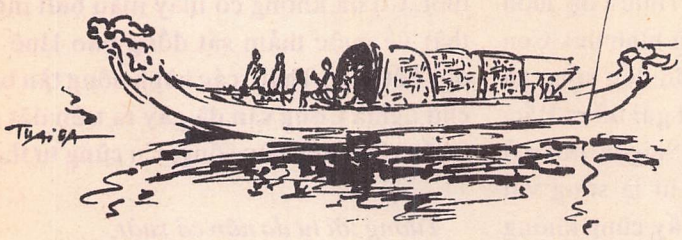

Tôn Thất Tùng

Trước năm 1945, còn học bậc tiểu học, tôi rất thích một bài thơ bát cú mà thầy Tráng Cử, thứ nam của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để bắt tụi học trò lớp nhất trường An Cựu học thuộc lòng, làm tôi nhớ mãi đến ngày nay. Tác giả bài thơ là ông Lê Quý Đôn, làm lúc ông mới 9 tuổi trong một giai thoại lý thú mà tôi sẽ kể ở đoạn sau. Lớn lên tôi học và đọc nhiều sách khác của Lê Quý Đôn, trong đó có cuốn PHỦ BIÊN TẠP LỤC ông viết vào năm 1774, tại Thuận Hóa là thời gian ông theo tướng Hoàng Ngũ Phúc vâng lệnh Chúa Trịnh Sâm vào Thuận Hóa nghiên cứu tình hình để chuẩn bị tiến vô Đàng Trong. Chính trong thời gian 6 tháng ở trong gian nhà gỗ bên bờ sông Hương ông đã hoàn thành tác phẩm nói trên.

Mặc dầu PHỦ BIÊN TẠP LỤC chỉ là một cuốn sách có tính cách tài liệu, trong đó ông ghi chép đầy đủ những núi sông, thành ấp, sản vật, nhân tài v.v.. của Thuận Hóa, nhưng ông không tiếc lời ca tụng cảnh vật địa phương. Lòng vốn khâm phục nhà bác học uyên thâm của đất nước, lại thấy ông hết lời ca tụng nơi tôi sinh trưởng nên tôi lại càng ngưỡng mộ ông thêm. Vì vậy năm nay để đóng góp bài vở cho Tuyển Tập Nhớ Huế 94, tôi lục lọi ký ức để nhắc đến một người không những đã có công lao với tổ quốc lại có ít nhiều liên hệ với Huế:

"Lê Quý Đôn (1726 - 1784) được sinh ra và lớn lên trong thời kỳ rối ren của thế kỷ 18, đó là thời kỳ Lê mạt. Họ Trịnh mấy đời lấn át Vua Lê. Năm 17 tuổi, ông đỗ đầu thi Hương, qua năm 26 tuổi (1752) lại đỗ đầu cả thi Hội và thi Đình, được Chúa Trịnh Doanh bổ vào làm việc ở Viện Hàn Lâm.

Trong suốt thời gian giữ chức Hàn Lâm Thi Thư rồi được sung vào phái bộ đi Sứ sang Trung Hoa cáo ai nhân Vua Ý Tông băng hà, ông đã đem hết tài năng ra giúp nước, nhưng về sau thấy Trịnh Doanh hoang dâm vô độ, không nghe lời can gián của tôi trung, ông chán nản bèn dâng Sớ xin về quê ngơi nghỉ. Đến khi Trịnh Doanh chết, Trịnh Sâm lên kế tục làm Chúa, nghe theo lời khuyên của các đại thần có tâm huyết, Trịnh Sâm ra lệnh mời Lê Quý Đôn trở lại làm việc ở Viện Hàn Lâm như cũ.

Là một người uyên bác, từ thời ấy Lê Quý Đôn đã thừa nhận trái đất hình tròn. Suốt cả cuộc đời, ông nêu gương sáng tu thân, tề gia, trị quốc. Trong lúc làm quan, mặc dầu đa đoan công việc, ông vẫn dành thì giờ để sáng tác. Vì hoài bão của ông là phải viết thật nhiều điều hữu ích để lại cho đời sau. Những sách nổi tiếng của ông là ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ, TÒNG SỬ CƯƠNG MỤC, TIÊU TƯỞNG BÁCH VINH, NHỊ TRÌNH DI THỦ, TOÀN VIỆT THI LỤC v.v.. Những tác phẩm nổi tiếng của Lê Quý Đôn nói trên có người đọc kẻ không. Riêng bài thơ bát cú đã được đưa vào chương trình tiểu học như tôi đã nói ở trên có lẽ nhiều người biết đến và có thể còn nhớ cho đến hôm nay. Đó là bài thơ "RẮN ĐẦU BIẾNG HỌC" mà ông đã làm lúc lên 9 tuổi trong trường hợp sau đây:

Vào một buổi chiều vàng mùa hạ, ở đầm sen làng Diên Hà, một lũ trẻ đang trần truồng tắm rửa, chợt một người khách lạ đi qua. Có một cậu bé mặt mũi dĩnh ngộ, tinh nghịch chạy ra giữa đường, đứng giang hai chân rồi chỉ hạ bộ hỏi ông khách:

- Đố bác chữ gì?

Thấy đứa bé lanh lợi, khách giả vờ thử thách:

- Chữ "Đại", có gì khó mà đố?

Chú bé cười khoái trá:

- Bác đoán sai rồi, đó là chữ "Thái"

Cả lũ trẻ đồng cười và reo lên:

- Đúng rồi chữ Thái mà không biết.

Khách lạ mỉm cười bỏ đi, phút chốc đã khuất sau lũy tre. Người khách lạ ấy chính là ông Nghè Vũ Công Trấn, làm quan ở Phủ Chúa Trịnh. Hôm nay ông xuống làng Diên Hà để thăm người bạn đồng liêu là Lê Trọng Thứ, thân phụ của Lê Quý Đôn. Và chính cậu bé đón đường đố chữ ông Nghè họ Vũ lại là Lê Quý Đôn, nhưng vô tình Lê Quý Đôn nào biết người khách lạ lại là bạn của cha. Khi Lê Quý Đôn tắm xong trở về nhà, vừa bước vào ngưỡng cửa chợt thấy người khách lạ lúc nãy đang ngồi trên ghế trường kỷ nói chuyện với cha, đôi chân ông bỗng nhiên khựng lại, chưa kịp chào hỏi thì cha ông đã lên tiếng:

- Con mau vô chào bác Nghè đi!

Lê Quý Đôn chắp tay cúi đầu chào ông khách:

- Cháu chào bác ạ!

Vũ Công Trấn tủm tỉm kể lại câu chuyện vừa xảy ra ở hồ sen đầu làng cho Lê Trọng Thứ nghe. Lê Quý Đôn vẫn đứng vòng tay, chôn chân một chỗ, mặt đỏ như trái gấc chín. Lê Trọng Thứ liền nói:

- Thật là rắn đầu biếng học, con đã vô lễ với bác Nghè, biết không? Con hãy xin lỗi bác đi.

Vũ Công Trấn tươi cười nét mặt:

- Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh. Xin bác tha cho cháu.

Lê Trọng Thứ ngoảnh nhìn con rồi bảo:

- Nể tình bác Nghè, ta tha cho con, nhưng con phải làm một bài thơ tạ lỗi bác!

Lê Quý Đôn hướng mắt về phía Vũ Công Trấn lễ phép thưa:

- Xin bác cho đầu đề.

Sau một lát suy nghĩ, Vũ Công Trấn ôn tồn bảo:

- Hãy mượn câu "rắn đầu biếng học" của cha cháu vừa nói làm đầu đề - Nói xong ông quay qua cầm ống thuốc lào châm lửa hút - Thuốc lào chưa nhả hết khói thì Lê Quý Đôn đã chắp tay lễ phép:

- Cháu xin phép bác và cha, rồi ông chậm rãi đọc:

Chẳng phải liu điu cũng giống nhà
Rắn đầu biếng học ắt chẳng tha
Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ
Nay thét mai gầm rát cổ cha
Ráo mép chỉ quen nghề lếu láo
Lằn lưng sao khỏi vết năm ba
Từ nay Châu Lỗ xin siêng học
Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia.

Vũ Công Trấn liền kéo Lê Quý Đôn vào lòng rồi cười khoái trá:

- Giỏi, mỗi câu thơ là một loài rắn, vần điệu chững chạc mà khẩu khí! Rõ ràng hậu sinh khả úy, bác có lời khen cháu. Thôi, cháu ra ngoài chơi, bác còn nhiều việc hàn huyên với cha cháu.

Năm 1774, nhận thấy tình thế Thuận Hóa lộn xộn Trịnh Sâm muốn nhân đó tạo cơ hội để chuẩn bị vô Đàng Trong. Trịnh Sâm cử đại thần là Hoàng Ngũ Phúc, làm Bình Nam Thượng Tướng Quân, ban ấn tín và cờ Súy có đề bốn chữ "Tiện nghi hành sự". Lê Quý Đôn được cử theo làm phụ tá hành chánh để viết các tờ hiểu thị dân chúng ở địa phương và viết Biểu tường trình với Chúa. Trong thời gian ở Thuận Hóa ông đã đi thanh sát khắp nơi, có nhiều lúc đi sâu về phía nam Lăng Cô. Với sự công tâm và thẳng thắn trong những tờ Biểu gởi về Chúa Trịnh, ông nêu lên những tình cảnh khốn cùng của người dân Thuận Hóa, cảnh sưu cao thuế nặng, nạn tham ô của các quan chức, nạn cường hào ác bá. Đồng thời ông đề nghị các kế hoạch trị quốc an dân. Theo ông muốn thu phục nhân tâm không phải là tập trung vàng bạc đầy kho, không phải tuyển mộ cho nhiều binh lính để diễu võ dương oai mà đấng Anh Quân phải định ra phép tắc chế độ để thu phục lòng dân, vì nếu để mất lòng dân

thì không thể dẹp yên mối loạn và trước hết là phải diệt nạn tham quan ô lại v.v..

Lê Quý Đôn đã ở Thuận Hóa 6 tháng, ông sống đơn giản trong gian nhà gỗ bên bờ sông Hương. Và chính tại đây ông đã hoàn thành cuốn PHỦ BIÊN TẠP LỤC. Hôm viết đoạn cuối của cuốn sách, tại căn nhà gỗ này, vào một buổi chiều Thu, ông nhận được một phong thư từ miền Bắc gởi vào. Nhìn nét chữ, biết là của thân phụ, ông mừng rỡ vội mở ra xem. Trong thư Lê Trọng Thứ kể về tình hình gia đình và chuyện Kinh Đô Thăng Long, Trịnh Sâm đang đi vào con đường sa đọa và chuyên quyền lấn át Vua Lê và xâm phạm phép nước. Cuối thư, cha ông viết thêm bốn câu thơ dặn con:

Cha già năm nay răng tóc, kém
Trung, thanh, cần, kiệm nhắc con ghi
Thuận Hóa của cải lòng chớ tham
Cốt được bình an hai chữ "về"

Xem xong thư, Lê Quý Đôn biết người cha thân yêu luôn luôn giữ lòng trung trinh, liêm khiết và không quên nhắc ông đừng học thói tham ô, tránh chuyện đút lót, vơ vét của dân. Ông cảm động đến rưng rưng nước mắt, thầm cám ơn người cha già luôn luôn dìu dắt ông đi trên con đường sáng".

*

Lê Quý Đôn đã ra người thiên cổ, nhưng những sách vở ngàn vàng của ông vẫn còn đó, tên tuổi ông vẫn tồn tại với thời gian mà đến cả những kẻ vô thần bạc nghĩa cũng phải nể trọng ông. Khi Cộng sản vô Sài Gòn, tất cả trường học đều bị đổi tên, tất cả các trường ở Sài Gòn ngày nay đều mang những cái tên lạ hoắc của những đảng viên cộng sản thiếu văn hóa. Riêng ngôi trường LÊ QUÝ ĐÔN vẫn còn mang tên cũ và tấm bảng màu xanh chữ trắng đề tên nhà bác học họ LÊ là vẫn còn chễm chệ trước cổng trường có nhiều cây cao bóng mát!

• ***Tôn Thất Tùng.***

ngự trị

Mang trong mắt bao nhiêu lời tình tự
Thủa ta về, mùa đông dài phố cũ
Đi bên nhau, hồn chạm với vai gần
Tiếng ca buồn ôi khúc hát thanh xuân
Ta dừng lại và nghe chiều rét mướt

Em mười sáu, tuổi hoa hồng mật ngọt
Chiều đời êm áo lụa mát bàn tay
Hồn song song ngây ngất lối đi dài
Từng bước chậm, sợ ngày vui chóng hết

Thủa ta về, mấy con đường lá chết
Mùa đông làm xơ xác những xương khô
Tình mong manh, mắt ngại với vai ngờ
Môi bỏng cháy, vẫn nguyên vầng trán ấy
Ngực thê thiết tưởng ngàn đời thơ dại
Thủa ta về sao bỗng chốc xa xôi

Giờ đã qua, chừng đó tuổi xanh người
Tay đã với bao nhiêu cành một lá
Môi đã thốt trăm ngàn lời buốt giá
Ngực dại khờ, hơi thở đã nồng tanh

Tiếng ca buồn, ôi tiếng hát xuân xanh
Ta vẫn đợi, trong những chiều rét mướt
Thủa ta về, giấc mơ nào dịu ngọt
Bước chân nào ngây ngất mãi bên nhau

Em biết không, hờn tủi chiếc hôn đầu
Trong những lần mùa đông dài phố cũ
Mà sớm Nam Giao hay cồn chiều Bến Ngự
Ta vẫn tưởng mình đang kiếm tìm nhau

• ***Trần Dạ Từ***

TRỞ VỀ

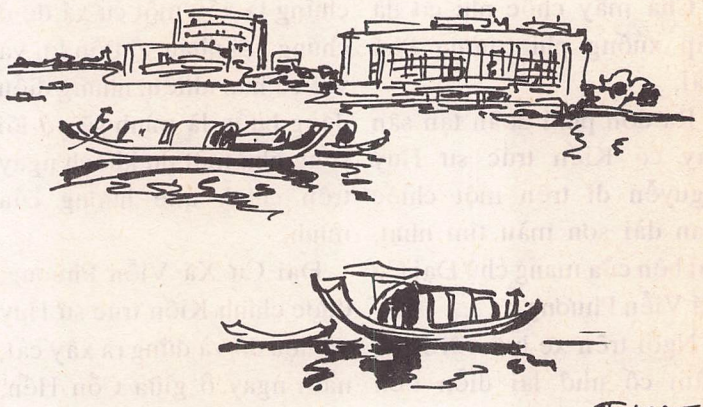

Võ Văn Tùng

Vợ Tâm nước mắt dầm đìa, các con xúm xít bịn rịn bên cạnh cha, rơm rớm nước mắt vẫy tay tạm biệt...

Tâm cảm động, hai mắt đỏ hoe. Chàng tự nhủ hãy can đảm, rồi mắt nhắm nghiền không muốn nhìn thêm cảnh chia ly.....

..... Thoáng chốc chàng đã thấy mình ở trên chiếc Boeing SS 777, có tốc độ vượt âm thanh trở về Huế nghỉ hè cùng bạn bè.

Tâm liếc mắt xung quanh rồi nhìn tận ra phía sau phi cơ. Các bạn bè đã ngồi vào vị trí của mình.

Bên cạnh Tâm có Phước và vợ chồng Trang là bạn nối khố của Tâm từ thuở cùng học Khải Định thời kỳ 46 - 52. Vợ Phước bị kẹt công sở không đi được, nhưng cũng chìu chồng để cho Phước tháp tùng phái đoàn, tuy trong lòng không yên vì dư biết tài hào hoa của chàng. Riêng Phước chỉ ngại một điều là chuyến này đi khá lâu, sợ không ai lên chùa Vạn Phật lo hương khói. Kim Thiện dựa bên vai vợ, mắt nhắm lim dim, trên tay còn cầm tập thơ của Cụ Thảo Am. Từ San Jose có vợ chồng Vĩnh Phượng hăng hái nhập bọn. Phượng về hưu đã truyền nghề lại cho con là Tony Bảo nhưng vợ Phượng vẫn lo làm quản lý nên cặp vợ chồng này tiền bạc rủng rỉnh, ai gọi đi đâu là đi ngay. Còn thêm nhiều người hưởng ứng chuyến đi nữa. Tổng cộng phe ta gần cả trăm mạng, phần nhiều là người lớn tuổi, do đó vợ chồng Đoàn Tuấn được chỉ định săn sóc phái đoàn vì Liên Hằng, vợ Tuấn đã từng là nữ tiếp viên xinh đẹp, thùy mị của của hãng E Con Rồng ngày xưa, vang bóng một thời.

Chính chiếc phi cơ cùng kiểu tối tân này vào cuối năm 2005 đã đưa vợ chồng Tâm và các bạn trở về thăm Huế lần đầu tiên sau ba mươi năm lưu lạc quê người (1).

Lúc đó Tâm và bạn bè đã được nhìn thấy một đất nước không còn dấu vết cộng sản nữa. Việt Nam đã được hoàn toàn độc lập, tự do, giàu mạnh nhờ kỹ nghệ dầu hỏa, dịch vụ du lịch, chính sách xuất cảng nông phẩm, kim khí quý v.v...

Điều mừng nhất là dân chúng Huế đã thoát khỏi cơn nghèo đói triền miên.

Chuyến đi năm đó phái đoàn đã được chính quyền và đồng hương tiếp đón nồng nhiệt. Mọi người đã tận mắt nhìn giòng sông trong xanh với cột nước phun cao trắng xóa như cảnh hồ Leman ở Genève, những khách sạn tân trang nhiều tầng sừng sững nằm hai bên bờ sông Hương. Casino Huế ở Cồn Hến, mới xây cất vài năm đã được nổi tiếng là nơi ăn chơi vương giả. Khu giải trí kiểu tương tự Disneyland ở Hữu ngạn, Huế International Market trên đường Trần Hưng

Đạo là những nơi du khách thường lui tới.

Sau chuyến đi lý thú ấy, anh chị em trong Hội Thân Hữu Huế đã quyết định chia thời gian còn lại của đời mình để được vừa sống ở Mỹ với con cháu, vừa sống ở Huế vui thú điền viên với bạn bè, bà con.

Chả mấy chốc phi cơ đã đáp xuống phi trường Phú Bài.

Ra đón phái đoàn tận sân bay có Kiến trúc sư Huy Nguyễn đi trên một chiếc Van dài sơn màu tím nhạt, hai bên cửa mang chữ Đại Cư Xá Viễn Phương.

Ngồi trên xe hơi với Huy, Tâm cố nhớ lại diễn tiến trong hai năm vừa qua:

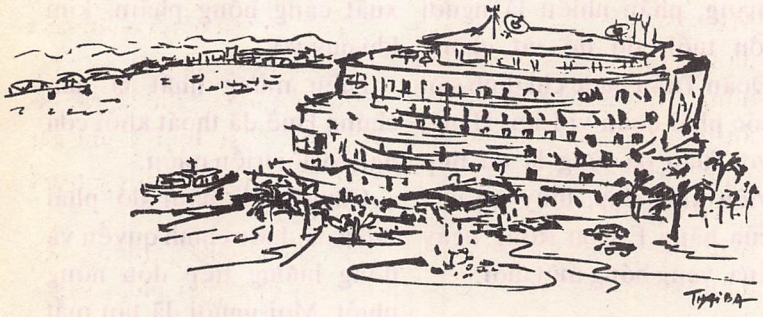

Sau chuyến đi năm 2005, Huy và một nhóm bạn trẻ được biệt phái về tiếp tục nghiên cứu tình hình.

Huy nhận xét rằng chúng mình xa quê hương quá lâu, bây giờ muốn về sống lại ở quê nhà thật khó hội nhập và hòa đồng. Bạn bè quen biết không còn mấy ai. Đời sống dân chúng bây giờ tuy có cao hơn nhưng vẫn còn chênh lệch so với nước ngoài. Giữa họ với mình, tuy đồng hương, nhưng mỗi bên đều có một mặc cảm riêng. Một hố sâu khá cách biệt về nhiều phương diện sẽ làm cuộc sống chung không được thoải mái như mình muốn. Nếu chúng ta xây một cư xá để ở chung với nhau sẽ tiện lợi và vui vẻ hơn nhiều, nhưng điều đáng buồn là mình sẽ có lối sống như một du khách ngay trên chính quê hương của mình.

Đại Cư Xá Viễn Phương, được chính Kiến trúc sư Huy vẽ họa đồ và đứng ra xây cất, nằm ngay ở giữa Cồn Hến, có lối kiến trúc giống y như một chiếc du thuyền lớn đậu dọc theo chiều dài của Cồn. Phía mũi nhìn Cầu Tràng Tiền, bên trái ngó qua thôn Vỹ, phía phải nhìn về xóm Gia Hội, đằng lái quay về Bãi Dâu, Tiên Nộn.

Cư xá đặc biệt hình bầu dục có 10 tầng. Tất cả các phòng ngủ đều nằm phía ngoài, có cửa sổ nhìn ra sông. Tầng dưới dành để làm văn phòng và tiếp khách. Tầng chót có một hồ tắm thật đẹp, một bar uống rượu và một phòng lớn tập thể dục với đầy đủ dụng cụ hiện đại như máy cử tạ, máy treadmill v.v.. Hai tầng 5 và 6 được dành riêng cho dịch vụ giải trí. Trên tầng 5, hai phòng ăn rộng rãi, trang trí mỹ thuật với ánh đèn mờ ảo, chiếm hai đầu. Giữa hai phòng ăn là Ball room có thể chứa cả trăm người.

Tầng 6 có sân khấu lớn để trình diễn thi ca vũ nhạc, hoặc chiếu phim. Phía giữa có thêm những phòng nhỏ để cùng nhau hát karaoke, đánh mà chược, đánh phé 5 lá, xòe tứ sắc. Ngoài ra có những nơi làm móng tay, trang điểm, thẩm mỹ cho các bà. Đặc biệt là những phòng làm massage cho cả hai phái khi nào cũng đông khách. Ngoài ra còn có các cửa hàng nhỏ bán mỹ phẩm và những vật dụng cần thiết hàng ngày.

Các tầng 2, 3, 4, 7, 8, 9 chia nhiều appartments xinh đẹp và sang trọng để ở.

Nhân viên phục dịch rất đông, cả trăm người nam nữ, tuổi bắt buộc không quá ba mươi để đem lại cái nhìn tươi mát cho các Cụ gần đất xa trời!

Mỗi ngày đầu bếp dọn ăn ba bữa chính, khi cơm Tây, khi cơm Việt. Ngoài ra, bất cứ lúc nào đói bụng khách cũng có thể kêu Food To Go Thanh Hàn về phòng. Đúng giữa khuya có Champagne Buffet dành cho những ai nhớ thức ăn kiểu Mỹ.

Chung quanh cư xá là một công viên với landscaping thật đẹp do nhà thầu Dean Lee từ Mỹ về thực hiện. Đó là một khu vườn độc nhất ở Huế với những loại cây cỏ, hoa lá hiếm có.

Phía trước cư xá luôn luôn có hàng chục xe Limo, Taxi túc trực chờ đón đưa khách đi du ngoạn.

Nói tóm lại trong Đại Cư Xá Viễn Phương bạn có thể sống một cuộc đời vui nhộn, đầy đủ tiện nghi, như đang đi chơi trên một chiếc du thuyền sang trọng đậu ngay trong lòng Cố Đô.

Xe Van của Huy đưa phái đoàn về đến cư xá vào một buổi chiều nắng nhạt, Tâm khoan khoái bước vào. Chàng có cảm tưởng y hệt như ngày chàng bước lên chiếc du thuyền Royal tháng 7, 1993 tại Miami để đi thăm vùng biển Caribbean. Gió nhẹ mang hơi nước từ sông Hương lên đem lại cho chàng một cảm giác tuyệt vời. Từ đây mỗi lần về nước vợ chồng chàng sẽ được hưởng những cảm giác đó và chàng sẽ có dịp vui chơi thỏa thích khắp nơi ở Huế. Đối với Việt kiều hải ngoại, tiền ăn ở, tiêu pha hàng tháng tuy được tính gấp **ba** gấp **năm** nhưng so vẫn còn rẻ mạt, đổi ra mới có hai phần ba "tiền già" được chuyển thẳng từ BOA sang. Cách mua appartment thực hiện theo kiểu time sharing, mỗi người được quyền làm chủ 3 tháng.

Tâm được đưa ngay vào nhà của mình ở tầng thứ 8 gồm có một phòng khách xinh xắn, một phòng ngủ 2 giường trang trí rất mỹ thuật, một phòng tắm tuy nhỏ nhưng gọn gàng đầy đủ tiện nghi. Qua cánh cửa gương lớn, trong veo, Tâm nhìn ra phong cảnh bao la của một vòng cung đi từ Đập Đá qua Chợ Cống, đường Lê Lợi, các trường Khải Định, Đồng Khánh, cầu Bạch Hổ, Chùa Thiên Mụ, Bến Thương Bạc, Chợ Đông Ba, Cầu Gia Hội của một Huế Đẹp và Thơ. Không thể tưởng tượng được có một ngày Tâm lại có thể trở về quê hương và sống sung sướng như vậy.

Đêm hôm đó Tâm ngủ một giấc ngon lành. Sáng sớm, một điệu hò êm dịu đánh thức chàng dậy rồi một giọng Huế dễ thương mời khách xuống ăn sáng. Phòng ăn trang trí mỹ thuật, ba mặt đều nhìn ra sông. Ánh nắng ban mai chênh chếch dọi vào. Thức ăn gồm đủ loại như ở Mỹ, đặc biệt có thêm cháo đậu xanh, khoai sắn hấp nóng. Không còn cảnh ngồi ăn mỗi thứ một dĩa nhỏ xíu "quý phái" như hồi xưa.

Tuổi già ai cũng lo đau ốm, mặc dầu sự săn sóc sức khỏe được đảm bảo vì thời đại này ở Huế các dịch vụ y tế được phát triển tối đa không thua kém ở ngoại quốc.

Bệnh viện Đại học Huế thêm tên mới - University of Hue Medical Center - đã được xây dựng lại đồ sộ, trang bị dụng cụ y khoa hiện đại nhất. Với sự cộng tác của Bác Sĩ chuyên môn gốc Việt đủ mọi ngành từ các nước Âu Mỹ trở về phục vụ, bệnh viện đã trở nên một Trung Tâm Y Tế chuyên khoa đứng vào hạng nhất nhì trong vùng Đông Nam Á. Vì vậy Tâm và các bạn nôn nóng muốn đi thăm cho biết sự tình.

Quả thật như lời đồn, Bệnh viện Y Khoa Đại Học Huế thật to lớn, có lối kiến trúc giống như một bệnh viện hạng nhất ở Mỹ. Các phòng ốc ngăn nắp sạch sẽ, không khí điều hòa. Nhân viên phục vụ mặc đồng phục trắng, nói năng dịu dàng lễ phép bằng Việt lẫn Anh ngữ. Nơi đây đang đón tiếp rất nhiều bệnh nhân nhà giàu từ các quốc gia khác ở vùng Đông Nam Á như Đài Loan, Nhật Bản, Đại Hàn và ngay cả bệnh nhân gốc Việt từ Mỹ, Pháp, Đức, Úc... đến.

Bệnh viện được nổi tiếng về các loại giải phẫu ghép các cơ quan như ghép thận, ghép tim phổi, ghép tủy sống, ghép giác mạc, rất thành công nhờ kỹ thuật cao và nhất là với bệnh nhân nhờ có cùng một màu da, các bộ phận của hai cơ thể sẽ rất dễ kết hợp. Đặc biệt y phí rất thấp. Số tử vong tổng quát dưới xa 1%.

Phái đoàn được hướng dẫn đi xem khu giải phẫu tim - Open Heart Surgery - mà cách đây mấy năm tưởng không thể có được. Bệnh nhân khắp nơi, thích về đây mổ By-Pass (2) vì Y sĩ và chuyên viên điều dưỡng giỏi, hậu giải phẫu an toàn. Bệnh viện còn nhờ móc nối được với các hãng bảo hiểm lớn ở Mỹ nên bệnh nhân người Mỹ gốc Việt về nước điều trị khá cao.

Trung Tâm Ghép Tim tuy mới được thành lập nhưng đã

có 6 trường hợp suy tim được chữa bằng phương pháp này với kết quả tốt. Thật là một tiến bộ Y khoa vượt bực đáng để chúng ta hãnh diện.

Khu điều trị Bệnh Thận là khu tối tân và nổi tiếng nhất.

Cách chữa bệnh suy thận hay nhất là ghép thận. Thận có thể lấy từ người mới chết hoặc người còn sống để ghép. Thông thường ít người muốn cho một phần cơ thể của mình, cho nên muốn có một trái thận để ghép, người bệnh phải chờ đợi một thời gian khá lâu. Trước đây có người bệnh phải đợi vài ba năm. Có người chết, mộ cỏ đã xanh, mà chưa tới phiên mình.

Đã từ lâu Y học cho biết với chỉ một trái thận con người có thể sống bình thường vì trời sinh mỗi người có hai trái thận nhưng chỉ xử dụng có một nửa khả năng mà thôi. Mình có thể cho người khác một trái thận "mà không răng mô". Nhờ sự giải thích cặn kẽ đó rất nhiều người đến bệnh viện Huế tình nguyện hiến thận.

Bệnh nhân bị suy thận khắp nơi khi được tin trên tìm đường về Huế để xin ghép thận. Như ở Ấn Độ và một vài nước khác, do sự cung cầu, người bệnh cần có thận để ghép sẵn sàng trả một số tiền khá lớn cho người cho.

Mặt khác người hiến thận xong sẽ có đủ tiền tậu nhà cửa, và sống thong thả cho đến tuổi già. Âu đó cũng là một nguồn lợi tức đáng kể.

Chương trình ghép thận của bệnh viện Huế nhờ vậy trở nên đại quy mô, rất thành công, tuy kỹ thuật ghép thận, giữ cho cơ thể người nhận đừng đào thải (reject) thận ghép rất phức tạp.

Bệnh Viện Đại Học Huế còn có trung tâm ghép tủy sống để chữa bệnh ung thư máu, trung tâm ghép giác mạc chữa bệnh mù, trung tâm giải phẫu Thẩm Mỹ làm đẹp cơ thể với giá thật rẻ....

Ngày hôm sau Tâm và các bạn rủ nhau vào thăm Đại Nội đã được Liên Hiệp Quốc công nhận từ lâu là di sản văn hóa thế giới.

Hoàng Thành, được cơ quan Unesco giúp tiền trùng tu bây giờ là nơi thu hút du khách nhiều nhất.

Cửa Ngọ Môn, xây dựng từ năm 1833 dưới triều Minh Mạng, mặc dù đã trải qua gần hai thế kỷ với phong ba bão táp và chiến tranh vẫn đứng vững với thời gian để trở thành một công trình kiến trúc tiêu biểu nhất của Huế giống như Quảng Trường Thiên An Môn ở Bắc Kinh.

Đứng trước của Ngọ Môn uy nghi nhìn lên Lầu Ngũ Phụng, Tâm không khỏi chạnh lòng thương tiếc cho những ngày huy hoàng của Triều Nguyễn.

Chính nơi đây vào ngày 30 tháng 8, 1945, Tâm lúc ấy mới 11 tuổi, đã cùng cha và đồng bào chứng kiến lễ thoái vị của Hoàng Đế Bảo Đại. Tâm còn nhớ rõ bầu trời hôm đó u ám, lòng người bảo hoàng đượm một nỗi buồn man mác.

Ban đêm các đèn pha cực mạnh từ ba phía chiếu thẳng vào Ngọ Môn tạo nên một khung cảnh hùng vĩ. Trên Lầu Ngũ Phụng dàn nhạc Đại hòa tấu Huế, chơi đủ các loại nhạc cụ tây phương cộng thêm đàn tranh, đàn bầu, trình diễn những tấu khúc bất hủ của những nhạc sĩ danh tiếng. Du khách và giới mộ điệu chia ra ngồi ở hai bên Tả và Hữu Dực Lâu thưởng thức nhạc trong một khung cảnh nên thơ, thú vị.

Rời Ngọ Môn, Tâm vào xem Điện Thái Hòa, nơi đặt Ngai Vàng và cũng là nơi chứng kiến biết bao thăng trầm của 13 vị vua Nhà Nguyễn từ Gia Long cho đến Bảo Đại. Điện Thái Hòa là ngôi điện đồ sộ, huy hoàng tráng lệ nhất trong hệ thống kiến trúc cung đình thời xưa của Cố Đô. Được trùng tu như nguyên thủy, trần nhà được trang trí bằng hệ thống đèn rọi biến thành cảnh trời trong mây xanh, sáng tối thay đổi từng giờ trông thật đẹp mắt, sống động gây ngạc nhiên, thích thú cho du khách. Lâu lắm Tâm mới được ngắm lại những cột gỗ lim màu vàng son, chạm trổ tinh vi hình rồng vờn cùng mây trên sóng nước "Long vân thủy ba".

Ngai Vàng được đặt ở chính điện trên ba tầng bệ. Phía trên Ngai treo bửu tán bằng pháp lam ngũ sắc trang trí hình cửu long, chung quanh còn rủ các lớp riềm bằng gỗ chạm lộng hình chín con rồng thếp vàng chói lọi.

Phía dưới và trước ngai vàng có hai hàng quan văn võ làm bằng plastic trông như người thật, mặc phẩm phục đại triều, đứng dọc hai bên tả

hữu. Cứ mỗi đầu giờ một vị vua mặc áo hoàng bào, đội mũ cửu long, chân đi hia hiện ra ngồi trên ngai, các quan văn võ cúi đầu phủ phục, miệng tung hô Hoàng Thượng Vạn Tuế như những bức tượng biết nói. Các vị vua được tạc tượng bằng sáp. Hình tượng vua Gia Long là một người cao to, đầy khí phách, tướng mạo oai phong như vị danh tướng, tay cầm bảo kiếm; trái lại vua Tự Đức người mảnh khảnh như một thư sinh, hai tay cầm hốt ngọc. Vua Khải Định đầu đội khăn đóng, mình mặc áo gấm vàng, thắt lưng đỏ, chân đi bốt.

Vua Duy Tân là hình ảnh một thiếu niên trẻ, mặt mày phúc hậu nhưng không kém vẻ hiên ngang, mặc triều phục, đứng bên cạnh có quan Toàn quyền người Pháp... Vua Bảo Đại mặc complet trắng, mang kính đen... Du khách thường hay tụ tập chung quanh nơi đây để chờ đợi xem hoạt cảnh đặc biệt về sinh hoạt Triều đình thuở xưa.

Ngoài ra trong Nội thất du khách còn được thưởng lãm hàng trăm ô hộc khắc chạm và đúc thơ nổi chữ Hán nói lên những nét đặc sắc của văn hóa Phú Xuân thế kỷ 19.

Rời khỏi nơi này Tâm và các bạn tò mò đi đến Điện Khôn Thái và Điện Trinh Minh để xem chỗ ở của các bà Phi.

Được biết các vua Gia Long, Minh Mạng, Tự Đức... mỗi người có trên trăm Phi, Tần, v.v... Cứ tưởng tượng cả trăm người đẹp, lứa tuổi đôi mươi cùng chung sống với một người chồng duy nhất, ăn ngủ ra sao, giải trí như thế nào, chờ đợi bao giờ đến đêm của mình... Đã có biết bao nhiêu chuyện thương đau, ai oán xảy ra trong chốn cung cấm này. Cũng may nhờ Hoàng Đế Bảo Đại, vị vua cuối cùng của triều Nguyễn theo tây học, khi về nước cải cách, dẹp bỏ tam cung, lục viện, giải phóng các cung nữ và phong vợ mình làm Nam Phương Hoàng Hậu, không thì nơi đây là chỗ ở của hàng chục hoa khôi xứ Huế. Các bà già đẹp lão trong phái đoàn nghe Tâm kể đến chuyện này không khỏi rùng mình và ôm chồng hôn một cách yêu quý.

Ngày xưa nói đến cung đình thì phải hình dung đến thái giám.

Tâm liên tưởng đến các vai hoạn quan, nô tỳ trong các Video phim chuyện cổ Trung Hoa, mặt mày khi nào cũng sáng sủa, hân hoan, miệng luôn luôn cười mỉm... Mà không hân hoan sao được khi lúc nào họ cũng được ở gần vua, ảnh hưởng trên đời sống hàng ngày của Thiên tử và nhiều khi xen vào việc triều chính, có người làm đến quan đại thần.

Họ còn được sống lân la giữa những người đẹp, các cung tần mỹ nữ, mà tay chân họ vẫn còn nguyên vẹn, giọng nói chưa bị ngọng tức là lưỡi chưa bị cắt... thì chưa hẳn đã là hoàn toàn bất lực!!! Đời sống ở chốn cung đình âm u, buồn tẻ đã tạo nên những cảnh tựa như đồng tình luyến ái, đã được chính thức kể trong sách sử, tuy bốn chữ ấy chưa có trong tự điển của thời đại bấy giờ.

Tâm đang suy nghĩ nhảm nhí thì phái đoàn được mời sang Duyệt Thị Đường để xem các trò leo dây, múa rối, múa bông, múa đèn, đu dây, hát tuồng của ban Kịch nghệ Cổ điển Cố Đô đang trình diễn giúp vui cho du khách.

Khi từ giã Hoàng thành, Tâm để ý khắp các nơi trọng yếu như Ngọ Môn, điện Thái Hòa, các cửa ra vào v.v... đều có binh lính mặc quân phục ngày xưa, áo ngũ sắc, thắt lưng đỏ, đầu đội nón "cù găng", chân quấn cạp điều, tay cầm mác lào đứng canh gác trông rất hùng dũng. Đó là khung cảnh Huế thời xưa được tạo dựng lại với mục đích thu hút du khách.

Những ngày kế tiếp phái đoàn rủ nhau đi thăm những lăng tẩm nguy nga của Triều Nguyễn. Đó là những họa cảnh tuyệt tác, được xếp đặt một cách hài hòa với thiên nhiên, được kiến trúc theo sở thích và cá tính của mỗi vị vua cho hợp lẽ với xu hướng triết học, tư tưởng đương thời. Vì thế mỗi khu lăng như một thế giới riêng, một công trình kiến trúc đặc biệt với cung, đình, điện, tạ nằm trong một khung cảnh núi đồi trang nghiêm, hùng vĩ với màu trời sắc nước, gió thổi ngọn cây, suối reo hang đá. Tâm và các bạn thuê đò theo giòng sông Hương đi thăm ba lăng chính là lăng Gia Long, Minh Mạng và Tự Đức. Thuyền chèo đến Thiên Mụ, qua điện Hòn Chén hướng về ngã Ba Tuần, Bằng Lảng.. Thuyền

chèo đi một mạch đến bến lăng Gia Long rồi du khách phải đi vài cây số giữa bóng mát của rừng thông thì mới tới. Đây là một bức tranh trác tuyệt về sự phối trí giữa thiên nhiên và kiến trúc trong đó thiên nhiên là yếu tố chính tạo nên nét hùng vĩ của cảnh quan. Ngắm cảnh đồi núi, lăng tẩm, Tâm và các bạn không khỏi khâm phục những nhà địa lý đã khéo chọn địa điểm và nghĩ đến những bàn tay cần cù, những công sức nhọc nhằn của những người thợ xây cất. Du khách được tự do thả mình trong một không gian tĩnh lặng nhưng đầy chất thơ để suy gẫm về những thành bại của cuộc đời mình cũng như những vinh nhục của ông vua đầu dựng nên triều Nguyễn.

Rời lăng Gia Long, phái đoàn lại lên thuyền xuôi giòng trở về lăng Minh Mạng. Minh Mạng là vị vua có nhiều đóng góp cho công cuộc mở mang đất nước, tái thiết kinh đô, đưa nước ta vào hàng hùng mạnh ở Đông Nam Á lúc bấy giờ.

Lăng Minh Mạng là một quần thể kiến trúc gồm cung điện, lâu đài, đình tạ được bố trí theo một hình thể tựa dáng một người đang nằm nghỉ trong tư thế vô cùng thoải mái, đầu đội lên núi Kim Phụng, chân duỗi ra ngã ba sông ở trước mặt, hai nửa hồ Trừng Minh ở hai bên như đôi cánh tay buông xuôi tự nhiên. Thăm lăng Minh Mạng xong, du khách ngỡ mình lạc vào một không gian của hội họa, thi ca và triết học.

Ba lăng Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức đều nằm hai bên bờ gần thượng nguồn của sông Hương nên Tâm và các bạn để ý thấy một hệ thống xây cất tối tân mới lạ vừa được hoàn thành. Đó là hệ thống đường dây "Cáp" được nối liền với ba lăng. Du khách được ngồi trong những xe bọc kính trong suốt treo lơ lửng trên không, chạy song song xuôi ngược từ lăng này sang lăng khác rất thuận tiện giống như cảnh thường thấy ở các trạm trượt tuyết ở Lake Tahoe. Tân được dịp nhìn thấy toàn bộ cảnh của mỗi lăng và từ trên cao nhìn xuống ngắm cảnh tuyệt mỹ của giòng sông trong xanh oằn èo giữa những đồi thông thoai thoải chạy dài hai bên.

Tâm và các bạn lên trạm xe dây Cáp để xuống thăm Lăng Tự Đức là một công trình kiến trúc đẹp nhất của thời Nguyễn. Toàn cảnh Lăng Tự Đức là một công viên rộng lớn, ở đó quanh

Đời Một Thành Phố

Đời em là một nhịp cầu
Người qua, kẻ lại, dàu dàu ngó theo
Đời em là ngọn thông reo
Buồn lên cao, gió vèo vèo khoảng không

Đời em trăn trở một dòng
Chảy dài tâm sự cong cong đôi bờ
Đời em áo trắng ngây thơ
Bến chiều sương lạnh mờ mờ đợi ai

Đời em bội ngọc trang đài
Xưa rồi cung điện phai phai nét vàng
Đời em tháp cổ bình an
Lưng đồi trống vọng, vang vang bốn mùa

Đời em dưới mái hiên chùa
Nhìn ra ngõ trúc thưa thưa mấy cành
Đời em bụi nhỏ, cây xanh
Thấy trai xứ lạ, rành rành hổ ngươi.

• *Ngô Đình Chương*
12/7/94

năm có suối chảy, thông reo, muôn chim ca hát. Trong cái quyến rũ của mây nước, hương hoa đó Tâm và các bạn như quên đi rằng đó là lăng tẩm của một người quá cố mà ngỡ là thiên đường của cỏ cây, thi ca và mộng tưởng.

Phái đoàn vào cửa Vụ Khiêm đi trên con đường chính dẫn đến chỗ nghỉ ngơi, giải trí của Vua gọi là Khiêm Cung Môn. Đó là một vọng lâu kiến trúc đặc biệt nằm trên hồ Lưu Khiêm đầy hoa sen trắng nhụy vàng chen lẫn với lá xanh, tỏa hương thơm ngát cả vùng rất thơ mộng.

Giữa hồ có đảo nhỏ Tịnh Khiêm với những mảnh đất trồng hoa đủ loại và những hang nhỏ để nuôi thú hiếm. Tâm nhớ lại nơi Khiêm Lăng này vào mỗi mùa hè Tâm và các bạn cùng lớp ở trường Khải Định như Phước và Trang thường rủ nhau lên đây ôn bài với nhau trong các kỳ thi Tú tài. Không khí tĩnh mịch, phong cảnh nên thơ, chẳng mấy chốc bài vở in sâu ngay trong trí nhớ.

Gặp ngày Phật Đản, Tâm cùng các bạn đi xem Hội Hoa Đăng. Nam thanh nữ tú chen lấn với các Ôn, Mệ, Cô, Bác, đứng chật ních hai bên bờ sông dưới những hàng phượng vỹ rợp hoa đỏ ối.

Đèn hoa sen muôn màu được thả đầy Hương Giang. Hàng chục chiếc đò treo đèn kết hoa với hình Phật Thích Ca trên cao, được ánh đèn soi sáng. Những tia Laser xanh đỏ chiếu lên không trung chằng chịt như những chùm sao chạy dài từ trên cao rồi chập chờn trên sóng nước trông rất ngoạn mục. Những dàn nhạc, những vũ công thi nhau trình diễn trên thuyền, dưới bến.

Đúng 9 giờ tối pháo bông được đốt. Hàng chục tia sáng đủ màu tỏa ra trong khung trời xanh biếc hay chụp xuống tạo thành đủ mọi hình sắc lộng lẫy. Đẹp nhất là hình hàng chục Đức Phật óng ánh hào quang bay lơ lửng trên không trung.

Đang say mê say nhìn xem cảnh vật, thình lình Tâm nghe hai tiếng bom nổ thật lớn chát tai. Khói lên nghi ngút. Thiên hạ la hoảng, chen nhau chạy, chà đạp lên nhau... Tình hình thật hỗn loạn. Tâm cũng chạy theo, cố tìm lối thoát an toàn. Tuy già nhưng sức vẫn còn dẻo dai, hai chân cố bước... cố bước... mồ hôi toát ra nhễ nhại, tìm đường về Cồn Hến, Đại Cư Xá Viễn Phương. Trí óc căng thẳng, khung cảnh mờ dần, sự việc xảy ra quá nhanh, Tâm phân vân không biết mình có phải đang thực sự sống ở Huế chăng?.....

Bỗng nhiên Tâm cảm thấy như có ai đang đè hai chân mình lại rồi thoáng nghe giọng nói quen thuộc:

"Anh ơi. Em đây này.. Tỉnh đi anh! Nằm yên đi, đừng vùng vẫy nữa. Anh có thấy em không. Các con đứng quanh đây này".

Tâm vội mở mắt, nhìn thấy vợ con và các em đứng xúm xít. Mặt mày ai nấy đầy vẻ lo âu.

Chàng chợt tỉnh lại, nhưng cảm thấy hơi khó chịu như có một vật lạ nằm chận trong cuống họng... Trong suy tư chàng không ngờ đó là ống ET tube đã được đặt vào họng để gắn liền khí quản mình với máy thở nhân tạo.

Vợ chàng nói tiếp:

- Anh làm mẹ con em sợ hết hồn. Anh mê lâu quá. Sắc mặt anh biến đổi từng hồi rồi hai chân anh đạp mạnh như chạy.

Vợ con Tâm xúm lại cầm tay chàng. Chàng xúc động, cảm thấy thương vợ con vô cùng.

Tâm từ từ tỉnh hẳn và trở về với thực tại.

Mọi sự việc xảy ra trên phi cơ, ở bệnh viện Huế, Đại Cư Xá Viễn Phương, Tử Cấm Thành, các Lăng Tẩm, ngày Phật Đản, chỉ là chuyện trong mơ xảy ra lúc Tâm đang chịu một cuộc giải phẫu thật sự ở bệnh viện Good Samaritan, thành phố Los Angeles .

Tâm cố nhớ lại, mới 7 giờ sáng hôm trước y tá đã đến chích cho chàng một ống thuốc rồi đẩy giường chàng nằm vào phòng mổ, cho phép vợ con chàng theo sau đến sát tận cửa.

Vợ Tâm nước mắt đầm đìa, các con xúm xít bên cạnh cha, rơm rớm nước mắt vẫy tay tạm biệt.

Tâm cảm động, hai mắt đỏ hoe, chàng tự nhủ hãy can đảm, rồi hai mắt nhắm nghiền lại không muốn nhìn thêm cảnh chia ly....

Ngay sau khi đó thuốc mê đã thấm...

Trong tiềm thức của chàng, cửa phòng giải phẫu hóa ra cửa máy bay. Phút tạm biệt với vợ con ở bệnh viện đồng hóa với buổi tiễn đưa chàng lên đường về quê

hương... một chuyến đi chưa biết có ngày trở về...

Tâm lấy lại bình tĩnh, nhìn đồng hồ treo ở tường, thấy kim chỉ 11 giờ sáng. Chung quanh chàng là những nữ y tá tóc vàng, chộn rộn làm phận sự không hở tay.

Chàng để ý thấy tay chân mình dây nhợ "tùm lum". Bên phải, những giọt Serum trong vắt đều đặn nhỏ xuống đem thuốc và chất bổ vào cơ thể chàng. Bên trái những giọt máu đỏ từ bọc plastic treo tòn ten trên giá sắt đem lại sức sống thẳng vào tĩnh mạch. Vợ Tâm kể tiếp:

- Ai cũng lo cho anh cả. Cuộc giải phẫu kéo dài đến 6 giờ, anh mê lâu quá. Mổ xong một lúc, Bác sĩ Vĩnh thật tận tâm, cho người tìm em vì anh bị xuất huyết. Máu từ trong các ống chest tubes tuôn ra xối xả làm ai cũng khiếp. May đâu một lúc sau máu mới từ từ ngưng chảy... Em niệm Phật liên hồi, nguyện Quan Thế Âm Bồ Tát phù hộ cho anh tai qua nạn khỏi.

Tâm nằm yên, thầm cám ơn....

Chàng đã **trở về** với vợ con, với mẹ già con dại, với đại gia đình, với quê hương tạm dung.

Tâm không quên cám ơn những người y sĩ và nhân viên điều dưỡng đã tận tụy săn sóc chàng. Tâm hãnh diện về kỹ thuật giải phẫu tiến bộ của một nền Y khoa mà chàng đang phục vụ.

Chàng nghĩ dại nếu chẳng may mình không tỉnh lại thì cũng được diễm phúc kết thúc cuộc đời bằng một chuyến **trở về** thăm quê hương yêu dấu của mình. Một chuyến đi trong mộng thật lý thú về một thành phố du lịch Đẹp và Thơ mà chàng từng mong ước có được một cuộc sống lý tưởng như vậy.

Ba tháng sau trong buổi tiệc ấm cúng, thân mật mừng chàng hoàn toàn bình phục trở lại, Tâm bồi hồi xúc động cám ơn các bạn thân đã dành cho mình những tình cảm dễ thương, sâu đậm hiếm có.

Đến nay bên tai chàng vẫn còn văng vẳng lời nhạc của Đức Huy

"Và con tim đã vui trở lại... Tình yêu đến cho tôi ngày mai..."

• *Võ Văn Tùng*
Cali tháng 7, 1994

(Đây là một chuyện giả tưởng, nếu có sự trùng hợp sự việc, tên tuổi, thì đó chỉ là sự ngẫu nhiên mà thôi.)

(1) Xin đọc "Huế 2005" đăng ở Tuyển Tập Nhớ Huế 1993.
(2) By-Pass: phương pháp giải phẫu nối động mạch vành tim bị nghẹt.

Nhóm thân hữu Huế ở Paris long trọng đón tiếp Cựu Hoàng Bảo Đại và Vương Phi tại nhà Bà Công Huyền Tôn Nữ Tâm Nhung, nhân dịp Tết Nguyên Đán năm Giáp Tuất 1994. Hai Tuyển Tập Nhớ Huế 1992 và 1993 được Chị Tâm Nhung trang trọng kính tặng Ngài. (Hình chụp lưu niệm sau lễ trao tặng).

Lấy chồng Huế

Nguyên Hà

Người Huế chồng chúa vợ tôi
Ngẫm xem chưa biết ai là chúa ai
Trời đông ngày ngắn đêm dài
Vợ ho một tiếng bẩm bà đoài chi.

Tôi sanh trưởng tại Saigòn, ăn học tại Saigòn, chả mấy khi rời nơi chôn nhau cắt rốn. Thỉnh thoảng trong những vụ nghỉ hè tôi mới có dịp ra khỏi Saigòn năm ba bữa. Xa lắm cũng chỉ Vũng Tàu, Cần Thơ, Hà Tiên, họa hoằn mới ra thấu Đà Lạt. Vì ít khi đi lại cho nên tôi không mấy thông hiểu địa dư, phong thổ, tập quán hay nhân sự tại các miền khác. Tuy cùng chung một nước mà vì sự di chuyển khó khăn, chậm chạp nên người miền này, miền kia không mấy dịp gặp nhau. Ít gặp nhau thì ít hiểu biết về nhau. Mỗi người một nơi thì ít thông cảm, ít thông cảm thì dễ sanh nhiều ngăn cách, ngộ nhận...

Nói nào ngay, thủa thiếu thời mỗi khi nghe nói về Huế tôi chỉ phong phanh trong đầu đó là cái xứ ở miền ngoài, chớ không biết rõ xứ Huế xa Saigòn là bao, đi phải nhiêu ngày mới tới; lớn nhỏ, rộng hẹp ra sao thì xin thú thật tôi không hình dung ra được. Đối với tôi - xin thứ lỗi - tất cả những ai nói "trọ trẹ" đều là người miền ngoài hết cả. Lúc lớn lên biết đọc sách đọc truyện thấy người ta tả cảnh sông Hương, núi Ngự, danh lam thắng cảnh của Huế thì tôi cũng nghe vậy thôi chớ không có hình dung được cái hay, cái đẹp của xứ Huế ra sao. Những con sông vùng tôi ở nước đầy phù sa đục ngầu, cuồn cuộn chảy, ngày cũng như đêm tàu bè tấp nập, khách thương lên xuống ồn ào, náo nhiệt... Vì vậy nên khi đọc về con sông Hương nước xanh trong vắt, chảy nhẹ nhàng qua kinh thành cổ kính rêu phong, đôi bờ phủ tre êm ả, mấy chiếc thuyền con lững lờ xuôi mái, tiếng hò trên sông tịch mịch, trăng lên bên hàng cau, ngôi tháp chùa soi bóng, hàng phượng đỏ rực bên sông, cô nữ sinh chớp đôi mắt đẹp dưới vành nón bài thơ, tà áo học trò phất phơ trong gió nhẹ qua cầu... Tất cả đều nằm ngoài sự tưởng tượng của khối óc của tôi buổi thiếu thời.

Hình ảnh thực tế đầu tiên của tôi về miền ngoài là một ghi nhận mà tôi không thể nào xóa bỏ được. Đó là bà cụ người Huế ở trong xóm. Mọi

người đều gọi cụ là Bà Huế. Bà trạc bảy mươi, sống với đứa cháu gái nhỏ trong một căn phố rộng rãi cạnh nhà tôi. Con cái của cụ làm chủ nhiều tiệm buôn bán lớn vùng Tân Định. Qua lại nhà cụ thường xuyên phần lớn là những người vay nợ hay cầm cố, con cháu thì chỉ thỉnh thoảng mới đến thăm viếng. Tuy giàu có Bà Huế ăn mặc rất xềnh xoàng, người thì ốm o, nhỏ thó, lại thêm hàm răng đen thùi lùi, trông không mấy hấp dẫn. Giọng cụ thì hết sức trọ trẹ. Mãi về sau tôi mới biết cụ không phải là Huế chính gốc mà là người sanh trưởng vùng quê giữa hai tỉnh Thừa Thiên và Quảng Trị. Hèn chi cụ trọ trẹ hết cỡ. Vì cụ nói líu lo khó hiểu, chả mấy ai qua lại chuyện trò. Cụ sống lẻ loi, lúc thì ngồi ở cổng nhà cho mát, lúc thì nằm trên chiếc võng đong đưa. Nhà cụ ít khi lau dẹp, túi thui, mốc thích. Cửa sổ lúc nào cũng đóng kín mít. Đêm đến lại càng heo hắt. Chỉ độc một cái bóng đèn nhỏ cho suốt căn nhà dài cho nên nhà cụ lúc nào cũng âm u, ngột ngạt. Trời đổ tối đi ngang nhà thấy cụ xả tóc ngồi co ro góc cửa, ánh đèn vàng lờ mờ đằng sau hắt ra trông rất dễ sợ... Con nít chúng tôi thường tránh cụ là điều dễ hiểu. Người lớn ít khi giao thiệp chắc vì cụ không giống ai hay là vì họ cho cụ là người quá "cần kiệm". Suốt năm chỉ thấy cụ trong chiếc quần đen và cái áo bà ba cũ mèm. Ăn uống thì hết sức thanh đạm và quá đơn giản. Mỗi trưa nhìn qua cửa thấy cụ ngồi trên chiếc võng tay cầm bát cơm với vài ba con cá bống kho khô đen mun. Ngày nào cũng vậy, xuân hạ thu đông, hết cơm với cá kho khô thì đến cá kho khô với cơm... Ngồi trên võng ăn thủng thẳng... Trưa nào cũng vậy. Tối cụ dùng gì thì tôi không rõ vì nhà lúc nào cũng tối lù mù... Đó là hình ảnh đầu tiên thủa thiếu thời về miền ngoài với Bà Huế già nua, ốm o, hom hem...

Đùng một cái tôi lấy chồng Huế.

Mẹ tôi, các chị tôi cười chuyện tôi lấy chồng Huế. Cười là cười vui chớ không phải cười nhạo cười chê. Mấy chị tôi bảo: "Cô ở nhà khó tính, cho cô gặp ông chồng Huế để cho cô biết! Mấy ông Huế đệ nhất khó. Chồng chúa vợ tôi nhen cô". Mẹ và các chị tôi nhắc mãi câu "ghét của nào trời trao của ấy" để ghẹo tôi. Họ biết tôi chúa ghét các cậu miền ngoài. Lý do dễ hiểu là sống trong môi trường nào thì mình thích hợp với môi trường ấy nhiều hơn. Từ cách ăn mặc, giao thiệp, chuyện vãn, văn nghệ, văn gừng, xe cộ lưu thông, phải ở trong một "groupe" mới dễ thông cảm nhau hơn. Với lại cái hình ảnh đầu tiên về Huế của tôi cũng ảnh hưởng rất nhiều đến vấn đề giao thiệp, bạn bè của tôi hồi đó.

Vậy thì tại sao tôi đi lấy chồng Huế? Thú thật tôi cũng không biết làm sao cắt nghĩa cho nó gọn. Mà nghĩ đi nghĩ lại, cũng không có chi phải cắt nghĩa. Cứ đổ cho là tại số cả. Tránh đâu cho khỏi số?

Ông chồng tôi tuy là sanh trưởng ở Huế nhưng lớn lên thì vào Nam với cha mẹ. Vì vậy anh nói rặc giọng Nam, nếu không hết sức chú ý thì tưởng anh là người sanh trưởng ở đây. Hồi mới gặp nhau chuyện trò vài câu, mắt chớp chớp, tim đập thình thịch thì làm sao mà phân tách mổ xẻ tình hình cho đích xác được... Cứ rứa đến khi quen biết nhau đã lâu thì Kontum Khờ Me sông núi biển hồ hùm beo gì gì đi nữa e cũng không ngăn cách được đôi trẻ đang yêu... Tức cười là trong lễ cưới, bà cô già của tôi kéo tôi lại nói nhỏ: "Con chọn cũng khéo, cô thương nó lắm, nó người ngoại quốc mà nói tiếng Việt ngọt xớt..." Trong vòng bà con gần mới biết gốc gác của chồng tôi. Bạn bè tôi thì họ vẫn tưởng anh là người Nam.

Cái trở ngại lớn là gia đình tôi rất bảo thủ, nói nôm na là rất xưa. Ít đi lại thăm viếng xứ này xứ nọ nên không biết chút xíu gì về cái xứ Huế xa lơ xa lắc đó cả. Tôi lại là con gái út, hay nói như mấy anh chị của tôi thường châm chọc, cô gái rượu của hai cụ. Ba tôi lúc ấy đã xuất gia sau khi hưu trí và đang tu ở chùa Ấn Quang, mẹ tôi cũng muốn xuất gia sau khi cô con gái rượu đã yên bề gia thất. Có lẽ vì vậy mà mẹ tôi cũng dễ dãi phần nào trong việc gả bán. Gia đình tôi chỉ biết có ông anh cả của chú rể làm nghề thầu khoán xây cất, nhà cửa ở đường Lê Lai, em chú rể thì đang học ở trường Luật, và bà bác ruột lúc đó đang ở với gia đình người con rể tại khu

cư xá sĩ quan Chí Hòa. Ông này là y sĩ thiếu tá dạy ở trường quân y. Đó, chúng tôi chỉ biết có thế, còn gia đình chàng ở Huế ra sao thì chúng tôi hoàn toàn mù trất. Ông cụ của nhà tôi đã trường trai từ lâu, chỉ lo tu hành mà thôi, mọi chuyện cưới hỏi đều do ông anh cả và bà bác đứng ra cáng đáng.

Sau đám cưới nhà tôi đưa tôi về Huế ra mắt bà con bên chồng. Lại lo lắng, lại bồn chồn trong bụng vì chưa bao giờ tôi phải xa nhà, xa cha mẹ anh em, bạn bè để đi đến một nơi hoàn toàn xa lạ. Chẳng những thế nói quí vị đừng cười, đó lại là lần đầu tiên tôi phải lên máy bay... Tôi hồi hộp hết chỗ nói. Rồi thì chuyến bay cũng qua mau và không mấy hãi hùng như tôi tưởng tượng. Cô chiêu đãi viên lại là bạn học cũ. Biết bẩm tật của tôi là hay lo sợ tào lao nên nó nói là trời hôm nay tốt, không mây và gió nhẹ, chắc chắn phi cơ sẽ bay êm ái. Nếu có sợ nhức đầu chóng mặt thì nó sẽ cho thuốc.

Khi gần đến Huế tôi đã có thêm phần nào can đảm hơn, nhìn theo nhà tội chỉ chỏ vùng này vùng kia. Cái đầu tiên tôi ghi nhận là ruộng nương vùng Thừa Thiên rất nhỏ. Từ trên trời nhìn xuống đất cát cắt chằng chịt nhỏ xíu, đâu đâu cũng thấy chòm xóm, cây cối, nhà cửa, rất khác với ruộng đất trong Nam cò bay thẳng cánh, chó chạy cong đuôi, có khi đi cả ngày đường không thấy cái nhà cái xóm nào cả. Đó là cái nhận xét thứ nhất của tôi về Huế.

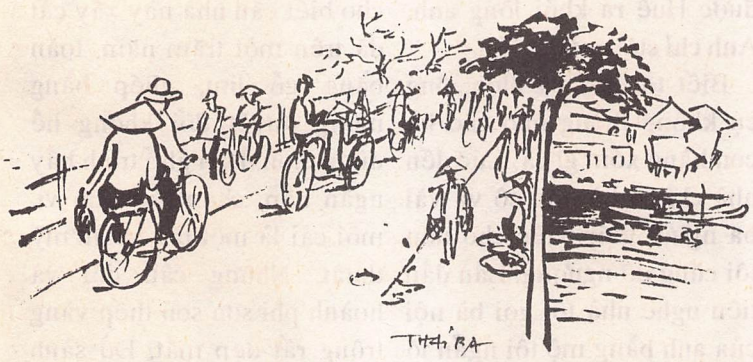

Cái trạm hàng không nho nhỏ cũng lại bắt tôi so sánh với phi trường Tân Sơn Nhất. Sau này chạy giặc dữ ra nước ngoài nhớ lại Tân Sơn Nhất "to lớn" mình mới tự cười mình là quá khắt khe với Phú Bài... Đang lo lắng vì sẽ phải bị sắp vào cái xe ca xọc xạch của E Việt Nam thì ông cụ nhà tôi đến. Khỏi cần giới thiệu tôi cũng nhận ra cụ. Cũng kính cận, cũng cái mũi, cái trán... Cụ cười hiền lành nắm tay tôi và hỏi tôi đi đường có mệt không. Cụ không trọ trẹ như tôi tưởng mà nói bằng giọng Nam rất rõ ràng. Bỗng nhiên tôi giật mình nhớ lại là cụ Ngô cũng là người miền ngoài mà nói rặt giọng Nam. Như vậy là vừa bước chân vào quê hương của chàng tôi đã hóa giải được vài cái théc méc lớn. Dẫn chúng tôi ra chiếc xe jeep cụ ý tứ bảo ông tài xế theo cụ ra ngồi ở ghế sau nhường nhà tôi lái để tôi được ngồi ghế trước. Thú thật ít khi tôi phải bị di chuyển bằng xe jeep, mà nếu lại bị nhét vào ghế sau chắc chắn cảm tình của tôi đối với quê hương bên chồng sẽ bị sứt mẻ đi nhiều...

Rồi thì dọc đường nhà tranh xơ xác, làng xóm nghèo nàn cũng làm cho tôi xốn xang lo nghĩ. Huế đẹp Huế thơ đâu mà tôi chỉ thấy toàn xác xơ rách nát. Người gồng gánh dọc đường trông lam lũ quá. Như đọc thấy những cái phân vân vớ vẩn trong đầu tôi, chồng tôi lại cắt nghĩa cho tôi biết vùng này là một trong những vùng bị ảnh hưởng của chiến tranh nhiều nhứt nên nhà cửa, súc vật, cây cối mới tiêu điều ra thế.

Ngang qua những chợ nhỏ điều làm tôi ngạc nhiên là ở đây đàn bà già bé lớn nhỏ đều mặc áo dài cả. Trong tôi thì đi đâu cũng mặc cái bà ba cho nó mát mẻ. Chỉ có lúc đi ăn cưới hay đi chùa mới mặc áo dài. Lại có những chiếc áo dài nối bằng bốn mảnh, hai màu khác nhau. Về sau tôi mới biết loại áo đó là của người vùng quê gọi là áo hai thân. Cái gì đối với tôi cũng xa lạ cả. Thế mới biết đi một ngày đàng học một sàng khôn...

Bắt đầu vào vùng phụ cận Huế thì nhà cửa khang trang

hơn với nhiều nhà gạch mái ngói sạch sẽ tươm tất. Vườn tược cũng xanh tươi hơn. Người qua lại ăn mặc cũng lành lặn hơn, xe cộ cũng đông đảo nhộn nhịp hơn... Tôi thở cái khì và hầu như không còn bận rộn với các lo nghĩ vẩn vơ về cái quê hương nghèo của chồng tôi nữa.

Qua cây cầu sắt trắng bạc dài nhằng bắt ngang trên con sông tươi mát, những hình ảnh đẹp mà tôi đọc hay nghe về con sông trứ danh này lần lượt hiện ra trước mắt tôi. Tôi yêu ngay con sông thơ mộng này và mong mau có dịp kể lại cho gia đình và bạn bè khi tôi trở lại Saigòn. Hình ảnh đầu tiên về con sông thơ mộng sau mấy chục năm xa cách vẫn nằm sâu trong tiềm thức của tôi...

Ông chồng tôi hầu như quen biết tất cả mọi người ở đây. Anh lái xe chầm chậm, không vội vàng xô bồ như lúc ở Saigòn, hết chào người này lại chào người kia. Sau này anh cho biết là xứ Huế nhỏ ai cũng biết ai, mình lái xe cao bồi người ta chửi chết. Mặt mày anh vui vẻ, hớn hở, trông anh khác hẳn lúc ở Saigòn. Về sau tôi thường ghẹo anh một cách cải lương là đem anh ra khỏi Huế thì được chớ không thể nào đem được Huế ra khỏi lòng anh. Anh chỉ cười cười...

Biết tôi hay cả thẹn, ông cụ không thông báo cho bà con hàng xóm gì cả. Lúc đến nhà chỉ có bà nội, cô và vài ba người giúp việc cho nên tôi cũng đỡ ngượng. Lần đầu tiên nghe nhà tôi gọi bà nội của anh bằng mệ tôi ngẩn tò te. Về sau tôi lại còn thấy nhà tôi gọi mấy đấng mày râu cũng bằng mệ nốt. Tức cười nhưng tôi cũng vẫn làm nghiêm. Mệ đã trên tám mươi, mắt dã lòa, chỉ nhìn thấy ngọn lửa khi thắp thuốc. Mệ mặc áo vân tím dưới áo bông ngự hàn, quần lụa trắng ủi thẳng thớm. Tóc Mệ chưa bạc hết, chải gỡ sạch sẽ tươm tất. Bảo tôi ngồi xuống bên cạnh, Mệ rờ nắn tay tôi, xoa má tôi rồi nói: "Con cháu dâu này mặt mũi dễ thương, phúc hậu". Mệ cũng nói giọng Nam rõ ràng vì trước đây Mệ vẫn ra vào Sàigòn thăm con cháu nhiều lần, và Mệ kể là Mệ cũng có đi thăm miền Hậu giang bốn năm chục năm về trước. Vì Mệ quá dịu dàng nên tôi không cảm thấy một chút xa lạ ngỡ ngàng nào cả. Nhớ lại Bà Huế gần nhà - hình ảnh người Huế đầu tay của tôi - tôi cứ tủm tỉm cười một mình. May là Mệ không thấy rõ, chớ không e tưởng con cháu dâu này khùng chăng.

Trong Nam thỉnh thoảng tôi cũng vào thăm ngôi nhà cũ dùng làm nhà thờ bên nội tôi, nhưng lối kiến trúc của căn nhà đó không được cầu kỳ tỉ mỉ như ngôi nhà này. Cột kèo chạm trổ tuy sơ sài nhưng rất mỹ thuật. Nhà tôi cho biết căn nhà này xây cất đã trên một trăm năm, toàn bằng gỗ lim, ghép bằng mộng, tuyệt đối không hề dùng đinh. Bàn ghế trình bầy ngăn nắp, chạm trổ tinh vi, mỗi cái là một tác phẩm mỹ thuật. Những câu đối và hoành phi sơn son thếp vàng trông rất đẹp mắt. Đồ sành đồ sứ trên tủ trà trông rất trang nhã... Nói chung, từ kiến trúc, cách chưng dọn, sắp xếp, bàn ghế, vật dụng trong nhà đều khác hẳn với những căn nhà tôi hằng trú ngụ. Tôi rất thích cái khoản sân lộ thiên với hồ cá, cây kiểng đặt trên đôn sứ làm dịu bớt những ngày hè nổi tiếng oi bức nhất trong toàn lãnh thổ.

Những lúc rảnh rỗi tôi thường ra hồ xem mấy con cá vàng lớn và đặc biệt là chú cá gáy - ở các nơi khác thì gọi là cá chép - mà nhà tôi đã câu được dưới sông Gia Hội mười mấy năm về trước. Bây giờ nó đã quá lớn và nhà tôi định sẽ mang xuống sông phóng

sanh. Tôi tán thành cả hai tay.

Đang lúc nhìn cái này cái kia thì Cô từ thang lầu đi xuống. Tôi vội vàng đứng lên chấp tay làm lễ. Cô ra dấu bảo tôi cứ ngồi xuống cạnh Mệ cho Mệ vui. Con mắt tôi không rời Cô một giây nào cả. Cô trông rất sang trọng, nhã nhặn trong chiếc áo nhung đậm và chiếc quần lãnh trắng xếp ba plis hai bên phải và trái. Mặt Cô rất đẹp, da trắng mịn, tóc tiêu muối chải cánh phượng hai bên tai và bới cao ở đằng sau. Tôi cứ ngẩn người ra ngắm Cô cho đến khi Cô hỏi vài câu xã giao tôi mới giật mình ấp a ấp úng như gà mắc đẻ. Tôi không biết mình phải nói làm sao cho khỏi bị lệch lạc, khỏi bị quê. Khổ quá! Mặc dầu là cô chồng tôi, địa vị của người đàn bà quí phái đằng trước mặt mình thú thật đã làm cho tôi e ngại lắm! Cũng may tuy nghiêm nghị nhưng Cô luôn mỉm cười nhẹ nhàng cho nên tôi cũng bớt lo đôi chút.

Trong lúc dạy chuyện, nhận thấy là tôi phải cố gắng theo dõi cái giọng Huế đài các của Cô nên Cô cười và nói chậm rãi hơn. Giọng Cô thanh, cuối câu khi nào cũng kéo dài và vuốt cong lên một ít. Mãi về sau tôi mới biết đó là cách phát âm của các bà lớn trong Nội. Hỏi han gia đình tôi đôi câu cho hợp lệ, xong Cô dẫn tôi vào phòng mở tủ lấy mấy cái hộp nữ trang ra để lên mặt bàn. Cô cắt nghĩa từng cái cà rá, xâu chuỗi, vòng , xuyến v.v không với mục đích khoe khoang mà cốt để cho tôi biết chút đỉnh về nhà chồng. Khi tôi cầm cái cà rá hột xoàn, nghiêng nghiêng để cho ánh sáng rọi vào mặt hột thì Cô bật cười: "Mụ ni cũng biết coi hột xoàn. Cái ni là đồ hột xưa, nước vàng, và hớt bên dưới. Tuy hột lớn, không có bọt, không có than nhưng trị giá chẳng bao nhiêu. Bi chừ có bán chắc cũng không ai thèm mua... Con ưng thì Cô cho", và Cô nói tiếp: "Của gia đình còn lại bao nhiêu đó thôi, con chọn lấy một món gọi là quà cưới mừng con". Bỗng nhiên hình ảnh của Bà Huế keo kiệt lại chờn vờn trong đầu làm cho tôi ngần ngại hết sức... Cô hỏi tôi thích món nào đã đưa tôi trở lại thực tế. Tôi chọn chiếc vòng vàng xưa bện chân rít mà Cô cho biết là Bà Cố đã đặt làm tại Gia Định tám chục năm về trước. Tôi chọn chiếc vòng không phải vì nó đẹp hơn hay nặng hơn các chiếc khác nhưng có lẽ vì nó đã được làm tại quê tôi. Hơn nữa lúc nhìn bức ảnh Bà Cố tôi đã nhận ra chiếc vòng này đeo tòn ten trên tay cụ...

Cho đến ngày nay, sau những biến đổi thê lương, chiếc vòng xưa, may mắn thay, tôi vẫn còn cất giữ. Trong lúc di cư chật vật tôi đã bán đến cái nhẫn cưới, nhưng chiếc vòng Cô cho đối với tôi là một kỷ vật vô giá, và dù khó khăn đến đâu tôi cũng không thể cầm bán nó được. Mỗi lần cầm chiếc vòng xưa là tôi lại nhớ đến người đàn bà Huế quí phái, trang nhã...

Hai vợ chồng tôi ra Huế vào dịp tết cho nên ở đâu cũng sắp dọn sạch sẽ, ngăn nắp. Mùi vôi mới sơn nhà cộng với mùi ẩm thấp tạo nên một mùi nồng nhẹ khó quên. Đặc biệt năm ấy tết không mưa nhiều, chỉ thỉnh thoảng có ít mưa phùn lấm tấm trông rất thơ mộng. Cái xứ của tôi mưa ào ào rồi tạnh ngay, cũng như người Nam chúng tôi nóng như lửa mà nguội cũng mau. Hy vọng ông chồng tôi đừng có âm ỉ, rả rích như cái xứ Huế của ông.

Trong sương mù nhẹ lấm tấm mưa phùn, Huế đẹp lạ lùng. Từ cầu Gia Hội nhìn sang phía hữu ngạn phong cảnh thay đổi hẳn. Mấy chiếc đò nhỏ bên bụi tre lòa xòa, như mơ như thật. Cầu Trường Tiền chỉ ló ra một vài nhịp trong tia nắng xuyên qua sương sớm. Trên giòng nước yên lặng mấy cụm khói sóng trôi nhè nhẹ theo gió.

Hai vợ chồng tôi đi bộ qua phía chợ Đông Ba mua sắm ít quà tết. Khi nào cũng thích hoa cho nên tôi cứ luẩn quẩn ở phía chợ bông, hết ngắm cúc lại đến xem các chậu thược dược. Mai ở đây có vẻ đẹp riêng, cành nhỏ hơn và khẳng khiu hơn. Có lẽ vì cái khí hậu khó khăn và đất đai cằn cỗi mà dáng dấp cây mai Huế trông giống mấy cành hoàng mai, bạch mai trong các bức tranh Tàu chăng? Tôi mua một cành vừa phải, không to quá mà cũng không nhỏ quá. Hôm qua vừa đến nhà là tôi đã để ý cái lộc bình đời Minh trên tủ trà. Cành mai này mà chưng vào đó thì tuyệt. Nhà tôi cứ cằn nhằn - ông nào mà không cằn nhằn khi vợ mua sắm, đâu chỉ mấy

ông Huế mà thôi? - là nhà đã có cây mai thiên nhiên trong chậu trước bể cạn. Cây này nhà tôi bảo đã gần 150 tuổi, uốn éo theo hình cái lọng, gốc là đầu con rồng, năm nào cũng rực hoa trong dịp tết. Vì phải khệ nệ với cành mai, cái ông Huế này cằn nhằn từ chợ dài dài cho tới khi cành hoa đã được yên bề gia thất trong cái bình Tàu xưa. Tệ một cái là lúc Cô khen nhà tôi biết chọn cành mai đẹp anh chỉ gật gù, gật gù. Ghé vào tai tôi nói nhỏ: "Tui chỉ chọn cái người biết chọn mai là đủ rồi..." Tôi không để ý vì mải ngắm cành mai. Nó nổi bật lên giữa các trướng liễn và các đồ trình bày trong dịp tết. Cái dáng dấp, cái thế của cành mai, những cái nụ tươi, dài, và bụ bẫm chắc chắn sẽ mang lại một niềm vui cho chúng tôi đầu xuân.

Chỉ mơ mộng được mấy phút thì người nhà đã ra hỏi xem hai vợ chồng muốn ăn uống gì để chị xuống sắp xếp. Vì chị nói nhỏ và chính gốc trọ trẹ nên phải lập lại nhiều lần tôi mới hiểu ý chị muốn chi. Tôi theo chị vào bếp và giật mình vì cái bếp quá cổ lỗ. Từ nhỏ đến giờ tôi mới thấy cái bếp chân kiềng bằng sắt chụm củi này. Vách và mái bếp đen bóng lọ nồi trông khó thở hết sức. Nhà bếp thì rộng rãi nhưng cái vựa lúa chiếm hết gần nửa gian. Bên góc lại có cái xay lúa, cái cối đá giã gạo, cái quạt lúa lù lù một đống, thành ra chật chội tối tăm quá. Tôi nói với chị bếp làm gì cũng được miễn đừng cay quá thì thôi, rồi tôi vội vã lên nhà trên, trong bụng cười thầm vì mấy con bạn tôi nói là người Huế uống nước trà cũng bỏ ớt!

Mệ và ông cụ nhà tôi dùng chay nên ngồi riêng. Hai vợ chồng tôi ngồi dùng cơm với Cô dọn ở cái bàn xưa kiểu Tây bên chái tay mặt. Thức ăn nấu thơm tho, trình bày xinh xắn, đếm ra trên bàn cũng có đến bảy, tám món khác nhau. Ngặt một nỗi là mỗi thứ chỉ có một ít làm tôi ngại quá không dám gắp lung tung như hồi còn ở nhà với cha mẹ. Cơm ngon nhưng tôi không dám thả giàn thành thử sau buổi ăn nó vẫn còn lơ lửng. Tôi bụng bảo dạ, chút nữa sẽ bắt ông chồng dẫn ra tiệm ăn thêm. Tôi lại hố to! Khi đòi đi lên phố ăn tiệm nhà tôi cười và hẹn để về Sàigòn rồi hẵng hay. Ở đây không có cái con mụ mô dám ra ngồi tiệm ăn hàng. Để chốc nữa có hàng dưới Nam Phổ và Đò Cồn lên anh sẽ kêu người ra mua... Ôi cái gì mà kỳ thị quá sá dậy! Mấy ông ngồi tiệm xơi được còn tụi phụ nữ chúng tôi thì ngồi nhà ngắm con hay sao?

Mấy ngày kế hai vợ chồng đi thăm mấy dì ở Gia Hội và ở Chợ Dinh. Đâu tôi cũng được chiều chuộng. Đâu cũng được cho ăn ngon, cũng nhiều đĩa nhỏ đựng ít thức ăn, và tôi lại tiếp tục ăn uống thanh đạm (ngoài ý muốn). Lại về nhà ăn hàng. Chắc chị bếp cười tôi đã đời. Mấy bà chị họ ăn nói nhỏ nhẹ, lui tới không nghe tiếng guốc kêu. Cũng hay nhìn tôi nhưng rất kín đáo chớ không phải thái độ của mấy "mụ-o-giọn-mồm" mà người ta thường chế nhạo mấy mụ em chồng người Huế. Lúc ra về, Dì Thuông, dì cả của chồng tôi, lấy ra hai cái chén Khang Hi màu xanh đậm biếu hai vợ chồng tôi. Dì nói sau khi bà ngoại mất, đồ xưa của bà chia ra mỗi người một ít, dì nghe tôi thích đồ xưa nên dì cho hai cái bát cổ để làm kỷ niệm. Trên đường về ghé nhà Dì Lữ ở gần Chùa Ông. Lại được ăn uống, lại được tặng quà. Những quà tặng đều là những vật quí giá mà tôi hằng nâng niu trìu mến. Rất tiếc là lúc chạy giặc tất cả đều phải để lại đằng sau.

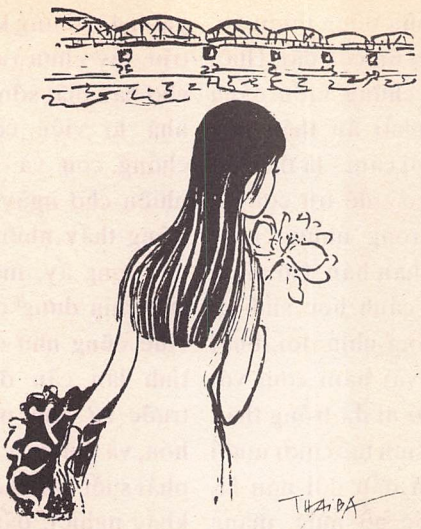

Dì Lữ là người tôi mến nhất trong các dì bên ngoại. Bà là người tân học, đã dạy ở trường Đồng Khánh trong nhiều năm. Dì nói năng văn vẻ, chững chạc. Ông chồng là một kiến trúc sư, người hiền lành ít nói...

Mấy dì nổi tiếng là đẹp, nấu ăn thêu thùa rất khéo. Về nấu ăn nghe các dì nói lại thì không ai hơn được Dì Ba là mẹ chồng tôi. Có lẽ vì thương em mà mấy dì nói thế. Mỗi khi nhắc đến Dì Ba là mấy dì lại khóc và nói là mẹ chồng tôi nếu còn chắc là cưng mụ dâu nhỏ này lắm. Tiếc thay bà đã từ trần lúc chúng tôi mới quen biết nhau. Tôi chỉ biết bà qua tấm ảnh thờ.

Đêm đầu tiên tại Huế một sự lạ khó hiểu đã xẩy ra.

Khoảng năm giờ sáng, mùa đông trời còn tối đen, tôi bừng mắt vì chó sủa inh ỏi. Khung cửa sổ gần giường bỗng nhiên sáng rực rỡ với ánh sáng rất lạ, và một cái profile đen hiện ra ở giữa, dáng dấp của một người đàn bà tóc bới đang nhìn ngay tôi. Tôi rất tỉnh táo, cái tỉnh táo của người đang vào thiền, tuy nhiên tôi không phân tích cũng như không tìm hiểu cái hiện tượng đang xảy ra lúc đó. Dần dần, tôi không biết trong bao lâu, ánh sáng dịu đi rồi tắt hẳn. Bên ngoài trời đen như mực... Có lẽ mẹ chồng thương tôi mà cho tôi thấy chăng? Điều này tôi ít khi thắc mắc. Tôi vui lòng vì sau này khi đọc các sách khảo cứu về thần học thấy nói là chỉ có những người ở cảnh tiên về mới có ánh sáng lạ phát ra chung quanh. Nếu sự linh thiêng có thực thì tôi không hề phụ lòng thương của bà. Trong gần ba chục năm nay, trong mọi trường hợp, trong mọi hoàn cảnh, chồng tôi, các con tôi là trên tất cả...

Những ngày vui ở Huế qua mau. Sau khi thăm viếng qua loa chỗ này chỗ nọ, hai vợ chồng tôi lại trở vào Nam. Trước khi đi Huế tôi ngần ngại, lo sợ, e dè bao nhiêu thì khi ra phi trường tôi lại bịn rịn bấy nhiêu. Trên máy bay, mắt đỏ hoe, tôi lặng nhìn quê chồng mờ dần trong khoảng cách... Những cảm tình mới nhẹ nhàng dâng lên trong lòng tôi. Tôi chỉ mong mau về đến nhà để kể cho mẹ và các chị nghe những kỷ niệm đẹp, những thâm tình của tôi với Huế, với người Huế.

Ngày nay văn minh tiến bộ, đi lại dễ dàng, gặp gỡ nhau thường xuyên hơn, thì những dị biệt giữa vùng này vùng kia cũng giảm đi nhiều. Riêng tôi mỗi lần về thăm quê chồng, Huế lại gần gũi với tôi hơn. Tôi yêu những buổi chiều hè ở chân chùa Linh Mụ nhìn sang Long Thọ bên kia sông với những bờ tre là đà trên giòng nước trong xanh dịu mát, hay nhìn lên phía Văn Thánh với khói lam chiều dịu dàng tỏa ra từ các mái tranh mộc mạc. Xa xa, hoàng hôn chìm dần sau ngọn Kim Phụng hùng vĩ. Chính trong những khung cảnh huyền ảo thơ mộng ấy, những giây phút đặc biệt ấy, tôi mới thấu hiểu phần nào cái thâm thúy của nơi quê chồng. Từ đây hầu hết những thắc mắc, những ngộ nhận, cũng như những câu đùa dai mà tôi cũng như các bạn bè của tôi ở miền trong thường hay nghĩ sai về quí vị ngoài nớ, đã tự hóa giải. Tuy nhiên trong cái trường hợp cá nhân riêng rẽ thì sau mấy chục năm lấy chồng Huế, tôi vẫn còn thắc mắc về cái công án "chồng chúa vợ tôi" và vẫn chưa ngã ngũ được ai là chúa ai.

• *Nguyên Hà*

HUẾ NGÀY MAI

Hoàng Giao

Ai đã từng chứng kiến cái cảnh mùa đông thiếu áo, mùa hè thiếu ăn của dân Huế. Ai đã từng chứng kiến cảnh người dân phải ăn thân cây chuối trộn với cám - là thức ăn dành cho heo - để trừ cơm vì thiếu gạo trong những năm mất mùa vì hạn hán. Có ai đã chứng kiến cảnh học sinh đi học, buổi sáng nhịn đói, buổi trưa chỉ ăn vài nắm cơm với muối mè. Có ai đã trông thấy các em học sinh tuổi mới mười hai, mười ba đầu đội nón lá, chân đi guốc gỗ mức, mang chiếc tơi lá rách nát, lội bộ hàng cây số dưới trời mưa tầm tã để đến trường học. Có ai từng chứng kiến cảnh các cụ già ngồi co quắp ôm cái lồng ấp để sưởi ấm trong những ngày mùa đông giá lạnh. Có ai chứng kiến cảnh các bà mẹ già gánh đôi thúng khoai sắn nặng trĩu, tay chưn run cầm cập ra chợ bán thật sớm để kịp trở về nhà lo việc cơm nước cho chồng con và sửa soạn cho phiên chợ ngày hôm sau. Có trông thấy những cảnh tượng đau lòng ấy, mới khâm phục sức chịu đựng của người dân Huế cũng như người dân các tỉnh lân cận ở miền Trung trước sự phũ phàng của tạo hóa, và thương cho dân Huế đã phải suốt đời khổ sở vì khí hậu khắc nghiệt, đất khô cằn cỗi. Tuy nhiên trách tạo hóa đã quá bất công đối với người dân Huế thì cũng chưa hẳn là đúng vì sự thiệt thòi của dân Huế là hậu quả của nhiều nguyên nhân chứ chưa hẳn hoàn toàn do tạo hóa. Tôi không muốn quy trách nhiệm cho một người nào, một chính quyền nào mà chỉ buồn là người dân Huế chưa chế ngự được khí hậu, thiên tai hoặc cải thiện cuộc sống bằng những nghề ít bị ảnh hưởng bởi thiên nhiên, mà đáng kể nhất là khí hậu và đất đai.

*

Nhìn lại bản đồ xứ Huế, người ta không khỏi thán phục cái óc thẩm mỹ của các Vua chúa thời xưa, khi các ngài cho xây dựng thành quách đền đài và lăng tẩm dọc hai bên bờ sông Hương uốn quanh theo các đồi núi, có thông reo, có nước chảy. Kinh đô Huế đã được xây dựng trên một địa thế rất đẹp và ý nghĩa, phản ảnh cả một nền văn hóa. Kinh thành Huế nằm ngay bên bờ sông Hương, nơi đoạn sông có hai cồn đất nổi lên, trông giống như hai con rồng chầu trước cổng thành. Xa hơn nữa là núi Ngự Bình chắn ngang trông giống như một bức bình phong khổng lồ mà hầu hết các đền đài, dinh thự đều có. Con sông Hương nước trong vắt, là nguồn huyết mạch chính của dân Huế đã giúp cho dân Huế hưởng được những giây phút thoải mái trong những tháng hè oi bức, sau những ngày làm việc cực nhọc. Ai đã từng dạo chơi trên bờ sông Hương, tắm nước sông Hương trong những ngày nắng hạ, ngồi dưới bóng cây bên bờ sông chạy qua thôn Vỹ Dạ những buổi trưa mùa hè, mới thấy sông Hương quả thật là đẹp tuyệt vời.

*

Nhưng oái oăm thay, cái đẹp của sông Hương, cái đẹp của kinh thành, cái đẹp của lăng tẩm, đền đài, cung điện không làm cho dân Huế bớt phần cơ cực. Tình trạng thiếu ăn thiếu mặc kéo dài từ mấy đời vẫn không thay đổi... Gần 20 năm sống trên đất Mỹ, có dịp trông thấy tận mắt những công trình xây dựng quy mô và có kế hoạch của xứ người, chúng ta không khỏi ngậm ngùi và tiếc vì nhân tài của xứ Huế vẫn chưa đóng góp được gì xứng đáng cho quê hương xứ sở. Bàn đến nguyên nhân của tình trạng này không phải là đơn giản vì đó là hậu quả của nhiều yếu tố kinh tế, xã hội, chính trị gộp lại. Sự tìm hiểu các nguyên nhân đó giờ đây thật ra cũng không mấy cần thiết, mà điều quan trọng hơn hết là làm sao tận dụng tất cả khả năng nhân sự và tài nguyên thiên nhiên của quốc gia để xây dựng một xứ Huế mới, giàu có và tạo cho dân Huế một đời sống ấm no hơn.

*

Trong chiều hướng đó, với sự hiểu biết thô thiển của một người dân Huế, tôi chỉ muốn nêu lên đây một vài ý kiến xây dựng để giúp cho những người quan tâm đến tương lai và quyết tâm xây dựng một xứ Huế trù phú, thịnh vượng hơn. Những ý kiến tôi nêu lên đây có thể là có người đã nghĩ tới, có người đồng ý cũng như có người không đồng ý, nhưng dù sao tôi vẫn hy vọng đây là những viên gạch cần thiết cho tòa nhà tương lai.

Về mặt địa dư, Huế không phải thiếu những cấu trúc thiên nhiên như sông, núi, để trở thành một thành phố đẹp. Huế có sông Hương nước xanh trong vắt, có núi Trường Sơn tài nguyên phong phú, có biển Đông có phá Tam Giang, có bãi biển Cảnh Dương, núi Bạch Mã, đèo Hải Vân, biển Lăng Cô, núi Túy Vân, phá Cầu Hai là những nơi phong cảnh đẹp thiên nhiên, có thể trở thành những khu du lịch, giải trí hay nghỉ mát đẹp không thua kém nhiều nơi khác trên thế giới.

Đặc biệt nhất trong các thắng cảnh này là núi Bạch Mã, nằm về phía nam của tỉnh Thừa Thiên, là một nơi có thể biến thành một trung tâm nghỉ mát hay giải trí tuyệt đẹp nhờ khí hậu mát mẻ như Dalat mà lại nằm cách biển Nam Hải không bao xa. Đi sâu vài dãy núi Trường Sơn, vùng núi rừng A Sao, A Lưới gần biên giới Hạ Lào, là khu rừng rậm có nhiều thú để săn bắn. Trở ra phía Bắc của dãy núi Trường Sơn thuộc quận Phong Điền là vùng núi Thanh Tân Ô ồ, có suối nước nóng cũng là nơi lý tưởng để xây dựng một trung tâm du lịch hoặc giải trí như ở Nhật Bản hay Đài Loan. Đó là chưa kể dọc hai bên bờ sông Hương, từ lăng Minh Mạng, qua điện Hòn Chén ra tới cửa Thuận An, có thể mở mang, xây cất thêm để du khách có thể ngắm cảnh bằng thuyền như khu chợ nổi ở Vọng Các hay dòng sông Potomac ở Hoa Thịnh Đốn.

Về mặt lịch sử, Huế được nổi tiếng là nhờ lăng tẩm và chùa chiền, cung điện. Trùng tu các cơ cấu kiến trúc này cũng là một công tác hàng đầu, vì vừa bảo tồn được các di tích lịch sử quý báu của đất nước, vừa giúp cho ngành du lịch của xứ Huế phát triển. Công tác trùng tu này tuy đã được thực hiện, tuy nhiên vì khả năng tài chánh eo hẹp, cho nên chưa đạt đến mức hoàn hảo. Nếu không thực hiện kịp thời, có thể có nhiều kiến trúc sẽ bị đổ nát và như vậy nước nhà sẽ mất đi một số tái sản quý giá.

Về thương mại và kinh tế, Huế nằm trên trục lộ chính nối liền Nam và Bắc, gần hải cảng Đà Nẵng. Hai cửa biển Thuận An và Tư Hiền, nếu được mở mang, cũng có thể làm nơi cho tầu bè cặp bến chuyển vận bằng đường biển. Hai cửa biển này cùng với thương cảng Đà Nẵng sẽ là những cửa khẩu tiếp tế cho Hạ Lào và nhờ đó sẽ tạo thêm công ăn việc làm cho dân Huế. Đập thủy điện Nam Theun có công xuất 1250 megawatt nằm trên sông Mekong sẽ cung cấp đủ điện cho các tỉnh miền Trung Phần, trong đó có Thừa Thiên, sẽ giúp cho các ngành kỹ nghệ và xây dựng hạ tầng cơ sở phát triển dễ dàng, và nhờ đó yểm trợ hữu hiệu cho tất cả các ngành khác.

Về mặt canh nông và kỹ nghệ: Mặc dù nông nghiệp là ngành sản xuất chính, tuy nhiên đất đai cằn cỗi, lụt lội hàng năm lại thêm bị nạn

nước mặn tràn vào tàn phá hoa mầu, cho nên số lượng lúa sản xuất hàng năm không đủ để nuôi sống dân Huế, mà phải tiêu thụ thêm gạo của miền Nam, mặc dầu dân Huế cũng phải chịu cực khổ ăn khoai sắn, bắp, đậu, củ môn, củ nưa để thay cơm. Chế ngự được nạn nước mặn từ biển Nam Hải tràn vào, chắc chắn dân Huế sẽ bớt đói khổ. Vì ngoài gạo, dân Thừa Thiên còn sản xuất được nhiều loại hoa mầu phụ. Những công tác ngăn ngừa nước mặn, dẫn thủy nhập điền có tính cách lỗi thời, vá víu và tạm bợ hoặc bày ra để thủ lợi cá nhân, cần phải được thay thế bằng những công tác đại quy mô, tuy tốn kém nhưng hữu hiệu và lâu bền.

Vùng đất núi chạy dọc theo dãy Trường Sơn rất có thể khai khẩn để làm rẫy trồng những hoa mầu phụ thích hợp với loại đất đỏ. Đặc biệt là vùng đất nằm giữa hai quận Hương Thủy và Phú Lộc có thể trồng cây tràm để biến chế thành dầu tràm. Đó là chưa kể nhiều loại lâm hải sản của dãy núi Trường Sơn và biển Nam Hải chưa được khai thác đúng mức vì thiếu phương tiện. Cơ giới hóa nông cụ và phương tiện canh tác chắc chắn sẽ giúp cho các ngành nông lâm súc và ngư nghiệp phát triển mạnh.

Những công tác đắp đập ngăn nước mặn bằng đất bùn lấy từ ruộng lúa ngay tại chỗ, những công tác tráng nhựa các trục lộ giao thông thực hiện tính cách vá víu và không đúng tiêu chuẩn, những hệ thống dẫn thủy nhập điền thực hiện từ xưa đã hư hỏng hoặc lỗi thời dù có được trùng tu tạm thời cũng chỉ làm tốn hao công quỹ, chứ không giải quyết được gì cả.

Huế cũng là nơi sản xuất một số trái cây đặc biệt như sen Tịnh Tâm, quýt Hương Cần, thanh trà Nguyệt Biều, nhãn Thành Nội, dâu Truồi, mía Mỹ Lợi có thể là một nguồn lợi đáng kể cho dân địa phương nếu biết cải tiến phương pháp canh tác để tăng sản lượng.

Huế không thiếu hải sản tốt, nhưng vì phương tiện khai thác lỗi thời, cho nên sản lượng còn quá thấp, chỉ vừa đủ tiêu thụ trong tỉnh.

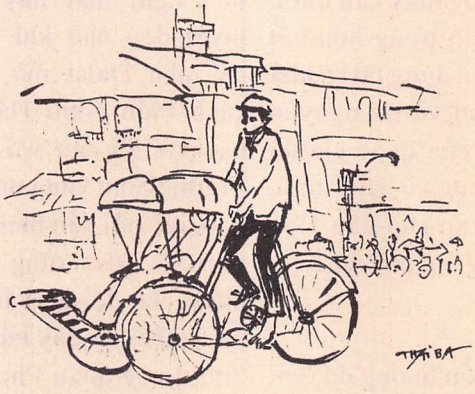

Máy móc tân tiến và kỹ nghệ chế biến phát triển sẽ giúp tăng mức sản xuất và nhờ đó có thể xuất cảng dưới hình thức hải sản tươi hoặc chế biến, ít nhất là sang các nước lân cận, nằm xa bờ biển và cũng là một nguồn lợi đáng kể. Sự tăng gia sản xuất hải sản sẽ tạo thêm nhiều kỹ nghệ phụ thuộc tương tự như trong ngành canh nông. Sự phát triển các cơ sở kỹ nghệ này sẽ giúp mở mang vùng đất chạy dọc theo hai bên quốc lộ nối liền Nam Bắc dọc theo bờ biển hoặc quanh các cửa biển Thuận An, Tư Hiền và các phá Cầu Hai, Lăng Cô, chân đèo Hải Vân là những nơi rất thuận tiện cho việc thiết lập các nhà máy chế biến hải sản cũng như nông sản.

Đồng thời với sự phát triển kinh tế nhờ khai thác tận mức các tài nguyên thiên nhiên để người dân Huế bớt khốn khổ, các chương trình cải cách **xã hội, y tế và giáo dục** sẽ tạo thêm cho dân Huế điều kiện để hưởng một cuộc sống ấm no hơn. Tình trạng này không riêng gì xứ Huế mà cũng là tình trạng chung của toàn quốc... Nhiều trường học, bệnh viện, cơ sở xã hội sẽ được cải tiến và nhờ đó cảnh dầm sương giãi nắng, thiếu ăn, thiếu mặc sẽ không còn là căn bệnh nan y của dân Huế nữa.

Cũng như chương trình canh tân kỹ nghệ và canh nông, các công tác xây dựng **hạ tầng cơ sở và kiến trúc** cũng sẽ được thực hiện quy mô để các thế hệ sau còn được hưởng chứ không thể

thực hiện một cách tạm thời, vá víu và làm cho có để thủ lợi cá nhân như đã từng xảy ra trong thời kỳ chiến tranh.

Trên thực tế kế hoạch phát triển kinh tế không phải đơn giản và có thể hoàn tất trong một thời gian ngắn được, vì còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác. Tuy nhiên sau bài học quý giá thâu thập được từ các nước tiền tiến trên thế giới, cũng như kinh nghiệm đau thương mà người dân thấp cổ bé miệng phải gánh chịu suốt mấy mươi năm, và có thể lâu hơn nữa, về các hậu quả gây nên bởi một thể chế thiếu dân chủ, thế hệ trẻ của chúng ta, sẽ không bỏ lỡ cơ hội để thi thố tài năng của mình. Thế hệ trẻ là những người đã hấp thụ được cái hay, sự tiến bộ của nền văn minh hiện đại, là những người đã và sẽ tốt nghiệp từ các trường lớn trên thế giới, họ sẽ có dịp và có trách nhiệm để góp phần giúp nước.

Là những người con dân hoặc là những người đã từng sống và yêu thương xứ Huế, không ai mà không vui mừng khi thấy xứ Huế, một ngày nào đó, tấp nập du khách, buôn bán sầm uất, dân chúng sống thoải mái, giàu có, không còn cảnh lầm than khổ sở như ngày nay.

Lái một chiếc xe từ một nhà nghỉ mát trên đỉnh núi Bạch Mã, về ăn một bữa cơm ngon lành bên bờ sông Hương, đáp du thuyền ngược dòng sông viếng lăng tẩm thắng cảnh miền núi, nghe tiếng thông reo vi vút, trở về tắm biển Thuận An nước trong gió mát hoặc ghé Cầu Hai lái thuyền ra phá thả cần câu cá để rồi trở lại Bạch Mã vui hưởng tiếp cuộc vui cuối ngày, quả thật không gì thú bằng. Huế ngày đó sẽ không thua gì các trung tâm du lịch hoặc thành phố đẹp trên thế giới.

Quý vị và các bạn hãy tưởng tượng đi và hãy cố làm sao cho giấc mơ này sớm biến thành sự thật.

Mùa Hè 1994, California

• *Hoàng Giao.*

HUẾ

Thơ

Tôi về thăm xứ Huế
Thuyền cột gốc sung già
Ngẩng mặt nhìn trăng
Chỉ thấy vạn tinh cầu lấp lánh
Từ vô biên về đậu trên cành

Tôi về thăm Vỹ Dạ
Thuyền cột gốc sung già
Ngoảnh mặt nhìn sông
Chỉ thấy vạn tinh cầu lấp lánh
Lơ lửng trôi xuôi
Đây Hương giang hay sóng nước Ngân hà

Tôi về thăm dĩ vãng
Thuyền cột gốc sung già
Quay lại tìm em
Chỉ thấy vạn tinh cầu lấp lánh
Xa vắng hư vô tận đáy tâm hồn
Mất người xưa hay trời sao xứ Huế
Chuyện ngày xưa hay muôn kiếp u hoài

• *M.K.N*

Vài Dữ Kiện Về Nguyễn Văn Tường 14.10.1824 - 31.07.1886

Tôn Thất Hứa

Mở Đầu:

Nguyễn Phước Tường, tên một người đậu tú tài trúng tuyển khoa thi Hương năm Thiệu Trị thứ 2 (1842) bị nhà vua tìm thấy. Vua Thiệu Trị lập tức gạch tên người ấy đi đổi tên là Nguyễn Văn Tường giao cho Viện Đô sát trừng trị về tội mạo dụng họ nhà vua, đồng thời dụ rằng: "Từ xưa thánh nhân đặt lễ: trên có thứ bậc, dòng họ, có phân biệt, đó là để nêu rõ sang hèn và phân chia thân sơ. Đức Thái Tổ Gia Dụ Hoàng Đế ta gây dựng nước nhà, lấy Nguyễn Phúc làm họ nhà vua đến niên hiệu Minh Mạng lại có dụ nhắc lại: *Phàm người không phải họ nhà vua mà dưới họ Nguyễn của mình mạo đặt chữ PHÚC thì cho dùng chữ khác để thay.* Điều ấy quan, dân trong ngoài ai cũng biết mà kính cẩn kiêng tránh. Văn Tường đã đi học, đi thi, không thể nói là không biết, sao lại còn mạo muội đổi họ vua? Quan tỉnh Quảng Trị và học quan ở phủ, huyện sở tái xét hạch thu quyển cứ việc sắp xếp đưa đi! Quan Quốc Tử Giám và quan trường lại không người nào kiểm điểm nêu ra! Sao mà đui điếc cả một lũ đến thế! Bộ Lễ trước đây thu nhận danh sách cũng bỏ qua không biết! Tất cả đều là sơ sót, vậy giao cho Viện Đô sát nghị xử." Khi Viện Đô sát xét xong, dâng bản án lên vua, vua giao lại đình thần, cuối cùng Văn Tường bị khổ sai một năm, các học quan ở tỉnh, phủ, huyện, quan Quốc Tử Giám, quan trường chấm thi, bộ Lễ và Viện Đô sát đều bị "phân biệt, giáng phạt".

Ngay sau đó Thiệu Trị lại dụ thêm rằng: "....vậy chuẩn định, tự nay phàm kẻ nào cố ý lạm mạo họ vua, nếu hai chữ họ hay hai chữ tên mà phạm vào dòng dõi thế hệ thuộc tôn thất, chi gần nhất, thì chiếu theo luật *"luật đại bất kính"* xử tử, nếu phạm đến tôn thất chi xa thì chiếu theo luật *"con nuôi, mạo tập ấm"* phạt đi sung quân ở nơi lam chướng; nếu cô phạm để cậy quyền thế sách nhiễu hay mưu toan để thừa kế tập phong sẽ lại bị trị tội nặng thêm nữa. Những người thuận cho và những người biết việc ấy mà không tố cáo đều giao bộ nghị xử nghiêm phạt.

Những điều trên đây đều đặt làm lệ lâu dài. Vậy dụ khắp trong ngoài để mọi người biết mà tránh không vi phạm".

Đúng là một chữ "phúc" mang họa đến cho hàng chục người cũng là bước đầu trên đường tiến thân của Cụ Nguyễn Văn Tường.

• I. Bước đường làm quan:

Nguyễn Văn Tường sinh ngày 22 tháng 8 năm Giáp Thân (14.10.1824), mất ngày 1 tháng 7 năm Bính Tuất (31.7.1886) tại Tahiti, quê quán làng An Cư, tổng An Cư, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Xuất thân trong

một gia đình tiểu nông nghèo, con ông Nguyễn Văn Dậu và bà Dương Thị Liên. Hồi bé ông Nguyễn Văn Tường rất ham học.

Theo Tiến Sĩ Thái Văn Kiểm, tương truyền Tường là con riêng của Tường Khánh Công, về sau lên ngôi là vua Thiệu Trị. Nguyên Tường Khánh Công theo cha (vua Minh Mạng) tuần du tỉnh Quảng Trị, tình cờ gặp cô gái xinh đẹp, bèn dan díu với cô mà sinh ra một con trai, mẹ đặt tên là Tường để lưu niệm tên của cha, có lẽ vì lẽ đó mà ông đã mang tên Nguyễn Phước Tường. Tường đi thi Hương năm 1842. Mười tám tuổi, đậu được tú tài trong lần thi đầu tiên, hẳn là gia đình và bản thân lấy làm sung sướng và hãnh diện, có ngờ đâu chính là tai họa. Nguyễn Phước Tường phải đổi tên là Nguyễn Văn Tường, bị tước bỏ bằng cấp, bị tội đồ một năm và suốt đời không được đi thi. Phải đợi đến tám năm sau, gặp cơ may, ông mới được vua Tự Đức xóa án. Ân khoa 1850, Nguyễn Văn Tường đi thi và đậu cử nhân. Cuộc đời làm quan của ông bắt đầu từ một nhiệm sở miền núi, tiếp giáp với Lào, huyện Thành Hóa về sau đổi là Cam Lộ. Ông đã từng theo Trần Tiễn Thành công tác đặc biệt vào năm 1857. Trong tám năm (1852 - 1860) là thời gian để ông Nguyễn Văn Tường có thể tìm hiểu về phong thổ, đất đai và dân cư kinh thượng và thi hành công cuộc khẩn hoang tạo điều kiện cho dân tụ, buôn bán và trao đổi. Ông thường vượt sông Hiền Lương lui tới nhà bá hộ Lộc ở chợ huyện Vĩnh Linh. Ông này có con gái khá xinh mà ông Tường có ý định cưới về làm thiếp. Nhưng khi ông Nguyễn Văn Tường được thăng liên tiếp trong ba năm từ Án Sát, Bố Chánh đến Tuần Vũ ông bỏ lơ luôn không lai vãng đến nhà bá hộ Lộc nữa. Về sau có lần ông Nguyễn Văn Tường đi kinh lý qua chợ Huyện, cô con gái ông bá hộ đang ngồi giặt áo dưới sông, ngước mắt lên trông thấy ông Tường, bèn hát một câu mà dân Quảng Trị còn truyền lại như sau:

Hỡi người mặt trắng râu xanh
Phải người chợ Huyện bạn mình đó không?

Quả thật ông Tường có tướng mạo khác thường: mặt trắng mà râu xanh biểu trưng người lắm mưu mẹo.

Trở về kinh, ông giữ chức Viên ngoại bộ Hình, được cụ Trần Tiễn Thành đánh giá là người có năng lực, tiến cử với vua Tự Đức. Chỉ một năm sau 1862, ông Nguyễn Văn Tường được thăng Án sát Quảng Nam (chánh tứ phẩm), rồi Tả Lý bộ binh (1863) và Thừa Thiên Phủ Doãn (1864), kiêm nhiệm Khuyến Nông Sứ Thừa Thiên và Quảng Trị. Vì cuộc khởi nghĩa đêm mồng 8 tháng 9 năm Bính Dần (1866), gọi là giặc Chày Vôi dưới quyền điều khiển của Đoàn Hữu Trưng, ông bị cách chức. Về sau được khai phục hàm biện từ (chánh thất phẩm) Nguyễn Văn Tường lại trở về huyện Thành Hóa để lo mở mang vùng núi tỉnh Quảng Trị.

Tình hình Bắc Kỳ khẩn trương vì bọn giặc khách, ông Nguyễn Văn Tường được cử ra Bắc làm Tán lý quân vụ. Chính trong thời gian này mà Nguyễn Văn Tường có dịp trao đổi bàn bạc với các ông Trương Văn Để, Phạm Thận Duật, Ông Ích Khiêm, Hoàng Diệu, Hoàng Tá Viêm và Tôn Thất Thuyết. Qua các bản tấu gửi về triều chứng tỏ khả năng là người có óc mưu lược luôn luôn được vua Tự Đức hỏi han tình hình về đất Bắc. Ông cũng đã nhiều lần sang Long Châu gặp Phùng Tử Hào để bàn việc hợp sức tiểu phỉ.

Nắm những chức vụ quan trọng đó, Nguyễn Văn Tường đã nghĩ gì về người Pháp:

- "Người Phú... có trí tham lam giảo quyệt, sánh với Hung nô, Khiết Đan thì càng

hơn hẳn", (bản tấu ngày 6.2 Tự Đức 21 - 1868).

- "Thần trộm xét sự thể nước ta đến đây thật khó liệu... người Tây xảo trá trăm mối, việc nghe đoán càng phải thận trọng"... (bản tấu ngày 6.2 Tự Đức 21 - 1868).

- "Trộm xét các nước Tây phương thường chuộng công lợi mà tham lam giảo quyệt, mà nước Phú và nước Anh là nhất" (Tấu ngày 22.3. Tự Đức 21 - 1868).

Trong các tấu gửi lên vua Tự Đức, ông đã bày tỏ lập trường:

- Hòa thì có gì để trông cậy?

- Người xưa có nói rằng chiến rồi, sau mới thủ được, thủ rồi mới có thể hòa được, cũng là cái thế lực tương đương vậy.

- Hòa để mưu giữ, giữ để mưu chiến mới hợp cơ nghị, mà may mắn mới không sai lầm... cái hòa ngày nay thực là ngược với lời bàn của dân chúng (Tâu, 8.3 - Tự Đức 21 - 1868).

Ông cũng đã nói: Không lo bọn giặc ngang ngược, chỉ lo ta không thể tự cường; không lo bọn giặc tham tàn, chỉ lo ta không thể tự giữ. Rồi ông lại đặt ra hàng loạt câu hỏi: Kinh sư là đất căn bản, đồn lũy đã vững chăng? Khí giới đã tinh chăng? Chí quân lòng dân đã được khích lệ chăng? Đường bộ đường thủy phòng bị đã vững chăng? Quân lương, binh lính làm thế nào cho tinh và đủ? Hào mục sĩ dân làm thế nào cho chuyên luyện? Nơi nào hiểm yếu cần phải giữ, phép phòng thủ nào tất vững? (Tấu 22.3 - Tự Đức 21 - 1868).

Năm 1873, nhân vụ Jean Dupuis, Nguyễn Văn Tường được triệu về Huế, lãnh chức phó sứ cùng với Lê Tuấn vào Sàigòn thương thuyết với Pháp.

Đối với thực dân Pháp, mặc dù Tôn Thất Thuyết trấn thủ xa kinh đô cũng thường lưu tâm đến việc phòng chống Pháp. Cũng trong năm 1873, trong sớ tâu bày bốn việc gởi vua Tự Đức, Tôn Thất Thuyết đã đề nghị: Hà Nội là một trấn ở Bắc Kỳ, rất quan yếu, xin chuẩn cho quan khâm mạng Nguyễn Tri Phương về trấn trị, cho nơi căn bản được vững.

Khi thành Hà Nội thất thủ, các tỉnh Ninh Bình, Nam Định và Hải Dương bị mất, Hoàng Tá Viêm và Tôn Thất Thuyết đem quân về đến huyện Từ Liêm cho quân Lưu Vĩnh Phúc khiêu chiến và phục giết được Francis Garnier ngày 2 tháng 11 ta, tức 21.12.1873 dương lịch. Tự Đức khiếp nhược sợ Pháp phản ứng ảnh hưởng đến việc xin trả thành nên sai Trần Đình Túc báo cho Hoàng Tá Viêm, Tôn Thất Thuyết phải rút quân. Viêm và Thuyết trả lời "...tướng ở ngoài chỉ lo việc đánh giặc..." Nguyễn Trọng Hợp, Trương Gia Hội phải đến quân thứ bàn bạc, Hoàng Tá Viêm, Tôn Thất Thuyết mới thuận nghe, đóng binh bất động.

Trong khi ấy,theo lời xin của Đại úy Francis Garnier trước kia, Pháp súy đã sai chiếc tàu Decrès đem hơn 100 quân và nhiều lương thực, súng dạn ra tiếp tế cho quân Pháp ở Bắc Kỳ. Tàu Decrès đến Hải Phòng gần một lúc với tàu d'Estrées chở Nguyễn Văn Tường và Philastre (Philastre là hải quân đại úy kiêm chức thống soái việc hình luật ở Nam Kỳ). Ngày 5 tháng 11, tàu d'Estrées chở các quan sai phái đến cửa Cấm mới hay rằng Đại úy Francis Garnier đã bị quân Cờ Đen do Lưu Vĩnh Phúc phục kích giết ở Cầu Giấy. Tài liệu tìm thấy cho biết rằng ông Philastre tức giận vỗ bàn mà bảo Nguyễn Văn Tường rằng: "Việc không xong rồi phải trở về đợi lệnh súy phủ mới được". Ông Nguyễn Văn Tường sợ ông Philastre giận quá mà làm nhỡ việc, mới ung dung nói: "Việc đánh lấy thành Hà Nội súy phủ bảo không phải là bản ý, mà quân bản quốc ở 4 tỉnh Bắc Kỳ cũng không tranh dành gì cả; vậy cả hai bên không có gì làm điều trái nhau. Nay đại úy Francis Garnier chết, hoặc là bị giặc giết hoặc vì dân nổi lên làm loạn, việc ấy chưa rõ. Huống chi trả thành lại để định hòa ước cho xong, ấy là lệnh của súy phủ, mà thu lấy thành rồi mới nghị hòa, ấy là mệnh của bản quốc. Còn như việc Hà Nội giết đại úy Francis Garnier thì cũng như đại úy Francis Garnier giết ông Nguyễn Tri Phương, việc đó xuất tự ý ngoài chứ có phải lỗi chúng ta đâu. Bây giờ chúng ta ra đây, mất chưa trông thấy việc gì cả, mới nghe thấy tin báo mà đã bỏ về, thế chẳng hóa ra mình đi uổng mất công hay sao? Chi

bằng cho người đưa thư lên Hà Nội bảo đem tàu xuống đón, chúng ta sẽ tới nơi, hoặc cứ theo mệnh lệnh mà làm, hoặc là xét rõ nguyên do tại làm sao mà đại úy Francis Garnier chết, rồi sẽ báo tin, thế chẳng ổn việc làm sao?" Ông Philatre nghe lời ấy, bèn sai người đưa thư lên cho Hà Nội biết.

Ngay lúc ấy tàu "Decrès" còn đóng gần Đồ Sơn, ông Philastre muốn sang tàu ấy để cho chiếc tàu mình đi là "D'Estrées" trở về báo tin cho Sàigòn biết. Nguyễn Văn Tường ngăn đi rằng: "Tàu của mình đã vào cửa rồi lại trở ra, nhỡ sĩ dân biết, lại bắt chước Hà Nội mà làm bậy thì làm thế nào mà ngăn cấm được; sợ có việc tổn hại, thì lấy lẽ gì mà bẩm với quý súy. Vậy nay xin sai chiếc tàu "Decrès" ra bể, đuổi đánh những giặc Tàu Ô, còn cứ đem tàu "D'Estrées" vào đến Hải Phòng, rồi ta lên Hải Dương, đem trả tỉnh thành lại cho bản triều, để tỏ cả lòng tin cho sĩ dân biết, sau ta lên Hà Nội giao trả nốt cả mấy thành kia và tra hỏi việc đại úy Francis Garnier chết ra thế nào sẽ bẩm cho quý súy biết".

Ông Philastre lên tới Hải Dương truyền trả thành lại cho ta, rồi lên Hà Nội làm tờ giao ước trả lại cả 4 thành cho quân ta coi giữ, còn những tàu bè và quan lính Pháp ở các tỉnh thì thu cả về Hà Nội, rồi định ngày rút quân ra đóng ở Hải Phòng đợi đến ngày ký tờ hòa ước xong thì rút về.

Rheinart hải quân đại úy đến Hà Nội giữ chức Trú sứ. Tháng giêng năm sau (Giáp Tuất, 1874, Tự Đức 27) Philastre và Nguyễn Văn Tường về đến kinh, vua khiến các quan đến cám ơn quan Thống Sát và ban một đạo dụ biểu dương công khó đối với nước ta. Nguyễn Văn Tường rất được vua Tự Đức tín nhiệm sau việc ký với Philastre thỏa ước rút quân Pháp (7/1/1874 và 6/2/1874) được thăng Thượng Thư Bộ Hình và phong Kỳ Vĩ Bá.

Hiệp ước ngày 15/3/1874 (Thương ước Giáp Tuất) Tự Đức 27, mất thêm ba tỉnh miền Tây giữa Lê Tuấn và Nguyễn Văn Tường đại diện chính quyền Đại Việt với Thống đốc Dupré đã đưa Nguyễn Văn Tường trở thành nhân vật có uy tín rất lớn tại triều đình. Sau khi ký thương ước 31/08/1874, Nguyễn Văn Tường được giữ chức Thượng Thư bộ Hình kiêm quan Thương Bạc viện và sung viện Cơ Mật. Xin lược ra đây chi tiết nổi bật đó:

- Năm 1874, vua Tự Đức bảo quan viện Cơ Mật và Thương Bạc rằng điều hay thì không điều nhỏ nào mà không ghi lấy, huống chi là có công lớn, Viêm và Thuyết mùa đông năm ngoái giết được đầu sỏ giặc (Francis Garnier) làm mất nhuệ khí của chúng, Nguyễn Văn Tường nhân đấy đã làm nên việc.

Rheinart (súy phủ Sàigòn sai ra thay cho ông Philastre sau khi mọi việc ở Hà Nội xếp đặt xong) đã viết với giọng điệu mỉa mai:

"Kể từ năm 1874 (Nguyễn Văn Tường) trở thành nhân vật ảnh hưởng nhất triều đình Huế. Được coi như con người dũng mãnh đã làm cho Pháp phải nhả Bắc Kỳ, nay Tường cũng được như người có khả năng làm cho Pháp nhả nốt Nam Kỳ" (thư gửi Thống Đốc Nam Kỳ 30/11/1881).

Rheinart đã không lầm chút nào khi đánh giá về ông: "Khi trở thành *đứng đầu phe cứng rắn*, chính Tường đã xui Tự Đức coi thường hiệp ước năm 1874" và De Champeaux đã vận động với Trần Tiễn Thành để Nguyễn Văn Tường thôi giữ chức "Thương Bạc" và còn tiếp tục vận động chống lại Nguyễn Văn Tường:

"Quan Thương Bạc" vẫn còn là Thượng Thư bộ Hộ và thành viên viện Cơ Mật (nguyên văn: Thứ trưởng viện Cơ Mật). Với tư cách sau ông vẫn còn có thể chống đối chúng ta. Muốn thoát nạn, ta còn phải đập ông tan tành cả ở phía ấy".

Trong quá trình nghiên cứu về sự kiện "tứ nguyệt tam vương" những nhân vật chính yếu trong triều đình Huế bấy giờ là Trần Tiễn Thành, Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường và Phạm Thận Duật. Tài liệu chính sự quá ít ỏi và tùy theo cái thế mạnh hay yếu của đương sự mà để được đề cao hay bôi nhọ. Tài liệu về phía người Pháp có nhiều nhầm lẫn hoặc vô tình hoặc cố ý. Do đó những tư liệu thuộc về gia đình, bia mộ, gia phả, sắc tứ, thơ văn, biểu tấu.... là những tài liệu đối với người viết là

vô cùng cần thiết và quan trọng để có một nhận xét khách quan của hậu thế.

Về nhân vật Nguyễn Văn Tường, khoa Sử trường Cao Đẳng Sư Phạm Saigon cho đến năm 1991 đã sưu tập được 6 tập với khoảng 700 trang chữ Hán. Qua khảo sát hình thức và nội dung văn bản và chỉ dẫn của "Gia Phổ chi NGUYỄN VĂN" đã xác nhận nguồn gốc các tư liệu ấy do hàng cháu nội cụ Nguyễn Văn Tường là các ông Nguyễn Văn Tài, Nguyễn Văn Hiếu và Nguyễn Văn Phụng... đã ra sức đến các nha môn, bộ, viện sưu tầm tài liệu, phân chia ra từng loại, biến thành từng tập rồi lưu chiếu tại tư đường để làm gia bửu. Cụ Nguyễn Mạnh Cường thuộc khoa Ngữ văn Đại Học Sư Phạm Huế đã dịch được ba tập":

1.- Bắc Kỳ tấu nghị: (Nguyễn Mạnh Cường dịch) gồm có gần 20 bản tấu của Nguyễn văn Tường gửi cho vua Tự Đức trong thời gian lo việc quân ở Bắc Kỳ liên hệ đến việc đánh dẹp phỉ, trong đó có bản tấu Nguyễn Văn Tường nhận xét đến tính cách con người của các quan lại ở Bắc Kỳ như Hoàng Kế Viêm, Ông Ích Khiêm, Trương Văn Để và Tôn Thất Thuyết... theo lời yêu cầu của vua Tự Đức.

2.- Nam Kỳ tấu nghị: (Trần Đại Vinh, Ngô Thời Đôn... liệu dịch) gồm có 21 bản tấu, tạ biểu của Nguyễn Văn Tường gửi lên vua Tự Đức ta năm 1868 - 1875. Nội dung chính là tình hình ngoại giao với Pháp từ sau khi Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây (1867).

3.- Tập các văn thư của Nguyễn Văn Tường với tư cách Thương Bạc đại thần gửi cho Pháp, tạm gọi là tập **Thương Bạc Viện.**

Chẳng may các châu bản nhà Nguyễn đã thất thoát nặng nề do chiến tranh, do việc di chuyển từ Huế lên Đà Lạt dưới thời Ngô đình Diệm rồi thành phố Hồ Chí Minh sau 1975 cuối cùng là do thiếu điều kiện bảo quản.

4.- Một tập **Việt Trung giao thiệp** gồm có các văn thư của Nguyễn Văn Tường gửi các quan, tướng Trung Hoa về việc cùng hợp sức tiểu phỉ.

Bắc kỳ tấu nghị và Nam kỳ tấu nghị chính là những châu bản. Đó là các bản tấu được gửi về triều đã được Tự Đức đọc và phê hoặc khuyên bằng son. Nôi dung thật phong phú và vô cùng quý giá. Từ những tài liệu mới này chúng ta có thể tìm hiểu về

- Vua Tự Đức.
- Các quan đại thần đương thời.
- Tình hình giao thiệp với Pháp và Trung Quốc.

Điểm chính mà người viết muốn đem ra là quan điểm chính trị của Nguyễn Văn Tường trước và sau biến cố Ất Dậu vào đêm 4 rạng ngày 5 tháng 7 năm 1885 (tối 22 rạng qua ngày 23 năm Ất Dậu).

Hơn một thế kỷ đã qua kể từ ngày Tôn Thất Thuyết phát lệnh tấn công quân Pháp năm 1885 tại Huế để dành lại chủ quyền đất nước. Ngoài những dữ kiện đã được nêu lên trong *"Quanh sự kiện Tôn Thất Thuyết, tuyển tập Nhớ Huế số 5"* thiết tưởng những điểm sau đây cũng nên mang ra một lần nữa để xác định chỗ đứng vai trò của những nhân vật đã tham dự chính biến Ất Dậu. Một trăm năm đã để lại khá nhiều ý kiến khen chê về Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường. Nhận định về Tôn Thất Thuyết qua vai trò lịch sử của ông, trước hết không thể không lau sạch những lớp bụi mờ đã phủ lên khuôn mặt lịch sử. Xác định chỗ đứng của Nguyễn Văn Tường trước và sau biến cố Ất Dậu cần phải có những tài liệu của cá nhân, của giòng họ, tài liệu mới tìm thấy ở quê

nhà và những tài liệu đã xuất bản tại Pháp qua các công báo, sách vở.

Ngay khi còn sống, khi cả hai Phụ Chánh Đại Thần còn nắm mọi quyền hành trong tay đã là một đề tài của một loạt nhận định sai lầm mà đến nay chưa mấy ai quên được câu ca dao:

Nước Nam có bốn "anh hùng"
Tường gian, Viêm láo,
Khiêm khùng, Thuyết ngu
Lại thêm hai đứa vũ phu
Đề Đức, Đề Soạn cong khu chịu đòn.

Tên của hai Ông Thuyết và Tường gần rất sát với nhau, một bài thơ truyền tụng ở Huế càng để lại những ấn tượng không đẹp về hai ông.

An Nam quốc vận ngẫu tai ưởng,
Kỷ cá gian hùng cấu loạn trường.
Diện mục hoành sinh Tôn Thất Thuyết
Nhân sinh da bạch Nguyễn Văn Tường.
Chấm quân thủ tước tân danh Nghĩa,
Sát tướng cầu quan bản tính Trương.
Khứ quốc khả lâu minh triết giả
Hà thời chiêu tuyết dịch cường thường?

Có người đã dịch ra như sau:

An Nam vận nước gặp tai ương,
Mấy đứa gian hùng loạn mối giường.
Khuôn mặt dầy phè Tôn Thất Thuyết
Con ngươi trắng dã Nguyễn Văn Tường
Hại vua lấy tước này tên Nghĩa,
Giết tướng cầu quan vốn họ Trương.
Bỏ nước thương thay người triết giả,
Bao giờ định lại được cương thường?

Tương truyền bài thơ đó đã được nhiều người họa lại, đến nay chỉ còn lưu lại hai câu:
Nhất giang lưỡng quốc ngôn nan Thuyết
Tứ nguyệt tam vương triệu bất Tường.

Dịch ra:

Một sông hai nước lời khôn nói
Bốn tháng ba vua triệu chẳng lành.

Có một thời nhắc đến Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường chỉ cần dùng từ "hai gã" hay "hai chàng" dể ám chỉ mà ai cũng hiểu. Những lời chỉ trích nặng nề lại được truyền đi mà không có một ai cải chính vì kẻ bị chỉ trích đã bị thất thế trở thành tội nhân của triều đình, tài sản bị tịch biên, gia đình bị tầm nã, nếu sa cơ bị giết cái đầu của tội nhân (Tôn Thất Thuyết) cũng mang lại cho người sát thương một số tiền kếch xù. Những luận điệu trên không phải là không có ác ý, đây là giọng lưỡi của những kẻ chủ hòa, thỏa hiệp với Pháp những người mà Tôn Thất Thuyết đặt họ ở vị trí phải thanh toán. Họ tỏ lòng tiếc thương "người triết giả" Tuy Lý Vương Miên Trinh đã âm mưu cùng Hiệp Hòa và Trần Tiễn Thành giết Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường. Khi âm mưu bại lộ đã đem vợ con chạy về Thuận An núp bóng thực dân. Trần Tiễn Thành bị giết tại nhà riêng ở Gia Hội Huế mà họ tức tối là người mấy chục năm "một lòng" chủ hòa."

Việc Tôn Thất Bá, kẻ đã bỏ thành trốn lúc Pháp tấn công Hà Nội vào năm 1882, về kinh lại tung tin làm nản lòng người "sức người Pháp 10 phần ta chỉ có 2 phần" đến tai Tôn Thất Thuyết chỉ cách mấy giờ sau Tôn Thất Bá bị bắt trói và giam tại ngục Phủ Thừa.

Trong triều kể từ khi Pháp xâm lược (1835) tất là đã có nhiều ý kiến: chiến, thủ, hòa đã là mầm mống có sự phân hóa bên trong hàng ngũ quan lại cũng như hoàng tộc. Tự Đức là một vị vua thiếu quyết đoán song lại có kinh nghiệm nắm giữ triều chính, quản lý quan lại. Như vậy sự phân hóa trong hàng ngũ quan lại cũng như hoàng tộc chỉ lộ diện sau khi Tự Đức băng hà ngày 16 tháng 6 năm Quý Mùi (19. 07. 1883) và cũng từ thời điểm đó trong bối cảnh đấu tranh giữa những kẻ chống Pháp và những kẻ muốn thỏa hiệp với Pháp, nhóm chủ chiến do Tôn Thất Thuyết thành hình. Các triều thần trọng yếu vẫn là Trần Tiễn Thành (70 tuổi), Nguyễn Văn Tường (59 tuổi), Phạm Thận Duật (58

tuổi, đã đi sứ Thiên Tân vào đầu năm 1883), Tôn Thất Thuyết (44 tuổi).

- **A. Việc phế vua Dục Đức, vua thứ nhất trong "Tam Vương"**

Về việc này Trần Trọng Kim đã viết "được ba ngày thì Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết đổi tờ di chiếu, bỏ ông Dục Đức mà lập em vua Dực Tông..... Triều thần ngơ ngác....." Sự thật như thế nào? Vua Tự Đức có 3 người con nuôi Ưng Chân, Ưng Đường và Ưng Đăng. Theo di chiếu thì không ai xứng đáng kế vị cả.

- Ưng Chân, tức là vua Dục Đức Hoàng, trưởng tử, lớn tuổi có học... nhưng có nguy cơ mù vì đã bị bệnh mắt. Tính lại hiếu dâm..... chưa chắc đảm đương nổi việc lớn.

- Ưng Đường, tức là vua Đồng Khánh người yếu ốm, có tâm tật, học không thâm mà kiêu ngạo, hay bới việc riêng của người ... đều không phải là tư chất thuần lương theo lời phải, sợ bọn người khó lấy lời nói can được.

- Ưng Đăng, tức vua Kiến Phước tuổi còn ít, đương học chưa thông, đương lúc khó khăn này chưa chắc đã am hiểu.....

Tự Đức chọn Ưng Chân chỉ vì một lý do duy nhất "nước cần có vua nhiều tuổi, đương lúc khó khăn này, không dùng hắn thì dùng ai?" Có một điều Tự Đức hẳn biết mà không viết ra là khi còn hoàng tử Ưng Chân đã "Thường hay đi lại với người Pháp" và hẳn là quan hệ vô cùng đầm thắm khiến Rheinart sau này với địa vị Khâm Sứ đã "Nghĩ đến tình cũ mà truyền lập Ông Bửu Lân" (Bửu Lân là con của vua Dục Đức) mới 10 tuổi đang cùng với mẹ ở trong ngục lên làm vua.

Dục Đức ngay từ lúc mới vào cung đã vội vã củng cố thế lực, vi phạm nghi lễ, tự quy định sinh hoạt của triều đình và điều nguy hiểm nhất là tiếp kiến linh mục Thọ khiến triều thần nghi ngờ. Cả Nguyễn Văn Tường lẫn Tôn Thất Thuyết không đồng tình với thái độ cũng như hành vi của vị vua mới. Trong tình hình không được yên thắm như thế, Dục Đức lại phạm vào một lỗi lầm rất lớn là sửa đổi di chiếu của vua Tự Đức tạo ra nguyên cớ chính đáng để Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường đề nghị với triều thần và thái hậu Từ Dụ phế bỏ vua Dục Đức ngay trong ngày lễ đăng quang.

Hạnh Thục Ca cũng ghi nhận điều ấy.

Tự quân chưa chính ngôi trời
Chiếu thư lại cải, quên lời sách xưa
Văn Tường, Tôn Thuyết chẳng lo
Bắt cùng lỗi ấy, phiếm Từ dâng lên.

Ràng buộc bởi ý di chiếu *"nước cần có vua nhiều tuổi"* Tôn Thất Thuyết đã vận động triều thần đề nghị Vãng Lạng Quốc Công Hồng Dật, con thứ 29 của vua Thiệu Trị và em út vua Tự Đức 36 tuổi lên kế vị.

- **B. Vua thứ hai: Hiệp Hòa và sự thắng thế của nhóm thân Pháp.**

Tiếc thay Hiệp Hòa đã quyết đoán nhiều sự việc đi ngược lại quyền lợi người dân mặc dù đã tỏ ra một ông vua dám quyết đoán. Để củng cố quyền lực, Hiệp Hòa muốn dựa vào Trần Tiễn Thành nên dù Trần Tiễn Thành bị đình nghị về tội sửa đổi di chiếu theo điều luật *"truyền tả chiếu thư sai lầm."* Hiệp Hòa chỉ phạt Trần Tiễn Thành giáng hai cấp, lưu nghĩa là Trần Tiễn Thành vẫn quản lý binh bộ sự vụ. Tuy Lý Vương, Hồng Hưu, Nguyễn Trọng Hợp, Trần Văn Chuân được cất nhắc cùng với Hồng Tu, Hồng Sâm, Hồng Phi. Nhóm chủ hòa thân Pháp đã trội hẳn lên ngay sau khi phế vua Dục Đức.

Cộng với việc củng cố thế lực, Hiệp Hòa đã thi hành những biện pháp hạn chế quyền hành của hai vị phụ chánh: các tờ tấu của 6 bộ không còn qua các vị phụ chánh mà chuyển thẳng ngay vào nội các (văn phòng của nhà vua) duyệt xét. Hiệp Hòa còn ngầm xui Tôn Thất Thuyết và Nguyễn văn Tường hại nhau song kế ly gián không có kết quả.

Song điều tại hại nhất là Hiệp Hòa chủ trương nhượng bộ Pháp gần như vô điều kiện, mặc cho Pháp bức hiếp quan lại ở Bắc Kỳ và cuối cùng là cấu kết với Pháp để loại trừ những phần tử quyết tâm chống lại thực dân Pháp.

...n quân Pháp chuẩn bị

đánh Huế, Hiệp Hòa vội vàng cử Tham tri bộ binh Nguyễn Thành Ý cùng với thông ngôn Nguyễn Cư xuống Thuận An để cho thương thuyết. Hiệp Hòa ra lệnh không được gây hiềm khích với Pháp khi quân Pháp đến thám sát Tư Hiền. Và ngay khi quân Pháp tập trung chuẩn bị tấn công Huế, Hiệp Hòa sai Chưởng Vệ Nguyễn Sỹ, giao cho Tôn Thất Thuyết ngự bài với lời căn dặn:

"Nếu giảng hòa được cũng nên tòng quyền làm kế hoãn binh..... Nếu cậy khỏe, hiếu thắng, không biết cơ nghi, tất phải trách cứ rất nặng."

Chính thái độ của Hiệp Hòa đã khuyến khích Pháp nổ súng để sau đó áp đặt hòa ước. Pháp không còn chấp nhận nói chuyện với Nguyễn Thành Ý và cùng lúc tấn công chiếm thành Trấn Hải. Hiệp Hòa liền cử Lâm Hoàng và Trần Thúc Nhẫn xuống thương thuyết. Lâm Hoàng đã hy sinh với Lê Sỹ; Lê Chuẩn và Trần Thúc Nhẫn phải tự tử. Nguyễn Trọng Hợp, Thượng thư bộ Lại được phái ngay xuống Trấn Hải để thương thuyết (ngày 20.08.1883) và kết quả là 5 ngày sau hòa ước Quý Mùi nhục nhã được ký kết. Ông Ích Khiêm giữ đồn Hòa Quan bất mãn đã mở cờ gióng trống kéo quân trở về kinh thành như một đoàn quân thắng trận!! Ông bị nhà vua trách mắng và đổi sang làm Biện lý bộ Lễ và Tôn Thất Thuyết không có cách nào hơn là nạp lại cờ lệnh và ngự bài cho nhà vua.

Bản hiệp ước mà chính ngay nhà vua cũng công nhận là có "những điều khoản trong hòa ước... bị kém, bị nhục, khó chịu" lại được Hiệp Hòa sốt sắng thi hành: 4 lần xuống dụ buộc các quan thứ Bắc kỳ phải rút quân và cử Nguyễn Trọng Hợp, Thượng thư bộ Lại làm Khâm sai ra Bắc Kỳ để ra lệnh thực thi hòa ước. Nhiều quan lại ở Bắc Kỳ bị Pháp bắt và làm nhục hoặc bắn chết hay đem về Gia Định: Trần Đôn, Tri huyện An Dương Hải Dương bị bắt nhảy xuống sông tự tử, Tuần phủ Hưng Yên Nguyễn Văn Thân bị bắt và bị bắn, Bố Chính Hải Dương Vũ Túc bị làm nhục tức uất mà chết, Bố Chính Ninh Bình bị bắt trói ở núi Dục Thủy... Được tin thành Hải Dương bị chiếm, quan và sinh viên Quốc Tử Giám xin xếp bút nghiên, tình nguyện đầu quân đánh giặc bị Hiệp Hòa mắng là *"cầu tiếng trung nghĩa học thói điêu ngoa... đáng chém, đáng giận."*

Đã như vậy mà mọi hòa hảo giữa Hiệp Hòa và Khâm sứ Huế rất tốt đẹp: Nhà vua tặng Khâm sứ kim và ngân tiền, Khâm sứ Pháp trao tặng lại nhà vua Bội Tinh hạng nhất. Nhà vua cũng đã gởi Tuy Lý Vương nhiều lần qua tòa khâm để làm gì? Tài liệu lưu trữ của Pháp cho biết:

"Y đã bí mật phái chú là Tuy Lý Vương đến tòa sứ Pháp để hỏi De Champeaux là nếu trường hợp tai biến, y có được Pháp giúp đỡ không?"

De Champeaux trả lời có và nhiệt thành khuyến khích y chống lại các cận thần. (Điện tín của Thống Đốc Nam Kỳ gửi Bộ trưởng Hải quân Pháp ngày 10.12.1883).

Vườn mía nhà Em

Sáng nay dạo mát giữa vườn em
Trời xuân hoa lá rợp quanh thềm
Tấn ngẩn chao mắt vào vòng mía
Sương vàng còn nán đọng sau đêm

Từng lóng cong cao vượt mái nhà
Vòng tay thẹn nhớ buổi hoan ca
Tim em nhũn mềm đêm hò hẹn
Chắc ngọt nào bằng mía tháng ba.

• ***Bạch Thuhà, R.N., B.S.N.***

Bị Cơ Mật viện và Thương Bạc viện đàm tiếu, Hiệp Hòa đã bênh vực cho Tuy Lý: *"Thân Vương ấy tuổi cao, đức tốt có học thức, thật là người yêu nước (!!) trung thành, tưởng không ngại gì"*. Được Pháp bảo trợ, Hiệp Hòa liền âm mưu với Tuy Lý Vương, Hồng Phi, Hồng Sâm, Hồng Tu để loại bỏ Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường. Trong tình thế đó Tôn Thất Thuyết vào tháng 9.1883 đã phải xin từ chức Bộ Binh, Hiệp Hòa đã chấp nhận nhưng sau đó cử ông làm Thượng Thư bộ Lễ, rồi nhân Nguyễn Trọng Hợp ra công cán ở Bắc, cử Thuyết làm Thượng Thư bộ Lại.

Ngấm ngầm phản đối chính sách yếu hèn của Hiệp Hòa trước hết là những người chỉ huy quân đội Bắc Kỳ và Huế: các mệnh lệnh dù đến 4 lần ban dụ và có cả Khâm Sai vẫn không được thi hành. Nhân dân các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Trị "đã cùng nhau đoàn kết chiêu mộ dân dũng". Tình hình chín mùi để phải đi đến một cuộc xung đột phải có. Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường đã kịp kết hợp với những người chủ chiến, bất mãn với đường lối cầu hòa khiếp nhược của Hiệp Hòa để rồi đêm 29.10 Quý Mùi (28.11.1883) tiến hành việc lật đổ Hiệp Hòa bất ngờ và nhanh chóng nhưng rất hợp pháp. Hiệp Hòa làm vua được 4 tháng, thọ 36 tuổi. Các quan đã cùng ký vào một tờ tấu gửi lên Thái Hoàng Thái Hậu Từ Dũ đề nghị truất phế Hiệp Hòa và đưa hoàng tử Ưng Đăng lên ngôi. Chính cá nhân Hiệp Hòa cũng biết tội của mình đã tự viết chiếu nhường ngôi và chuẩn dụ triều thần, cũng chính cái liên minh với Pháp đã đưa đến cái chết của Hiệp Hòa. Tuy Lý Vương Miên Trinh, Hồng Tu, Hồng Sâm

bèn đem gia quyến chạy xuống Thuận An cầu cứu với quân Pháp. Miên Triệu, Miên Tăng bỏ trốn. Cũng ngay trong đêm đó Trần Tiễn Thành vì không đồng ý việc truất phế Hiệp Hòa đã bị giết tại nhà riêng ấp Doanh Thị Trung. Thực ra trước đây với cương vị đệ nhất phụ chánh đại thần mà đã nhiều lần tuyên truyền cho quan điểm đầu hàng và đã bị Tôn Thất Thuyết xếp vào *"loại mặt chuột"*. Lúc nghe tin Rivière bị giết, Pháp phải rút lui khỏi Hà Nội, triều đình làm lễ "phất thực" lau chùi ấn tín của vua, trong dịp vui mừng này Trần Tiễn Thành cho rằng "bày đặt làm lễ này chi cho tốn; tôi đây là con lai Khách (người Minh Hương) mà tôi không dám tin rằng người Tàu có thể địch nổi quân Pháp được". Tôn Thất Thuyết trả lời "Ông là khách mà ông khinh bỉ đồng bào ông, rõ đồ vô sỉ" (Đào Trinh Nhất, sđd, trang 35). Bốn mươi người đã cùng Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường liên kết trong chính biến 29.10 gồm có 5 thị lang, 14 biện lý và tham biện, 5 chưởng quân, 4 thủy sư đề đốc và phó đề đốc, 11 chưởng vệ và vệ úy, 1 án sát cũng đủ nói lên sự ủng hộ của quan lại trong triều đình Huế chống lại chính sách của Hiệp Hòa.

- **C. Vua thứ ba Kiến Phúc với cái chết mờ ám.**

Nhóm chủ chiến như thế đã thành hình trong thời gian *"tứ nguyệt tam vương"* chỉ nắm toàn quyền hành động dưới hai triều Kiến Phúc và Hàm Nghi. Lịch sử chống Pháp bước sang một thời kỳ mới vào ngày 2.12.1883 Dưỡng Thiện được lên ngôi với niên hiệu là Kiến Phúc. Nguyên khi lấy Dưỡng Thiện về làm con nuôi, Tự Đức đã giao việc nuôi nấng dậy dỗ cho bà Phi thứ ba là bà Học Phi. Sự gặp gỡ giữa Tự Đức và Học Phi cũng là đặc biệt.

Theo cụ Phó Bảng Cư kể lại rằng: Sinh tiền vua Tự Đức ưa đi thăm dân viếng làng xã, có lần ngài theo sông Ô Lâu đi thuyền đến làng Vân Trình, thuộc huyện Phong Điền. Ngài đi phá Tam Giang đi ngược lên, xảy gặp mưa to gió lớn, bèn ra lệnh ghé bến Vân Trình thì vua thấy trên bờ sông một

thiếu nữ kiều diễm đang núp mưa dưới một lùm tre. Vua rất lấy làm vừa ý liền hạ lệnh tuyển vào cung, phong làm "tài nhơn" về sau được phong "tam giai phi". Bà này tên Yến (én) tức là bà Học Phi trong sử sách. Sự việc này đã khiến cho dân làng Vân Trình đặt câu phong dao:

Trời xui có trận mưa giông
Khiến cho chim én vào trong đền vàng.

Cho đến khi Dưỡng Thiện trở thành vua Kiến Phúc là thế lực của bà Học Phi lên ngay càng ngày càng mạnh. Nguyễn Văn Tường sớm nhận thấy điều đó nên hễ có dịp được gặp bà Học Phi là không bao giờ Tường bỏ qua và dịp may hiếm có cho y lại đến: Kiến Phúc bị bệnh đậu mùa, bà Học Phi ngày nào cũng bên cạnh nhà vua còn bé bỏng của mình từ mờ sáng đến nửa đêm. Thế là quan phụ chánh Nguyễn Văn Tường tối nào cũng vào chầu Hoàng Đế và Hoàng Mẫu có khi nửa đêm mới về, Kiến Phúc đã nhiều lần chú ý đến thái độ lả lơi của Nguyễn Văn Tường mỗi khi trao cho bà Học Phi điếu thuốc đã châm lửa của mình.

Một đêm Kiến Phúc giả vờ ngủ đã nghe được một câu chuyện trao đổi giữa hai người, Kiến Phúc cứ để cho Nguyễn Văn Tường nói một lúc bỗng ông kêu lớn lên: "Lành bệnh rồi, tau sẽ chặt đầu cả 3 họ nhà mi." Tường bèn xuống Thái Y viện lấy thuốc đã pha chế sẵn cho nhà vua, nhưng lại chê thuốc xấu, rồi tự tay mình pha chế một thang thuốc khác đưa lên cho bà Học Phi. Theo lời khuyên của bà Học Phi, Kiến Phúc đã uống thuốc mới ấy và sáng hôm sau thì chết. Ngay chiều hôm đó, tại buổi thiết triều bất thường, Nguyễn Văn Tường tuyên bố vua Kiến Phúc đã băng hà vì bệnh chuyển đột ngột và đề nghị đưa em ruột ngài là Ưng Lịch lên nối ngôi lấy niên hiệu là Hàm Nghi.

• D. Vua Hàm Nghi, biến cố Ất Dậu và vai trò của Nguyễn Văn Tường.

Sự kiện "tứ nguyệt tam vương" như vậy không phải là "triệu bất tường" mà rõ ràng là một thắng lợi của những người yêu nước không chịu ký thỏa hiệp với Pháp theo kiểu "hiệp hòa". Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết đều hiểu rằng muốn chống Pháp phải có một kế hoạch lâu dài, phải có những chấn chỉnh về nhiều mặt: chính trị, quân sự và nhân sự (đã trình bày trong bài Quanh sự kiện Tôn Thất Thuyết, tuyển tập Nhớ Huế số 5). Tất cả công việc đó đã thực hiện từ tháng 10 Quý Mùi (1883) đến tháng 5 Ất Dậu, sự đi đôi của Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết từ lập quân Phấn Nghĩa đến lập căn cứ Tân Sở... thì thật là quá rõ ràng.

- Nhân vua Kiến Phúc mất (10.6) Pháp không ngần ngại thông báo cho triều đình Huế biết Pháp muốn đưa Hồng Hưu lên, một hoàng thân chủ hòa thường năng lui tới với viên cựu khâm sứ Rheinart. Bất chấp phản ứng của Pháp, sau lễ tấn phong Hàm Nghi, Gia Hưng Quận Vương (em vua Tự Đức) bị bắt nhờ Le Maire can thiệp nên được tha, nhưng sau đó bị Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường cho là việc của nội bộ triều đình, Pháp không có quyền xen vào nên bắt trở lại và đầy đi Lao Bảo, trên đường đi an trí thì bị giết.

- Khi vua Hàm Nghi lên ngôi (2.08.1884), Pháp phản đối quyết liệt việc triều đình tự quyết định người kế vị và đòi hỏi phải có sự ưng thuận của Pháp. Nguyễn Văn Tường phải nhân danh triều đình làm văn thư gởi sang tòa khâm cương quyết tôn Hàm Nghi, thẳng tay trừng trị Gia Hưng Quận Vương. Rheinart điện về Paris xin mệnh lệnh, Thủ tướng Ferry ra lệnh cho một liên đội do tên đại tá Guerrier chỉ huy vào chiếm kinh thành và làm lễ phong vương cho vua mới, thị oai, treo cờ Pháp ở Mang Cá và triệt hạ 45 súng đại bác hướng qua tòa khâm.

- Triệt hạ bằng cách đóng đinh vào lỗ châu mai 57 súng ở nha Hải Phòng Qui Nhơn, tịch thu súng tay và thuốc đạn, tiền bạc.

Pháp đã được biết về các công cuộc chuẩn bị này và phải tìm cách ngăn chận tiến hành kế hoạch chống Pháp qui mô và lâu dài mà Pháp đã được Caspar và Puiginier tường trình và cuối cùng Roussel De Courcy đã được phái đến Huế với tư cách Tổng Tư Lệnh quân viễn

chính thực dân Pháp đối đầu với Tôn Thất Thuyết lãnh đạo phe chủ chiến.

Ngày 21.5.1885 Freycinet, Bộ Trưởng Ngoại Giao điện cho quan Trú Sứ ở Huế rằng: "Không thể không trừng phạt hành vi của viên Thượng Thư Bộ Binh nước Nam... ông cho Triều đình nước ấy biết rằng chúng ta không thể chịu được rằng Thuyết còn giữ chức Phụ Chánh lâu nữa và ông phải đòi cho người ta bãi chức viên ấy và đưa đi xa".

Chiều ngày 22 tháng 5, Tôn Thất Thuyết đã bàn bạc với Nguyễn Văn Tường để cuối cùng viết thư cho De Courcy chịu từ chức Thượng Thư bộ Binh để vị tân thượng thư sẽ hội kiến trong ngày 23 tháng 5, nhưng Roussel De Courcy... "Nếu Tôn Thất Thuyết không qua tòa thì nhất định không đưa sắc thư..." (Lô giang tiểu sử). Trong tình hình như thế Nguyễn Văn Tường vẫn còn tin vào biện pháp thương thuyết lấy sắc lệnh của bà Từ Dũ ép buộc Tôn Thất Thuyết phải qua tòa Khâm Sứ... Không biết Nguyễn Văn Tường có hay mọi kế hoạch của Tôn Thất Thuyết và phe chủ chiến đã được báo trước cho De Courcy. Việc Nguyễn Văn Tường ở lại để thương thuyết với Pháp sau biến cố 23. 5 Ất Dậu mà ông không được bàn định chẳng phải là vì lệnh của bà Từ Dũ. Chính ông đã chủ động và cũng có thể là ông đã không đánh giá đúng mức âm mưu của De Courcy bằng mọi cách ngăn chận và loại trừ nhóm chủ chiến trong triều đình Huế, cũng có thể ông đã không ước lượng được ảnh hưởng tai hại của quyết định của ông: làm dư luận quốc dân xao xuyến có hại cho uy thế của phong trào Cần Vương làm chỗ tựa cho bọn Thọ Xuân Vương, Ưng Kỷ nhưng chắc chắn là cho dù quyết định của Tôn Thất Thuyết, Phạm Thận Duật là chưa thật cần thiết và chín chắn như ông nghĩ, quyết định của Nguyễn Văn Tường vẫn là một quyết định sai lầm. Chúng ta cũng phải công nhận công lao của Nguyễn Văn Tường trong kế hoạch chấn hưng đất nước, chuẩn bị cho việc chống Pháp lâu dài dưới hai triều Kiến Phúc và Hàm Nghi. Bọn Pháp không thể chấp nhận ông khi đã có Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình, Miên Định, Ưng Kỷ... và quan điểm của ông, vì những gì ông đã cùng với Phạm Thận Duật, Tôn Thất Thuyết thực hiện dưới triều Kiến Phúc, Hàm Nghi và lại càng không thể chấp nhận ông khi ngọn lửa Cần Vương đã bùng cháy lên khắp đất nước. Người Pháp và các giám mục Puginier, Caspar sau này đã mở một chiến dịch điên cuồng chống Nguyễn Văn Tường mà theo họ là "kẻ thù lớn nhất của người Pháp và đồng thời cũng là người An Nam điêu ngoa nhất mà người ta có thể gặp".

Theo tài liệu của Phạm Khắc Hòe đã viết: Thế nhưng đến đêm mồng 5 tháng 7 năm 1885 kinh thành bị thất thủ vào tay giặc Pháp, thì trong khi đoàn hộ tống vua Hàm Nghi do Tôn Thất Thuyết cầm đầu vừa mới ra khỏi hoàng thành đi về hướng chùa Thiên Mụ được khoảng hai cây số, Nguyễn Văn Tường lại tách khỏi đạo ngự lẻn trốn vào nhà riêng giáo sĩ Caspar nhờ làm môi giới để cầu thân với Pháp. Lúc Tường mới vào, Caspar không nhận ra ai vì khăn áo xốc xếch, mặt mũi bơ phờ. Trải một đêm gian nguy và gần nửa ngày lo lắng, Tường đã mất hẳn tư thế bệ vệ của một đại thần. Tường đứng mãi đến khi thấy Caspar đã nhận ra mình mới ngồi xuống ghế và kêu đói xin ăn. Trong khi Tường ăn cơm, Caspar bảo Tường nên trở lại khuyên vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết trở về hoàng thành. Ăn cơm xong, Tường một mình lủi thủi đi nhanh về phía La Chữ và khoảng một giờ rưỡi sau thì theo kịp đạo ngự. Tường bèn đến cạnh kiệu của bà Từ Dũ Hoàng Thái Hậu xin bà cùng nhà vua trở về hoàng thành thì có lợi hơn. Nhưng Tường vừa mới dứt lời thì hộ giá đại thần hữu quân Hồ Hiển đứng bên kiệu liền rút gươm ra chỉ vào mặt và nói: "Ông là phụ chánh nước nhà đến nông nỗi này, ông phải theo luôn bên xa giá mới phải đạo, cớ sao ông lại khuyên đạo ngự trở về làm tôi mọi cho bọn giặc xâm lược Pháp? Ông còn nói nữa tôi chém đầu!" Theo Phan Khoang, Việt Nam Pháp thuộc sử thì trước mặt vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết sai một gia nhân về Huế đốt nhà riêng của Tường. Nhà này bị đốt ngày 24.7.1885 gần cửa Đông Ba.

Hành động quyết liệt trên đã cắt đứt hẳn mối liên hệ của Quan Tướng và Quân Tướng mà trong suốt thời gian qua đã cùng nhau củng cố chủ quyền đất nước.

Về sự việc này vè "Thất thủ Kinh Đô" đã phản ảnh:

Băng miền vừa đến nhà Chung
Ai hay ông Quận đem lòng tà tây
Khiến phò thánh đế vào đây
Kiếm nơi đình trú qua ngày giao chinh
Quan Hữu nghe nói giật mình
Gươm vàng liền rút chỉ mình tà gian
Tay rút gươm miệng lại tryền
Cẩm y bay cứ băng ngàn phò đi
Phò ra đã khỏi thành trì
Vào nhà chung giáo cũng như nạp mình
Ông Quận nghe nói thất kinh
Vô nhà chung giáo lánh mình ẩn thân

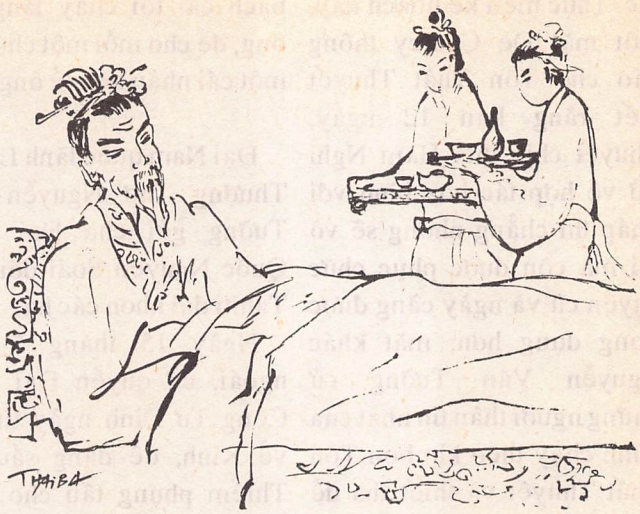

Một hình ảnh mỉa mai nhất là sau khi thất bại tấn công vào cửa Hiển Nhơn, mới tìm ra lối đi dọc theo cửa Ngăn, tiến đến trước kỳ đài và Ngọ Môn, một lính Ả Rập đã biểu dương chiến thắng bằng cách cho lấy giải thắt lưng màu xanh của lính Ả Rập chắp với những mảnh vải trắng và đỏ làm thành cờ Tam Tài tượng trưng cho quốc kỳ của một xứ sở tự nhận là "Tự Do - Bình Đẳng - Bác Ái" mở đầu cho một thời kỳ thỏa hiệp mới giữa thực dân và triều Nguyễn (theo tài liệu của Trần Thị Hiếu).

Cũng không ít người kể cả người Pháp đã khen Tôn Thất Thuyết về mặt chân thành với nước Nam, hết lòng với vua, có tài sắp đặt cuộc chống Pháp, các sĩ quan Pháp cũng đã thú nhận "quân An Nam thua vì khí giới kém chứ không phải xếp đặt vụng." Quan Tướng Tôn Thất Thuyết cùng gia đình ông gồm cả cha mẹ, cha vợ Nguyễn Thiện Thuật, vợ, 2 em và 4 con và rể là Nguyễn Thượng Hiền đã hiến dâng xương máu cho tổ quốc Việt Nam để rồi cuối đời ông đã nhắn gởi từ phương Bắc về cùng đồng chí lòng dạ trước sau như một:

Ký ngư giang sơn đồng chí khách
Lão phu tuy quyện vị vong sơ
(Giỏi yên thi)

Tạm dịch:

Nhắn bạn non sông đồng chí ấy
Già này tuy mệt dám đâu ngơ.

Từ phía kinh thành tàn lụi, De Courcy sau cuộc tấn công của Tôn Thất Thuyết không còn giữ được tư thế hống hách ngày trước. Chính người Pháp đã phải thú nhận:

"Đại tướng làm chủ hoàng thành và thành phố Huế, điều ấy không ai chối cãi được, nhưng quyền hành của ông không vượt ra ngoài cương giới hẹp hòi ấy. Sự thật là sau khi thắng trận, ông bị rắc rối vô cùng vì cuộc xung đột đổ máu ngày 5.7 đã biến đổi tất cả xứ An Nam, vị vua trẻ đã rời kinh thành rồi thì ở Huế không có chính phủ, chính quyền, không còn có thể thi hành các điều ước mà ta đã ký với xứ An Nam" (Gosselin, L' Empire d'Annam, Paris, Perrin et Cie 1904, trang 207).

Giữa tình thế đó Nguyễn Văn Tường đã còn thố lộ tâm tình với Giám Mục Caspar: Cả hai chúng tôi thật xứng hợp, một bên là dân sự, một bên là quân sự làm nên một món xà lách lý tưởng. Tôi chỉ quá hiền lành, thật thà, tôi là dầu, còn ông ta (Tôn Thất Thuyết) như giấm thanh. Qua Caspar, Tường đã gặp được De Courcy và đã đưa đến một kế hoạch hành động cấp

tốc. Thực hiện kế hoạch này, một mặt De Courcy thông báo cho Tôn Thất Thuyết biết rằng hạn 12 ngày, Thuyết chịu đưa Hàm Nghi trở về hợp tác hòa bình với Pháp thì chẳng những sẽ vô tội mà còn được phục chức quyền cũ và ngày càng được trọng dụng hơn; mặt khác Nguyễn Văn Tường cử những người thân tín nhất của mình chạy theo kịp bọn Tôn Thất Thuyết và thiết tha đề nghị họ đưa nhà vua trở về cộng tác hòa bình với Pháp (17). Còn người Pháp không tin vào Nguyễn Văn Tường, De Courcy giao cho Tường phải lập lại trật tự an toàn trong cả xứ Trung Kỳ bằng lực lượng tay sai của Tường, còn bản thân Tường thì phải lưu trú bắt buộc ở lầu Thương Bạc do một đội lính Ả rập canh giữ (17). Thực ra thân Tường lúc ấy là thân tù của Pháp chỉ còn biết tâu với trình, đưa rồi đón các quan Tây còn sai khiến được ai nữa nên sau hai tháng người mà Puginier và Caspar đã kết tội là "kẻ thù lớn nhất của người Pháp" đã bị De Courcy đày ra Côn Đảo rồi đi an trí và cái may mắn cho ông là cùng bị đày đi với Phạm Thận Duật, Tôn Thất Đính thay cho Tôn Thất Thuyết. Đó chính là con dấu đỏ mà kẻ thù đã đóng trên giấy khai tử của ông: thuộc thành phần nhóm chủ chiến.

Lời thổ lộ trên cộng với bức thư của Nguyễn Văn Tường sau đây gởi cho thống đốc Tahiti cho biết những diễn tiến sau ngày thất thủ kinh đô cũng như để biện bạch cái tội chạy làng của ông, để cho mỗi một chúng ta một cái nhận xét về ông.

Đại Nam quốc lãnh Lại Bộ Thượng Thơ Nguyễn Văn Tường gởi cho Đại Pháp Quốc Nguyên Soái đóng tại Tahiti đại nhơn các hạ:

Ngày 15 tháng 5 năm ngoái, cử quyền Đại Thần Công Tư Đinh ngày từ Bắc về Kinh, để dâng sắc thơ, Thiểm phụng tấu cho quan quân xuống cửa Thuận An tiếp đón. Đến ngày 20 phái quân bảo rằng quan Toàn Quyền đến cửa, đi có 5 chiếc tàu và 1.000 binh. Quan Toàn Quyền cho tàu đậu ngoài và trong cửa, lính thì cho lên kinh thành mà ở. Quan Toàn Quyền đến lần này có dâng sắc thơ nên có mời các quan Thượng Thơ Lục Bộ phải tề tựu tại Tòa Sứ mà đợi, không được thiếu mặt. Thiểm tức thì cho kiếm chỗ lính nghỉ lại và báo tin cho Thượng Thơ Lục Bộ biết. Cứ lời quan binh bộ Thượng Thơ nói thì y có bệnh ở chân, có mời thầy thuốc tây điều trị chưa lành, xin triển 2, 3 ngày sẽ qua sau.

Tới ngày ấy quan Toàn Quyền đến Tòa Sứ. Ngày 21 Thiểm sai người qua sứ quán trình rằng Tôn Thất Thuyết nhuốm bệnh. Thiểm cùng các quan Thượng Thơ 4 Bộ (Hộ, Hình, Công, Lễ) sẽ qua yết kiến. Quan Toàn Quyền nói rằng nếu không có Tôn Thất Thuyết thì không được qua và cũng không chịu tiếp. Thiểm liền tới bộ Binh y lời quan Toàn Quyền mà trách Tôn Thất Thuyết. Y nói rằng quan Toàn Quyền tới lần này chỉ dâng sắc thơ mà mới đến đã truyền các Thượng Thơ phải đến Tòa Sứ lập tức, lại không được thiếu mặt. Vả lại có đem theo tàu chiến, đối với mấy lần trước có khác và đáng nghi ngờ. Mới đây lại nghe Tổng Đốc Hà Nội Nguyễn Hữu Độ nói cùng quan Toàn Quyền rằng Thuyết không chịu hòa, mà y lại cầm binh quyền trong tay và cố lo cố thủ. Sau nữa mới hôm qua một ông quan năm cùng lính lên thành triệt hạ các súng đại bác và bít ngòi hơn 200 khẩu, lại cho lính ra vây đánh dân gian, lấy tiền bạc của cải, tiếng khóc đầy đất. Trước những hành vi như thế mà y cam tâm chịu đựng, không dám cự lại. Thế mà Nguyễn Hữu Độ nói y không chịu hòa mà quan Toàn Quyền cũng không nghe theo. Vạn nhất qua Tòa Sứ Toàn Quyền giải đi Côn Lôn như mới đầy Nguyễn Hữu Độ đã dụ và bắt Tổng Đốc Hải Dương là Hà Văn Quang, khi đó hối sao kịp.

Thiểm nói rằng quan Toàn Quyền là một vị đại thần việc làm tất phải minh chánh, huống chi đến lần này có sắc thơ quốc mạng không lẽ làm việc hồ đồ. Nếu như có điều gì xảy ra... Thiểm xin chịu. Thuyết trả lời để y suy nghĩ lại. Ngày 22 y viết một bức thư trao cho Thiểm xem. Trong thơ nói rằng y đương mắc bệnh Quan Toàn Quyền không cho cáo, để lâu ngày sợ trễ nải việc nước y xin từ chức về quê dưỡng bệnh và xin đòi viên khác thay thế cho đủ số Thượng Thơ... Thiểm sai người mang thơ ấy

trình quan Toàn Quyền, Ngài không chịu nhận xem, lại tư cho Thiểm rằng: nếu Tôn Thất Thuyết không qua Tòa thì nhất định không đưa sắc thư.

Ngày 23 Thiểm đem các việc ấy tâu lên. Phụng sắc rằng đến ngày mai (24) Tôn Thất Thuyết phải sang Tòa với các quan Thượng Thơ không thì có lỗi. Thiểm cùng đình thần đều trách Thuyết, nói y ngày mai phải đi, nếu không thì sẽ phái lính đến đem đi, không được chậm trễ. Y nói rằng ngày mai sẽ cùng đi.

Bất ngờ đến 2 giờ đêm hôm ấy, trong thành nghe tiếng súng. Thiểm liền phái người đến Bộ Binh thì Tôn Thất Thuyết cùng gia quyến đã đi đâu từ bao giờ. Tức thì Thiểm cùng Đình Thần vào nội gởi tâu, Hoàng Đế sắc: không biết vì sao có tiếng súng và cũng không thấy ai tâu báo trước cho Ngài biết.

Lúc đó hai bên giao chiến, điện đài sụp đổ, thế rất kinh nguy. Thiểm cùng Đình Thần tâu Hoàng Thượng, Từ Dũ Thái Hậu, Hoàng Thái Hậu và Hoàng Thái Phi xin ra ngoài thành ủy cho quan quân hộ giá lên chùa Thiên Mụ tạm trú, còn Thiểm lập tức lên Giám Mục Lộc tại nhà thờ xã Kim Long, nhờ Giám Mục viết thư nói với Tòa rằng việc ấy do Tôn Thất Thuyết làm quấy chớ Thiểm và Đình Thần bổn quốc không có ý chi khác, xin quan Toàn Quyền và quan Khâm Sứ châm chước cho thế nào để bảo tồn sự hòa hảo trước. Khi 7 giờ sáng mướn người đem thơ đến Sứ quán, Thiểm ở lại nhà thờ để đợi vì lúc đó hai bên đương bắn nhau nên đến 12 giờ trưa thư ấy mới đến Sứ Quán. Đến 3 giờ chiều mới được phúc thư của quan Khâm Sứ nói rằng nên rước Hoàng Đế về sẽ được hòa hảo không có ngại gì. Tức thì Thiểm lên chùa Linh Mụ thời ngự giá Tam cung đã bị ông Tôn Thất Thuyết đưa ra tỉnh thành Quảng Trị. Khi đó trời đã gần tối, tấn thối lưỡng nan, Thiểm trở lại nhà thờ nhờ Giám Mục đưa qua Tòa Khâm Sứ để trình lại với quan Toàn Quyền. Quan Toàn Quyền nói rằng đã tối, bảo Thiểm và Giám Mục trở lại thành nghỉ, sáng ngày sẽ hay.

Sáng ngày 25 quan Toàn Quyền vào Thành bộ Thiểm ở nói rằng hai bên nên hòa hảo như trước và nên lấy ý đó yết cáo cho dân biết và phải tâu xin Hoàng Thượng và Tam cung hồi loan. Thiểm tức thì y như thế mà yết cáo, lại phái quan ra Quảng Trị tâu xin hồi loan.

Quan phái ra chưa về thời ngày 3 tháng 6 quan Toàn Quyền lục bản điện văn bên quí quốc gởi sang chuẩn y bốn khoản sau đây:

- 1. Hoàng Đế Đại Nam tại vị như trước.
- 2. Quốc Gia Việt Nam lập y như trước.
- 3. Hoàng thân, công chúa nên triệu về kinh.
- 4. Bắt Tôn Thất Thuyết nạp cho Hoàng Đế Đại Nam.

Tức thì Thiểm y 4 khoản ấy mà tâu Hoàng Thượng, Tam Cung lại biến báo cho Tôn Nhơn Đình Thần và tự cho các tỉnh thi hành. Đến ngày 5 Tam cung trở về, quan Toàn Quyền xin Tam cung trú tại Khiêm Lăng cùng đợi Hoàng Thượng vào thành một thể. Đình thần và Tôn Nhơn qua yết, quan Toàn Quyền nói ai đâu về đó và tùy tiện kiếm chỗ làm việc, đợi ngày đón vào thành.

Lúc đó Tôn Thất Thuyết đã đem ngự giá lên xứ Mọi. Thiểm thường xin quan Toàn Quyền phái lính quý quốc cùng lính bổn quốc phân đường đón Ngự giá và truy nã Tôn Thất Thuyết. Nhưng lúc đó gặp trời mưa lụt, binh quý quốc ra đến Quảng Trị rồi trở về, còn binh bổn quốc tiếp tục theo ra đến Quảng Bình và Hà Tĩnh, lại phụng dụ của Tam cung cách chức Tôn Thất Thuyết. Sắc cho các tỉnh phẩm quan quân hoặc dân giã ai bắt được Tôn Thất Thuyết thì hậu thưởng tiền bạc, quan tước. Dụ ấy cũng đã trình quan Toàn Quyền và quan Khâm sứ biết.

Từ khi quan Toàn Quyền ra Bắc, ông quan sáu sức tập lính thì ở Thừa Thiên dân nổi lên bắt một ông Huyện, chống cự lại với quan dân Quảng Ngãi đánh tỉnh thành rồi kéo ra kinh. Thiểm một mặt bèn phái binh lính đi dẹp, bắt được đầu đảng 24 tên, hoặc trảm quyết bêu đầu hoặc tùy tội mà lưu đày, thâu lại tỉnh Quảng Ngãi. Hạt Thừa Thiên cũng được yên ổn như trước. Ở Bình Định

dân binh tụ đảng ước 5 vạn, bắt giam quan tỉnh, lấy binh khí chia nhau đi giết dân đạo rồi kéo ra kinh thành. Đường bộ vì thế bị nghẽn. Thiểm liền ngầm phái người vào xét và chia đường đi hiểu thị. Quân đi với ông quan sáu theo quan Khâm Sai đáp tầu thủy vào xét tình hình. Theo lời quí quan và bổn quan đi về cho biết thì đảng chúng rất nhiều... đợi báo quan Toàn Quyền tăng binh đi dẹp. Lại

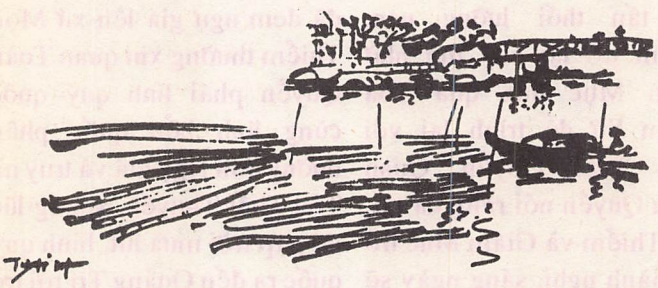

tiếp tờ tư của Tổng Đốc Bình Định là Lê Thân, nói đảng ấy bị thiệt hại lớn, đã giải tán và tình hình đã yên ổn, các đầu đảng đều lần lượt bị bắt hoặc ra thú. Vừa lúc quan Toàn Quyền ở Bắc vào đến Kinh, Thiểm thân hành đem quân đi đón lại ủy cho Thượng Thư Bộ Công là Châu Đình Kế đi theo quan Toàn Quyền. Đề Đốc và Bố Chánh đi theo đường bộ và tư cho tỉnh ấy đón tiếp. Khi quan Toàn Quyền về Kinh thì tiếp được tờ tư của tỉnh ấy nói rằng quan binh đến lần này thì đảng ấy đã giải tán, trong tỉnh đón đưa tử tế. Sáng ngày 28 tiếp một ông quan ba đến chỗ Thiểm nói rằng quan Toàn Quyền sức biểu ông Phạm Thận Duật, Tôn Thất Đính (Cha Tôn Thất Thuyết) và Thiểm xuống tàu thủy. Thiểm hỏi đi có việc chi thì ông quan ba nói do lịnh trên, không nói rõ. Chúng tôi xuống tàu tưởng qua Tòa sứ hội thương việc gì thôi, không ngờ ông này mở máy đi thẳng xuống cửa Thuận An mà ra biển lên tàu lớn, đưa đến Côn Đảo giam chấp.

Ra đi lần này thiệt không ngờ, Tam cung, Đình Thần và gia quyến Thiểm đều không biết. Thiểm đã làm gì mà đi không tiền bạc, áo xống không kịp đem theo, đói khổ hàng tuần, tưởng là khó sống... quan Toàn Quyền là một ông Đại thần của nước Pháp, làm việc gì tưởng cũng minh chánh, cũng tâu trước. Thiểm làm nhất hạng Đại Thần há lại có lòng phản đến thế. Ý giả Thiểm bình sanh cương trực, đồng liêu có người không ưa, hoặc có gì làm điều phi pháp mà sợ Thiểm không dung cho nên muốn đầy đi xa để che tội lỗi hoặc mưu lược sợ Thiểm chỉ trích cho nên trục xuất cho thỏa chí. Thậm chí nào thơ rơi nói Thiểm chiêu binh Trung Quốc rồi sai người đem cho quí quan. Trăm mưu sắp đặt không đánh đỡ được thì không thôi. Quan Toàn Quyền mới đến tin tức chưa tường bị bọn ấy làm sai lầm cho nên Tôn Thất Thuyết có lòng hoài nghi cũng không lấy làm chi lạ và bổn quốc với với quý quốc nghị thương, nghị hòa 3 lần, Thiểm có dự việc đều thỏa thuận, được quý quốc thương cho Đại hạng Bội tinh. Duy trong thiên hạ không phải một nhà, trong nước không phải một người, kiến thức có khác, việc không phải dễ như ý muốn. Giảng hòa đã ba năm mà bổn quốc chưa từng học được một nghề, tập được một tên lính, mà nay mất một tỉnh, mai mất một thành, hai bên chưa thỏa hiệp. Thiểm cũng đã liệu biết có việc ngày nay nhưng không biết làm sao đặng. Làm đại thần mà không biết tiên cơ, trù liệu để đến nỗi có việc ngày nay, còn mặt mũi nào thấy mặt Toàn Quyền. Chỉ nghĩ lại bổn quốc mà không có quí quốc bảo hộ thì khó mà còn được. Ngày nay Tôn Thất Thuyết làm quấy mà Thiểm cũng bị coi như đồng lõa, đồng mưu mà chia tội cùng va, phi duy tội của va không vạch rõ mà lòng Thiểm đối với quí quốc không biện bạch được.

Có người bàn chuyện khởi nghĩa ở Quảng Ngãi và Bình Định, dân lính giết nhau không ai giám ra can thiệp, vì trong lúc loạn lạc này ai cũng sợ mà tránh, chỉ có Thiểm một thân bất quản nguy hiểm ở lại bàn cùng quan Toàn Quyền thấu rõ sự tình, đủ biết xét tra, không nên vì một người vô lương mà bỏ sự hòa hảo của hai nước, thì Thiểm cũng giúp để cho Nam Bắc được yên ổn, ấy cũng là cái ân của quan Toàn Quyền mà

cũng là cái nhục của quan dân bổn quốc vậy. Nếu Toàn Quyền mà đem lòng giận mà sinh ra sự tình gì nữa thì thân này cùng xã tắc mà mất còn, không có tiếc gì mà trách nhiệm của Thiểm cũng hết vậy.

Đến khi Toàn Quyền bằng lòng, quí quốc lại chuẩn chi 4 khoản thì thần dân bổn quốc không ai là không vui mừng. Trải qua 2 tháng Thiểm cùng Toàn Quyền ý kiến cũng phù hợp. Đến khi định giao thành định việc nước thì bỗng nhiên đem Thiểm ra Côn Lôn giam như tù tội thế mà kẻ bội nghịch thì ung dung ngoài pháp luật, còn người qui thuận lại mắc tai ương, đã không biện bạch được sự phải trái, mà lại bị che lấp mọi sự nghe ngóng, tưởng không phải hành vi của một Đại thần có thế độ. Ngày nay may được triều đình xét rõ ở chỗ xa xôi, dặm thẳm, biết được ân tình lại được quý chức hỏi thăm và cấp tiền bạc thuốc men và vật dụng không gì là thiếu. Nghĩ lại ngày ở Côn Lôn, sự công tư, khoan mãnh khác nhau biết mấy, thực Thiểm không mong tưởng được như vậy. Thiết tưởng từ khi ra làm quan, Thiểm đã lìa nhà trong 34 năm, lo cho nước không thành một việc, nay tuổi đã 64 có sống được bao lâu nữa mà còn danh lợi gì đáng tham, duy một lòng ái quốc canh cánh bên mình, cho nên đeo đuổi theo quí quốc, hợp lực đồ duy may thành đại cuộc thì cũng bổ ích cho bổn quốc trong muôn một, ấy là khổ tâm của Thiểm. Ngày nay vô cớ gặp sự không may, vạn nhất bất hạnh không thu được hài cốt thì đã mang tội bất trung với nước mà cũng bất hiếu với nhà, ấy là chỗ đau đớn của Thiểm. Vậy mong Nguyên soái quí quốc cứ tình mà đề đặt cho.

Ông Nguyễn Huy Xước dịch từ Hán văn ra quốc văn (11)

❑ Cái chết của Nguyễn Văn Tường *(3)*

Theo tài liệu của linh mục Adolphe Delvaux trình dẫn trong Bulletin des Amis du vieux Huế, số 4, 1924.

"Quan Tường đến Tahiti tháng hai 1886 ở đó chỉ được 6 tháng. Ông sống một cách kín đáo, ít người để ý tới ông ngoại trừ 7, 8 người tùy tùng".

Linh mục Adolphe Delvaux đã căn cứ trên lá thư phúc đáp ghi ngày 26. 12..1922 của giám mục Hermelm, cai quản địa phận Tahiti. Thơ này nói thêm:

"Theo lời một thân hữu của tôi là bác sĩ Chassaniol, người đã điều trị cựu Phụ Chánh (ex-Régent cho tới ngày chết) thì quan Tường (Prince Tường) đã chết vì bệnh ung thư nơi cổ họng (cancer à la gorge).

Chúng ta cũng được biết thêm:

1. Chiếc tầu đã chở các ông Nguyễn Văn Tường, Phạm Thận Duật và Tôn Thất Đính từ Côn Đảo sang Tahiti tên là Clochesserie.

2. Chính phủ Pháp đã thuận cấp số tiền dinh dưỡng 30.000 quan hàng năm cho Quan Tường.

3. Một sắc lệnh nhà vua đã thâu hồi hết tất cả bằng sắc và huy chương triều đình đã ban thưởng cho Quan Tường, chưa kể quyết định tịch thu gia sản, nhưng quyết định này bị thu hồi bởi dân tâm không tán thành (cette confiscat, ayant produit un effet déplorable, fut rapportée).

4. Bệnh Ung thư cổ họng khiến cho Quan Tường không ăn uống gì được, rồi thở cũng không được, rồi chết như một người bị thắt cổ.

(L'ex-régent, ne pouvant rien avaler, est mort littéralement de faim. De même, la respiration devenant de plus en plus embrassée, il a du mourrir étouffée, faute d'air, come ceux qu'on étrangle. Delvaux)

Theo công báo của Tahiti, 5 tháng 8 năm 1886, trang 202 thì:

"Nguyễn Văn Tường cựu Tể Tướng vương quốc An Nam, đến Tahiti hồi tháng 2 năm này trên chếc tàu Scorff, đã tạ thế tại Papeete ngày thứ sáu 30 tháng 7 năm 1886 lúc 4 giờ rưỡi.

Thi hài được đặt vào 4 cái hòm lồng nhau (renfermé dans un quadruple cercueil) để tạm vào hầm (caveau) chờ ngày di chuyển về Huế".

Cũng theo Công Báo của Tahiti, 9 tháng 12 năm 1886, thì:

"Thừa lệnh Bộ Thuộc địa Pháp, ghi ngày 20 tháng 10 năm 1886 cho phép di chuyển thi hài Quan Tường

về xứ An Nam, Thống đốc các thuộc địa Pháp ở Océanie là Th. Lacascade đã ký quyết nghị ngày 9 tháng 12 năm 1886 cho phép đưa quan tài ra khỏi hầm, với sự hiện diện của trưởng sở Y Tế và trưởng sở Cảnh sát. Y viện có nhiệm vụ lập biên bản dịch vụ."

Ngoài ra chúng ta cũng được biết: Trong sổ bộ Hộ Tịch, số 60 của Thị xã Papeete cũng có ghi rõ ngày tạ thế 30 tháng 7 năm 1886 của Quận Công Nguyễn Văn Tường lúc 4 giờ khuya, hưởng thọ 65 tuổi (décés de Prince Nguyễn Văn Tường le 30 Juillet 1886, quatre heures du soir, agé de soixante cinq ans environ).

Xuyên qua các tài liệu kể trên, chúng ta nhận thấy có sự khác biệt nơi tên tàu, chiếc tàu đã chở các ông quan An Nam từ Côn Đảo sang Tahiti: theo tờ báo L'Avenir du Tonkin và L'Union Indochine ra ngày 22 tháng 10 năm 1885 thì tên tàu là La Clochesserie, còn theo Công Báo của Tahiti, 5 tháng 8 năm 1886 thì tàu tên là Scorff. Chúng ta đoán có thể có sự đổi tàu giữa đường chăng?

Ngoài ra chúng ta cũng được biết khi thi thể về tới cửa Thuận An thì vua Đồng Khánh cử một viên quan Bộ Hình ra tận cửa Thuận chờ quan tài xuống đất liền, thì quật roi hình phạt tượng trưng rồi mới cho thân nhân nhận về, đem mai táng ở quê quán An Cư Triệu Phong (Quảng Trị). Theo tài liệu của các gia phả họ Tôn Thất và Nguyễn Văn thì ông Tôn Thất Đính sau biến cố Ất Dậu tòng vong theo hộ giá vua Hàm Nghi ra Tân Sở và theo đường xuyên sơn ra các tỉnh miền Bắc, giữa đường ông Đính bị bắt và bị đầy; được chính phủ Pháp trả lại về xứ ông Đính đã yêu cầu mang thi hài ông

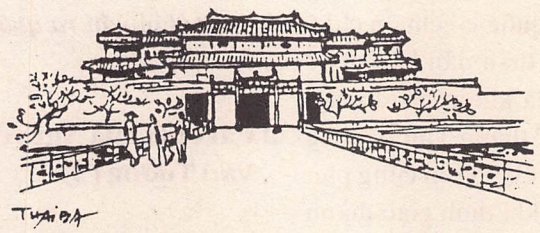

Tường về quê. Mãi đến sau đến lượt ông Đính mất ở Huế thì con cháu Nguyễn Văn Tường từ Quảng Trị vào Huế tự động xin thọ tang cùng con cháu Tôn Thất Thuyết.

Cử chỉ cao đẹp của hai dòng họ Nguyễn Văn và Tôn Thất đã quá phù hợp câu nói bất hủ của Antigon chống lại sự bào tàn của bạo chúa Créon:

Ta sinh ra để yêu thương, chớ không phải để căm hờn.

Dư luận khen chê Nguyễn Văn Tường lúc sinh thời cũng như sau khi ông chết quá nhiều, ít người cảm thông nhưng lại lắm người ghét. Nguyên do vì đâu? Chỉ vì ông sống trong thời đại vua chúa, tên của ông Nguyễn Phúc Tường lẽ ra đã có tội tình chi, đi thi Hương ông bị giam mấy năm (7 năm??) rồi nhờ có ân xá ông mới thoát nạn; làm quan nào có liên quan chi đến việc Đoàn Trứng, Đoàn Trực mà ông bị cách chức. Chẳng may ông đã sống trong thời đại ấy, làm quan ở nơi xảy ra thì phải liên lụy thế thôi. Song phần lớn cả quan Tướng Tôn Thất Thuyết cũng như Quận Công Nguyễn Văn Tường có nhiều kẻ thù mà kẻ thù đó chính lại là kẻ thù của cả dân tộc, quân cướp nước thực dân Pháp. Vốn cho ông là "người An Nam điêu ngoa nhất", "nguy hiểm nhất", "không đáng tin cậy" hoặc trong hoàn cảnh một mất một còn, cả hai quan phụ chánh đã can dự gây ân oán giết hại nhiều người trong phe chủ hòa trong giai đoạn "tứ nguyệt tam vương". Chẳng may cho cả hai là những kẻ thù trở nên mạnh thế, có khả năng nhào nặn dư luận từ quyền thế trong tay đến khả năng làm thơ, làm vè. Những "khuôn mặt đầy phè" hay "con ngươi trắng dã" cùng với "ngu" và "gian" để trình bầy hình ảnh con người mà người ta ghét. Nhìn lại những dữ kiện đã được nêu trên chúng ta có những nhận xét như sau:

1. Sự song hành của Quan Tướng và Quận Tường trong suốt thời gian khó khăn của đất nước không thể ai chối cãi được. Công lao của hai ông trong kế hoạch chấn hưng đất nước, chuẩn bị cho việc chống Pháp lâu dài dưới hai triều Kiến Phước và Hàm Nghi đã được lịch sử ghi

nhận; một đàng dùng ba tấc lưỡi để thuyết phục cho chủ quyền đất nước, một bên thì dùng ba tấc sắt để chống giữ biên cương, để rồi cả hai phải bỏ xác ở đất khách quê người trong cơn bệnh nan y trong niềm uất ức vô vọng.

2. Khi có quyền hành trong tay Nguyễn Văn Tường đã cùng với Pháp ký những hiệp ước rồi chính ông lại coi thường chữ ký của ông mà Rheinart đã bình phẩm có phải vì cái lật lọng này là lý do mà ông bị tù đầy biệt xứ?

3. Sau biến cố Ất Dậu ông lại bỏ hàng ngũ chiến đấu để trở về hợp tác với kẻ thủ do quyền lợi riêng hay theo lệnh của bà Từ Dũ. Theo bộ chính sử triều Nguyễn "Thực Lục" thời kẻ thù của ông còn mạnh thế, có chỗ chép *Ông do sứ mệnh ở lại giảng hòa.* Vua Hàm Nghi ban dụ cũng đã xác nhận sứ mạng ấy, *kẻ ở người đi cũng lo việc nước cả...* Tuy nhiên nhất định chúng ta không bao giờ chấp nhận hành động dựa vào thế lực ngoại bang thanh trừng các đồng chí... "sắc cho các tỉnh phàm quan quân hoặc dân giả ai bắt được Tôn Thất Thuyết thì hậu thưởng tiền bạc quan tước..." rồi lại thẳng tay trừng trị những người yêu nước.. "bắt được dư đảng 24 tên, hoặc trảm quyết bêu đầu hoặc tùy tội lưu đầy.."

Cho tới hiện tại, y học thế giới vẫn chưa giải thích được hiện tượng "mặt trắng râu xanh" vì chưa tìm ra được có sắc tố nào trong cơ thể làm râu có màu xanh (trừ một vài loại khỉ đột) để biểu lộ cái gian ác bên ngoài của Nguyễn Văn Tường, cũng như ghép tội giết vua Kiến Phước bị bệnh đậu mùa uống chén thuốc độc do Nguyễn Văn Tường giao cho bà Học Phi thiết tưởng là những luận điệu xuyên tạc vì bệnh đậu mùa chỉ là bệnh của trẻ con.

Lịch sử đã đi qua, những kẻ thù của Nguyễn Văn Tường cũng không còn nữa, cũng chẳng có thế lực nhào nặn dư luận nữa. Tất cả đã lắng đọng, chỉ có những người viết sử có đủ sáng suốt phê phán đánh giá dư luận về nhân vật Nguyễn Văn Tường.

• ***BS Tôn Thất Hứa***
Cộng Hòa Liên Bang Đức

• Tài liệu tham khảo bằng Việt Ngữ:

1. Đất Việt trời Nam, Thái Văn Kiểm
2. Nước loạn canh tàn khóc bể dâu, Thái Văn Kiểm
3. Tóc bạc cấm mây sầu xã tắc, Thái Văn Kiểm
4. Việt Nam Pháp thuộc sử (1884- 1945) Phan Khoang
5. Việt Nam Tranh Đấu Sử.
6. Việt Sử Tân Biên, Phạm Văn Bảo
7. Việt Nam Tự điển, Lê Ngọc Trụ
8. Danh nhân Tự điển, Trịnh Văn Thanh
9. Việt Nam Sử Lược, Trần Trọng Kim
10. Việt Nam phóng sự, Nguyễn Văn Mại
11. Lô Giang tiểu sự, Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại
12. Việt Nam Văn Học Sử Yếu, Dương Quảng Hàm
13. Việt Sử Toàn Thư, Phạm Văn Sơn
14. Tài liệu của Hội Nghị Khoa Học Lịch Sử năm 1991
15. Tạp Chí Cửa Việt. Quảng Trị
16. Châu bản về Nguyễn Văn Tường, Trần Viết Ngạc & Nguyễn Nhã
17. Kể chuyện vua quan nhà Nguyễn, Phạm Khắc Hòe
18. Nghệ thuật viết và đọc văn, Presse universitaires Brusselles - Vũ Ký.

• Tài Liệu tham khảo bằng tiếng Pháp:

1. Những công báo tồn trữ tại Paris.
2. Christianisme et Colonialisme au Viet Nam 1857 - 1914 Cao Huy Thuần.
3. Le Vietnam. Histoire et civilisation, Paris, Lê Thành Khôi.
4. Le Roi proscrit, Marcel Gaultier.
5. Souvenir d'Annam, Baile
6. Le Laos et le Protectorat francais, Gosselin.
7. L'Empire d'Annam, Capitaine Ch. Goselin.
8. Abrégé d'histoire d'Annam, Saigon 1906 Schreiner.
9. Histoire de la Cochinchine francaise, des origines à 1883 Paris, Challamel, 1910.
10. La Colonisation francaise en Indochine, Paris Alcan 1895, De Lanessan.

■

Ngày Xuân Thương Nhớ Trường Quốc Học Huế.

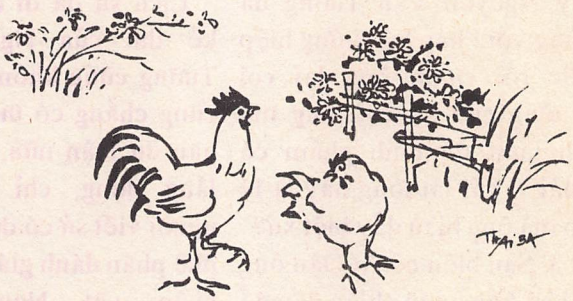

Nhớ thương Quốc Học trường xưa,
Nhớ thương Đồng Khánh sáng trưa đợi chờ.
Sông Hương nước chảy lờ đờ,
Lửng lơ sắc nước, mộng mơ ánh chiều.

Nhớ đò Thừa Phủ thân yêu,
Trường Tiền yểu điệu, mỹ miều Đông Ba.
Tiếng chuông Thiên Mụ xa xa,
Con thuyền thơ mộng là đà mặt sông...

Nhớ thương thầy cũ đau lòng,
Bây giờ còn được đồng song mấy người?
Khói tro kỷ niệm bùi ngùi,
Mỗi tàn đốm gợi một thời tuổi thơ.

Nào Thầy, nào bạn bây giờ
Tìm mô cho thấy? Chỉ mơ may là...
Đành xin lần lượt kể ra
Đôi giòng hồi ký gọi là nhớ thương.

Giáo ban kỳ cựu của trường,
Thầy Đôn, Thầy Qủa, Thầy Nồng, Thầy Cân
Thầy Hào, Thấy Ái, Thầy Lân
Thầy Phương, Thầy Thúy bao lần đùa vui,

Thầy Đào, Thầy Dục, Thầy Mô (1)
Cô Cơ-rầy (2) tợ mẹ già thương con,
Thầy Mác Tanh (3), Thầy Méc (4) tròn,
Thầy Cốt (5) vạn vật... bạn còn nhớ chăng?

Ông Đê (6), Ông Giám (7) lăng xăng,
Với bao Giám thị Cụ Hoàng, Ông Cơ
Tráng Cử, Thầy Kế, Thầy Đơn,
Nghiêm trang Thầy Nghệ, đúng giờ không sai,

Đồng song có lắm nhân tài
Hoạch, Hanh, Ngô, Kiểm, Vỹ, Tái, Quy, Hòa
Những lần du ngoạn đùa vui,
Lăng Tẩm Vua Chúa, Ngự Bình, Nam Giao.

Nhớ thời Cụ Thượng Phạm Quỳnh,
Đêm du thuyền dưới trăng tròn sông Hương,
"Gió đưa cành trúc là đà
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương"

Hỡi các bạn Quốc Học,
Đã hy sinh cho chính nghĩa quốc gia,
Xin đôi lời Tổ Quốc tri ân

Đất lưu vong ngày 10.01.94
• ***Lê Quang Tiềm.***

Chú thích:
(1) Cô Morino, cô giáo trẻ, dạy Pháp Văn Đệ Tứ.
(2) Cô Crayonne, cô giáo rất già, dạy Vật Lý, rất hiền hòa.
(3) Thầy Martin dạy Pháp Văn Đệ Tứ niên.
(4) Thầy Merlier dạy Pháp Văn Đệ Tứ Niên.
(5) Thầy Cossarat dạy Vạn Vật.
(6) Thầy Délépine là Hiệu Trưởng.
(7) Thầy Jam Marqui là Giám Học.

thư viết cho con gái lúc dọn nhà

Bùi Bích Hà

Con yêu dấu,

Vậy là đã hai buổi sáng, mẹ không còn thấy mình bò với chiếc xe mình ở chỗ đầu dốc cầu đổ vào xa lộ 5 mù mù hơi đá núi. Đã hai buổi chiều, mẹ đi quãng đường mới đưa về nơi ở mới mà thần trí cứ còn váng vất những lối đi cũ, hồ nước êm đềm bên tay phải, hàng cây phong bắt đầu thay màu lá, gọi mùa thu hắt hiu, trong những mảnh khô vàng rơi rụng trên đường. Đã hai buổi chiều, con dốc ngoằn ngoèo thoải lên đồi không còn vết lăn bánh xe của mẹ. Cả những cánh cửa đóng chặt hai bên hàng phố cũng không hề cảm nhận nỗi biệt ly và lời từ tạ trong đáy lòng mẹ. Và cả con...

Cuộc đời mẹ trải qua nhiều giấc mơ. Những giấc mơ không dự phóng về tương lai mà là hồi ức buồn rầu của quay nhìn lại, của tỉnh thức ngẩn ngơ, của xót xa lạ lẫm về chính thân phận mình. Bắt đầu từ một ngày thơ ấu trong tấm váy nhung dạo chơi trên bờ sông Hương, chỗ có ngôi nhà hai tầng lộng lẫy của ông Ngoại. Cô bé bụ bẫm, đôi má bầu, cặp mắt tròn xoe trong tấm ảnh vàng đục mẹ vẫn giữ kín trong ngăn ví là giấc mơ thứ nhất. Đám cưới mẹ bên giường bệnh ông Ngoại và chuyến bay đưa mẹ vào cuộc đời riêng với hình ảnh bà Ngoại dấu mình trong dãy nhà kho tối tăm, tay xoắn vạt áo khóc thầm, phi trường Phú Bài đỏ ối nắng hè và những vòng rào thép gai rối ren, chằng chịt, là giấc mơ thứ hai. Người đàn bà nhợt nhạt, mặc chiếc quần vải đen bạc thếch, tất tưởi chạy ven dòng sông Ô Môn đi tìm xác con, vuông sân chùa lát gạch, những nhát cuốc băm lạch cạch ở cái rẻo tha ma xám ngoét màu trăng thượng tuần, là giấc mơ thứ ba. Nửa đêm ở một căn phòng bịnh viện vắng vẻ, nơi một tỉnh lỵ heo hút, đôi mắt đã nhiều năm đứng yên một chỗ của bà Ngoại bỗng đảo ra xung quanh, và những đường tâm động răng của màu lục non trên cái màn ảnh nhỏ cứ thấp dần, vẽ thành một đường thẳng tắp song song với mặt đất, là giấc mơ thứ tư. Chiếc bàn thờ phủ sa tanh đỏ, rực rỡ đèn nến và quả phẩm, lẫn với khuôn mặt con xinh tươi bên chồng, cái xe ô tô màu trắng dài thậm thượt, kết những quả cầu giấy phất phơ rung động, là giấc mơ thứ năm. Giấc mơ ấy, cho đến bây giờ, lâu lắm, khi mẹ thực sự không còn bước chân về ngôi nhà dưới chân dồi Laguna, mẹ mới ý thức được nó.

Trong trí tưởng mẹ, tưởng như không có gì thay đổi giữa người đàn bà trẻ tương đối thành công trong xã hội nước Mỹ là con bây giờ và cô bé là con ngày xưa trong vòng tay nâng niu của mẹ. Khi mẹ gặp lại con cách đây tám năm, con vẫn là con chim non ríu rít về tổ, con vẫn là con vành khuyên chiêm chiếp tiếng hót hạnh phúc của tuổi thơ dưới đôi cánh mẹ. Bây giờ thì mẹ hiểu rằng con đã chỉ sống nốt cái ký ức dở dang kể từ buổi tối mẹ chở con đến ngôi nhà trên đường Hàng Xanh để sáng sớm hôm sau, con lên

đường một mình trong cuộc hành trình gian khổ sau này. Mẹ phải thực sự nằm mơ mới nghĩ là con không có gì khác xưa sau tất cả những cảnh đời mà con đã trải qua bằng chính sức lực của con. Nếu cuộc đời mẹ, cuộc đời con ví như thép được tôi thì ngọn lửa nung con nóng ngàn lần hơn ngọn lửa nung mẹ. Mùa đông ở San Francisco khắc nghiệt ngàn lần hơn mùa đông xứ Huế. Con đã trưởng thành, mạnh mẽ hơn mẹ ngàn lần. Nơi con, không còn một chỗ nào cần đến mẹ. Đến một lúc, thời gian của bà mẹ chỉ còn là biệt ly.

Mẹ nhớ ngày xưa, bà Ngoại nhiều lần tiễn chân mẹ đi học xa. Khi bà Ngoại quay về, mẹ đứng ở cửa nhà trọ trông theo, thấy bà cắm cúi đi, tay nâng vạt áo lau mắt. Về sau bà kể lại là nước mắt bà rỏ suốt quãng đường dài hơn mười cây số chia cắt bà và mẹ. Bà kể đêm nào bà cũng ngồi ở đầu hè, ngắm trăng suông hay nhìn đom đóm bay, nhớ con. Thỉnh thoảng mẹ về thăm nhà, bà dấu sẵn trong vại gạo cho mẹ vài quả măng cầu, nải chuối cau. Bà cứ dấu như thế để được hy vọng mẹ sẽ về tung tăng trong xó bếp với bà, một buổi, một ngày, hai ngày... tuy rằng nhiều khi quả thối trong vại gạo mà mẹ vẫn chưa về.

Mẹ không biết đời sống làm nên văn chương hay văn chương làm nên đời sống nhưng, quả thật, mẹ ý thức sâu xa rằng tiếng đập của trái tim những đứa con là động cơ làm đập trái tim bà mẹ. Nếu mẹ không có cơ hội chứng nghiệm tâm tình ấy, suốt đời mẹ sẽ mãi mãi không hiểu những điều bà Ngoại không bao giờ nói ra. Mẹ chưa từng biết một người đàn bà nào mà thân phận cơ cực đến như bà Ngoại. Bà chỉ có một chiếc phao giúp cho bà nổi trôi qua mọi vùi dập cay nghiệt của số mệnh, đó là tình yêu gởi vào bác con và mẹ. Suốt những năm tháng dài làm vợ lẽ ông Ngoại, mẹ có cảm tưởng bà không có một phút giây nào rời đôi mắt khỏi những bước chân lầm than của bà trên con đường bổn phận. Khi bắt đầu lớn khôn, mẹ có lần hỏi bà "Sao mẹ không bỏ đi?". Bà Ngoại vò tóc mẹ, cười "Đem con về quê thì con phải mò cua, bắt ốc, cực lắm. Đem cả anh con đi thì thầy sẽ bỏ tù mẹ. Không được gần các con nữa". Hóa ra cả đời bà, bà chỉ cần nhìn thấy bác và mẹ là đủ.

Sau đám cưới con, ngôi nhà rộng trên đồi Laguna có một phòng đóng cửa. Trong tâm hồn mẹ, một khung ánh sáng vừa rời đi. Mẹ đã không làm được như bà Ngoại, dấu mình trong dẫy nhà kho khóc thầm. Mẹ đã năn nỉ, đã nài ép con ở lại cùng. Mẹ đã làm con phải bối rối lảng tránh đôi mắt mẹ. Mẹ đã biến con thành một người nhẫn tâm. Gần cả năm trời, dường như mẹ đã sống rất gượng nhẹ, vì có một chỗ nào đó nơi mẹ âm ỉ đau. Mẹ như một người ốm nằm liệt giường mà việc dời nhà về đây đã giúp mẹ bỏ được hai chân xuống đất. Mẹ bắt đầu ăn trả bữa, sống lại.

Giấc mơ nào cũng lấy đi của mẹ quá nhiều sinh lực. Bây giờ thì mẹ hiểu rằng trong trái tim của mọi bà mẹ, thiên nhiên, cảnh vật, đời sống chỉ sinh động vì chúng phản chiếu hình ảnh những đứa con. Ký ức của mẹ về căn nhà nhỏ đầu tiên ở Santa Ana với khu đậu xe tồi tàn, hàng đêm, tiếng gót

giầy con về muộn gõ vội vàng trên lối đi hẹp dọc theo đầu hồi hay những buổi tối mùa đông ấm áp trên đồi Laguna, đều tha thiết như nhau. Nếu mẹ có luyến tiếc một điều gì thì đấy chỉ là những kỷ niệm chúng ta cùng trải qua bên nhau.

Mẹ đã có những kinh nghiệm thứ nhất với sự khôn lớn của con. Nay mẹ phải tự chuẩn bị mình để có những kinh nghiệm tiếp theo với các em con. Mẹ phải học bài học tự xóa mình của bà Ngoại để không làm vướng bận

các con trong cái thế giới khôn lớn riêng tư của mỗi đứa. Mẹ sẽ không lấy đi bất cứ một chút gì trong số vốn liếng quí giá các con mang theo vào đời, đầu tư cho tương lai. Càng mạnh, các con càng có nhiều cơ may thành công. Ít nhất đấy cũng là ý nghĩ và niềm ao ước của mẹ.

Vào lúc mẹ viết những dòng này, con đang cùng chồng đi nghỉ phép thường niên ở nửa kia của địa cầu so với nơi mẹ đang ngồi nhớ con. Chân trời ngày càng mở rộng với khả năng và tuổi đời con có. Mẹ cảm nhận được tất cả cái mênh mông bao la mà con đang đi tới. Lòng mẹ cũng mở ra, hòa nhập vào cái không cùng ấy để mừng vui chào đón con. Điều này mới thực sự quan trọng chứ không phải những hoài niệm của một người già như mẹ.

Bàn viết của mẹ trông xuống một công viên nhỏ. Nắng hừng hừng trên đầu ngọn cây cổ thụ thả bóng râm lên mặt cỏ rộng. Vầng sáng xao động bên trên và vùng im tối tịch mịch bên dưới, trong khu vườn, làm gợn lên trong lòng mẹ chút bâng khuâng êm ả, như thể mẹ nhìn thấy hoặc ngay cả sờ mó được, đường tiếp cận vừa nối liền vừa phân chia cảnh đời của hai mẹ con mình.

Ngày hôm kia, lúc mẹ bước ra ngoài và khóa cửa lần cuối cùng, căn nhà hoàn toàn trống không. Tất cả người và vật đều đã nhẹ nhàng biến mất, như thể chúng ta và các vật dụng hàng ngày thân thiết của chúng ta chưa từng bao giờ chia cùng nhau một khoảng đời ở chốn này. Mẹ dọn nhà, nhiều thứ gẫy vỡ, nhiều thứ phải bỏ đi nhưng không một thứ gì không dọn vào tâm hồn ngăn nắp kỷ niệm của mẹ. Không chỉ một ngôi nhà mẹ vừa rời đi mà tất cả những ngôi nhà chúng ta cùng đi qua và cùng bỏ lại. Mẹ thường tha thẩn dạo chơi một mình ở những nơi đó, vẫn nguyên vẹn hơi ấm thân thể măng sữa của con trên ngực mẹ, vẫn nguyên vẹn những niềm mong ước tốt đẹp gởi vào tương lai cho con.

Thành ra, đối với mẹ, dọn nhà chỉ là thêm một lần đổi tạm địa chỉ và số điện thoại.

• *Bùi Bích Hà*
10/93.

Chiều Thuận An (Huế)

Bạt gió chim chiều đập cánh mau,
Không gian sương tỏa nắng phai màu,
Ngàn thông gió lộng thuyền neo bến,
Bát ngát trùng dương sóng bạc đầu.

Bể thẳm mông mênh nước lộn trời
Phóng tầm con mắt tít mù khơi,
Mơ tìm trong cõi xa xăm ấy
Hình dáng thân yêu của một người.

Người ấy ta thường mơ ước luôn,
Mà người có tưởng đến ta không?
Chia tay buổi ấy lời không tỏ,
Tâm sự giờ đây ngập tủi buồn!

Bồng cảnh đi về lạc lối mơ,
Giai nhân ai đó có trông chờ?
Thanh Tâm tự độ ngùi ly-biệt,
Một mối sầu vương nặng ý thơ.

Chim gió về đâu? Trở hướng Nam!
Có qua Bình-Phú ghé Hoài-Ân.
Cho ta gởi ít nhiều thương nhớ,
Mang hộ tình ta đến cố nhân.

• *Hương Thủy*

Chuyện Ngày Xưa

Bản Anh

Nhà tôi xưa ở tận cống Cửa Trài. Đi qua cầu Gia Hội rẽ về tay trái quá phố Hàng Đồng là đường Hột Mác, qua khỏi chùa Diệu Đế là đường Hàng Đường, gặp cây sanh đi thẳng xuống là cống Cửa Trài. Trước nhà là con sông, ghe thuyền tấp nập. Bên kia là cầu Thanh Long, xa xa là Mang Cá. Nơi tôi ở một nửa là đồng quê, một nửa là phố chợ. Dân trong làng phần đông làm nghề nông hoặc buôn bán tiểu thương. Phía sau nhà là ruộng lúa mênh mông có lũy tre xanh bao bọc. Đời sống nơi đây thật vô cùng êm ả.

Những ngày nghỉ bạn bè cùng lớp thường về nhà tôi chơi, lúc thì cùng nhau tắm sông hoặc ra đồng xem thả diều. Chúng tôi thích nhất là xem những cánh diều giấy với những cái đuôi thật dài, vờn lượn trên không, lả lướt theo chiều gió. Trong không gian nơi đồng quê tịch mịch vọng lên những tiếng sáo diều êm êm như ru hồn mình vào cõi mộng. Vào những ngày hè, khi lúa đã gặt xong đêm đêm trong xóm vang lên những câu hò giã gạo hòa với tiếng chày vồ nện đều trên cối.

Trong số bạn bè hay về tôi chơi có Thùy Dung. Dung ở tận Chùa Bà. Những ngày đi học Dung và tôi thường hay ra sau đình làng bên cạnh ruộng lúa để học bài. Dung là người đẹp của Gia Hội. Dung có những sở thích giống tôi nên hai đứa dễ thân nhau. Dung có đôi mắt và nụ cười thật quyến rũ. Dung vừa đẹp vừa duyên dáng. Mỗi ngày đi học Dung thường hay đi qua nhà anh Văn. Anh Văn học trên tụi tôi một lớp. Văn đã bắt đầu để ý đến Dung. Hai người làm quen nhau, khi thì hỏi mượn nhau quyển sách Vạn Vật, khi thì cùng nhau góp ý về một cuốn phim vừa được chiếu ở rạp Tân Tân. Một lần về nhà tôi ở lại trưa Dung tâm sự là Dung và Văn đã yêu nhau. Tôi thấy hai người thật xứng đôi vừa lứa.

Năm 1952 Văn bị động viên Thủ Đức. Khi ra trường Văn được về làm việc ở Huế. Sau đó ít lâu Dung và tôi thi vào Công chức và may mắn thay, hai đứa được đổi về cùng làm một sở. Ngày đi làm tụi tôi thường hay hẹn giờ để đi, cứ đến múi cầu Gia Hội là hai đứa gặp nhau rồi cùng nhau đến sở. Đến lúc về đến ngang cầu Dung đi thẳng còn tôi rẽ về phía Hàng Đường. Cứ đến chỗ rẽ là hai đứa nói "đến nơi đây là chỗ rẽ của đôi lòng".

Sở chúng tôi làm bên kia cầu Tràng Tiền, gần đài phát thanh và bưu điện, Dung và tôi được giao công việc ngồi gần ghi sê. Nơi đây hay có những sĩ quan tế mục vụ đến lãnh tiền hàng tháng. Trong

sở lúc bấy giờ chỉ có hai máy tính bằng điện nên đôi khi kẹt máy tụi tôi phải dùng bàn toán Trung Hoa để cộng những phiếu chi thu. Nhìn chúng tôi loay hoay đẩy những hột trên bàn toán mấy ông sĩ quan đứng bên ngoài chờ lãnh tiền bảo tụi tôi là "bán thuốc Bắc". Có rất nhiều sĩ quan để ý đến Dung nhưng Dung đã có Văn nên không ai được lọt vào mắt xanh của Dung. Mối tình của hai người càng ngày càng thắm thiết. Có những ngày mưa trên đường về nhà Văn hay lấy xe Jeep để đưa Dung và tôi về. Nhớ những ngày còn đi học, trừ một số bạn con nhà giàu có áo mưa, phần đông đều dùng tơi lá, sang hơn một chút là tơi đọt. Khổ nhất là sáng đi học trời mưa mà chiều về trời tạnh. Trời không mưa, mang tơi kêu sột soạt thật là "dị", những lúc đó bạn bè thường chọc nhau là "đi bắt gà".

Trong sở tôi và Dung được các bác rất cưng vì hai đứa nhỏ tuổi nhất. Mới ra làm việc nên rất ngơ. Ngồi làm việc mà hay nói chuyện nên cứ bị các bác la hoài. Mấy bác dọa "Chắc phải đổi tụi bây mỗi đứa ngồi một phòng nếu không chắc như chợ Đông Ba đang nhóm". Lúc bấy giờ ông Giám Đốc là người Pháp gốc Việt và dưới là hai ông phó, một ông là người Việt và ông kia là người Pháp. Ông Giám Đốc người miền Nam, rất hiền lành, ăn chay trường và mộ đạo Phật. Ông ở Pháp từ nhỏ nên nói tiếng Pháp rành hơn nói tiếng Việt. Ông rất yêu âm nhạc. Bên Ngã Giữa có hai chị em bán trái cây. Ông hay qua đó mua nho cam. Biết ông yêu nhạc nên lúc nào gói trái cây cho ông họ cũng bỏ vào bao trái cây một bản nhạc. Có lần trong buổi ăn trưa ông kêu tôi lên lầu và đưa cho tôi xem bản nhạc *"Tiếng Hát Lênh Đênh"* và hỏi tôi: "Qu'est ce que c'est Tiếng Hát Lênh Đênh" làm tôi cũng chẳng biết dịch ra tiếng Pháp thế nào cho sát nghĩa. Thỉnh thoảng trong sở có việc vui ông Giám Đốc thường đàn cho chị Hà, Dung và tôi hát. Tôi nhớ câu ông hay hát với giọng Nam đặc sệt là "nhìn hoa, hoa rơi, nhìn mây, mây trôi lòng em như tơ "dò" trăm mối".

Trong sở có nhiều bác hay xem tướng số. Dung có đôi bàn tay búp măng với những móng tay hồng cong cong tuyệt đẹp. Mấy bác thường nói: "Con Dung hồng nhan chắc đa truân". Nhắc đến bàn tay tôi nhớ ông phó Giám Đốc người Pháp thường đi bắt tay nhân viên buổi sáng. Dung và tôi hai đứa rất sợ cái mục này vì buổi sáng ở Huế trời lạnh, tay chúng tôi lạnh ngắt. Hễ đến giờ ông đi bắt tay là hai đứa chúng tôi tìm cớ chạy trốn, nhưng đến lúc đem hồ sơ vào cho ông ký là ông hỏi: "Tụi bây đi đâu mà hồi nãy tao đi bắt tay chẳng thấy?" Sợ ông tưởng đi trễ nên tôi đỏ mặt nói: "Tại tay tôi quá lạnh nên tôi rất sợ bắt tay" Ông cười nói: "Main froide mais coeur chaud".

Trong cuộc đời đi làm công chức chắc không có ai được xếp cưng như tụi tôi lúc đó. Mỗi buổi trưa ở lại sở chúng tôi thường đem theo cơm để ăn. Thời đó chưa có Microwave để hâm thức ăn. Nhìn chúng tôi ngồi tụm nhau trong phòng điện thoại để ăn trưa, ông Giám Đốc bảo: "Ai ăn chay thì vào ăn cơm với ông ấy."

Những ngày cầu Tràng Tiền sập, chúng tôi phải đi đò qua sông để đi làm. Gặp những ngày mưa gió ông thường bảo tài xế lấy xe Peugeot của ông để đưa tụi tôi qua sông. Ông bảo "Tội nghiệp tụi nó ốm yếu, qua sông gió thổi bay mất". Biết Dung và tôi là hai đứa yêu văn nghệ, mỗi lần có vé mời đi xem là ông cho lại hai đứa tôi. Ông cũng biết Dung có người yêu là một sĩ quan trẻ và đẹp trai. Mỗi lần Tết đến, ông hay họp nhân viên lại để chúc Tết. Hướng về phía nữ nhân viên ông chúc: "À mes chères collaboratrices, je vous souhaite: un prince charmant".

Vài năm sau tôi lập gia đình và theo chồng vào làm việc ở Đà Nẵng rồi Saigon. Dung vẫn làm việc ở sở cũ. Bận bịu với gia đình, tôi ít liên lạc với Dung, tôi cứ tưởng một ngày nào đó tôi sẽ nhận được thiếp cưới của Dung và Văn nhưng chờ mãi vẫn không thấy tin vui của hai bạn.

Đến khi Saigon mất vào năm 1975, trên một chuyến xe buýt tình cờ tôi gặp lại Dung. Hai đứa gặp nhau mừng chảy nước mắt. Hỏi thăm Dung về gia đình Dung cho biết Dung đã có chồng,

có con và chồng Dung không phải là Văn và cũng đã từ trần. Dung tâm sự mặc dù Văn và Dung hai người rất yêu nhau nhưng sau này vì mỗi người đổi làm việc một nơi, Dung ở Hội An và Văn ở Qui Nhơn. Xa nhau nên hay có những hiểu lầm, rồi vì tự ái nên mối tình tưởng không dễ gì dứt lại phải tan vỡ. Dung và Văn hai người đều không có hạnh phúc gia đình. Những lúc từ Qui Nhơn về Saigon họp Văn ghé thăm gia đình tôi và tâm sự Văn không thể nào quên được Dung. Văn cũng không biết Dung hiện giờ ở đâu và đã có gia đình hay chưa nữa. Việc Dung lập gia đình chẳng qua chỉ để làm vừa lòng gia đình chứ Dung không thể nào quên được Văn. Từ ngày chồng chết, Dung ở vậy nuôi con mình và con riêng của chồng. Trong tâm hồn đầy ắp tình cảm của Dung hình ảnh của Văn không bao giờ phai lạt. Dung nâng niu cất giữ từng tấm hình, từng lá thư rạt rào tình cảm của Văn. Khi gặp nhau trên xe buýt tôi nói: "Dung ơi, quả đất tròn, sau hai mươi năm xa cách chúng mình lại gặp nhau". Dung cười nhưng đôi mắt rất buồn nói: "Quả đất chưa tròn vì mình chưa gặp lại Văn". Nghe bạn nói mà tôi thương bạn vô cùng.

Năm 1989 Văn đến thăm chúng tôi. Thỉnh thoảng sau này Dung cũng hay đến tôi chơi. Nghe tôi nhắc đến Văn, Dung mắt sáng lên chứ không nói gì hết. Dung biết Văn bây giờ đã có gia đình, gặp nhau chỉ làm cho lòng thêm xao xuyến. Cả hai đều có bổn phận với gia đình, mối tình ngày xưa chỉ còn là kỷ niệm.

Trong một dịp tiễn đưa một vài người bạn đi nước ngoài được tổ chức tại nhà một người bạn ở Thủ Đức, Dung và Văn tình cờ gặp lại nhau. Liếc nhìn Dung tôi thấy Dung e ấp thẹn thùng như những ngày còn là nữ sinh ở Đồng Khánh. Văn nói cười hồn nhiên. Dung khẽ nhắc một vài kỷ niệm xưa nhưng Văn làm như vô tình không nhớ gì. Sau này gặp lại tôi Dung buồn buồn nói: "Thà mình đừng gặp lại Văn, gặp nhau chỉ thêm buồn".

Sau đó ít lâu lại đến lượt gia đình tôi đi Mỹ. Bạn bè đến tiễn trong đó có Dung và Văn. Văn lúc này rất gầy. Cứ tưởng vì lao đao với cuộc sống nên Văn gầy, nào ngờ Văn mang trong mình một chứng bịnh nan y. Năm ngoái tôi được tin Văn đã từ trần.

Hôm nay là *"Ngày Nhớ Huế"*. Cứ mỗi năm đến ngày này tôi lại có dịp gặp lại bạn bè cũ. Gặp nhau chúng tôi nhắc đến tên của những bạn bè ngày trước cùng học chung ở Đồng Khánh và Khải Định. Nhắc đến Thùy Dung tôi không khỏi ngậm ngùi thương cho một người bạn hiền lành, đẹp và dễ thương mà sao tình duyên quá lận đận. Tôi nhớ một câu thơ mà lúc còn đi học, tôi hay đọc cho Dung nghe là:

"Số kiếp bởi đâu mà lận đận,
Sắc tài cho lắm cũng lôi thôi".

Thương nhớ Thùy Dung tôi viết về mối tình của Dung với Văn. Ở nơi quê nhà xa xôi, nếu tình cờ Dung đọc được những dòng chữ này Dung hãy nghĩ rằng ở nơi xứ lạ quê người có một người bạn cũ của Dung luôn luôn nhớ thương Dung và chúc Dung mãi mãi được bình yên trong tâm hồn.

• *BẢN ANH*
Cali 1994.

✍ **GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG:**

Ngày Về

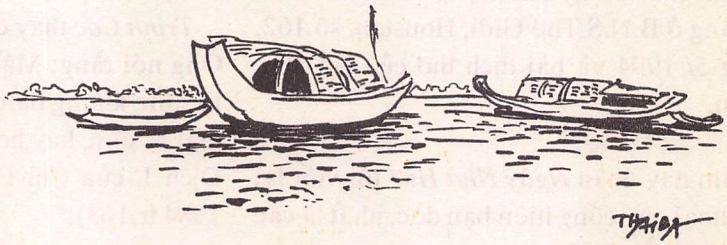

Chi Điền Hoàng Duy Từ

Vị Hữu Quy Kỳ

(Ký hiền nội)

Lâm điểu minh sương dạ dục trì
Bàng song độc tỉnh kỷ đa thì
Lưỡng hồi tâm tại hoài thê tử.
Vận độ hung trung phú Thức Vi.
Lập chí tiền trình do thị mộng;
Hồi đầu văng sự nhất triêm y.
Nam nhi vị toại bình sinh chí
Khanh vấn quy kỳ, vị hữu kỳ!

Minh Vũ Hồ Văn Châm

Chuyển Sang Thơ Việt:

Ngày Về?

Gởi hiền nội

Đêm khuya chim núi kêu sương,
Bên song thao thức, canh trường lần qua.
Lòng riêng đôi lúc nhớ nhà,
Thức Vi bài phú, xót xa vạn lần! (1)
Chí đã lập, đường lên phía trước
Còn mung lung mộng ảo xa vời.
Ngẫm xem chuyện cũ lệ rơi!
Bình sinh chưa thỏa chí người nam nhi.
Ngày về! Em hỏi làm chi?
Ngày về!... Ai dễ biết khi nào về!

Chi Điền Hoàng Duy Từ (2)
Quý Xuân 1994

Trong trường hợp nào đã phát sinh hai bài thơ, một Hán một Việt trên đây?

BS Hồ Văn Châm, nguyên Bộ trưởng Chiêu Hồi, người Huế trong bài

Tùy bút *Mộng nhà Nho*, đăng trong BNS Thế Giới ở Houston tháng 4/94 để tưởng niệm Ông Võ Văn Hải, nguyên Bí thư kiêm Chánh văn phòng đặc biệt của cựu Tổng thống Ngô Đình Diệm có làm bài thơ chữ Hán *Vị Hữu Quy Kỳ*.

Bạn Lâm Lễ Trinh, cựu Bộ trưởng Nội Vụ nói với tôi rằng: Bài thơ chữ Hán này chưa chuyển ngữ sang thơ Việt. Anh cũng là người Huế, anh nên chuyển bài Hán thi nầy ra Việt thi để bổ khuyết mà cũng là gián tiếp tưởng niệm người quá cố Võ Văn Hải, một nhà khoa bảng Tây phương với căn bản Nho giáo. Hai nhân vật trong tiểu luận đều bị Việt cộng bắt đi cải tạo, một mất một còn sau mười mấy năm làm thân tù của bạo quyền cộng sản. Tôi không phải là người Huế nhưng rất có cảm tình với xứ Huế của anh. Mấy năm học Lycée Providence tôi đã ăn gạo de An Cựu, uống nước Vạn Niên của sông Hương và đã hân hạnh thưởng thức

những "đặc phẩm tuyệt vời" của Huế. Vì thế cho nên tôi mong anh dịch bài Hán thi này để kéo nhà thơ Hồ Văn Châm về nhập làng văn Cali, Texas.

Nay đọc bài *Tùy Bút Mộng Nhà Nho* của Hồ Văn Châm tôi càng cảm mến và tiếc thương ông Võ Văn Hải. Do đó mà có bài *"Cảm Nghĩ Về Tùy Bút Mộng Nhà Nho"* của tôi đăng ở B.N.S Thế Giới, Houston, số 162, tháng 5/ 1994 và bài dịch thơ của Hồ Văn Châm.

Hôm nay nhân *Ngày Nhớ Huế* tôi viết lại giai thoại này cống hiến bạn đọc, nhất là các bạn đất Thần Kinh.

Hai ông Hải và Châm bị giam ở một trại cải tạo khá xa Saigon, mỗi lần đi thăm nuôi rất tốn kém và khó khăn. Một hôm, có lẽ là lần cuối của bà Hải, ông Hải bảo bà đừng đi thăm nuôi nữa, khi nào ông nhắn về hãy lên. Theo ông Châm thì ông Hải tánh tình nghiêm khắc và cứng rắn không cho bà Hải lên thăm. Tôi nghĩ, có thể ông Hải là người có khí tiết cao, quá thương yêu và trọng nể vợ, không muốn vì mình mà vợ phải chịu khó nhọc quá sức và còn phải hạ mình quỵ lụy, xin xỏ bọn quản giáo ác ôn ở trại mới được gặp mình và đưa thực phẩm, cho nên ông Hải mới chịu khổ tâm làm ra nghiêm khắc cứng rắn với vợ. Thà để cho một mình mình chịu nhớ thương, thiếu thốn, chứ không muốn đau lòng thấy vợ lặn lội đường trường và quỵ lụy bọn cai tù vô nhân đạo. Đúng với ý nghĩa "thà rằng mặt khuất không thà lòng đau!"

Ông Châm thì khác, muốn được gặp vợ để bớt nỗi nhớ thương, bớt buồn tủi, cô đơn trong ngục thất. Bà vợ thì sốt ruột thấy chồng ở mãi trong tù, mỗi lần gặp mặt đều "Ngày nào anh về?" Mà mỗi lần vợ hỏi là mỗi lần ruột gan quặn thắt, nên đã gởi gan ruột vào bài thơ *"Vị Hữu Quy Kỳ"* ở trên.

Vợ về rồi, ông Châm đưa ông Hải xem bài thơ gởi hiền nội, nói ở trên, nhờ nhuận sắc.

Ông Hải xem bài thơ cho là khá hay, nhưng đề nghị thay chữ *"dĩ"* ở câu "Lâm điểu minh sương dạ *dĩ* trì" bằng chữ *"dục"*.

Ông Châm phục ông Hải, và bái ông Hải là *"Nhất tự sư"*.

Chuyện này làm tôi nhớ lại mấy giai thoại văn chương Trung Hoa Thời Văn Đường, nhà sư *Tề Kỷ* bái *Trịnh Cốc* là *"Nhất tự sư"* cũng chỉ vì sửa hộ một chữ trong câu thơ "Tiền thôn thâm tuyết lý - tạc dạ số chi khai" (Trong Tuyết dày thôn trước - đêm qua nở mấy cành) trong bài *Tảo Mai* (Mai nở sớm).

Trịnh Cốc thay chữ *"Số"* bằng chữ *"Nhất"*. Ông nói rằng: Mấy cành (số chi) chưa phải là sớm; không bằng một cành (nhất chi) mới thật là sớm, hay hơn (xem Đường Thi Tuyển Dịch I, của Chi Điền Hoàng Duy Từ. x.b. 1984 tr,163).

Một giai thoại khác, vào thời Thịnh Đường, giữa *Hàn Dũ* và *Giả Đảo*. Một hôm *Giả Đảo* cỡi lừa đi giữa đường nghĩ ra câu thơ "Điểu trúc trì biên thụ, Tăng xao nguyệt hạ môn" (Chim ngủ cây bên ao, Tăng gõ cửa dưới trăng). Ông phân vân không biết nên dùng chữ "Thôi" (đẩy) hay là chữ "Xao" (gõ), nên vừa đi vừa đưa tay làm điệu đẩy hay gõ, không để ý xe quan Kinh Triệu Doãn đi qua. May thay quan Phủ Doãn là thi hào *Hàn Dũ*. *Hàn Dũ* cho dừng xe lại hỏi vì sao khoa múa tay như vậy. *Giả Đảo* thưa: Vì phân vân không biết nên dùng chữ *"Thôi"* hay là chữ *"Xao"*. *Hàn Dũ* khuyên nên dùng chữ *"Xao"*. Do đó mà danh từ *"thôi xao"* được dùng trong văn chương với nghĩa là *"chọn lựa chữ"*.

Một lần khác *Giả Đảo* cũng vì làm 2 câu thơ "Lạc diệp mãn Trường An, Thu phong xuy Vị Thủy" (Lá rụng đầy Tràng An, Gió thu thổi sông Vị), mà bị quan Phủ Doãn *Lưu Thế Sở* bắt trói cả buổi chiều (Xem Đường Thi Tuyển Dịch I, Chi Điền, x.b. tr.85)

• *Chi Điền Hoàng Duy Từ*
Huntington Beach, Hè 1994.

1. Thức Vi phú = Bài phú mất nước (vong quốc)
2. Tác giả: Đường Thi Tuyển (6 quyển)
Nguyễn Du, thơ chữ Hán (2 quyển).
Bút ký Duyên Thơ (1945 - 1951) S.X.B.
Bút ký Duyên Thơ (1951 - 1994) đang soạn.

vì đâu nên nỗi

Dương Công Liêm

Lâu lắm rồi tôi mới có dịp trở lại đất Thần Kinh, lần cuối vào năm 1983 là một tù nhân cải tạo trên một chuyến tàu xuyên Việt đi ngang thành phố giữa một đêm hè. Vì sắp phải đi xa, biết bao giờ mới về thăm lại quê hương nên tôi sắp xếp đi thăm Huế trước khi lên đường sang Mỹ. Ngoài những cảnh vật quen thuộc, nơi nào cũng nhắc tôi về những kỷ niệm thời thơ ấu, thời học sinh, thời phục vụ quân ngũ. Bạn bè lứa tôi không còn ai, tôi bát phố một mình như một người khách lạ. Sau khi đi thăm một số bà con mà tôi đã ghi sẵn địa chỉ, tôi tìm đến xóm Hàng Me thăm gia đình một người bạn cũ.

Huấn là bạn học cùng lớp với tôi ở trường Luật, sau bị động viên đi Thủ Đức rồi trở lại Huế phục vụ quân ngũ, lập gia đình có được hai con, 1 trai, 1 gái. Trước 1975 khi nào tôi đi công tác ra Huế cũng ghé lại thăm anh. Chị Hương vợ anh không bao giờ để tôi mời anh chị đi ăn tiệm mà phải ăn cơm tại nhà với những món ăn Huế, nhất định là ngon hơn tiệm do chị đích thân nấu. Thế rồi sau khi miền Nam sập đổ, chúng tôi lại gặp nhau trong các trại cải tạo miền Bắc. Mùa đông năm 1976 là một mùa lạnh chưa từng thấy, chúng tôi gặp lại nhau, những con người khổ sai lao động áo không đủ ấm, cơm không đủ no, lòng thì ngổn ngang nhiều cảm nghĩ: nhớ vợ thương con, oán giận những lớp người mang con bỏ chợ, căm thù lũ cán bộ ngu ngốc ngày ngày cứ nhồi sọ mình bởi những chủ thuyết ngoại lai phản bội lịch sử, bán đứng Tổ Quốc. Một hôm trong buổi đi lao động Huấn chuồi cho tôi củ sắn mới luộc. Nhìn anh bận áo vá bằng vải bao cát cũ sờn, tôi nói: Nếu có sự tình cờ nào mà chị gặp được anh trong bộ quần áo này chắc chị khóc hết nước mắt. Trước nghịch cảnh đen tối hiện nay, anh cho tôi hay là anh có được một sự bình an tâm hồn dầu phải chấp nhận cuộc sống tù đầy khổ cực, nhưng chỉ một điều anh xót xa là thương cho vợ anh còn quá trẻ lấy gì để nuôi sống 2 đứa con và tương lai của chúng là cả một màu mực tối đen. Năm 1978 khi cuộc chiến của Trung Quốc bùng nổ ở biên giới để trừng phạt Cộng Sản Việt Nam xâm lăng Cam Bốt, tất cả các tù nhân cải tạo được chuyển trại về miền Trung du Bắc Việt hoặc là các tỉnh Thanh Hóa Nghệ Tĩnh. Từ đó tôi mất liên lạc với Huấn.

*

Những giọt nắng úa vàng của một chiều cuối thu tưởng như còn vương vấn trên những lá me non trên con đường nhỏ trước kia gọi là Giao Thủy. Nơi đây đã chôn dấu bao nhiêu kỷ niệm của tuổi thiếu thời mà mỗi bước chân đi là một hình ảnh cũ hiện về trước mặt. Đến nhà Huấn tôi gõ cửa:

- Thưa ông, ông cần hỏi ai, tiếng một người đàn ông vọng ra từ cánh cửa.

- Dạ, tôi từ Sàigòn ra đây, bạn cũ của Huấn muốn ghé thăm Huấn và gia đình.

Người đàn ông tuổi trạc tứ tuần mời tôi vào nhà. Căn nhà này rất quen thuộc với tôi, tuy nhiên những trang bị đều thay đổi, tôi nghĩ ngay là một gia đình nào khác đây đang chiếm ngụ nhà này. Sau vài câu xã giao tôi được biết anh là người em ruột của Huấn đã đến ở nhà này khi vợ chồng Huấn không còn ở nữa.

- Thưa ông, được biết ông là bạn thân của anh tôi, từ Saigòn ra đây ghé thăm, tôi xin thưa thật là từ ngày 30. 4. 75 gia đình anh chị tôi cũng như bao nhiêu gia đình khác đã gánh chịu biết bao nhiêu khổ đau tủi nhục dưới chế độ này.

- Tôi có gặp Huấn ở trại cải tạo Yên Báy vào năm 1977, sau đó nghe đâu anh ta được chuyển về Thanh Hóa rồi về Nam. Tôi đứt liên lạc. Anh ta được trả tự do năm nào?

- Dạ thưa; năm 1984.

- Bây giờ anh ở đâu? Đi vùng kinh tế mới hay đã sinh sống ở nước ngoài?

- Thưa Ông, chuyện gia đình của anh tôi buồn vui lẫn lộn. Sau khi anh tôi vào trại học tập, chị tôi ở nhà tảo tần mua bán nuôi con. Cuộc sống hết sức vất vả. Tài sản không có, vốn liếng dành dụm hao mòn, bọn cán bộ xua đuổi đi vùng kinh tế mới, nhưng chị cứ cầm cự khất rày khất mai. Rồi đến một ngày mùa đông năm 1979, chị nhận được thư anh cho hay anh đang lâm bịnh nặng mà không có thuốc chữa, ngoài ra anh ta còn bị thiếu dinh dưỡng vì đói quá mà lao động đến kiệt sức. Chị đã đi vay mượn bạn bè, thực hiện một chuyến thăm nuôi ra tận Thanh Hóa. Sau chuyến đi này chị tâm sự với tôi:

- Chú ạ! nhìn cảnh anh Huấn xác xơ tiều tụy, tôi càng căm thù lũ người tàn bạo, tôi nguyện ơn trên cho tôi đủ sức mạnh tinh thần, làm bất cứ việc gì để thăm nuôi tiếp tế cho anh đầy đủ, anh giữ được sức khỏe để trở về, rồi ta sẽ tính. Anh ấy cứ lo cho tôi, lo cho hai cháu rồi thương nhớ quá mà hao mòn sức khỏe. Trước khi ra về tôi đã dặn anh đừng lo gì cho em và các con nữa cả. Em đủ sức lo cho chúng, miễn là anh đừng để suy sụp tinh thần sinh ra bệnh hoạn mà không ai thuốc men chăm sóc, đến nỗi phải chôn xác nơi góc rừng này. Nhớ nhé! Anh cần phải sống mới cứu vãn được gia đình và tương lai con cái.

Từ đấy tôi thấy chị tôi thực sự đã biến căm thù thành sức mạnh, chị chạy theo công việc từ sáng đến khuya mới về. Tiền bạc do đó cũng kiếm được khá hơn, rồi từ năm 1982 khi anh Huấn chuyển trại về Hàm Tân thì chị đi thăm nuôi đều đều. Hai cháu vẫn đi học, chúng rất thương mẹ, tự nấu nướng, làm lấy thức ăn và để dành phần cho mẹ mỗi khi mẹ về khuya. Một hôm tôi đến đây thăm chị thì hai cháu chạy ra ôm tôi nói:

- Chú Thành ơi! ngày mai tụi con được đi thăm ba. Sáng nay có một bác quen với má tới dặn tụi con ngày mai ăn bận áo quần đẹp đi với má lên thăm ba. Lâu quá rồi, con không được đi thăm chắc ba con mừng lắm.

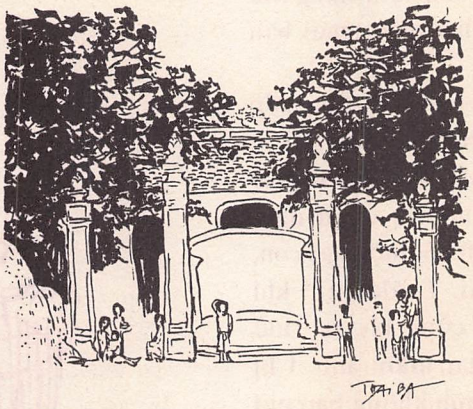

Rồi khoảng hai tuần sau đó, chị Hương đã cho tôi hay, là hai cháu đã vượt biển và đã tới đảo. Chúng nó đã thăm được ba nó trước khi đi. Chị vừa nhận điện tín tối hôm qua. Mừng quá chị nói với tôi, chị có khấn nếu đi chui lần đầu này mà trót lọt, chị sẽ làm lễ cúng Trời Phật Tổ Tiên đã phù hộ cho gia đình mình. Tụi nó cũng 13, 14 tuổi cả rồi, chị cũng tin tụi nó cũng biết lo và đùm bọc lẫn nhau.

Từ đấy trong căn nhà này chỉ còn mình chị ở, tụi cán bộ phường khóm hạch hỏi chị về sự vắng mặt của hai cháu và đòi ghép tên hộ khẩu để cho một gia đình khác đến ở chung, nhưng chị đã khôn khéo đút lót tụi nó để khỏi bị làm khó dễ. Được tin hai cháu vượt biên đến đảo, anh Huấn tôi mừng vô cùng và viết thư về nói mánh với chị tôi ước gì ngày về của anh, anh sẽ được sống gần 2 con.

Năm 1984 anh tôi được trả tự do về sum họp với chị cũng còn trong ngôi nhà này. Sau vài tuần được ăn uống bồi dưỡng, anh tôi đã lấy lại sức khỏe, vợ chồng lại tính chuyện vượt biên. Vào thời điểm đó một số tổ chức vượt biên đã bị Cộng Sản gài người vào nên đa số ghe mới rời khỏi bến hôm nay là vài hôm sau có tin nhắn về... đang bị nhốt ở nhà tù nào đó. Chị tôi sợ hai vợ chồng cùng đi mà bị bắt lại thì lấy ai thăm nuôi nên đã lo cho anh tôi đi trước, nếu trót lọt chị tôi sẽ đi sau. Một đêm đó, anh tôi đã xuống ghe, nhờ ơn Trên, tới đảo bình an.

Tôi vội hỏi:

- Thưa Anh, từ hai bàn tay trắng chị Hương lo cho ba người đi chui như vậy hẳn đã phải tốn nhiều cây vàng mà chị đã lo được, tôi phục chị quá. Người đàn bà thật can đảm và có quyết tâm.

- Ông ạ! Gia đình tôi rất thương và phục chị. Tuy nhiên, ở đời mấy ai chia xẻ với mình khi khốn khó đâu mà thấy mình có gì may mắn là bắt đầu ghen ghét. Họ đồn chị tôi đã lấy trai khi chồng đi học tập, nhờ đó có tiền cho chồng con đi vượt biên và bây giờ còn lại một mình thì tha hồ bay nhẩy. Thực sự thì chị tôi trong thời buổi khó khăn đã gắn bó với một thương gia người Hoa qua sự hợp tác làm ăn, đã giúp đỡ chị. Ông ta ở Saigon, lâu lâu mới ra Huế mua bán vải vóc. Chính ông ta đã lo cho hai con chị vượt biên lúc đầu.

Tôi cắt ngang:

- Thế bây giờ chị Hương làm gì mà không ở đây?

- Trước khi anh Huấn ra đi, chị đã vái xin cho đến khi ba cha con gặp được nhau chị ăn chay cầu nguyện suốt mấy tháng trời. Đến khi có thơ anh Huấn gửi về có hình chụp ba cha con mới đến định cư ở tiểu bang Philadelphia chị thông báo cho cả gia đình nội ngoại để mừng. Ông ơi! Tôi không hiểu có thể trong thời gian dài cầu kinh khấn nguyện với tất cả nhiệt tâm, chị đã giác ngộ thấy được điều gì đó làm chị thỏa mãn như là đã làm tròn nhiệm vụ, một sự hy sinh bản thân của một người mẹ lo cho con và người vợ lo cho chồng.

Tôi hỏi thêm:

- Vậy chị Hương giờ ở đâu?

- Ông ơi! Chị tôi xuống tóc đi tu. Tiết hạnh là cái gì cao quý nhất của người đàn bà, nhất là đàn bà Huế đầy phong tục cổ kính này nữa. Có lẽ chị tôi tự cảm thấy thiếu trong sạch khi nghĩ tới những cây vàng đã nhận từ tay người khác để lo cho chồng con vượt biên. Chị đã khước từ cuộc sống trần tục. Với mặc cảm là bất xứng, chị đã viết thơ trình bày giải thích cho anh Huấn tất cả và dặn đừng bao giờ làm cho chị thủ tục giấy tờ bảo lãnh đi Mỹ.

Nghe đến đây lòng tôi bỗng thấy nghẹn ngào, xúc động. Tôi cảm phục chị Hương đã có ý chí sắt thép, dám làm dám chịu. Thể xác mình, tương lai mình, chị đã hiến dâng nơi cõi Phật.

Trong xã hội mới này còn biết bao nhiêu thảm cảnh gia đình khác nữa. Vì đâu nên nỗi đúng như câu "Nước mất nhà tan".

*

Tôi cám ơn chú em, từ giã ra về. Hoàng hôn đang bao phủ vùng Đập Đá, Vỹ Dạ. Những đoàn người đi bán dạo gánh hàng về chuyện trò ròn rã. Những chiếc xe buýt già ngày xưa đưa tôi đi học giờ đây còn èo ọp chuyển đưa khách. Tôi bùi ngùi nghĩ đến Huấn, nơi quê hương mới, đang ở cảnh "gà trống nuôi con" mà hẳn phải có lòng bao dung để tha thứ cho một qua khứ tủi nhục của vợ. Chính nhờ lòng hy sinh đó mà cha con giờ đây đang có một cuộc sống đầy đủ tự do để xây dựng một tương lai tươi sáng. Tôi mường tượng cảnh chùa Sư nữ chiều nay trong tiếng chuông tiếng mõ đều đặn, chị Hương đang khép kín cuộc đời, rũ sạch bụi trần, cố quên quá khứ để xây dựng niềm tin và lẽ sống cho chính mình.

• *Dương Công Liêm.*

Thất Thủ Kinh Đô

Nguyễn Khoa Diệu Lê

Ai đã từng đến Huế đều biết đến những đền đài miếu cổ, những cung điện nguy nga của các vua chúa triều Nguyễn, Huế là vang bóng một thời của lịch sử đầy vàng son, nhưng trong thành quách cũ kỹ ấy cũng ghi dấu nhiều biến động, những thăng trầm mà người dân Huế vẫn chưa quên. Huế, ngoài những con đường nổi tiếng như Trần Hưng Đạo, Gia Long, đường Lê Lợi, đường Hàng Đoát, còn có những cái tên đầy huyền bí như đường Âm Hồn, "cơm âm phủ", ngoài ra cứ ngày rằm, mồng một là người ta lại thấy hương khói nghi ngút ở những am, những miếu, mà những người học trò vẫn hơi lo sợ mỗi lần đi qua. Có những du khách tò mò không biết xuất xứ của những cái tên bí ẩn kia, thì các bậc phụ lão giải thích rằng: những cái tên đó xuất phát từ dạo Thất thủ Kinh đô (1885), khi quân Pháp ở Tòa Khâm và triều đình Huế khai hỏa vào ngày 22 tháng năm năm Ất Dậu. Máu đã chảy và đã thấm vào lòng đất mẹ, những người chết oan kia chắc cũng còn vương vấn nơi miếu mả bên đường. Ở Huế thường có ngày tảo mộ, quen gọi là "ngày cúng cơm chung", chắc đã khơi dậy trong lòng dân Huế những nỗi buồn mang mang không tên, nhất là trong những buổi chiều sương phủ, suy tư về sự phù thịnh, hưng vong của cuộc đời....

Huế vào thời điểm của những năm sau khi vua Tự Đức mất (1883), sôi sục vì những tranh chấp mâu thuẫn giữa các phe chủ hòa và chủ chiến ở trong triều đình, ngay cả khi vua Tự Đức còn tại vị, Pháp đã lăm le muốn chiếm Bắc và Nam Kỳ. Sau khi triều đình Huế bắt buộc phải ký hòa ước Quí Mùi (1883) thì chủ quyền của nước Việt Nam đã dần dần mất vào tay ngoại bang.

Vua Tự Đức mất, không có con nối dõi, nên lập người cháu là Thụy Quốc Công Ưng Chân lên ngôi tức là vua Dục Đức sau này. Lấy cớ là trong di chúc, có những lời bàn không được tốt đẹp về đức tánh của Dục Đức nên hai ông Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết phế vua chỉ sau ba ngày trị vì. Cũng vì muốn bênh vực cho vua Dục Đức, cũng như muốn thi hành di chúc của vua Tự Đức, ông Trần Tiễn Thành bị giết một cách oan uổng; lúc đó phụ chánh Trần Tiễn Thành cũng đã có tuổi, và chỉ muốn về hưu, vì không muốn tham gia vào các cuộc truất phế vua, nhưng chưa thỏa nguyện thì bị phe chủ chiến hành quyết ở gần chợ Dinh.

Phe chủ chiến lúc bấy giờ có hai ông Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường có ý tìm một ông vua cùng đứng về phe mình.

Lãng Quốc Công Hồng Dật, em út vua Tự Đức lên ngôi, lấy hiệu là Hiệp Hòa.

Hai Hoàng thân Hồng Phi (con của Tùng Thiện Vương) và Hồng Sâm (con của Tuy Lý Vương) cùng viết thơ bí mật dâng vua Hiệp Hòa đòi giết hai ông phụ chánh đương thời là Tường và Thuyết, không ngờ lá thơ đó bị bại lộ, hơn nữa vua Hiệp Hòa lại nhờ chú là Tuy Lý Vương, bắt liên lạc với tòa Khâm; vì những lý do này, vua Hiệp Hòa bị truất phế và sau bị chết dưới tay Ông Ích Khiêm.

Sau hòa ước Giáp Thân 1884, chủ quyền của nước Việt Nam bị mất hẳn. Pháp muốn can thiệp sâu xa vào nội bộ triều đình Huế và đang muốn loại bỏ phe chủ chiến, nên khi vua Kiến Phước mất, Pháp đã đề nghị Hồng Hưu lên ngôi, nhưng triều đình Huế không chấp nhận, vì biết Hồng Hưu là người của Pháp. Tòa Khâm bất đắc dĩ phải tấn phong vua Hàm Nghi (Ưng Lịch).

Ngày 12 tháng 4, 1885, De Courcy đến Huế, một tin làm chấn động cả thành phố vì ai cũng biết tánh tình nóng nẩy và hống hách của hắn. Sau khi đến Bắc Kỳ, hắn đã tự hào là đã ổn định được tình thế ở đó, đang say chiến thắng, De Courcy quyết định sẽ thực hiện một chính sách cứng rắn với triều đình Huế. Hắn khinh miệt người bản xứ, coi thường cái triều đình quan lại ở Huế. Hắn tin rằng chỉ cần một đại đội lính thiện chiến là có thể đè bẹp không những cái quân đội lạc hậu của triều đình Huế mà còn tiêu diệt cả cái dân tộc Việt Nam cổ hủ này nữa. Ôi Huế Kinh đô của ngàn năm văn vật mà mấy ông "Bạch Quỷ" dám cả gan khinh thị và mạt sát, thật là đã đụng chạm nhiều đến cái tự ái dân tộc của con người xứ Huế, nên cả kinh thành đều tỏ ra phẫn uất đến cùng cực.

De Courcy cũng thừa biết rằng Huế là đầu não, là chủ lực trong trận chiến này, Huế còn là Việt Nam còn, cho nên phải cho triều đình Huế biết mùi binh lửa.

Bên phía triều đình Huế, tất cả các đội quân Phấn Nghĩa, và Thân Binh cũng như cấm binh ở trong kinh và Hoàng Thành đều phải túc trực, chờ đợi lịnh...

De Courcy đến Huế liền tỏ ý muốn hội kiến với các nhân vật của triều đình Huế. Biết De Courcy có dụng ý hại mình, Tôn Thất Thuyết cáo bệnh không qua, chỉ có phụ chính Nguyễn Văn Tường và Phạm Thận Duật sang gặp De Courcy để điều đình. De Courcy có vẻ giận, phán rằng: "Ngài Thượng Thư bộ Binh có bị bệnh thì cũng phải đi võng mà sang!" Trước khi ra về, Nguyễn Văn Tường cho người hầu mang những phẩm vật do bà Hoàng Thái Hậu Từ Dũ sai mang qua biếu Thống Sứ - De Courcy là người đại diện của Phú Lang Sa, có tiếng là lịch sự với đàn bà, thế mà trong cơn nóng giận ông đã tỏ ra khiếm nhã, đến mức từ chối tặng phẩm của mệnh phụ phu nhân, người đó lại là "Mẫu Nghi thiên hạ".

Dân trong thành phố Huế khi nghe kể những mẩu chuyện như thế thì đều tỏ ra uất ức và cho là Tòa Khâm sứ đã ức hiếp Triều đình ta quá

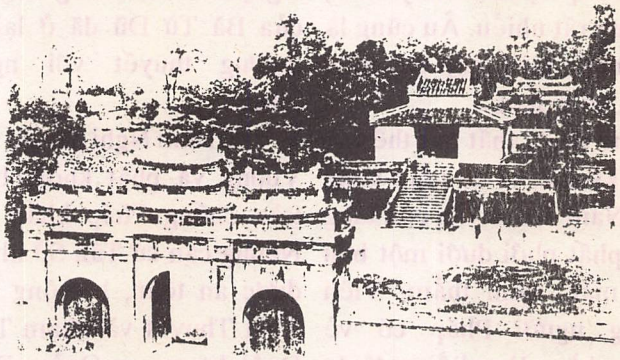

đáng, họ đều nhao nhao lên rằng: "Làm rứa răng được, nhục hết chỗ nói".

De Courcy còn dùng lời trách móc là tại sao khi làm lễ tấn phong vua Hàm Nghi, lúc vào thì để các quan Pháp đi qua cửa Ngọ Môn, nhưng lúc ra, các quan triều đình Huế đã cho đóng cửa chính lại, để cho phái bộ Pháp phải ra về bằng cửa bên hông. De Courcy nhắc chuyện đó như một thái độ cảnh cáo triều đình Huế. Tức nước vỡ bờ, triều đình Huế quyết định một mất một còn với Tòa Khâm bên kia sông Hương.

Mặt trước kinh thành, ở các cửa Thượng Tứ, Đông Ba và cửa Ngăn đều có các đội lính Phấn Nghĩa canh giữ. Cửa An Hòa, cửa Hậu đều có binh lính Nam Triều túc trực. Đại bác khắp mặt thành, ở mỗi góc trong thành đều có các pháo đội; chướng ngại vật được đặt ra trên khắp các nẻo đường; người ta còn ngây thơ tin rằng dân Pháp không có đầu gối, nên bao nhiêu mù u, ổi, bưởi đều được tung ra đường, hy vọng binh lính Phú Lang Sa sẽ bổ nhào và không đứng dậy được (!!).

Triều đình Huế ra tay trước bằng cách tấn công vào quân Pháp vào đêm mồng bốn, rạng ngày mồng năm tháng 7 năm 1885 (tức là ngày 23 tháng 5 năm Ất Dậu).

Sau những phút bất ngờ và hốt hoảng, quân Pháp đã phản công lại. Quân ta lúc đầu kháng cự rất dũng mãnh, nhưng sau vì không chịu nổi hỏa lực tối tân của quân Pháp, nên bỏ chạy tán loạn.

Khi trời gần sáng, súng đại bác của Pháp đã bắn dồn dập vào nội thành. Trẻ con, đàn bà bô lão chạy tứ phía, khóc lóc dậy cả một góc trời.

Phía ngoài thành nhà cửa bị đốt cháy, lửa bốc cao ngút,

những đám cháy liên tục từ chợ Đông Ba đến tận vùng Bao Vinh. Huế như đang đi vào một cơn sốt mà căn bệnh chắc sẽ còn hành hạ người dân Huế một thời gian rất dài.

Ngày hôm đó, thất thủ Kinh đô. Mỗi năm dân Huế vẫn còn nhớ ngày 23 tháng 5 năm Ất Dậu, một ngày đen tối trong lịch sử thành phố Huế, ngày mà người dân Huế đã trải qua những giây phút hồi hộp và kinh hoàng.

Ở trong nội thành, ở đâu cũng có người chết, nằm vất vưởng cùng đường, đạp lên nhau mà chết, từ người lính Phấn Nghĩa cho đến đám tù binh được thả ra để hỗ trợ cho cuộc biến động cũng như lính của Pháp bị chết cháy và bị thương rất nhiều. Âu cũng là vận nước Nam gặp cơn binh biến, hoạn nạn...

Huế đã bị thất thủ thế mà trên kỳ đài, lá cờ màu vàng của Nam Triều vẫn còn tung bay phất phới dưới một bầu trời mát, xanh thẳm. Viên tướng người Pháp có vẻ không bằng lòng liền ra lệnh: "Phải hạ cờ Nam Triều xuống, còn lá cờ là còn Triều đình Huế". Sau đó hắn buộc phải treo cờ ba sắc của nước Pháp lên, nhưng trong cái bi kịch mất nước vẫn có những chuyện dở khóc dở cười, vì lúc đó quân Pháp không chuẩn bị sẵn cờ Tam Tài; viên sĩ quan quýnh lên, thấy bọn lính mặc quần thụng có màu xanh và màu đỏ, nhưng thiếu màu trắng. May mắn thay một tên lính Pháp tìm đâu ra một mảnh vải trắng và đem lại trao cho viên sĩ quan. Lão này hồ hởi vì đã có đủ tam sắc, nhưng bỗng nhiên xịu mặt hỏi tên lính: "Mày mang mảnh vải trắng kia theo để làm gì, có phải để lúc thua quân Nam, mày phất cờ trắng để xin hàng, có phải không?"

Có dư luận cho rằng, sau khi tên lính treo được cờ Tam Tài lên kỳ đài thì bị viên sĩ quan Pháp bắn tại chỗ... Thật là phiền nhiễu, công lại hóa ra tội.

Trưa ngày 23 tháng 5 năm Ất Dậu, ông Tôn Thất Thuyết hộ giá vua Hàm Nghi ra Quảng Trị đi theo con đường chiến đấu đã vạch sẵn, vô cùng cam go và nguy hiểm.

Còn ông phụ chánh Nguyễn Văn Tường theo lời của Bà Từ Dũ đã ở lại để thương thuyết với người Pháp.

Vua Hàm Nghi ban dụ Cần Vương và phát khởi phong trào chống Pháp khắp nơi. Nhưng căn cứ Tân Sở không được an toàn, hai ông Tôn Thất Thuyết và Phạm Thận Duật đưa vua ra Quảng Bình, nhưng khi nghe tin quân Pháp chận đầu ở cửa sông Nhật Lệ thì đoàn hộ giá lại trở về Tân Sở. Người Pháp không tin tưởng hoàn toàn vào Nguyễn Văn Tường, giao cho thời hạn hai tháng phải mang vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết trở về. Về sau Pháp đã bắt ông Nguyễn Văn Tường đi an trí cùng ông Phạm Thận Duật. Ông Duật bị chết trên đường đi đày từ Côn Đảo đến Tahiti. Còn ông Nguyễn Văn Tường thì bị chết trong lao tù ở đảo Tahiti.

Ông Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi ra Hà Tĩnh để tổ chức kháng chiến. Tôn Thất Thuyết cùng Trần Xuân Soạn sang Trung Hoa để chiêu mộ binh lính nhưng không được chính phủ Trung Hoa giúp đỡ, về sau ông trở nên bất chí và mất tại Trung Hoa. Vua Hàm Nghi bị một tên Việt gian báo cho Pháp biết và Ngài đã bị bắt một tuần sau đó. Pháp đặt vua Đồng Khánh lên ngôi, mở đầu thời kỳ triều đình Huế bị mất chủ quyền hoàn toàn.

Huế là kinh thành của lịch sử và văn hóa, dân chúng sống hiền hòa và êm đềm trong khung cảnh thơ mộng, bên cạnh giòng sông Hương muôn thuở! Nhưng Huế cũng đã trải qua nhiều biến cố sầu thảm như biến cố Ất Dậu, và gần đây hơn là biến cố Tết Mậu Thân (1968).

Viết đến đây không khỏi bùi ngùi cho đất Huế, cho người dân Huế phải chịu bao nhiêu thăng trầm mà bao giờ cũng can cường chịu đựng.

Xin để vài giây phút cầu nguyện cho những linh hồn đã chết oan, cho hồn thiêng sông núi, cho Huế thêm huyền bí, cũng có thể đó là lý do khiến Huế có nhiều chùa để mỗi khi tiếng chuông vang lên trong những buổi chiều tím, thì tâm hồn người Huế trở nên lâng lâng nhẹ nhàng; và tiếng chuông cũng đã an ủi vỗ về biết bao linh hồn của người xấu số.

• *Nguyễn Khoa Diệu Lê*
Tháng 7, 1994.

Viết cho Huế

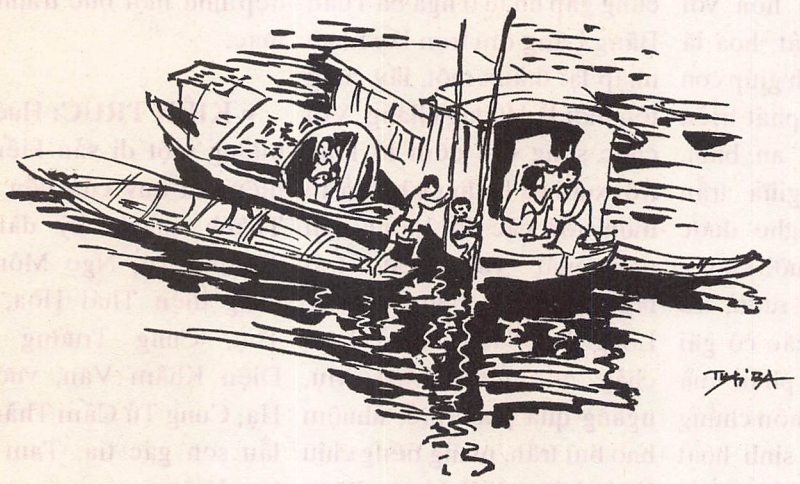

Nguyễn Ngọc Nhâm

PHẦN I

❑ HUẾ THÀNH PHỐ TĨNH

Sự đối nghịch là điều kiện ắt có để vạn vật sinh tồn. Đối nghịch điều hòa, vạn vật phát triển, nhân loại thái bình, mưa nắng thuận hòa, cỏ cây xanh tươi đâm hoa kết trái, ngược lại là tàn lụi, tiêu diệt, chiến tranh. Thể xác và tâm linh là hai phần đối nghịch trong cuộc sống chúng ta vậy.

Thể xác là phần động, hữu hình, có sanh có diệt, lại chi phối bởi sanh lão bệnh tử. Thể xác tạo nên hỷ, nộ, ái, ố, sân, si là hiện thân của vị kỷ.

Tâm linh là phần tĩnh, vô hình, không sanh không diệt, trường cửu và đồng nhất thể giữa muôn loài, là vị tha.

Đời đáng sống hay khổ đau tùy thuộc vào sự cân bằng giữa thể xác và tâm linh. Nếu quá thiên về đời sống tiện nghi vật chất, quên đi phần tâm linh, chẳng khác gì đi trên một chiếc xe tốt, chạy nhanh nhưng không có bộ thắng hữu hiệu. Sống phải biết xử dụng tâm linh như bộ thắng trong chiếc xe tinh vi thể xác. Chúng ta sẽ an vui tự tại, đem lại hạnh phúc cho mình, cho đời, cho thiên nhiên vạn vật.

• **THÀNH PHỐ ĐỘNG:**

Tiếc thay, nguy thay, các thành phố trên thế giới đều tổ chức theo tính động, lôi kéo con người lao vào đam mê vật chất thích nghi đời sống tiện nghi. Họ phải làm việc quên thời gian, quên mình, quên người chung quanh, phá tan hệ tình cảm gia đình, tự tách ra khỏi sự liên hệ xã hội, cô lập mình trong tư tưởng tự do cá nhân. Thể xác hoàn toàn làm chủ, tâm linh là kẻ nô lệ tạo nên một xã hội mất quân bình, bệnh hoạn, đầy rẫy tội ác nếu không nói là nguyên nhân của chiến tranh.

• **THÀNH PHỐ TĨNH:**

Để phá sự mất quân bình đó, cần phải tạo nên sự đối nghịch, đánh thức và nuôi dưỡng tâm linh, tạo những nơi thuận lợi để tâm linh phát triển, sinh hoạt thường xuyên. Sự sinh hoạt tâm linh đó không thể chỉ thu hẹp (thời gian cũng như không gian) trong các cơ sở tôn giáo, phải tổ chức xây dựng những cơ sở rộng lớn hơn, nhiều hơn, ở đó có sức thuyết phục, thu hút, cổ võ, gây nên sự đam mê thường xuyên về tâm linh, nơi đó phải có đủ

khả năng đối nghịch với các thành phố động: thành phố tĩnh.

Trái với thành phố động, thành phố tĩnh (1) có một quy hoạch, một khung cảnh sinh hoạt đặc biệt, hài hòa với thiên nhiên, vạn vật, hoa lá cỏ cây, với mục đích giúp con người phục hồi và phát triển tâm linh, một nơi an bình, một thiên đàng giữa trần gian. Ở đấy ta nghe được điệu nhạc, tiếng cười không phải từ các quán rượu, vũ trường, từ miệng các cô gái buôn hương bán phấn mà chính từ trong tâm hồn chúng ta. Ở đó nhịp độ sinh hoạt chậm lại, cuộc sống êm đềm, thong thả ung dung, ở đó không có tốc độ, quả đất ngừng quay, khách lữ hành ngừng bước, con người có dịp nhìn lại mình, nhìn người để mỉm cười với tha nhân, thương yêu loài vật, mơn trớn cỏ cây. Có sự hòa bình giữa thể xác và tâm linh là có hòa bình giữa người và người, người và vạn vật thiên nhiên (hòa bình đây không phải là hòa bình giữa kẻ yếu dưới gót giày người mạnh, không phải bằng vũ khí chém giết, không phải bằng quyền hành và tiền bạc). Dựa trên nhận định đó **HUẾ CÓ ĐỦ YẾU TỐ ĐỂ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ TĨNH LÝ TƯỞNG.**

• **YẾU TỐ THIÊN NHIÊN:** Sông Hương, giòng sông hiền hòa duyên dáng, đẹp và lãng mạn như câu chuyện tình, hai ngọn hữu trạch và tả trạch sinh ra và lớn lên từ triền đông dẫy Trường Sơn, hoàn cảnh đã chia rẽ đôi tình nhân, họ cố tìm lại với nhau, khi gào thét khi than khóc khi âm thầm chịu đựng vượt qua bao nhiêu ghềnh thác chập trùng, cuối cùng gặp nhau ở ngã ba Tuần Bãng Lãng ôm trọn lấy nhau nhập lại thành một, lấy cùng tên mới là Hương Giang. Với cuộc sống êm đềm lờ lững trôi xuôi về hạ lưu, khi ôm ấp mơn trớn các đồi thông, khi tưới mát vườn cây trái Nguyệt Biều, Lương Quán, Long Thọ. Sanh con nở cháu, chảy qua chùa Linh Mụ, ngang qua phố Huế, nhuộm bao bụi trần, mang tiếng chịu lời, chứng kiến bao thăng trầm của Huế ngàn năm văn vật, xuôi về Bao Vinh nuôi dưỡng cánh đồng lúa Làng Sình, Dương Nổ rồi đổ ra biển Thuận An, để lại những nhánh sông con chảy qua Trúc Lâm, sông đào Vạn Xuân, sau này gặp nhau ở Ba Bến rồi đổ ra Bao Vinh cùng sông mẹ. Sông con An Cựu nắng đục mưa trong, sông Thọ Lộc cùng đổ ra đầm Hà Trung trước khi ra biển cả.

Sông Hương, giòng sông đẹp nhất quê hương ta, mực nước điều hòa, trong xanh bốn mùa, ngoại trừ những ngày nước bạc từ nguồn về vào tháng bảy mỗi năm, sóng gợn lăn tăn nước trôi lờ lững. Hương Giang đầy tình tứ thơ mộng, lãng mạn lúc hoàng hôn trời chiều, khi trăng soi bóng nước.

Núi, dãy Trường Sơn chập trùng với những ngọn núi cao và đẹp như núi Kim Phụng, Bạch Mã, Thiên Thai, hiền hòa và trầm lặng núi Ngự Bình, các đồi thông thoai thoải ngâm mình trên giòng Hương Giang Ngọc Trảng, Ngọc Hồ, Vạn Niên, đồi Vọng Cảnh. Đứng trên đồi Quảng Tế, Huế dưới tầm mắt đẹp như một bức tranh thủy mạc.

• **KIẾN TRÚC:** Huế thừa hưởng một di sản kiến trúc hiếm và quý của tiền nhân. Thành quách, kỳ đài, cửa Thượng Tứ, Ngọ Môn, các cung điện Thái Hòa, Diên Thọ, Cung Trường Sanh, Điện Khâm Văn, vườn Cơ Hạ, Cung Tử Cấm Thành với lầu son gác tía, Tam Cung Lục Viện.

Chùa, chùa Huế là một kiến trúc độc đáo, một sự hòa hợp tuyệt vời giữa đạo và đời, giữa kiến trúc với thiên nhiên, không đồ sộ khoe khoang, tĩnh mịch bình dị, đơn giản nhưng trang nghiêm. Tiếng ngân chuông chùa, tiếng trầm trầm tụng niệm nam mô hòa với khói lam chiều với tiếng gió rít, thông reo, tạo nên một bầu không khí trang nghiêm nhiệm mầu, làm lắng dịu tâm hồn người. Các chùa nổi tiếng: Chùa Linh Mụ, chùa Tư Hiếu, chùa Bảo Quốc, Diệu Đế, Trà Am, Vạn Phước, sau này có chùa Huyền Không (gần Văn Thánh)...

Nhà thờ, nhà thờ Huế góp phần không ít cho di sản quý báu trên. Trái với chùa, nhà thờ chọn nơi thị tứ, như nhà thờ Phú Cam, nhà thờ lớn Huế, dòng Cứu Thế, nhà tu kín Kim Long, tiếng chuông nhà thờ là một âm thanh khó

quên, thức tỉnh con người hướng về với Chúa.

Nhà ở, ngoài "nhà ở" khu phố chợ, "nhà ở" nói chung ở Huế từ giàu sang, quyền quý đến dân giả, "nhà ở" đều thuộc loại nhà vườn có một hàng rào cây cắt xén gọn gàng hay lũy tre xanh bao bọc, với cổng kín tường cao hay cổng tre đơn giản. Trước nhà có sân, bể nước non bộ bình phong cây kiểng, vườn sau có cây ăn trái, mít, nhãn, xoài... bốn mùa bóng mát. Kiến trúc dù nhà ngang dãy dọc, gỗ quý trạm trổ tinh vi hay nhà tranh vách đất đều

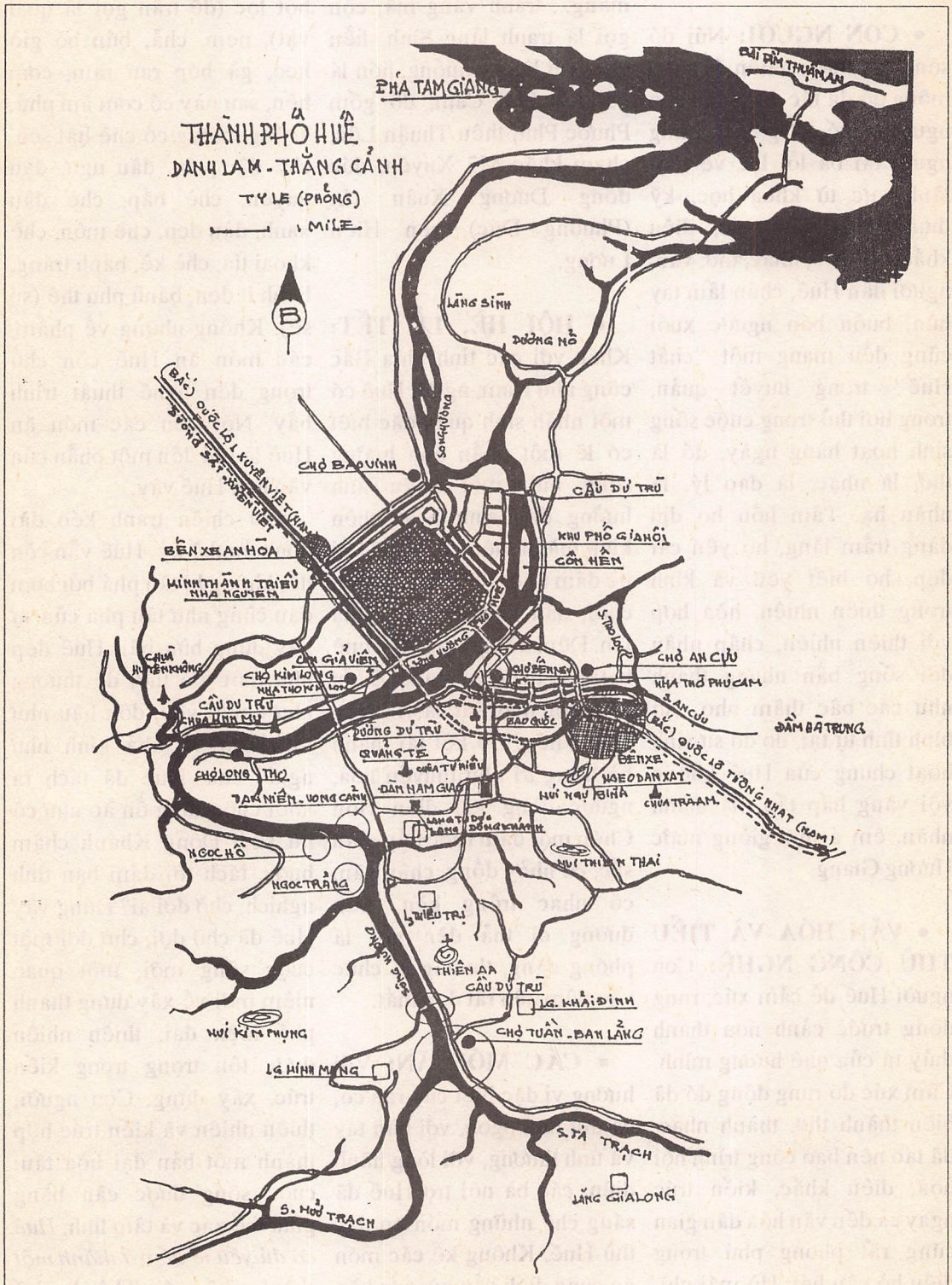

Bản đồ Thành phố Huế

có tôn ti trật tự, có chính có phụ. Mỗi khu vườn nhà Huế là một thế giới riêng biệt ấm cúng mang nặng tính thơ và mộng, một ít lãng mạn nhưng thấm nhuần nho phong đạo đức.

• **CON NGƯỜI:** Núi đó sông đó, thiên nhiên đầy thơ mộng đó đã tác động lên con người Huế. Ngoài những người tài ba lỗi lạc về mọi lãnh vực từ khoa học, kỹ thuật đến kiến trúc, điêu khắc, hội họa, nhạc, thơ, văn, người dân Huế, chân lấm tay bùn, buôn bán ngược xuôi cũng đều mang một "chất Huế" trong huyết quản, trong hơi thở trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, đó là thơ, là nhạc, là đạo lý, là nhàn hạ. Tâm hồn họ dịu dàng trầm lặng, họ yêu cái đẹp, họ biết yêu và kính trọng thiên nhiên, hòa hợp với thiên nhiên, chấp nhận đời sống bần nhưng thanh như các bậc thâm nho. Họ bình tĩnh tự tại, do đó sự sinh hoạt chung của Huế không vội vàng hấp tấp mà thanh nhàn, êm ả như giòng nước Hương Giang.

• **VĂN HÓA VÀ TIỂU THỦ CÔNG NGHỆ:** Con người Huế dễ cảm xúc, rung động trước cảnh non thanh thủy tú của quê hương mình. Cảm xúc đó rung động đó đã biến thành thơ, thành nhạc, đã tạo nên bao công trình hội họa, điêu khắc, kiến trúc ngay cả đến văn hóa dân gian cũng rất phong phú trong điệu hò câu hát. Hò mái nhì, mái đẩy, mái chèo, hò giã gạo, hò hụi (hay hò nện), nam ai nam bằng, hát ru em, vè, chầu văn, tiểu công mỹ nghệ, có tranh dân gian, phản ảnh trung thực đời sống tâm linh người Huế, tranh Tết, tranh cung thần, tranh bổn mạng... tranh vàng mã, còn gọi là tranh làng Sình, liễn treo Tết làng Chuồng, nón lá bài thơ Phú Cam, đồ gốm Phước Phú, thêu Thuận Lộc, chạm khắc Mỹ Xuyên, đúc đồng Dương Xuân Hạ (Phường Đúc), rèn Hiền Lương.

• **HỘI HÈ, LỄ TẾT:** Khác với các tỉnh phía Bắc cũng như Nam, người Huế có một nhân sinh quan đặc biệt có lẽ một phần ảnh hưởng sông núi, một phần ảnh hưởng đến sinh hoạt chốn kinh thành, nên có nhiều hội hè đám tiệc. Vui xuân, có bài chòi, đấu vật, leo cột, múa lân. Đêm trăng sáng, dân quê tụ tập xem hò giã gạo. Lễ lớn có nhiều màu sắc là vía điện Hòn Chén. Đò kết lại thành bè trang trí như thuyền hoa, ngược dòng lên điện Hòn Chén một đám rước đầy màu sắc, có nhảy đồng, chầu văn, có nhạc trống kèn, trên đường đi thả đèn gọi là phóng đăng, thường tổ chức vào đêm nên rất đẹp mắt.

• **CÁC MÓN ĂN:** Với hương vị đặc biệt của rau cỏ, cá thịt tươi ngon, với bàn tay và tình thương, với lòng hãnh diện, các bà nội trợ Huế đã sáng chế những món ăn đặc thù Huế. Không kể các món ăn cung đình cầu kỳ, sơn hào hải vị do đội ngự thiện phụ trách (gồm gần 100 món trong một buổi tiệc), món ăn dân gian Huế rất phong phú đậm đà hương vị đất thần kinh như bánh bèo, bánh nậm, bánh chả tôm, bánh khói, bánh ít, bánh ram, bánh bột lọc (để trần gọi là quai vạt), nem, chả, bún bò giò heo, gà bóp rau răm, cơm hến, sau này có cơm âm phủ. Tráng miệng có chè hạt sen, chè đậu ván, đậu ngự, đậu quyên, chè bắp, chè đậu xanh, đậu đen, chè môn, chè khoai tía, chè kê, bánh tráng, bánh ít đen, bánh phu thê (su sê). Không những về phẩm, các món ăn Huế còn chú trọng đến nghệ thuật trình bầy. Nói đến các món ăn Huế là nói đến một phần của văn hóa Huế vậy.

Sau chiến tranh kéo dài non nửa thế kỷ, Huế vẫn còn đó, không bị tàn phá bởi bom đạn cũng như tàn phá của sự xây dựng bừa bãi. Huế đẹp như một bài thơ, dễ thương như người yêu, đôn hậu như mẹ hiền và khả kính như người cha. Huế đã tách ra khỏi cuộc sống ồn ào như cô nữ sinh Đồng Khánh chậm bước, tách rời đám bạn tinh nghịch, chờ đợi ai? Đúng vậy Huế đã chờ đợi, chờ đợi một cuộc sống mới, một quan niệm mới về xây dựng thành phố hiện đại, thiên nhiên được tôn trọng trong kiến trúc, xây dựng. Con người, thiên nhiên và kiến trúc hợp thành một bản đại hòa tấu: cuộc sống được cân bằng giữa thể xác và tâm linh. *Huế có đủ yếu tố để trở thành một thành phố mới:* **Thành phố tĩnh.**

PHẦN II

❑ KIẾN TRÚC TRONG CÂU NÓI VẦN DÂN GIAN XỨ HUẾ

Mỗi lần nói đến Huế các Bà lại nhắc đến câu:

Huế đẹp Huế Thơ, Huế mơ
Huế mộng
Huế tộng bộng hai đầu

"Nè nói rứa là nói móc, là mấy mụ chê Huế mình nghèo phải không?" Xin thưa: Không. Ngẫm cho kỹ câu nói trên rất thâm trầm. Tộng bộng hai đầu là không kín hai đầu, kín hai đầu là cái trống. Trống rỗng kêu to không phải Huế của mình rồi. Cũng không phải kín một đầu, là cái túi, cái bị, cái thúng, để chứa đựng tích lũy, là tham vọng, sân si, nếu bít ở giữa là ngăn cách, chia rẽ. Tộng bộng hai đầu là không chấp, không chứa, không giữ kín trong lòng, là hỷ xả, là khoáng đạt, tự nhiên, thảnh thơi tự tại như gió thoảng mây bay, như nước chảy qua cầu. "Kiến trúc Huế là rứa đó, mà con người Huế chúng ta, nhất là đang ở xứ người cũng phải như rứa đó", khoáng đạt vị tha, giải hết mọi oán giận, để cho mình vui đời, đời vui mình, cho con cháu dưới nhìn lên, bạn bè nhìn xuống, bà con ngoài nhìn vô, vui vẻ cả làng.

Về phương diện kiến thiết, các kiến trúc sư, các nhà xây dựng tái thiết Huế phải lấy câu trên làm phương châm, làm kim chỉ nam. Không chỉ thực hiện được Huế đẹp là đủ, còn phải Huế thơ Huế mộng, lãng mạn và nhất là phải thể hiện cái khoáng đạt (tộng bộng hai đầu) của Huế mới đủ.

Năm 1991, trong dịp về thăm Việt Nam, tôi có ra thăm Huế, những kiến trúc mới xây dựng trước và sau 1975. Vẻ đẹp, hiện đại và tiện nghi, thật không kém một kiến trúc nào ở các thành phố trong nước cũng như ngoại quốc, nhưng còn thiếu chất thơ, cái lãng mạn của Huế. Nó lạc lõng, không hòa hợp với tinh thần Huế của ta.

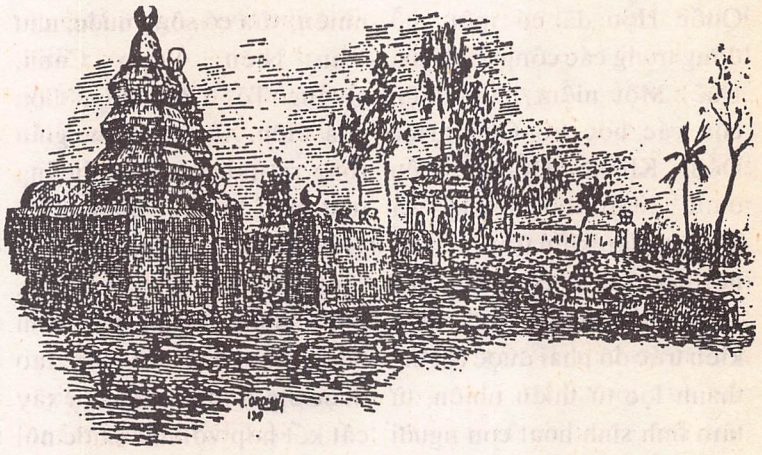

Nghiên cứu về kiến trúc Huế không chỉ với đầu óc trí tuệ mà phải bằng cả tâm hồn, phải biết hòa mình với Huế, phải biết nói chuyện với Huế, biết nghe tiếng nói thì thầm của Sông Núi Huế. Với một khối sắt thép khô khan, người kiến trúc sư và kỹ sư Pháp đã dựng nên cầu Tràng Tiền (1) đẹp và duyên dáng. Không những không phá hư nét dịu hiền thiên nhiên mà còn tăng thêm vẻ đẹp mặn mà quyến rũ của giòng sông, nó đã đi vào tâm hồn người Huế qua lời ca tiếng hát dân gian:

Cầu Tràng Tiền sáu vài
mười hai nhịp
Em đi theo không kịp tội lắm
anh ơi
Bấy lâu ni chịu tiếng mang
lời
Dầu có xa nhau đi nữa, cũng
tại ông trời mà ra.

Biết tôn trọng thiên nhiên cũng là một nghệ thuật. Không có một công trình nào người Pháp xây dựng trên hai bờ sông Hương mà họ chỉ thiết lập vườn hoa, chỗ nuôi thú (gần bệnh viện Huế). Phía tả ngạn có vườn hoa chạy dài từ Thượng Bạc qua Phú Văn Lâu lên đến cầu Bạch Hổ với các đỉnh đồng, với mục đích để mọi người hưởng được cảnh đẹp của giòng sông, trừ một vài công trình như nét chấm phá trong tranh thủy mạc để khỏi nhàm chán, đơn điệu, trong đó phải nói đến Bia Tử sĩ, một tuyệt tác (3). Kiến trúc sư người Pháp thời đó đã nghiên cứu và xây dựng Huế bằng tất cả tâm hồn người nghệ sĩ không phải trí tuệ của kẻ chiến thắng. Về phương diện kiến trúc, tôi xin nghiêng mình và cảm ơn người đã để lại trên

quê hương tôi những công trình bất hủ. Phải chăng người kiến trúc sư Pháp đó đã nắm được cốt tủy của câu nói vần như mỉa mai như diễu cợt dân gian xứ Huế trên. Phải nói đến một tuyệt tác nữa là cổng trường Quốc Học. Đứng trước cổng trường, tự nhiên tôi rùng mình toàn thân ớn lạnh, không biết vì trời lạnh Huế về chiều hay có sự cộng hưởng cảm ứng giữa kiến trúc sư sáng tạo và người thưởng thức, hay một cảm ứng tâm linh giữa hồn thiêng các Thầy đã mất với học trò từ xa xôi về thăm trường cũ... Tuy nhỏ nhưng cổng trường Quốc Học đã có một chỗ đứng trong các công trình của Huế. Một niềm hãnh diện của các học trò Quốc Học Đồng Khánh. Để thể hiện được tính thơ mộng và khoáng đạt, kiến trúc phải có nét đặc thù Huế, không vay mượn bên ngoài, tinh thần kiến trúc đó phải được rút tỉa, thanh lọc từ thiên nhiên, từ tâm tình sinh hoạt con người Huế, từ món ăn Huế, từ sông Hương núi Ngự. Kiến trúc đó vừa phảng phất triết học Trang Lão Tử, vừa thấm được Nho Phong, đạo đức, biết hòa mình với trăng thanh gió mát.

Vẽ nhà ở cho Huế đã khó, tái thiết và quy hoạch Huế càng khó hơn. Người KTS, thiết kế đô thị gia phải thả bổng tâm hồn mình vượt thời gian và không gian, để có cái nhìn tổng quát, sâu rộng, phải khoáng đạt (tộng bộng hai đầu) để hòa nhịp với thiên nhiên.

Trước 1975 vì chiến tranh, các công trình phải tập trung trong thành phố để dễ bảo vệ an ninh phá hoại. Ngày nay chiến tranh không còn nữa, đáng lý ra cần phải đưa các công trình ra xa trung tâm, quanh vùng ngoại ô. Tùy theo chức năng công trình, chọn lựa những vị trí thích hợp và thuận lợi. Cửa hàng thương mại: phát triển các khu phố chợ như Bến Ngự, An Cựu, Bao Vinh, Gia Hội, Long Thọ, Tuần thành các khu phố chợ vệ tinh.

Về văn hóa du lịch, khách sạn: chọn các đồi thông thơ mộng. Vừa có núi đồi thiên nhiên, vừa có sông nước, như Vạn Niên, Vọng Cảnh, Quảng Tế, Cồn Hến, Cồn Giả Viên. Xây dựng cho giãn rộng ra mới có được thoáng mát, mới tổ chức được công viên bãi cỏ, có bãi đậu xe rộng rãi, tránh được ô nhiễm, giao thông thuận lợi, sinh hoạt điều hòa mà còn tạo được dịp để dân chúng tự xây cất kết hợp với nhà nước nối liền hai khu mới và cũ. Vạn sự khởi đầu nan nhưng kết quả vô cùng to lớn về lâu về dài. Tiếc thay những công trình mới đều tập trung vào hai bờ sông Hương phía hạ lưu cầu Tràng Tiền, nhất là phía phố Trần Hưng Đạo. Vốn không có chiều rộng, phố đã phát triển dài đến bến xe Nguyễn Hoàng (gần Phú Văn Lâu), phía chợ Đông Ba, chen chúc giữa người với người, người với các gian hàng cửa hàng Tổng hợp. Quán ăn xây cất trên các khu đất trống bãi cỏ công viên, phá hết cái đẹp khoáng đạt của chợ mới Đông Ba (4), một thời dân Huế lấy làm hãnh diện. Đường Trần Hưng Đạo không phải chỉ là đường phố để đi lại mua bán, mà còn là huyết mạch giao thông giữa khu hành chánh trường học với khu Gia Hội, ở đây hay sinh ra nạn kẹt xe kẹt đường nhất là giờ bãi sở, bãi trường, chưa nói đến sự tai hại khi có tai nạn hỏa hoạn.

Rồi đây, một khi cầu Tràng Tiền sửa chữa xong cùng với cầu mới, khối lượng xe cộ phía hữu ngạn qua sông đổ dốc ngay giữa khu phố đông đúc không có lối thoát. Dù queo phải hay trái cũng đều là phố đầy người đầy xe, tai nạn và kẹt xe rất trầm trọng. Rứa là "Huế không tộng bộng hai đầu rồi, làm răng còn Huế nữa, làm răng để Huế tộng bộng hai đầu". Để giao thông không còn kẹt, để Huế được tộng bộng hai đầu một lúc phải giải quyết ba việc:

1. Xây dựng một hệ thống cầu bắc qua sông Gia Hội (mở rộng cầu Gia Hội cũ, xây thêm nhiều cầu qua sông cho người đi bộ, xe 2, 3 bánh, mở rộng sông cầu Đông Ba).

2. Nối dài đoạn đường từ cầu Tràng Tiền xuyên qua hồ rau muống và Thành, tạo một hệ thống đường mới trong Thành, mở rộng các cửa Thành (xét lại vấn đề bảo tồn, bảo tàng).

3. Tạo một vòng xoay (rond point hay place) giữa các ngã tư từ hai cầu kéo dài với đường Trần Hưng Đạo để khỏi kẹt xe từ các ngả đổ về.

Để thực hiện được cốt tủy câu nói vần *"Huế đẹp, Huế*

thơ Huế mộng, Huế tộng bộng hai đầu", phải mở thêm một đoạn đường mới từ Ngoẹo dàn xay (An Cựu) vòng sau nhà thờ Phú Cam băng qua dốc Nam Giao, qua Lịch đợi (sau ga Huế) vượt qua sông Hương bằng một cây cầu mới hay mở rộng và cải thiện cầu xe lửa cũ nối liền với đoạn đường thống nhất từ Bạch Hổ đến khu An Hòa. Tại An Hòa cũng như ở Ngoẹo dàn xay, lập hai trạm xe đưa khách vào thành phố. Được như vậy sẽ tránh sự ồn ào phức tạp và ô nhiễm của các đoàn xe đủ loại, ngày đêm xuyên Việt.

Cầu mới đã gánh một nhiệm vụ nặng nề và quan trọng trong suốt thời gian trước cũng như sau 1975, nay nếu có được ba cầu để sang sông Hương, cầu mới được hai cầu chị em Tràng Tiền và Bạch Hổ chia bớt lưu lượng khách và xe sang sông. Nên sửa sang tu bổ lại cho đẹp, duyên dáng hơn để thích hợp với nhiệm vụ mới nhẹ nhàng và thơ mộng liên hệ đến lãnh vực du lịch giải trí hơn là giao thông. Làm sao tạo nên một điểm son, bồng bềnh trên sông nước giữa cầu mới, như núm đồng tiền trên má hồng của cô gái Huế đôi mươi. Một điểm thu hút tầm mắt của du khách nhìn từ cầu Tràng Tiền về phía thượng lưu, và làm cho giòng Hương Giang bớt vẻ e lệ thẹn thùng, trở nên linh động trẻ trung hơn.

Sau khi lệnh cấm vận bãi bỏ, như cửa các đập nước kéo lên giòng thác đô-la từ các hướng ồ ạt đổ vào Việt Nam, tạo thành một cơn xoáy, một cơn lốc, làm xáo trộn mọi lĩnh vực từ văn hóa, xã hội, đạo đức gia đình đến kinh tế, chính trị. Ảnh hưởng trước nhất là lĩnh vực xây dựng và kiến thiết đất nước nói chung và Huế nói riêng. Trước nguy cơ đó các nhà hữu trách, các kiến trúc sư, thiết kế đô thị gia phải chọn một hướng đi, một chủ đề để làm vũ khí tự vệ, chống lại ma lực của đồng đô-la cũng như sự đòi hỏi vị lợi của các doanh gia ngoại quốc.

Cầu xin hồn thiêng sông núi phù hộ để Huế muôn đời sau vẫn là:

Huế đẹp Huế thơ
Huế mơ Huế mộng
Huế tộng bộng hai đầu

Mong thay.

- ***Nguyễn Ngọc Nhâm***

GHI CHÚ:

(1) Thành phố tĩnh khác với thành phố du lịch (hướng ngoại). Cảnh thành phố tĩnh hướng nội tâm.

(2) Hãng thầu Eiffel xây dựng.

(3) Giáo sư Họa sĩ Tôn Thất Sa đóng góp không ít trong công tác trang trí Đài Tử Sĩ quân nhân Pháp trong Đệ I Thế chiến.

(4) KTS Tôn Thất Quỳnh Tiên, tác giả.

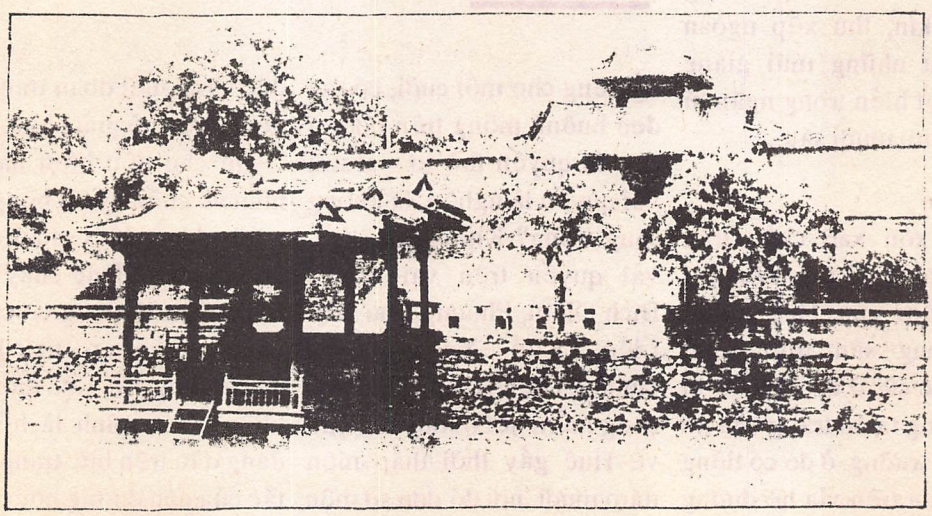

Cánh hồng bay bổng...

Để nhớ chị Ngọc Lan và những người bạn của thập niên 1954 - 1960 trường nữ trung học Đồng Khánh Huế.

Thái Kim Lan

Có những khi...

trong cuộc sống dồn dập của văn minh Âu châu

khoảng ngăn cánh vời vợi giữa Huế và Muenchen,

Khoảng thời gian mấy mươi năm hun hút chia xa tuổi học trò với buổi mai sau, bỗng nhiên trở thành những

"điểm không"

không nơi chốn, không thời gian

dù ở đâu, dù có bao giờ...

Nơi đó

như có rơi vào tình tang một giọt mưa - rồi mưa thành chuỗi long lanh trong mắt những cô học trò mười sáu - cái tuổi nhìn mưa ở dưới mái hiên hồng trường nữ sinh Đồng Khánh (cũ) của những Ngọc Lan, Như Ngân, Hoàng Lan, Diệu Phương, Ngọc Trinh, Diễm Mi, Tuyết Mai, Hồng Nhụy, Tương Giang, Nga Mi, Tường Nhi và còn những ai đó nữa...

Mưa càng dài ngày thì mắt ướt mi trong, nước da mát mịn màu ngà nhỏ nhẻ tóc mây nhung mềm lượt là và những ước mơ con gái càng được ủ kín, thu xếp ngoan lành như những múi giáng châu ngọt hiền trong ngăn tủ của trái tim mười sáu...

Nơi ấy

bỗng xôn xao chảy tràn màu phượng đỏ trên nền trời xanh thẳm của Huế tháng năm trong sân trường nữ trung học cũ, ở đó lũ lượt, lũ lượt những tà áo trắng của nữ sinh đến trường, ở đó có tiếng guốc khua trên vỉa hè đường Lê Lợi, có những vành nón nghiêng che môi cười, có tóc đen buông thõng trên bờ vai áo vải quyến thô sơ - ai nói vải quyến là nghèo, là không sang trọng? Không, không - vải quyến trên vai những Bích Diễm, Phương Mai, Mỹ Liên, Kim Xuyến, Như Hương, Diệu Hạnh, Thi Hà... càng mềm nét mảnh mai của vẻ Huế gầy thời thập niên năm mươi, nơi đó đơn sơ mộc mạc đã biến sắc đẹp thành đức hạnh, nét đoan trang hóa nên tuyệt thế giai nhân...

Để cho đến hôm nay khi nhìn về chốn ấy tôi bỗng thấy mình đang dậm chân thắng tại chiếc xe đang chạy trong dòng thác lũ động cơ của xứ người, ngẩn ngơ như khách qua đường Lê Lợi thời ấy - không biết mình là hồ điệp đang đậu trên bức tranh tuyệt tác của con đường học trò với trăm nghìn cánh bướm trắng

phấp phới dưới vòm cây xanh ngát, hay là Trang Sinh đang lạc vào cõi mộng của chốn "không màu" bất tận của trắng và trong...

Đôi khi...

giữa hai điểm hẹn căng thẳng trong cái lưới nhện của đèn xanh đèn đỏ xứ người,

trong sự hối hả, quay cuồng của thời gian ngộp thở trong hệ thống máy móc công việc của Âu châu.

trong sức căng thẳng trí óc với chiếc xe hơi nhấn hết ga trong thành phố xứ người,

bỗng dưng - vâng bỗng dưng! - vì không có một định luật liên tưởng hoài niệm nào đang vận hành trong giây phút ấy - bỗng dưng vọng đến bên tai mấy câu Kiều - mấy câu không phải là những thứ như *"người buồn cảnh có vui đâu bao giờ"* - mà là những câu bất ngờ của một bài thi lục cá nguyệt năm nào.

Nàng thì chiếc bóng song mai,
Đêm thâu đằng đẵng nhặt cài then mây,
Sân rêu chẳng vẽ dấu giầy
Cỏ cao hơn thước, liễu gầy vài phân...

Nơi ấy trên mỗi chữ của câu thơ thấy như có mái tóc thề rủ xuống trang giấy, như có tiếng kêu thảng thốt của cô học trò "trật tủ" - năm ấy quả thật đề thi về truyện Kiều như ước đoán, nhưng ai có ngờ đến cái đoạn mà không đứa mô đọc tới! - như có vài khuôn mặt tái đi, như có tiếng cười gượng, như có tiếng giấy run rẩy, như có mồ hôi hãi sợ nhòa ướt tóc mai... và xuyên qua cái im lặng chết đuối của lớp học đệ tứ đang thi lục cá nguyệt tôi thấy nét cười ái ngại của cô Tịnh Nhơn về cái đề thi như một cơn bão nhỏ làm cho lũ học trò mười sáu giật mình, toát mồ hôi, loay hoay cắn bút với những chữ khá oái oăm *"song mai"*, *"then mây"*, *"mây Tần"*.. với *"hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa"*, của nàng Kiều đã *"mòn con mắt phương trời đăm đăm"* tìm một *"cánh hồng bay bổng tuyệt vời"* (1)- Không có một đám mây nào ở nơi xa xôi này để dõi về nơi ấy - nhưng ngay trong lòng quãng đời căng thẳng bề bộn công việc hôm nay - bỗng dưng - như có một ngọn sóng trong muôn ngàn ngọn sóng *"a-lại-da-thức"* (2) - để dùng một danh từ của Phật thay cho ý niệm *"ý thức nguyên thủy"* hay những *"archetypes"* (3) của C.G Jung (4) - từ kiếp nào bỗng quay ngược đầu đưa tôi về chốn ấy:

chốn không gian trong như cõi không
chốn thời gian rỗng như lòng của cây sáo trúc

Nơi ấy tôi thấy mình đang vã mồ hôi sợ hãi cơn sợ của bài thi, nơi ấy có nước mưa mát lạnh hắt vào mặt, nơi ấy có hoa phượng đỏ làm say mê hay buồn bã những mối tình nhỏ bé vu vơ, nơi ấy có lá phượng xanh non là sự hi vọng, nơi ấy tiếng ve kêu là ngày bãi trường chảy nước mắt, nơi ấy mà mỗi chữ, mỗi câu thơ của Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Thiền Sư Vạn Hạnh, Nguyễn Khuyến... mỗi nhân vật Lý Công Uẩn, Trần Thái Tôn, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Huệ, Lê Lợi, Tuệ Tung, Thường Sĩ... đã được đón nhận bằng một tấm lòng thành và dù năm tháng có phôi pha xóa nhòa những dặn dò trăn trở cũa Thầy của Cô, có hai chữ "nhân nghĩa" vẫn còn đọng lại trong tâm như một chút "lòng trinh bạch" của những nợ nần đèn sách...

Đã mấy mươi năm trôi đi... thời gian thường làm giật mình người đứng lại... và thời gian còn thâm hiểm hơn cả

mọi bí hiểm của một bài thi: nhiều mái tóc xanh đã vương bạc, một vài giai nhân mệnh yểu hóa thành thiên cổ, lắm kẻ chìm nổi trong cuộc bể dâu, bao đứa phương trời lận đận.

Nhiều lần trở về Huế, tôi đi ngang qua ngôi trường màu hồng ấy mà ít khi dừng chân lại... thấy mình như một kẻ vô tình... Đáng lẽ tôi phải dừng lại thật lâu, nơi cổng trường ấy để nhớ ngày tựu trường, ngày tan học để đếm lại đi về bao nhiêu áo trắng đơn sơ, bao nhiêu mộng vàng ấp ủ, bao nhiêu hy vọng của Thầy của Bạn. Đáng lẽ tôi phải đi sâu vào trong, nằm xuống sân cỏ dại ngày xưa để tìm lại những dấu chân nữ sinh sắp hàng nghiêm túc trước khi vào lớp học, bóng dáng trang trọng như ngời sáng một lòng tin - dù cho qua bao gian dối dại khờ - vẫn còn là niềm tin vào chữ Thiện, chữ Lành, vào con người, vào cuộc đời, vào mai sau. Đáng lẽ tôi phải đến ngồi lại nơi góc bàn thứ nhất của lớp đệ tứ năm xưa để nhớ lại không gian xanh, thời gian hồng của bao nhiêu con mắt cùng nhìn về một hướng.

Nhưng tôi đã đành là kẻ vô tình bước nhanh, để cho CHỐN ẤY - NGÔI TRƯỜNG MÀU HỒNG - không hóa thành chốn cũ vĩnh viễn thuộc về quá khứ của tôi và của những cô gái nhỏ thập niên năm mươi - cho dù là kẻ còn người mất. Tôi muốn giữ trong tim vô trú chốn ấy là "CÕI CÒN ĐI ĐỂ ĐẾN" và mỗi giây phút học trò không bao giờ trở nên hoài niệm rã rời mà vẫn là điểm hẹn hò của những trái tim son trẻ.

Huế - Muenchen,
tháng tư và năm - 1994

• ***Thái Kim Lan.***

Chú thích:

1. Kim Vân Kiều, Nguyễn Du, từ câu 1837 đến câu 1853.

2. A lại da thức: danh từ Phật học, theo đó a lai da là căn bản của tất cả các pháp, do đó mà có sinh tử cũng do đó mà có niết bàn, a lại da là chủ thức thâu tàng chủng tứ của các pháp ni vô thủy, a lại da cũng được mệnh danh là tâm.

3. Archetypes: lấy từ tiếng Hy Lạp chỉ những kiểu mẫu tưởng tượng điển hình nguyên thủy đã được C.G Jung xử dụng trong lý thuyết tâm lý học của ông. Theo Jung, trong tiến trình phát triển cá nhân tính, những hình ảnh nguyên thủy của vô thức tập thể (khác với vô thức tình dục của Freud) đóng một vai trò quan trọng song song với khái niệm vô thức cá thể.

4. C.G Jung (1875 - 1961) như đã dẫn, chủ trương Tâm lý học phân tích, đưa ra lý thuyết "đồng giao tương ứng" (Synchronizitaetstheorie) (ví dụ đồng giao giữa âm thanh, hình ảnh cử động) cho rằng thiên nhiên và tâm lý con người liên hệ với nhau không chỉ qua tương quan nhân quả mà còn qua những tương quan ý nghĩa vượt thời gian và không gian.

tuổi nào hư hao

Mùa thu với gió heo may
Mây trời bảng lảng dâng đầy nhớ thương
Chưa tan giấc mộng vô thường
Mà sao em vội áo hồng cốm xanh?
Rừng xa cơn nắng vàng hanh
Hong cho ấm chút mong manh đợi chờ
Không tin nên đã ơ hờ
Không nguôi thương nhớ vật vờ niềm đau
Nghiêng đầu rũ tóc cỏ lau
Mới hay tuổi đá hư hao thế này
Về đâu ngọn suối chân mây?

• ***Mộng Hoàn***
San Jose

Đường Phượng bay

L.T.S. *Những tên tuổi và địa danh trong bài này đều là sản phẩm của tưởng tượng. Nếu có sự đồng dạng nào đó, với các nhân vật hoặc tên tuổi ngoài đời thì đó cũng chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên, hoàn toàn ngoài ý muốn của người viết.*

Hoàng Phong

Từ phía chợ Đông Ba nhìn theo hướng đông nam ta thấy một mũi đất bắt đầu từ bùng binh phía nam cầu Gia Hội (địa bàn của một số cua rơ xe đạp địa phương) phía tay trái dài tới Bãi Dâu, phía đông dọc theo kinh Gia Hội xuống đến cầu Đông Ba, bao gồm các xóm chùa Diệu Đế, chùa Ông, Trung Bộ, Ao Hồ, Đò Con, Ngự Viên.

Trong sự trùng điệp của các địa danh đặc thù Đông Ba Gia Hội đó, đã sống và đã chết nhiều cư dân của cuộc đất bé nhỏ thân yêu này. Theo một nhà địa lý nổi danh ở Sia, cuộc đất Gia Hội này tiếp cận với chợ Đông Ba, nên ít nhiều Gia Hội cũng tiếp nhận được một số sắc thái của ngôi chợ số một của Huế, do đó sự nghịch ngợm của trai trẻ nơi đây cũng giống như các đấng nhi đồng khắp thế giới cũng phá phách, rắn mắt nhưng lại có thêm một tí *"ba de"* rất hồn nhiên và vô tư như có lần tôi được Mạ mắng yêu khi tôi ôm bè chuối lội qua sông Đò Cồn bẻ trộm bắp về đãi bạn, mà cho tới bây giờ tôi vẫn chưa hiểu rõ tại sao Mạ không mắng là đồ ăn trộm mà chỉ nói là "ba de", tôi đâm ra yêu hai tiếng "ba de" từ đó. Chúng ta cũng không

nên giật mình khi biết được khía cạnh địa lý này của Gia Hội, Huế vẫn chưa đủ mặn mà sắc sảo nếu không có ngôi chợ nổi tiếng này. Có người Huế nào dám phủ nhận là mình chưa hề dùng đến sản phẩm của chợ Đông Ba. Những buổi sáng mùa đông mưa dầm gió bấc, mùi cà phê Phấn bên hông chợ hòa với mùi bún bò của những gánh hàng rong quanh các quán cóc trước mặt chợ tỏa lên mũi ngạt ngào xúc tác khẩu vị làm rủn chân khách qua đường. Khi hè đến, Đông Ba là nơi duy nhất bày bán đủ các thức từ nhãn lồng Kim Luông đến thanh trà Thành Nội, từ cá nục cá kình Cửa Thuận đến cá bống thệ, cá ngạnh nguồn từ ngọn đầu sông Hương, hàng vải, son quánh đồ gốm đồ thêu... sinh hoạt nhộn nhịp rộn ràng trong tiếng nói giọng cười nhiều mầu sắc hàm hồ quá quắt, đã tạo cho chợ Đông Ba một bộ mặt náo nhiệt nhất giữa chốn Cố Đô thầm lặng. Chợ Đông Ba đã cùng với hai chị em đồng hao khác là chợ Đồng Xuân ở Hà Nội và chợ Bến Thành ở Saigon làm cho nước Việt thân yêu của chúng ta có được những nét chấm phá cực kỳ linh hoạt trong bức tranh quê hương đầy tình tự dân tộc. Đông Ba là nơi sinh sống của các Mạ các chị kiếm một vài đồng về nuôi con nuôi em, vừa là một vú sữa nuôi sống cả một thành phố Huế mộng mơ để có lần khách viễn phương đã dừng chân *"Về đây trong hoa lá, hỡi cánh chim giang hồ..."* và để lòng reo lên *"trong tiết dịu êm, cô lái bên sông còn vương lời thơ..."*

Một địa danh như thế dù có ẩn chứa nhiều ngôn ngữ bình dân, hàm hồ đến đâu đi nữa nó vẫn làm cho ta thương nhớ ngập đầy, bùi ngùi xúc động mỗi khi nghe đến. Tôi lớn lên trong giao lưu của Đông Ba Gia Hội, trong những sáng

những chiều vờn quanh Bãi Dâu qua bến Đò Cồn, trong những đêm trăng sáng trên vườn cây Ngự Viên, Ao Hồ, Trung Bộ. Mỗi khu phố, mỗi nẻo đường đều thấp thoáng một nét thanh tú, một thoáng nhìn đen láy thân quen mà những người thanh niên Gia Hội đôi khi tự xem như cây nhà lá vườn trong những lúc mạn đàm so sánh với những bóng dáng mặn mà kiêu sa khác của Hàng Me, Cung An Định, Bến Ngự, Lò Rèn, Vĩ Dạ, Thành Nội, Kim Luông.

Trong lúc những áo trắng, áo tím đi về có vẻ âm thầm và lặng lẽ thì những chàng trai Gia Hội lại có vẻ ồn ào hơn. Sức sống của thanh niên trong thời bình (1954 - 1960), ngoài những sinh hoạt học đường còn có những buổi đi biển Thuận An, cắm trại leo núi, thăm lăng tẩm. Một trong những lối giải trí nhẹ nhàng mà hấp dẫn nhất thời đó là tụ tập từng nhóm ba hoặc bốn, đi xe đạp rong chơi qua các khu phố hoặc nhà cao kín cổng cao tường để ngắm nhìn người đẹp mà danh từ thời thượng gọi là *"đi nghễ"*. Cũng vì thế, những buổi tan trường, các cô gái ít khi di chuyển một mình mà thường họp nhau từng nhóm hai hoặc ba người để tăng thêm lòng tự tin trước những trêu chọc của các cậu theo sát đằng sau lưng.

Những tán tỉnh tiêu cực đó rất phổ biến trong đời học sinh trung học ở Huế, thường là chẳng đi đến đâu, bởi lẽ cùng một khu phố, một trường, một lứa tuổi, các cô thường có cái nhìn cao hơn, thực tế hơn và chắc chắn là hướng nhiều về danh phận hơn, tuy cũng có một vài ngoại lệ.

Vào hai năm cuối của tôi ở Quốc Học, có một vài "cánh chim giang hồ" đến từ đất ngàn năm văn vật, từ Hà Nội ba mươi sáu phố phường. Họ đến có lẽ từ ngày phân chia đất nước, theo gia đình và chọn sông Hương núi Ngự làm nơi nghỉ chân. Họ cùng lứa tuổi với chúng tôi, và cùng ngồi chung những năm đệ nhị, đệ nhất. Bên C có Lệ Khanh, Bích Diệp... bên A có Đỗ Anh Tài, Trần Tấn Việt....

Giữa những líu lo mô tê răng rứa của bầy chim đất Thần Kinh, những giọng nói Hà Nội rất gẫy gọn, và hùng biện của đất Thăng Long bỗng tìm thấy sự hòa điệu, không lạc loài, trái lại còn được đón nhận một cách thân tình, hội nhập. Có lẽ cùng ở trong một môi trường tuổi trẻ, một mái trường thân yêu, và trên hết, một tâm trạng mất mát, rời xa Hà Nội, của Thủ Đô Văn Hóa Việt Nam, các bạn mới này đã cùng với học sinh cùng lứa của Quốc Học, Đồng Khánh tạo thành thế hệ thanh niên đầu tiên của Việt Nam tiếp nhận niềm đau của một tổ quốc bị phân chia, của một hận thù giả tạo giữa hai miền Nam Bắc, vào những năm bàng hoàng nhất của tổ quốc hình cong như chữ S của chúng ta: 1954, 1955.

Từ đó, học sinh Huế sau khi rời trường trung học, sẽ không bao giờ còn có dịp đặt chân lên các đường phố của năm cửa ô xưa, nơi lui tới của Thạch Lam, Lê Văn Trương, Khái Hưng; của Đặng Thế Phong, Văn Cao, Nguyễn Mỹ Ca... những thần tượng chỉ có trong mơ của học sinh trung học Huế còn quá xa lạ với Hà Nội.

Lại không có dịp đến bãi biển Đồ Sơn để hình dung vẻ đẹp của chàng Vọi như thế nào mà đã làm cho trái tim khuê các của một thiếu nữ Hà Nội phải bàng hoàng ngơ ngẩn... Chúng ta đọc những Lạnh Lùng, Nửa Chừng Xuân, Trống Mái, chúng ta hát hay nghe hát những Giọt Mưa Thu, Thiên Thai, Dạ Khúc... mà sự rung cảm chỉ đạt đến mức cục bộ, qua sách vở, làm sao có thể trọn vẹn cảm xúc bằng khi chúng ta được sống, được biết nơi ra đời của tác phẩm, của tác giả, nhất là khi họ là những người như chúng ta, đã sống và đã cảm xúc nơi quê hương này, nay không còn nữa. Sự ước mơ không thành hình đó của tôi sẽ theo tôi mãi sau này như một mất mát tinh thần không thay thế nổi. Một sự mất mát tương tợ và có lẽ cụ thể hơn, tôi đã nhận thấy nơi Trần Tấn Việt ở những năm cuối cùng với tôi ở Quốc Học. Việt là một thanh niên có lẽ hơn tôi độ một hai tuổi, thường ngồi ở bàn sau cùng trong lớp. Anh rất lịch sự - vẻ lịch lãm của thanh niên Hà Nội - tóc dợn sóng, cặp kính cận gọng màu nâu nhạt rất trí thức, đặc biệt nhất là trong giờ chơi Việt thường đứng một mình, điếu thuốc trên môi, một điều hầu như không nhìn thấy nơi học sinh cùng trường thời đó.

Tôi thích Việt vì anh cũng biết đồng lõa với tôi mỗi khi nghịch ngợm trong lớp, mặc dù anh già dặn hơn. Từ đó, mỗi chiều cuối tuần, Việt thường mời tôi đến nhà anh ở đầu đường Hàng Me, phía trước là một phòng học nhìn ra bờ sông Hương, trang trí đơn sơ. Anh hát cho tôi nghe bài Giấc Mơ Hồi Hương của Vũ Thành với một giọng hát đầy xúc cảm, tôi chia sẻ với Việt niềm đau mất mát đó. Ở tuổi thanh niên đầy nhiệt huyết, Việt cũng như tôi lúc đó đều tin tưởng rằng sự ra đi của hơn một triệu đồng bào miền Bắc chỉ có tính cách giai đoạn, không thể tưởng tượng nổi sự chia ly lại trở thành vĩnh viễn, lại càng không thể hình dung nổi lìa xa Hà Nội chỉ là mở đầu cho lìa xa Huế, bỏ lại Saigon và cả quê hương Việt.

"Lìa xa thành đô yêu dấu
một sớm khi heo may về
lòng khách tha hương, vương sầu thương...
Nhìn em, mờ trong sương khói
bước đi nhưng chưa nỡ rời
lệ sầu tràn mi, đượm men cay đắng
Biệt Ly..."

Về sau, khi xong trung học, tôi rong ruổi tận Saigon, Việt ở lại và trở thành một luật sư của Huế.

Nhiều bạn bè cùng lứa khác, gặp tình đời đen bạc, nổi máu giang hồ, làm một phát "run away" sau khi chỉ tay xuống giòng Hương giang vô tội mà gằn giọng "I shall return!". Có "Trở về Huế" mà cũng có "Biệt ly". Ái tình cổ điển Tự Lực Văn Đoàn vẫn còn được sùng bái tại thành phố cổ kính này.

Mỗi năm khi phượng nở thắm tươi trên trời Huế thì hoạt động của thành phố này cũng nhộn nhịp hẳn lên: đâu đâu cũng vang lừng nhạc Hùng Lân chào đón hè về. Các trường trung tiểu học lớp này lớp nọ tổ chức văn nghệ bãi trường, du ngoạn, tắm biển đi núi... Phượng nở đỏ khắp trời, phượng nở trên trời Nam Giao, phượng nở bên bờ Bến Ngự, An Cựu, Hàng Me. Phượng nở ở chân cầu Tràng Tiền, trước chợ Đông Ba, trên Trần Hưng Đạo, phượng nở ở Phú Vân Lâu, Thượng Tứ, trong Thành Nội, phượng nở ở đường Âm Hồn... Màu

hoa phượng là mẫu số chung của tất cả hoạt động mùa hè ở Huế. Phượng nở đã cho phép một chàng si thầm lặng bỗng nói được lời mời đầu tiên đưa em đi ăn bánh bèo Vĩ Dạ. Phượng nở đã khiến một số sĩ tử kém may mắn kỳ một cố gắng học hè, học nhóm, học tổ chuẩn bị kỳ hai. Phượng nở là dịp lìa xa của những ai muốn xếp bút nghiên theo việc đao binh. Phượng nở là lúc em tiễn anh lên đường đi xây dựng sự nghiệp mong chờ mai mốt anh về. Phượng nở bên ni, phượng nở bên tê, phượng nở rộn ràng sum họp, phượng nở ngậm ngùi chia xa. Phượng nở cho hai bờ sông Hương gần lại, những tin tức kẻ ở người đi đều được loan truyền chia sẻ, trao đổi rủ rê, như thân thiết như gia đình.

Tuổi hoa niên đã qua, tuổi lập nghiệp đã đến, dù có qua nổi năm cuối cùng của trung học hay không, khi những thanh niên nam nữ của Huế nhìn lại ngôi trường Tiểu học năm nao bỗng thấy ngày xưa hoang vắng, nhìn lại Quốc Học Đồng Khánh bỗng thấy rong rêu... thì đó chính là lúc họ muốn cất cánh bay xa: dự thi vào hàng hải để mơ giấc hải hành, đăng vào không quân để được theo gót đàn anh Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh "chàng từ đi vào nơi gió cát" bên trời Bắc Phi, hay vào võ bị Thủ Đức, Đà Lạt cho mai vàng mai bạc nở sáng cầu vai. Một số khác chọn con đường khác, thi vào các đại học Y Dược Nha Khoa hoặc khoa bảng hơn, Công Chánh, Luật Khoa, Hành Chánh nơi Saigon hoa lệ (lúc đó chưa có Đại Học Huế). Hoặc lả lướt hơn, du học Pháp, Bỉ, Hòa Lan, Anh, Mỹ...

Rồi cũng hằng năm, khi màu hoa phượng rực đỏ trở lại trên thành phố thân yêu này thì những tráng sĩ năm xưa lại trở về: bằng cấp, lon lá trang bị đến tận răng, khiến cho số drop-out của các nữ sinh Đồng Khánh, Quốc Học, Bồ Đề lên cao vụt vùn, các Thầy Cô thở dài

ngao ngán cho sĩ số của trường lớp.

Dù có tung ra khắp bốn phương trời, tạo sự nghiệp trong nhiều lãnh vực, khác nhau, người dân Huế đều có một mẫu số chung cho tình yêu quê hương, đó là màu hoa phượng đỏ hai bờ cầu Trường Tiền trắng bạc, đó là những "chi rứa mô tê" mà hai mươi, ba mươi năm sau nghe lại được của nhau trên khắp nẻo địa cầu này đều có một âm điệu gia đình gần gũi của ba mạ ngày xưa. Mẫu số chung đó đã đưa họ lại gần nhau, gợi nhớ cho nhau những hình ảnh xóm nhỏ cùng sống, cùng thương, cùng giận cùng cười của một thành phố có một nếp sống nghèo mà tinh anh, đói mà đùm bọc.

Qua bao mùa nhớ Huế đầy ắp những kỷ niệm xưa, tôi đã thấy những tay bắt mặt mừng trong khoảnh khắc - mà xem ra đã bắt đầu trở nên e dè, xa lạ - rồi tan hàng ai về nhà nấy, cho đến năm sau. Nhớ Huế, nếu chỉ có thế thôi thì ta chỉ cần mở lại vài cuốn Album vàng úa thời gian ra, chiêu đãi nhau vài tách trà, cũng đầy đủ ý nghĩa rồi.

Nhớ Huế theo tôi nghĩ có lẽ phải hơn thế, phãi tạo những tiếp nối, phải mở nhịp cầu cho "nhớ Huế quá khứ" giao hòa với "nhớ Huế bây giờ" để quyện mình với"nhớ Huế ngày mai".

Nhớ Huế như hai vế của phương trình. Vế đầu gồm những chú bác ôn mệ của Trường Tiền sáu vài mười hai nhịp, những thanh niên đôi mươi của trường cũ, với phượng nở đỏ hoa. Vế thứ hai gồm những mái đầu trắng bạc, hoa râm... của lứa đôi mươi cũ, đã mòn mỏi vì vận nước, vì thời gian, đang loay hoay sắp xếp, hoạch định cho quãng đời mong manh còn lại nơi "thị trấn giữa đàng" này.

Nói nhiều về vế thứ nhất mà ơ thờ với vế thứ hai thì phương trình Nhớ Huế "có vẻ, và hình như" còn chưa nghiệm đúng với nhu cầu "mô tê răng rứa" của bạn Huế ly hương.

*

Lâu lắm sau 1975. Vào một chiều mùa hạ, chiếc máy bay Air Vietnam vừa nặng nề đáp xuống phi trường Phú Bài. Lẫn trong đám đông có ba người đàn ông trạc ngoại ngũ tuần xếp hàng chờ đến lượt lên xe ca trở về Huế. Cả ba đều yên lặng ngắm nhìn quang cảnh hai bên đường: đồng ruộng vẫn lưa thưa lác đác vài ngôi nhà ngói rêu phong, như cố tìm lại vài hình ảnh quê nghèo hồi thơ ấu.

Khi xe qua cầu An Cựu, họ hình như muốn đứng hẳn lên nhoài đầu ra cửa xe nhìn lại những dãy phố thấp lè tè rơi rớt lại phía sau, cố nhận ra một vài đổi thay trong trí nhớ, và cuối cùng xe ngừng lại ở trạm đến Trần Hưng Đạo.

Ba chiếc xích lô quay đầu trở ngược lại chạy về hướng cầu Gia Hội, bỗng họ khoát tay cho xích lô ngừng lại, bước xuống đi bộ xuống bực tam cấp phía quán cà phê Phấn cũ, gọi cà phê để nhìn thật kỹ khu đất bến xe, nơi họ đã đánh bài chòi trong ba ngày Tết. Một người hát dạo đôi mắt mù, ôm cây đàn guitare cũ kỹ bắt đầu cất tiếng hát khàn yếu ca một bản nhạc rất xưa cũ của Lâm Tuyền:

"Bao năm qua ta sống giang hồ xa quê nhà
nơi phiêu lưu muôn ý thơ dâng cho đời
dù bao nhiêu cay đắng
đến làm nát lòng ta, tan nát rồi, không đoái hoài..."

Một người trong bọn mời người hát dạo một tách cà phê và cho một ít tiền, rồi hỏi bạn: "Nì, cậu có nhớ trong bản nhạc này do nhà xuất bản Tinh Hoa Huế in có một câu thơ không?", "Phải rồi, Anh không giữ trong tay một kho tàng hay một danh vọng nào cả. Anh chỉ giữ có hình ảnh một buổi chiều, khi nắng vàng nhuộm mái tóc em". "Lại nghệ sĩ nữa rồi, này cậu có thấy dãy nhà bên kia bùng binh Gia Hội không? Đó nhà "moi" đó, và phía dưới nơi bờ sông đó là nhà của cụ ni đây", vừa nói vừa chỉ tay về phía người có dáng cao gầy, mặt chữ điền và nụ cười vẫn còn tươi, nói nói cười cười với một lũ trẻ bu quanh xin tiền. Mỗi đứa đều được chia nhau một ít, bỗng một đứa chạy ra xa và mấy đứa khác chạy theo". "Ôn nớ chi lạ mi ơi", "Răng rứa", "Ôn nói Ôn là ba de Gia Hội hồi xưa đó". Rồi cả bọn cười òa chạy biến mất vào trong các sạp hàng chợ.

• *Hoàng Phong.*

NGÀY XƯA YÊU DẤU

VÕ ĐÌNH HỮU

Năm Pháp lên sáu, Pháp đi học trường tiểu học Gia Hội. Nhà Pháp ở đầu cầu Gia Hội, từ đó xuống trường có 2 lối đi. Đi dọc bờ sông Gia Hội, đường riu mát với hàng cây bóng rợp, qua chùa Diệu Đế rẽ vào con đường bên hông chùa, thẳng vào đường Mạc Đĩnh Chi là tới trường hoặc quẹo vào con đường bên hông chùa Diệu Đế rồi rẽ trái ở mả Ông Trạng cho đến gặp đường Mạc Đĩnh Chi rồi đi thẳng đến trường.

Trời mùa hè con đường đi học thiệt nắng nhưng nhờ có hàng cây nên cũng đỡ nóng. Thỉnh thoảng có những ngọn gió thổi từ bờ sông lên cũng làm đỡ khổ cho những cậu học trò. Dọc đường có một vài cây phượng đỏ chói. Pháp và tụi bạn hay lấy những nụ hoa để chơi đá phượng, hai đứa lấy 2 cái đầu hoa ngoéo vào nhau rồi cầm kéo ra, đứa nào bị đứt trước là thua. Trời hè ve kêu dòn dã, trên đường đi bướm lượn bãi cỏ hay những con chuồn chuồn bay lượn tạo thành một khung cảnh vô cùng thanh bình. Đến trường, đây là một trường gạch ngói mới xây gồm 2 dãy dọc nối với nhau bằng một dãy ngang. Ở ngoài cổng nhìn vào phía trước là cột cờ, bên tay phải là nhà mụ cai với tiệm tạp hóa bán đồ ăn, bên tay trái là cây nhổn và chính nơi này trên một phía của tường rồi từ từ nhích dần vào phía giữa khi gặp nhau đứa này cố gắng gạt đứa kia té xuống là thắng. Trò chơi này dành cho những kẻ nghịch. Những đứa khác thì ghé nhà mụ cai ăn quà vặt hay đợi ông bán kem dạo ghé ngang mua ăn. Hồi Pháp mới học thì thầy Phất còn dạy và làm hiệu trưởng, sau đó là anh Định một người có họ với Pháp. Ngay phía trước trường là nhà của cô Hà. Hồi học lớp nhì cô Hà rất thương Pháp cho nên cuối tuần cô hay gọi Pháp đến nhà phụ cô một tay trong việc cộng điểm thông tín bạ, thỉnh thoảng Pháp cũng rất hân hạnh "lãnh trọng trách" làm "chim xanh" tức là mái nam bây giờ, làm con thoi cho cô và thầy Võ mà kết thúc là một cuộc tình êm đẹp của hai nhà giáo.

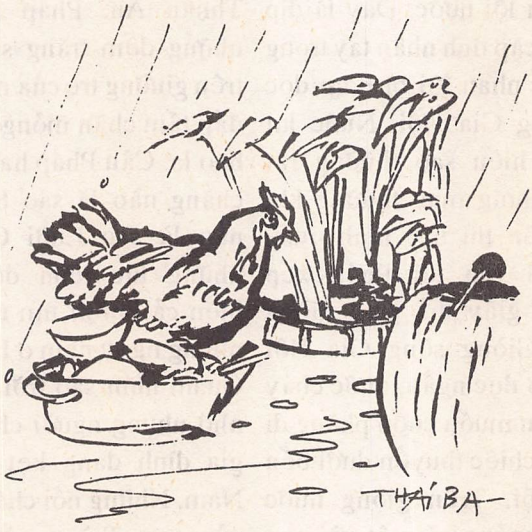

bức tường của hông trường là nơi xảy ra bao trận xáp lá cà đánh tường. Giờ ra chơi tụi Pháp hay leo lên bức tường thành cứ hai đứa mỗi đứa ở

Trời mưa thì đi học cực khổ hơn, gió từ bờ sông lên mùa hè mát, đã bao nhiêu thì mùa đông lạnh, khổ bấy nhiêu. Mưa dầm ở Huế dù mặc tơi

đọt, tơi chuối hay áo Belair cũng không đủ ấm và đủ giữ cho khô, vào lớp hay về nhà thế nào cũng bị ướt. Vào lớp ngồi nhiều khi đến khi về cũng chưa khô, trường ốc ngày xưa làm gì có máy sưởi nên mùa đông bọn Pháp bị cảm rét nhiều nhất là những ngày mưa dầm dề. Tuy nhiên mưa càng nhiều tụi Pháp càng mừng bởi vì "trời hành cơn lụt mỗi năm"...

Khi mưa bắt đầu nhiều và khi đêm nghe gió thổi rì rầm sáng ra ngủ dậy thấy nước sông Gia Hội đục ngầu mầu bùn nâu đỏ là Pháp biết sắp có lụt. Tuổi trẻ ngây thơ còn cầu cho có lụt để được nghỉ và khi nước sông dâng cao ngập cầu Đông Ba thì Pháp được nghỉ học. Nhà Pháp ở đầu cầu Gia Hội là nơi cao nhất của Gia Hội cho nên ít khi bị ngập, chỉ khi nào lụt lớn mới bị ngập mà thôi. Những ngày lụt thiên hạ thi nhau đi lội nước. Đây là dịp những cặp tình nhân tay trong tay dìu nhau lội bì bõm dọc bờ sông Gia Hội. Nước lụt không hiểu sao thường rất lạnh nhưng may thường khi nước lên thì trời tạnh mưa. Đây là dịp tụi Pháp xếp thuyền giấy thả theo giòng sông. Giòng sông Gia Hội bây giờ đục ngầu, nước chảy xiết như muốn cuốn phăng đi những chiếc thuyền dưới bến Gia Hội. Trên giòng nước thỉnh thoảng có một vài con bò, con trâu, một vài mái nhà tranh bị cuốn phăng đi. Dịp này cậu mẹ Pháp thường mở cửa hàng cho bà con dưới Vạn An Hội lên ở tạm để tránh hiểm nguy. Thông thường chỉ 1 hay 2 ngày là nước rút. Lội nước lụt vui bao nhiêu thì chùi nhà sau khi lụt cực bấy nhiêu. Những bùn đỏ nhão nhẹt đọng trên thềm nhà, trên khoang cửa phải lấy nước mà dội mà kỳ cọ.

Mùa đông ngoài lụt đôi khi lại có bão. Khi radio loan tin sắp có bão là mọi người lo sợ. Bão đến gió thổi rất mạnh những cây dọc bờ sông Gia Hội bị đánh gẫy đổ nằm dài ra đường. Những lần bão tụi Pháp cũng được nghỉ học. Nghĩ lại xưa Huế đã nghèo mà chẳng năm nào lại không có bão, không có lụt. Ngoài ra trời mưa dầm dề ngày này qua tháng khác, tuổi trẻ thì thích vì được nghỉ học hay có thì giờ ngồi mơ mộng tình yêu nhưng về phương diện kinh tế thì tai hại biết bao.

Ba tháng hè ở Huế thật là thích thú. Tụi Pháp chiều chiều ra bờ sông Gia Hội tắm rửa. Thỉnh thoảng cả nhà đi Thuận An. Pháp nhớ mãi những đêm trăng sáng nằm trên giường tre của mụ Trùm, đắp tấm chăn mỏng nhìn trời bao la. Cậu Pháp hay chỉ cho chàng nào là sao Bắc Đẩu, nào là sao Lưỡi Cày v.v.. những lúc lênh đênh trên biển cả khi đi tìm tự do hay những ngày nằm ở Bãi Orote Guam nhìn sao trời mà lòng nhớ nhung người cha già và gia đình đang kẹt lại Việt Nam. Những nồi cháo cá tươi của mụ Trùm, những con mực nướng hồi đó chắc bây giờ cái mùi vị đó không bao giờ chàng nếm lại được, bây giờ dù có cao lương mĩ vị bao nhiêu chàng chắc chắn rằng không bao giờ sánh bằng những món ăn tầm thường ngày xưa trong một khung cảnh gia đình êm ấm trên bãi biển Thuận An. Trong những lần đi biển như thế Pháp có biết bao là kỷ niệm chỉ một đôi chân chạm nhẹ dưới làn chăn mỏng, chỉ một cái nắm tay nhẹ trong một đêm trăng sáng *"Đêm nay trăng sáng quá ai ơi"*... cũng đã làm cho Pháp không quên hình bóng của một người con gái mà chắc rằng thuở đó tình cảm thiệt hồn nhiên và tinh khiết để ngàn năm vẫn còn nhớ mãi.

Giờ đây sống đời tha hương, tóc đã lấm tấm vài sợi bạc nhưng kỷ niệm xưa dầu dễ ai quên. Lúc Hòa An lên sáu, ngày đầu tiên dẫn con đi học, một khoảng đường ngắn chàng cũng lái xe. Các em bé bây giờ có Back Pack đâu có còn cái thú vị ôm một đống sách vở chốc chốc lại xốc lên vì sợ rớt sách. Bên này ít có trời mưa dầm dề, trời bão chẳng cần đến áo mưa nói gì đến tơi đọt, tơi chuối.

Con đường đến trường không có bụi đỏ, không có ổ gà lồi lõm mà bằng phẳng và sạch sẽ vô cùng, chẳng còn *"Em theo bụi đỏ đi rồi..."* Nhưng sao Pháp vẫn thèm những khung cảnh ngày xưa, những chiều hè nắng ấm, những ngày đọng nước làm lạnh buốt và chàng vẫn mơ về những ngày xưa thân ái của thuở học trò, của tuổi hồn nhiên trong những giây phút thanh bình bên ngôi trường cũ.

• *Võ Đình Hữu*

NHỮNG ĐỨA CON CỦA HUẾ

Võ Ngũ Bình Phương

Việt thân,

Hôm qua nhận được thư của mi, thật bất ngờ, vui mừng và xúc động. Bất ngờ vì đã bao nhiêu năm không được tin mi. Vui mừng vì biết mi còn sống và hiện ở tại Cali. Tao tưởng mi đã bỏ xác trên dãy Trường Sơn năm nào. Xúc động khi đọc những lời tâm sự của mi, khi biết mi bây giờ là một phế nhân mang đầy mặc cảm tội lỗi, hối hận về những chuyện tan tác mà mi đã mang đến cho Huế. Mặc cảm tội lỗi đã làm cho mi không dám vô tham dự Ngày Nhớ Huế năm vừa rồi, không dám đến để gặp bạn bè quen thuộc mà phải đứng thật xa để hồi tưởng, để ôn lại những kỷ niệm xưa về Huế và viết thư cho tao mà không cho địa chỉ để hồi âm. Làm chi rứa!

Từ ngày hai đứa tụi mình rủ nhau lên chùa Từ Đàm biểu tình chống Thiệu-Kỳ-Có, từ ngày hai đứa cãi vã về chủ thuyết Tư Bản - Cộng Sản, để rồi tao vào quân ngũ và mi đi vô "bưng", đã mấy mươi năm rồi mi hí!

Tụi mình bây giờ thuộc giới "tứ tuần" rồi. Vào lứa tuổi này, thời xưa đi ăn kỵ được ngồi "mâm trên" vì được xem là thọ rồi, dám được gọi bằng "Ông" nữa là khác. Bây giờ tại thiên đường Mỹ quốc này, tao phải đầu tắt mặt tối, ngày cong lưng đi làm hầu boss, tối về lại "thay tã - cho con bú - rửa chén" không thì vợ nó cằn nhằn. Có một đứa con không mà phải lo "phì khói". Nhập gia tùy tục, phải biết thức thời với xã hội mới đầy phức tạp và stress này thì may ra còn bảo vệ được hạnh phúc gia đình phải không mi? À, mi đã có gia đình chưa? Mấy cháu rồi hay vẫn còn độc thân?

Mi hỏi tin tức bạn bè, "Thất Quái Thiên Hựu" ngày nào?

Tao vừa nhận được thư của Quảng. Mi nhớ Quảng "Hột Mít" không? Cái thằng đoản tướng, vừa lùn vừa mập, giống như hột mít đó. Các chủ đò trên sông Hương không ai xa lạ chi với cậu hột mít ni. Mỗi khi hắn xuống đò là đò "chòng chành", mập quá mà! Tụi mình bảy đứa, mà không có đứa mô dám nằm cùng đò với hắn. Tao "share" đò với hắn một lần, cả đời không quên được. Cặp "đùi hộ pháp" của hắn gác trên ngực mình thì hỏi răng mà không nghẹt thở được, ban đêm cứ tưởng mình bị "ma đè", té ra là hắn. Lại thêm cái tật "lăn" nữa. Ngủ không yên, cứ lăn qua phải rồi qua trái suốt đêm, mà mỗi lần như vậy là đò chuyển mình lắc theo hắn, nên mình có cảm tưởng như đi trong cơn bão cấp tám vậy. Vừa nghẹt thở, vừa chóng mặt, làm răng mà ngủ được với hắn. Như rứa mà còn mang tiếng ngủ đò "quịt" nữa. Đã từng bị "mời" tắm sông Hương lúc gà chưa gáy sáng, và mấy lần vào "bót" vì tội không trả tiền đò.

Bây giờ, ban ngày, hắn là giáo sư. Vừa dạy ở Đại Học Huế vừa dạy kèm tư gia, mỗi ngày "bán phổi" trung bình mười, mười một tiếng. Ban đêm phải làm thêm, phụ tá quản lý cho khách sạn Hương Giang, mà vẫn không đủ tiền nuôi gia đình, một vợ bốn con nhỏ. Ở thiên đường xã hội chủ nghĩa, giáo chức là "dứt cháo" mà mi, nên hắn từ "hột mít" biến thành"cây tre", ốm và già đi, tưởng như đã ngoài năm mươi. Tuy vậy, hắn không một lời than, chấp nhận số mệnh nên gia đình tương đối hạnh phúc.

Thằng Hải thì hiện đang "nằm" ở trại Thanh Hóa. Hải "Cận" đó! Biệt danh "cận" này được mấy O Đồng Khánh thương tặng, mi còn nhớ không? Cận không phải là cận thị vì chàng này mắt sáng như sao đêm, không bao giờ đeo "gương" ngoại trừ kính râm. Cận ở đây có nghĩa là "gần" vì chàng này nổi tiếng, mỗi khi bãi trường, hay đi "kè kè" theo mấy O Đồng

Khánh để thổ lộ tâm tình. Có lần, hắn đi xe đạp theo tán một O cũng đi xe đạp. Lúc lên cầu Tràng Tiền, hắn đề nghị: "O ơi, trời nắng, O đạp xe mệt rồi, để tui phụ cho nghe". Nói xong, không cần biết câu trả lời, hắn xáp xe thật gần, chân phải tiếp tục đạp xe của hắn, chân trái "thò" qua để phụ đạp cho O. O kia nửa tò mò muốn coi hắn đạp xe một chân ra răng, nửa mắc cỡ chưa biết phải đối phó làm răng đành để cho hắn trổ tài, rồi thừa lúc vắng người bèn "đạp" cho hắn một cái, chút nữa văng xuống sông Hương. Từ đó mới có biệt danh Hải "Cận".

Hải bây giờ không biết ra răng, thật tội nghiệp. Trong bọn mình, mi biết hắn là con người mang hoài bão lớn, luôn luôn khao khát và tranh đấu cho hòa bình no ấm cho dân tộc. Sau khi xong trung học, là một người trẻ đầy nhiệt huyết, Hải tham gia vào tất cả các cuộc đấu tranh chống độc tài, tham nhũng và bất công. Không có một chế độ nào, không một nhà giam nào tại Huế không biết đến Hải. Vừa được thả sau bao năm tù cải tạo, hắn lại tham gia phong trào tranh đấu đòi Tự Do để rồi lại vào khám tiếp. Cuộc đời của hắn, đúng như biệt hiệu, đi liền với chữ "cận", nhưng bây giờ cận nhà tù và lần này, có lẽ, là cận với tử thần. Không thân nhân thăm nuôi, sức khỏe của Hải qua bao nhiêu gian khổ lại quá kém. Không tin tức đã gần một năm, chắc không còn chịu đựng được rừng thiêng nước độc vùng Thanh Hóa.

Phương "Hạm", người hùng đã từng đoạt giải nhất trong cuộc tranh tài "xực bánh bèo chén Tây Thượng" giữa Quốc Học và Thiên Hựu - ăn một hơi gần cả sáu, bảy chục cái - nay làm lớn trong bộ ngoại giao, là người đang đi khắp thế giới để xin tiền bảo trì di tích lịch sử của thành phố Huế. Hắn nay đã hết "hạm", ăn uống chỉnh tề mẫu mực nhưng vẫn còn cái tật mỉm cười trước khi trả lời hay bắt chuyện với ai. Lúc gặp bạn bè, bị trách móc "tại sao lại theo Bác", hắn lại mỉm cười trả lời "ngó vậy chứ không phải vậy", có ai biết cho hắn đang mài kiếm "gỗ" giữa lòng địch với hy vọng cải tổ được chế độ. Bạn bè cho hắn là một Gorbachev tương lai của Việt Nam, hắn cũng chỉ mỉm cười... Chuyện gì đến sẽ phải đến!

Trong bọn mình, có lẽ thằng Tuấn "Ngựa" là thành công nhất tại xứ Mỹ này. Con trai mà mê nước hoa hơn mê gái nên bị mấy O gắn cho cái tên "Ngựa". Mi còn nhớ không, chưa thấy mặt mà đã biết là ai đến rồi. Cái mùi nước hoa của hắn thật nhớ đời. Không biết hắn chế hay mua ở mô. Độc nhất vô nhị.

Hiện nay, hắn biến giấc mơ đó thành sự thật, làm chủ một hãng nước hoa, hàng năm bán cả mấy triệu đô-la. Nhà cao cửa rộng nhưng bạn bè ít ai gặp hắn sau khi hắn ly dị. Năm rồi tao tình cờ gặp Tuấn. Vẫn "ngựa", hơn xưa nữa là khác, tóc tai chải chuốt, nước hoa thơm phức, áo quần thì khỏi chê, ông chủ lớn mà. Bề ngoài vậy mà ở trong, một bầu tâm sự. Tiền thì có nhiều nhưng rất cô đơn. Hắn nói là hắn không thích hợp với xã hội, với con người Việt Nam nữa! Cưới vợ được hạnh phúc hai tháng thì gia đình vợ, hàng xóm, bà con "xía" vào, nhất là bà già vợ và mấy "mụ O nhọn mồm". Xúi cái này bày cái khác, "phải như ri, phải như rứa", cuối cùng chỉ làm cho hai vợ chồng hắn cãi vã để đi đến tan vỡ. Hắn có tiền nên nghĩ đến chuyện giúp Huế. Thành lập một hội từ thiện để gởi tiền và xin sách vở về giúp trẻ em mồ côi ở Huế, thành lập một công ty lớn để về tả ngạn sông Hương xây khách sạn và mở mang ngành du lịch nhằm tạo công ăn việc làm cho dân Huế. Ý định tốt, dự án nhiều, nhưng khi xây được một cô nhi viện và một chẩn y viện thì bị nhà nước tịch thu, cho nó là "xịa" (CIA) đem đồ Mỹ về đầu độc cô nhi Huế! Bên Việt Nam đã vậy, bên này không kém. Nó bị "chụp mũ" là tiếp tay với cộng sản, là kiếm cách để trốn thuế, bị hăm dọa và bôi xấu đủ thứ.

Nhiều chuyện buồn đã đến với nó cùng một lúc nên bây giờ nó trốn bạn bè, sợ cái tư cách "cóc ngồi đáy giếng", sợ cách chơi và lối làm ăn "thọc gậy bánh xe", sợ Việt Nam là vậy. Tao có khuyên nó, nhưng...

Hôm lễ Quốc hận 30 tháng Tư, tao có gặp Diệp "Gàn".

Hỏi hắn qua lúc nào thì hắn nói "H.O 2!" Trả lời như rứa thì ai biết mà mò. Rõ là gàn, mi hí. Quay qua hỏi vợ hắn mới hay gia đình qua đã ba năm. Biết tao là bạn thân, nên Hằng, vợ Diệp, tuy mới gặp tao lần đầu, đã than phiền về chồng: "Từ ngày qua đây, anh ấy lúc nào cũng say sưa. Sống với quá khứ, với dĩ vãng vàng son của thời anh ấy làm quận trưởng, hét ra "lửa". Không biết ai đã bày cho anh ấy mà anh tin tưởng là với công trạng đánh cộng sản, qua đây Mỹ sẽ nuôi, sẽ cung cấp cho gia đình nhà cửa, tiền bạc và công việc làm tốt. Chạm phải thực tế, anh thất chí, bất mãn, im lặng ôm cái quá khứ mà sống, không tiếp xúc với bạn bè trừ những ngày như hôm nay dịp để anh ấy trình bày dự án "trở về giải phóng đất nước", không màng đến công chuyện gia đình. Đã ba năm rồi, em và hai con phải tự lo liệu. Tội nghiệp tụi nhỏ, qua Mỹ đã lâu chỉ biết học và đi làm. Không một lời phê bình về hành động của Ba vì tụi nó biết Ba Me của chúng ra đi vì ai. Hai đứa năm tới đều được học bổng để vào học Y Khoa ở đại học Yale".

Tao có xin địa chỉ và hứa sẽ đến giải cái bầu tâm sự của nó. Cho nó biết chỉ có nó mới bi quan như vậy. Biết bao nhiêu H.O đã thành công trên xứ lạ quê người này.

Việt thân, trên là tóm tắt chuyện bạn bè tao biết được. Những đứa con của Huế nay kẻ ở người đi, lưu lạc khắp địa cầu, tha hương cầu thực. Mỗi đứa một hoàn cảnh, một ưu tư, một nỗi khổ. Tao cũng như mi, và những đứa con khác của Huế, mỗi người đã chọn và bảo vệ một tư tưởng, một chân lý để rồi giận nhau, từ nhau, thậm chí giết nhau. Khi xưa tao nghĩ, mình thù cộng sản anh em giết nhau như vậy huống chi tụi tư bản Mỹ và cộng sản Nga. Chắc tụi nó gặp nhau, chém giết nhau còn dễ sợ hơn nữa. Khi bước chân sang đây, xem T.V, đọc báo, mới vỡ mộng. Tao đúng là "cóc ngồi đáy giếng". Nga Mỹ vẫn buôn bán mật thiết với nhau và cùng nhau lên chị Hằng Nga. Tụi nó chỉ có đấu võ mồm. Trên T.V, tin một con chó Mỹ thất lạc còn quan trọng hơn tin mấy người Việt trên đường đi tìm Tự Do tự thiêu ở trại Cấm Hồng Kông.

Rứa mà dân mình thì vẫn tiếp tục... Cho nên một ngàn năm, một trăm năm, mấy mươi năm vẫn còn hận thù, còn cuồng tín.

Bạn bè thì rứa, còn Huế lúc ni ra răng?

Nhiều người cho Huế là thành phố "tĩnh", nhưng tao nghĩ chỉ đúng một phần, nên gọi là thành phố "chịu đựng" mới phải. Trầm tĩnh như dòng nước sông Hương, Huế không một lời than, âm thầm chịu đựng sự tàn phá của thiên nhiên và của chiến tranh. Năm nào không có bão, có lụt, có hạn hán thì có tranh đấu xuống đường, có "tái chiếm Cố Đô". So với các vùng khác của Việt Nam, ông trời thật bất công với xứ Huế. Những đứa con của Huế, cũng không hơn chi, đã trút thù hằn và dị biệt tư tưởng ngay nơi chôn nhau cắt rốn của mình không bằng lời lẽ mà bằng súng đạn và chém giết... Thành Nội xiêu vẹo, đổ nát. Lăng tẩm ngổn ngang, rêu phong.

Thời gian trôi qua, chúng ta vẫn mê mải "trò chơi" ý thức hệ, mà quên đi bão tố, lụt lội, hạn hán, nghèo đói vẫn tiếp tục đổ lên xứ Huế, lên quê hương...

...Và Huế vẫn trầm mình chịu đựng với hy vọng một ngày nào... Ngày đó, cộng sản sẽ không còn trên quê hương. Ngày đó, những đứa con của Huế, của Việt Nam, ở quê nhà hay tha hương, chấp nhận và tôn trọng những dị biệt của nhau, bỏ đi tất cả những cái "chướng", những mặc cảm để, giống như những công dân của các nước văn minh mà chúng ta đang tạm trú, cùng nhau dùng tất cả học hỏi kinh nghiệm và khả năng thiên phú - bốn ngàn năm văn hiến! - bàn chuyện lấp đê, ngăn gió, bảo vệ Huế chống lại sự hờn giận của ông Trời, cứu Huế ra khỏi sự nghèo đói, đưa dân tộc thật sự vào quỹ đạo của các nước dân chủ trên thế giới.

Mi đã không cho biết địa chỉ nhưng tao hy vọng chúng ta sẽ có dịp gặp lại nhau tại Ngày Nhớ Huế năm nay, 1994, để tiếp tục trở thành đôi bạn nối khố như thuở xưa.

Bạn Mi,

Khang.

• *Võ Ngũ Bình Phương*

Trường Bà Tuần

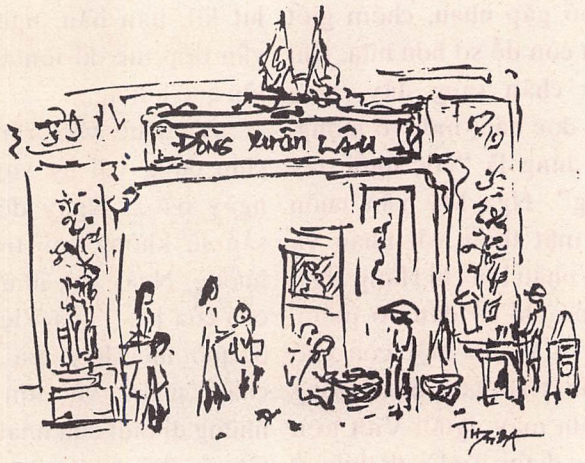

Một thuở mê tuồng tích Hát bội ở Huế

LÊ VĂN LÂN

❑ I. BÀ TUẦN LÀ AI ?

Đối với những "ôn mệ" người Huế năm ni thuộc lớp tuổi từ thất tuần sắp lên mà hồi trước sống ở "Côn Dinh" (tức là thành phố Huế) nhắc đến Trường hát Bà Tuần tức là nhắc đến nhiều kỷ niệm đặc biệt mà lớp con cháu sau này không thể nào chia xẻ được những cái nét thú vị của chúng...

- Chà, lâu hung rứa? Một bà cụ năm ni tuổi ngoài bát tuần đã nói với tôi - Cháu ơi, bác làm răng nhớ "hắn" thành lập năm mô. Tra quá nên lú lẫn rồi.

Nghe bà cụ không giúp chi nhiều cho tôi được về phương diện ký ức của trường hát này tôi bèn viết thơ qua Paris (Pháp) vấn kế, tham khảo với ông anh cả học giả Thái Văn Kiểm của tôi. Chẳng phải chờ lâu lắc, tôi đã nhận được hồi âm mau mắn từ bộ óc thông thái này, tác giả cuốn "Cố Đô Huế".

"Rạp Bà Tuần là cái rạp hát ở đường Ngã Giữa, do bà vợ ông Tuần Phủ Đặng Ngọc Oánh (cũng có tên Kim) tạo lập. Ông này gốc người Nam. Có mấy người con trai. Đặng Ngọc Vinh làm Tham tá Tòa Khâm Huế, rồi đổi ra phủ Thống Sứ Bắc Kỳ; Đặng Ngọc Sách làm Kho Bạc (sau cùng làm Trưởng Ty Kho Bạc Đà Lạt); Đặng Ngọc Lưu (kho Bạc Hà Nội), còn Đặng Ngọc Hùng, em út trông coi cái rạp Bà Tuần Oánh. Bác sĩ Đặng Ngọc Hồ là một trong những người cháu của Bà Tuần. Rạp Bà Tuần đã xuất hiện sau Đệ Nhứt Thế Chiến (14 - 18)".

Thế là tôi chợt nhớ đến anh bạn cùng trang lứa tên là M. con của giáo sư Hán tự của trường Quốc Học, cụ Phan Xuân Hiền. Nhà của anh ở khu cầu Đất trong Thành nhưng chịu khó đi "nghễ gái" ở đường Ngã Giữa (có tên khác là đường Gia Long nếu dò theo bản đồ chính thức của thành phố Huế). Đường Gia Long sau này lại đổi thành đường Phan Bội Châu vào khoảng từ 1954 trở về sau. Công trình của anh M - trời đâu có phụ - đã giúp anh làm "đông sàng" trong gia đình họ Đặng bề thế này. Chị M nghe đâu gọi bà Tuần là bà nội. Hồi trẻ chị cũng thuộc loại mũm mĩm dễ thương, chả trách đã lọt vô mắt xanh của chàng trai Cầu Đất.

Trong trí nhớ mù mờ của tôi, Bà Tuần đã ở trong căn nhà của dãy phố trệt, nằm cách phía dưới rạp hát về bên tả khoảng chừng hơn một trăm thước trở lại, nhưng lại phía trên cùng dãy với những quán bún bò, những tiệm thợ bạc, nhà sách cũ của ông Lê Thành Tuân, tiệm bán guốc. Và đặc biệt hơn cả, dãy phố Bà Tuần nằm đối diện với phòng tranh của họa sĩ Phi Hổ lâu đời ở Huế và cửa hàng coi tướng số của cô "Thanh Ròn". Theo tôi nhớ cô Thanh Ròn là một phụ nữ tuổi xồn xồn vào khoảng cuối thập niên 50, ăn mặc điểm

trang kỹ lưỡng vô cùng nên son phấn nhìn thấy rõ trên khuôn mặt xương xương. Đồ nữ trang luôn luôn óng ánh chói lòa ở cổ. Tác người của cô - trời đặc biệt cho khỏi cần phải ăn kiêng cữ - nghĩa là "ròm" tự nhiên.

Nhà tôi nguyên ở đường Cửa Đông Ba (khu Bến Tượng) tên thuở Pháp thuộc là rue Mirador Neuf (đường Vọng Lâu số 9) và tôi đã học trường Khải Định tức Quốc Học bên Hữu ngạn sông Hương (tính từ trên nguồn đổ xuống theo kiểu tây, còn theo kiểu ta thì tính ngược lại vì tính từ cửa biển đi ngược lên)... đằng đẵng bảy năm trời. Do đó, con đường Ngã Giữa (hay đường Gia Long, hay Phan Bội Châu) là con đường tôi đã đi qua, khiến mòn không biết bao nhiêu là... guốc, săng đan và lốp xe đạp. Cảnh trí và các nhân vật trên con đường này vô tình đã chui tọt nằm êm ả trong góc tư của ký ức của tôi...

Chính mắt tôi chưa từng thấy bà Tuần Oánh. Vì trong thời gian này bà đã già chỉ ở trong nhà của dãy phố trệt phía trước có một cái hiên dài dựng trên nhiều cây cột gỗ. Nhưng một năm nào đó, tôi còn nhớ ở nhà bà có một đám tang lớn - hình như của người con làm Tòa sứ gì đó - Sở dĩ tôi nhớ vậy vì đám tang có tổ chức lễ *"Hò đưa linh"* rất trọng thể mà tôi được coi thấy chỉ một lần duy nhất trong đời. Quang cảnh buổi đưa linh với những người âm công làm trạo phu, tay cầm chèo khoát qua khoát lại trong không khí cùng với những giọng hò nhịp nhàng nhưng ai oán khiến đầu óc thơ ngây của tôi thuở đó tưởng rằng linh hồn của mình sau khi tắt nghỉ tức nhiên phải đáp lên một con thuyền để đi từ cõi dương qua cõi âm huyền bí... Và một năm khác, đi qua nhà bà Tuần Oánh, tôi lại thấy tổ chức một lễ ăn mừng thượng thọ của bà, nhưng tuyệt nhiên chưa hề một lần biết mặt bà ra sao...

❑ II. RẠP ĐỒNG XUÂN LÂU.

Tuy nhiên, ngược lại, tôi lại biết khá rõ về cái rạp hát do bà Tuần tạo lập.. Dù rằng tên chính thức của rạp là rạp Đồng Xuân Lâu, nhưng dân Huế vẫn gọi bằng một cái tên quen thuộc, đầy bình dân tính là Trường Bà Tuần... Trường đây là "hí trường", gọi tắt theo kiểu nói của dân Huế... nhưng đối với tôi, "trường Bà Tuần" là một thứ trường học của tôi học được nhiều thứ mà sách vở nhà trường không có dạy... Tôi đã học rất sớm về hát bội, ca Huế, coi cải lương... học đủ thứ hỉ nộ ái ố của cuộc đời diễn ra trên cái hí trường nhỏ hẹp cổ lỗ này... May mà thuở nhỏ, tôi không mê "trường gà" ở Huế.

• 1. Vị Trí.

Trường Bà Tuần tọa lạc trên đường Ngã Giữa (Gia Long) ở phía bên tay phải nếu đi từ phía dưới của Đông Ba lên phố chính của Huế tức là đường Paul Bert (Trần Hưng Đạo). Đối diện với Trường hát bên kia đường là phía sau của Đình Phú Hòa (hay Đình của phường Đệ Nhất, một trong chín phường của kinh thành Huế thuở còn Tây) và một con đường hẻm không có tên khá rộng đi thông ra đường Hàng Bè (hay Quai de Đông Ba), con đường này chạy dọc theo giòng sông Đông Ba, ngó qua bờ bên kia là đường Hàng Đường đường Huỳnh Thúc Kháng (vì hồi trước có tòa báo Tiếng Dân của nhà cách mạng này ở gần Bến Tượng).

Vào cái thuở cuối thập niên 40 Trường Bà Tuần xây vào khoảng sau Đệ Nhất Thế Chiến (1941 - 1918) cũng đã liệt vào hàng kiến trúc cổ lỗ với khoảng 25 tuổi đời, so với các hí viện được tạo lập về sau để dùng chiếu bóng như rạp Tân Tân (trên đường Trần Hưng Đạo), rạp Morin (bên phố Tây), rạp Châu Tinh (khu Gia Hội) v.v... Trước đó, Trường Bà Tuần cũng có một thời oanh liệt vẻ vang khi mới thành lập vì đó là một hí viện xưa, duy nhất của thành phố Huế được diễn những vở tuồng hát bội hay những buổi tuồng ca Huế của gánh Kim Sanh được thành lập vào năm 1925. Chính ở trường Bà Tuần này, tôi đã thấy ảnh của kép Năm Châu và các đào Kim Lan, Kim Cúc khi gánh hát cải lương Năm Châu trình diễn ở Huế... cũng như thấy những bảng quảng cáo của nhiều gánh hát khác như Kim Chung, Tiếng chuông vàng Bắc Việt, tuồng tàu Hồ Quảng hay Đồng Ấu Ban mà đào kép là những nhi đồng hay thiếu niên thuộc lứa tuổi 15 - 20 như tôi thuở đó. Khoảng đất

của trường Bà Tuần chỉ vào khoảng gấp đôi cùng lắm là gấp ba diện tích của một nhà thường dân ở Huế. Trước mặt là đường Ngã Giữa, phía sau quay vào bờ hào của ngoại thành Huế. Mặt tiền của Trường Bà Tuần có cái nghi môn xây bằng gạch tô xi măng sơn vôi vàng. Tôi nhớ hình như tên rạp chính thức Đồng Xuân Lâu được đúc xi măng rồi gắn vô một bức cuốn thư trên cái nghi môn.

Tiền phòng của rạp ở mặt phố tuy thấp nhỏ, nhưng cũng đủ chỗ để làm một phòng bán vé và một gian trong để một vài nhạc công ngồi đó đánh trống, thổi kèn ầm ĩ... Chính những tiếng trống kèn này hằng đêm đã vang dội ra mặt đường, kích thích tôi vô tả... Như một sự giao kết mặc nhiên giữa cha tôi và tôi thuở đó, mỗi tối sau khi cơm nước xong và các bài học bài làm của trường mà tôi học thuộc và làm xong, thì tôi có quyền chạy đi chơi tự do... miễn là phải về nhà khoảng tám rưỡi chín giờ để ngủ... Sự giao kết này tôi luôn luôn thực hiện đúng có nửa phần đầu, còn phần sau, tôi thường vi phạm qui định về giờ giấc trở về nhà ngủ vì tuồng hát thường vãn về khuya 11 giờ rưỡi... Đặc biệt là những hôm mà tôi thấy một hai chiếc xe kéo của rạp hát đi diễu qua ngoài đường cho bảng quảng cáo tuồng diễn buổi tối về thầy Đường Tam Tạng Tây Du thỉnh kinh có ba đồ đệ là khỉ Tề Thiên, heo Bát Giới và quỷ Sa Tăng... Thuở đó, tiền túi đương nhiên là tôi không có để mua vé đàng hoàng... Nhưng như một con nắc nẻ thích ánh đèn, tôi khoái chạy lên Trường Bà Tuần đứng vỏ vẩn để nghe trống kèn, hoặc chực có người lớn quen thì xin đi ké vô. Giả dụ, gặp bữa mô tuồng hát hấp dẫn ly kỳ quá thì tiền dành dụm được 5 xu, 1 giác (Trong Nam gọi là cắc)... tôi bèn "chuồi" lót cho anh gác cửa để vô lậu trong rạp khỏi mua vé... Cũng có bữa, không tiền chuồi lót thì chạy qua lối hông ở sau rạp và leo lên nhìn qua kẽ hở của bức vách ván gỗ để thấy đào kép diễn ở bên trong... Đứng coi như thế mà lòng hồi hộp vô cùng vì lâu lâu bị người gác rạp cầm roi phét đít đuổi đi... Và mũi thì ngửi nồng nặc mùi nước tiểu... tuy rằng trên vách tường có viết ba chữ bằng sơn đỏ, to bằng con gà mái mẹ: CẤM PHÓNG UẾ! Gặp bữa mô gánh ca Huế Kim Sanh trình diễn có màn đấu boa-nha (poingnard) ác liệt hay tuồng Phong Thần đấu phép là trí óc của tôi lại vận dụng để cố kiếm cách đi xem lậu. Hoặc là vào giấc xẩm tối trước khi rạp bắt đầu hoạt động, tôi lẻn vô núp trong gầm hay kẹt tối của bực gỗ của rạp... Thường mười lần hết chín là bị xách tai đuổi ra ngoài... Hoặc là một cách công khai... đường đường chính chính... chờ cho đến khuya rạp "thả cửa" vào màn cuối... thường thường chỉ có 10 - 15 phút sau cùng, ai cũng đi vô được không cần vé thì thế nào cũng có mặt tôi trong đám khán giả "thả cửa" này. Vào lúc này thì trống ở trước cửa không đánh thì thùng nữa, mà chỉ đánh "cắc cắc" báo hiệu sắp vãn... Do đó dân Huế thường nói "Trường Bà Tuần khỏ cắc rồi", liệu đi ngủ, mai đi làm chứ. Bây giờ nghĩ lại chuyện ngày xưa, tôi hoàn toàn không cảm thấy nhục nhã gì cả, vì lớp tuổi thiếu niên coi đó là những chuyện mạo hiểm phiêu lưu, như những lần đi coi đá banh bên sân vận động ở khu Đất Mới (Sau khu Đất Mới, có một "xóm đĩ" và một quán "bán cơm Âm Phủ" cho khách chơi khuya vào thời trước). Đi mười lần là hết chín là "chui rào". Chui thành công vô trong cũng sướng như sau này đi thi thấy tên trên bảng vậy... Ai ngờ sau này làm người lớn... tôi cùng gia đình lại "đi chui" khi vượt biên... và cái sướng lần này to lớn như trúng số... vậy.

- **2. Kiến Trúc**

Trước cửa trường hát Bà Tuần hàng quà bánh cực kỳ hấp dẫn: có vài gánh cháo lòng hay bún bò mà nồi nấu luôn luôn bốc khói vì để trong cái thúng đựng cái "bếp trú" lửa cháy âm ỉ hoài, mùi thơm ngào ngạt... bây giờ nhớ lại tôi vẫn có cảm giác như xưa... lại có "gánh phở Huế" dọn ra những đọi phở hoàn toàn khác phở Bắc nhưng cũng có vị ngon riêng... Ngày Tết, trước cửa rạp lại có nhiều hàng rong... khiến dân "ăn hàng" nhân tâm tùy bọc chứa tha hồ mà thưởng thức như dấm nuốt chả mực, bánh ướt, bánh ram, bánh đúc xanh kiểu Huế ăn với mật bằng cái dao tre...

Bây giờ, các bạn hãy để tôi cố gắng vận dụng trí nhớ mà đi vô kiến trúc của Trường hát vào khoảng cuối thập niên 40. Bên phải cửa tiền phong làm chỗ bán vé của Trường hát là một căn nhỏ có một hàng bán nước chè Huế, bày cái bàn thấp cùng với vài cái đòn để khách ngồi.. Tôi còn nhớ mãi mùi nước chè Huế nóng thơm ngai ngái lẫn mùi gừng dễ chịu lạ thường, cũng như mùi thuốc lá quấn mà mấy người khách bình dân hút thì châm điếu thuốc vô một cái mồi làm bằng sợi giây dừa dài treo lủng lẳng từ cái đòn... Còn bên trái cửa tiền phong bán vé cũng có một căn nhỏ cho "thợ cúp tóc" thuê... trên trần treo một cái "quạt bàn" - tức là một tấm cót tre hình chữ nhật được điều khiển phe phẩy qua lại bằng cách kéo dây. Rời phòng vé đi vô rạp phải đi qua một lối lộ thiên về hướng tay trái khoảng 5 - 10 bước để rồi lại rẽ phải để tiến vô cái lòng rạp chính thức. Ở cửa lối lộ thiên là một lối ra có cửa đóng, cửa chỉ mở khi vãn hát để khách đi ra... Nếu rẽ bên phải cửa lối lộ thiên là vô phòng làm việc của ban quản trị, và phòng đào kép trong hậu trường.

- **A. Khán trường**

Lòng rạp chia làm hai phần. Khoảng hơn 8/10 là khán trường để sắp ghế ngồi cho khán giả. Hạng nhứt và hạng nhì là những ghế mây ở chính giữa có mang số cẩn thận... Còn hạng chót là hai hàng bục gỗ ở hai bên, từ thấp lên cao, khỏi cần có số, ngồi đâu tùy ý... Tôi còn nhớ ở cuối rạp ngay chính giữa có một cái gác lửng, trên cũng để ghế cho khách ngồi coi, có thể đó là hạng ba trên hạng tư là hạng chót.

Tường của rạp xây bằng gạch, đặc biệt có nhiều lỗ thông hơi bằng cách xếp gạch xéo xéo để người bên ngoài ngó vô không thấy bên trong, mà người bên trong thấy thoáng khí...

Cách thức sắp xếp chỗ ngồi của lòng rạp của Trường Bà Tuần (tức Đồng Xuân Lâu) cũng được một rạp khác mô phỏng. Rạp này được ít ai biết đến vì nó dựng ở làng Mỹ Lợi, huyện Phú Lộc, Thừa Thiên quê của bà Từ Cung mà tôi sẽ nói đến ở kỳ sau. Rạp hát Mỹ Lợi dựng bên rạp là các bục từ thấp lên cao cho hàng chót hay hạng cá kèo như trong sân vận động vậy. Chính vì cái lối kiến trúc với tường vách có lỗ thông hở hang và diện tích nhỏ hẹp của rạp nên Trường hát Bà Tuần không thể nào được mướn để chiếu bóng hay tổ chức những buổi thuyết hay trình diễn văn nghệ như Hội Trường của hội Quảng Tri nằm trên cùng đường Ngã Giữa ở phía trên và xoay mặt ra đường Hàng Bè (hay đường Huỳnh Thúc Kháng). Một điểm đặc biệt khác là vào khoảng của những năm 40, Trường hát vẫn còn dùng những tấm quạt mát cho những khán giả hạng nhứt và hạng nhì... Còn mấy khán giả ngồi hai bên bục gỗ bậc cấp thì chịu khó nóng bức. Nếu có gió mát mà lọt vô là từ một dẫy cửa sổ ở trên cao gần nóc... Nên gặp mùa nóng bức tháng tư ở Huế nhiệt độ cỡ 39 - 40, thì kể như được tắm hơi. Tôi luôn luồn lỏi đứng ở gần sân khấu nên thấy các đào kép mồ hôi nhễ nhãi trên những bộ mặt vẽ phấn son, nhất là họ phải mang đủ thứ trang phục cân đai mũ mãng v.v...

Lưu Bị

- **B. Hậu trường sân khấu**

Thuở nhỏ, vì con nít, tôi mặc tình đi luông tuồng thám hiểm nhiều nơi vì bị tò mò kích thích... Tôi lò mò vô đến hậu trường chỗ mấy đào kép ngồi vẽ mặt và mặc trang phục trước khi ra sân khấu... Có bữa tôi cũng bị họ la rầy duổi ra, nhưng vẫn lén vô coi. Sau này tôi đọc sách về ngành hát bội thấy mấy khuôn mặt vẽ khiến tôi bồi hồi cảm xúc nhớ lại buổi ấu thơ... (Xin quý bạn coi những hình chụp). Tôi lại tò mò đứng ngắm bàn thờ Tổ một cách vừa sợ sệt vừa thích thú... Đó là hình một con "búp bê" làm bằng đất nung, mặt sơn son mình mặc áo gấm ngồi trong một cái trang thờ bằng gỗ. Đào kép thường gọi là "Ông Làng" mà họ thường cung kính vái lạy mỗi khi bắt đầu hát xong mỗi tối.

Thuở nhỏ, nhìn thấy "Ông Làng" thì tôi chỉ biết vậy, nhưng không thắc mắc tại sao "Ông Làng" lại là con búp bê. Vì theo tài liệu, tôi đã tra cứu sau này thì Tổ nghề hát bội có hai người:

Một người là Lý Nguyên Cát, người Trung Hoa bị Việt Nam bắt khi nhà Nguyên qua xâm lấn nước ta vào đời Trần. Ngành hát bội theo lịch sử, đã bắt đầu có từ đời nhà Nguyên. Chính Lý Nguyên Cát đã dạy dân ta về cách giải trí sân khấu nên được thờ làm Tổ.

Người thứ hai là Liên Thu Tâm, cũng người Trung Hoa được Lê Ngọa Triều dùng để giảng dạy các cung nữ cách hát tuồng từ năm 1005 (phỏng theo tài liệu từ cuốn Việt Nam tự điển của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ - Khai Trí 1970).

Nhưng mới đây, nhờ đọc cuốn "Cố Đô Huế", lịch sử cổ tích thắng cảnh của Thái Văn Kiểm trí tò mò của tôi về con "búp bê" được thờ làm tổ của ngành Hát bội được thỏa mãn qua đoạn viết sau:

Theo tục truyền, vị thần bổn mạng này xưa kia là một vị hoàng tử mê say hát bội. Một hôm có tổ chức một buổi hát cho vua ngự giám, hoàng tử muốn đi xem nhưng sợ phụ vương quở phạt đành phải thúc thủ, nhưng không thể nào thắng được dục vọng là lòng hâm mộ, ông bèn cải trang rời cung điện, trốn đi cho kỳ được, rồi lén ngồi trên dàn tre chung với dân chúng.

Hôm ấy, như người ta đã tiên đoán hát rất hay, tất cả đào kép đều vô cùng xuất sắc, vua ban khen dân chúng hoan hô cuồng nhiệt làm sập dàn tre, đè hoàng tử chết.

Từ ngày ấy tuy thành người thiên cổ, oan hồn của hoàng tử không tiêu dao miền cực lạc mà cứ vấn vương theo các gánh hát để phù hộ những nghệ sĩ đã làm cho ông lúc sanh thời tìm được một thứ tiêu khiển thanh nhã lý thú.

Người ta tin chắc rằng vị thần này linh thiêng lắm, nên họ thờ kính rất trịnh trọng mong được ngài truyền cho ngọn lửa thiêng của nghề để có cảm hứng và thanh âm đặng hát cho hay, tức cảnh ứng cảnh và ứng khẩu cho may mắn cho có duyên, điệu bộ cho mùi mẫn để thành công trong nghề nghiệp.

Tục còn truyền rằng vì ông chết thảm trong tuổi hoa niên, hồn chưa sạch nợ nần vật chất, nhất là hương thơm, nên chi ông có thể còn giữ cái phù khí lúc còn sống mà chạy theo hương thơm.

Cho nên người ta yêu cầu những người có mang theo các vật có mùi thơm nên tránh xa sân khấu, cấm ngặt khán giả hát bộ không được đem theo một số hoa quả "có tên trong sổ đen" như trái thị chẳng hạn, vì nó có thể tạo sóng gió trong buổi diễn xuất và làm trở ngại cho sự thành công của gánh hát.

❑ III. MỘT THUỞ MÊ SAY TUỒNG TÍCH.

Tôi khoái nhất là đoạn nói ông Hoàng tử nhỏ bé này mê hát bộ nên cải trang lên ngồi trên dàn tre chung với dân chúng rồi dàn tre bị sập nên đè chết ông. Tôi thấy sao giống tôi quá vì tôi cũng mê đi coi hát mà chui vô núp dưới cái bục gỗ trong rạp Bà Tuần để đặng coi hát nhưng may không bị... đè sập, mà chỉ bị xách tai kéo đuổi ra ngoài sau khi hít đã đời cái không khí "khai khai" ẩm mốc của gầm bục gỗ. Nói là "khai khai", kỳ thực là "hôi xoong" vì có lắm vị nhi đồng đã tè kín đáo khỏi mất công bỏ đi... sợ mất chỗ tốt! Con nít thì thuở nào cũng giống nhau. Chắc có bạn thắc mắc hỏi tại sao tôi thích coi hát xướng: Nói nào ngay thì thuở đó đâu có chi giải trí ngoài sự đùa nghịch, chạy đua với tụi bạn nhỏ ở quanh vườn bông Ngã Giữa, tôi bị thu hút vì ánh đèn sáng trưng, tiếng trống thùng thình, tiếng nhạc kéo ỉ o, điệu kèn mu-dích (musique) du dương vang dội từ cái Trường hát Bà Tuần. Tuy nhiên thưởng thức được hát bội không những phải hiểu tuồng tích mà còn phải biết nghe hát, biết nhận xét bộ điệu của các diễn viên... May mắn cho tôi là trong xóm Đông Ba của tôi có cụ già làm nghề thợ mã hay thỉnh thoảng kể đời xưa cho tụi con nít nghe... nào là chuyện Phong Thần, nào là chuyện Tam Quốc, nào là chuyện Tây Du... Rồi sau đó, lớn lên thêm một chút, tôi lại kiếm những sách về những chuyện xưa để đọc thêm... Mỗi khi đọc được chuyện chi hay, lại đàn đúm nhau ngoài Vườn Bông Ngã Giữa mà kể lại cho nhau. Tôi lại nhờ ông cụ trên chỉ vẽ thêm về cách

nghe hát bội mà tiếng hát thường rống to như thét vào tai... nhưng lại có lúc hạ xuống nỉ non ảo não vô tả nhất là những đoạn biệt ly bịn rịn mà đấng phu quân nhẩy lên ngựa ra đi để đánh trận, thì bà vợ cứ quyến luyến cầm tay không dứt áo...

Nhờ coi hát bội mà sau này học Chinh Phụ Ngâm tôi mới thấy cái hay cực kỳ thấm thía của câu thơ chữ Hán của Đặng Trần Côn:

Ngữ phục ngữ hề, chấp quân thủ
Bộ nhất bộ hề, phan quân nhu

mà bà Đoàn Thị Điểm đã diễn nôm:

Nhủ rồi tay lại trao liền
Bước đi một bước lại vin áo chàng.

Dịch nôm ra thơ lục bát như vậy đã là hay, nhưng xét về cách điệp ngữ cố ý của các chữ Ngữ... Ngữ, Bộ... Bộ (lời... lời, bước... bước) thì câu dịch dù khéo thế nào cũng không thể diễn đúng cái nhịp điệu và ngẫu đối của nguyên văn:

Lời tiếp lời... tay chàng em nắm chặt
Bước một bước... áo chàng em níu theo.

Coi hát bội, khán giả phải giầu tưởng tượng mới thấy hay: Thấy ông Tướng cầm cái roi có tua, thì phải tưởng tượng rằng ông đang cưỡi ngựa. Thấy một giải lụa trắng dăng ngang sân khấu, hãy cho đó là một con sông... Thấy hai ba tên cầm cờ chạy qua chạy lại, tức là đang đánh trận, ba quân đông đảo (mấy tên này ở Huế gọi là chạy hiệu).

✦ 1. Tuồng San Hậu

Tôi học cách nhận định một nhân vật bằng cách nghe họ tự xưng danh khi mới bước ra sân khấu. Như trong tuồng San Hậu, vua Tề Vương Thiện Đế tuy rằng đã có đủ tam cung lục viện nhưng chưa có con trai để nối nghiệp đế vương thì hát để tự giới thiệu thân thế và ước mong của mình như sau:

Thế an chân vạc
Sửa trị ngôi trời
Nối Tề trào truyền dõi Tống Bang
Cầm Kiền Tượng Tề Vương là Trẫm
Ngoài đã yên tám cõi
Trong lại vững giềng ba
Lòng còn lo cơ nghiệp Tề gia
Sau truyền ngôi, nhiếp tôn đế vị
Một căn nơi lục viện
Hai bệ ở tam cung
Tưởng có đức có nhân
Trẫm công đồng dường ấy...

Tuồng San Hậu là vở tuồng quen thuộc, thường được trình diễn ở Trường Bà Tuần thường xuyên, đặc biệt là dịp Tết Nguyên Đán ở Huế. Vở tuồng đề cao lòng "Trung trinh báo quốc" và rất có hậu ở đoạn kết: Vua Thiện Đế tuy rằng lấy hai chị em thuộc dòng họ Tạ nhưng lại không có con trai, nhưng vua Thiện Đế mất, nên Thái sư Tạ Thiếu Lăng, em của chánh cung, bèn mưu cướp ngôi vua và giam Phàn thứ hậu vô lãnh cung. Các nhân vật trung thần là Đổng Kim Lân và Khương Linh Tá phò ấu chúa lên San Hậu Thành rồi về sau trở về trung nguyên khôi phục ngôi vua.

Tôi còn nhớ ở Huế thuở trước, người dân đầu xuân thích bói tuồng. Nếu lúc vô rạp mà gặp lúc nhân vật trung thành như Đổng Kim Lân đương hát tức là năm đó sẽ gặp quý nhân phò trợ dù rằng đang gặp phải nhiều trở ngại khó khăn... Ngược lại, mới vô gặp lúc gian thần đang đắc thời đắc thế thì năm đó làm ăn sẽ không khá... mà có bề hắc ám...

Phụ thân tôi cũng thường thích kể chuyện đời xưa cho tôi nghe, nhất là chuyện Tam Quốc. Điều này cũng giúp tôi hiểu tuồng tích khi đi coi hát bội... sau này đọc về địa lý nước Trung Hoa, tôi thấy có giòng sông Dương Tử (Yang Tse) mà người Tàu thường gọi là Trường Giang vì nó là con sông dài nhất Á Châu (Khoảng 3 ngàn 5 trăm dặm Anh) bắt nguồn từ Tây Tạng rồi đổ nước ra biển ở phía Đông. Nhà thơ Thế Lữ có câu thơ rất hay mà tôi còn nhớ mãi:

Lòng em như nước Trường Giang ấy
Sớm tối theo chàng đến Phúc Châu.

Phúc Châu tức là đất Phúc Kiến, nằm ở hải khẩu của con sông dài ngút ngàn này. Ca dao miền Nam ta cũng có câu đậm đà tình nghĩa:

Sông dài cá lội biệt tăm
Phải duyên chồng vợ mấy năm cũng chờ...

Chính trên con sông Trường Giang (Dương Tử) của Trung Hoa, cách đây gần 1800 năm đã là một diễn trường cho làm cuộc mưu mô tranh đoạt và chém giết đổ máu của những con người

thời Tam Quốc (221 - 223). Tôi đã xem nhiều vở tuồng Tam Quốc ở Trường Bà Tuần nhưng hai vở làm tôi nhớ mãi là:

Giang Đông Phó Hội và Giang Tả Cầu Hôn.

✦2. Tuồng Giang Đông Phó Hội

Câu chuyện Giang Đông Phó Hội như sau: Thời Tam Quốc lúc Ngô Lưu hội binh chống Tào trên sông Trường Giang, Châu Du lập kế mời Lưu Bị từ Hạ Khẩu qua Giang Đông (phía đông sông Trường Giang) bề ngoài là để kết chặt thâm tình trong việc chống Tào, bề trong là để giết Lưu Bị cho tuyệt hậu hoạn. Nhưng trong tiệc, Châu Du thấy Quan Công oai dõng đứng sau lưng Lưu Bị, nhớ lại việc Trụ Văn xử trảm Nhan Lương, nên sợ không dám xuống tay. Mãn tiệc, Lưu Bị và Quan Công về Hạ Khẩu vô sự (Việt Nam tự điển Lê Văn Đức, Lê Ngọc Trụ).

✦3. Tuồng Giang Tả Cầu Hôn

Và câu chuyện Giang Tả cầu hôn như sau: Lần này, Chúa Đông Ngô là Tôn Quyền hao tổn binh lương rất nhiều mới thắng được Tào Tháo trên sông Xích Bích, nhưng bị Lưu Bị đoạt mất Kinh Châu của Tào Tháo. Tôn Quyền mấy phen đòi lại không được. Châu Du dâng kế gạt mời Lưu Bị qua gả em gái Tôn Quyền cho, cốt ý cầm chân Lưu lại mà đòi Kinh Châu. Ai ngờ quân sư Khổng Minh của Lưu Bị bèn tương kế tựu kế khiến cho Lưu cưới được vợ là Ngô Quận Chúa đem về Kinh Châu. Châu Du đem binh rượt theo bị phục binh của Khổng Minh đánh tan vỡ... Châu Du vốn bị chứng loét bao tử đã nặng, đã từng bị Khổng Minh chọc tức nhiều lần... Đến lần này là lần thứ ba (Tam Khí Châu Du) thì Châu Du tức tối vô cùng vì quân của Châu Du vừa bị quân Lưu Bị đánh tan vừa bị họ đồng thanh hô lớn:

"Châu Lang nhọc sức an thiên hạ
Đã mất phu nhân lại tổn binh".

Châu Du nghe vậy bèn ngửa mặt lên trời mà than: "Trời sinh Du sao lại sinh Lượng". Tức khí quá bèn hộc máu mạng vong. Do đó ở Huế có câu: "Tức hộc máu" là do điển tích này. Nhìn lại cách đây hơn 40 năm, Trường Bà Tuần tuy là một rạp hát cổ lỗ nhưng đối với tôi quả là một ngôi trường học để tôi học những điều tôi không thể thu thập trên ghế học đường chính thức. Tôi đã ít nhiều thấy được bao nhiêu hỉ nộ ái ố... của cuộc đời qua những tuồng tích và sự diễn xuất của diễn viên... Cho đến bây giờ, tôi vẫn còn nhớ mãi những đoạn tuồng có nhiều tình tiết tâm lý lâm ly như vở "Dự Nhượng đả long bào" cũng đã từng diễn ra ở rạp Bà Tuần nhiều lần.

❑ IV. MỘT MÓN NỢ ÂN TÌNH BAO GIỜ TRẢ ĐƯỢC?

Bản thân tôi là con cháu dân giả và là đám hậu sinh sau xa - đương nhiên tuyệt đối không được coi hát ở chỗ trường hát của các bậc quyền quý mà chỉ được coi hát "chui" ở cái trường hát Bà Tuần là một địa điểm của tôi ghi nhớ mãn đời... Về sau này, với thời gian, tôi dần dần khôn lớn, cảm quan về sự giải trí và nghệ thuật cũng tiến triển, không nhứt thiết còn ở trình độ "coi hát bội" cổ lỗ và tiến lên coi ca Huế và coi cải lương, coi kịch và chiếu bóng... Duy chỉ có gánh Kim Sanh Ca Huế là tôi còn coi ở Trường Bà Tuần một thời gian ngắn ngủi vì xảy ra những biến cố Nhật đảo chánh và Việt Minh cướp chính quyền rồi sau đó tản cư và hồi cư... Còn những thứ giải trí khác như kịch và chiếu bóng... thì tôi phải đến các rạp hát "văn minh" hơn như Hội Quảng Tri, rạp Tân Tân, rạp Morin, rạp Richard, rạp Châu Tinh... Xa mặt nên đương nhiên là cách lòng. Do đó, trường hát Bà Tuần đối với tôi đã trở nên một nơi lỗi thời cũ kỹ... hầu như không còn dịp nào khác trở lại để tìm những giây phút thú vị chui "lòn" vô coi hát...

Bây giờ hồi tưởng lại thuở ngày xưa, một mặc cảm phạm tội len lén trong tâm tư của tôi... nên phải dùng bút ghi lại vài trang giấy kỷ niệm để tạ lỗi của mình. Và tự thấy mình đã chịu ơn cái trường hát này rất nhiều về những điều kiến thức mà sau này tôi không thể tìm thấy ở bất cứ sách vở nào.

Món nợ ân tình biết bao giờ tôi trả được?

• *LÊ VĂN LÂN*

Bộ Mặt Huế 1994 . . .

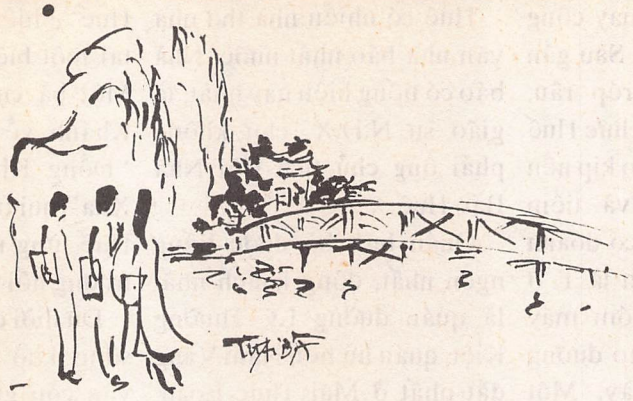

Trần Quang

Cố đô Huế ra sao sau mười chín năm đổi màu cờ?

Giòng Hương Giang lặng lờ trôi, cầu Trường Tiền gãy nhịp vẫn chưa được thay thế, và người Huế phải đi vòng qua Cầu Mới. Cầu Bạch Hổ vẫn đen sì, núi Ngự Bình vắng khách, đứng cô đơn giữa những nghĩa trang rải rác dưới chân mình...

Dưới đây là những cái "nhất" về Huế đô, để những người xa xứ có cái nhìn bao quát về quê hương, trong nỗi khắc khoải đợi dịp nào đó, được "hạnh ngộ" với quê nhà.

Con đường đẹp nhất vẫn là đại lộ Lê Lợi, con đường bát phố của những cặp tình nhân trẻ đi tìm cà phê nghe nhạc vàng "hải ngoại". Trừ mùa hè, đại lộ này rợp bóng áo dài trắng của nữ sinh, áo dài xanh cô giáo. Về đêm, đây là đường duy nhất có ánh đèn điện sáng trưng, nhưng vẫn không chiếu sáng tới được bãi cỏ ven sông, nên dọc công viên, những kẻ không nhà và xì ke vẫn dùng nơi này để xây tổ ấm. Con đường "sạch nhất", phải nói là con đường chạy trước Ngọ Môn, mà mùa hè này đang rực sáng bởi hàng phượng vĩ. Còn con đường "dơ" nhất, chẳng phải là những con đường quê nghèo nàn có những em bé ăn mặc rách rưới, lom khom bới móc những hầm rác cũ căn cứ Mỹ dưới cơn nắng cháy, mà lại là đại lộ Trịnh Minh Thế đoạn trước Phú Văn Lâu. Về đêm, dưới tàn cây tối đen, những cô gái giang hồ hạng bét đứng thập thò đón khách, rải rác từ công viên này đến công viên Thương Bạc.

Đối với người Huế hiện nay, đường "tai ương" nhất là quốc lộ I ở hai đầu cửa ngõ vô ra thành phố, bởi những bạn hàng buôn chuyến thường bị công an và quản lý thị trường rình "ách" những chuyến xe chở hàng lậu thuế từ Sàigon ra, từ Đông Hà vô.

Người giầu nhất Huế bây giờ chẳng phải là thương gia, tay tổ buôn lậu trầm hương, buôn sắt thép phế liệu, hay buôn vàng, đô la, mà lại là một tay giám đốc từng coi Công ty Ô tô Bình Trị Thiên. Tay này, đến khi tham nhũng đổ bể, công an xét nhà, thấy còn nhiều bó bạc giấy để mốc meo, phủ bụi, bởi tiền bạc nhiều quá nên đã ... sót. Còn nghèo nhất Huế, vẫn là những tay ăn xin mượn đỡ sạp hàng chợ Đông Ba làm nơi đặt lưng qua mỗi đêm.

Người được dân Huế biết nhiều nhất là Bác S, một cư sĩ gần hai mươi năm lập nhóm từ thiện, đến nhà dân nghèo làm lễ cầu an, cầu siêu và quyên góp gạo cơm giúp những người nghèo khó bất kể bệnh viện hay thôn quê. Vùng theo giáo phái Bà Thanh Hải nhiều nhất, là vùng biển Thuận An, kể từ khi đạo bà này thâm nhập vô Huế ba năm nay. Nghề ít thăng trầm nhất trong bao năm qua là nghề Y, mà phía Tây Y, đắt khách nhất là BS. B ở Kim Long, BS. B ở Đập Đá, hàng ngày có trên 30 bệnh nhân với tiền khám hai ngàn (tương đương 20 xu). Phía Đông Y, người nổi tiếng là Thầy H. ở làng Minh Hương (Bao Vinh) chuyên trị xương sống mọc gai, là thầy có nhiều học trò hành nghề Y tại cố đô nhất. Nghề mà

thanh niên nghỉ học để sinh sống, là thêu ren, chằm nón đối với nữ, và thợ may công nghiệp đối với nam. Sau gần hai mươi năm đi rép râu, thanh niên và công chức Huế đã mang giày để theo kịp nền văn minh Sàigon và tiệm giày M. ở cửa Hữu có doanh thu cao nhất, kế đến là T. ở Mai Thúc Loan. Xóm may mặc đông đảo tụ vào đường Mai Thúc Loan này. Một nghề mới "phất" lên vài năm trở lại đây, là nghề làm đồ thợ mã cúng quải, trong khi đạo đồng bóng cũng sống dậy mạnh mẽ với áo quần và nước hoa ngoại đắt tiền.

Di tích được người nước ngoài thăm nhiều nhất, hốt bạc nhiều nhất, là Hoàng Cung triều Nguyễn, được tu sửa lại đẹp đẽ, được Unesco nâng lên di sản văn hóa thế giới, và thắng cảnh chẳng ma nào viếng nhất, lại là Hồ Tịnh Tâm, xơ xác và tiêu điều. Thuở trước, thanh niên thường đến đây làm chỗ "hẹn hò"...

Ngoại ngữ được thanh niên học nhiều nhất, là tiếng Anh với nhiều trung tâm thính thị, kế đến là tiếng Pháp, tiếng Nhật và Tàu. Bài thơ mà lớp trẻ biết đến nhiều nhất là bài Thuyền và Biển của Xuân Quỳnh nói về tình yêu chung thủy, và bài hát lớp trẻ ưa chuộng là bài Lá Diêu Bông của Trần Tiến. Lớp lớn hơn, vẫn thích nhất bài thơ Hồi Chuông Linh Mụ của Nhã Ca, và bài hát Khúc Tình Ca Xứ Huế của Trần Đại Mỹ. Họa sĩ hốt bạc nhiều nhất của Huế lại là Hoàng Đ. N, nhưng bán tranh ở nước ngoài chớ trong xứ ít người thưởng thức được.

Huế có nhiều nhà thơ nhà văn nhà báo nhất nước. Nhà báo có tiếng hiện nay nhất, là giáo sư N.Đ.X, chứ không phải ông chủ tịch Hội Nhà Báo Huế.

Quán bún bò được tiếng ngon nhất, đông khách nhất là quán đường Lý Thường Kiệt, quán hủ tiếu Nam Vang đắt nhất ở Mai Thúc Loan, bánh khoái được ưa nhất ở đường Phan Đăng Lưu, quán Lạc Thiện tụt xuống hạng nhì. Bánh nậm đông khách nhất là quán mới mở mấy năm nay ở Chi Lăng, còn bánh bèo hông cung An Định vẫn "trụ" được hai chục năm nay, tuy bớt khách dần vì một quán khác đã mở ra chận bớt khách ngay "cổ họng" của quán này. Những khu bán bánh bèo Ngự Bình xa xưa, đã dẹp tiệm dần, bây giờ chỉ còn 1 quán ngay ngã ba rẽ vào chùa Trà Am.

Cơm hến vẫn được gánh bán rong dọc phố chợ, nhưng đông khách nhất là của một bà già bán rong, mượn lề đường cạnh Hải quan (đường Trương Định) ngồi trong hai tiếng đồng hồ mỗi buổi sáng, mà khách lại là khách chọn lọc "ăn dúp" và chi dẹp.

Đã có rất nhiều người Huế tha phương trở về thăm lại Cố Đô, và chi tiền sửa đường sá, giúp trẻ mồ côi, tu bổ chùa chiền lăng miếu. Nhưng, nổi bật nhất là nữ Việt kiều Điểm P.T. về từ Pháp, sau bốn mươi năm xa xứ! Bà điêu khắc gia này, nghe nói vô được Viện Hàn Lâm Nghệ thuật Pháp, đã tặng toàn bộ tài sản nghệ thuật trị giá cả tỷ bạc VN "cho nhân dân Huế", hiện được trưng bày tại một biệt thự ở Bến Ngự. Một bà cựu học sinh Đồng Khánh, về Huế bỏ tiền in tập "Đồng Khánh Mái Trường Xưa" qui tụ những người đẹp Huế từng ngồi học dưới mái trường nổi tiếng này.

Dù thời cuộc thay đổi, cuộc sống khó khăn, thành phố vẫn còn giữ được phong độ "xứ văn hóa" của mình, qua sự tồn tại của gần hai chục quán sách báo dọc giòng sông Hương thơ mộng, sau khi chế độ sách quốc doanh phá sản từ 90. Quầy sách đông đảo sinh viên học sinh và trí thức đến mua nhất, là của một nhạc sĩ, và tiệm sách ế nhất, lại là nhà xuất bản Thuận Hóa nằm ở trung tâm phố Phan Bội Châu cũ. Những thanh niên khác vẫn dốt thời gian rảnh trong hàng trăm quán nhậu, quán cà phê, quán "bia ôm". Dân mánh mung và tham nhũng rủ nhau vào những nhà hàng có nhảy nhót, dùng bia lon ngoại nhập thay vì "bia hơi" hay rượu thuốc như những quán nhậu bình dân. Lớp trẻ hơn, vẫn có hàng ngàn học sinh miệt mài trau dồi Anh ngữ ở các trường phía hữu ngạn, một vài giáo sư dạy luyện thi có lợi tức gấp mười lần lương nhà nước. Phong trào học thêm rầm rộ nhất, là phong trào ngoại ngữ và học Computer, bởi các xí nghiệp tại VN đã xử dụng máy vi tính từ bốn năm rồi, và cô lịnh của Hà Nội buộc cán bộ lãnh đạo phải học thêm ngoại ngữ.

(Xem tiếp trang 198)

Con Bướm Trắng

Nguyễn Diệu Phương

Nguyện ơi!

Mãi mãi em vẫn là người anh yêu vô cùng. Tết qua rồi, mùa Phục Sinh sắp đến, anh lủi thủi làm việc một mình trong gian phòng trống vắng, một thói quen mà ngày xưa anh rất thích, nhưng nay khác lạ đối với anh. Đón nhận nó như là một cái gì không phải là của mình nữa. Vì chính anh đã đổi thay, anh tự hỏi thời gian thương yêu em có phải là chân hạnh phúc không? Khi mà anh mong đợi đánh đổi bất cứ cái gì quý báu nhất đời anh để sống lại, dầu chỉ một phút giây ngắn ngủi bên em, được ôm em vào lòng, hôn lên mái tóc, thấy tình yêu lẫn lộn trong nụ cười cùng khóe mắt em nhìn. Em thật sự cần thiết đối với anh. "Tu me manques!" như bàn tay đang viết thư cho em, nếu mất đi thì thật ngỡ ngàng, băng giá tâm hồn biết bao!

Nếu tôn giáo giải thích phần thưởng cuộc sống hôm nay là thiên đàng mai sau, thì anh thật sự ngay từ bây giờ đã sống may mắn trong cảnh diễm kiều đó, vì chính em là thiên đàng của anh. Anh thật sự chưa chuẩn bị đón nhận cái trống vắng tâm hồn khi xa em - những diễn biến tiếp tục đổi thay khiến anh đắm chìm trong nỗi buồn man mác, như một con chim lạc bạn trong bầu trời mênh mông - Em đi xa rồi, xa lìa em, anh vẫn chưa có thể tin được rằng chúng ta thật sự không còn bên nhau nữa. Thiếu em là sự trống vắng khủng khiếp, lòng anh bỗng chìm xuống anh thấy như đang hụp lặn dưới biển sâu, khối nước đè bẹp trên ngực khiến tim nhức nhối, buốt đau, tâm hồn anh lảo đảo. Niềm an ủi của anh bây giờ là những đêm thanh vắng. Nguyện ơi! Hồi tưởng lại thời gian trôi nhanh như giấc chiêm bao, những kỷ vật gợi nhớ bao kỷ niệm. Em thật sự là người tình, người yêu, người bạn tri kỷ. Anh chỉ còn có tình yêu dành cho em, dành cho riêng em tất cả cuộc đời, hơi thở của anh như những giọt nước mắt anh dành cho em...

Thương nhớ em, hôn em thật nhiều.

Vĩnh

*

Căn gác trọ nơi thành phố lạ làm Nguyện cô đơn hiu hắt, lòng buồn như con tàu mắc cạn trên sông. Ngoài kia, cơn mưa giao mùa trong không gian xanh mù như nhắc nhở một ngày trong tuổi mộng mơ với những ngậm ngùi tiếc nuối thời gian êm đẹp ngọt ngào hương hoa cau, hoa bưởi. Lòng nàng nấc lên vì choáng ngợp hạnh phúc kỳ ảo thuở đó.

"Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy,
Nghìn năm hồ dễ mấy ai quên!"

... Anh còn nhớ cái lần đầu tiên anh, Lục và em, đi xem chiếu bóng tại rạp Ciné Tân Tân, trên đường Trần Hưng Đạo. Mãi mãi em vẫn nhớ kỷ niệm ấy. Mỗi lần nhớ lại lòng vẫn còn rung động xao xuyến kỳ lạ.....

Mồng chín Tết ở Huế, trời vẫn còn những cơn mưa phùn

lành lạnh, trước rạp hát người ta đứng sắp hàng dài đến cổng Thông Tin, bên kia đường, trước mặt là cầu Trường Tiền uốn mình dưới ánh trăng non bàng bạc, mơ màng rọi bóng trên dòng Hương Giang.

Khi vào rạp đến hàng ghế hạng nhất, Vĩnh ngồi giữa hai nàng. Lục đưa gói hạt dưa cho Vĩnh và bạn, không quên dặn:

- Này, Nguyện, cắn cái này đỡ cắn móng tay, hỉ!

Nguyện biết bạn phá mình, chỉ cười. Vĩnh cười bảo em:

- Tôi tưởng các cô cắn móng tay hay cắn cán bút là mỗi lần gặp giờ toán khó giải đáp chứ!

Lục liến thoắng:

- Anh không biết đó, Nguyện nó có thói quen cắn móng tay, hết tay nó bắt chân lên cắn nốt.

Vĩnh nhìn Nguyện cười âu yếm, làm nàng thẹn đỏ mặt. Cũng may là đèn chợt tắt, trong rạp bấy giờ thật là im lặng, chỉ còn tiếng cắn hạt dưa rào rào. Phim chính đã bắt đầu phim "Histoire d'un amour", một chuyện tình đau khổ đầy nước mắt.

Nguyện nhớ đêm ấy nàng và Lục khóc sướt mướt. Lục thì khóc lớn tiếng làm xung quanh ai cũng quay lại nhìn. Nguyện rưng rưng khóc, nàng kéo vạt áo dài lau, nước mắt vẫn ràn rụa không ngăn được. Giá mà ở nhà thì khóc cho bằng thích. Vĩnh đưa khăn cho em gái rồi quay sang đưa cho Nguyện. Vĩnh cúi xuống bên tai nàng thì thầm:

- Nín đi em, đầu năm mà khóc là xui xẻo cả năm đấy!

Hơi thở nồng nàn như phà lên má nàng, mùi thuốc lá quyến rũ, mùi lotion after shave ngây ngất. Nguyện khẽ nghiêng đầu tránh rồi trả khăn lại, bất ngờ Vĩnh nắm tay nàng. Nguyện bối rối chẳng dám rút tay lại, liếc nhanh qua Lục, chỉ sợ Lục bắt gặp thì xấu hổ chết, may mà lúc ấy Lục đang mải mê nhìn lên màn ảnh. Trong rạp tranh tối tranh sáng, nàng bắt gặp đôi mắt Vĩnh nhìn nàng đắm đuối. Nguyện thấy nóng bừng đôi má, bàn tay bé nhỏ của nàng run run trong bàn tay nồng ấm của anh. Bẽn lẽn nàng nhìn lên màn ảnh mà chẳng thấy gì hết, trong khoảnh khắc ấy Nguyện thấy mình như lâng lâng bay bổng. Rồi đèn bật sáng, ngượng ngùng không dám nhìn Vĩnh, nàng vụng về vuốt lại tà áo lụa đã nhầu nát vì nước mắt.

Đêm đó về nhà không sao ngủ được, chuyện tình trong phim đau thương và cái chết bi thảm cứ lảng vảng trong trí, rồi cái nắm tay của Vĩnh, hơi thở nồng ấm, mùi thuốc lá quyến rũ như còn phảng phất đâu đây làm nàng thao thức mãi đến gần sáng.

*

Quán Café Royal đã đông khách, ngoài trời đêm đã bắt đầu xuống, mảnh trăng mười sáu trong veo lơ lửng sau cành cây liễu, những cánh hoa xoan tây, sau cơn mưa ban chiều, vương vãi trên thảm cỏ xanh rì. Hơi sương mờ mờ bốc lên, từng màng khói lam quyện bám xa xa... Đêm của thành phố Vancouver thật vắng vẻ, nhất là con đường Alexander, ngoài những hiệu ăn, quán rượu, tất cả như chìm trong bóng đêm tịch mịch, như gợi nhớ những ngày xa xưa nơi quê hương xa vời khuất nẻo, bất giác anh không dấu được tiếng thở dài. Rít mạnh điếu thuốc còn cháy dở trên môi, nhìn những vì sao lung linh trên nền trời, Vĩnh lẩm bẩm: Đôi mắt em là hai vì sao anh thường gặp, bây giờ không còn là vì sao phù hộ cho tình yêu chúng ta. Đã bốn năm rồi không liên lạc với Nguyện, những kỷ niệm yêu thương của một thời nồng nàn đã trở thành dĩ vãng xa vời. Bây giờ anh không còn gì. Chiến tranh đã cướp hết những gì quý giá của anh. Anh chỉ còn một tâm hồn rách nát mỏi mòn sau những năm tù cải tạo. Anh chỉ còn lại nỗi cô đơn với tháng ngày buồn bã, đơn độc nơi xứ người, với những buồn đau đêm đêm dằn vặt. Những năm trong trại C.S miền Bắc, Nguyện ra thăm anh, những lần ấy Nguyện mang những thuốc men, thức ăn, và đầy ắp thương yêu. Anh xúc động muốn khóc. Sống trong cảnh cực khổ, anh đã được an ủi nhiều vì anh có tình yêu của nàng. Sau lần thăm này Nguyện cho anh hay là nàng được anh Cầu bảo đảm cho gia đình qua Mỹ, có thể vào cuối năm. Tuy anh vẫn mong mỏi cho nàng xuất ngoại, nhưng lúc hay tin lòng anh không tránh được xót xa.

- Anh rất mừng và cầu chúc cho em và gia đình đi được bình an. Trong những ngày tháng ở Mỹ ráng gửi thư

cho anh. Anh muốn em lập gia đình, đừng đợi anh, có được không em?

Nguyện khóc...

Sau nhiều lần vượt biển thất bại, cùng một số bạn bè trốn tận làng quê hẻo lánh ở Rạch Giá, một năm sau anh với nhóm bạn vượt biển đến Mã Lai. Trong trại liên lạc được với em gái, thì Lục cho anh hay Nguyện đã hứa hôn với Mẫn, bác sĩ Nguyễn Duy Mẫn. Lục khuyên anh nên quên nàng đi, vì hoàn cảnh của Nguyện cũng không vui vẻ gì, nàng chỉ vâng lời mẹ. Thế là hết, anh không liên lạc với Nguyện nữa vì anh muốn Nguyện yên tâm đi lấy chồng.

Sau đó anh được Lục làm thủ tục sponsor cho anh qua Canada. Ở Canada một thời gian, anh định cư tại Vancouver. Anh đi làm văn phòng luật sư, ban đêm đi học lại. Anh muốn làm một cái gì cho đất nước. Những tháng năm trong trại cải tạo, đã nung nấu cho anh một ý chí sắt đá, một trách nhiệm xây dựng lại quê hương. Hơn nữa, anh cũng muốn làm việc để quên Nguyện, quên những kỷ niệm của hai đứa, nhưng mãi mãi làm sao quên được.

"Xuân tâm bất cọng qua tranh phát
"Một tấc tương tư một tấc đường...

Dập tắt điếu thuốc trên tay, anh mồi điếu khác, khói thuốc len qua cửa sổ rồi tan dần vào khoảng không... Anh kéo chiếc ví nhỏ trong ngăn xếp, rút ra tấm ảnh của Nguyện, đôi mắt như nhìn anh buồn rầu lưu luyến, anh bùi ngùi thương nhớ... lật sau tấm ảnh nét mực còn chưa phai nhạt: *"Vẫn để hồn theo người lận đận, vẫn từng đêm, đếm bước anh đi..."*

Những hạt mưa đầu thu trong ánh đèn đường rọi xuống như từng đường tơ óng ánh giăng mắc, anh cảm thấy héo hắt. Kéo cao cổ áo pull over, thời tiết này làm cho anh nhớ những ngày Tết ở Huế. Anh nhớ lại cái Tết dễ thương mà anh gặp Nguyện, và tình yêu đến với anh như chưa bao giờ có trong đời, anh nhớ rõ như mới hôm qua. Tết năm ấy, khi tiếng pháo giao thừa đón ông bà đầu năm nổ ròn rã ở đầu phố đánh thức anh dậy. Choàng cái áo lạnh, anh bước vội ra hiên, vươn vai hít thở. Khi tiết đầu xuân mang đến cái lạnh man mác, những hạt mưa xuân bay bay như phấn rắc, trước ngõ cây đào nở hoa đỏ với những nụ non đâm chồi long lanh những hạt sương, hoa mai vàng rực rỡ rung rinh chào đón gió xuân, tiếng chim hồng điểu hát vang trên cành hải đường, anh cảm thấy niềm vui chan chứa ấm áp làm anh nhớ lại những ngày qua ở Saigon bề bộn bài thi với cái nóng như thiêu đốt không ra ngày Tết gì cả.

Mái nhà ai khói quyện xanh trong ánh nắng ban mai, những tia hồng sắc cuộn trắng lâng lâng bay bay... Từ đầu đường có chiếc xe chạy chậm chậm trước cổng nhà bên kia, vào tận trong sân, qua khoảng sân lót sỏi nghe lạo xạo. Một cô gái tóc xõa ngang vai, mặc áo dài màu tím, tay ôm một chùm hoa sói hay hoa trà, chàng đoán đầu năm đi hái lộc về, bước từng bước dịu dàng lên bậc tầng cấp đá hoa. Bác xe giương dù khép nép che một bà mặc áo nhung đen trông vẻ trang sức sang trọng. Bây giờ anh nhìn ra bà Phủ Doãn bạn láng giềng của mẹ anh, còn cô gái kia thì anh không biết, anh chỉ nhớ mang máng là như có gặp ở đâu rồi. Cô gái khoảng 16, 17 tuổi, trông xinh đẹp, nước da trắng hồng như phấn! Cô gái dìu bà cụ vào nhà, không biết vô tình hay cố ý nàng liếc nhìn qua nhà anh trước khi vào nhà, đôi mắt to đen. Anh ngẩn ngơ tưởng như cô gái trong truyện Nhất Linh *Ngày xuân đi hái lộc*, trước cảnh sắc đẹp thơ mộng có những hạt mưa phùn bay bay bên dàn hoa ti gôn trắng hồng...

Hình ảnh ấy làm anh bâng khuâng suốt cả ngày, anh hỏi em gái thì cô ấy là Nguyện! Bẵng đi một dạo không gặp lại, bây giờ Nguyện thay đổi hẳn. Anh nhớ lại lúc Nguyện còn bé nàng đã có đôi mắt đẹp với hàng mi dài và cái nhìn thật ấm.

- Lục này, Nguyện học lớp mấy rồi? Đã có bạn trai chưa?

Lục chu mồm:

- Anh hỏi làm gì? Đang học Đại Học Văn Khoa, hồi trước nổi tiếng hoa khôi Couvent Đà Lạt đó!

- Nguyện học Đà Lạt hả? Thảo nào mấy năm rồi không gặp, trông cô ấy lạ hẳn, lớn nhanh quá, đẹp như thơ, anh nhìn không ra đó!

Lục háy anh một cái:

- Anh tệ lắm, mấy năm nay anh không về hè, Nguyện hỏi thăm anh hoài, em biết mấy cô Saigon giữ chân anh lại rồi, phải không?

- Thế à? Nguyện còn nhớ anh hả?

Rồi anh nhớ lại những mùa hè Vũng Tàu, Nha Trang với Thục Trang, với Loan Anh, cùng lũ bạn bè, những mối tình vụn vặt đã trôi qua như gió thoảng. Bỗng nhiên anh so sánh với Nguyện, dáng quí phái, dịu dàng. Rồi suốt những ngày sau anh ra vào bâng khuâng, đứng trước hiên nhìn qua, anh muốn gặp lại Nguyện, anh gọi Lục đem trái cây trong Nam qua biếu bà Phủ Doãn, rồi mời Nguyện qua chơi.

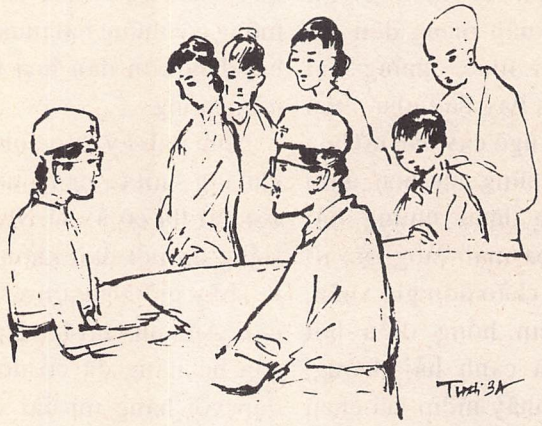

- Anh lo lót gì chớ bộ!

- Muốn cái gì cũng được, đãi một chầu ciné nhá! Hôm ở phi trường về thấy rạp ciné Tân Tân đang chiếu một phim hay lắm, anh xem rồi.

Đối diện anh, Nguyện như một tiểu thư đài các dịu hiền. Nàng ngồi im lặng nghe anh thao thao kể chuyện lúc nàng và Lục còn nhỏ nghịch ngợm, leo lên cây mận sau vườn cạnh bờ ao, sẩy chân ngã xuống nước. Lục la ơi ới, anh chạy ra lội xuống ao bồng nàng lên, quần áo ướt sũng bùn non và những cành bìm bịp, rong bám đầy. Anh thay đồ cho nàng, đến đây anh ngừng lại với ánh mắt tinh nghịch, anh nhìn nàng làm Nguyện thẹn đỏ bừng má. Vĩnh thấy ngất ngây trước cái nhan sắc thùy mị hồn nhiên... Như nhớ lại, anh bỗng hỏi Nguyện:

- Nguyện còn đòi cất trăng để dành cho những đêm trời tối nữa không?

Nguyện bẽn lẽn, ngượng ngùng...

*

Anh thở dài. Tất cả là dĩ vãng, là kỷ niệm. Nay chỉ còn lại là ngậm ngùi tiếc nuối...

Sáng nay, với cõi lòng trống vắng của ngày cuối tuần chả biết làm gì, anh nhớ có triển lãm EXPO 86 ở Vancouver đã khai mạc tuần nay. Anh đi về phía rừng cờ bay phơi phới đủ màu sắc, tiếng nhạc tưng bừng, thiên hạ chen nhau đến xem. Cái cổng làm bằng trúc, mái cong con đập vào mắt anh với hai chữ "Việt Nam" màu vàng đậm. Vĩnh đứng lại gian hàng hội họa trang trí thật mỹ thuật, màu sắc dịu ngọt, có hai cô gái mặc áo dài màu thiên thanh đang giải thích cho những người ngoại quốc những đặc thù hội họa Việt Nam. Nhìn những chiếc áo dài tha thướt anh bỗng thấy như ở quê hương mình. Mắt anh bỗng dừng lại trước tấm tranh tựa đề "Giã từ tuổi thơ", thật tuyệt tác, mặt trăng vằng vặc lên cao, lơ lửng treo ngang cành trúc, lá nhọn vuốt lên, vài cành thấp là đà gần mặt nước, con thuyền rời bến xa xa nhỏ tút, cảnh vật nhuộm đầy trăng huyền ảo. Bức tranh ký tên "Vĩnh Nguyện". Anh đoán chắc là họa sĩ mới mà hồi còn ở Việt Nam anh chưa nghe đến. Cùng một tác giả có ba bức tranh, bức họa thứ hai cảnh sương mù che gần khuất ngọn hải đăng, trong màn đêm có vài cánh hạc bay trong sương bàng bạc trên đại dương mênh mông, tên "Lạc loài". Bức thứ ba thật dễ thương, cánh đồng lúa bát ngát, cơn gió thổi những nhánh lúa chĩu nặng chín vàng, nghiêng ngả gợn sóng, trên xa, ngọn đồi hoang vắng, màu cỏ vàng cháy điểm những hoa mồng gà đỏ chói chang. Anh sực nhớ đến phim Docteur Zivago cũng có cánh đồng rực rỡ hoa vàng...

Nhìn bức họa, anh cảm thấy bâng khuâng như tìm thấy một kỷ niệm nào đã qua trong đời mình, bỗng có giọng Huế ngọt ngào bên kia phòng tranh, anh tò mò bước tới gần để xem người có tiếng nói nhẹ nhàng như quen thuộc kia. Bỗng anh khựng lại, rồi gọi lớn:

"Nguyện, Nguyện!" không giữ được bình tĩnh, anh gọi tiếp: "Nguyện!"

Chính là Nguyện, nàng bật người đứng lên sửng sốt:

- Anh, anh Vĩnh! Anh thật đó sao?

Rồi không nén được xúc động, nàng chạy đến gục đầu lên vai anh khóc nức nở... những giọt nước mắt nóng đẫm ướt trên vai anh...

*

Từ hôm ở Vancouver về, Nguyện đâm ra thẫn thờ như người mất hồn, nàng cố lánh mặt Mẫn mỗi lần anh đến thăm, và cả mẹ nàng, nàng cũng tìm cách tránh né đối diện. Chỉ còn một tháng nữa là ngày thành hôn với Mẫn. Sự lo âu buồn rầu làm cho nàng gầy hốc hác trông thấy, da mặt xanh bơ phờ không dấu được bà Phủ.

- Con có gì lo buồn hả Nguyện? Gần ngày cưới rồi, phải lo liệu tẩm bổ cho mập khỏe, việc cưới xin đàng trai đã lo xong, cỗ tiệc đã đặt rồi, thiệp mời đã gửi hết đi cho bà con bạn bè của hai bên. Sao mẹ thấy con không được vui? Có gì con dấu mẹ sao?

Nguyện ứa nước mắt:

- Con không làm đám kết hôn với anh Mẫn đâu mẹ ạ! Vì con xét con không yêu anh ấy. Không yêu người ta làm sao kết hôn được?

Bà Phủ nghe con nói, dẫy nẩy người lên:

- Con đùa hả? Cho đến hôm nay mà con bảo không làm đám cưới? Nó có gì mà con chê nó? Không yêu nó? Mẹ bảo là có phúc lắm mới lấy được thằng Mẫn.

Rồi bà xuống giọng:

- Nó hiền lành, đạo đức, trong bốn năm nay nó theo đuổi con, yêu thương con, nó tử tế với mẹ lo săn sóc thuốc men, đêm hôm khuya khoắt đưa mẹ đi cấp cứu, trong lúc đó không có nó thì mẹ chết rồi, con xét còn có ai bằng nó không? Sao lúc đầu con bằng lòng, để năm lễ, bảy lễ rồi nay thiệp mời bà con họ hàng đã gửi đi hết, mặt mũi nào mà mẹ nhìn người ta. Có phải con đùa với mẹ không?

Nguyện ôm mặt khóc nức nở, nàng chạy đến quỳ bên mẹ năn nỉ:

- Mẹ ơi, còn kịp chán mà mẹ. Bây giờ chỉ cần phone bảo họ biết là hôn lễ tạm ngưng vì lý do riêng. Con khổ lắm mẹ ơi! Con không thể lấy anh ấy được!

Bà Phủ bật người dậy, bà trợn mắt:

- Mày phone cho tất cả chừng ấy người à? Mày nghĩ sao hở Nguyện? Chuyện người lớn mà, người ta nghĩ sao hôm nay gần ngày cưới mà hôn lễ tạm ngưng là vì lý do riêng? Xấu hổ lắm con ơi! Họ hàng bà con sẽ nghĩ sao? Họ sẽ bảo là thằng Mẫn chê mày, vì mày hư thân mất nết, hoặc nó cho mày lang chạ... Khổ lắm con ơi, nhà gái chịu trăm sự thiệt thòi xấu hổ, rồi mặt mũi nào tao nhìn họ đây? Mày làm khổ tao rồi Nguyện ơi!

Rồi bà vừa khóc vừa chạy ra bàn thờ ông Phủ bà rên siết:

- Ông ơi là ông, sống khôn chết thiêng, ông về mà coi con ông hư thân, nó làm nhục gia phong, ông bà tổ tiên... Ông ơi là ông, ông đem tôi theo với, tôi muốn chết cho rồi.

Bà vật vã dưới thảm. Nguyện thấy mẹ làm dữ quá, nàng hoảng sợ chạy lại quì lạy mẹ:

- Thôi mẹ ơi, con lạy mẹ, chuyện đâu còn đó mà mẹ! Thương con với mẹ!

Bà lau nước mắt nhìn con gái:

- Mẹ không thương con thì thương ai nữa? Mẹ vì thương con, hy sinh cho các con, mẹ mới qua đây, bỏ ông bà tổ tiên đất nước quê hương. Vì hạnh phúc tương lai các con, mẹ vất vả ngược xuôi buôn bán tảo tần lo cho các con, với kinh nghiệm cuộc sống, mẹ chọn Mẫn là người chồng tốt. Con nghĩ xem bà ngoại gả mẹ, mẹ chưa một lần gặp mặt thầy con, chứ đừng nói chi đến thương yêu, sau đó sinh con cái rồi hạnh phúc nó đến. Con xem có mấy ai thương yêu nhau rồi lấy được nhau đâu? Hay rồi sau cũng đổ vỡ bỏ nhau, như cô chú Tham đi học ngoài Hà Nội gặp nhau, yêu nhau say đắm, ai cũng tưởng cặp đó thì trời long đất lở cũng không bỏ nhau. Thế mà hai năm sau, cô chú bỏ nhau, chú đi cưới vợ khác. Còn bác huyện Hàm cưới vợ cho con trong Nam, bây giờ chúng nó sinh con đàn, cháu lũ, hạnh phúc...

Nguyện không còn nghe gì nữa, tai nàng ù, đầu óc choáng váng, những lời mẹ nói như đất trời sụp đổ, những bàn tính tương lai với Vĩnh tan vỡ. Nàng loạng choạng đứng dậy về phòng

ngã vật người xuống giường úp mặt khóc ngất...

Chiều hôm nay, nàng lên đồi một mình, nàng đi mà không còn biết hiện hữu xung quanh, với tập thư và kỷ niệm của anh nằm trên cỏ, khóc ngất...

Chợt bừng tỉnh nàng ngồi dậy, gió đem hoàng hôn về từ lâu, rừng cây xào xạc, mảnh trăng hạ tuần mờ mờ, rừng phong vàng úa hoang vu, khói sương lam sau ngọn đồi xanh mờ hiu hắt... Nỗi buồn khổ đã theo giòng nước mắt mang đi, nàng cảm thấy tâm hồn trống rỗng như thoát ly bay biến ngoài không gian. Thôi hết rồi, anh ơi! Em chẳng còn gì ngoài tình yêu cho anh nay cũng mất rồi, đừng trách em nghe anh, giã biệt anh... Nàng ôm mặt khóc... Trên nền trời sao lấp lánh, nhưng nàng nhìn sao mà không còn tha thiết nữa, vì tinh tú đâu còn là thần phù hộ cho tình yêu, em thù ghét nó!

*

Vĩnh chết lặng người khi nhận được bức điện tín báo: "Nguyện đang hấp hối khó qua khỏi, anh xuống gấp. Bửu Cầu".

Ngồi trên máy bay, anh nóng ruột, lo lắng không hiểu vì sao chỉ có hơn một tháng sau lần gặp nhau ở Vancouver, anh đưa nàng đi du ngoạn vườn hồng Victoria, bờ sông Alexander, suối Shakespear, nàng vẫn mạnh khỏe. Nàng có kể cho anh biết là tháng sau sẽ thành hôn với Mẫn, theo ý mẹ, vì gia đình nàng chịu ơn rất nhiều với Mẫn. Muốn mẹ vui lòng, nàng đành phải chấp thuận hứa hôn với điều kiện là đợi bốn năm sau. Vì muốn đợi Vĩnh, cái thời điểm ấy đã đến.

Anh không trách em đâu, Nguyện ạ! Anh mong em lập gia đình, hạnh phúc, sung sướng là anh mừng. Nguyện khóc bảo anh không còn yêu nàng như xưa:

- Sao gặp em mà anh không can đảm giữ em? Anh chịu thua sao? Em đã có cách, em sẽ từ hôn.

Anh khuyên thế nào cũng không được. Thôi thì đành nhắm mắt xem định mệnh xoay vần đến đâu? Sau đó chẳng được tin tức gì của Nguyện. Anh ngại không dám gọi phone, cũng không viết thư, vì Nguyện dặn trong tình trạng này có thêm anh càng rắc rối.

Bức điện tín trên tay anh như bản án, anh đâm ra hối hận vì sự gặp anh đã đem phiền lụy cho nàng... Nguyện ơi! Anh làm khổ em rồi, miên man suy nghĩ lo lắng, cầu xin Chúa cho em được bình an, xin Chúa nếu có phạt thì con xin chịu hình phạt này.

Cầu đã đợi anh ngay khi đến phi trường. Trên đường đưa về bệnh viện Montery nằm dưới ngọn đồi gần biển, anh được Cầu cho biết mấy hôm nay Nguyện lên cơn đau đớn dữ dội, có hôm ngất tưởng lúc đó đi rồi, lúc tỉnh dậy đòi Cầu gọi anh. Nguyện đã nói hết với Mẫn rồi, anh đừng nghĩ ngợi gì, cả mẹ cũng hứa với Nguyện là tất cả làm theo ý cô ấy muốn.

Trên giường bệnh, Nguyện nằm lịm mê man, da mặt xanh xao, hơi thở yếu đuối, bỗng Nguyện mở mắt ra, mọi người mừng rỡ kêu lên:

- Chị ấy tỉnh rồi, mẹ đây con, Nguyện ơi!

Bà ứa nước mắt nhìn con. Đôi mắt Nguyện lờ đờ, ánh mắt lướt qua từng khuôn mặt mọi người, rồi ánh mắt như thất vọng, chợt nhắm lại.

Sau đó Mẫn mời mọi người ra phòng ngoài để Nguyện nghỉ. Tay nắm tay nàng nghe nhịp thở, Mẫn lắc đầu thở dài...

*

Vĩnh và Cầu vừa đến, qua lời giới thiệu xong, Mẫn nói với Vĩnh:

- Anh ở lại với Nguyện, nàng cần được anh an ủi đó.

Khi Mẫn và Cầu ra khỏi phòng, Vĩnh ngồi xuống cạnh giường người yêu, nấc lên đau đớn. Anh không nén được xúc động, cầm tay nàng đưa lên môi hôn, bàn tay lạnh lẽo. Bỗng đôi mắt nàng mở ra, nhìn như muốn nói gì... Vĩnh cúi sát gần để nghe cho rõ:

- Anh, anh tha lỗi cho em...

Vĩnh nghẹn ngào:

- Nguyện, sao ra nông nỗi này hở em?

Hai giọt nước mắt từ từ trong khóe mắt ứa ra... Vĩnh xót xa nhìn người yêu, anh luồn tay qua đầu nâng lên ôm, siết chặt với nụ hôn thắm thiết trên đôi môi khô giá, nước mắt ràn rụa trên mặt nàng. Giọng nàng thì thào:

- Đừng buồn em nghe anh! Em chả còn gì cho anh, nhưng

mãi mãi nhớ rằng em chỉ yêu có một mình anh...

Nàng ngừng lại như cố sức:

- Bây giờ em không còn xa anh nữa, em chết đi sẽ mãi mãi bên anh...

- Đừng nói gở vậy em, em không sao đâu, hãy tin anh. Bác sĩ bảo em không hề gì, em hãy nằm nghỉ, đừng nói nữa, hãy yên tâm, anh sẽ ngồi đây với em, anh sẽ săn sóc em, anh không đi đâu hết...

Bỗng hai tay nàng đưa lên chới với:

- Giữ em lại, em sợ quá! Em không muốn chết... em không...

Giọng nàng nghẹn cứng trong phút giây này, anh muốn đưa nàng đi xa biền biệt một nơi chỉ có anh và nàng, riềm mi ướt đẫm nước mắt, miệng lắp bắp:

- Anh ơi, mẹ ơi!

Rồi lịm dần, toàn thân nàng buông xuôi, rồi đầu từ từ nghẹo hẳn, đôi tay mở ra, nắm lại, rồi im lặng bất động trong bàn tay anh, buông lỏng, rã rời lạnh giá... Anh hốt hoảng gọi lớn:

- Nguyện ơi! Nguyện ơi!

Đầu óc anh như chìm xuống vực sâu, cơn đau quặn thắt, anh nghe nhiều tiếng nói lao xao, tiếng khóc:

- Nguyện sao rồi? Nguyện ơi!

- Nguyện đi rồi.

TIếng nói của ai như lạc vào cõi mông lung, trong phút giây này anh không muốn ngồi lại đây nữa, anh lảo đảo đứng dậy, nước mắt ràn rụa, từng bước chập chờn ra khỏi phòng, anh ngoảnh mặt nhìn lại lần cuối cùng. Nguyện nằm đó, khuôn mặt người yêu thật võ vàng, đôi mắt khép kín muôn đời vĩnh biệt xa anh. Xung quanh nàng, những bình hoa cúc vàng, hoa cẩm chướng vàng, và những cành hoa Glaieul cũng màu vàng, màu mà nàng ưa thích. Anh bước từng bước nghiêng ngả ra cửa trong tiếng khóc của Bà Phủ, tiếng nức nở của bà con bạn bè...

Từng bước xiên xiên đưa dắt anh lên đồi lúc nào không hay biết. Ngọn đồi mà Nguyện đả kể cho anh nghe, những chiều buồn bã, mỗi chiều nhớ anh, nhớ Huế, nàng thường lên đây nhìn về hướng đông, hướng mà nàng nghĩ là quê hương của mình, để nhớ lại những kỷ niệm thiết tha đã qua, chỉ đứng trên ngọn đồi lòng nàng thấy thanh thản dịu vợi...

Anh bước lên đồi hai bên rừng lau vàng xơ xác, nhìn xuống thung lũng cảnh vật sừng sững, rừng phong lá đổi màu đỏ sậm, cả một biển đỏ, ngắm xa xa từng cụm mây phiêu lãng trên đầu núi xanh nhạt... Hoàng hôn xuống dần sau rặng cây, anh ngồi đó bất động dưới cây cổ thụ, tàn lá che rợp một khoảng lớn. Bỗng anh thấy thân cây cổ thụ có nhiều chữ khắc VĨNH NGUYỆN, chữ khắc đã lâu hằn lên trên da cây, rải rác gần đó nhiều chữ VN khắc li ti xung quanh thân cây như mới được khắc. Vô tình anh chợt thấy trong hốc cây cổ thụ một lỗ hổng, một hộp gỗ được dấu vào trong đó, anh mở ra xem toàn là thư anh gửi cho nàng lúc còn ở Dalat, từ dạo anh ở Saigon, những kỷ vật hoa lá ép khô, những ảnh chụp ba người bên lăng Minh Mạng, trên đồi Vọng Cảnh, bên giòng sông Hương, của cái tuổi thanh xuân mơ mộng, hoa bướm, những ánh mắt e ấp ngại ngùng của khung trời phượng nở, mùa hè chia tay, mà nàng còn giữ trên mười mấy năm.... Anh than thở:

- Nguyện ơi, Nguyện! sao em vội bỏ anh đi sớm quá...

Nước mắt chảy dài trên má... Bỗng trên chùm cây sum suê có con bướm trắng nhỏ bay lượn trên vòm lá, vờn quanh bay xuống đám cỏ lau vàng, rồi chập chờn đậu trên vai anh. Anh rùng mình, một cái gì thiêng liêng huyền bí, có phải hồn linh của Nguyện về với anh chăng? Tình yêu thật mãnh liệt huyền diệu không ngăn cách âm dương. Anh cảm thấy xót xa...

Gió hắt hiu từ rừng cây, đồi núi lướt về cuộn từng chiếc lá vàng rơi xào xạc... Xa xa tiếng sóng vỗ trong tiếng thông reo vi vu theo gió, tiếng chim từ qui áo não gọi lẻ bạn, tiếng côn trùng âm thầm rên rỉ, nắng tắt lịm dưới vòm cây, mảnh trăng treo ngang trên sắc hồng ửng lên của cái buổi hoàng hôn lịm xuống dần...

Trên đồi hiu quạnh chỉ còn lại những con đom đóm lập lòe ánh sáng ngời xanh huyền hoặc mông lung...

Cali, lập đông 93.

• *Nguyễn Diệu Phương*

Thư Tín

Thư Bạn đọc:

Sau đây là vài đoạn thư riêng của Bạn đọc, Thân hữu, Ban Biên tập xin mạn phép được trích đăng:

Thật là một kỷ niệm bất ngờ tôi được đọc Tuyển Tập Nhớ Huế số 5 do ông bạn ở Virginia Beach gửi cho mượn làm tôi nhớ Huế quá. Tôi sinh trưởng ở Phường Đúc, gần Long Thọ, theo anh chị qua Lào từ 19 tuổi vào quãng năm 1942, cho đến nay tuổi đã được 71... Nếu có thể quý ông làm ơn gửi cho tôi một vài tập và cho biết bằng điện thoại, tôi sẽ gửi check đến quý ông... Thành thật cám ơn và xem đó là một kỷ niệm đáng giá đối với tôi và gia đình.

• ***Trương Quang Vân***

Tuần trước ở xa về tôi hay tin có Ngày Nhớ Huế. Hôm đó tôi có đến dự. Hội trường quá đông đảo, thật là vui, nhộn. Vì khán thính giả quá đông cho nên không làm sao vào được bên trong. Hôm đó tôi cũng có mua một Tuyển Tập Nhớ Huế. Cứ mỗi năm kiểm lại bài vở, càng thấy phong phú hơn, giá trị hơn, sung túc hơn. Không dễ gì làm được việc hay, có ý nghĩa và trang trọng như việc các anh đang làm. Đây là một điểm son, và tôi tự thấy hãnh diện đã có đóng góp một phần công lao nho nhỏ nào đó với các anh....

• ***Bửu Hạp***

... Đây là món quà quí hóa, món ăn tinh thần, thanh tao và trang nhã mà các em đã hết lòng trau dồi hằng năm để cống hiến độc giả thân thương khắp bốn phương trời còn vương vấn, bận bịu với Cố Đô vàng son một thuở... Xin ngỏ lời khen ngợi tất cả các tác giả và cộng sự đã chung sức thực hiện một siêu phẩm rất có giá trị trên ba phương diện văn chương, mỹ thuật và tâm tình.

• ***Thái Văn Kiểm***

....Tôi xa Huế đã lâu, 15 năm quân ngũ tại Hậu giang, gần 20 năm di cư lăn lóc khắp Âu châu. nhân qua Cali thăm bà con được thằng bạn thân cho tôi ngấu nghiến mấy TTNH.... TTNH đã cho tôi sống lại tuổi học trò ngây thơ, trong trắng, không chỉ hình ảnh của phượng nở, của các ngôi trường thân yêu, của con sông lả lướt, chiếc đò nhỏ, mấy o học trò nhí nhảnh đến trường mà TTNH còn nhắc đến mấy đứa con trai ngỗ nghịch, mấy mụ bán hàng chua ngoa ngoài chợ... Những kỷ niệm xưa đã sống lại trong tôi và giúp tôi thêm can đảm trong cuộc đối đầu với thực tại chua cay của người mất nước. Tôi xin hết lòng cám ơn các anh đã cho tôi món quà tinh thần quý giá mà chỉ có những người thâm tình với Huế mới hun đúc ra được...

• ***Lâm Đình Tiến***

Mỗi năm khi hè đến người Huế tha hương lại có một cảm giác nao nức được gặp lại bạn bè xưa qua Ngày Nhớ Huế, trong đó Tuyển Tập Nhớ Huế đóng vai trò lưu niệm đầy thi vị. Chúng tôi xin gởi đến các anh chị trong ban tổ chức và ban biên tập một bông hồng thật tươi nhân Mùa Nhớ Huế năm nay để tỏ lòng ngưỡng mộ sự đóng góp của các anh chị cho cộng đồng người Huế mình. Các anh chị đã làm một việc mà người ta thường cho là "ăn cơm nhà vác ngà voi", chúng tôi hoan nghênh sự "vác ngà voi" đó bởi lẽ giản dị là không có nó thì không có gì cả. Dĩ nhiên trong một tập thể, một cộng đồng nào cũng có những bất đồng, khác biệt. Các anh chị đã vượt lên được những bất đồng khác biệt đó trong năm vừa qua để giữ hòa khí cho cộng đồng chúng ta trước những đoàn thể cộng đồng bạn. Xin tặng một bông hồng nữa... và cũng cám ơn Khổng Tử của ngàn xưa đã để lại cho chúng ta những giá trị tinh thần khó tìm thấy nơi đất nước chằng chịt freeway này...

• ***Nguyễn Mạnh Huyên***

Tôi cám ơn anh đã gởi cho Tuyển Tập Nhớ Huế số 5 và chương trình Ngày Nhớ Huế vừa qua ở Westminster. Anh và các bạn đã thiết thực đóng góp vào việc bồi dưỡng tình yêu quê hương nhỏ và quê hương lớn trong lòng người Việt xa xứ...

• ***Võ Long Tê***

... Tôi vừa đến đây tròn 60 ngày, và thật may vớ được 3 tập san Nhớ Huế: 91, 92, 93.

Đấy là tiếng nói chân thực từ cõi lòng của những người ly xứ? Những tình tự quê hương của tuổi xế chiều đã một thời vang bóng? hay là những mảnh hồn cô đơn trên đất khách chắp ghép, kết nối lại cho trọn vẹn một khối tình: Tình hoài hương?

Cả ba nhận xét trên đều chân xác, và tôi gọi mỗi tờ đặc san Nhớ Huế là một buổi Trà Đạo của lớp người các thế hệ trước ngày "Cố đô thất thủ 1975", đã đàm luận về cái TA thật riêng tư, mà lại rất chung, gợi nhớ những hình ảnh thế sự thăng trầm, nhắc nhở những công trình văn hóa của tiền nhân, những nhân tài của quá vãng để tự nhủ lòng mình chớ vong thân, mất gốc, để lứa con cháu còn trẻ tuổi biết được rằng, dù muốn dù không, nó cũng không thể nào xóa được cội nguồn của bản thân mình, xóa được vết son hay vết chàm trên thân thể...

Cám ơn những tâm hồn "rất Huế" đã bỏ công quy tụ lại những nhành hoa mọc rải rác giữa đất trời bao la của thế giới lắm đổi thay. Tôi đã đọc say sưa và thú vị. "- Ừ nhỉ! Ta đâu có lạc loài, cô liêu. Ta còn có Ngày Nhớ Huế, như thuở ấu thời chờ trông ngày giỗ, ngày chạp họ để được sum vầy, được đón chào, được săn sóc ân cần. Ta cắn miếng Hot dogs mà lòng vẫn mơ đoạt cơm hến bán rong từng buổi sáng heo may trên đường vắng Nội thành. Ta ăn đỡ Hamburger cho qua bữa, mà sao vẫn thèm miếng thịt heo luộc, lát vả, tôm chua của mạ, lừa với bát cơm gạo mùa. Cũng dãi thiên hà, cũng vầng trăng lạnh đêm trường, sao ta thấy thiếu tiếng gió xạc xào qua vòm lá tre."

...Tôi nhìn thấy tôi, mỗi sáng trước gương soi. Tôi nghĩ, những người xa Huế đã thấy lại chính mình, bàng bạc ẩn hiện trong những tập san Nhớ Huế, dẫu họ có nhớ quê hay đã quên rồi. Đọc "Bài Chòi" tôi hiểu phong thái rất là phong lưu của nông dân Thừa Thiên, và nhớ mạ tôi da diết, bởi dạo nhỏ, tôi lẽo đẽo theo người ra đình làng trong ngày Tết đứng xem. Tết 94 này bài chòi đã thấy hiếm, cũng như đi ngang qua những căn nhà trưởng giả, đâu còn nghe tiếng xủng xoảng của lối chơi "Đổ xăm hường". Những bài thơ Nhớ trường Đ.K, Về xứ Huế, Những người điên, Mái trường xưa,... là những viên sỏi rơi vào lòng giếng khơi yên tĩnh của tâm hồn, khuấy lòng ta sống lại với bao kỷ niệm của xứ sở xa xăm. Xa về dặm đường, mà cũng là xa diệu vợi của con tim, của thời gian bóng câu qua số. Tuổi ấu thơ sống dậy tinh nghịch trong Ba de chùa Ông, và kinh nghiệm cho thấy những học trò ngổ ngáo có bao giờ bước chân ra đời mà ôm thảm bại ê chề, cho dù đời có đá lên đá xuống như trái "banh lông". Có ai quên được những phút giây kinh hoàng đưa đẩy chúng ta đến đây, được tả lại gọn gàng trong bài Thoát, và có ai nghĩ xa đến ngày Huế năm Hai Ngàn Lẻ Năm: với lối văn u mặc cao, tác giả vẽ ra một Huế mới, tiến bộ và văn minh đấy, nhưng sao nó xa cách với Huế trầm lặng và lãng mạn, nên thơ xưa cũ. Ta đã mất hẳn Huế hay Huế mất ta vì ta thủ cựu không biến thiên theo kịp trào lưu thời đại điện tử?...

Ôi biết bao biết bao bài vở đượm tình hoài hương, những bài thơ dịu ngọt tình quê...

• ***Khánh Thương***

❑ ***Bác Trương Quang Vay***

Elgin, Chicago.

BBT rất cám ơn và cảm động khi đọc thư của Bác cũng như rất nhiều thư tương tự của các bậc cao niên khác.

❑ ***Anh Bửu Hạp***

Rolling Hills, California.

BTC xin cám ơn những lời nhận xét của anh. Chúng tôi vừa lo tổ chức Ngày Nhớ Huế hằng năm với một chương trình văn nghệ phong phú, lại vừa lo phát hành Tuyển Tập Nhớ Huế đặc sắc, thật không dễ và thế nào cũng có phần thiếu sót, mong đồng hương thông cảm.

❑ ***Anh Võ Long Tê***

Calgary, Alberta - Canada.

BBT xin cám ơn anh những lời khen ngợi của anh. Các

biên khảo của anh rất có giá trị.

❑ ***Tiến Sĩ Thái Văn Kiểm***
Paris, France.

BBT rất phấn khởi về những lời khen của anh và một lần nữa cám ơn những biên khảo công phu và đặc sắc của anh dành riêng cho Tuyển Tập Nhớ Huế.

❑ ***Anh Lâm Đình Tiến***
Hertfordshire, England.

Cám ơn những cảm nghĩ về TTNH của anh. Anh em trong BBT rất vui mừng và phấn khởi. Chúng tôi sẽ gửi tặng TTNH số 6 theo địa chỉ của anh.

❑ ***Tiến sĩ Bửu Tập***
Wilmette, Illinois.

Đã nhận Bài Sưu Tầm về Chùa Báo Quốc của anh và đã đăng trong số này. Rất cảm động khi được anh chị đến thăm viếng. Xin chân thành cảm tạ.

❑ ***Anh Nguyễn Mạnh Huyên***
Reseda, California.

Thư của anh như một làn gió mát làm phấn khởi tinh thần anh em trong BBT. Chúng tôi hứa sẽ cố gắng hơn nữa. Xin đa tạ.

❑ ***BS Trần Đoàn***
Fairfax, Virginia.

Anh em bên này đã chuẩn bị sẵn sàng nhưng rất tiếc đến phút chót không lên tham dự Ngày Nhớ Huế 94 với các bạn trên đó được. Hẹn sang năm và rất vui mừng khi nghe tin Ngày Nhớ Huế bên nớ thành công.

❑ ***Anh Nguyễn Hữu Thứ***
Mississauga, Ontario - Canada.

BBT phải công nhận anh là người lo và đóng góp bài vở, ý kiến nhiều nhất cho Tuyển Tập Nhớ Huế.

Anh cũng là người đã cổ động và giới thiệu nhiều tác giả viết cho Tuyển Tập Nhớ Huế. Trí nhớ của anh thật phi thường, xứng danh cuốn Tự Điển của Huế. Xin được phép trích một đoạn thư đầy tình cảm của anh:

"Nhận tin anh đau tôi sửng sốt... Thấy anh lo, tôi bỏ luôn một tuần để viết cho anh một bài đặc biệt, kỹ và chính xác... Tôi sẽ viết thêm bài khác mà tôi dự định viết. Anh đừng lo về tôi: Hứa là làm..."

Xin chân thành cảm ta.

❑ ***BS Lê Văn Lân***
Lawrenceville, N.Jersey.

Khỏi cần khen tài viết về biên khảo của anh vì đã quá nổi tiếng. Chuyến đi Cali vừa rồi của anh chị hơi ngắn mà bạn bè thì đông nên nhiều người tiếc không thể gặp được. Thân.

❑ ***Anh Mai Kim Ngọc - Vũ Đình Minh***
Buena Park.

Đọc bài "Huế" của anh ai cũng khen hay và xúc động nhất là anh em trong Ban Biên tập phần lớn cùng ở Huế một thời với anh. Xin đa tạ.

❑ ***Chị Trương Mỹ Vân***
Vancouver, Canada.

Đã nhận được thư của chị, cám ơn những lời khen và hỏi thăm về sức khỏe. Chị đọc bài Trở Về trong số này là chuyện kế tiếp Huế 2005.

❑ ***Chị Lê Thị Hiệp***
Austin, Texas.

Đã nhận được bài Làng Tôi Kẻ Đột của chị đánh máy rất đẹp kèm theo mẫu hình bìa cho Tuyển Tập Nhớ Huế số 6. Bài viết của chị được hầu hết anh em trong Ban Biên tập rất thích. Xin cám ơn sự sốt sắng của chị.

❑ ***Chị Thái Ngọc Lan***
Muenchen, Đức quốc.

Anh Thái Bá đã trao bài Cánh Hồng Bay Bổng, đầy triết lý của chị. Chắc chắn độc giả sẽ thích. Xin đa tạ.

❑ ***Anh Đoàn Khoách***
San Diego, California.

BBT xin cám ơn anh đã dành nhiều đặc ân cho Tuyển Tập Nhớ Huế và đã gửi bài biên khảo rất công phu.

❑ ***Anh Trúc Chi***
Monterey Park, Calif.

Cuối cùng rồi cũng "chộ mệ". Người tài không thể ẩn danh mãi được. Cám ơn vô cùng. Mừng Lục Tuần bạn.

❑ ***BS Tôn Thất Hứa***
Wuerzburg, Germany.

BBT đang nhắc đến anh thì bài viết của anh về Cụ Nguyễn Văn Tường vừa đến đúng lúc, rất cảm phục. Mong mỗi năm đều nhận được bài như đã hứa. Cám ơn nhiều lắm.

❑ ***Anh Võ Văn Ái và Chị Ỷ Lan***
Paris, France

Rất hân hạnh được đón tiếp anh và chị trong chuyến

đi Mỹ tranh đấu cho nhân quyền vừa qua cùng với một số khá đông thân hữu tại Irvine. Hân hạnh được nghe thơ Thi Vũ và những câu chuyện dí dỏm với giọng Huế đặc sệt của chị Ỷ Lan. Mong nhận được bài của anh và chị Ỷ Lan dành cho Tuyển Tập Nhớ Huế và được nghe anh và chị nói chuyện với đồng hương trong Ngày Nhớ Huế 1995. Hẹn gặp lại 1995.

❑ ***Chị Bích Hà***

Irvine, California

Mặc dù bận việc với cơ sở làm ăn mới chị vẫn viết cho Tuyển Tập Nhớ Huế. BBT xin ghi ơn.

❑ ***Chị Lê Khắc Ngọc Quỳnh***

Toronto, Canada.

BBT xin cám ơn chị đã bán dùm một ít số TTNH 93 trong buổi họp mặt gây quỹ cho Phượng Vỹ Toronto.

❑ ***Chị Phan Mộng Hoàn***

San Jose, California.

Mừng chuyến đi về thăm quê hương của chị được thành công và trở về an toàn. BBT xin cám ơn rất nhiều về những đóng góp của chị cho Tuyển Tập Nhớ Huế nhất là phổ biến Tuyển Tập ở vùng San Jose và nhiều nơi thiệt xa khác...

❑ ***Chị Thu Nguyễn Kander***

Long Beach, California.

Cám ơn chị đã ủng hộ đăng trang bìa liên tiếp TTNH từ số 3,4,5 và số 6 năm nay. Rất phấn khởi khi được nghe chị kể lại những cảm tình của bạn đọc khắp nơi dành cho Tuyển Tập.

❑ ***BSNK Tôn Thất Thọ***

San Jose, California.

Đã nhận được thư và chi phiếu ủng hộ TTNH mà không cần đăng quảng cáo. BBT rất cảm động và xin đa tạ.

❑ ***DS Tôn Nữ Duy Thạnh***

San Diego, California.

Cám ơn tấm chi phiếu ủng hộ TTNH. Chuyến trở về Huế 2007 và mua nhà ở Đại Cư Xá Viễn Phương đã được giữ chỗ trước cho hai bạn.

❑ ***Chị Trần Thị Hồng Diễm***

S, Francisco, California.

Tấm ảnh phong cảnh chị đem từ Huế về tuyệt đẹp. Xin đa tạ. Bài Thủy Chung Với Huế đến khi Tuyển Tập đã Lay-out xong nên đăng không kịp, xin gác lại kỳ sau.

❑ ***Chị Hoàng Bích Đào***

Paris, France.

BBT xin chân thành cám ơn chị giúp phổ biến TTNH tại Paris và các nơi khác ở Âu châu. Bài Con Bướm Trắng chị gửi đến đã được đăng trong số này.

❑ ***BS Hoàng Ngọc Khôi***

Toronto, Canada.

Xin đa tạ đã nhắc đến Tuyển Tập Nhớ Huế trong Tập San của Hội Y Nha Dược Sĩ Florida. Anh đã từng tung hoành ở kế cận Huế, xin Thi sĩ gửi cho TTNH vài ý thơ về Huế.

❑ ***Anh chị Trần Dạ Từ, Nhã Ca***

Westminster, California.

Cám ơn anh chị đã cố vấn cho Tuyển Tập và đăng miễn phí quảng cáo Ngày Nhớ Huế 94 trong Việt Báo Kinh Tế. Xin tặng một bông hồng cho tác giả Giải khăn sô cho Huế.

BBT có nhận được bài "Bạn tôi, người đất Thần Kinh". Rất tiếc vì không có tên thật của tác giả nên không thể đăng được.

❑ ***Mây Tím***

Arlington, Virginia.

BBT có nhận được bài "Bạn tôi, người đất Thần Kinh". Rất tiếc vì không có tên thật của tác giả nên không thể đăng được.

❑ ***S Lê Phước Lộc***

Van Nuys, California.

Vừa nhận được tập bài "Nhớ Huế, cái gì đáng nhớ" dày gần 40 trang kèm theo nhiều hình ảnh. Vì bài quá dài và đến trễ nên BBT rất tiếc không đăng được. Đề nghị anh cho xuất bản thành sách có giá trị hơn. Xin cám ơn sự đóng góp và ủng hộ hàng năm của anh cho TTNH.

❑ ***BS Hồ Văn Châm***

Ottawa, Canada.

Bài tùy bút "Nhớ người không quen" của anh đến quá trễ nên không đăng được. Xin đa tạ đã gửi bài. Rất tiếc không gặp lại anh trong chuyến thăm Cali vừa qua.

❑ ***Anh Lê Văn Quang***

San Jose, California.

Giới thiệu sách mới.

BBT đã nhận được tác phẩm "Trước sau như một" của Lê Văn Quang, một người bạn sinh trưởng ở Huế. Hồi ký dài 417 trang, trong đó có nhiều đoạn viết về Huế rất hay. Tuy là hồi ký của một cá nhân, cuốn sách đã phản ảnh nhiều khía cạnh bi đát của những biến cố lịch sử cận đại ở Việt Nam. Dù ba chìm bảy nổi, tác giả, với tâm hồn mộ Phật pháp, vẫn tin tưởng vào sự cứu độ thiêng liêng trong những bước đường hoạn nạn. Xin cám ơn anh Quang và xin hân hạnh giới thiệu cùng bạn đọc.

❑ ***Anh Trần Quang***
Garden Grove,
California.

Dù mới tới Mỹ chưa đầy hai tháng, anh đã đóng góp bài vở thật xuất sắc ngay cho TTNH. Tùy bút của Khánh Thương thật hay và độc đáo. BBT thành thật cám ơn.

❑ ***Anh Nguyễn Cúc.***
Dallas, Texas.

Vừa mới nhận được Tiếng Sông Hương 94. Xin đa tạ đã nghĩ tới. Bài vở năm nay khá hơn năm ngoái, nhất là có thêm nhiều hình về cảnh Huế, người Huế và kể cả người đẹp Trà Mi khi tuổi trăng tròn và Phương Anh Trang trông vẫn còn trẻ và còn gân lắm.

❑ ***Anh Trần Trọng Khoái***
Oakland

❑ ***Anh Hoàng Đức***
Westminster

❑ ***Anh Nguyễn Hoàng***
Westminster.

Vì bài vở kỳ này quá nhiều nên rất tiếc không thể đăng bài của các anh được, xin hẹn kỳ tới. Đa tạ.

❑ ***Các độc giả Âu châu***

Bạn đọc ở Pháp, Âu châu muốn có Tuyển Tập Nhớ Huế, xin liên lạc:

Nhà sách
DIỄM PHƯƠNG
44 Ave d'Ivry
Paris 13ème. - France
Phone: 4-582-6660

Xin Lưu Ý

Tòa soạn không đăng những bài khác với chủ trương của TTNH. Tác giả xin cho biết tên họ, địa chỉ và điện thoại để liên lạc. Nên dùng tên thật hơn biệt hiệu. Bài đã gửi cho TTNH xin đừng gửi cho báo khác và gửi về BBT càng sớm càng tốt. Tòa soạn xin miễn gửi lại bản thảo.

Bộ mặt Huế 1994...

(Tiếp theo trang 186)

Kể từ khi tư bản Pháp nhảy về tỉnh Mỹ Tho mở nhà máy bia BGI cạnh tranh với bia 33 của Saigon, Huế cũng có Thụy Điển liên kết mở nhà máy bia Huda ở Vỹ Dạ, một thời được tiếng là ngon, chen chân được thị trường Saigon, miền Bắc. Công nhân tại đây được người Huế cho biết là có lương cao nhất, so với các nhà máy thuốc lá, nhà máy dệt v.v.. Nói chung, xưởng kỹ nghệ nhẹ Huế đếm trên đầu ngón tay, do đó, người thất nghiệp vẫn nhiều.

Còn nhiều "cái nhất" khác của Huế, mà tôi chưa sưu tầm hết được. Tâm tình người có tuổi, sau bao năm mệt nhoài qua thăng trầm thế sự, vẫn hoài vọng những kỷ niệm đẹp một thuở vàng son, những tháng ngày phong lưu nhàn nhã. Lớp trẻ lớn lên sau cuộc chiến, có kẻ dạo biến cố Mậu Thân vẫn còn hôi sữa, thì lăn xả vào cuộc sống với những cố gắng và nỗ lực quá sức, bởi chỉ trong một thế hệ, mà lớp trẻ tiếp thu những luồng tư tưởng và ý thức hệ khác nhau, những xáo trộn và đổi thay vũ bão của thế giới. Như con chim hót trong lồng, bao giờ cũng khao khát những mới lạ bên ngoài mây trời bao la và cánh đồng thênh thang mùi lúa mới...

Chuyện Huế còn nhiều, nhưng cuộc sống lận đận áo cơm, tháng ngày hối hả ít ai có được phút dánh "khà" bên cốc nước trà Tam Hỷ, nói chi nghe kể chuyện quê nhà. Thôi thì tạm dứt với hai cái nhất hiện nay của quê mình: Sự kiện nhiều người thích nhất là cái ngày ông Tổng Thống Clinton bỏ lịnh cấm vận VN, và cái chóng quên nhất là quên tên người đại biểu của chính họ, sau mỗi cuộc bầu cử trong 19 năm nay.

• *Trần Quang.*

QUẢNG ĐÀ

Restaurant

9786 Westminster Ave.
Garden Grove, CA 92644
(Cạnh Chè Hiển Khánh, góc Brookhurst)
(714) 636-3016
348 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95113
(Góc đường số 8)
(408) 297-3402

Đã bao năm rồi không về thăm lại Miền Trung...
Xin mời Quý vị ghé về thăm miền Trung ở California tại Quảng Đà Restaurant, nơi chuyên về những món ăn thuần túy đặc biệt miền Trung.

MÓN ĂN ĐẶC BIỆT MIỀN TRUNG XỨ HUẾ VÀ XỨ QUẢNG:

- Bánh Lá
- Chả Tôm
- Bánh Ướt Tôm Chấy
- Bánh Ướt Thịt Nướng.
- Bánh Bột Lọc
- Bánh Ít Tôm Thịt
- Bánh Ít Kẹp Bánh Ram
- Bánh Bèo Dĩa
- Bánh Canh Tôm Cua
- Chả Huế
- Cơm Hến
- Cơm Bì Thịt Nướng
- Bún Bò Huế
- Bánh Bèo Chén Quảng Đà
- Bánh Xèo (Bánh Khoái)
- Bánh Cuốn Nhân Thịt
- Bánh Tráng Đập Dập Chấm Mắm Nêm
- Gỏi Mít Trộn Xúc bánh Tráng
- Mì Quảng "Vĩnh Điện"
- Mì Cao Lầu "Hội An"
- Hủ Tiếu khô "Thanh Xuân"
- Hến Xúc Bánh Tráng
- Bún Thịt Nướng
- Mì Xá Xíu Hoành Thánh
- Hoành Thánh Tôm "Chợ Cồn"
- Bún Mắm Thịt Heo Quay (Cuối tuần)
- Mì Quảng Chay
- Bánh Xèo Chay

Giờ mở cửa:
9 AM - 8:30 PM
Nghỉ ngày Thứ Tư

Quảng Đà Restaurant
Kính Mời

ĂN CHƠI - ĂN THIỆT - ĂN LAI RAI - ĂN DẬM - ĂN DÀ

Restaurant
ĐÔNG BA

Vietnamese Royal Foods

14942 Bushard, Westminster, CA. 92683

(714) 775-7049

(góc Bolsa & Bushard, gần Siêu thị Hòa Phát)

- ❑ *Lấy lừng với những hảo vị thời danh của Huế.*
- ❑ *Thích khẩu - Tinh khiết và Bổ dưỡng.*

• *Bánh lá chả tôm*	• *Bánh bột lọc*
• *Cơm âm phủ*	• *Bánh khoái Đông Ba*
• *Cao lâu Cồn (Cơm Hến)*	• *Bánh ướt tôm chấy*
• *Cháo lòng "Gia Long"*	• *Bánh ướt thịt nướng*
• *Chè Cồn*	• *Bánh bèo Vỹ Dạ*
• *Nem, Tré, Chả Huế*	• *Bánh bèo Ngự Bình*

Đặc biệt: Bún Bò ĐÔNG BA

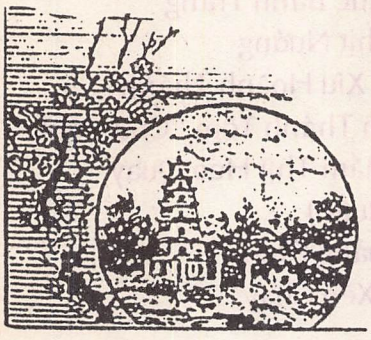

ĐÔNG BA Kính Mời

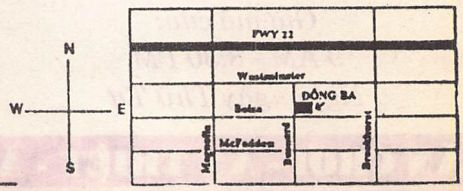

Bác Sĩ Nha Khoa

NGUYỄN VĂN Y

DENTIST

5110 Westminster Ave., Suite #K
Santa Ana, CA 92703
(Góc Euclid và Westminster)

Tel: 534-5533

- Trưởng Phòng Nha Khoa Quân Y Viện & Dân Y Viện Pleiku
- Nha Sĩ Trưởng Binh Chủng Nhảy Dù và Bệnh Viện Đỗ Vinh
- Giảng Huấn Viên các Khoa Quân Y: NHA, Y, DƯỢC SĨ tại Trường Quân Y
- Đã mở Phòng mạch tại Trương Minh Ký, Gia Định từ 1963

- Khám Răng Tổng Quát và Định Kỳ
- Chữa Răng và phòng bệnh Răng, Miệng, Người lớn và Trẻ em
- Trám, Nhổ răng, Lấy gân máu
- Tiểu Giải Phẫu Nha Khoa
- Sửa Răng Thẩm Mỹ Làm các loại Răng giả, Cầu răng

Giờ làm việc:
Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10AM - 6PM
Thứ Bảy: 10AM - 3PM
Chủ Nhật: Theo hẹn

Nhận MEDICAL và BẢO HIỂM

Bác Sĩ

ĐOÀN YẾN, M.D.

1663 Beverly Blvd., Suite #201
Los Angeles, CA 90026

Tel: (714) 413-4845

- Tốt nghiệp Hậu Đại Học Wadsworth, LA.
- Nguyên Bác sĩ Trưởng Khu Giải Phẫu và Điều Trị Quân Y Viện Nguyễn Huệ, Nha Trang.
- Nguyên Bác sĩ Giải Phẫu và Điều Trị Quân Y Viện Trần Ngọc Minh, Sài Gòn.
- Đã hành nghề lâu năm tại Việt nam.

CHUYÊN TRỊ:

- ★ Bệnh về Tai nạn & Nghề nghiệp
- ★ Bệnh Toàn khoa người lớn và trẻ em.
- ★ Bệnh Phụ nữ, Thăm thai.
- ★ Săn sóc sức khỏe gia đình.
- ★ Khám sức khỏe nhập học và chích ngừa.
- ★ Cộng tác với Chương trình Bông sữa WIC.
- ★ Tiểu Giải phẫu.

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 6 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 3:00 PM
Chủ Nhật: 10 AM - 1 PM

HUẾ Restaurant

Rendez Vous

15562 Brookhurst St.
Westminster, CA 92683
(Góc Brookhurst & Mc Fadden)

(714) 775-7192

Đến, Say đắm Ngồi, Ngất ngây Về, Si tình

✦KHUNG CẢNH VÀ MÀU SẮC RẤT HUẾ
✦LAN TƯƠI ĐẸP NHẤT
✦ ***NHẬN ĐẶT PARTY TẠI CHỖ HAY MANG ĐI.***

Mở cửa 7 ngày:
Chủ Nhật - Thứ Năm: 9AM - 8PM
Thứ Sáu & Thứ Bảy: 8:30AM - 10PM

ĐẶC BIỆT:

- Bún Bò Bánh Ướt Thịt Nướng
- Bánh Bèo
- Bánh Nậm
- Bánh Ướt Tôm Chấy
- Bánh Bột Lọc
- Mì Quảng
- Các Loại Cơm
- Các Loại Chè
- Cơm Hến (Weekend)

TẠI LONG BEACH

BÁC SĨ Y KHOA
VÕ VĂN PHÁC, M.D.

CHUYÊN MÔN NỘI THƯƠNG NGƯỜI LỚN & TRẺ EM
Y KHOA GIA ĐÌNH

CHUYÊN MÔN:

* Y khoa gia đình.
* Các bệnh nội, ngoại thương tổng quát.
* Bệnh toàn khoa người lớn và trẻ em. (Các bệnh về tim, phổi, thực quản, bao tử, gan, ruột, cao huyết áp, phong thấp, tiểu đường).
* Bệnh ngoài da, hoa liễu, dị ứng (allergy).
* Bệnh phụ nữ, đàn bà, thăm thai, kế hoạch hóa gia đình.
* Chích ngừa, khám bệnh nhập học, theo dõi sức khỏe, định kỳ trẻ em.
* Cộng tác với chương trình WIC cho sản phụ, trẻ em.
* Tiểu giải phẫu các bướu dưới da, mụn cóc, nốt ruồi, cắt da qui đầu.

THỬ NGHIỆM:

* Mỡ trong máu (cholesterol).
* Các loại về máu, nước tiểu.
* Thử máu hôn thú.
* Truy tầm ung thư vú, tử cung.

Trang bị máy đo tim, đo phổi, máy massage.

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH
NHẬN MEDICAL, MEDICARE
VÀ BẢO HIỂM CÁC LOẠI

Giờ Khám Bệnh:
Mon - Fri: 9:30 AM - 6:30 PM
Sat: 9:00 AM - 3:00 PM

611 E. Anaheim St., Long Beach, CA 90813
(Giữa Atlantic Blvd. & Lime Ave.)
Tel: (310) 591-8982

BÁC SĨ
BÙI ĐỒNG
BỆNH NGOÀI DA VÀ TỔNG QUÁT

9559 BOLSA AVE., SUITE A
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 531-4616
(714) 531-4617

- Nguyên ban giảng huấn trường đại học Y Khoa Sàigòn
- Nguyên Y SĨ Chuyên Môn Bệnh Viện Bình Dân, Nhi Đồng và Sùng Chính
- Hội viên Hội Hàn Lâm Viện Ngoài Da Hoa kỳ.

CHUYÊN TRỊ
BỊNH NGOÀI DA & HOA LIỄU
(Skin Diseases and Veneral Diseases)
BỊNH DỊ ỨNG (Allergy)
GIẢI PHẪU DA (Skin Surgery)

Giờ khám bệnh: (theo hẹn)
Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9:30AM - 6PM
Thứ Tư: 1PM - 6PM, Thứ Bảy: 9AM - 3PM

Bác sĩ ĐỒNG SĨ NAM, M.D.

Diplomate American Board of Pediatrics
Tốt Nghiệp Văn Bằng Chuyên Môn Nhi Khoa Hoa Kỳ

- Nguyên Nội Trú Bịnh Viện Grall (Đồn Đất) Sàigòn.
- Tốt Nghiệp Nhi Khoa Tại Comumbia University Hospital, Newyork
- Tốt Nghiệp Chuyên Khoa Trẻ Sơ Sinh Tại Women's Hospital USC Medical Center, Los Angeles
- Nguyên Giảng Huấn Viên Lâm Sàng Nhi Khoa, USC School Of Medicine.

CHUYÊN TRỊ: Bịnh Trẻ Sơ Sinh, Trẻ Em, Thanh Thiếu Niên.
Bịnh Cấp Tính: Ho cảm, nóng, ói mửa, tiêu chảy, làm kinh, ban sởi, sưng phổi, sưng cổ họng, nhiễm trùng đường tiểu, mụt ghẻ lở, đỏ mắt, khó thở, nghẹt mũi, lên suyễn.
Bịnh Kinh Niên: Đường hô hấp: Ho suyễn, Đường tiêu hoá, Đường tiểu, Tim lớn, Truy tim.
Bịnh tuyến nội tiết: Mập phì, lớn quá cỡ, lùn, chậm lớn, ốm còi, tiểu đường.
Bịnh ngoài da: Phong, ghẻ, chí rận.
Giải phẫu nhẹ: Xẻ nhọt. Cắt bướu. May vết thương.

* **Hướng dẫn dinh dưỡng, nuôi ăn cho trẻ em và thanh thiếu niên.**
* **Khám tổng quát định kỳ, chích ngừa nhập học. Thi đua thể thao**
* **Nhận săn sóc trẻ sơ sinh từ lúc lọt lòng. Các bịnh cần nhập viện tại hai bịnh viện Santa Ana Medical Center, Fountain Valley Regional Hospital Medical Center.**
* **Hợp tác với chương trình Bông Sữa WIC.**

Nhận Medical - Bảo Hiểm Các Loại • Điều kiện dễ dàng cho quí vị trả tiền mặt.

14082 Magnolia St., Suite 110-111
Westminster, CA 92683
Đ.T. (714) 898-0424

GIỜ LÀM VIỆC: Thứ Hai — Thứ Sáu: 10:00AM - 6:00PM
Thứ Bảy: 10:00AM — 3:00PM
Xin vui lòng lấy hẹn trước

TRƯỜNG THẨM MỸ HẰNG NGA

ASIAN AMERICAN INTERNATIONAL BEAUTY COLLEGE
7871 WESTMINSTER BLVD., WESTMINSTER, CA. 92683
Giờ Mở Cửa: Thứ Ba Đến Thứ Bảy (8:30AM-5:00PM)
TELEPHONE (714) 891-0508

Đặc Biệt Cho Khóa Mùa Hè

NGÀNH TÓC:

Học Phí $1,300.00

MÓNG TAY:

Học Phí $240.00

[Thời Hạn Từ 15 Tháng 7, 1994 Đến 30 Tháng 9, 1994]

Dịch Vụ Làm Tóc

Cắt tóc Nam hay Nữ:	$3.00
Uốn Tóc:	$7.00
Gội đầu, cuốn ống:	$3.00
Nhuộm tóc:	$10.00
Móng tay nước:	$3.00
Một bộ móng tay bột:	$10.00
Nhổ chân mày:	$3.00
Massage da mặt:	$5.00

Các Dịch Vụ Về Tóc Sẽ Được Tính Tiền Thêm Đối Với tóc dài

Tất Cả Các Dịch Vụ Trên Đều Được Học Sinh Thực Hiện Dưới Sự Giám Sát Của Giáo Viên Nhiều năm Kinh Nghiệm

Nhà Trường còn rất nhiều dịch vụ khác xin mời Qúi đồng hương đến thăm trường để biết thêm chi tiết. Rất cám ơn Qúi đồng hương đã yêu thương và ủng hộ trong suốt thời gian qua.

BÁC SĨ PHAN TUYẾT MAI, M.D.

Chuyên Khoa Giải Phẫu Nhãn Khoa (Eye Physician and Surgeon)
Diplomate of The American Board of Opthalmology

- ★ *Tốt nghiệp Bác sĩ Y Khoa Harvard Medical School, Boston, Massachusetts.*
- ★ *Thường trú Nội Khoa Massachusetts General Hospital, Harvard Medical School.*
- ★ *Tốt nghiệp Chuyên Khoa Nhãn Khoa (Giải phẫu và Điều trị Nhãn Khoa) Jules Stein Eye Institute, UCLA.*
- ★ *Tốt nghiệp Hậu Chuyên Khoa Giải Phẫu và Ghép Giác mạc (Fellowship in Cornea and External Disease, Corneal Transplant), Massachusetts Eye and Ear Infirmary, Harvard Medical School.*
- ★ *Hội viên Hội Society Of The Heed Fellow (Hội đoàn Bác sĩ Giải Phẫu Nhãn Khoa Ưu tú).*
- ★ *Giảng huấn viên Khu Nhãn Khoa (Department of Opthalmology) Đại Học Y Khoa UCLA Jules Stein Eye Institute.*

9500 Bolsa Ave. #P
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 775-4400

GIẢI PHẪU VÀ ĐIỀU TRỊ:

- ▢ ***Mắt lòa - Mắt cườm (Cataract) - Ghép kính nhân tạo (Lens implant).***
- ▢ ***Mộng thịt trên tròng trắng và tròng đen (Pterygium).***
- ▢ ***Giải phẫu cận thị - Loạn thị (Radial Keratotomy)***
- ▢ ***Đo và làm kính, Contact lens.***
- ▢ ***Giải phẫu bằng tia sáng Laser.***
- ▢ ***Giải phẫu áp suất mắt cao (Glaucoma) - Mắt lé - Giải phẫu mí mắt.***
- ▢ ***Chữa mọi trường hợp viêm mắt, mắt loét, đỏ hoặc khô.***

Khám bệnh theo hẹn

- ▢ *Với sự cộng tác của Nhóm Bác sĩ Giải Phẫu Nhãn Khoa chuyên môn và danh tiếng vùng Southern California.*
- ▢ *Trang bị đủ những máy móc thử nghiệm và Tia sáng Laser tối tân.*

CHUYÊN GIẢI PHẪU VÀ GHÉP GIÁC MẠC MỚI (Corneal Transplant) Để Điều Trị Những Trường Hợp Giác Mạc, Mắt Bị Mờ Trắng, Đục Trắng, Sẹo Gây Ra Bởi Tai nạn, Vi Trùng, Bệnh Ban, Trái Hoặc Sau Khi Giải Phẫu Mắt Bị Hỏng.

Bác Sĩ NGUYỄN PHÚC VĨNH KHIÊM, M.D.

CHUYÊN KHOA BỆNH TIM VÀ HUYẾT QUẢN

- ★ Diplomate American Board Of Internal Medicine.
- ★ Diplomate American Board Of Cardiovascular Disease.
- ★ Tốt nghiệp Bác sĩ Y Khoa, Harvard Medical School, Boston, Massachusetts.
- ★ Thường trú Nội Khoa (Internal Medicine), Massachusetts General Hospital, Harvard Medical School.
- ★ Tốt nghiệp Chuyên khoa Bệnh Tim (Cardiology), Stanford of Medicine, Palo Alto, California.
- ★ Tốt nghiệp Hậu Chuyên khoa Thông Tim (Advanced Fellowship in Angioplasty), Seton Medical Center, San Francisco, dưới sự điều khiển của Bác sĩ Richard Myler và Bác sĩ Simon Stertzer (Hai vị khai sinh của ngành Angioplasty).
- ★ Nguyên Giám Đốc chương trình Soi tim và Thông tim (Interventional Cardiology) cho HMO FHP, Los Angeles (1989-1992).
- ★ Bác sĩ điều trị tại Samaritan, Los Angeles.

Với sự hợp tác của nhóm bác sĩ uy tín bậc nhất tại bệnh viện Good Samaritan, Los Angeles: Bác sĩ Stanley Wishner (Cardiology) và Bác sĩ Gregory Kay (Cardiothoracic Surgery).

1245 Wilshire Blvd., #707
Los Angeles, CA 90017
24 Hrs. Answering Service:
(213) 977-0101
Tiếng Việt: **(818) 787-9377**

CHUYÊN CHẨN VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH TIM VÀ HUYẾT QUẢN
Bằng Phương Pháp Soi và Thông Tim
(Cardiac Catheterization, Coronary Angioplasty, Peripheral and Renal

ĐỊA CHỈ MỚI TẠI LITTLE SAIGON
9500 Bolsa Ave., #P
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 775-4400

- ▢ Ngăn ngừa Bệnh tim (Preventive Cardiology): Bệnh cao mỡ (Cholesterol), Áp huyết cao (Hypertension) và Tiểu đường (Diabetes).
- ▢ Bệnh nghẽn mạch máu tim (Coronary artery disease).
- ▢ Bệnh tim bẩm sinh (Congenital heart disease).
- ▢ Bệnh van tim (Vascular heart disease).
- ▢ Bệnh tim đập thất nhịp (Arrythmia).
- ▢ Bệnh nghẽn mạch máu dưới chân (Peripheral arterial disease): Đau chân khi đi, lạnh chân.
- ▢ Bệnh nghẽn mạch máu trong thận làm áp huyết cao (Renovascular disease).

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM.
Xin lấy hẹn trước
Giờ Làm Việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00 AM - 5:30 PM
Thứ Bảy và Chủ Nhật: Khám theo hẹn

TIỆM VÀNG HỘT XOÀN

KIM THỌ JEWELRY

TEL: (714) 892-5007

The Jewelry Center

Booth #3 & 2nd Floor

- HỘT XOÀN, CẨM THẠCH, NỮ TRANG, VÀNG LÁ.
- ĐỦ LOẠI, ĐỦ KIỂU.
- BẢO ĐẢM ĐẸP VÀ ĐẦY ĐỦ PHẨM CHẤT.

ASIAN GARDEN MALL
9200 Bolsa Ave. Suite 227 #3 2nd Floor
Westminster, Ca 92683

KT FURNITURE GALLERY

2775 W. Lincoln Ave. - Anaheim, CA 92801
(Giữa Dale & Magnolia)
(714) 821-4989

Với 15,000 sqft Showroom, chúng tôi có đủ loại bàn ghế, tủ, nệm từ Italy đến Hi-Tex. Tha hồ để quý vị lựa chọn.

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Bảy: 10am - 8pm
Chủ Nhật: 10am - 6pm

TRUNG TÂM SẢN XUẤT VÀ PHÁT HÀNH BĂNG NHẠC - VIDÉO - CD

GIÁNG NGỌC

Giám Đốc Lê Bá Chư

9551 Bolsa Ave * Suite E&D * Westminster CA 92683

(714)531-2246 / 963-8781

Hân Hạnh Giới Thiệu Những Băng Nhạc & CD Đã Phát Hành

1. Người yêu dấu *Ngọc Lan*
2. L'amour *Ngọc Lan*
3. Les amoureux qui passe *Nhạc trẻ*
4. Nắng thủy tinh *Hợp tuyển*
5. Còn chút gì để nhớ *Hợp tuyển*
6. Hoa biển *Tuấn Vũ*
7. Mười thương
Hương Lan, Tuấn Vũ, Thanh Tuyền
8. Về miền Trung *Lệ Thu*
9. Ai cho tôi tình yêu
Giao Linh, Tuấn Vũ, Thiên Trang
10. Huế mù sương
Hương Lan, Thanh Tuyền, Chế Linh
11. Tình khúc lính
12. Phù du *Nhạc hòa tấu Duy Cường*
13. Ngủ đi em *Hợp tuyển*
14. Vết thương cuối cùng
15. Tình nhớ
Ngọc Lan, Elvis Phương, Kiều Nga
16. Đôi mắt người xưa *Giao Linh, T.Vũ*
17. Đôi song ca *Phượng Mai, Tuấn Vũ*
18. Biệt Ly *Vũ Khanh, Jo Marcel, Lệ Thu*
19. Thiệp hồng anh viết tên em
Giao Linh, Phượng Mai, Tuấn Vũ
20. Xin gọi nhau là cố nhân
Hương Lan, Thanh Tuyền, Tuấn Vũ
21. Nửa đêm ngoài phố *Rumba*
22. Nếu em về bên anh *Tuấn Vũ 8*
23. Ngày em 20 tuổi *Thiên Trang*
24. Điệu buồn đang đợi *12 ca si*
25. Ru ta ngậm ngùi
Ngọc Lan, Vũ Khanh, Kiều Nga
26. Trúc đào *Phượng Mai*
27. Tình ngoại ô
Tuấn Anh, Giao Linh, Tuấn Vũ
28. Tôi đi giữa hoàng hôn
Kiều Nga, Elvis Phương, Vũ Khanh
29. Gặp Nhau *Tuấn Vũ 3*
30. Vì dạ đò trăng
Duy Khánh, Hương Lan Thiên Trang
31. Huế đẹp và thơ
32. Về mái nhà xưa
33. Anh đã quên mùa thu
Kim Anh, Quốc Anh
34. Top new wave *Nhật Hạ, T. Nhung, Trizzi P. Trinh, Vi Lan, Thúy Vi, Cao Lâm*
35. Hồn trinh nữ
Hương Lan, Thanh Tuyền, Giao Linh
36. Tình yêu ơi tình yêu
Vũ Khanh, Ngọc Lan, Như Mai
37. Nhớ nhau hoài
Thanh Tuyền, Tuấn Vũ, Phượng Mai
38. Niềm thương nhớ *Lệ Thu, Th. Hiền, N. Lan, Carol Kim, Duy Quang, E.Phương*
39. Lối về đất Mẹ
Thanh Tuyền, Tuấn Vũ, Phượng Mai
40. Dạ vũ mừng xuân
Hương Lan, Tuấn Vũ, Phượng Mai
41. Hoa sứ : hà nàng *T.Vũ, Phượng Mai*
42. Dạ vũ Bebop Chachacha *Nhạc trẻ*
43. Trong tầm mắt đời *Hương Lan, Tuấn Vũ, Th. Tuyền, Giao Linh, Ph.Mai*
44. Top 40 *Lynda Trang Đài*
45. Mảnh tình thương
Hương Lan, Thanh Tuyền, Tuấn Vũ
46. Bên đời hiu quạnh
Kiều Nga, Ngọc Lan, Đức Huy
47. Đường sang nhà em
Thiên Trang, Tuấn Vũ
48. Hãy yêu nhau đi *Lê uyên Phương*
49. Khúc hát ân tình *Th. Tuyền, T. Vũ*
50. Người đi qua đời tôi
Ngọc Lan, Elvis Phương, Kiều Nga
51. Dấu chân kỷ niệm *Tuấn Vũ*
52. Tình lỡ *Tuấn Vũ, Phượng Mai*
53. Liên khúc tình ta
Ngọc Lan, Công Thành Lynn, Cao Lâm
54. Bao giờ biết tương tư
Kiều Nga, Ngọc Lan, Vũ Khanh
55. Liên khúc New wave
Lynda T.Đài, TrizziePTrinh, Thanh Tùng
56. Đại hội liên khúc
Kiều Nga, Tuyết Nhung, Trizzie, Ph. Loan
57. Cơn bão tuyết *Thái Tài, Ngọc Lan, Kiều Nga, Lynda T.Đài, Thúy Vi*
58. Hàn Mạc Tử *Ph. Dung, Tuấn Vũ*
59. Một chuyến bay đêm
Ý Lan, Carol Kim, Như Mai
60. Ca khúc da vàng *Lê Uyên*
61. Khi tình đã xa *Ngọc Lan, Vũ Khanh*
62. Trộm nhìn nhau *Ngọc Lan, Duy Quang, E. Phương, Như Mai, Giáng Ngọc*
63. Trăm năm bến cũ *Tuấn Vũ*
64. Lan và Điệp *Tuấn Vũ, Phượng Mai*
65. Samba Mambo
Lynda,Th. Vi, Trizzie,Thy Thy,Huy Phong
66. Comme toi *Ngọc Lan, Don Ho*
67. Tà áo cưới *Anh Vũ*
68. Women in love
Ngọc Lan, Kiều Nga, Don Ho
69. Stand by me *Ngọc Lan, Kiều Nga, Lynda Trang Đài, Danny Tuấn*
70. Con đường tình ta đi
Don Ho, Ngọc Lan
71. Donna Donna *Don Ho*
72. Hát cho Quê Hương VN *Ngọc Lan*
73. Duyên quê *Phượng Mai, Tuấn Vũ*
74. China Boy *Nhạc trẻ*
75. Liên khúc New Wave
Lynda T. Đài, Trizzie, Biily Shane
76. Tình sầu biên giới
Thanh Tuyền, Tuấn Vũ, Giao Linh
77. Vòng tay giữ trọn ân tình Thiên Trang, Tuấn Vũ
78. Hững Hờ *Ý Lan Don Ho*
79. Tình phụ *Ngọc Lan - Don Ho 2*
80. Oh! Mon amour *Thái Tài 3*
81. La nuit *Ý Lan, Don Ho 2*
82. Em sắp về chưa *Giao Linh, T. Vũ*
83. Ngày em còn bên tôi
Thanh Tuyền, Chế Linh
84. Yesterday *Don Ho, Ngọc Bích*
85. Mộng ước mai sau *Hương Lan, T.Vũ*
86. Kiss me again
Ngọc Lan, Như Mai, Ý Nhi, Danny
87. Fallen for you *Don Ho, Phi Phi*
88. Cỏ Úa *Vũ Khanh, N. Bích, E.Phương*
89. Dancing All Night *Nhạc trẻ*
90. Giấc ngủ cô đơn *Phượng Mai*
91. Chiều Vàng *Nhạc tiền chiến*
92. Papa *Nhạc trẻ*
93. Tình khúc Vũ Thành An
Tuấn Ngọc, Ngọc Lan, Don Ho
94. Cô hàng xóm *Mỹ Huyền, Tuấn Vũ*
95. Tình khúc Ngô Thụy Miên
Tuấn Ngọc, Ngọc Lan, Don Ho
96. Tấm ảnh ngày xưa *H.Lan,D. Khánh*
97. Chiều cuối tuần *Phương Hồng Quế*
98. Bản tình cuối *Ngọc Lan, Tuấn Ngọc*
99. Tay ngọc *Tình khúc Hoàng T. Tâm*
100. Commant Ca Va
Tuấn Ngọc, Kiều Nga, Don Ho
101. Xin còn gọi tên nhau
Ngọc Lan và Don Ho 4
102. Đêm Hoàng Lan *Vũ Khanh*
103. Ru em tròn giấc ngủ *Tứ quý*
104. Một thời để nhớ *Nhiều ca si*
105. Cuối cùng cho một tình yêu
Don Ho, Kiều Nga
106. Bebop, Chachacha *Hòa tấu dạ vũ*
107. Đêm buồn tỉnh lẻ *Best of Tuấn Vũ*
108. Mercedes boy *Tiếng hát Lynda*
109. Tình say *Phương Hồng Quế 4*
110. Run for love *New waveSelection 1*
111. Em đi *Thái Tài 4*
112. Tình thắm duyên quê
Thúy Hương, Hoàng Tâm
113. Thành phố mưa bay
Don Ho, Ngọc Lan, E. Phương, Kiều Nga
114. Still loving you
New Wave selection 2
115. To love somebody *Lynda-Don Ho*
116. Bao giờ em quên
Hương Lan, Duy Khánh 2
117. Giọng ca dĩ vãng *Phượng Mai*
118. Dreaming of love
New Wave Selection 3
119. Nắng hạ *N. Lan, Tuấn Ngọc, Julie*
120. Lam Phương
121. Dreaming for love
122. Chỉ có một người
123. Trên cành mối hồng
124. Xuân ca
125. Nhà anh & nhà em
126. Đêm chia ly
127. Gạo trắng trăng thanh
128. Love is a game
129. Tình ca Phạm Duy
130. Shy Shy Sugar man
131. Thu quyến rũ
132. Anh ở đâu
133. Dân ca 3 miền
134. Khúc Tango sầu
(Tiếng hát Lệ Thu)

PHÒNG MẠCH NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT

Bác Sĩ **TRẦN NHƠN, M.D.**

14082 Magnolia Ave., Suite #109 • Westminster, CA 92683

(Góc Magnolia và Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Điện thoại: (714) 895-8583

- Tốt Nghiệp Chuyên Môn Nội Thương Hoa Kỳ (Internal Medicine)
- Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Huế
- Nguyên Bác Sĩ Điều Trị Nội Khoa Các Bệnh Viện
- Nguyên Nội Trú Bệnh Viện Đồn Đất (Gral, Saigon)
- Hội Viên Hội Y Sĩ Hoa Kỳ
- Hội Viên Hội Nội Thương Hoa Kỳ

- **Bệnh Dị Ứng:** Sổ mũi, nghẹt mũi kinh niên, suyễn, mề đay, phong ngứa, thử allergy và dùng tiêm chích miễn dịch trị liệu.
- **Bệnh Tim Mạch:** Tim loạn nhịp, hồi hộp, đau tức ngực, cao máu, suy tim.
- **Bệnh Phổi:** Ho kinh niên, khó thở, viêm phổi, lao phổi, ung thư phổi.
- **Bệnh Tiêu Hóa:** Đau bụng, tiêu chảy, táo bón kinh niên, khó tiêu, ợ chua, loét bao tử, ung thư ruột, bệnh gan mật.
- **Bệnh Thần Kinh:** Nhức đầu, lo âu, mất ngủ, động kinh.
- **Bệnh Tiết Niệu:** Viêm thận, viêm tiết niệu, bệnh hoa liễu.
- **Bệnh Máu:** Thiếu máu, ung thư máu.
- **Bệnh Nội Tiết:** Bướu cổ, đái đường.
- **Bệnh Phong Thấp:** Viêm đau, khớp xương.
- **Bệnh Ngoại Da:** Mụn, ghẻ, Eczema, lang ben.

- Những bệnh liên quan đến tuổi già.
- Khám tổng quát định kỳ, chích ngừa nhập học, thi đua thể thao, cảm cúm, viêm phổi.
- Nhận làm bác sĩ gia đình
- Khám và thứ máu cho chứng chỉ hôn nhân.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00AM-6:00PM
Thứ Bảy: 10:00AM-3:00PM
Chủ nhật: Theo hẹn

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM

CHÂU BÙI, O.D.

DOCTOR OF OPTOMETRY

9600 Bolsa Ave., Ste H & C • Westminster, CA 92683 *(khu Bolsa Supermarket, đối diện cổng chợ Man-Wah)*

(714) 775-7045

- *Bác Sĩ Tốt Nghiệp Đại Học Southern California College of Optometry*
- *Hội Viên Hội Orange County Optometric Society và American Optometric Association*

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA VỀ:

- *Khám mắt toàn diện và cho toa làm kính.*
- *Khám mắt cho Contact Lenses: Daily Wear, Flexible Wear, Disposable, Colored, Toric, Rigid Gas Permeable.*

NHẬN LÀM CÁC LOẠI KÍNH:

- *Cận thị, Viễn thị, Kính lão, Kính hai tròng không có lằn, Kính mát.*
- *Kính thật mỏng và nhẹ (Polycarbonate và Hi-Index) cho những người cận thị nặng.*
- *Đặc biệt có làm kính để dùng máy Computer cho đỡ mỏi mắt.*

LOW VISION:

Có những dụng cụ tối tân (Telescopes & Microscopes & Loupes) để giúp quý vị với tầm mắt thật kém có thể đọc và nhìn xa được.

FASHION CONSULTATION SERVICE:

Giúp quý vị chọn những gọng kính mới lạ, quốc tế, hợp thời trang: Fendi, Georgio Armani, Logo, Luxottica, Christian Dior, L'Amy, Marchon, Yves Saint Laurent, Rodenstock, Ray Ban, Nina Ricci...

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM VISA/MASTER CARD

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 10 AM - 6 PM
Thứ Bảy 10 AM - 4 PM
Chủ Nhật: Xin lấy hẹn trước

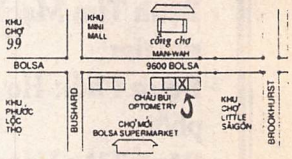

ORANGE Pharmacy & COPY CENTER

9950 Bolsa Ave. - Westminster, CA 92683
(Ngã tư Bolsa & Brookhurst)

Tel: (714) 775-6301 ☎ Fax: (714) 775-0891

- ★ Nhận Bảo Hiểm, Medical, Visa & Master Card.
- ★ Giao thuốc tận nhà miễn phí.
- ★ Nhận gửi quà, đánh điện tín, đánh Fax và thư về Việt Nam nhanh chóng, bảo đảm.

XEROX 3 ¢/copy *Không giới hạn số lượng*

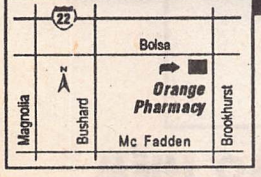

Open:
Monday - Friday:
10 AM - 8 PM
Saturday:
10 AM - 5 PM

Bác Sĩ Nha Khoa

HUỲNH THỊ HẠNH

- ✧ *Tốt nghiệp Nha Khoa Đại Học Sàigòn.*
- ✧ *Nguyên Giảng viên Đại Học Nha Khoa Minnesota Bộ Môn Chữa Răng và Làm Răng Giả.*

Bác Sĩ Nha Khoa

LƯU HẠNH KHUÊ

- ✧ *Tốt nghiệp Nha Khoa Đại Học Nha Khoa Minnesota 1989.*

- ✔ *Chuyên Trám Răng và Làm Răng Giả đủ loại.*
- ✔ *Chữa Bệnh Nướu Răng.*
- ✔ *Làm Bonding và Tẩy Trắng Răng.*

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10:00 AM - 6:00 PM
XIN VUI LÒNG
LẤY HẸN TRƯỚC

Tel: (714) 897-9985

14571 Magnolia, Suite 202 ❑ Westminster, CA 92683

Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

Nguyễn Sơn Hà, M.D

- Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ tại Northwestern Medical School - Chicago.
- Hậu Đại Học huấn luyện Chuyên khoa Sản phụ tại St. Joseph Hospital Chicago - Illinois.
- Hậu Đại Học huấn luyện Chuyên khoa Nội thương tại Northwestern Medical Center và St. Joseph Hospital - Chicago.
- Diplomate eligible, American Board of Obstetrics and Gynecology.
- Diplomate American Board of Internal Medicine.

Nữ Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

Nguyễn Phúc Diễm Chi, M.D.

- Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ Northwestern Medical School, Chicago.
- Tốt nghiệp Chuyên khoa Sản phụ tại Saint Joseph Hospital, Chicago.
- Diplomate American Board of Obstetrics and Gynecology.

CHUYÊN MÔN TRỊ:

Điện thoại số:
(714) 775-4400
(Xin vui lòng gọi trước để lấy hẹn)

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9am - 6 pm
Thứ Bảy: 10am - 2pm
Chủ Nhật: Theo hẹn

- **Thăm thai và đích thân đỡ đẻ.**
- **Các bệnh phụ nữ: kinh nguyệt bất thường, nhiễm trùng và ung thư tử cung buồng trứng...**
- **Các bệnh hiếm muộn.**
- **Ngừa thai, đốt cắt ống dẫn trứng (Tubal ligation).**
- **Kế hoạch hóa gia đình.**
- **Có thể sanh thường sau C - Section.**
- **Các bệnh nội thương.**

Nhận:
Insurance, Managed Care, HMO, PPO, Medi-Cal
Giá đặc biệt cho quý vị không có Bảo hiểm hoặc Medi-Cal.

9500 Bolsa Ave., Suite P ❑ Westminster, CA 92683 ❑ (Ngay góc đường Bolsa & Bushard)

INTERNET TRAVEL, INC.

940 South Coast Drive, Suite 160
Costa Mesa, CA 92626
TEL: (714) 436-0522 FAX: (714) 436-0533

(Khu Metro Point Center, cạnh Crystal Court - South Coast Plaza)

* Bảo đảm giá vé máy bay rẻ, đi quốc nội và quốc ngoại của tất cả các hãng máy bay trên thế giới.
* Tour Packages, Cruise
* Thủ tục Passport, Visa, Re-entry Permit

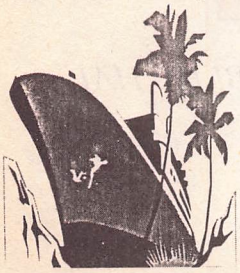

* Nhận gởi thư Fax và tiền về VN
* Giao vé tận nhà
* Đặc biệt có tour về VN/Huế với hướng dẫn viên người Huế thu xếp.

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10 AM - 8 PM
Thứ Bảy 10 AM - 3 PM - Chủ Nhật: Theo Hẹn

Bác Sĩ Nha Khoa

DƯƠNG ÚT, D.D.S.

(DOCTOR OF DENTAL SURGERY)

Tốt nghiệp Đại Học Đường Loma Linda California USA.

- Nha sĩ kinh nghiệm hành nghề nhiều nơi.
- Chuyên trị các trường hợp sai lệch khớp nhai, tái tạo khớp nhai (FULL MOUTH RE-CONSTRUCTION
- Chữa răng bằng phương pháp và kỹ thuật máy móc mới nhất ở Hoa Kỳ.

▼ **NHA KHOA THẨM MỸ:** Bonding, Veneer.

▼ **NHA KHOA NHI ĐỒNG:** Kiên nhẫn và nhẹ nhàng với trẻ em.

▼ **NHA KHOA TỔNG QUÁT:**

- *Trám răng, nhổ răng, lấy gân máu.*
- *Răng giả các loại.*
- *Bệnh nướu răng (Gum disease).*
- *Giải phẫu.*

XIN VUI LÒNG LẤY HẸN TRƯỚC
TRỪ TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Bảy: 10:00 sáng đến 6:00 chiều.

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

CHUYÊN SỬA CHỮA CÁC LOẠI RĂNG GIẢ BỊ HƯ HẠI

Tel: (213) 617-2778

807 CESAR E. CHAVEZ AVE.
LOS ANGELES, CA 90012

SEAFOOD WORLD

Finest Chinese Restaurant

15351 Brookhurst St., Suite #101 - 106 • Westminster, CA 92683

(Giữa Mc Fadden và Bolsa)

Tel: (714) 775-8828 - Fax: (714) 775-2317

Nhà hàng được báo chí nhiệt liệt khen ngợi. Dưới đây là lời phê bình của ký giả Mike Sibley của tờ The Register:

"One of the most beautiful and elegant restaurant I've seen."
"There are top class hotels around the world that don't do such a great job as here in Westminster."

- Nhà hàng Seafood nổi tiếng về tiệc cưới, hội đoàn với 600 chỗ ngồi rộng rãi, lịch sự và sang trọng.
- Trang trí độc đáo, khung cảnh tuyệt đẹp, nghệ thuật và tân kỳ khác hẳn các restaurant khác.
- Đầu bếp Hongkong chuyên nghiệp đã từng đoạt nhiều giải thưởng nấu ăn quốc tế đảm trách.

ĐÁM CƯỚI	ĐIỂM TÂM	HỘI ĐOÀN
Có sân khấu, âm thanh, sàn nhảy, phòng trang điểm cô dâu và hệ thống video projector.	*"DIM SUM"* kiểu Hongkong mỗi ngày với nhiều món. ***ĐẶC BIỆT ÍT DẦU MỠ***	Seafood World dành ***Giá Đặc Biệt*** để các Hội đoàn tổ chức liên hoan, họp mặt.

BÁC SĨ Y KHOA

VĨNH THỪA, M.D.

- *Tốt nghiệp Bác sĩ Toàn khoa tại Catholic University of Louvain, Belgium.*
- *Tốt nghiệp Bác sĩ Nhi khoa tại Cleveland Clinic's Children's Hospital, Ohio.*
- *Nguyên Bác sĩ của St. Luke's University Hospital, Brussels.*
- *Nguyên Bác sĩ Nhi khoa của Bellflower Medical Group, L.A. County.*
- *Bác sĩ điều trị tại Fountain Valley Regional Hospital, Humana Hospital Westminster và Santa Ana Hospital Medical Center.*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (AMA) & Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ (AAP)*

CHUYÊN KHOA NHI ĐỒNG
TOÀN KHOA NGƯỜI LỚN
TIỂU GIẢI PHẪU, CHÍCH NGỪA
THỬ NGHIỆM MÁU, NƯỚC TIỂU, CHIẾU ĐIỆN

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu 9 AM - 1 PM, 2 PM - 6 PM
Thứ Bảy 9 AM - 1 PM
Nhận bảo hiểm & medical

(714) 265-2191
1919 N. Fairview, Suite 309, Santa Ana, CA 92706
(Gần ngã tư Fairview và Westminster, bên cạnh Santa Ana Hospital)

BÁC SĨ NHA KHOA

Mai Duy Thắng

NHA KHOA TỔNG QUÁT
VÀ ĐỊNH KỲ

120 N. 4TH STREET, #F
SAN JOSE, CA95112

TEL: (408) 293-7770

BÁC SĨ NHA KHOA

ĐỖ KỲ LONG

NHA KHOA TỔNG QUÁT
VÀ THẨM MỸ

7275 E. SOUTHGATE DR. #105
SACRAMENTO, CA 95823

TEL: (916) 393-9622

Bác Sĩ Nhãn Khoa

Huỳnh Hữu Cửu, M.D.

Eye Physician And Surgeon -
Diplomate, American Board of Ophthalmology

Chuyên Môn Bệnh Mắt & Giải Phẫu Mắt

- ★ Giải phẫu cườm mắt, đặt thấu kính nhân tạo (Cataract surgery with Lens Implant).
- ★ Giải phẫu bằng tia Laser.
- ★ Điều trị các chứng bệnh về Mắt.
- ★ Đo và làm kiếng, kiếng giáp mắt (Contact Lens), kiếng giáp mắt dùng rồi bỏ hiệu ACUVUE (ACUVUE disposable Contact Lens).

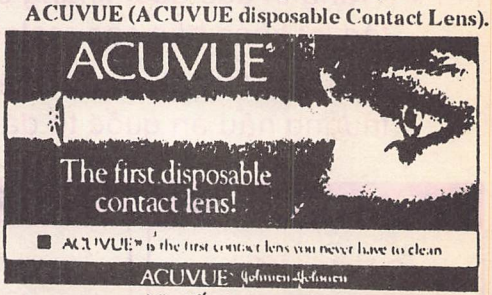

Xin lấy hẹn trước
NHẬN MEDI-CAL & BẢO HIỂM
9559 Bolsa Ave., Ste. B • Westminster, CA 92683
(Góc Bushard, trên lầu Bolsa Mini Mall)
ĐIỆN THOẠI: (714) 531-9401

DANH'S PHARMACY

Nhà Thuốc Tây dầu tiên tại Hoa Kỳ

9182-9186 Bolsa Ave.,
Westminster, CA 92683

Tel: (714) **892-4407**
Fax: (714) 898-9219

LINH'S PHARMACY

Nhà Thuốc Tây Việt Nam Phẩm chất tinh vi, giá rẻ khó ai bì.

9191 Bolsa Ave., Ste.# 102
(Asian Village)
Westminster, Ca 92683

Tel: (714) 891-3644

Geriavit Pharmaton
thuốc bổ có chất sâm của Thụy Sĩ. Từng được dân hơn 60 nước trên thế giới dùng hàng ngày, và rất được người Việt Nam ưa chuộng

- *Bán thuốc theo toa Bác Sĩ*
- *Nhận Medical & các loại bảo hiểm*
- *Nhận gởi qùa & thuốc về Việt Nam*
- *Bán vật dụng Y Khoa*
- *Nhận gởi FAX và Điện Tín về Việt Nam*
- *Nhận đổi check Welfare, SSI*

Designed by VAN Arts 714/ 554-6565

LINH II Pharmacy

9500 Bolsa Ave., Suite #N
Westminster, CA 92683

(Góc Bolsa & Bushard - Trong khu chợ Bolsa Supermarket, cạnh BS Trần Thị Kim Chi, BS Nguyễn Khắc Lân, BS Nguyễn Phúc Vĩnh Khiêm, BS Nguyễn Phúc Diễm Chi, BS Phan Tuyết Mai, BS Nguyễn Sơn Hà...)

Tel: (714) 775-0550

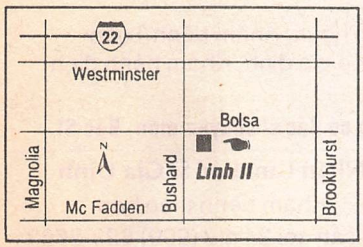

Nhận Medical và Bảo Hiểm

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10 am - 7 pm
Thứ Bẩy: 10 am - 4 pm
Chủ Nhật: nghỉ

Tiến sĩ Dược khoa Quách Thùy Linh, Pharm D.
Tốt nghiệp Đại học Dược khoa Hoa Kỳ USC

Kính Mời

Bánh Mì *THANH NHÀN*

Sandwich - Food To Go - Oriental Deli

Với các Đặc Sản:

- ✦Bánh Mì Thịt nguội nổi tiếng.
- ✦Các loại Giò Chả, Nem, Tré.
- ✦Các loại bánh: Cuốn, Bèo, Bột lọc, Ít, Dày, Giò.
- ✦Cơm, Bún Thịt nướng, Mì
- ✦Gỏi cuốn, Bò bía.
- ✦Các loại Chè, Bánh Mứt Việt nam.
- ✦Các loại Nước Sinh tố tươi, bổ dưỡng.

Đặc biệt Nước mía nguyên chất.

9569 - 9571 Bolsa Ave. - Westminster, CA 92683

TEL: (714) 839-1440

TRUNG TÂM Y NHA KHOA POMONA

Y VIỆN POMONA

945 E. Holt Ave., Suite E - Pomona, CA 91766 - *(Góc Holt & Reservoir)*

(714) 623-6502

Bác Sĩ

VÕ ĐÌNH HỮU, M.D.

- Chief of Staff Bệnh viện Lenterman.
- Bác sĩ Department of Family Practice Pomona Valley Hospital.
- Hội viên American Academy of Pediatrics.
- Tốt nghiệp Chuyên khoa tại University of Florida.
- Cựu Y sĩ Hồng Thập Tự Việt Nam.
- Cựu Nội trú Sản phụ khoa Từ Dũ, Giải phẫu Bình Dân, Bệnh viện Nhi Đồng.

Bác Sĩ

LÊ MINH ĐỨC, M.D.

- Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ.
- Hội viên Hội Y Sĩ California.
- Hội viên Hội Y Sĩ L.A County.
- Bác sĩ Điều trị các Bệnh viện vùng Pomona.
- Cựu Nội trú Sản phụ khoa Bệnh viện Hùng Vương, Nội khoa Nguyễn Văn Học.
- Cựu Nội trú Bệnh viện Huntington Memorial California.

- Chuyên Khám bệnh Trẻ em, Khám bệnh Nhập học, Chích ngừa, Khám bệnh Toàn khoa Người lớn, Bệnh Phụ nữ, Khám thai, Săn sóc sức khỏe gia đình, Khám bệnh định kỳ hàng năm, Thử nghiệm tìm Ung thư Đàn bà.

✦ **Khi cần nằm Bệnh viện, Bác sĩ sẽ đích thân theo dõi. Trung tâm có Bác sĩ chuyên môn, Bác Sĩ Nha Khoa đầu tiên vùng Pomona và phụ cận.**

NHẬN MEDICAL - MEDICARE VÀ BẢO HIỂM

Ngày giờ làm việc:
Ngày thường: 4 PM - 8 PM
Thứ Bảy, Chủ Nhật: 10 AM - 3 PM

Nhận Làm Bác Sĩ Gia Đình
Khám bệnh theo hẹn
Khi cần gọi 24 giờ (909) 623-8502
Bác Sĩ Võ hay Bác Sĩ Lê

PHÒNG MẠCH ĐẦU TIÊN

Về **NHI KHOA**
Tại **VAN NUYS**

6900 Van Nuys Blvd., Suite #7
Van Nuys, CA 91405
Tel: (818) 989-2406
& (818) 989-2407
Beeper: (818) 379-9071
Cạnh Pharmacy of Phan's
cạnh Nha Sĩ Phan Mỹ Hạnh

Bác Sĩ

LÊ PHƯỚC LỘC (Richard Le), M.D.

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

- *Tốt nghiệp Michael Reese Hosp. Med Center University of Chicago (Illinois)*
- *Nội trú Tulane Med Center - University of Tulane New Orleans*
- *Nguyên thường trú White Memorial Med Center University of Loma Linda, Los Angeles*
- *Hội viên Y sĩ đoàn Hoa Kỳ từ 1985*
- *Hội viên trung cấp Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ*
- *Từng hành nghề tại New Orleans từ 1984-1985*

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

★ Khám và trị bệnh trẻ em sơ sinh Việt, Miên, Lào, Hoa
★ Chích ngừa & Khám nhập học - Free
★ Khám sức khỏe định kỳ (CHOP) nếu lợi tức thấp - Free
★ Lập giấy sức khỏe tiền Hôn nhân
★ Nhận làm Bác Sĩ gia đình
★ Hợp tác với Chương trình Bông sữa WIC
★ Trực tiếp điều trị liên tục nếu nhập viện tại vùng Van Nuys
★ Giới thiệu chuyên khoa nếu cần

CHUYÊN TRỊ:

★ *Các bệnh trẻ em liên quan đến tăng trưởng - Tiêu bộ - Hô hấp - Xương khớp - Đầu - Đau ngực - Phong thấp - Ho - Suyễn - Táo bón - Hô hấp - Các bệnh ngoài da - Các bệnh dinh dưỡng - Các bệnh phụ khoa - Các bệnh thanh thiếu niên - Các thương tích tai nạn nghề nghiệp.*

Phòng mạch trang bị máy thử nghiệm Vật lý Trị liệu và Quang Tuyến X

ĐẶC ĐIỂM:

- **Phòng mạch có máy điều hòa không khí, trang bị dụng cụ tối tân - Điện tâm đồ**
- **Đo thính lực - Phân tích máu - Nước tiểu - Đo nhãn lực**
- **Bảo đảm không chờ lâu và có thể tham khảo trực tiếp bất cứ lúc nào bằng điện thoại**
- **Bãi đậu xe rộng rãi**

Đặc Biệt: Có máy truy tầm Ung thư và máy Siêu âm để truy tầm các loại Bướu trong bụng và trong các Xoang

Giờ làm việc:
Thứ 2 - Thứ 6: 9 AM - 7 PM
Thứ 7: 9 AM - 5 PM
Chủ Nhật nghỉ

NHẬN MEDICAL & MEDICARE & BẢO HIỂM

TRUNG TÂM SẢN PHỤ

BÁC SĨ VÕ VĂN CẦU, M.D.,FACOG.

- *Tốt Nghiệp Bằng Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ*
- *Diplomate American Board of Obstetrics & Gynecology*
- *Fellow American College of Obstetrics & Gynecology*

- *Nguyên Bác Sĩ Sản Phụ Khoa, Giải Phẫu, Trưởng Bảo Sanh Viện Lê Trung Đình, Quảng Ngãi*
- *Nguyên Trưởng Khu Sản Phụ Khoa và Bác Sĩ Giải Phẫu Bệnh Viện Sùng Chính, Sàigòn*
- *Tốt nghiệp Chuyên môn Sản Phụ Khoa, Nguyên Giảng Huấn Viên tại Bệnh Viện John Sealy University Hospital, Texas*

BÁC SĨ NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM VỀ SINH ĐẺ VÀ MỔ XẺ TỪ VIỆT NAM VÀ HOA KỲ.

CHUYÊN TRỊ: SẢN KHOA VÀ TẤT CẢ CÁC BỆNH ĐÀN BÀ

- **SẢN KHOA:** Thăm thai và đích thân đỡ đẻ, kể cả trường hợp khó khăn. Kế hoạch hóa gia đình (OCA,Deproprovera, Norplant). Cột kẹp hoặc đốt ống dẫn trứng. Có thể sinh thường những trường hợp đã mổ (previous C/Section). Hướng dẫn để sinh trai gái theo ý muốn. Hiếm muộn và giải phẫu hiếm muộn.
- **PHỤ KHOA:** Kinh nguyệt bất thường. Nhiễm trùng bộ phận sinh dục. Huyết trắng. Rối loạn sinh lý. Truy tầm Ung thư vú. Ung thư cổ tử cung và điều trị tiền ung thư cổ tử cung. Chẩn đoán và điều trị bướu âm đạo, tử cung và buồng trứng.
- **GIẢI PHẪU:** Bướu tử cung, buồng trứng, ống dẫn trứng. Ngưng sanh. Bệnh sa tử cung và sửa âm đạo. Bệnh không điều khiển nước tiểu. Các bệnh điều trị bằng Laser

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - BẢO HIỂM CÁC LOẠI

Xin Vui Lòng Lấy Hẹn

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00AM - 6:30PM

Thứ Bảy: 10:00AM - 3:00PM

14024 Magnolia, Suite #104 - Westminster, CA 92683

(714) 898-1375 (24 Hrs.)

Kamala

14044 Magnolia St., Ste. 128
(Corner of Westminster & Magnolia)
Westminster, CA 92683

Tel: (714) 891-8130
1-800-576-7775
Pager: (714) 571-6483

FLOWERS and MUSIC

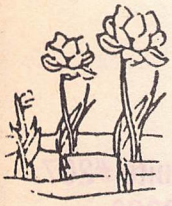

✦ Complete Floral Services.
✦ Professional Piano Instruction.
✦ Classical Piano Music For Weddings And Parties.

THUY RIOS, Florist &
ROBERT RIOS, Ph.D.,
Concert Pianist

LIEN D. NGUYEN, CPA

Hội viên AICPA, California Society of CPA

- ❒ Khai Thuế Cá Nhân, Thương Mại.
- ❒ Giữ Sổ Sách Kế Toán
- ❒ Cố vấn đầu tư
- ❒ Đại diện thân chủ trong trường hợp bị Audit

(714) 530-3602

14180 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
(Lầu 2, khu phố ngói xanh)

Bác Sĩ

VÕ VĂN TÙNG

NHI KHOA & Y KHOA GIA ĐÌNH

- ❒ *Tốt nghiệp Chuyên môn tại Thụy Sĩ & Hoa Kỳ*
- ❒ *Nguyên Y Sĩ Trưởng trại Binh sĩ & Gia đình Binh Sĩ Tổng Y Viện Duy Tân, Đà Nẵng*
- ❒ *Nguyên Trưởng Khu Nhi Khoa Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa Đà Nẵng*
- ❒ *Bác Sĩ điều trị các Bệnh viện Fountain Valley, Children Hospital v.v... Hành nghề trên 20 năm tại Việt Nam & Mỹ*

CHUYÊN KHÁM:

- ✦ **Bệnh trẻ sơ sinh, Săn sóc trẻ mới sinh tại Bệnh viện Fountain Valley. Tất cả các bệnh liên quan đến trẻ em (cảm, sổ mũi, ho, sưng phổi, tiêu chảy, bệnh tai, mũi, họng, bệnh ngoài da, chậm lớn, kém thông minh, chích ngừa nhập học...)**
- ✦ **Bệnh nội thương, người lớn. Bệnh biến ứng (Allergy).**
- ✦ **Bệnh đàn bà - Châm cứu các bệnh đau nhức, phong thấp**
- ✦ **Cộng tác với Chương trình Bông sữa WIC**

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 6 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 2 PM

9559 Bolsa Ave., Ste. #D • Westminster, CA 92683
(714) 531-5754
(Trên lầu Thành Mỹ Restaurant, trong khu Bolsa Mini Mall)

MAGNOLIA CLINIC

Bác Sĩ

PATRICK TRẦN LƯƠNG HOA, M.D.

❑ Tốt nghiệp CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG tại St. Barnaras Medical Center, New Jersey.
❑ Research Fellowship ngành Allergy và Immunology tại Creighton University Medical School.

*** CHUYÊN TRỊ BỆNH:**
- ❑ Nghẹt Mũi Kinh Niên, Sổ Mũi,
- ❑ Chảy Nước Mũi, Hắt Xì.
- ❑ Ngứa, Phong Mề Đay.

*** THỬ NGHIỆM:**
- ❑ Allergy Skin Testing và
- ❑ Chích Allergy (Immunotherapy)

*** KHÁM và TRỊ:**
- ❑ Bệnh Nội Thương, Cao Máu,
- ❑ Tim, Phổi, Bao Tử, Gan, Thận,
- ❑ Bệnh Nhiễm Trùng.

14571 Magnolia Ave., Suite #207
Westminster, CA 92683

Tel: (714) 895-7145

XIN GỌI LẤY HẸN TRƯỚC

Bác Sĩ BÙI MINH ĐỨC

Chuyên Khoa

Tai Mũi Họng, Giải Phẫu Đầu và Cổ

HỘI VIÊN HỘI TAI MŨI HỌNG HOA KỲ
(FELLOW AMERICAN ACADEMY OF OTOLARYNGOLOGY HEAD AND NECK SURGERY) VÀ HỘI VIÊN HỘI TAI MŨI HỌNG ĐỨC QUỐC

- *Tốt nghiệp chương trình hậu đại học Chuyên khoa Tai Mũi Họng, Giải Phẫu Đầu và Cổ Hoa Kỳ (University of Louisville, Kentucky, USA)*
- *Tốt nghiệp chương trình hậu đại học Chuyên khoa Tai Mũi Họng, Giải Phẫu Đầu và Cổ Đức Quốc (NO Universitatsklinik Wurzburg, Deutschland)*
- *Nguyên Giáo Sư, Trưởng khu Tai Mũi Họng Y Khoa Huế, Việt Nam.*

Chuyên trị và Giải phẫu các bệnh về:

❑ **TAI:** Tai thối, chảy mủ kinh niên, tai điếc. Giải phẫu Tai bằng kính hiển vi (Vi phẫu Tai). Đo thính lực và giúp mang máy điếc.

❑ **MŨI:** Mũi nghẹt kinh niên, thối mũi, nhức đầu. Tìm và chữa trị bệnh Biến ứng.

❑ **HỌNG:** Khàn giọng, nuốt nghẹn, nghẹt thở, hạch ở cổ. Tìm và chữa trị Ung thư ở Cổ và Khí quản.

Đầy đủ dụng cụ tối tân để tìm bệnh về Tai-Mũi-Họng, Đầu và Cổ

9131 Bolsa Avenue, Suite 201
Westminster, CA 92683

Điện thoại: (714) 894-5581

Nhận Medical, Medicare và bảo hiểm

giờ khám bệnh:
Ngày thường: Từ 1 giờ chiều đến 6 giờ chiều
Thứ Bảy: Từ 10 giờ sáng đến 3 giờ chiều, Chủ nhật: nghỉ
Xin lấy hẹn trước

Bác Sĩ

LÊ VĂN CẨM, M.D.

J. FELLOW OF AMERICAN ACADEMY OF PEDIATRICS
9341 Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 894-9666

CHUYÊN KHOA NHI KHOA

Sơ sinh, trẻ em và các bệnh thanh thiếu niên
Y khoa tổng quát người lớn
Bác Sĩ điều trị tại Bệnh viện Fountain Valley Regional Hospital

---

BÁN THUỐC THEO TOA BÁC SĨ VÀ NHA SĨ.

- THUỐC THÔNG THƯỜNG, ĐẶC CHẾ VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG.
- BÁN VÀ GỬI THUỐC VỀ VIỆT NAM.

Hàng ngày: 9:30 sáng - 5:30 chiều
Thứ Bảy: 9:30 sáng - 2:30 chiều
Chúa Nhật: Nghỉ

Dược Sĩ
Mai Duy Cát, Pharm. D.

NHÀ THUỐC TÂY

MAI PHARMACY

Tel: (213) 676-7581

11801 Inglewood Ave., Suite 3
Hawthorne, CA 90250

Nhà Thuốc Tây

TAM'S RX PHARMACY

14024 Magnolia, #103 - Westminster, CA 92683
(Khu Shopping Center mới, góc Magnolia và Westminster)

(714) 892-9808 / (714) 895-9044

- *Nhà thuốc Gia đình của Quý vị do Dược Sĩ tốt nghiệp, hành nghề lâu năm tại Việt Nam và Hoa Kỳ, luôn luôn có mặt, đích thân tận tình chỉ dẫn cách xử dụng các loại thuốc đúng theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ.*
- *Nhận MEDICAL, THẺ THUỐC PCS, BLUESHIELDS, BLUE CROSS, MEDI-MET và các loại BẢO HIỂM.*
- *Địa điểm thuận tiện, góc Magnolia và Westminster (gần chợ Phát Tài), bãi đậu xe rộng rãi, an toàn.*
- *Tiếp đãi ân cần. Quý khách không phải chờ lâu.*
- *Có máy Photocopy.*

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10 AM - 7 PM
Thứ Bảy: 10 AM - 5 PM

Dược sĩ Tôn Nữ Diệu Hoa, tự Tâm Thường Kính Mời.

Bác Sĩ Y Khoa

THÁI DIỆU MY, M.D.

Diplomate American Board Of Physical Medicine & Rehabilitation
Tốt nghiệp Chuyên khoa ngành Y Học Cơ Thể và Phục Hồi.

792 S. Harbor Blvd., Santa Ana, CA 92704
(Gần chợ Lucky và Blockbuster Video)

Tel: (714) 839-8405

- *Tốt nghiệp Bác sĩ Y Khoa tại Univ. of California, Davis.*
- *Tốt nghiệp Chuyên khoa Y Học Cơ Thể và Phục Hồi tại Univ. of California, Irvine.*
- *Nguyên thường trú Nhà thương V.A Long Beach và Long Beach Memorial.*
- *Hiện là Giám Đốc Điều hành của Orthopedic & Spinal Cord Injury Rehabilitation tại St. Jude Medical Center, Fullerton.*
- *Bác sĩ điều trị tại Western Medical Center và Fountain Valley Regional Center.*

CHUYÊN TRỊ:

- **Những bệnh đau nhức kinh niên.**
- **Phong thấp, Viêm khớp xương (Arthritis), Đau cổ, Cứng cổ, Bả vai, Cụp xương sống.**
- **Đau khuỷu tay (I.E Tennis Elbow), Khối xương cổ tay (I.E Carpal Tunnel Syndrome), Xương chậu, Đầu gối và Xương bánh chè.**
- **Bệnh mỏng xương (Osteoporosis).**
- **Mệt mỏi tái phát từ bệnh Viêm tủy xám (Post Polio Syndrome).**
- **Tham khảo và phục hồi bệnh liệt thân (Stroke).**
- **Các tai nạn thể thao, lưu thông, nghề nghiệp.**

Nhận Bảo Hiểm, Medicare, Medical.

Giờ Làm Việc:
Thứ Hai, Tư, Sáu: 1PM - 6PM
Ngoài giờ làm việc xin gọi lấy hẹn:

(714) 839-8405

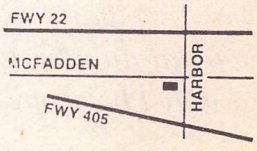

Siêu Thị *Supermarket*

ANH MINH

10451 BOLSA AVENUE • WESTMINSTER • CA 92683

(714) 775-0857 • (714) 775-0858

- THỊT, CÁ TƯƠI NGON
- RAU CẢI ĐỦ LOẠI, XANH TƯƠI 4 MÙA
- GIÁ CẢ PHẢI CHĂNG

Bô-Sa có chợ Anh Minh
Thịt cá rau cải tươi xanh suốt tuần
Vui vẻ tiếp đãi ân cần
Giá hàng rẻ nhất, phương châm chợ nhà

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 9AM-9PM

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ LEE, HYNSON & ASSOCIATES

8732 WESTMINSTER AVE., STE 4. WESTMINSTER, CA 92683 (714) 895-1300

TRUNG TÂM PHÁP LÝ - ĐỊA ỐC - TÀI CHÁNH

LÊ QUANG CƯỜNG, J.D.

TIẾN SĨ LUẬT KHOA

Nguyên Luật Sư Tòa Thượng Thẩm Việt Nam

CHUYÊN LO BỒI THƯỜNG TAI NẠN

PARALEGAL

THAM KHẢO MIỄN PHÍ 24/24

(714) 895-1300 fax (714) 895-2757	(213) 328-8819	BEEPER (714) 422-4500

- ĐẶC BIỆT: VỀ ĐẦU TƯ & TRANH TỤNG ĐỊA ỐC
- HỘ LUẬT: Ly Hôn, Ly Thân, Chúc Thư, Phá Sản, Giữ Con.
- GIAO KÈO BUÔN BÁN: Thành lập Công ty, Phá sản

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

BÁC SĨ LÊ VĂN GIAO, M.D.

10051 Bolsa Ave., #A-2 - Westminster, CA 92683
(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 & 839-4321

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN, TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC & ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ

- *Tốt nghiệp Y khoa Bác sĩ tại Đại học Y khoa Utah.*
- *Cựu Nội trú Nội thương và Ngoại thương Đại học Y khoa USC*
- *Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại học Y khoa USC.*
- *Nguyên Giảng viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại học Y khoa USC.*
- *Hậu Đại học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại học Y khoa USC.*
- *Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA.*
- *Nguyên Bác Sĩ Trưởng khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN.*
- *Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại nhà thương FHP và Fountain Valley.*

TRUY TẦM VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐỂ TRỊ LIỆU CÁC BỆNH UNG THƯ NGỰC, CỔ, TỬ CUNG, BAO TỬ, RUỘT, PHỔI, V.V...

- **Những máy móc tối tân định các bệnh:** Sản phụ khoa, Trẻ em, Chứng bệnh cấp tính & kinh niên, Người lớn.

- *Có nữ chuyên viên dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình ngực vô cùng chính xác và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.*

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nĩa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

Ana Funding

Real Estate Loans

14411 Brookhurst St., Suite A - Garden Grove, CA 92643

Phone: (714) 775-7786 / 1-800-675-7786

▼ 10 Year Fixed / Conforming	8.500%
▼ 15 Year Fixed / Conforming	8.125%
▼ 20 Year Fixed / Conforming	8.250%
▼ 30 Year Fixed / Conforming	8.875%
▼ 30/5 Year / Balloon	7.500%
▼ 30/7 Year / Balloon	7.750%
▼ 15 Year Fixed / Jumbo	8.875%
▼ 30 Year Fixed / Jumbo	9.000%

Rates change daily, call for current rates.

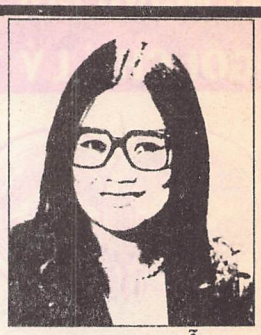

AN NGUYỄN

Broker

Bus: (714) 775-7786

Res: (714) 775-8700

SPECIAL LOAN PROGRAMS:

NO POINT - NO FEES

JUMBO: EZ QUALIFY

(No VOE, Paystubs, W2 or 10408)

PURCHASE / REFI: 20% DOWN

For Non Owner Occupied

COMMERCIAL: MIXED USED

Bác sĩ Nha Khoa

HỒ VĂN PHÚ, D.D.S.

*** Nha khoa gia đình : trám, nhổ, chữa tuỷ răng**

*** Khám răng định kỳ Nha Khoa Phòng Ngừa**

*** Làm răng giả các loại * Sửa răng thẩm mỹ**

Nhận bảo hiểm và Medical

Xin vui lòng lấy hẹn trước

South Bay Center
15024 Prairie Ave
Hawthorne, CA 90250
(213) 978-8993

Chinatown Center
626 W. College St, #104
Los Angeles, CA 90012
(213) 617-0096

LASER

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA
BỆNH TRĨ

Bác Sĩ TRẦN TIỄN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

- *Tốt Nghiệp Bằng Chuyên Khoa Giải Phẫu Tổng Quát (American Board of Surgery) tại University Pittsburgh.*
- *Tốt Nghiệp Siêu Chuyên Khoa Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột và Trĩ Khoa tại Ferguson Clinic, Michigan*
- *Nguyên Giảng Sư Đại Học Y Khoa Saigon*
- *Hội Viên Hiệp Hội Bác Sĩ Giải Phẫu Hoa Kỳ (Fellow American College of Surgeons)*
- *Hội Viên Hội Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột và Trĩ Khoa Hoa Kỳ (American Society of Colon and Rectal Surgeons)*

14571 Magnolia St., Suite 207
Westminster, CA 92683
(714) 898-1177

7151 Lincoln Ave., #A
Buena Park, CA 90620
(714) 527-2777

NHẬN MEDICAL - MEDICARE
TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

- *Chữa trị bằng tia Laser dứt tuyệt*
- *Phương pháp tối tân nhất để định bệnh & trị bệnh*
- *Không cần nằm Bệnh viện*
- *Không ra máu, không đau*
- *Trĩ Nội, Trĩ Ngoại, Trĩ Sa*
- *Mạch Lươn, Sa Ruột, Mồng Gà*
- *Ung Thư Đường Ruột, Bệnh Bao Tử, Sạn Mật*
- *Cơ Vòng Suy Yếu, Sửa Lại Âm Đạo Theo Ý Muốn, Cắt Da Qui Đầu.*

Bác Sĩ Nha Khoa

NGÔ THI VĨNH

665 E. Los Angeles St., Suite D
Simi Valley, CA 93065

(805) 584-8875

- ▼ Khám răng định kỳ
- ▼ Nha khoa phòng ngừa
- ▼ Kha khoa thẩm mỹ
- ▼ Chữa răng người lớn và trẻ em
- ▼ Làm răng giả các loại

NHẬN BẢO HIỂM VÀ MEDICAL

THUỐC BỔ SÂM

PHARMAX

MAXIMUM STRENGTH GINSENG K8000 & HIGH POTENCY VITAMIN

TĂNG CƯỜNG SINH LỰC
TƯƠI VUI TRẺ ĐẸP

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và CHỢ VIỆT NAM TẠI HOA KỲ

Bác Sĩ

DƯƠNG QUANG LỘC

- *Diplomate American Board of Family Pratice*
- *Nguyên Y Sĩ điều trị Bệnh Viện Liên Bang Hoa Kỳ.*

200 N. Jackson Ave., Suite C
(Đối diện Bệnh viện Alexian Brothers)
San Jose, California 95116

Điện thoại: (408) 923-8080

- Trị bệnh đàn bà, trẻ em và người lớn.
- Thử máu và nước tiểu.
- Khám nhập học, chích ngừa.
- Tham gia chương trình WIC.

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

Thứ Hai - Thứ Sáu:
Sáng 9 - 12 giờ,
Chiều 1 - 6 giờ
Thứ Bảy: 10 - 3 giờ

Bác Sĩ Nha Khoa

VÕ TRỌNG DI

4132 University Ave.

San Diego, CA 92105

Tel: (619) 280-3322

Bác Sĩ NGUYỄN KIỂN NGỌC, M.D.

Khoa Tâm Thần - Psychiatry

14482 Beach Blvd. Suite # Y ❑ Westminster, CA 92660

(Góc Beach & Hazard, trong dãy nhà SHOWCASE HOMES, phòng mạch Suite Y, trông ra đường Hazard)

- *Hoàn tất Residency về Psychiatry tại University of S. Florida từ 1977 - 1981*
- *Bác sĩ Tâm thần của Orange County Mental Health 1981 đến nay.*

(714) 898-4382

KHÁM THEO HẸN
Thứ 2, 3, 4, 6: từ 5:30 PM - 7:30 PM
Thứ 5: từ 1 PM - 7:30 PM
Thứ 7: từ 9 AM - 3 PM

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

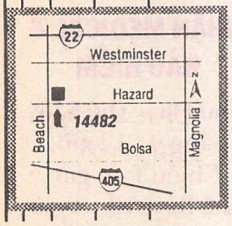

CHUYÊN TRỊ

THÁC LOẠN:
- Tư tưởng (Thoughts)
- Tình cảm (Feelings)
- Hành vi (Behavior)

GIAO TÌNH XÁO TRỘN:
- Giữa bạn bè, vợ chồng
- Trong gia đình, ngoài xã hội
- Trong công việc

CÁC CHỨNG
- Nóng giận (Anger)
- Lo âu (Anxiety), Sợ sệt (Fear)
- Sầu muộn (Depression)
- Cuồng tính (Mania)
- Biếng ăn hay ăn nhiều
- Mất ngủ hay ngủ nhiều
- Đầu nhức hay căng thẳng
- Hồi hộp, khó thở
- Sinh lý bất thường

PLASTIC SURGERY

Bác Sĩ TRẦN TIẾN SUM, M.D.

GIẢI PHẪU THẨM MỸ và TÁI TẠO

- Tốt nghiệp chuyên khoa Plastic Surgery tại Mt Sinai Hospital New York, Hoa Kỳ (1984)
- Tu nghiệp chuyên khoa thẩm mỹ cho người Á Đông tại Viện Đại Học Showa, Tokyo, Nhật Bản (1983)
- Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại Stanford University Santa Clara V.M.C và Fresno V.M.C (1977-1981)

Chuyên Giải Phẫu:
- *Mắt hai mí Đông Phương và độn mũi*
- *Căng da mặt, trán, cổ, lột da, mài da làm mờ sẹo*
- *Độn ngực, làm nhỏ lại, nâng ngực bị xệ*
- *Đặc biệt giải phẫu bằng tia Laser: Cắt bỏ các bướu ở mặt, nốt ruồi, vết chàm v.v... (vết sẹo rất nhỏ và mờ)*
- *Giải phẫu và tái tạo các khuôn mặt bị tai nạn*
- *Tái tạo bộ ngực sau khi bị cắt bỏ bởi ung thư*
- *Tái tạo các chức phận của bàn tay: dây thần kinh, gân và xương*

Nhận:
Visa, Master Card,
American Express

Tel:
1(805) 253-3755
Toll Free:
1(800) 540-2340
Tel. 24/24:
(805) 253-2211
Cách LA Downtown
30 phút lái xe,
Cách Monterey Park
40 phút lái xe

THAM KHẢO và LẤY HẸN
TẠI ĐỊA CHỈ MỚI:
25775 W. Mc Bean Parkway,
Suite # 100
Valencia, CA 91355

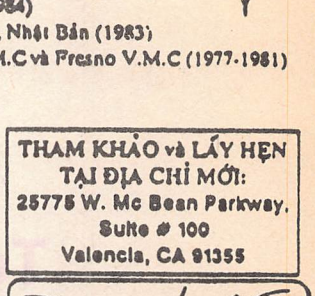

TÔN THẤT VINH

Real Estate Broker

(714) 531-8878

ERA STAR
Real Estate Center
8700 Warner Ave.
Fountain Valley,
CA 92708

Quý vị muốn mua và bán nhà xin liên lạc với chúng tôi.

Với kinh nghiệm của ngành Địa Ốc trong những năm qua, chúng tôi sẽ đem quyền lợi tối đa về cho Quý vị.

Bác Sĩ

TÔN THẤT CẦN, M.D

CHUYÊN KHOA TỔNG QUÁT VÀ BÁC SĨ GIA ĐÌNH

- *Certified and Recertified*
- *Diplomate American Board of Family Practice.*
- *Fellow American Academy of Family Physicians.*

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Bảy: 9AM - 6PM
Chủ Nhật: 9AM - 5PM

730 N. Broadway - China Town
Los Angeles, CA 90012

(213) 617-2030
617-2029

TIM'S AUTO REPAIR

DOMESTIC & IMPORT

1020 Harbor Blvd. (At Hazard)
Santa Ana, CA 92703

(714) 554-9500

- ***BRAKES - A/C - CARBURETOR***
- ***TUNE-UP - ENGINE REBUILT***
- ***SMOG CHECK - NO PASS NO PAY***

Tim Tien Nguyen
Owner

KIDDER, PEABODY & Co.

Incorporated

610 Newport Center Drive, Suite 1200 -
Newport Beach, CA 92660

Direct: (714) 851-7187
USA - 800-873-0500
Fax: (714) 851-7086

COMPLETE FINANCIAL SERVICES

- ★ Stock, Bonds.
- ★ Mutual Funds
- ★ Tax - Free Securities
- ★ Government Securities
- ★ Retirement Plans (IRA - KEOGH PENSION PLAN - PROFIT SHARING)

"FOR INFORMATION CALL"

LYLY TON-NU CLAY

Direct (714) 851-7187
USA-800-873-0500

THƯỢNG HẢI BÁ BỔ NGŨ TẠNG THẦN DƯỢC

Lần đầu tiên trong ngành Y Dược Đông Phương, Thượng Hải Bá Bổ Thần Dược được bào chế bằng tinh chất sức ong chúa phối hợp với dược phẩm cực qúy của Đông Y như nhân sâm, yến quế, hà thủ ô, và các dược phẩm thượng hạng khác với phương pháp bào chế gia truyền do Bác Sĩ Thượng Hải kế thừa điều chế và trực tiếp cố vấn.

Thượng Hải Bá Bổ Ngũ Tạng Thần Dược có công dụng như sau:

- Giúp cho cơ thể chống lại bệnh tật, gia tăng sức đề kháng của cơ thể, làm trẻ lại các tế bào thoái hóa vì tuổi già.
- Gia tăng sức chịu đựng của cơ thể, giúp cơ thể chống lại các bệnh tật của tuổi già như đau nhức bắp thịt, gân cốt, đau khớp xương do phong thấp, thận suy, suất tinh sớm, yếu sinh lý, già trước tuổi, tóc bạc sớm, ăn không ngon, mất ngủ, sụt cân.
- Phòng ngừa các bệnh ung thư vì rối loạn cơ thể, kinh mạch do hoàn cảnh đời sống và căng thẳng thần kinh vì công việc.
- Gia tăng trí nhớ cho học sinh, sinh viên cần thức khuya học bài.
- Gia tăng sức khoẻ, tăng cường sức lực cho qúy vị vì hoàn cảnh công việc phải làm việc qúa sức.
- Tăng cường sinh lực giúp cho hạnh phúc gia đình được bền vững.
- Làm mát gan, giúp cho da dẻ mịm màng, phòng ngừa các bệnh nám da, dà mặt sần sui khô khan vì thực phẩm hoặc thời tiết.

Ghi chú: Thượng Hải Bá Bổ Thần Dược là phương dược cổ truyền lưu lại hậu thế, đã được dùng trên 1000 năm do các ngự y cung đình phương Đông và các thiền sư Tây Tạng và Ấn Độ để cứu nhân độ thế.

MỖI CHAI THUỐC GÍA $25 - DÙNG ĐƯỢC TRONG MỘT THÁNG

Nhận gửi thuốc đi khắp nơi bằng U.P.S.

Muốn mua thuốc xin liên lạc với:

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ CHÂM CỨU ĐÔNG Y DƯỢC PHÒNG

13878 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643 * TEL: (714) 636-8166

(Trong khu chợ Kinh Đô và Sea food Đông Lợi)

CHUYÊN TRỊ: CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG BẰNG CHÂM CỨU
VÀ CÁC BỆNH KẾT HỢP PHƯƠNG PHÁP ĐÔNG TÂY

Bác sĩ THƯỢNG HẢI, Ph. D., C. A., O.M.D.

** Tốt nghiệp Bác Sĩ Chuyên Khoa Đông Y Châm Cứu Hoa Kỳ.*
** Diplomate in Acupuncture of The N.C.C.A.*
** Hội viên hội Cố Vấn Đông Y Châm Cứu Hoa Kỳ.*
** Hội viên hội Châm Cứu Hoa Kỳ.*
** Nguyên Y Sĩ Đông Y Châm Cứu Trung Tâm Y Tế Phật Giáo.*
** Nguyên Cố Vấn Đông Y các bệnh viện Quảng Đông, Triều Châu, Sùng Chính, Phước Kiến.*
** Đông Y Gia Truyền Ba Đời.*

CHUYÊN TRỊ

- Đặc biệt tiểu sản, hiếm muộn, không có con, dễ bị xảy thai, sau khi sanh nám mặt, yếu người.
- Tai nạn xe cộ, phong thấp, đau nhức khớp xương.
- Nhức đầu kinh niên, nửa đầu hoặc cả đầu.
- Phong thấp, tê bại, bán thân bất toại.
- Huyết áp cao, thiếu máu, sa tử cung, ruột, bao tử, trĩ.
- Trị bệnh tim mạch, đau ngực, hồi hộp, khó thở.
- Ăn không ngon, mất ngủ, sụt cân.
- Đàn bà kinh nguyệt không đều, hiếm muộn, không con, huyết trắng, hành kinh đau bụng.
- Cai hút thuốc, rụng tóc, đái đường.
- Thận suy, xuất tinh sớm, yếu tình dục, già trước tuổi, tóc bạc.
- Trị bệnh da mặt nám, mụn bọc, mật, lưng.
- Phòng mạch có đầy đủ các loại Đông Y Dược thượng hạng bào chế bằng phương pháp gia truyền.
- Thuốc tẻ cho sinh viên, học sinh cần tăng cường trí nhớ để học thi.
- Nhận gửi thuốc Bắc bằng U.P.S đi khắp thế giới.

Orange County, California, USA

Thuh Beauty Institute

THUH ★ BEAUTY

Orange County, California, USA

BOLSA MARKET PLACE

9600 Bolsa Ave., Suite E

Westminster, CA 92683

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

- ★ *State Board Certified in Cosmetics, CA, USA.*
- ★ *Certified in Make Up & Maquillage, International Forum, Paris, France.*
- ★ *Certified in Semi Permanent Make-up & Pigmentation, Biology Research, Paris, France.*
- ★ *Lan Normolee Cosmetics, Bejing, China.*
- ★ *Gosh Cosmetics, Copenhagen, Denmark.*
- ★ *Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.*
- ★ *Member of Aestheticians International Association.*
- ★ *Registered Nurse (R.N) Cal State Long Beach, CA, USA.*
- ★ *Bachelor of Science in Nursing (B.S.N) Cal State San Francisco, CA, USA*
- ★ *Surgical Head Nurse and Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.*
- ★ *B.A in Education (Pedagogy) and B.A in Psychology, Univ. of Saigon, Vietnam.*
- ★ *Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, Vietnam.*
  - *International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.*
  - *Festival European of Aesthetics 1990, La Baule, France.*
  - *Aesthetics World Expo 1991&1992&1993, CA, USA.*
  - *Esthetics Congress 1991&1992&1993, Paris, France.*
  - *Cosmetics Expo Kospafit 1992, Zurich, Switzerland.*
  - *Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.*
  - *International Congress of Beauty 1992, Athens, Greece.*
  - *Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.*
  - *International Congress of Esthetics, Miami, Florida, USA.*
  - *International Beauty 1994, Duesseldorf, Germany.*
  - *International Scientific Congress of Esthetics 1994, Rio de Janeiro, Brazil.*

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận.

GIẢI PHẪU:

Mắt - Mũi - Cằm - Ngực
Da Mặt - Da Trán - Hút Mỡ
Lấy da và mỡ bụng.
Chữa trị các hình thức chích Silicon. Giải phẫu bàn tay. Giải phẫu bộ phận sinh dục dã biến dạng sau khi sanh nở.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

TEL: (714) 531-1220
BEEPER: (714) 346-3260

CHUYÊN MÔN

- ★ *Facial*
- ★ *Dưỡng da*
- ★ *Trang điểm cô Dâu, dạ hội.*
- ★ *Lột da mặt*
- ★ *Xâm Thẩm Mỹ*
- ★ *Dầu thơm (Pháp)*
- ★ *Mỹ Phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp).*
- ★ *Chữa trị da nám, tàn nhang, vết sẹo vì mụn.*
- ★ *Lớp dạy Trang Điểm và Xâm Thẩm mỹ.*
- ★ *Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.*

Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng.

DANH SÁCH ÂN NHÂN ỦNG HỘ
Ngày Nhớ Huế & Tuyển Tập Nhớ Huế 94

- Ô.B Bửu Bang, Los Angeles.
- Ô.B BS Lê Văn Cẩm, Westminster.
- Ô.B DS Mai Duy Cát, Mai Pharmacy.
- Ô.B BS Võ Văn Cầu, Westminster.
- Ô.B BS Tôn Thất Cần, Los Angeles.
- Ô.B BS Nguyễn Hoàng Châu & Nguyễn Khoa Diệu Phương, F. Valley.
- Ô.B Trần Ngọc Châu, Van Nuys.
- BS Châu Bùi, OD. Westminster.
- Ô. Lê Bá Chư, TT Giáng Ngọc, Westm.
- Bà Lyly Tôn Nữ Clay, Newport Beach (Kidder - Peabody & Co.)
- Ô.B LS Lê Quang Cường, Westminster.
- Ô.B BS Huỳnh Hữu Cửu, Westminster.
- Ô.B DS Quách Nhứt Danh, Danh & Linh Pharmacy, Westminster.
- Ô.B BSNK Võ Trọng Di, San Diego.
- Ô.B Trần Dũ, Little Saigon Market.
- Quảng Đà Restaurant, Garden Grove.
- Bà Hoàng Bích Đào.
- Ô.B Lê Phúc Điềm, Westminster.
  KT Furniture, Anaheim.
- Ô.B BS Bùi Đồng, Westminster.
- Ô.B BS Bùi Minh Đức, Westminster.
- Ô.B BS Lê Văn Giao, Westminster.
- Ô.B BS Nguyễn Sơn Hà & BS Nguyễn Phúc Diễm Chi, Westm.
- Bà Bạch Thu Hà, Thuha Beauty.
- Ô.B BS Thượng Hải, Garden Grove.
- Bà BSNK Huỳnh Thị Hạnh, Westm.
- BS Patrick Trần Lương Hoa, Westm.
- Ô.B LS Đỗ Hữu Hòa, CosmetiCare
- Ô.B BS Võ Đình Hữu, Pomona.
- Ô.B Vĩnh Huyên, Huntington Beach.
- BS Trần Tiễn Huyến, Westminster.
- Huế Rendez Vous Restaurant, Westm.
- Ô.B LS Roger Kander, Long Beach.
- Kamala Flower & Music, Westminster.
- Ô.B Trần Tiễn Khanh, Bell Canyon.
- Ô.B DS Trang Kiên & DS Tôn Nữ Duy Thạnh, San Diego
- Ô.B BS Nguyễn Phúc Vĩnh Khiêm & BS Phan Tuyết Mai, Westminster.
- Ô.B BS Thái Doãn Kim, Canoga Park.
- Ô.B Nguyễn Đình Liễn, Westminster.
- Ô.B BSNK Đỗ Kỳ Long, Sacramento.
- Ô.B BS Dương Quang Lộc, San Jose.
- Ô.B BS Lê Phước Lộc, Van Nuys.
- Ô.B Nguyễn Hữu Lộc, San Diego.
- Ô.B Bửu Lộc, Seafood World, Westm.
- BS Thái Diệu My, Santa Ana.
- Ô.B Anh Minh Supermarket, Westm.
- Ô.B BS Đồng Sĩ Nam, Westminster.
- GĐ Trường Thẩm Mỹ Hằng Nga, West.
- Ô.B BS Nguyễn Kiển Ngọc, West.
- Ô.B Bửu Ngự, Thanh Nhàn, Westm.
- Ô.B BS Trần Nhơn, Westminster.
- Ô.B BS Võ Văn Phác, Long Beach.
- Ô.B John Phan, Internet Travel Inc.
- Ô.B BSNK Hồ Văn Phú, Hawthorne.
- Ô.B Nguyễn Phúc, Catinat Pharmacy & DS Nguyễn Vy Phương & DS Nguyễn Vỹ Hoàng, Westminster.
- Ô.B Lê Sinh, Van Nuys.
- Ô.B BS Trần Tiễn Sum, Los Angeles.
- Ô.B Lê Xương Thắng, Đông Ba Restaurant, Westminster.
- Ô.B BSNK Mai Duy Thắng, San Jose.
- Ô.B BS Vĩnh Thừa, Santa Ana.
- Ô.B BS Phùng Gia Thanh, Westminster.
- Ô.B BS Nguyễn Văn Thuận, Hawth.
- Ô.B BSNK Tôn Thất Thọ, San Jose.
- BSNK Thái Quỳnh Thư, Canoga Park.
- Ô.B DS Hoàng Đình Tuệ, Westminster.
- Ô.B Vĩnh Tung, Garden Grove & Ana Funding, Garden Grove.
- Ô.B BS Võ Văn Tùng & Tam's Pharmacy, Westminster.
- Ô.B BSNK Dương Út, Los Angeles.
- Bà BSNK Ngô Thị Vĩnh, Simi Valley.
- Ô.B BSNK Nguyễn Văn Y, Santa Ana.
- Ô.B BS Đoàn Yến, Los Angeles.

MAGNOLIA MEDICAL IMAGING CENTER, INC.

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN MAGNOLIA

14571 Magnolia St., Suite #101 ❑ Westminster, CA 92683

Tel: (714) 893-1915

Bác Sĩ PHÙNG GIA THANH

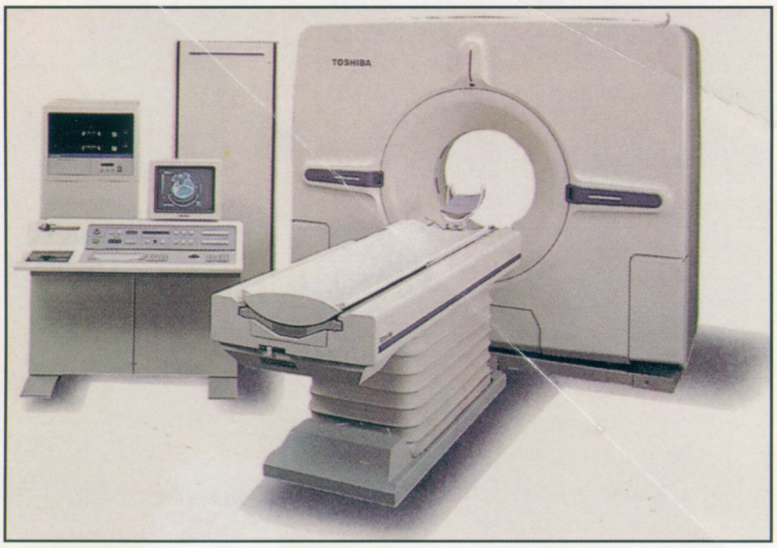

- ❑ X-RAY
- ❑ ULTRASOUND
- ❑ MRI
- ❑ MAMMOGRAPHY
- ❑ CAT SCAN
- ❑ NUCLEAR MEDICINE

CÓ MÁY CAT SCAN TẠI CHỖ

ĐẶC BIỆT

Chụp vú
do nữ chuyên viên
đảm nhiệm

GIỜ MỞ CỬA:
Thứ Hai - Thứ Sáu:
9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy:
9:00 AM - 3:00 PM

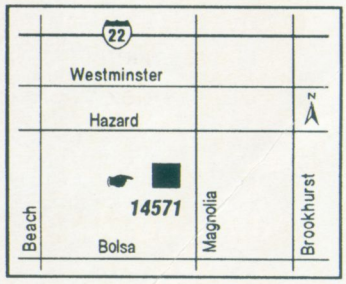

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ ĐOÀN

ROGER A. KANDER, ESQ.

4266 ATLANTIC AVE. ❑ LONG BEACH, CA 90807

(714) 952-3644 ☎ (310) 426-0541

Luật sư Roger A. Kander trên 30 năm kinh nghiệm và danh tiếng, tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như thân chủ Á Châu.

TAI NẠN

ĐẠI HÌNH

1. Phục vụ Tận Tâm.
2. Kết quả Chắc Chắn.
3. Văn phòng sẽ ứng trước mọi phí tổn trong hồ sơ tai nạn.
4. Chỉ nhận lệ phí sau khi hồ sơ được bồi thường.

THƯƠNG MẠI

5. Đã làm trên 30,000 thân chủ vui lòng.
6. Chuyên môn về Bồi thường tất cả mọi loại Tai Nạn, bảo đảm được hài lòng.

Thu Kander